

Các Tông Huấn Của Đức Cố Giáo Hoàng Phanxicô



Vũ Văn An

Thu thập và Chuyển ngữ

1. Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng Amoris Laetitia

Của Đức Thánh Cha Phanxicô Về Tình Yêu Trong Gia Đình

1. Niềm vui yêu thương mà các gia đình vốn cảm nghiệm cũng là niềm vui của Giáo Hội. Như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã ghi nhận, bất chấp mọi dấu hiệu khủng hoảng trong định chế hôn nhân, “ước nguyện kết hôn và tạo lập gia đình vẫn mạnh mẽ, nhất là nơi giới trẻ, và đây là một hứng khởi đối với Giáo Hội” (1). Như một đáp ứng đối với ước nguyện này, “công bố của Kitô Giáo về gia đình quả là một tin vui” (2).

2. Diễn trình Thượng Hội Đồng đã giúp ta khảo sát hoàn cảnh của các gia đình trong thế giới ngày nay, và nhờ thế, có được một viễn kiến bao quát hơn và một ý thức canh tân đối với tầm quan trọng của hôn nhân và gia đình. Sự phức tạp của các vấn đề được đặt ra cho thấy việc cần phải tiếp tục thảo luận cởi mở về một số vấn đề tín lý, luân lý, tâm linh, và mục vụ. Sự suy nghĩ của các mục tử và thần học gia, nếu trung thành với Giáo Hội, trung thực, hiện thực và sáng tạo, sẽ giúp ta đạt được sự rõ ràng hơn. Các cuộc tranh luận đang diễn ra trong truyền thông, trong một số ấn phẩm và ngay cả nơi các thừa tác viên của Giáo Hội thay đổi từ một ước muốn vô độ muốn thay đổi toàn diện không cần suy nghĩ hay tìm cơ sở đầy đủ, tới một thái độ muốn giải quyết mọi điều bằng cách áp dụng các qui luật tổng quát hay rút ra các kết luận quá đáng từ các xem xét thần học đặc thù.

3. Vì “thời gian lớn hơn không gian”, tôi xin minh xác điều này: không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần được giải quyết thanh thỏa bởi các can thiệp của huấn quyền. Việc thống nhất giữa giáo huấn và thực hành chắc chắn là điều cần thiết trong Giáo Hội, nhưng điều này không loại trừ các cách giải thích đa dạng một số khía cạnh của giáo huấn ấy và từ đó rút ra một số hệ quả. Điều này luôn luôn đúng vì Thần Khí hướng dẫn chúng ta hướng về sự thật toàn vẹn (xem Ga 16:13), cho tới khi Người hướng dẫn ta vào mầu nhiệm Chúa Kitô một cách trọn vẹn và giúp ta thấy mọi sự như Người thấy. Hơn nữa, mỗi quốc gia hay mỗi miền có thể tìm các giải pháp tốt hơn, thích hợp đối với văn hóa của họ và nhạy cảm đối với truyền thống và nhu cầu địa phương của họ. Vì “thực sự, các nền văn hóa rất đa dạng và mọi nguyên tắc tổng quát... cần được hội nhập văn hóa, nếu chúng muốn được tôn trọng và áp dụng” (3).

4. Tôi cũng cần phải nói rằng diễn trình Thượng Hội Đồng đã được minh chứng là gây ấn tượng và đầy soi sáng. Tôi biết ơn đối với nhiều đóng góp vốn giúp tôi lượng giá trọn vẹn hơn các vấn đề mà các gia đình khắp thế giới đang phải đối phó. Các can thiệp đa dạng của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, mà tôi rất chú tâm theo dõi, có thể nói, đã tạo ra một viên ngọc đa diện phản ánh nhiều quan tâm chính đáng và các câu hỏi trung thực. Vì lý do này, tôi nghĩ điều thích đáng là soạn thảo một Tông Huấn hậu thượng hội đồng để thu thập các đóng góp của hai Thượng Hội Đồng mới đây về gia đình, trong khi thêm vào đó các xem xét khác

như một trợ cụ để suy nghĩ, đối thoại và thực hành mục vụ, và như một trợ giúp cũng như khuyến khích các gia đình trong các dẫn thân và thách đố hàng ngày của họ.

5. Tông Huấn này đặc biệt hợp thời trong Năm Thánh Thương Xót này. Trước nhất, vì nó thay cho lời mời các gia đình Kitô hữu trân quý các hồng ân hôn nhân và gia đình, và kiên trì trong một tình yêu được tăng cường nhờ các nhân đức đại lượng, dẫn thân, trung tín và kiên nhẫn. Thứ hai, vì nó tìm cách khuyến khích mọi người trở nên dấu chỉ của lòng thương xót và gần gũi nhau bất cứ ở nơi nào đời sống gia đình vẫn còn bất toàn hay thiếu bình an và niềm vui.

6. Tôi sẽ bắt đầu với chương mở đầu được Sách Thánh linh hứng, đề lên sắc khí thích đáng (cho Tông Huấn). Sau đó, tôi sẽ khảo sát hiện trạng các gia đình, nhằm đặt cơ sở vững vàng trên thực tại. Tôi sẽ tiếp tục nhắc lại một số khía cạnh chủ yếu trong giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình, nhờ thế, dọn đường cho hai chương chuyên nói về tình yêu. Sau đó, tôi sẽ làm nổi bật một số phương thức mục vụ có thể hướng dẫn ta trong việc xây dựng các mái ấm vững mạnh và sinh hoa trái theo kế hoạch của Thiên Chúa, với trọn một chương dành cho việc dưỡng dục con cái. Cuối cùng, tôi sẽ đưa ra lời mời gọi thương xót và biện phân mục vụ các hoàn cảnh thiếu sót so với những gì Chúa đòi hỏi nơi chúng ta, và kết luận bằng một thảo luận ngắn về linh đạo gia đình.

7. Vì các kết quả phong phú của diễn trình Thượng Hội Đồng trong hai năm qua, Tông Huấn này sẽ bàn tới rất nhiều vấn đề đa dạng, bằng nhiều cách khác so với diễn trình ấy. Điều này giải thích độ dài không thể tránh được của nó. Do đó, tôi sẽ không khuyên nên đọc bản văn này cách vội vã. Đối với chính các gia đình và những ai dẫn thân vào việc tông đồ gia đình, lợi ích lớn lao nhất sẽ xuất hiện nếu mỗi phần được đọc một cách kiên nhẫn và thận trọng hoặc nếu chú ý tới các phần nói tới các nhu cầu chuyên biệt của họ. Thí dụ, các cặp vợ chồng có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới các chương bốn và năm, còn các thừa tác viên mục vụ có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới chương sáu, trong khi người nào cũng nên cảm thấy như được chương tám thách thức. Tôi hy vọng rằng khi đọc bản văn này, mọi người sẽ cảm nhận được lời mời gọi quý yêu và trân quý cuộc sống gia đình, vì “các gia đình không phải là vấn đề; trước nhất và trên hết, họ là cơ may” (4)

(1). Phiên Hợp Ngoại Lệ Lần Thứ Ba Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Relatio Synodi* (18 Tháng Mười 2014), 2.

(2) Phiên Hợp Thường Lệ Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Relatio Finalis* (24 Tháng Mười 2015), 3.

(3) *Diễn Văn Bế Mạc Phiên Hợp Thường Lệ Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục* (24 Tháng Mười, 2015): *L'Osservatore Romano*, 26-27 Tháng Mười, 2015, tr. 13; Xem

Ủy Ban Giáo Hoàng về *Fede e cultura alla luce della Bibbia. Atti della sessione plenaria 1979 della Pontificia Commissione Biblica*, Turin, 1981; Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 44; Đức Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7 Tháng 12, 1990), 52: AAS 83 (1991), 300; Tông Thư *Evangelii Gaudium* (24 Mười Một, 2013), 69, 117: AAS 105 (2013), 1049, 1068-69.

(4) *Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình tại Santiago de Cuba* (22 tháng Chín, 2015): *L'Osservatore Romano*, 24 Tháng Chín, 2015, tr. 7.

Chương Một: Dưới ánh sáng Lời Chúa

8. Thánh Kinh chứa đầy các gia đình, các vụ sinh sản, các truyện tình và khủng hoảng gia đình. Điều này đúng ngay từ những trang đầu của nó, với việc xuất hiện của gia đình Adam và Eva và gánh nặng bạo động của nó nhưng nó cũng có những điểm mạnh lâu bền (xem St 4), cho tới các trang cuối cùng, nơi chúng ta được chứng kiến tiệc cưới của Cô Dâu và Chiên Con (Kh 21:2,9). Mô tả của Chúa Giêsu về hai căn nhà, một xây trên đá và một xây trên cát (xem Mt 7:24-27) tượng trưng cho bất cứ con số các hoàn cảnh gia đình nào được tạo khuôn bởi việc các thành viên của nó thực thi tự do của họ, vì, như thi sĩ từng viết: “nhà nào có trụ đèn nhà nấy” (5). Ta hãy bước vào một trong những căn nhà này dưới sự hướng dẫn của Thánh Vịnh Gia qua khúc ca ngay cả ngày nay vẫn đang vang lên trong cả hai phụng vụ hôn phối Do Thái và Kitô Giáo:

“Phúc cho mọi kẻ kính sợ Giavê, kẻ đi theo đường lối của Người.
Công khó tay người, người sẽ được hưởng, phúc cho người và may mắn cho người.
Vợ người như cây nho sai quả, ở chốn thâm khuê của nhà người.
Con cái người tựa những chồi cây dầu, chúng vây quanh tất cả bên mâm.
Sẽ được chúc lành như thế đó, con người kính sợ Giavê!
Ước chi tự Sion, Giavê chúc lành cho người,
cho người được thấy phúc của Giêrusalem mọi ngày đời người!
Cho người được thấy cháu chắt của người! Bình an cho Israel!” (Tv 128:1-6)

Người và vợ người

9. Ta hãy bước qua ngưỡng cửa căn nhà thanh tĩnh này, với gia đình họ ngồi quanh bàn ăn thịnh soạn. Ở giữa ta thấy người cha và người mẹ, một cặp vợ chồng với câu truyện tình riêng của họ. Họ là hiện thân của kế hoạch ban sơ của Thiên Chúa, một kế hoạch được chính Chúa Kitô nói tới một cách rõ ràng: “Há các ông không đọc thấy rằng Đấng dựng nên họ ngay từ đầu đã dựng nên họ có nam có nữ đó sao?” (Mt 19:4). Ta nghe thấy tiếng vang vọng của lệnh truyền gặp thấy trong Sách Sáng Thế: “Do đó người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mình mà gắn bó với vợ, và họ sẽ trở nên một thân xác” (St 2:24).

10. Những trang uy nghi đầu tiên của Sách Sáng Thế trình bày cặp nhân bản trong thực tại sâu sắc nhất của họ. Những trang đầu tiên của Thánh Kinh này đưa ra một số câu hết sức rõ ràng. Câu thứ nhất, được Chúa Giêsu diễn giải, nói rằng “Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Người, giống hình ảnh Thiên Chúa, Người đã dựng nên họ; Người dựng nên họ có nam có nữ” (1:27). Điều ngạc nhiên là ở đây “hình ảnh Thiên Chúa” ám chỉ cặp “nam nữ”. Điều này có phải có nghĩa tính dục là một thuộc tính của chính Thiên Chúa, hoặc Thiên Chúa có người bạn đời nữ giới thần thánh, như một số tôn giáo cổ xưa vốn chủ trương không? Câu trả lời dĩ nhiên là không phải. Chúng ta biết Thánh Kinh đã rõ ràng bác bỏ các niềm tin như thế ra sao, coi chúng là ngẫu tượng, tìm thấy nơi người Canaan ở Đất Thánh. Tính siêu việt của Thiên Chúa được duy trì, ấy thế nhưng vì Người cũng là Đấng Tạo Dựng,

nên tính hoa trái của cặp nhân bản là một “hình ảnh” sống động và hữu hiệu, một dấu chỉ hữu hình cho thấy hành vi tạo dựng của Người.

11. Cặp nào biết yêu và sản sinh sự sống đều là hình ảnh chân thực, sống động, chứ không phải ngẫu tượng giống như các ngẫu tượng bằng đá hay bằng vàng vốn bị Mười Giới Răn ngăn cấm; hình ảnh này có khả năng mạc khải Thiên Chúa Hóa Công và Cứu Thế. Vì lý do này, tình yêu sinh hoa trái trở thành một biểu tượng của sự sống nội tâm nơi Thiên Chúa (xem St 1:28; 9:7; 17:2-5, 16; 28:3; 35:11; 48:3-4). Đó là lý do tại sao trình thuật Sáng Thế, theo “truyền thống tư tế”, đã đan kết qua lại với nhiều trình thuật gia phả khác nhau (xem 4:17-22, 25-26; 5; 10; 11:10-32; 25:1-4, 12-17, 19-26; 36). Khả năng sinh sản sự sống của các cặp nhân bản là nẻo đường dọc theo đó, lịch sử cứu rỗi diễn biến. Nhìn cách này, mối liên hệ sinh hoa trái của cặp vợ chồng trở nên một hình ảnh dễ hiểu và mô tả màu nhiệm của chính Thiên Chúa, vì trong viễn kiến Kitô Giáo về Thiên Chúa Ba Ngôi, Thiên Chúa được chiêm ngưỡng như Cha, Con và Thần Khí yêu thương. Thiên Chúa Ba Ngôi là một hiệp thông của tình yêu, và gia đình là sự phản ánh sống động của tình yêu này. Thánh Gioan Phaolô II soi sáng điều này khi ngài nói rằng “Thiên Chúa chúng ta, trong màu nhiệm sâu xa nhất của Người, không cô đơn mà là một gia đình, vì tự trong Người, Người có tư cách cha, tư cách con và yếu tính gia đình, tức tình yêu. Trong gia đình Thiên Chúa, tình yêu này chính là Chúa Thánh Thần” (6). Như thế, gia đình có liên hệ với chính hữu thể của Thiên Chúa (7). Chiều kích Ba Ngôi này tìm được biểu thức trong thần học của Thánh Phaolô, người đã liên hệ cặp vợ chồng với “màu nhiệm” kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (xem Ep 5:21-33).

12. Nói tới hôn nhân, Chúa Giêsu nhắc lại cho chúng ta một trang khác nữa của Sách Sáng Thế; trang ở chương hai này vẽ nên một bức tranh tuyệt diệu và chi tiết về cặp vợ chồng. Trước tiên, ta thấy người đàn ông, người vốn xao xuyến đi tìm “một trợ lực xứng hợp với mình” (các câu 18, 20), đã có thể làm dịu sự cô đơn mà chàng vốn cảm thấy giữa bầy vật và thế giới bao quanh. Nguyên bản Hípri hàm ngụ một cuộc gặp gỡ trực diện, mặt đối mặt, mắt giáp mắt, trong một thứ đối thoại thâm lặng, vì nơi nào có hơi hướm tình yêu, thâm lặng luôn hùng biện hơn lời nói. Đây là một cuộc gặp gỡ có gương mặt, một thứ “thou” (anh/em) phản ánh tình yêu của chính Thiên Chúa và là “sở hữu tươi đẹp nhất” của con người, “một trợ thủ xứng hợp với họ và là một cột trụ chống đỡ”, nói theo ngôn từ của người khôn ngoan trong Thánh Kinh (Hc 36:24). Hay, như người đàn bà của Ca Khúc Salômôn (Diệu Ca) sẽ hát trong lời tỏ tình và hiến thân hồ tương tuyệt diệu của nàng: “Người yêu tôi thuộc về tôi, và tôi thuộc về chàng... Tôi thuộc về người yêu của tôi, và người yêu của tôi thuộc về tôi” (2:16; 6:3).

13. Cuộc gặp gỡ khiến làm nguôi ngoai nỗi cô đơn của con người này làm nảy sinh sự sống mới và tạo lập ra một gia đình. Điều có ý nghĩa là Adam, người cũng là người đàn ông của mọi thời và mọi nơi, cùng với vợ mình, đã khởi sự một gia đình mới. Chúa Giêsu nói tới điều ấy khi trích dẫn câu của Sách Sáng Thế: “người đàn ông sẽ kết hợp với vợ mình, và cả hai sẽ trở nên một thân xác” (Mt 19:5; xem St 2:24). Các hạn từ “kết hợp” hay “bám xiết lấy” như trong nguyên bản Hípri, nói tới sự hòa hợp sâu sắc, một sự gần gũi cả thể lý lẫn nội tâm, đến nỗi nó cũng đã được dùng để mô tả sự kết hợp của ta với Thiên Chúa: “Linh hồn tôi bám xiết

lấy Ngài” (Tv 63:9). Sự kết hợp vợ chồng, do đó, không những chỉ được gọi lên trong chiều kích tính dục và thể xác của nó, mà cả trong việc tự ý hiến thân trong yêu thương nữa. Kết quả của sự kết hợp này là hai người “trở nên một thân xác”, cả trong thể lý lẫn trong việc kết hợp trái tim và cuộc sống của họ, và, sau cùng, trong đứa con, người sẽ chia sẻ “thân xác” của cả hai cha mẹ không chỉ về phương diện di truyền mà cả về phương diện tâm linh nữa.

Con cái người tựa những chồi cây dầu

14. Ta hãy một lần nữa nói tiếp bài ca của Thánh Vịnh Gia. Trong tổ ấm nơi vợ chồng ngồi vào bàn ăn, con cái xuất hiện cạnh họ “như những chồi cây dầu” (Tv 128:3), nghĩa là, đầy năng lực và sức sống. Nếu cha mẹ, theo một nghĩa nào đó, là nền tảng của tổ ấm, thì con cái giống như “những hòn đá sống động” của gia đình (xem 1Pr 2:5). Quả là có ý nghĩa, khi hạn từ xuất hiện nhiều nhất trong Cựu Ước, sau tên Thiên Chúa (*YHWH*, “Chúa Tể”), là “đứa con” (*ben*, “con trai”) một hạn từ rất gần gũi với động từ “xây dựng” (*banah*). Bởi thế, Thánh Vịnh 127, khi nói tới hồng phúc con cái, đã sử dụng một hình ảnh rút ra từ việc xây dựng một căn nhà và đời sống xã hội của các đô thị: “Vĩ thử Yavê không xây nhà, có vất vả xây dựng rồi cũng uổng công... Con cái hẳn là một gia nghiệp do tự Giavê, hoa quả lòng dạ là một phần thưởng. Như nắm tên trong tay binh thiện chiến, những đứa con sinh lúc xuân xanh. Phúc cho người có đầy bao, những mũi tên như thế, họ sẽ không phải xấu hổ khi cùng địch thù tranh luận chốn quyền môn” (Tv 127, 1, 3-5). Những hình ảnh này phản ánh nền văn hóa của xã hội cổ thời, ấy thế nhưng sự hiện diện của con cái là dấu chỉ sự liên tục của gia đình trong suốt lịch sử cứu rỗi, hết đời này tới đời nọ.

15. Cả ở đây nữa, chúng ta cũng có thể thấy một khía cạnh khác của gia đình. Chúng ta biết rằng Tân Ước nói tới “các Giáo Hội tụ họp nhau trong các gia hộ” (xem 1Cr 16:19; Rm 16:5; Cl 4:15; Plm 2). Nơi sinh sống của một gia đình có thể biến thành một Giáo Hội tại gia, một khung cảnh để cử hành Thánh Thể, sự hiện diện của Chúa Kitô ngồi tại bàn ăn của nó. Chúng ta không bao giờ có thể quên được hình ảnh tìm thấy trong Sách Khải Huyền, trong đó, Chúa phán: “Này Ta đã đứng bên cửa và Ta gõ! Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào với nó, và Ta sẽ dùng bữa tối với nó và nó với Ta” (Kh 3:20). Ở đây, ta thấy một căn nhà ngập tràn sự hiện diện của Thiên Chúa, lời cầu nguyện chung và mọi chúc phúc. Đó là ý nghĩa của câu kết luận Thánh Vịnh 128 đã trích trên đây: “Sẽ được chúc lành như thế đó, con người kính sợ Giavê! Ước chi tự Sion, Giavê chúc lành cho người!” (Tv 128:4-5).

16. Thánh Kinh cũng trình bày gia đình như nơi con cái được dưỡng dục trong đức tin. Điều này thấy rất rõ trong lời mô tả việc cử hành Lễ Vượt Qua (xem Xh 12:26-27; Đnl 6:20-25) và sau đó, nó sẽ xuất hiện một cách minh nhiên hơn trong nghi thức *Haggadah* của người Do Thái, tức cuộc đối thoại đi song song với nghi thức ăn Bữa Vượt Qua. Một trong các Thánh Vịnh đã cử hành việc công bố đức tin trong gia đình như sau: “Điều chúng tôi đã nghe biết được, điều tổ tiên đã thuật lại cho chúng tôi, chúng tôi sẽ không giấu diếm với con cái các ngài, chúng tôi sẽ thuật lại cho hậu thế, những lời ca ngợi Giavê và uy lực của Người, những sự lạ Người đã làm ra. Người đã thiết lập chứng tri nơi Giacob, và định luật cho Israel, Người đã truyền cho tổ tiên chúng ta, phải thông tri cho con cháu họ. Ngõ hầu hậu thế am tường,

con cái họ sẽ sinh ra, để chúng đứng lên thuật lại cho con cháu chúng” (Tv 78:3-6). Như thế, gia đình là nơi cha mẹ trở nên các thầy cô đầu tiên về đức tin của con cái. Chúng học “tay nghề” này, rồi truyền thụ tay nghề này hết người này tới người nọ: “Khi tới lúc con trai người hỏi người... Người hãy nói với nó...” (Xh 13:14). Như thế, các thế hệ nối tiếp nhau có thể dâng bài ca của họ lên Chúa: “Trai tráng và cả nữ trinh, lão bô với các nhi đồng!” (Tv 148:12).

17. Cha mẹ có trách nhiệm nặng nề đối với việc giáo dục, như các nhà khôn ngoan của Thánh Kinh thường nhắc nhở chúng ta (xem Cn 3:11-12; 6:20-22; 13:1; 22:15; 23: 13-14; 29:17). Về phần chúng, con cái được kêu gọi chấp nhận và thực hành giới răn: “Hãy thảo kính cha mẹ” (Xh 20:12). Ở đây, động từ “thảo kính” (tôn trọng) có liên hệ tới việc chu toàn các cam kết gia đình và xã hội; không được nại động lực tôn giáo để coi thường các cam kết này (xem Mc 7:11-13). “Kẻ tôn kính cha được xá lỗi lầm, và trọng kính mẹ khác gì tích trữ bảo tàng” (Hc 3:3-4).

18. Tin Mừng tiếp nối để nhắc nhở ta rằng con cái không phải là tài sản của gia đình, nhưng chúng có cuộc sống riêng để sống. Chúa Giêsu là mẫu mực của việc vâng lời cha mẹ trần thế của Người, tự đặt mình dưới quyền của các ngài (xem Lc 2:51), nhưng Người cũng chứng tỏ điều này: các quyết định liên quan tới đời sống của con cái và ơn gọi Kitô hữu của chúng có thể đòi một cách ly vì Nước Thiên Chúa (xem Mt 10:34-37; Lc 9:59-62). Chính Người, lúc 12 tuổi, đã nói với Đức Mẹ và Thánh Giuse rằng Người có một sứ mệnh lớn hơn phải chu toàn bên ngoài gia đình trần thế của Người (xem Lc 2:48-50). Qua cách đó, Người chứng tỏ việc cần phải có những dây liên kết khác, sâu xa hơn ngay bên trong gia đình: “Mẹ tôi và anh em tôi là những ai nghe lời Thiên Chúa và thực hành nó” (Lc 8:21). Cũng thế, trong quan tâm Người tỏ bày với các trẻ nhỏ, tức những người mà các xã hội Cận Đông thời xưa coi như những chủ thể vô quyền, thậm chí chỉ là tài sản của gia đình, Chúa Giêsu tiến xa tới chỗ trình bày các em như các thầy dạy, về phương diện đơn sơ tin tưởng và tự nhiên đối với người khác: “Tôi nói thật với các ông, trừ khi các ông trở nên giống trẻ em, các ông sẽ không bao giờ vào được nước trời. Bất cứ ai khiêm nhường như trẻ nhỏ đều là người lớn hơn hết trong nước trời” (Mt 18:3-4).

Nẻo đường đau khổ và thấm máu

19. Hình ảnh điển viên trình bày trong Thánh Vịnh 128 không có gì xung đột với sự thật đáng đót hơn tìm thấy khắp trong Sách Thánh, tức là, sự hiện diện của đau đớn, sự ác và bạo lực từng phá vỡ các gia đình và sự hiệp thông đời sống và tình yêu của họ. Vì lý do tốt lành, giáo huấn của Chúa Giêsu về hôn nhân (xem Mt 19:3-9) đã được lồng vào cuộc tranh luận về lý dị. Lời Thiên Chúa luôn chứng thực cho chiều kích âm đạm vốn hiện hữu ngay từ đầu này, khi, vì tội lỗi, mối liên hệ yêu thương và trong sạch giữa người đàn ông và người đàn bà bị biến thành không chế: “Người sẽ phải thêm khát chồng người, và chồng người sẽ thống trị người” (St 3:16).

20. Sợi chỉ đau khổ và thấm máu này xuyên suốt rất nhiều trang Sách Thánh, bắt đầu với việc

Cain giết em trai Abel của hắn. Ta đọc thấy những cuộc tranh cãi giữa các con trai và các bà vợ của các tổ phụ Ápraham, Isaác và Giacóp, các thảm kịch và bạo động ghi dấu gia đình Đavít, các vấn đề gia đình phản ánh trong các câu truyện về Tôbia và lời ta thán cay đắng của Gióp: “Anh em tôi, Người đầy xa tôi, người quen biết muốn làm mặt lạ. Thân bằng đã biến sạch, quyến thuộc đã quên tôi... Hơi thở tôi làm vợ tôi lợm giọng, và tôi trở thành hơi thổi trước con cái của chính mẹ tôi” (G 19:13-14, 17).

21. Chính Chúa Giêsu cũng đã sinh ra trong một gia đình tầm thường, mà sau đó không lâu đã phải trốn chạy ra ngoại quốc. Người viếng gia đình Phêrô, có mẹ vợ đang bị đau ốm (xem Mc 1:30-31) và tỏ thiện cảm khi nghe nói đến chết chóc tại nhà Giairô và Ladarô (xem Mc 5:22-24, 35-43; Ga 11:1-44). Người nghe tiếng khóc than tuyệt vọng của bà quả phụ Thành Naim vì đứa con trai đã chết (xem Lc 7:11-15) và lưu ý tới lời van xin của cha đứa trẻ bị động kinh ở một thị trấn nhỏ (Xem Mc 9:17-27). Người tới nhà các viên thu thuế như Máttêu và Giakêu (xem Mt 9:9-13; Lc 19:1-10), và nói chuyện với những người tội lỗi như người đàn bà ở nhà Simong Biệt Phái (xem Lc 36-50). Chúa Giêsu biết các lo lắng và căng thẳng của các gia đình và Người dặt chúng vào các dụ ngôn của Người: những đứa con bỏ nhà đi tìm mạo hiểm (xem Lc 15:11-32), hay những đứa con tỏ ra gây rối (Mt 21:28-31) hoặc làm mồi cho bạo lực (Mc 12:1-9). Người cũng nhạy cảm trước sự bối rối gây ra bởi việc thiếu rượu tại một tiệc cưới (Ga 2:1-10), các khách mời không tới dự tiệc (Mt 22:1-10), và sự lo âu của một gia đình nghèo mất một đồng tiền cắc (Lc 15:8-10).

22. Trong việc ôn duyệt vắn vỏi trên, chúng ta đã có thể thấy điều này: lời của Thiên Chúa không phải là một bộ các ý nghĩ trừu tượng mà đúng hơn là nguồn an ủi và tình đồng hành đối với mọi gia đình đang kinh qua khó khăn hay đau khổ. Vì nó chỉ cho họ thấy mục tiêu cuộc hành trình của họ, khi Thiên Chúa “lau khô mọi nước mắt khỏi mắt họ, và chết chóc không còn nữa, cũng không còn tang chế, khóc than hay đau đớn nữa” (Kh 21:4).

Công khó tay người

23. Ở đầu Thánh Vịnh 128, người cha xuất hiện như một lao công, người đã dùng công khó của đôi tay để duy trì phúc lợi thể lý của gia đình và sự thanh bình của gia đình mình: “Công khó tay người, người sẽ được hưởng, phúc cho người và may mắn cho người” (Tv 128:2). Từ các trang đầu của Sách Thánh, ta đã biết rõ: việc làm là một phần chủ yếu tạo nên nhân phẩm; ở đây, ta đọc thấy: “Thiên Chúa đã đem con người đặt vào vườn Địa Đàng để nó canh tác và trông coi vườn này” (St 2:15). Con người được trình bày như một lao công canh tác trái đất, khai thác sức mạnh của thiên nhiên và làm ra “bánh lăm than đau khổ” (Tv 127:2), ngoài việc vun xới các thiên phú và tài năng của mình.

24. Lao động cũng làm khả hữu việc phát triển xã hội và cung cấp phương tiện sinh sống, sự ổn định và tính sinh hoa trái của gia đình: “Ước chi tự Sion, Chúa chúc lành cho người, cho người được thấy phúc của Giêrusalem mọi ngày đời người! Cho người được thấy cháu chắt của người!” (Tv 128:5-6). Sách Cách Ngôn cũng trình bày lao động của người mẹ bên trong gia đình; công việc hàng ngày của họ được mô tả chi tiết, khiến chồng con khen ngợi (xem

31:10-31). Thánh Tông Đồ Phaolô rất tự hào về việc không thành gánh nặng cho người khác, vì ngài đã làm việc bằng chính đôi tay và tự bảo đảm kế sinh nhai (xem Cv 18:3; 1Cr 4:12; 9:12). Ngài cũng xác tín sự cần thiết phải làm việc đến nỗi đã đặt ra một qui luật nghiêm ngặt cho cộng đoàn của ngài: “ai không làm thì đừng có ăn” (2Tx 3:10; xem 1Tx 4:11).

25. Nói thế rồi, chúng ta có thể lượng giá được sự đau khổ do nạn thất nghiệp và thiếu việc làm đều đặn gây nên, như đã được phản ánh trong Sách Rút, trong dụ ngôn của chính Chúa Giêsu nói về các lao công buộc phải đứng rồi việc ở công trường thị trấn (Mt 20:1-16) và trong kinh nghiệm bản thân gặp gỡ những người chịu cảnh nghèo đói của Người. Đáng buồn thay, những thực tế này hiện vẫn còn tại các quốc gia ngày nay, nơi việc thiếu cơ hội nhân dụng đang gây hại cho sự thanh thản của đời sống gia đình.

26. Chúng ta cũng không thể bỏ qua sự thoái hóa xã hội do tội lỗi đem tới, chẳng hạn, khi con người trở thành bạo chúa đối với thiên nhiên, tàn phá nó một cách ích lý và thậm chí tàn bạo nữa. Điều này dẫn tới việc hoang địa hóa trái đất (xem St 3:17-19) và các bất thăng bằng về xã hội và kinh tế từng bị các tiên tri kết án, bắt đầu với Êlia (xem 1V 21) và đỉnh cao là chính lời lẽ của Chúa Giêsu chống bất công (xem Lc 12:13; 16:1-31).

Sự âu yếm của cái ôm hôn

27. Chúa Kitô đề xuất luật yêu thương và việc hiến thân cho người khác làm dấu chỉ để phân biệt các môn đệ của người (xem Mt 22:39; Ga 13:34). Người làm thế bằng cách tuyên bố một nguyên tắc mà các cha mẹ vẫn thông thường làm chứng bằng chính cuộc sống họ: “không ai có tình yêu nào lớn hơn điều này là hiến mạng sống mình vì bằng hữu” (Ga 15:13). Tình yêu cũng mang hoa trái trong thương xót và tha thứ. Ta thấy điều này một cách đặc biệt trong cảnh người đàn bà bị bắt quả tang đang ngoại tình; ngay trước Đền Thờ, nàng bị các người tố cáo bao vây, nhưng sau đó, chỉ còn lại một mình với Chúa Giêsu, nàng đã không bị kết án mà chỉ được lời khuyên phải sống một cuộc sống tốt đẹp hơn mà thôi (xem Ga 8:1-11).

28. Trước tấm phong yêu thương vốn hết sức chính yếu đối với kinh nghiệm hôn nhân và gia đình Kitô Giáo này, một nhân đức khác đã nổi bật lên, một nhân đức thường bị coi nhẹ trong thế giới liên hệ điên cuồng và hời hợt của chúng ta. Đó là tình âu yếm (tenderness). Ta hãy xem xét các lời lẽ đầy cảm kích của Thánh Vịnh 131. Cũng như ở các bản văn Thánh Kinh khác (thí dụ Xh 4:22; Is 49:15; Tv 27:10), sự kết hợp giữa Chúa và tín hữu của Người được phát biểu bằng những hạn từ tình yêu cha mẹ. Ở đây, ta thấy sự thân mật nâng niu và âu yếm giữa mẹ và con: đó là hình ảnh bé thơ thiếp ngủ trong cánh tay mẹ sau khi được bú mớm. Như hạn từ Hípri *gamûl* gợi ý, bé thơ sau khi được bú đang nín lấy mẹ và mẹ ôm sát em vào lòng. Có một sự gần gũi đầy ý thức chứ không hẳn chỉ có tính sinh học. Dựa vào hình ảnh này, Thánh Vịnh Gia đã hát như sau: “Hồn tôi, tôi đã ru êm dỗ nín, như nhũ tử trong lòng mẹ” (Tv 131:2). Ta cũng có thể nghĩ tới những lời lẽ đầy xúc động mà Tiên Tri Hôsê từng đặt vào môi miệng Thiên Chúa: “Thuở Israel còn là trẻ bé, Ta đã mến thương, ... Ta bồng bế chúng trên cánh tay Ta... Ta lôi kéo chúng, với dây tình người, với thùng chao yêu thương. Với chúng, Ta ở như những người nhắc con dỗ lên tận má mình. Và cúi xuống trên nó, Ta

mớm cho nó ăn” (Hs 11:1, 3-4).

29. Với cái nhìn đức tin và yêu thương, ơn thánh và trung thành, chúng ta đã ngắm nhìn mối tương quan giữa các gia đình nhân bản và Thiên Chúa Ba Ngôi. Lời Thiên Chúa cho ta hay: gia đình đã được ủy thác cho một người đàn ông, một người đàn bà và con cái họ, để họ trở nên một hiệp thông các bản vị theo hình ảnh kết hợp Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Về phần mình, việc sinh sản và dưỡng dục con cái đều đã phản ánh công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Gia đình được kêu gọi kết hợp trong việc cầu nguyện hàng ngày, đọc lời Thiên Chúa và chia sẻ hiệp thông Thánh Thể, và nhờ đó, lớn lên trong yêu thương và mỗi ngày một trọn vẹn trở nên một đền thờ hơn để Chúa Thánh Thần cư ngụ.

30. Mọi gia đình nên nhìn ngắm ảnh Thánh Gia Nadarét. Cuộc sống hàng ngày của Thánh Gia cũng có chung những gánh nặng và thậm chí cả ác mộng nữa như khi các ngài đương đầu với bạo lực khôn nguôi của Hêrốt. Ác mộng sau cùng vừa nói là một trải nghiệm, đáng buồn thay, vẫn đang tiếp tục tác động tới rất nhiều gia đình tỵ nạn; các gia đình này, hiện nay, đang cảm thấy bị bác bỏ và bơ vơ. Giống Ba Vua, các gia đình của chúng ta đang được mời gọi chiêm ngắm Chúa Hài Đồng và Mẹ của Người, cúi đầu và thờ lạy Người (xem Mt 2:11). Giống Đức Maria, họ được yêu cầu can đảm và thanh thản đương đầu với các thách đố của gia đình mình, trong những lúc gian nan cũng như lúc hạnh phúc, và ghi nhớ trong lòng các kỳ công mà Thiên Chúa đã thực hiện (xem Lc 2:19, 51). Điều Đức Mẹ trân quý trong lòng cũng bao gồm các trải nghiệm của các gia đình, các trải nghiệm mà Đức Mẹ rất yêu quý. Vì lý do này, Đức Mẹ có thể giúp chúng ta hiểu ý nghĩa của các trải nghiệm này và lắng nghe sứ điệp mà Thiên Chúa muốn thông truyền qua cuộc sống của các gia đình chúng ta.

(5) Jorge Luis Borges, “Calle Desconocida”, trong *Fervor de Buenos Aires*, Buenos Aires, 2011, 23.

(6) *Bài Giảng Trong Cử Hành Thánh Thể ở Puebla de los Angeles* (28 Tháng Giêng 1979), 2: AAS 71 (1979), 184.

(7) Cf. *ibid.*

Chương Hai: Các trải nghiệm và thách thức của các gia đình

31. Phúc lợi của gia đình có tính quyết định đối với tương lai thế giới và tương lai Giáo Hội. Rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện về hôn nhân và gia đình, các vấn đề và thách thức hiện thời của họ. Ta nên tập chú vào các thực tại cụ thể, vì “lời kêu gọi và các đòi hỏi của Thần Khí vang vọng trong các biến cố của lịch sử”, và qua các biến cố này, “Giáo Hội cũng có thể được dẫn tới một cái hiểu sâu sắc hơn về mầu nhiệm khôn thấu của hôn nhân và gia đình” (8). Ở đây, tôi sẽ không cố gắng trình bày mọi điều có thể nói về gia đình ngày nay. Tuy nhiên, vì các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã khảo sát tình thế các gia đình khắp thế giới, nên tôi coi là thích hợp việc bàn tới một số tầm nhìn mục vụ thấu suốt của các ngài, cùng với các quan tâm từ chính kinh nghiệm của tôi.

Thực tại hiện thời của gia đình

32. “Trung thành với giáo huấn của Chúa Kitô, chúng tôi nhìn vào thực tại của gia đình ngày nay trong mọi tính phức tạp của nó, với cả các điểm sáng lẫn điểm tối của nó... Các thay đổi nhân học và văn hóa thời ta đang ảnh hưởng tới mọi khía cạnh của cuộc sống và đòi hỏi phải có một lối tiếp cận có phân tích và đa dạng hóa” (9). Mấy thập niên trước đây, các giám mục Tây Ban Nha từng ghi nhận rằng các gia đình đã tiến tới chỗ hưởng được một sự tự do lớn hơn “nhờ việc phân phối bốn phận, trách nhiệm và trách vụ cách công bình hơn; quả vậy, “sự nhấn mạnh nhiều hơn tới việc thông đạt có tính bản vị giữa các người phối ngẫu đã giúp làm cho đời sống gia đình trở nên nhân đạo hơn”, trong khi “cả xã hội ngày nay lẫn xã hội chúng ta đang tiến tới đều không cho phép các hình thức và mẫu mực cũ xưa sống sót một cách không phê phán” (10). Điều cũng hiển nhiên là “các khuynh hướng chính trong các thay đổi nhân học và văn hóa” đang dẫn “các cá nhân, trong cuộc sống bản thân và trong cuộc sống gia đình của họ, tới chỗ càng ngày càng tiếp nhận được ít sự trợ giúp hơn so với quá khứ từ các cơ cấu xã hội” (11).

33. Mặt khác, “cũng phải lưu ý như thế tới mối nguy mỗi ngày một lớn do chủ nghĩa duy cá nhân cực đoan đại diện, một chủ nghĩa đang làm suy yếu các mối dây nối kết gia đình và nhiên hậu chỉ coi các thành viên của gia đình như một đơn vị biệt lập, trong một số trường hợp, còn dẫn tới ý nghĩ cho rằng nhân cách của người ta được lên khuôn bởi chính các thèm muốn được coi như tuyệt đối của họ” (12). “Các căng thẳng do nền văn hóa quá duy cá nhân chủ nghĩa gây ra, một nền văn hóa luôn ám ảnh với của cải và khoái lạc, đang dẫn tới sự bất khoan dung và cảnh thù nghịch trong các gia đình” (13). Ở đây, tôi cũng muốn thêm vào đó nhịp sống vội vã, sự căng thẳng và việc tổ chức xã hội và lao động ngày nay, vì tất cả đều là các nhân tố văn hóa chống lại khả năng đưa ra các quyết định vĩnh viễn. Chúng ta cũng gặp sự bất chắc chắn và hàm hồ phổ biến hiện nay. Thí dụ, chúng ta đứng khi trân quý chủ nghĩa nhân vị vì chủ nghĩa này chọn tính chân thực chống lại thái độ chỉ biết sống theo qui ước. Dù việc này có thể cổ vũ tính tự phát cũng như giúp người ta sử dụng năng khiếu của họ một cách tốt đẹp hơn, nhưng nếu bị hướng dẫn sai, nó có thể khuyến khích thái độ ngờ vực khôn cùng, trốn chạy việc dẫn thân, tự giam mình vào tiện nghi, ngạo mạn. Tự do chọn lựa giúp ta

dự phóng được đời mình và vun sỏi được những điều tốt hơn trong ta, nhưng nếu không có các mục tiêu cao thượng cũng như kỷ luật bản thân, nó sẽ thoái hóa, khiến ta bất lực, không thể tự hiến thân một cách quảng đại nữa. Thực vậy, tại nhiều quốc gia nơi con số hôn phối đang giảm dần, số người quyết định sống độc thân hay dành thì giờ cho nhau nhưng không sống chung với nhau, càng ngày càng gia tăng. Chúng ta cũng có thể nhấn mạnh tới việc quan tâm tới công lý rất đáng khâm phục; nhưng, nếu bị hiểu sai, quan tâm này có thể biến các công dân thành các khách hàng chỉ biết quan tâm đến việc được cung cấp các dịch vụ mà thôi.

34. Khi các nhân tố trên ảnh hưởng tới cái hiểu của chúng ta về gia đình, thì gia đình có thể tự biến thành một nơi quá giang, để ta chạy tới khi thấy thuận tiện, hoặc là nơi để ta tới đòi hỏi quyền lợi, còn các mối dây liên kết thì được phó mặc cho tính bấp bênh dễ thay đổi của thêm muốn và hoàn cảnh. Ngày nay, xét cho cùng, người ta rất dễ lẫn lộn tự do chân chính với ý nghĩ cho rằng mỗi người được phán đoán là tốt điều xem ra là tốt đối với họ; như thế, ngoài các cá nhân ra, không còn chi là sự thật, là giá trị, là nguyên tắc để hướng dẫn ta nữa, như thể thấy đều như nhau, và bất kể là điều gì, cũng phải làm được và được phép làm. Trong ngữ cảnh này, lý tưởng hôn nhân, với sự cam kết độc chiếm và bền vững của nó, kết cục sẽ bị gạt sang một bên, bất cứ khi nào tỏ ra bất tiện hay gây mệt mỏi. Người ta sợ sự cô độc, họ muốn có một môi trường che chở và trung thành, nhưng đồng thời lại khuếch đại nỗi sợ phải sa vào một mối liên hệ có thể ngăn cản việc thể hiện các khát vọng bản thân.

35. Là các Kitô hữu, chúng ta khó có thể ngưng, không cổ vũ hôn nhân, chỉ để tránh đụng chạm tới các nhạy cảm hiện thời, hoặc vì muốn hợp thời thượng hoặc vì cảm thấy bất lực trước các thất bại nhân bản và luân lý. Làm như thế chúng ta đã tước bỏ cả một thế giới giá trị mà chúng ta vốn có thể và phải cung ứng. Đã đành, chỉ biết tố cáo các cái xấu hiện thời như thể ta chẳng thay đổi được gì là điều vô nghĩa. Cũng chẳng ích lợi gì khi cố gắng áp đặt các qui luật chỉ bằng thẩm quyền của mình mà thôi. Điều cần là chúng ta phải ra sức một cách có trách nhiệm và quảng đại hơn trong việc trình bày các lý lẽ và nguyên động lực cho việc quyết định kết hôn và lập gia đình, và nhờ cách này, giúp các người nam nữ đáp ứng ơn thánh mà Thiên Chúa cung ứng cho họ một cách tốt đẹp hơn.

36. Chúng ta cũng cần phải khiêm tốn và hiện thực, thừa nhận rằng có lúc, cung cách ta trình bày các niềm tin Kitô Giáo và việc cư xử với người khác chỉ giúp làm gia trọng tình thế đang gây vẩn nạn hiện nay mà thôi. Ta cần liều thuốc tự phê phán mạnh. Rồi, ta còn hay trình bày hôn nhân (tệ đến nỗi) khiến cho ý nghĩa nên một của nó, lời mời gọi lớn lên trong yêu thương của nó và lý tưởng trợ giúp nhau của nó bị che khuất bởi việc hầu như chỉ chuyên chú nhấn mạnh tới nhiệm vụ truyền sinh. Ta cũng đã không luôn cung cấp được sự hướng dẫn vững chắc cho những cặp vợ chồng trẻ, hiểu biết thời khóa biểu của họ, cách suy nghĩ và các quan tâm cụ thể của họ. Có lúc, ta cũng đã đề xuất một lý tưởng thần học về hôn nhân quá trừu tượng và gần như giả tạo, quá xa rời các hoàn cảnh cụ thể và các khả thể thực tế của các gia đình đích thực. Việc lý tưởng hóa thái quá này, nhất là khi ta thất bại trong việc gây hứng cho lòng tín thác vào ơn thánh Chúa, không giúp làm cho hôn nhân trở thành đáng ước muốn và lôi cuốn hơn, nhưng trở thành điều trái ngược hẳn.

37. Từ lâu chúng ta vốn nghĩ rằng chỉ bằng cách nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, sinh học và luân lý, không cần phải khuyến khích sự cởi mở với ơn thánh, ta đã đang cung cấp cho các gia đình sự trợ giúp thỏa đáng, củng cố dây hôn phối và đem lại ý nghĩa cho đời sống vợ chồng rồi. Ta thấy khó có thể trình bày hôn nhân như con đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân hơn là một gánh nặng suốt đời. Ta cũng thấy khó có thể dành chỗ cho lương tâm tín hữu, những người thường hết mình đáp ứng Tin Mừng, bất chấp các hạn chế bản thân, và có khả năng thực hiện sự biện phân về chính họ trong các hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng.

38. Ta phải biết ơn khi phần lớn người ta còn trân quý các mối liên hệ gia đình vĩnh viễn và có đặc điểm tôn trọng lẫn nhau. Họ biết đánh giá các cố gắng của Giáo Hội nhằm cung ứng sự hướng dẫn và huấn đạo trong các lãnh vực liên hệ tới việc lớn mạnh trong tình yêu, thắng vượt tranh chấp và dưỡng dục con cái. Nhiều người được đánh động bởi ơn thánh tiếp nhận nơi bí tích Hòa Giải và Thánh Thể, ơn thánh giúp họ đương đầu với các thách đố hôn nhân và gia đình. Ở một số quốc gia, nhất là ở một số nơi tại Châu Phi, chủ nghĩa duy thể tục vẫn chưa làm suy yếu một số giá trị truyền thống, và các cuộc hôn nhân vẫn tạo nên dây nối kết mạnh mẽ giữa hai đại gia đình, với những cơ cấu được ấn định rõ ràng nhằm xử lý các nan đề và tranh chấp. Ngày nay, ta cũng biết ơn các chứng tá hôn nhân, không những chứng tỏ lâu bền, mà còn sinh hoa trái và đầy yêu thương. Tất cả các nhân tố này có sức gọi hứng cho một phương thức mục vụ tích cực và chào đón, có khả năng giúp các cặp vợ chồng lớn lên trong việc biết trân quý các đòi hỏi của Tin Mừng. Ấy thế nhưng, ta thường hay có tư thế phòng ngự, phí phạm năng lực mục vụ vào việc tố cáo thể giới sa đọa mà không đồng lực trong việc đề ra các cách thể tìm được hạnh phúc đích thực. Nhiều người cảm thấy sứ điệp của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình không phản ánh rõ ràng giáo huấn và các thái độ của Chúa Giêsu, Đấng đã đặt ra một lý tưởng có tính đòi hỏi, nhưng chưa bao giờ bỏ lỡ việc tỏ lòng cảm thương và gần gũi với sự yếu đuối mỏng manh của các cá nhân như người đàn bà Samaria hay người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình.

39. Điều trên không có ý nói rằng ta nên ngưng, không cảnh giác trước sự xuống dốc của văn hóa nữa, một sự xuống dốc khiến người ta không còn cổ vũ tình yêu hay việc tự hiến nữa. Cuộc tham khảo ý kiến diễn ra trước khi có hai Thượng Hội Đồng trước đây cho ta thấy một số triệu chứng khác nhau của “nền văn hóa phù phiếm”. Chẳng hạn, ở đây, tôi nghĩ tới vận tốc độ thay đổi mau chóng của người ta từ mối liên hệ xúc cảm này sang mối liên hệ xúc cảm kia. Theo đường hướng của các mạng lưới xã hội, họ tin rằng tình yêu có thể được nối kết hay tháo gỡ, là tùy ở sở thích của người tiêu thụ, và mối liên hệ mau chóng “bị khóa cứng”. Tôi cũng nghĩ tới các nỗi sợ sệt của người ta khiến họ không dám cam kết vĩnh viễn, tới việc họ bị ám ảnh với thì giờ được tự do và tới các mối liên hệ luôn so đo lợi hại trong việc tránh bị cô đơn, được bảo vệ hay được phục vụ cách nào đó. Chúng ta xử sự với các mối liên hệ xúc cảm theo lối xử lý các đồ vật và môi trường vật chất: mọi sự đều có thể dùng rồi vứt bỏ; mọi người đều dùng rồi liệng bỏ, lấy rồi đập bể, khai thác và vắt cho tới giọt cuối cùng. Rồi, tạm biệt nhé! Tự yêu mình thái quá khiến người ta không còn khả năng nhìn quá con người của họ, quá các thèm muốn và nhu cầu của họ nữa. Ấy thế nhưng, chẳng sớm thì muộn,

những người sử dụng người khác kết cục chính họ sẽ bị sử dụng, thao túng và vứt bỏ bởi cùng một não trạng. Điều cũng đáng lưu ý là: các cuộc tan vỡ thường xảy ra nơi những người cao tuổi chỉ muốn đi tìm một thứ “độc lập” nào đó, chứ không chấp nhận lý tưởng cùng về già với nhau, cùng chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau.

40. “Trong nguy cơ đơn giản hóa thái quá, ta dám cho rằng ta sống trong một nền văn hóa chỉ biết áp lực người trẻ đừng lập gia đình, vì họ thiếu các khả thể đối với tương lai. Ấy thế nhưng, cũng chính nền văn hóa này đã trình bày với nhiều người khác quá nhiều giải pháp đến nỗi cả người này nữa cũng không dám lập gia đình” (14). Ở một số quốc gia, nhiều người trẻ “hoãn việc cưới xin vì các lý do kinh tế, việc làm hay học hành. Một số làm thế vì các lý do khác, như ảnh hưởng của các ý thức hệ vốn hạ giá hôn nhân và gia đình, muốn tránh thất bại của các cặp vợ chồng khác, sợ điều gì đó họ coi là quá quan trọng và thánh thiêng, các cơ hội xã hội và lợi ích kinh tế vốn liên kết với việc chỉ sống chung với nhau, chỉ quan niệm tình yêu về phương diện thuần cảm xúc và thơ mộng, sợ mất tự do và độc lập, và bác bỏ bất cứ điều bị coi là có tính định chế và bần giấy thuần túy” (15). Ta cần tìm ra thứ ngôn ngữ, các luận điểm và hình thức làm chứng đúng đắn có khả năng giúp ta đụng chạm tới tâm hồn giới trẻ, lôi cuốn khả năng đại lượng, dần thân, yêu thương và thậm chí anh hùng của họ nữa, và nhờ cách này, mời gọi họ tiếp nhận thách đố hôn nhân một cách hứng khởi và can đảm.

41. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng “các xu hướng văn hóa trong thế giới ngày nay xem ra không đặt bất cứ giới hạn nào cho cảm giới của người ta”; quả thế, “một cảm giới tự yêu mình thái quá, bất ổn hay dễ thay đổi không luôn giúp người ta trưởng thành”. Các ngài cũng tỏ ý quan tâm tới “việc lan tràn văn hóa khiêu dâm hiện nay và việc thương mại hóa thân xác, vốn cũng được cổ vũ bởi việc lạm dụng liên mạng”, và tới “các hoàn cảnh đáng chê trách trong đó, người ta bắt buộc phải bước vào mãi dâm”. Trong bối cảnh này, “các cặp vợ chồng thường không chắc chắn, do dự và loay hoay tìm cách lớn lên. Nhiều cặp có khuynh hướng ở lý trong các giai đoạn khởi đầu của cuộc sống cảm giới và tính dục của họ. Khủng hoảng trong mối liên hệ vợ chồng sẽ làm gia đình bất ổn và, qua ly thân và ly dị, có thể dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng cho người lớn, cho con cái và cả xã hội như một toàn thể, làm suy yếu các mối dây liên kết cá nhân và xã hội” (16). Các vấn đề vợ chồng “thường được xử lý một cách vội vã, không can đảm kiên nhẫn và suy nghĩ, hy sinh và tha thứ cho nhau. Các thất bại này tạo ra các mối liên hệ mới, các cặp vợ chồng mới, các vụ kết hợp dân sự mới, và các cuộc hôn nhân mới, tạo ra các tình huống gia đình phức tạp và có vấn đề đối với đời sống Kitô hữu” (17).

42. Hơn nữa, “việc suy giảm dân số, vì não trạng chống đối việc có con và được cổ vũ bởi nền chính trị ngừa thai trên thế giới, đã tạo nên không những một tình thế trong đó mối liên hệ giữa các thế hệ không còn được bảo đảm mà cả mối nguy này: với thời gian, việc suy giảm này sẽ dẫn đến cảnh bần cùng hóa kinh tế và mất hết hy vọng vào tương lai. Việc phát triển kỹ thuật sinh học cũng có tác động lớn đối với sinh suất” (18). Thêm vào đó, còn có các nhân tố khác như “kỹ nghệ hóa, cách mạng tình dục, sợ nhân mãn và các vấn nạn kinh tế... Chủ nghĩa duy tiêu thụ cũng khiến người ta không dám có con, chỉ để họ duy trì được một chút tự do hay lối sống nào đó” (19). Lương tâm ngay thẳng của vợ chồng nào biết quảng đại

trong việc truyền sinh có thể dẫn họ, vì các lý do đủ nghiêm túc, tới việc giới hạn số con, ấy thế nhưng “vì phẩm giá của lương tâm này, Giáo Hội mạnh mẽ bác bỏ sự can thiệp cưỡng bức của Nhà Nước đòi người ta phải ngừa thai, triệt sản và thậm chí phá thai” (20). Các biện pháp này không thể chấp nhận được ngay ở những nơi có sinh suất cao, ấy thế nhưng ở các quốc gia có sinh suất thấp đến độ gây bối rối, chúng ta vẫn thấy các chính khách khuyến khích các biện pháp này. Như các giám mục Đại Hàn từng nói, việc này “hành động một cách tự mâu thuẫn và sao lãng bổn phận của mình” (20).

43. Việc suy yếu đức tin và thực hành tôn giáo trong một số xã hội đã gây nhiều hậu quả đối với các gia đình, khiến họ càng bị cô lập hơn khi gặp các khó khăn. Các Nghị Thượng Hội Đồng từng ghi nhận rằng “một triệu chứng của sự nghèo nàn lớn lao trong nền văn hóa hiện thời là sự cô đơn, phát sinh từ việc thiếu vắng Thiên Chúa trong đời sống con người và sự mỏng manh trong các mối liên hệ. Cũng có một cảm thức bất lực tổng quát trước các thực tại tại kinh tế xã hội đôi khi có tác dụng đè bẹp các gia đình... Các gia đình này thường cảm thấy bị bỏ rơi bởi sự thờ ơ và thiếu quan tâm của các định chế. Tác dụng tiêu cực đối với trật tự xã hội khá rõ ràng, như đã thấy trong cuộc khủng hoảng dân số, trong khó khăn nuôi dưỡng con cái, trong do dự chào đón sự sống mới, trong khuynh hướng coi người cao niên như một gánh nặng, và trong việc gia tăng các vấn đề xúc cảm và bùng nổ bạo lực. Nhà Nước có trách nhiệm ban hành các đạo luật và tạo ra việc làm để bảo đảm tương lai cho giới trẻ và giúp họ thể hiện được kế hoạch tạo lập gia đình của họ” (22).

44. Việc thiếu nhà ở xứng đáng và hợp túi tiền thường dẫn tới việc trì hoãn các mối liên hệ chính thức. Cần nhớ rằng “gia đình có quyền có nhà ở xứng đáng, thích hợp cho cuộc sống gia đình và tương xứng với con số thành viên của nó, trong một môi trường thể lý có thể cung cấp các dịch vụ căn bản cho cuộc sống gia đình và cộng đồng” (23). Gia đình và tổ ấm luôn đi đôi với nhau. Điều này giúp ta thấy việc nhấn mạnh tới quyền gia đình chứ không phải chỉ quyền cá nhân là điều quan trọng như thế nào. Gia đình là một thiện ích mà xã hội không thể không có, và nó cần được bảo vệ (24). “Giáo Hội vốn luôn coi việc cổ vũ hôn nhân và gia đình và bảo vệ chúng chống lại những người tấn công chúng là một phần trong sứ mệnh của mình” (25), nhất là ngày nay, khi chúng ít được lưu ý trong các nghị trình chính trị. Các gia đình có quyền “có khả năng trông chờ một chính sách gia đình thoả đáng từ phía các nhà cầm quyền công cộng trong các lãnh vực tư pháp, kinh tế, xã hội và tài chánh” (26). Đôi lúc, nỗi lo âu của các gia đình trở nên bi đát khi, đương đầu với bệnh tật của người thân, họ không có được sự chăm sóc y tế thoả đáng, hay lao đao trong việc tìm được việc làm xứng đáng. “Các hạn chế kinh tế ngăn cản các gia đình tham dự vào giáo dục, các sinh hoạt văn hóa và can dự vào đời sống xã hội. Bằng nhiều cách, tình hình kinh tế hiện nay đang ngăn cản người ta tham dự vào xã hội. Cách riêng, các gia đình chịu nhiều nan đề liên quan tới việc làm, trong đó, giới trẻ có ít khả thể và việc cung ứng việc làm khá lựa lọc và không chắc chắn. Ngày làm việc dài hơn và thường còn trở nên nặng nề do những thời kỳ phải sống xa gia đình dài hơn. Tình thế này không giúp các thành viên trong gia đình tụ họp với nhau hay giúp cha mẹ ở với con cái một cách có thể nuôi dưỡng các mối liên hệ hàng ngày của họ” (27).

45. “Một số lớn trẻ em sinh ngoài hôn nhân, nhiều em sau đó lớn lên chỉ có một trong các cha

mẹ hay trong các gia đình pha trộn hay tái tạo... Việc khai thác tình dục trẻ em là một trong những thực tại tai tiếng và đòi truy nhất của xã hội hiện nay. Các xã hội trải qua bạo lực vì chiến tranh, vì chủ nghĩa khủng bố hay vì sự hiện hữu của tội ác có tổ chức cũng đang chứng kiến nhiều tình huống gia đình thoái hóa, nhất là tại các đô thị lớn, nơi, trong các khu ngoại ô, hiện tượng gọi là trẻ em hè phố đang gia tăng” (28). Việc lạm dụng tình dục trẻ em càng trở nên tai tiếng hơn nữa khi nó diễn ra ở những nơi đáng lý ra chúng phải được bảo vệ, đặc biệt, trong gia đình, ở trường học và trong các cộng đồng và định chế Kitô Giáo (29).

46. “Di dân là một dấu chỉ thời đại khác cần phải đương đầu và hiểu biết, với tất cả các hậu quả tiêu cực của nó đối với cuộc sống gia đình” (30). Thượng Hội Đồng mới đây đã làm ta lưu ý tới vấn đề này, khi ghi nhận rằng “bằng nhiều cách, việc di dân đang ảnh hưởng tới toàn bộ dân số thuộc nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Giáo Hội vốn đóng một vai trò hàng đầu trong lãnh vực này. Ngày nay, việc duy trì và mở rộng chứng tá Tin Mừng này (xem Mt 25:35) đang khẩn thiết hơn bao giờ hết... Có thể minh chứng tính di động của con người, một tính vốn tương ứng với việc di chuyển tự nhiên của các dân tộc trong lịch sử, là một sự phong phú chân chính, đối với cả các gia đình di dân lẫn xứ sở tiếp đón họ. Nhưng việc gia đình bị cưỡng ép di dân lại là một chuyện khác, khi phát sinh từ các tình huống chiến tranh, bách hại, nghèo khổ, bất công, đầy những thăng trầm của một cuộc hành trình đôi lúc lâm nguy tới chính mạng sống, gây chấn thương cho các cá nhân và làm bất ổn các gia đình. Việc đồng hành với các di dân đòi phải có một nền mục vụ chuyên biệt dành cho các gia đình đang di dân, nhưng cũng dành cho các thành viên của gia đình còn ở lại nguyên quán. Việc này phải được thực hiện song song với việc tôn trọng nền văn hóa của họ, việc đào tạo tôn giáo và nhân bản của nơi họ phát xuất, sự phong phú tâm linh trong các nghi lễ và truyền thống của họ, dù là với một nền mục vụ chuyên biệt... Việc di dân đặc biệt bi thảm và phá hoại đối với các gia đình và các cá nhân khi nó diễn ra cách bất hợp pháp và được trợ giúp bởi các mạng lưới buôn người quốc tế. Ta cũng có thể nói như thế về các phụ nữ và trẻ em không có người đi theo, buộc phải ở lâu tại các nơi tạm cư, các trại tỵ nạn, nơi không thể có việc khởi đầu diễn trình hội nhập. Cảnh nghèo cùng cực và các tình huống khác của việc tản cư đôi lúc còn dẫn các gia đình tới chỗ bán con cho điếm hoặc cho việc buôn bán bộ phận người” (31). “Việc bách hại các Kitô hữu tại nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại Trung Đông, hiện là những thử thách lớn lao: không những đối với Giáo Hội, mà còn đối với toàn thể cộng đồng quốc tế nữa. Phải khuyến khích mọi cố gắng, cả trong bình diện thực tế, nhằm trợ giúp các gia đình và cộng đồng Kitô Giáo ở lại các nước nguyên quán của họ” (32).

47. Các Nghị Phụ cũng đã kêu gọi phải đặc biệt chú ý tới “các gia đình có các thành viên có nhu cầu đặc biệt, nơi thách đố bất ngờ phải đương đầu với một khuyết tật có thể phá vỡ thế quân bình, các ước nguyện và hoài mong của gia đình... Những gia đình nào biết yêu thương chấp nhận một đứa con khuyết tật đáng được ta hết lời ca ngợi. Họ đem lại cho Giáo Hội và xã hội một chứng tá quý giá về lòng trung thành đối với ơn phúc sự sống. Cùng với cộng đồng Kitô hữu, gia đình sẽ khám phá ra nhiều cử chỉ và ngôn từ mới, những cách hiểu và nhận diện mới, trong hành trình chào đón và chăm sóc mẫu nhiệm yếu đuối mỏng manh. Người khuyết tật đem lại cho gia đình một ơn phúc và một dịp may để phát triển yêu thương, giúp đỡ nhau và hợp nhất với nhau... Gia đình nào biết dùng niềm kiến đức tin để tiếp nhận sự hiện diện

của những người khuyết tật sẽ biết nhìn nhận và bảo đảm phẩm chất và giá trị của mọi sự sống, với các nhu cầu, quyền lợi và cơ hội của nó. Phương thức này sẽ cổ vũ việc chăm sóc và phục vụ cho người kém may mắn, và khuyến khích người ta xích lại gần họ, tỏ tình âu yếm ở mọi giai đoạn của cuộc sống họ” (33). Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng sự tận tụy và quan tâm đối với các di dân và những người có nhu cầu đặc biệt đều là dấu hiệu của Thần Khí. Cả hai hoàn cảnh này đều có tính điển hình: chúng được dùng để thử nghiệm cam kết tỏ lòng thương xót của ta trong việc chào đón người khác và giúp những người yếu thế trở nên các thành phần trọn vẹn của cộng đồng ta.

48. Phần lớn các gia đình biểu lộ được lòng tôn kính đối với các vị cao niên, bảo bọc các ngài bằng tình âu yếm và coi các ngài như một ơn phúc. Ta phải đánh giá cao các hiệp hội và các phong trào gia đình biết làm việc vì lợi ích của người cao niên, trong cả hai chiều kích thiêng liêng và xã hội... Trong các xã hội đã kỹ nghệ hóa cao, nơi các ngài đang gia tăng về con số trong khi sinh suất giảm, có nguy cơ các ngài bị coi như một gánh nặng. Đáng khác, sự săn sóc mà các ngài đòi hỏi thường gây ra nhiều thử thách cam go thực sự cho những kẻ thân yêu của các ngài” (34). “Ngày nay, việc chăm sóc và quan tâm tới giai đoạn cuối đời càng cần thiết hơn bao giờ hết, khi người ta bị cám dỗ muốn dùng mọi cách loại bỏ giây phút lâm chung. Sự yếu đuối và lệ thuộc của người cao niên đang bị cái lợi hoàn toàn về kinh tế khai thác một cách bất chính. Nhiều gia đình đang cho chúng ta thấy rằng chúng ta có thể tiếp cận giai đoạn cuối cùng của sự sống bằng cách nhấn mạnh tới sự quan trọng trong cảm thức của người ta về việc họ đã chu toàn và nay có thể hòa nhập trọn cuộc hiện sinh của họ vào mẫu nhiệm vượt qua. Đa số người cao niên đang được đón tiếp vào các cơ sở của Giáo Hội nơi họ có thể sống trong một bầu không khí thanh thản và giống như ở gia đình về cả mặt vật chất lẫn tinh thần. An tử và trợ giúp tự sát đang đặt ra nhiều đe dọa trầm trọng cho các gia đình khắp thế giới. Tại nhiều quốc gia, việc thực hành này nay đã thành hợp pháp. Dù cực lực phản đối các thực hành này, Giáo Hội vẫn cảm thấy có bổn phận phải giúp đỡ các gia đình đang chăm sóc người cao niên và các thành viên yếu ớt của họ” (35)

49. Ở đây, tôi cũng muốn nhắc đến hoàn cảnh các gia đình đang sống trong cảnh nghèo cùng cực và bị giới hạn lớn lao. Các vấn đề mà các gia đình nghèo phải đương đầu thường càng có tính thử thách hơn (36). Thí dụ, nếu một bà mẹ đơn chiếc phải tự nuôi dưỡng một đứa con và cần phải để đứa con ở nhà một mình để đi làm, thì đứa con có thể lớn lên chịu đủ mọi loại nguy hiểm và trở ngại đối với việc tăng triển bản thân. Trong những hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn như thế, Giáo Hội phải đặc biệt quan tâm để cung ứng sự hiểu biết, an ủi và chấp nhận, hơn là thẳng thừng áp đặt cả một loạt qui luật chỉ khiến người ta cảm thấy bị phán xử và bỏ rơi bởi chính Người Mẹ vốn được kêu gọi biểu lộ với họ lòng thương xót của Thiên Chúa. Thay vì cung ứng sức mạnh chữa lành của ơn thánh và ánh sáng của sứ điệp Tin Mừng, một số người lại “nhồi sọ” sứ điệp này, biến nó thành “những viên đá chết dùng để ném người khác” (37).

Một số thách đố

50. Các bản trả lời cho các cuộc tham khảo trước hai Thượng Hội Đồng đề cập tới hàng loạt

hoàn cảnh đa dạng và các thách đố mới do các hoàn cảnh này đặt ra. Thêm vào các điều đã được nhắc đến, nhiều câu trả lời nhấn mạnh các vấn đề liên quan tới việc dưỡng dục con cái. Trong nhiều trường hợp, cha mẹ về nhà mệt mỏi, không muốn nói, và nhiều gia đình đến chia sẻ bữa cơm chung cũng không còn nữa. Sao lãng liên miên, trong đó có việc ghiền truyền hình. Điều này càng làm cha mẹ khó lòng truyền thụ được đức tin cho con cái. Các câu trả lời khác đề cập tới hậu quả của căng thẳng trầm trọng đối với các gia đình; họ thường phải lo lắng nhiều tới việc bảo đảm tương lai hơn là vui hưởng hiện tại. Đây là một vấn đề văn hóa rộng lớn hơn, bị làm cho trầm trọng hơn bởi nỗi sợ không có việc làm đều đặn, các vấn đề tài chính và tương lai con cái.

51. Sử dụng ma túy cũng được nhắc tới như là một trong các tai họa của thời đại ta, gây nên đau khổ mệnh mông và cả việc tan nát cho nhiều gia đình. Điều này cũng đúng đối với nạn rượu chè, bài bạc và các hình thức nghiện ngập khác. Gia đình có thể là nơi những tệ nạn đó được ngăn ngừa và lướt thắng, nhưng xã hội và chính trị không nhận ra điều này: các gia đình lâm nguy “không còn khả năng hành động để trợ giúp các thành viên của họ... Chúng tôi thấy các hậu quả nghiêm trọng của sự đổ vỡ trong các gia đình bị tan nát này, người trẻ bị búng gốc, người già bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cha mẹ, thiếu niên và thanh niên bối rối và không được nâng đỡ” (38). Như các giám mục Mỹ Tây Cơ đã chỉ ra, bạo lực bên trong gia đình phát sinh ra nhiều hình thức mới cho việc gây hấn xã hội, vì “các mối liên hệ gia đình cũng có thể giải thích khuynh hướng bạo động trong nhân cách người ta. Đây thường là trường hợp các gia đình thiếu thông đạt, trong đó, các thái độ phòng ngự luôn trôi vượt, các thành viên không nâng đỡ nhau, các sinh hoạt gia đình nhằm khuyến khích sự tham gia không có, mối liên hệ của cha mẹ thường có đặc điểm tranh chấp và bạo động, và mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái có đặc điểm thù nghịch. Bạo động bên trong gia đình là mảnh đất phát sinh oán hận và thù ghét trong các mối liên hệ căn bản nhất của con người” (39).

52. Không ai nghĩ rằng việc suy yếu của gia đình như một xã hội tự nhiên được thiết lập trên hôn nhân lại có lợi cho xã hội như một toàn thể. Điều ngược lại mới đúng: nó đặt ra một mối đe dọa đối với việc trưởng thành của các cá nhân, việc vun sới các giá trị cộng đồng và tiến bộ luân lý của các đô thị và quốc gia. Hiện người ta không hiểu ra điều này: chỉ có sự kết hợp độc chiếm và bất khả tiêu giữa một người đàn ông và một người đàn bà mới có vai trò đầy đủ để đóng trong xã hội như là một cam kết vững bền sẽ sinh hoa trái nơi sự sống mới. Ta cần nhìn nhận tính đa dạng trong các hoàn cảnh gia đình, sự đa dạng này vẫn có thể cung ứng một sự ổn định nào đó, nhưng các cuộc kết hợp *de facto* (trên thực tế) hay đồng tính, chẳng hạn, không thể đơn giản ngang hàng với hôn nhân. Không cuộc kết hợp tạm bợ hay không nhằm truyền sinh nào có thể bảo đảm tương lai cho xã hội. Nhưng hiện nay, ai là người cố gắng củng cố hôn nhân, giúp các cặp vợ chồng vượt qua các vấn đề của họ, trợ giúp họ trong việc dưỡng dục con cái và, nói chung, khuyến khích sự bền vững của dây hôn phối?

53. “Một số xã hội vẫn còn duy trì tập quán đa hôn; tại nhiều nơi khác, các cuộc hôn nhân sắp đặt vẫn còn được thực hành... Tại nhiều nơi, không chỉ ở Tây Phương, tập tục sống chung với nhau trước khi cưới nhau khá phổ biến, cũng như hình thức sống chung với nhau không hề có ý định kết hôn” (40). Tại nhiều quốc gia, luật lệ đang làm dễ hàng loạt các hình thức càng

ngày càng nhân bội nhằm thay thế cho hôn nhân, kết quả là: hôn nhân với các đặc tính độc chiếm, bất khả tiêu và chào đón sự sống của nó, bị coi như một chọn lựa cổ lỗ và lỗi thời. Nhiều quốc gia đang chứng kiến việc dùng luật pháp để tháo bỏ gia đình, hướng tới việc tiếp nhận các mẫu mực gần như hoàn toàn dựa vào sự tự lập của ý chí cá nhân. Đã đành là hợp pháp và đúng đắn khi bác bỏ các hình thức gia đình truyền thống cổ xưa có đặc điểm độc tài và thậm chí bạo động, ấy thế nhưng việc này không nên dẫn người ta tới chỗ miệt thị chính hôn nhân, mà đúng hơn, tới chỗ khám phá lại ý nghĩa chân chính của nó cũng như các cạnh tân của nó. Sức mạnh của gia đình “hệ ở khả năng yêu thương và truyền dạy yêu thương của nó. Bất chấp các vấn đề của nó, gia đình vẫn luôn có thể phát triển, khởi đầu với tình yêu” (41).

54. Trong cái nhìn tổng quát vấn đề này, tôi muốn nhấn mạnh sự kiện này: dù nhiều tiến bộ đã thực hiện được liên quan tới việc nhìn nhận nữ quyền và việc tham dự của họ vào đời sống công cộng, ở một số quốc gia, vẫn còn nhiều việc phải làm để cổ vũ các quyền này. Các tập quán không thể nào chấp nhận được vẫn còn cần được loại trừ. Tôi đặc biệt nghĩ tới việc đối xử tàn tệ đáng xấu hổ mà các phụ nữ đôi khi vẫn phải chịu: bạo lực gia đình và nhiều hình thức nô dịch khác nhau, thay vì để chứng tỏ quyền lực nam giới, thì thực ra chỉ là những hành vi hèn nhát đê tiện. Bạo lực ngôn từ, thể lý và tính dục mà phụ nữ gánh chịu trong một số cuộc hôn nhân mâu thuẫn với chính bản chất của kết hợp vợ chồng. Tôi nghĩ tới việc đáng trách cắt bỏ cơ quan sinh dục của phụ nữ ở một số nền văn hóa, nhưng cũng nghĩ tới việc thiếu công bình trong việc có việc làm xứng đáng và các vai trò đưa ra quyết định. Lịch sử nặng trĩu các quá trớn trong các nền văn hóa có tính tổ phụ vốn coi phụ nữ là thấp kém, ấy thế nhưng, trong chính thời đại ta, ta vẫn không thể xem thường việc sử dụng các bà mẹ đẻ giùm và “việc khai thác và thương mại hóa thân xác phụ nữ trong nền văn hóa truyền thông hiện thời” (42). Có những người tin rằng nhiều vấn đề ngày nay phát sinh là do việc giải phóng phụ nữ. Tuy nhiên, luận điểm này vô giá trị, “nó sai lầm, không đúng, một hình thức bá quyền (chauvinism) nam giới” (43). Phẩm giá bình đẳng của đàn ông đàn bà làm ta hân hoan thấy các hình thức kỳ thị ngày xưa biến mất, và bên trong các gia đình, tính hồ tương mỗi ngày mỗi tăng tiến. Nếu một số hình thức của chủ nghĩa duy nữ đã phát sinh mà ta buộc phải coi là không thỏa đáng, thì trái lại, ta phải nhìn ra công trình của Thần Khí trong các phong trào phụ nữ nhằm thừa nhận rõ ràng hơn phẩm giá và quyền lợi của phụ nữ.

55. Người đàn ông “đóng một vai trò có tính quyết định ngang nhau trong đời sống gia đình, nhất là liên quan tới việc che chở và nâng đỡ vợ con... Nhiều người đàn ông ý thức được sự quan trọng của vai trò họ trong gia đình và sống nam tính của họ theo đó. Việc vắng bóng người cha ảnh hưởng trầm trọng tới cuộc sống gia đình và việc dưỡng dục con cái cũng như việc hội nhập chúng vào xã hội. Việc vắng bóng có thể là thể lý, xúc cảm, tâm lý và tâm linh này lấy mất khỏi đứa con khuôn mặt người cha thích đáng” (44).

56. Ấy thế nhưng, một thách đố khác nữa đã được đặt ra do nhiều hình thức khác nhau của ý thức hệ phái tính nhằm “bác bỏ sự dị biệt và hồ tương trong bản chất người đàn ông và người đàn bà và vạch ra một xã hội không có dị biệt giới tính, do đó, loại bỏ căn bản nhân học của gia đình. Ý thức hệ này dẫn tới nhiều chương trình giáo dục và đạo luật nhằm cổ vũ một bản

sắc bản thân và một sự thân mật xúc cảm hoàn toàn tách biệt với sự dị biệt sinh học giữa nam và nữ. Hậu quả là: bản sắc con người trở thành sự chọn lựa của cá nhân, một sự chọn lựa cũng có thể thay đổi với thời gian” (45). Quả là một nguồn gây lo ngại khi một số ý thức hệ thuộc loại này, trong lúc tìm cách đáp ứng các khát vọng đôi khi có thể hiểu được, đã dám tự coi mình là tuyệt đối và không thể bị tra hỏi, thậm chí còn ra lệnh phải dưỡng dục các trẻ em ra sao. Cần phải nhấn mạnh rằng “người ta có thể phân biệt nhưng không được tách biệt giữa giới tính sinh học và vai trò văn hóa xã hội của giới tính (phái tính)” (46). Đáng khác, “cuộc cách mạng kỹ thuật trong lãnh vực sinh sản nhân bản đã đem lại khả năng thao túng được hành vi sinh sản, làm nó thành độc lập đối với mối liên hệ tính dục giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Qua cách này, sự sống nhân bản và việc làm cha mẹ đã trở thành các thực tại tháo rời (modular) và tách biệt được, chủ yếu tùy thuộc ý muốn của các cá nhân hay các cặp vợ chồng” (47). Thông cảm sự yếu đuối của con người và các phức tạp của sự sống là một chuyện, và chấp nhận các ý thức hệ mưu toan tách biệt những điều vốn là các khía cạnh không thể tách biệt của thực tại lại là một chuyện khác. Ta đừng sa vào tội muốn thay thế Đấng Tạo Hóa. Chúng ta là tạo vật, chứ không toàn năng. Tạo thế có trước chúng ta và phải được tiếp nhận như một ân ban. Đồng thời, ta được kêu gọi bảo vệ nhân tính của ta, và điều này trước nhất có nghĩa: chấp nhận nó và tôn trọng nó như nó đã được tạo dựng.

57. Tôi tạ ơn Thiên Chúa vì nhiều gia đình, dù không hề tự coi mình hoàn hảo, vẫn đã sống trong yêu thương, chu toàn ơn gọi của họ và nhất quyết tiến về phía trước, bất kể sai phạm nhiều lần dọc hành trình này. Các suy nghĩ của Thượng Hội Đồng cho ta thấy: không hề có tiên mẫu (stereotype) gia đình lý tưởng, mà đúng hơn là bức tranh ghép đầy thách thức gồm rất nhiều thực tại khác nhau, với đủ niềm vui, hy vọng lẫn nan đề. Các hoàn cảnh được chúng ta quan tâm thấy đều là thách đố. Chúng ta đừng để mình bị vây cứng vào vòng phí phạm năng lực cho những than vãn ai oán, mà đúng hơn, nên tìm những hình thức truyền giáo sáng tạo mới mẻ. Trong mọi hoàn cảnh tự chúng xuất hiện, “Giáo Hội đều ý thức được việc cần phải đem lại lời sự thật và hy vọng... Các giá trị lớn lao của hôn nhân và gia đình Kitô Giáo đều tương hợp với khát vọng vốn là thành phần trong hiện sinh con người” (48). Nếu ta thấy bất cứ số lượng vấn đề nào, thì, như các giám mục Colombia từng nói, các vấn đề này nên là những lời mời ta “làm sống lại niềm hy vọng của mình và biến nó thành nguồn viên kiến tiên tri, nguồn hành động biến đổi và hình thức sáng tạo bác ái” (49).

(8) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio*, (22 tháng 11, 1981), 4: AAS 74 (1982), 84.

(9) *Relatio Synodi* 2014, 5.

(10) Hội Đồng Giám Mục Tây Ban Nha, *Matrimonio y familia* (6 tháng 7, 1979), 3, 16, 23.

(11) *Relatio Finalis* 2015, 5.

(12) *Relatio Synodi* 2014, 5.

(13) *Relatio Finalis* 2015, 8.

(14) *Diễn Văn Trước Quốc Hội Hoa Kỳ* (24 tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 26 tháng 9, 2015, p. 7.

(15) *Relatio Finalis* 2015, 29.

- (16) *Relatio Synodi* 2014, 10.
- (17) Phiên Toàn Thể Ngoại Thường Thứ Ba Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Sứ Điệp*, 18 tháng 10, 2014.
- (18) *Relatio Synodi* 2014, 10.
- (19) *Relatio Finalis* 2015, 7.
- (20) *Ibid.*, 63.
- (21) Hội Đồng Giám Mục Đại Hàn, *Towards a Culture of Life!* (15 tháng 3, 2007), 2.
- (22) *Relatio Synodi* 2014, 6.
- (23) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Charter of the Rights of the Family* (22 tháng 10, 1983), Art. 11.
- (24) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 11-12.
- (25) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Charter of the Rights of the Family* (22 tháng 10, 1983), Dẫn Nhập.
- (26) *Ibid.*, 9.
- (27) *Relatio Finalis* 2015, 14.
- (28) *Relatio Synodi* 2014, 8.
- (29) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 78.
- (30) *Relatio Synodi* 2014, 8.
- (31) *Relatio Finalis* 2015, 23; cf. *Sứ Điệp Ngày Di Dân Và Tỵ Nạn Thế Giới 17 Tháng Giêng 2016* (12 tháng 9, 2015), *L'Osservatore Romano*, 2 tháng 10, 2015, p. 8.
- (32) *Relatio Finalis* 2015, 24.
- (33) *Ibid.*, 21.
- (34) *Ibid.*, 17.
- (35) *Ibid.*, 20.
- (36) Cf. *ibid.*, 15.
- (37) *Diễn Văn Bế Mạc Phiên Toàn Thể Thường Lệ Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục* (24 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 26-27 tháng 10, 2015, p. 13.
- (38) Hội Đồng Giám Mục Á Căn Đình, *Navega mar adentro*, (31 tháng 5, 2003), 42.
- (39) Hội Đồng Giám Mục Mỹ Tây Cơ, *Que en Cristo Nuestra Paz México tenga vida digna* (15 tháng 2, 2009), 67.
- (40) *Relatio Finalis* 2015, 25
- (41) *Ibid.*, 10.
- (42) Bài Giáo Lý (22 tháng 4, 2015): *L'Osservatore Romano*, 23 tháng 4, 2015, p. 7.
- (43) Bài Giáo Lý (29 tháng 4, 2015): *L'Osservatore Romano*, 30 tháng 4, 2015, p. 8.
- (44) *Relatio Finalis* 2015, 28
- (45) *Ibid.*, 8.
- (46) *Ibid.*, 58.
- (47) *Ibid.*, 33.
- (48) *Relatio Synodi* 2014, 11.
- (49) Hội Đồng Giám Mục Colombia, *A tiempos difíciles, colombianos nuevos* (13 tháng 2, 2003), 3.

Chương Ba: Nhìn lên Chúa Giêsu: ơn gọi của gia đình

58. Trong và giữa các gia đình, sứ điệp Tin Mừng luôn phải được vang lên; cốt lõi sứ điệp này, tức sơ truyền (kerygma), là điều “tươi đẹp nhất, xuất sắc nhất, lôi cuốn nhất và đồng thời cần thiết nhất” (50). Sứ điệp này “phải chiếm trung tâm mọi hoạt động phúc âm hóa” (51). Nó là lời tuyên xưng đầu tiên và quan trọng nhất, “mà ta phải nghe đi nghe lại nhiều cách khác nhau, và phải luôn công bố dưới hình thức này hay hình thức nọ” (52). Thực vậy, “không có gì vững chắc hơn, sâu sắc hơn, an toàn hơn, có ý nghĩa và khôn ngoan hơn sứ điệp này”. Quả thế, “mọi việc đào luyện của Kitô Giáo hệ ở việc bước sâu hơn vào sơ truyền” (53).

59. Giáo huấn của chúng ta về hôn nhân và gia đình không thể không được linh hứng và biến đổi bởi sứ điệp yêu thương và âu yếm này; nếu không, nó sẽ chỉ đơn giản trở thành việc bệnh vực một thứ học thuyết khô khan, không có sinh khí. Mẫu nhiệm gia đình Kitô Giáo chỉ có thể hiểu được dưới ánh sáng tình yêu vô hạn của Chúa Cha, như đã được mạc khải nơi Chúa Kitô, Đấng đã tự hiến mình cho ta và tiếp tục cư ngụ giữa chúng ta. Giờ đây, tôi muốn hướng cái nhìn của tôi vào Chúa Kitô hằng sống, Đấng đang ở tâm điểm của rất nhiều câu truyện tình, và kêu nài ngọn lửa Thần Khí xuống trên mọi gia đình thế giới.

60. Chương văn vởi này, do đó, sẽ tóm lược giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Cả ở đây nữa, tôi cũng sẽ nhắc tới những gì các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã phát biểu về ánh sáng do đức tin của chúng ta đem lại. Các ngài đã bắt đầu bằng cách nhìn lên Chúa Giêsu và các ngài nói tới việc Người “đã nhìn những người đàn ông và đàn bà một cách yêu thương và triu mến ra sao, luôn đồng hành với họ trong sự thật, kiên nhẫn và thương xót khi công bố các đòi hỏi của Nước Thiên Chúa” (54). Chúa cũng đang ở với chúng ta hôm nay, khi ta tìm cách thực hành và truyền thụ Tin Mừng gia đình.

Chúa Giêsu phục hồi và hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa

61. Trái với những người bác bỏ hôn nhân như một điều xấu xa, Tân Ước dạy rằng “mọi sự Thiên Chúa tạo nên đều tốt và không có điều gì cần phải từ bỏ” (1Tm 4:4). Hôn nhân là “một ân ban” của Chúa (1Cr 7:7). Đồng thời, chính vì hiểu tích cực như thế, Tân Ước mạnh mẽ nhấn mạnh đến việc cần phải bảo vệ ân ban của Thiên Chúa: “Ai nấy phải tôn trọng hôn nhân, chớ làm cho loan phòng ra ô uế” (Dt 13:4). Ôn phúc của Thiên Chúa này bao gồm tính dục: “đừng từ chối nhau” (1Cr 7:5).

62. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã ghi nhận điều này: Chúa Giêsu, “khi nói tới kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa dành cho người đàn ông và người đàn bà, đã tái khẳng định sự kết hợp bất khả tiêu giữa họ với nhau, thậm chí còn quả quyết rằng ‘chính vì sự cứng lòng của các ông nên Môsê mới cho phép các ông ly dị vợ, nhưng ngay từ đầu, không phải thế’” (Mt 19:8). Tính bất khả tiêu của hôn nhân ‘điều Thiên Chúa đã kết hợp, con người không được phân ly’ (Mt 19:6) không nên bị coi như ‘một cái ách’ áp đặt lên cổ nhân loại, nhưng

như một ‘ân ban’ cho những ai kết hợp nhau trong hôn nhân... Tình yêu khoan dung của Thiên Chúa luôn cùng đồng hành với con người; qua ơn thánh, tình yêu này chữa lành và biến cải các linh hồn chai đá, dẫn họ trở lại lúc ban đầu qua nẻo đường thập giá. Các sách Tin Mừng trình bày rõ ràng điển hình của Chúa Giêsu, Đấng... đã công bố ý nghĩa hôn nhân như là sự viên mãn của mạc khải nhằm phục hồi kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa (xem Mt 19:3)” (55).

63. “Chúa Giêsu, Đấng hòa giải mọi sự trong chính Người, đã phục hồi hôn nhân và gia đình trở lại hình thức nguyên thủy của nó (xem Mt 10:1-12). Hôn nhân và gia đình đã được Chúa Kitô cứu chuộc (xem Ep 5:21-32) và phục hồi theo hình ảnh Ba Ngôi Chí Thánh, mẫu nhiệm mà từ đó, mọi tình yêu đích thực đã phát sinh. Giao ước phụ phụ, khởi nguồn trong tạo dựng và được mạc khải trong lịch sử cứu rỗi, nhận được ý nghĩa đầy đủ của nó nơi Chúa Kitô và Giáo Hội của Người. Qua Giáo Hội của Người, Chúa Kitô ban cho hôn nhân và gia đình ơn thánh cần thiết để làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa và sống cuộc sống hiệp thông. Tin Mừng gia đình trải dài dọc lịch sử thế giới, từ lúc tạo dựng người đàn ông và người đàn bà theo hình ảnh và theo họa ảnh Thiên Chúa (xem St 1:26-27), tới lúc hoàn thành mẫu nhiệm giao ước nơi Chúa Kitô vào ngày chung cục với hôn lễ của Chiên Con” (xem Kh 19:9)” (56).

64. “Điển hình của Chúa là mô hình cho Giáo Hội... Người bắt đầu thừa tác vụ công khai bằng phép lạ tại tiệc cưới Cana (xem Ga 2:1-11). Người tham dự mọi giây phút hàng ngày của tình bằng hữu với gia đình Ladarô và hai chị của chàng (xem Lc 10:38) và với gia đình Thánh Phêrô (xem Mc 8:14). Người tỏ thiện cảm với các cha mẹ tang chế và hồi sinh con cái họ (xem Mc 5:41; Lc 7:14-15). Qua cách này, Người biểu lộ ý nghĩa chân thực của thương xót, vốn bao hàm việc phục hồi giao ước (xem Đức Gioan Phaolô II, *Dives in Misericordia*, 4). Điều này rất rõ ràng trong các cuộc trò chuyện của Người với người đàn bà Samaria (xem Ga 1:4-30) và với người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình (xem Ga 8:1-11) trong đó, ý thức tội lỗi đã được đánh thức bởi cuộc gặp gỡ với tình yêu nhưng không của Chúa Giêsu” (57).

65. Việc nhập thể của Ngôi Lời trong một gia đình nhân bản ở Nadarét, nhờ tính mới mẻ của nó, đã thay đổi lịch sử thế giới. Ta cần bước vào mẫu nhiệm Chúa Giêsu sinh ra, vào tiếng “xin vâng” của Đức Maria với lời đưa tin của thiên thần, khi Ngôi Lời được thụ thai trong lòng Đức Mẹ, cũng như tiếng “xin vâng” của Thánh Giuse, người đã đặt tên cho Chúa Giêsu và chăm sóc Đức Mẹ. Ta cần chiêm ngưỡng niềm vui của các người chăn chiên trước máng cỏ, sự thờ lạy của Ba Vua và việc trốn qua Ai Cập, trong đó, Chúa Giêsu chia sẻ kinh nghiệm lưu đầy, bị bách hại và hạ nhục của dân tộc Người. Ta cần chiêm ngưỡng hoài vọng tôn giáo của Giacaria và niềm vui của ông lúc Gioan Tẩy Giả sinh ra, sự nên trọn lời hứa đã được ngỏ cùng ông Simêong và bà Anna ở Đền Thờ và sự ngỡ ngàng của các bậc thầy Lễ Luật khi lắng nghe sự khôn ngoan của con trẻ Giêsu. Sau đó, ta cần nhìn sâu vào 30 năm trường đăng đẳng lúc Chúa Giêsu kiếm kế sinh nhai bằng việc làm chân tay, đọc những lời cầu nguyện và các phát biểu truyền thống trong đức tin của dân Người và tiến tới chỗ hiểu biết đức tin của cha ông ấy cho tới lúc làm cho nó sinh hoa kết trái trong mẫu nhiệm Nước Trời. Đó là mẫu nhiệm Giáng Sinh và bí quyết Nadarét, biểu tỏ hết nét đẹp của đời sống gia đình! Chính mẫu nhiệm này đã làm mê lòng Thánh Phanxicô Assidi, Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu và Thánh Charles

de Foucauld và tiếp tục làm các gia đình Kitô hữu tràn trề hy vọng và niềm vui.

66. “Giao ước yêu thương và trung thành từng được Thánh Gia Nadarét sống đã soi sáng nguyên tắc vốn lên khuôn cho mọi gia đình và giúp gia đình đương đầu tốt hơn với các thăng trầm của cuộc đời và lịch sử. Trên căn bản này, mọi gia đình, bất kể các yếu đuối của họ, có thể trở thành ánh sáng trong đêm tối thế giới. ‘Nadarét dạy ta ý nghĩa cuộc sống gia đình, sự hiệp thông đầy yêu thương của nó, vẻ đẹp đơn giản và chân phương của nó, đặc tính thánh thiêng và bất khả xâm phạm của nó. Ước chi nó dạy ta việc huấn luyện của nó êm dịu và bất khả thay thế xiết bao, vai trò của nó trong trật tự xã hội nên tăng và khôn sánh đến chừng nào’ (Đức Phaolô VI, *Diễn Văn tại Nadarét*, 5 tháng 1, 1964)” (58).

Gia đình trong các văn kiện Giáo Hội

67. Công Đồng Vatican II, trong Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et Spes* của nó, quan tâm lo lắng “cổ vũ phẩm giá của hôn nhân và gia đình” (xem các số 47-52). Hiến Chế này “định nghĩa hôn nhân như một cộng đồng sự sống và yêu thương (xem 48), đặt lòng yêu thương ở tâm điểm gia đình... ‘Lòng yêu thương đích thực giữa chồng và vợ’ (49) liên quan tới việc hiến thân cho nhau, bao hàm và hội nhập các chiều kích tính dục và xúc cảm, theo kế hoạch Thiên Chúa (xem 48-49). Văn kiện công đồng cũng nhấn mạnh “việc bén rễ vợ chồng vào Chúa Kitô. Chúa Kitô ‘tự làm Người hiện diện với vợ chồng trong bí tích hôn nhân’ (48) và ở lại mãi với họ. Trong việc nhập thể, Người mặc lấy tình yêu nhân bản, thanh tẩy nó và đem nó tới viên mãn. Nhờ Thần Khí của Người, Người ban cho vợ chồng khả năng sống tình yêu này, bằng cách thấm nhiễm mọi phần đời họ bằng đức tin, đức cậy và đức mến. Nhờ cách này, vợ chồng được thánh hiến và, nhờ một ơn thánh đặc biệt, xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô và tạo lập một Giáo Hội tại gia (xem *Lumen Gentium*, 11), để Giáo Hội, nếu muốn hiệu trồn vẹn mầu nhiệm của mình, nhìn vào gia đình Kitô hữu, một gia đình vốn biểu hiện Giáo Hội một cách đích thực” (59).

68. “Chân Phúc Phaolô VI, ngay sau Công Đồng Vatican II, đã khai triển xa hơn giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Một cách đặc biệt, với Thông Điệp *Humanae Vitae*, ngài đã làm rõ sợi dây gắn bó nội tại giữa lòng yêu thương vợ chồng và việc sinh sản: ‘Lòng yêu thương phụ phụ đòi nơi người chồng và người vợ một ý thức trọn vẹn về các nghĩa vụ của họ trong vấn đề làm cha mẹ có trách nhiệm, điều mà ngày nay được nhấn mạnh rất đúng, nhưng đồng thời phải được hiểu một cách đúng đắn... Thi hành việc làm cha mẹ có trách nhiệm đòi hỏi chồng và vợ phải tuân thủ thứ tự ưu tiên đúng đắn, biết nhìn nhận các bổn phận của họ đối với Thiên Chúa, đối với chính họ, đối với gia đình họ và đối với xã hội con người’ (số 10). Trong Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, Đức Phaolô VI làm rõ mối liên hệ giữa gia đình và Giáo Hội”(60) .

69. “Thánh Gioan Phaolô II dành sự lưu ý đặc biệt cho gia đình trong các bài giáo lý của ngài về tình yêu con người, trong Lá Thư Gửi Các Gia Đình *Gratissimam Sane* , và đặc biệt trong Tông Huấn **Familiaris Consortio** của ngài. Trong các văn kiện này, Đức Giáo Hoàng định nghĩa gia đình là ‘đường của Giáo Hội’. Ngài cũng đề xuất một viễn kiến tổng quát về ơn gọi

yêu thương của các người đàn ông và các người đàn bà, cũng như các hướng dẫn căn bản cho việc chăm sóc mục vụ các gia đình và vai trò của gia đình trong xã hội. Đặc biệt, khi bàn đến tình yêu phu phụ (xem số 13), ngài mô tả cung cách vợ chồng, trong tình yêu hỗ tương của họ, đã tiếp nhận ơn Thần Khí Chúa Kitô như thế nào và sống ơn gọi nên thánh của họ ra sao” (61).

70. “Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, trong Thông Điệp *Deus Caritas Est* của ngài, đã trở lại với chủ đề sự thật trong tình yêu của người đàn ông và người đàn bà, một sự thật chỉ được soi sáng trong tình yêu của Chúa Kitô chịu đóng đinh (xem số 2). Ngài nhấn mạnh rằng ‘hôn nhân đặt căn bản trên tình yêu độc chiếm và dứt khoát đã trở nên hình ảnh mối liên hệ giữa Thiên Chúa và dân Người, và ngược lại. Cách Thiên Chúa yêu thương đã trở thành thước đo tình yêu nhân bản’ (số 11). Hơn nữa, trong Thông Điệp *Caritas in Veritate*, ngài làm nổi bật tầm quan trọng của tình yêu, coi nó như nguyên tắc sống trong xã hội (xem số 44), một nơi ta học được kinh nghiệm ích chung” (62).

Bí tích hôn phối

71. “Thánh Kinh và Thánh Truyền giúp ta tiến tới việc hiểu biết Ba Ngôi, một hiểu biết vốn được mạc khải với các đặc điểm của gia đình. Gia đình là hình ảnh Thiên Chúa, Đấng vốn là một hiệp thông các ngôi vị. Lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa, người ta nghe thấy tiếng Thiên Chúa phán, gọi Chúa Giêsu là Con Yêu Quý của Người, và trong tình yêu này ta có thể nhận ra Chúa Thánh Thần (xem Mc 1:10-11). Chúa Giêsu, Đấng hòa giải mọi sự trong chính Người và cứu chuộc ta khỏi tội lỗi, không những phục hồi hôn nhân và gia đình trở lại hình thức nguyên thủy của nó, mà còn nâng hôn nhân lên hàng dấu chỉ bí tích tình yêu của Người dành cho Giáo Hội (xem Mt 19:1-12; Mc 10:1-12; Ep 5:21-32). Trong gia đình nhân bản, được Chúa Kitô tụ tập, ‘hình ảnh và họa ảnh’ của Ba Ngôi Chí Thánh (xem St 1:26) đã được phục hồi, mẫu nhiệm từ đó mọi tình yêu đích thực đã phát sinh. Qua Giáo Hội, hôn nhân và gia đình nhận được ơn Chúa Thánh Thần từ Chúa Kitô, để làm chứng cho Tin Mừng tình yêu Thiên Chúa” (63).

72. Bí tích hôn nhân không phải là một công ước xã hội, một nghi lễ trống rỗng hay một dấu hiệu cam kết bề ngoài. Bí tích là một ân ban để thánh hóa và cứu rỗi vợ chồng, vì “việc họ thuộc về nhau, qua dấu chỉ bí tích, là biểu tượng thực sự của mối liên hệ hỗ tương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Cặp vợ chồng, do đó, là một nhắc nhở thường xuyên để Giáo Hội nhớ tới điều đã diễn ra trên thập giá; Họ là chứng tá cứu rỗi cho nhau và cho con cái, một ơn cứu rỗi họ cùng chia sẻ nhờ bí tích” (64). Hôn nhân là một ơn gọi, bao lâu nó là lời đáp trả ơn gọi đặc biệt cảm nghiệm tình yêu vợ chồng như là dấu chỉ bất toàn của tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Thành thử, quyết định kết hôn và tạo lập gia đình phải là hoa trái của diễn trình biện phân ơn gọi.

73. “Việc hiến thân cho nhau trong bí tích hôn phối được đặt cơ sở trong ơn thánh phép rửa, là phép thiết lập ra giao ước nền tảng của mọi người với Chúa Kitô trong Giáo Hội. Khi chấp nhận lẫn nhau, và với ơn thánh của Chúa Kitô, hai người đính hôn đoan hứa với nhau sẽ hiến

thân hoàn toàn, trung thành với nhau và sẵn sàng chào đón sự sống mới. Họ nhìn nhận các yếu tố này như những điều cấu thành hôn nhân, như những ơn phúc Thiên Chúa ban cho họ, và họ coi trọng cam kết hỗ trợ này, nhân danh Thiên Chúa và trước mặt Giáo Hội. Như thế, đức tin đã làm họ có khả năng coi các thiện ích của hôn nhân như các cam kết mà họ có thể tuân giữ được nhờ sự trợ giúp của ơn thánh bí tích... Thành thử, Giáo Hội trông chờ vào các cặp hôn nhân như trái tim của toàn bộ gia đình và ngược lại họ trông chờ vào Chúa Giêsu” (65). Bí tích không phải là một “sự việc” hay một ‘quyền lực’, vì trong nó, chính Chúa Kitô “hiện đang gặp gỡ các vợ chồng Kitô hữu... Người cư ngụ với họ, ban cho họ sức mạnh để vác thập giá và như thế bước theo chân Người, để trỗi dậy sau khi ngã quỵ, để tha thứ cho nhau, để mang gánh nặng của nhau” (66). Hôn nhân Kitô Giáo là dấu chỉ việc Chúa Kitô yêu Giáo Hội của Người xiết bao, trong một giao ước đã được đóng ấn trên thập giá nhưng nó cũng đã làm cho tình yêu này hiện diện trong hiệp thông vợ chồng. Nhờ trở nên một thân xác, họ là hiện thân việc giao bôi của Con Thiên Chúa với bản tính con người của ta. Đó là lý do tại sao “trong niềm vui yêu thương và cuộc sống gia đình của họ, Người ban cho họ ngay trên trần gian này được nếm trước tiệc cưới của Chiên Con” (67). Cho dù sự so sánh giữa cặp đôi nhân bản vợ chồng với cặp đôi Chúa Kitô và Giáo Hội chỉ là “bất toàn” (68), nó vẫn gợi hứng để chúng ta nài van Chúa ban cho mọi cặp vợ chồng được tràn đầy tình yêu thần thánh của Người.

74. Kết hợp tính dục, được cảm nghiệm và được thánh hóa một cách yêu thương bởi bí tích, ngược lại, đối với vợ chồng, là con đường phát triển trong đời sống ơn thánh của họ. Nó là “mầu nhiệm hợp hôn” (69). Ý nghĩa và giá trị sự kết hợp thể lý của họ được phát biểu trong các lời ưng thuận, trong đó, họ chấp nhận và hiến thân cho nhau, để hoàn toàn chia sẻ cuộc sống với nhau. Những lời lẽ đó đem lại ý nghĩa cho mối liên hệ tính dục và giải thoát nó khỏi mọi tính hàm hồ. Nói tổng quát hơn, cuộc sống chung vợ chồng, toàn bộ mạng lưới liên hệ mà họ xây dựng với con cái họ và thế giới chung quanh, sẽ được đắm chìm và được củng cố bởi ơn thánh bí tích. Vì bí tích hôn nhân đã phát sinh từ việc nhập thể và mầu nhiệm vượt qua, nhờ đó, Thiên Chúa biểu lộ tình yêu viên mãn của Người dành cho nhân loại bằng cách trở nên một với chúng ta. Không ai trong hai người phối ngẫu sẽ còn cô độc trong việc đương đầu với bất cứ thách đố nào họ gặp nữa. Cả hai đều được kêu gọi đáp trả ơn phúc của Thiên Chúa một cách đầy đặn thân, sáng tạo, kiên trì và cố gắng hàng ngày. Họ luôn có thể kêu cầu sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Đấng đã thánh hiến sự kết hợp của họ, để ơn thánh của Người được cảm nhận trong mọi hoàn cảnh mới lạ họ có thể gặp.

75. Trong truyền thống Giáo Hội La Tinh, các thừa tác viên bí tích hôn phối là người đàn ông và người đàn bà kết hôn (70); qua việc tỏ ưng thuận và phát biểu nó một cách thể lý, họ đã tiếp nhận một ân ban lớn lao. Sự ưng thuận của họ và sự kết hợp thể xác của họ là các phương thế do Chúa ấn định để nhờ đó, họ trở nên “một thân xác”. Nhờ sự thánh hiến của phép rửa, họ có khả năng tham dự vào hôn phối như các thừa tác viên của Chúa và nhờ thế đáp lại tiếng Chúa mời gọi. Bởi thế, khi hai vợ chồng không phải là Kitô hữu lãnh nhận phép rửa, họ không cần phải lặp lại các đoan hứa lúc kết hôn nữa; họ chỉ cần không bác bỏ chúng, vì khi lãnh nhận phép rửa, sự kết hợp của họ tự động trở thành có tính bí tích. Bộ Giáo Luật cũng thừa nhận tính thành sự của một số cuộc kết hợp được cử hành không có sự hiện diện

của một thừa tác viên thụ phong (71). Trật tự tự nhiên vốn thấm nhiễm ơn thánh cứu chuộc của Chúa Giêsu đến nỗi “một khế ước hôn phối thành sự không thể hiện hữu giữa các người đã chịu phép rửa mà không vì sự kiện này mà không là một bí tích” (72). Giáo Hội có thể đòi việc này: đám cưới phải cử hành cách công khai, với sự hiện diện của các nhân chứng và các điều kiện khác có thể thay đổi theo thời gian, nhưng điều này vẫn không giảm giá trị việc chính những cặp kết hôn mới là các thừa tác viên của bí tích. Nó cũng không ảnh hưởng gì tới tính trung tâm của việc ưng thuận do người đàn ông và người đàn bà nói lên, một việc tự nó thiết lập ra dây hôn phối. Nói thế rồi, ta vẫn cần suy nghĩ thêm về hành động của Thiên Chúa trong nghi thức hôn phối; điều này đã được biểu lộ rõ ràng nơi các Giáo Hội Đông Phương qua sự coi trọng việc chúc lành mà cặp vợ chồng lãnh nhận như dấu chỉ ơn Chúa Thánh Thần.

Hạt giống Lời Chúa và các hoàn cảnh bất toàn

76. “Tin Mừng gia đình cũng nuôi dưỡng các hạt giống vẫn còn đang chờ để mọc lên và phải chăm sóc những cây đang héo nhưng không được bỏ bê” (73). Như thế, khi xây dựng trên ơn phúc của Chúa Kitô trong bí tích, các cặp vợ chồng “được dẫn dắt xa hơn một cách kiên nhẫn ngõ hầu đạt được một ý thức sâu sắc hơn và một sự hội nhập trọn vẹn hơn vào mầu nhiệm này của đời sống họ” (74).

77. Căn cứ vào điều Thánh Kinh dạy rằng mọi sự đã được dựng nên bởi Chúa Kitô và vì Chúa Kitô (xem Cl 1:16), các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận định: “trật tự cứu chuộc soi sáng và hoàn tất trật tự sáng thế. Hôn nhân tự nhiên, do đó, được hiểu cách trọn vẹn dưới ánh sáng việc nó được hoàn thành trong bí tích Hôn Phối: chỉ nhờ chiêm ngưỡng Chúa Kitô, người ta mới tiến tới chỗ biết được sự thật sâu sắc nhất về các mối liên hệ nhân bản. ‘Mầu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể... Chúa Kitô, Adam mới, trong khi mạc khải về Chúa Cha và tình yêu của Người, đã cho con người biết rõ về chính con người và tỏ cho họ biết thiên chức cao cả của họ’ (*Gaudium et Spes*, 22)”. Điều này đặc biệt hữu ích để hiểu theo viễn kiến qui Kitô... các thiện ích của các người phối ngẫu (“*bonum conjugum*”) (75), tức sự kết hợp, đón chào sự sống, trung thành, bất khả tiêu và, bên trong hôn nhân Kitô Giáo, giúp đỡ nhau trên đường tiến tới tình bạn trọn vẹn với Chúa. “Việc biện phân sự hiện diện của ‘các hạt giống lời Chúa’ trong các nền văn hóa khác (xem *Ad Gentes* 11) cũng có thể áp dụng vào thực tại hôn nhân và gia đình. Ngoài hôn nhân tự nhiên ra, các yếu tố tích cực còn hiện diện dưới nhiều hình thức hôn nhân tìm thấy nơi các truyền thống tôn giáo khác” (76), dù đôi lúc khá mờ nhạt. Ta có thể sẵn sàng nói rằng “bất cứ ai muốn đem vào thế giới này một gia đình biết dạy dỗ con cái phấn khởi trước mọi cử chỉ nhằm thắng vượt sự ác, một gia đình chứng tỏ Chúa Thánh Thần đang sống động và đang hành động, đều được chúng ta biết ơn và đánh giá cao. Bất kể họ thuộc dân tộc nào, tôn giáo nào hay vùng nào” (77).

78. “Ánh sáng Chúa Kitô soi sáng mọi con người (xem *Ga* 1:9; *Gaudium et Spes*, 22). Việc nhìn sự vật bằng con mắt Chúa Kitô đang linh hứng cho việc chăm sóc mục vụ của Giáo Hội đối với các tín hữu đang sống chung với nhau, hay chỉ kết hôn theo dân luật, hoặc đã ly dị và tái hôn. Theo chân khoa sư phạm của Thiên Chúa, Giáo Hội đầy yêu thương hướng về những

người tham dự vào đời sống Giáo Hội một cách chưa trọn vẹn: Giáo Hội tìm ơn hoán cải cho họ; Giáo Hội khuyến khích họ làm điều tốt, yêu thương săn sóc nhau và phục vụ cộng đồng nơi họ sống và làm việc... Khi một cặp sống trong một kết hợp bất hợp qui đạt tới sự ổn định đáng khen nhờ một dây nối kết công khai và mang đặc điểm của một tình âu yếm sâu đậm, tinh thần trách nhiệm đối với con cái và khả năng vượt qua các thử thách, thì ta có thể coi đây là một cơ hội dẫn họ tới việc cử hành bí tích Hôn Phối, khi có thể” (78).

79. “Khi phải đương đầu với các hoàn cảnh khó khăn và các gia đình bị thương tổn, điều luôn cần thiết là nhớ lại nguyên tắc tổng quát này: ‘các mục tử phải biết rằng, vì lợi ích của sự thật, các ngài buộc phải biện phân các hoàn cảnh một cách thận trọng’ (*Familiaris Consortio*, 84). Mức trách nhiệm không giống nhau ở mọi trường hợp, và có những nhân tố khiến người ta mất cả khả năng đưa ra quyết định. Do đó, dù giáo huấn đã được đặt để cách rất rõ ràng, nhưng các mục tử phải tránh bất cứ phê phán nào không xem xét tới tính phức tạp của các tình huống khác nhau, và điều cần là phải lưu ý tới cách người ta cảm nghiệm và chịu buồn khổ như thế nào do thân phận của họ gây ra” (79).

Truyền sinh và dưỡng dục con cái

80. Hôn nhân, trước hết, là một “chung hợp (partnership) sự sống và yêu thương thân mật” (80) vốn là một thiện ích cho chính các cặp vợ chồng (81) trong khi tính dục được “sắp đặt cho tình yêu phu phụ của người đàn ông và người đàn bà” (82). Hệ luận là “các người phối ngẫu nào không được Thiên Chúa ban cho con cái vẫn có thể có một cuộc sống phu phụ trọn vẹn ý nghĩa, cả về phương diện nhân bản lẫn Kitô Giáo” (83). Tuy nhiên, sự kết hợp phu phụ vốn được sắp xếp cho việc sinh sản “do chính bản chất của nó” (84). Đứa trẻ sinh ra “không sinh ra từ bên ngoài như một điều gì đó thêm vào tình yêu hỗ tương của vợ chồng, nhưng trở sinh từ chính tâm điểm việc hiến thân hỗ tương này, như là hoa trái và sự thành toàn của nó” (85). Nó không xuất hiện ở cuối diễn trình, mà hiện diện ngay từ khởi thủy mỗi tình như một yếu tố chủ yếu, một yếu tố không thể nào bác bỏ mà không làm biến dạng chính tình yêu này. Ngay từ đầu, tình yêu đã từ khước bất cứ thúc đẩy nào nhằm khóa kín nó ngay trong chính nó; nó cởi mở đón chào tính sinh hoa trái vốn lôi cuốn nó đi quá chính nó. Bởi thế, không hành vi dục quan nào của chồng của vợ lại bác bỏ ý nghĩa này (86), ngay cả khi, vì những lý do đa dạng, nó không luôn sinh ra sự sống mới.

81. Đứa trẻ xứng đáng được sinh ra từ tình yêu nói trên, chứ không bằng bất cứ phương thế nào khác, vì “em không phải là một điều gì đó nợ nần của ai, mà là một ân ban” (87), vốn là “hoa trái từ hành vi chuyên biệt yêu thương vợ chồng của cha mẹ” (88). Sở dĩ như thế là vì “theo trật tự tạo thế, tình yêu phu phụ giữa một người đàn ông và một người đàn bà, và việc truyền sinh đã được sắp đặt cho nhau (xem St 1:27-28). Do đó, Đấng Tạo Hóa đã làm cho người đàn ông và người đàn bà tham dự vào công trình sáng tạo của Người và, cùng một lúc, biến họ thành dụng cụ tình yêu của Người, ủy thác cho họ trách nhiệm đối với tương lai nhân loại, qua việc lưu truyền sự sống con người” (89).

82. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng “sự lớn mạnh của náo trạng cho rằng

phải giảm thiểu việc sinh sản sự sống con người thành một biến tố trong kế hoạch của cá nhân hay của cặp vợ chồng là điều hết sức hiển nhiên” (90). Giáo huấn của Giáo Hội nhằm “giúp các cặp vợ chồng cảm nghiệm một cách hòa hợp và đầy ý thức sự hiệp thông như chồng như vợ của họ, cũng như trách nhiệm sinh sản của họ. Chúng ta cần trở lại với sứ điệp trong Thông Điệp *Humanae Vitae* của Chân Phúc Giáo Hoàng Phaolô VI, một sứ điệp nhấn mạnh đến việc phải tôn trọng phẩm giá con người khi lượng giá về luân lý các phương pháp điều hòa sinh sản... Việc chọn con nuôi và làm cha mẹ chăm sóc (foster parenting) cũng có thể nói lên tính sinh hoa trái vốn là đặc điểm của đời sống hôn nhân” (91). Với lòng biết ơn đặc biệt, Giáo Hội “nâng đỡ các gia đình trong việc chấp nhận, dưỡng dục và âu yếm bảo bọc con cái có các khuyết tật đa dạng” (92).

83. Ở đây, tôi cảm thấy khẩn thiết phải quả quyết rằng nếu gia đình là cung lòng (sanctuary) của sự sống, là nơi sự sống được thụ thai và chăm sóc, thì điều mâu thuẫn ghê rợn là lúc nó trở thành nơi trong đó sự sống bị bác bỏ và hủy diệt. Giá trị của sự sống lớn lao, và quyền sống của đứa trẻ vô tội đang lớn lên trong lòng mẹ bất khả nhượng đến nỗi không một quyền lợi nói là của thân xác nào có thể biện minh cho quyết định chấm dứt sự sống ấy, một sự sống tự nó là một cùng đích chứ không bao giờ có thể bị coi là “tài sản” của một con người khác. Gia đình bảo vệ sự sống nhân bản trong mọi giai đoạn của nó, kể cả giai đoạn cuối cùng. Thành thử, “những ai làm việc tại các cơ sở y tế được nhắc nhở bốn phận luân lý phải phản kháng lương tâm. Tương tự như thế, Giáo Hội không những cảm thấy sự khẩn thiết phải quả quyết quyền được chết tự nhiên, không có sự chữa trị quá quyết đoán (aggressive) và an tử”, nhưng cũng còn “cương quyết bác bỏ án tử hình” nữa (93).

84. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng muốn nhấn mạnh rằng “một trong các thách đố nền tảng mà các gia đình ngày nay đang đương đầu chắc chắn là thách đố dưỡng dục con cái, càng bị làm cho khó khăn và phức tạp hơn bởi thực tại văn hóa ngày nay và ảnh hưởng mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông” (94). “Giáo Hội đóng một vai trò có giá trị trong việc nâng đỡ các gia đình, bắt đầu với việc khai tâm Kitô Giáo, nhờ các cộng đồng chào đón” (95). Đồng thời, tôi cảm thấy việc quan trọng phải nhắc lại rằng việc giáo dục toàn diện con cái là một “bốn phận rất nghiêm trọng” và đồng thời là một “quyền hàng đầu” của cha mẹ (96). Đây không hẳn chỉ là một trách vụ hay một gánh nặng, nhưng là một quyền chủ yếu và bất khả nhượng mà các cha mẹ được kêu gọi phải bảo vệ và không một ai có thể có quyền tước mất của họ. Nhà Nước cung cấp các chương trình giáo dục theo phương thức phụ đới, nghĩa là trợ giúp các cha mẹ trong vai trò không thể khước từ của họ; chính các cha mẹ được quyền tự do chọn lối giáo dục, có thể vươn tới và có phẩm chất tốt, mà họ muốn ban cho con cái họ, phù hợp với các xác tín của họ. Trường học không thay thế được cha mẹ, nhưng bổ túc cho họ. Đây là nguyên tắc căn bản: “mọi tham dự viên khác của diễn trình giáo dục chỉ có khả năng thi hành trách nhiệm của họ nhân danh cha mẹ, với sự ưng thuận của họ, tới một mức độ nào đó, với sự cho phép của họ” (97). Còn nữa, “Đang có sự rạn nứt giữa gia đình và xã hội, giữa gia đình và trường học; công ước giáo dục ngày nay đã bị phá đổ và do đó liên minh giáo dục giữa xã hội và gia đình đang lâm vào khủng hoảng” (98).

85. Giáo Hội được mời gọi hợp tác với các cha mẹ qua các sáng kiến mục vụ, trợ giúp họ chu

toàn sứ mệnh giáo dục của họ. Giáo Hội phải luôn làm việc này bằng cách giúp họ biết đánh giá vai trò đích đáng của họ và hiểu ra rằng nhờ lãnh nhận bí tích hôn phối, họ đã trở nên các thừa tác viên của việc giáo dục con cái họ. Khi giáo dục con cái, họ xây dựng Giáo Hội (99), và nhờ làm thế, họ đã chấp nhận ơn Chúa gọi họ (100).

Gia đình và Giáo Hội

86. “Với niềm vui nội tâm và an ủi sâu xa, Giáo Hội nhìn lên các gia đình luôn trung thành với các giáo huấn của Tin Mừng, khuyến khích họ và cảm ơn họ vì các chứng từ của họ. Vì họ đã làm chứng, một cách khả tín, về đẹp của hôn nhân như là bất khả tiêu và trung thành vĩnh viễn. Bên trong gia đình ‘vốn có thể gọi là Giáo Hội tại gia’ (*Lumen Gentium*, 11), các cá nhân bước vào một trải nghiệm hiệp thông có tính Giáo Hội giữa các ngôi vị, một hiệp thông, nhờ ơn thánh, phản ánh được màu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh. ‘Ở đây, người ta học được sức chịu đựng và niềm vui của việc làm, tình yêu huynh đệ, lòng tha thứ đại độ, thậm chí hết lần này tới lần khác, và trên hết mọi việc thờ phượng Thiên Chúa trong cầu nguyện và dâng hiến đời mình’ (*Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 1657)” (101)

87. Giáo Hội là gia đình của các gia đình, không ngừng được phong phú hóa nhờ cuộc sống của mọi Giáo Hội tại gia này. “Nhờ bí tích hôn phối, mọi gia đình quả đều trở thành thiện ích cho Giáo Hội. Từ quan điểm này, việc suy nghĩ về sự tương tác giữa gia đình và Giáo Hội sẽ chứng tỏ là một ơn phúc quý giá cho Giáo Hội thời ta. Giáo Hội là điều tốt đẹp cho gia đình, và gia đình là điều tốt đẹp cho Giáo Hội. Bảo vệ ơn phúc của Chúa trong bí tích hôn phối là một quan tâm không những của các gia đình cá thể mà còn là của toàn thể cộng đồng Kitô Giáo” (102).

88. Kinh nghiệm yêu thương trong các gia đình là nguồn sức mạnh bất diệt đối với đời sống Giáo Hội. “mục đích kết hợp trong hôn nhân là lời mời gọi khôn nguôi phải làm cho tình yêu này lớn mạnh và thâm hậu hóa. Qua sự kết hợp của họ trong yêu thương, cặp vợ chồng cảm nghiệm được vẻ đẹp của việc làm cha làm mẹ, và chia sẻ các kế hoạch, các thử thách, các hoài bão và lắng lo; họ học chăm sóc lẫn nhau và tha thứ cho nhau. Trong tình yêu thương này, họ cử hành các giờ phút hạnh phúc của họ và nâng đỡ nhau trong những lúc cùng nhau vượt qua khó khăn ở đời... Vẻ đẹp của ơn phúc hỗ tương, nhưng không này, niềm vui phát sinh từ sự sống hạ sinh và việc yêu thương chăm sóc mọi thành viên của gia đình, từ trẻ thơ tới người cao niên, chỉ là một số hoa trái làm cho lời đáp trả ơn gọi gia đình thành độc đáo và không thể nào thay thế được” (103), cả đối với Giáo Hội lẫn đối với xã hội như một toàn thể.

(50) Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 35: AAS 105 (2013), 1034.

(51) *Ibid.*, 164: AAS 105 (2013), 1088.

(52) *Ibid.*

(53) *Ibid.*, 165: AAS 105 (2013), 1089.

(54) *Relatio Synodi* 2014, 12.

(55) *Ibid.*, 14.

(56) *Ibid.*, 16.

- (57) *Relatio Finalis* 2015, 41.
- (58) *Ibid.* 38
- (59) *Relatio Synodi* 2014, 17.
- (60) *Relatio Finalis* 2015, 43
- (61) *Relatio Synodi* 2014, 18
- (62) *Ibid.* 19
- (63) *Relatio Finalis* 2015, 38
- (64) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 13: AAS 74 (1982), 94.
- (65) *Relatio Synodi* 2014, 21.
- (66) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 1642.
- (67) *Ibid.*
- (68) Bài Giáo Lý (6 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 7 tháng 5, 2015, p. 8.
- (69) Đức Lêô Cả, *Epistula Rustico Narbonensi Episcopo*, Inquis. IV: PL 54, 1205A; Xem Hincmar of Rheims, *Epist.* 22: PL 126, 142.
- (70) Cf. Đức Piô XII, *Thông Điệp Mystici Corporis Christi* (29 tháng 6, 1943): AAS 35 (1943), 202: “Matrimonio enim quo coniuges sibi invicem sunt ministri gratiae ...”
- (71) Cf. *Bộ Giáo Luật*, cc. 1116; 1161-1165; *Bộ Giáo Luật Các Giáo Hội Đông Phương*, 832; 848-852.
- (72) *Ibid.*, c. 1055 §2.
- (73) *Relatio Synodi* 2014, 23.
- (74) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio*, (22 tháng 11, 1981), 9: AAS 74 (1982), 90.
- (75) *Relatio Finalis* 2015, 47.
- (76) *Ibid.*
- (77) Bài Giảng Thánh Lễ Bế Mạc Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình Thế Giới ở Philadelphia (27 tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 28-29 tháng 9, 2015, p. 7.
- (78) *Relatio Finalis* 2015, 53-54.
- (79) *Ibid.*, 51.
- (80) Công Đồng Vatican II, *Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay*, *Gaudium et Spes*, 48.
- (81) Cf. *Bộ Giáo Luật*, c. 1055 § 1: “ad bonum coniugum atque ad proles generationem et educationem ordinatum”.
- (82) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2360.
- (83) *Ibid.*, 1654.
- (84) Công Đồng Vatican II, *Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay*, *Gaudium et Spes*, 48.
- (85) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2366.
- (86) Cf. Đức Phaolô VI, *Thông Điệp Humanae Vitae* (25 tháng 7, 1968), 11-12: AAS 60 (1968), 488-489.
- (87) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2378.
- (88) Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Donum Vitae* (22 tháng 2, 1987), II, 8: AAS 80 (1988), 97.
- (89) *Relatio Finalis* 2015, 63.

- (90) *Relatio Synodi* 2014, 57.
- (91) *Ibid.*, 58.
- (92) *Ibid.*, 57.
- (93) *Relatio Finalis* 2015, 64.
- (94) *Relatio Synodi* 2014, 60.
- (95) *Ibid.*, 61
- (96) *Bộ Giáo Luật*, c. 1136; cf. *Bộ Giáo Luật cho Các Giáo Hội Đông Phương*, 627.
- (97) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Sự Thật và Ý Nghĩa Tính Dục Con Người* (8 tháng 12, 1995), 23.
- (98) Bài Giáo Lý (20 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 21 tháng 5, 2015, p. 8.
- (99) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (28 tháng 11, 1981) 38: AAS 74 (1982), 129.
- (100) Cf. Diễm Văn với Đại Hội Giáo Phận Rôma (14 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 15-16 tháng 6, 2015, p. 8.
- (101) *Relatio Synodi* 2014, 23.
- (102) *Relatio Finalis* 2015, 52.
- (103) *Ibid.*, 49-50.

Chương Bốn: Lòng Yêu Thương và Hôn Nhân

89. Tất cả những điều đã nói từ trước đến nay sẽ không đủ để nói về Tin Mừng hôn nhân và gia đình, nếu ta không đồng thời nói đến lòng yêu thương. Vì ta không thể khuyến khích con đường trung tín và hiến thân cho nhau nếu không khuyến khích việc tăng triển, việc củng cố và việc thâm hậu hóa lòng yêu thương vợ chồng và gia đình. Thực vậy, ơn thánh của bí tích hôn phối, trước nhất, nhằm “bảo vệ lòng yêu thương của cặp vợ chồng” (104). Cả ở đây nữa, ta cũng có thể nói “Giả như tôi có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có lòng yêu thương, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có lòng yêu thương, thì cũng chẳng ích gì cho tôi” (1Cr 13:2-3). Tuy nhiên, hạn từ “yêu thương” thường hay được sử dụng nhưng cũng thường hay bị lạm dụng (105).

Lòng yêu thương hàng ngày của ta

90. Trong một đoạn trữ tình của Thánh Phaolô, ta đọc thấy một số đặc điểm của lòng yêu thương chân thực:

*Lòng yêu thương thì kiên nhẫn, hiền hậu,
không ghen tương, không vênh vang, không cao ngạo hay khiếm nhã,
Lòng yêu thương không tìm tư lợi,
Nó không nóng giận, không nuôi hận thù,
không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật.
Lòng yêu thương tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả (1Cr 13:4-7)*

Lòng yêu thương được cảm nghiệm và nuôi dưỡng trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng và con cái họ. Suy nghĩ sâu hơn về ý nghĩa đoạn văn này của Thánh Phaolô và sự liên hệ của nó đối với hoàn cảnh cụ thể của mọi gia đình là điều hữu ích.

Lòng yêu thương thì kiên nhẫn

91. Chữ đầu tiên được dùng ở đây là *makrothyméi*. Chữ này không đơn giản chỉ nói tới việc “chịu đựng mọi sự”, vì ta thấy ý tưởng này được phát biểu ở cuối câu bầy. Ý nghĩa của nó sẽ được rõ ràng hơn nhờ bản dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp, trong đó, ta đọc thấy Thiên Chúa “chậm nổi giận” (Xh 34:6; Ds 14:18). Như thế, chữ này chỉ đức tính của một người không hành động bốc đồng nhưng họ tránh gây xúc phạm. Ta thấy đức tính này nơi Thiên Chúa của Giao Ước, Đấng mời gọi ta bắt chước Người ngay trong đời sống gia đình. Bản văn của Thánh Phaolô khi dùng chữ này cần được đọc dưới sự soi sáng của Sách Khôn Ngoan (xem 11:23; 12:2, 15-18), là Sách vốn tán dương sự kiềm chế của Thiên Chúa, cũng như mở ra khả thể ăn năn, mà vẫn nhấn mạnh tới uy quyền của Người, như đã được mạc khải trong các hành vi thương xót của Người. Sự “kiên nhẫn” của Thiên Chúa, được chứng tỏ qua lòng thương xót của Người đối với những người tội lỗi, là dấu chỉ uy quyền thực sự của Người.

92. Kiên nhẫn không có nghĩa để mình luôn bị đối xử tệ, khoan thứ những vụ gây hấn thể lý hoặc để người khác lợi dụng ta. Ta sẽ luôn gặp vấn đề bất cứ khi nào ta tưởng mỗi liên hệ ấy hay người ấy hẳn phải hoàn hảo, hay khi ta đặt ta vào trung tâm và mong chờ mọi sự sẽ xoay chiều thuận lợi cho ta. Rồi, mọi sự làm ta mất kiên nhẫn, mọi sự làm ta phản ứng một cách hung hãn. Nếu không vun đắp tính kiên nhẫn, ta sẽ luôn tìm kế bào chữa cho việc phản ứng đầy giận dữ. Kết cục ta sẽ mất hết khả năng sống với nhau, phản xã hội, không kiểm soát được các bốc đồng của ta, và gia đình ta sẽ trở thành bãi chiến trận. Chính vì thế Lời Chúa dạy ta rằng “Đừng bao giờ chua cay gắt gỏng, nóng nảy giận hờn, hay la lối thoá mạ, và hãy loại trừ mọi hành vi gian ác” (Ep 4:31). Kiên nhẫn bén rễ khi ta thừa nhận rằng người khác cũng có quyền sống trong thế giới này, trong con người hiện thực của họ. Đâu có quan hệ gì nếu họ là gánh nặng của tôi, nếu họ phá hoại kế hoạch của tôi, hay làm tôi khó chịu do cung cách hành động hay suy nghĩ của họ, nếu họ không phải như mọi điều tôi muốn họ là. Lòng yêu thương luôn có khía cạnh cảm thương sâu xa dẫn ta tới chỗ chấp nhận người khác như là một phần thể giới này, ngay cả lúc họ hành động khác với ý thích của tôi.

Lòng yêu thương phục vụ người khác

93. Chữ kế tiếp được Thánh Phaolô sử dụng là *chrestéuetai*. Chữ này chỉ được dùng ở đây trong toàn bộ Thánh Kinh. Nó do chữ gốc *chrestós*: người tốt lành, người tỏ lòng tốt bằng hành động. Ở đây, trong một song hành chặt chẽ với động từ đi trước nó, nó được dùng như một bổ nghĩa. Thánh Phaolô muốn minh xác rằng “kiên nhẫn” không phải là một thái độ hoàn toàn thụ động, nhưng là một thái độ được kèm theo bằng hành động, bằng hành động qua lại đầy năng động và sáng tạo với người khác. Chữ này muốn xác định rằng lòng yêu thương có lợi ích và có tính giúp đỡ người khác. Vì lý do này, nó được dịch là “hiền hậu”; lòng yêu thương luôn sẵn sàng giúp đỡ.

94. Suốt trong đoạn văn này, điều rõ ràng là Thánh Phaolô muốn nhấn mạnh rằng lòng yêu thương không phải chỉ là một cảm xúc xuôi. Đúng hơn, ta nên hiểu nó theo đường hướng động từ “yêu” của tiếng Hípri; tức là “làm điều tốt”. Như Thánh Inhaxiô thành Loyola từng nói, “Lòng yêu thương được biểu lộ bằng hành động hơn là bằng lời nói” (106). Nó biểu lộ tính sinh hoa trái của nó như thế và cho phép ta cảm nghiệm hạnh phúc cho đi, tính cao thượng và vẻ cao cả của việc chúng ta tự cho đi một cách hào phóng không đòi được đền trả, nguyên tuyền vì niềm hân hoan được cho đi và phục vụ.

Lòng yêu thương không ghen tương

95. Thánh Phaolô tiếp tục bác bỏ thái độ do động từ *zelói* (ghen tương hay ghen tị) diễn tả như là trái ngược với lòng yêu thương. Điều này có nghĩa: lòng yêu thương không có chỗ dành cho việc không vui trước vận may của người khác (xem Cv 7:9; 17:5). Lòng ghen tị là một hình thức buồn rầu gây ra bởi sự thịnh vượng của người khác; nó chứng tỏ: ta không quan tâm tới hạnh phúc của người khác mà chỉ quan tâm tới hạnh phúc của ta mà thôi. Trong khi lòng yêu thương làm chúng ta vươn cao quá chúng ta, thì lòng ghen tị khoá kín chúng ta

vào trong chính mình. Lòng yêu thương đích thực biết đánh giá cao các thành tựu của người khác. Nó không coi họ như một đe dọa. Nó giải thoát ta khỏi vị chua chát của lòng ghen tị. Nó thừa nhận rằng mọi người đều có những ơn phúc khác nhau và con đường đi riêng ở trong đời. Nên nó cố gắng khám phá ra con đường tiến tới hạnh phúc của riêng mình, trong khi để người khác tìm ra con đường riêng của họ.

96. Nói tóm lại, yêu thương là chu toàn hai mệnh lệnh cuối cùng của Luật Thiên Chúa: “Người đừng thêm muốn nhà cửa của người lân cận người; người đừng thêm muốn vợ của người lân cận người, hay đầy tớ nam đầy tớ nữ của họ, hay bò lừa, hoặc bất cứ điều gì của người lân cận người” (Xh 20:17). Lòng yêu thương linh hứng cho lòng quý mến thành thực đối với mọi người và nhìn nhận quyền được hạnh phúc của họ. Tôi yêu thương người này, và tôi nhìn họ bằng đôi mắt Thiên Chúa, Đấng ban cho ta mọi sự “để ta vui hưởng” (1Tm 6:17). Do đó, tôi cảm thấy một cảm thức hạnh phúc và bình an sâu xa. Cũng một lòng yêu thương bén rễ sâu này đã dẫn tôi tới chỗ bác bỏ mọi bất công trong đó, một số người sở hữu quá nhiều trong khi những người khác thì chẳng sở hữu bao nhiêu. Nó thúc đẩy tôi tìm cách giúp những người bị xã hội vứt bỏ tìm được chút ít niềm vui. Đây không phải là ghen tị mà là ước nguyện bình đẳng.

Lòng yêu thương không vênh vang

97. Chữ sau đây, *perpereúetai*, diễn tả sự vênh vang, nhu cầu cần phải kiêu kỳ, dạy đời và đôi chút tự đề cao. Những người biết yêu thương không những tự chế, không nói quá nhiều về chính họ, mà còn tập chú vào người khác; họ không cần là tâm điểm để được chú ý. Chữ sau đó, *physioutai*, cũng tương tự như thế, cho thấy lòng yêu thương không ngạo mạn. Về phương diện chiều tự, nó có nghĩa ta không tự “thối phòng” trước mặt người khác. Nó cũng chỉ một điều tinh tế hơn: bị ám ảnh phải khoe khoang, mất hết cảm thức thực tại. Những người như thế nghĩ rằng, vì “tâm linh” hay “khôn ngoan” hơn, nên họ quan trọng hơn chính con người thực của họ. Thánh Phaolô sử dụng động từ này trong nhiều dịp khác, như khi ngài nói: “sự hiểu biết thối phòng” trong khi “lòng yêu thương thì xây dựng” (1Cr 8:1). Một số người nghĩ rằng họ quan trọng vì họ hiểu biết hơn những người khác; họ muốn không chế những người này. Ấy thế nhưng điều thực sự làm chúng ta quan trọng chính là một lòng yêu thương hiểu biết, tỏ ra quan tâm, và bảo bọc người yếu đuối. Ở nơi khác, chữ này được dùng để phê phán những người “bị thối phòng” bởi sự quan trọng của mình (xem 1Cr 4:18) nhưng thực ra họ đầy tràn những chữ nghĩa trống rỗng hơn là “sức mạnh” thực sự của Thần Khí (xem 1Cr 4:19).

98. Đối với các Kitô hữu, điều quan trọng là biểu lộ lòng yêu thương của họ qua cách cư xử với các thành viên trong gia đình ít hiểu biết đức tin, yếu ớt hay kém chắc chắn trong các xác tín của họ. Có khi, điều ngược lại đã diễn ra: các người có đức tin được coi là chín chắn hơn trong gia đình đã trở thành những người cao ngạo không ai chịu thấu. Đáng khác, lòng yêu thương có đặc điểm khiêm nhường; nếu ta muốn hiểu biết, tha thứ và phục vụ người khác với tấm lòng, thì ta phải chữa trị tính kiêu ngạo của ta để lòng khiêm nhường lớn mạnh. Chúa Giêsu từng nói với các môn đệ rằng trong một thế giới trong đó quyền lực đang thắng thế, ai

cũng tìm cách khống chế người khác, nhưng “không như thế giữa các con” (Mt 20:26). Luận lý học nội tại của tình yêu Kitô Giáo không nói tới sự quan trọng hay quyền lực; đúng hơn, “ai là người thứ nhất trong các con phải là người nô lệ của các con” (Mt 20:27). Trong đời sống gia đình, luận lý học thống trị hay cạnh tranh ai là người thông minh nhất hay có quyền nhất sẽ tiêu diệt lòng yêu thương. Lời khuyên răn của Thánh Phêrô cũng được áp dụng vào gia đình: “anh em hãy lấy đức khiêm nhường mà đối xử với nhau, vì Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường” (1Pr 5:5).

Lòng yêu thương không khiếm nhã

99. Lòng yêu thương cũng phải hiền từ và ân cần, và điều này được chữ tiếp theo, *aschemonéi*, chuyên chở. Nó muốn nói: tình yêu không khiếm nhã hay bất lịch sự; nó không lỗ mãng. Các hành động, lời nói và cử chỉ của nó làm vui lòng người khác, chứ không cọ sát hay cứng cỏi. Lòng yêu thương ghét việc làm người khác đau khổ. Sự nhã nhặn “là trường dạy tính nhẫn nại và vô vị lợi” là điều đòi người ta “phát triển tâm tư tình cảm, học cách lắng nghe, cách nói và, có khi, cả cách im lặng nữa” (107). Nó không phải là một điều mà Kitô hữu có thể chấp nhận hay bác bỏ. Là một đòi hỏi chủ yếu của lòng yêu thương, “mọi con người nhân bản buộc phải sống hòa hợp với những người chung quanh” (108). Mỗi ngày, “việc bước vào đời sống một người khác, ngay cả khi người này vốn đóng một vai trò trong đời sống ta, đòi ta phải nhẫn nại và tự chế là điều có thể đổi mới lòng tin tưởng và sự kính trọng. Thực vậy, lòng yêu thương càng sâu sắc, nó càng đòi nơi ta lòng kính trọng tự do của người khác và khả năng chờ đợi cho tới khi người khác mở cửa lòng họ cho ta” (109).

100. Để cởi mở đối với việc gặp gỡ người khác cách chân thực, “một cái nhìn nhân hậu” là điều chủ yếu. Điều này bất tương hợp với thái độ tiêu cực luôn sẵn sàng vạch trần các thiếu sót của người khác trong khi làm ngơ các thiếu sót của mình. Cái nhìn nhân hậu giúp ta nhìn xa hơn các giới hạn của chúng ta, biết kiên nhẫn và hợp tác với người khác, bất chấp các dị biệt của ta. Lòng nhân hậu yêu thương xây dựng các dây nối kết, vun sỏi các mối liên hệ, tạo nên các mạng lưới hội nhập mới và đan dệt được một cơ cấu xã hội bền vững. Nhờ cách này, nó luôn phát triển mạnh mẽ hơn, vì nếu không có một cảm thức thuộc về, ta không thể nâng đỡ việc dần thân của ta cho người khác; kết cục, ta chỉ đi tìm sự thuận tiện của chính ta và cuộc sống chung sẽ trở nên bất khả hữu. Những người phản xã hội nghĩ rằng người khác chỉ hiện hữu để thỏa mãn các nhu cầu riêng của họ. Thành thử, không còn chỗ nào dành cho lòng nhân hậu yêu thương và việc phát biểu nó ra. Những ai yêu thương đều có khả năng nói những lời phấn khởi, gây sức mạnh, an ủi, và khuyến khích. Đó là các lời chính Chúa Giêsu từng nói: “Này con, cứ yên tâm!” (Mt 9:2); “này bà, lòng tin của bà mạnh thật!” (Mt 15:28); “Hãy trỗi dậy!” (Mc 5:41); “Hãy đi bình an!” (Lc 7:50); “Đừng sợ!” (Mt 14:27). Đây không phải là những lời hạ giá người ta, làm cho họ buồn bã, giận dữ hay tỏ ý khinh bỉ. Trong các gia đình của chúng ta, ta phải học cách mô phỏng gương hiền hậu của Chúa Giêsu trong cách ta nói năng với nhau.

Lòng yêu thương thì quảng đại

101. Chúng ta nói đi nói lại rằng để yêu một người khác, ta phải yêu chính mình. Tuy nhiên, bài ca yêu thương của Thánh Phaolô quả quyết rằng lòng yêu thương “không tìm tư lợi” cũng không “tìm điều của riêng mình”. Cùng một ý tưởng này đã được phát biểu trong một đoạn văn khác: “Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác” (Pl 2:4). Thánh Kinh nói rõ rằng phục vụ người khác cách quảng đại thì cao quý hơn yêu chính mình. Yêu mình chỉ quan trọng như một điều kiện tiên quyết về tâm lý để có thể yêu người khác: “Xấu với bản thân thì tốt với ai được? Ngay cả với tài sản của mình, nó cũng không được hưởng. Không ai tệ hơn kẻ làm hại chính mình, và đó là công trả cho sự gian ác của nó” (Hc 14:5-6).

102. Thánh Tôma Aquinô giải thích rằng “Đối với đức ái, ước muốn yêu thương thích đáng hơn ước muốn được yêu thương” (110); thực vậy, “các bà mẹ, những người yêu thương nhiều nhất, tìm cách yêu thương hơn được yêu thương” (111). Thành thử, lòng yêu thương có thể vượt quá và tràn quá các đòi hỏi của công bình, “không mong được đền trả điều gì” (Lc 6:35), và lòng yêu thương lớn nhất có thể dẫn ta tới “hy sinh mạng sống mình” cho người khác (xem Ga 15:13). Liệu một lòng quảng đại như thế, lòng quảng đại giúp ta khả năng cho đi một cách tự do và trọn vẹn, có thể là một điều thực sự khả hữu hay không? Có, vì Tin Mừng đã đòi hỏi nó: “anh em đã nhận được cách nhưng không, thì phải cho đi cách nhưng không” (Mt 10:8).

Lòng yêu thương không nóng giận hay nuôi hận thù

103. Nếu chữ thứ nhất trong bài ca của Thánh Phaolô nói tới việc phải kiên nhẫn, không phản ứng lỗ mãng ngay tức khắc đối với các yếu đuối và lỗi lầm của người khác, thì chữ kế tiếp ngài sử dụng là *paroxýnetai*, liên hệ nhiều hơn tới việc bất bình nội tâm do một điều từ bên ngoài gây ra. Nó chỉ phản ứng dữ dội từ bên trong, một sự nóng giận ẩn khuất khiến ta bực mình liên quan tới người khác, như thể họ gây rối hay đe dọa ta và do đó cần được xa tránh. Nuôi dưỡng thứ thù nghịch nội tâm như thế không ích lợi gì cho bất cứ ai. Nó chỉ gây méo mó lòng và ra xa lạ. Bất bình chỉ lành mạnh khi nó khiến ta phản ứng chống một bất công trầm trọng; khi thẩm nhiễm thái độ của ta đối với người khác, nó chỉ gây hại mà thôi.

104. Tin Mừng dạy ta nhìn ra cái xà trong chính mắt ta (xem Mt 7:5). Các Kitô hữu không thể làm ngơ lời khuyên răn liên li đừng giận dữ của Lời Chúa: “Đừng để sự ác thắng được mình” (Rm 12:21). “Ta đừng mết mỏi trong việc làm điều thiện” (Gl 6:9). Đột nhiên cảm thấy ước muốn trả thù là một chuyện mà chiều theo ước muốn ấy, để nó bén rễ trong tâm hồn ta, là một chuyện khác: “Hãy giận dữ nhưng đừng phạm tội; đừng để mặt trời lặn trên sự giận dữ của anh em” (Ep 4:26). Lời khuyên của tôi là đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình. “Và làm thế nào để làm hòa đây? Quỳ gối xuống chăng? Không! Chỉ cần một cử chỉ nhỏ thôi, một việc nhỏ mọn thôi, cũng đủ để hòa khí gia đình được tái lập. Chỉ một mơn trớn nhỏ, không cần phải nói năng chi. Nhưng đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình bạn” (112). Phản ứng đầu tiên của ta khi ta bị làm phiền nên là một phản ứng chúc lành tận đáy lòng, xin Chúa chúc lành, giải thoát và chữa lành người kia. “Ngược lại, hãy chúc lành, vì anh em đã được kêu gọi làm việc này, ngõ hầu anh em nhận được phúc lành”

(1Pr 3:9). Nếu phải đấu tranh một sự ác, thì hãy đấu tranh; nhưng ta phải luôn nói “không” với bạo lực trong gia đình.

Lòng yêu thương thì tha thứ

105. Một khi đã bén rễ trong trái tim ta, ý xấu sẽ dẫn ta tới chỗ hận thù sâu xa. Câu *ou logízetai to kakón* có nghĩa: lòng yêu thương “không tính sổ sự ác”; “nó không hận thù”. Đối nghịch với hận thù là tha thứ, vốn bén rễ trong thái độ tích cực luôn tìm cách hiểu các yếu đuối của người khác để miễn thứ. Như Chúa Giêsu đã nói, “Lạy Cha, xin Cha tha thứ cho họ; vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23:34). Ấy thế mà chúng ta cứ đi tìm hết lỗi này tới lỗi nọ, tưởng tượng ra đủ thứ ác lớn hơn, giả định đủ thứ ý xấu, và do đó, hận thù cứ thế gia tăng và sâu xa hơn. Cứ thế, mọi lỗi lầm hay thiếu sót từ phía người phối ngẫu đều có thể gây hại tới mối dây yêu thương và bền vững của gia đình. Sẽ là một điều sai lầm khi ta coi mọi vấn đề đều nghiêm trọng như nhau; coi như thế, ta liệu mình dễ cay nghiệt một cách không thích đáng đối với các thiếu sót của người kia. Ước muốn chính đáng thấy các quyền của mình được tôn trọng sẽ trở thành nỗi khao khát trả thù hơn là bảo vệ phẩm giá ta cách hợp lý.

106. Khi ta đã bị xúc phạm hay làm cho thất vọng, tha thứ là điều có thể và đáng ước ao, nhưng không ai có thể nói đây là chuyện dễ dàng. Sự thật là “hiệp thông gia đình sẽ chỉ có thể được duy trì và hoàn thiện nhờ tinh thần hy sinh lớn lao. Thực thể, nó đòi mỗi người và mọi người phải sẵn sàng và quảng đại mở lòng mình ra để hiểu, để chịu đựng, để tha thứ, để hòa giải. Không hề có gia đình nào lại không biết đến ích kỷ, bất hòa, căng thẳng và tranh chấp, tấn công bạo động và đôi khi gây tử thương cho cuộc hiệp thông của họ: do đó, mà xu hướng nhiều hình thức chia rẽ đa dạng trong đời sống gia đình” (113).

107. Ngày nay, ta nhìn nhận rằng để có thể tha thứ cho người khác, ta cần tới kinh nghiệm giải thoát biết tự hiểu và tha thứ cho chính mình. Các lỗi lầm của ta, hay các phê phán nhận được từ người thân yêu của ta, thường dẫn ta tới chỗ đánh mất lòng tự trọng. Ta trở nên xa cách đối với người khác, tránh tình âu yếm và sợ sệt trong các mối liên hệ liên ngã của ta. Đổ lỗi cho người khác khiến ta an tâm một cách sai lầm. Ta cần học cách cầu nguyện cho dĩ vãng của mình, để biết chấp nhận chính ta, học cách sống với các hạn chế của ta, và thậm chí tha thứ cho chính ta, để có được cùng một thái độ như thế đối với người khác.

108. Tất cả các điều trên giả thiết điều này: chính ta có kinh nghiệm được Thiên Chúa tha thứ, được ơn thánh của Người công chính hóa chứ không phải do công phúc của riêng ta. Ta cảm nghiệm được một lòng yêu thương đi trước bất cứ cố gắng nào của ta, một lòng yêu thương không ngừng mở cửa, cổ vũ và khích lệ. Nếu biết nhận rằng lòng yêu thương của Thiên Chúa là vô điều kiện và ta không thể mua hay bán được lòng yêu thương của Chúa Cha, thì ta sẽ có khả năng biểu lộ được một tình yêu không bờ bến và tha thứ cho người khác ngay cả khi họ đã gây hại đến ta. Nếu không, đời sống gia đình của ta sẽ không còn là nơi để hiểu nhau, để nâng đỡ và khích lệ nhau, mà đúng hơn, chỉ là một nơi triền miên căng thẳng và phê phán lẫn nhau.

Lòng yêu thương hân hoan với người khác

109. Kiểu nói *chairei epi te adikía* có liên quan với tính tiêu cực ẩn khuất khá sâu trong tâm hồn người ta. Đây là một thái độ đầy chất độc nơi những người hân hoan thấy bất công được thực hiện nơi người khác. Câu sau đây nói lên thái độ trái ngược lại: *sygchairei te aletheía*: “vui khi thấy điều chân thật”. Nói cách khác, ta hân hoan trước điều tốt lành nơi người khác khi ta nhận ra phẩm giá của họ và trân trọng các khả năng và việc làm tốt của họ. Điều này không thể có nơi những người lúc nào cũng so sánh và cạnh tranh, ngay với người phối ngẫu của mình, đến nỗi vui mừng khi thấy họ thất bại.

110. Khi một người yêu thương làm được một điều tốt cho người khác, hoặc thấy người khác được hạnh phúc, chính họ cũng sống hạnh phúc và nhờ thế biết vinh danh Thiên Chúa, vì Thiên Chúa yêu thương những người cho đi một cách vui vẻ” (2Cr 9:7). Chúa chúng ta đặc biệt đánh giá cao những người tìm được niềm vui trong hạnh phúc của người khác. Nếu ta không chịu học cách biết hân hoan trước hạnh phúc của người khác và tập chú chủ yếu vào các nhu cầu riêng của ta mà thôi, ta đã tự kết án mình phải chịu một cuộc hiện sinh không có niềm vui, vì, như Chúa Giêsu từng dạy, “cho thì có phúc hơn là nhận” (Cv 20:35). Gia đình phải luôn là nơi mà, khi một điều tốt lành xảy ra cho một thành viên, người ta biết rằng các người khác cũng đều có mặt ở đó để mừng vui với họ.

Lòng yêu thương tha thứ mọi sự

111. Bảng liệt kê của Thánh Phaolô chấm dứt với bốn câu đều có những chữ “mọi sự”. Lòng yêu thương tha thứ mọi sự, tin mọi sự, hy vọng mọi sự, chịu đựng mọi sự. Ở đây, ta thấy rõ sức mạnh phản văn hóa của một lòng yêu thương có khả năng đương đầu với bất cứ điều gì có thể đe dọa nó.

112. Trước nhất, Thánh Phaolô nói rằng lòng yêu thương “tha thứ mọi sự” (*panta stégei*). Điều này khác với việc “đừng để ý tới sự ác” bởi vì chữ này liên quan tới việc sử dụng miệng lưỡi. Động từ này có thể có nghĩa “giữ im lặng” trước bất cứ điều xấu nào có thể có nơi người khác. Nó hàm nghĩa giới hạn phán đoán, kiểm soát xu hướng muốn đưa ra lời kết án cương quyết và không thương xót: “Đừng phán đoán và các ông sẽ không bị phán đoán” (Lc 6:37). Dù ngược với cách ta thường sử dụng miệng lưỡi, lời Chúa dạy ta “anh chị em đừng nói xấu lẫn nhau” (Gcb 4:11). Sẵn sàng nói xấu một người khác là cách ta tự khẳng định giá trị của mình, để hả thù hận và ghen tị mà không hề lưu ý tới cái hại ta có thể gây ra. Ta thường hay quên rằng nói xấu rất có thể có tội lớn; nó là một xúc phạm nặng nề chống lại Thiên Chúa nếu nó xâm hại nghiêm trọng tới danh thơm tiếng tốt của người khác và gây thiệt hại đến không thể cứu chữa. Bởi thế, lời Chúa thẳng thắn quả quyết rằng miệng lưỡi “là cả một thể giới của sự ác... làm cho toàn thân ra ô uế” (Gcb 3:6); nó là “một sự dữ không bao giờ ở yên, đầy những nọc độc giết người” (Gcb 3:8). Trong khi cái lưỡi có thể bị dùng để “nguyên rửa những ai đã được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa” (Gcb 3:9), thì lòng yêu thương trân quý danh thơm tiếng tốt của người khác, kể cả của kẻ thù. Khi tìm cách tuân thủ luật Thiên Chúa, ta đừng bao giờ quên đòi hỏi chuyên biệt này của lòng yêu thương.

113. Các cặp vợ chồng được lòng yêu thương kết hợp phải nói tốt cho nhau; họ phải cố gắng trình bày phía tốt của người phối ngẫu, chứ không phải điểm yếu và lỗi lầm của họ. Dù gì, họ cũng phải giữ im lặng hơn là nói xấu người phối ngẫu. Đây không phải chỉ là cách hành động trước mặt người khác; nó phát sinh từ một thái độ nội tâm. Không hề ngây thơ cho rằng mình không trông thấy các vấn đề và điểm yếu của người kia, ta chỉ nhìn các điểm yếu và lỗi lầm này trong một bối cảnh rộng lớn hơn mà thôi. Ta thừa nhận rằng các lỗi lầm này là một phần của bức tranh lớn hơn. Ta cũng phải hiểu ra rằng tất cả chúng ta đều là một sự pha trộn phức tạp của ánh sáng và bóng tối. Người khác kia không phải chỉ là tổng số những điều nhỏ mọn làm tôi khó chịu. Lòng yêu thương không cần phải hoàn hảo mới được ta đánh giá. Người khác yêu thương ta tốt nhất bao nhiêu có thể, với mọi giới hạn của họ, nhưng sự thật vẫn là: lòng yêu thương bất toàn không hề có nghĩa nó không chân thật hay không có thật. Nó có thật, dù giới hạn và có tính phạm trần. Nếu tôi mong đợi quá nhiều, người khác kia sẽ cho tôi biết, vì chàng hay nàng không thể đóng vai Thiên Chúa hay phục vụ được hết mọi nhu cầu của tôi. Lòng yêu thương đồng hiện hữu với sự bất toàn. Nó “tha thứ mọi sự” và có thể giữ được thanh thản trước các giới hạn của người tôi yêu thương.

Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự

114. *Panta pisteúei*. Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự. Ở đây “tin” không theo sát nghĩa thần học của nó, nhưng đúng hơn theo nghĩa điều ta vốn gọi là “tin tưởng” (trust). Điều này vượt quá việc chỉ đơn giản giả thiết người kia không nói dối hay lừa đảo. Niềm tin tưởng căn bản này nhìn nhận ánh sáng Thiên Chúa chiếu rọi quá bên kia sự tối tăm, giống than hồng âm ỉ dưới đám tro tàn.

115. Niềm tin tưởng này giúp mối liên hệ được tự do. Điều này có nghĩa: ta không cần kiểm soát người kia, theo dõi từng bước đi của họ kéo họ thoát khỏi tay ta. Lòng yêu thương tin tưởng, nó giải thoát, nó không cố gắng kiểm soát, chiếm hữu và khống chế mọi sự. Sự tự do này, một sự tự do vốn cổ vũ độc lập, cổ vũ việc cởi mở đối với thế giới chung quanh và đối với các trải nghiệm mới mẻ, chỉ có thể phong phú hóa và mở rộng mối liên hệ. Lúc đó, vợ chồng sẽ chia sẻ với nhau niềm vui của mọi điều họ đã nhận được và học được ở ngoài vòng gia đình. Đồng thời, sự tự do này thuận lợi hóa lòng thành thực và sự trong sáng, vì những người biết rằng họ được tin tưởng và đánh giá cao đều có tinh thần cởi mở, không giấu giếm bất cứ điều gì. Những ai biết rằng người phối ngẫu của họ luôn ngờ vực, ưa phán đoán và thiếu một tình yêu vô điều kiện, sẽ có xu hướng giữ kín mọi chuyện, che giấu các sai phạm và yếu đuối của họ, và giả đồ là một ai đó chứ không phải con người thực của họ. Đáng khác, một gia đình có đặc điểm tin tưởng yêu thương nhau, thì bất cứ xảy ra việc gì, họ cũng đều giúp các thành viên là chính họ và tự nhiên sẽ từ khước lừa đảo, gian trá và nói dối.

Lòng yêu thương hy vọng mọi sự

116. *Panta elpizei*. Lòng yêu thương không thất vọng với tương lai. Tiếp theo những điều vừa nói, kiểu nói này đề cập tới lòng hy vọng của một người biết rằng người khác có thể thay đổi,

trưởng thành hơn và toả một vẻ đẹp bất ngờ và một tiềm năng chưa hề được nói tới. Điều này không có nghĩa: mọi sự sẽ thay đổi ở đời này. Nó bao hàm việc hiểu ra rằng dù sự vật không luôn trở thành như ta mong ước, Thiên Chúa vẫn có thể biến những con đường khúc khuỷu thành thẳng băng và từ những điều xấu ta chịu ở trong đời, Người vẫn có thể rút ra điều tốt.

117. Ở đây, hy vọng sẽ tiến tới chỗ trọn vẹn nhất, vì nó bao hàm sự chắc chắn sẽ có sự sống sau khi chết. Mỗi người, bất chấp mọi sai phạm của họ, đều được kêu gọi bước vào sự viên mãn của sự sống trên thiên đàng. Ở đây, vì hoàn toàn được sự phục sinh của Chúa Kitô biến đổi, mọi yếu đuối, tối tăm và nhược điểm đều sẽ mất dạng. Ở đây, hữu thể thực sự của người ta sẽ sáng lên trong mọi vẻ tốt lành và đẹp đẽ của họ. Giữa các gia trọng (aggravations) của đời hiện tại, việc hiểu ra này sẽ giúp ta nhìn mỗi người từ một viễn ảnh siêu nhiên, trong ánh sáng hy vọng, và mong chờ sự viên mãn họ sẽ nhận được trên nước trời, cho dù vẫn chưa hiển hiện.

Lòng yêu thương chịu đựng mọi sự

118. *Panta hypoménei*. Điều này có nghĩa: lòng yêu thương chịu đựng mọi gian nan thử thách bằng một thái độ tích cực. Nó đứng vững trong các môi trường thù nghịch. Sự “chịu đựng” này bao hàm không những khả năng chấp nhận một số gia trọng, mà còn chấp nhận một điều lớn hơn thế: luôn sẵn sàng đương đầu với bất cứ thách đố nào. Đây là một lòng yêu thương không bao giờ bỏ cuộc, dù trong những giờ phút đen tối nhất. Nó chứng tỏ một anh hùng tính ngoan cường, một sức mạnh đề kháng bất cứ trào lưu tiêu cực nào, một dân thân không thể nào dẹp bỏ đối với sự thiện. Ở đây, tôi nghĩ tới lời lẽ của [Mục Sư] Martin Luther King, người từng đương đầu với đủ thứ thử thách và sâu nã bằng một lòng yêu thương huynh đệ: “Người ghét bạn nhất vẫn có điều tốt ở trong họ; ngay quốc gia ghét bạn nhất cũng có điều tốt trong nó; ngay chủng tộc ghét bạn nhất cũng có điều tốt nào đó trong nó. Và khi bạn tiến tới chỗ có thể nhìn thẳng vào mặt mọi người và thấy trong thâm sâu lòng họ điều được tôn giáo gọi là ‘hình ảnh Thiên Chúa’, bạn sẽ bắt đầu yêu thương họ bất chấp [mọi sự]. Bất kể họ làm gì, bạn đều thấy hình ảnh của Thiên Chúa ở đây. Đó là một yếu tố của sự thiện mà họ không bao giờ họ có thể tháo bỏ... Một cách nữa để bạn yêu kẻ thù của bạn là: khi có cơ hội để bạn đánh bại kẻ thù của bạn, thì đó là lúc bạn đừng nên làm việc đó... Khi bạn đã vượt tới bình diện yêu thương, tới vẻ đẹp và sức mạnh lớn lao của nó, bạn sẽ chỉ tìm cách đánh bại các hệ thống xấu xa. Các cá nhân nào chẳng may bị liên lụy trong hệ thống ấy, bạn hãy yêu thương họ, nhưng bạn phải tìm cách đánh bại hệ thống... Hận thù vì hận thù chỉ gia tăng sự hiện hữu của hận thù và sự ác trong vũ trụ. Nếu tôi đánh bạn và bạn đánh tôi, thì tôi sẽ đánh lại bạn và bạn sẽ đánh lại tôi, cứ thế, bạn thấy đó, nó sẽ kéo dài vô tận. Nó sẽ không bao giờ chấm dứt. Ở một nơi nào đó, một ai đó hẳn phải có một chút cảm thức, và người đó hẳn là người mạnh mẽ. Người mạnh mẽ là người có thể cắt đứt dây chuyền hận thù, dây chuyền sự ác... Một ai đó phải có tôn giáo đủ và luân lý đủ để cắt đứt nó và bơm vào mọi cơ cấu của vũ trụ cái yếu tố mạnh mẽ ấy của lòng yêu thương” (114).

119. Trong đời sống gia đình, ta cần vun sỏi sức mạnh yêu thương ấy, một sức mạnh có thể giúp ta đấu tranh với mọi sự ác đang đe dọa nó. Lòng yêu thương không nhường bước cho

hận thù, cho khinh miệt người khác hay ước muốn gây thương tích hoặc chiếm ưu thế. Lý tưởng Kitô Giáo, đặc biệt trong gia đình, là một tình yêu không bao giờ bỏ cuộc. Đôi khi tôi rất cảm phục khi thấy những người đàn ông đàn bà dù đã ly thân với người phối ngẫu để tránh bạo lực thể lý, ấy thế nhưng, vì lòng yêu thương vợ chồng biết vượt quá phạm vi xúc cảm, nên vẫn cố gắng giúp đỡ người phối ngẫu, dù đôi khi gián tiếp qua người khác, trong lúc họ bị bệnh tật, đau khổ hay thử thách. Ở đây, ta cũng thấy một tình yêu không bao giờ bỏ cuộc.

Lớn lên trong lòng yêu thương vợ chồng

120. Các suy tư của chúng ta về bài ca yêu thương của Thánh Phaolô đã chuẩn bị để chúng ta thảo luận về lòng yêu thương vợ chồng. Đây là lòng yêu thương giữa chồng và vợ (115), một lòng yêu thương được thánh hóa, phong phú hóa và được soi sáng bởi ơn thánh của bí tích hôn phối. Nó là một “cuộc kết hợp có tính cảm xúc” (116), thiêng liêng và hy tế, phối hợp cả sự ấm áp của tình bạn lẫn sự đam mê của gọi tình, và kéo dài mãi sau khi xúc cảm và đam mê đã nguội đi. Đức Giáo Hoàng Piô XI từng dạy rằng tình yêu này thấm đượm mọi bồn phận của đời sống vợ chồng và hưởng được vị trí trang trọng (117). Được Chúa Thánh Thần đổ xuống, tình yêu mạnh mẽ này là phản ánh của giao ước liên tục giữa Chúa Kitô và nhân loại, một giao ước đạt tới cao điểm trong việc tự hiến tế của Người trên thập giá. “Thần Khí mà Chúa đổ xuống ban trái tim mới và làm cho người đàn ông và người đàn bà có khả năng yêu thương nhau như Chúa Kitô yêu thương chúng ta. Lòng yêu thương vợ chồng đạt tới sự viên mãn mà nó đã được xếp đặt từ bên trong: đức ái phụ phụ” (118).

121. Hôn nhân là một dấu chỉ quý giá, vì “khi một người đàn ông và một người đàn bà cử hành bí tích hôn nhân, Thiên Chúa như thể ‘được soi gương’ trong họ; Người in nơi họ các đặc điểm của Người và ấn tích tình yêu không thể xóa bỏ của Người. Hôn nhân là hình ảnh của tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta. Thực vậy, Thiên Chúa cũng là sự hiệp thông: Ba Ngôi Cha, Con và Thánh Thần sống đời đời trong một hợp nhất hoàn hảo. Và đây chính là mầu nhiệm hôn nhân: Thiên Chúa biến vợ chồng thành một hiện sinh đơn nhất” (119). Điều này có nhiều hậu quả cụ thể hàng ngày, vì vợ chồng “nhờ sức mạnh của bí tích hôn phối, được trao phó một sứ mệnh chân thực và thích đáng, để, khởi đi từ những sự việc đơn sơ tầm thường của đời sống, họ có thể làm cho lòng yêu thương mà Chúa Kitô vốn dành cho Giáo Hội và tiếp tục hiến mạng sống cho Giáo Hội của Người thành hữu hình” (120).

122. Tuy nhiên, ta không nên lẫn lộn hai bình diện: không nên đặt lên vai hai con người hữu hạn cái gánh nặng khủng khiếp của việc phải tái tạo một cách hoàn hảo sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, vì hôn nhân như dấu chỉ bao hàm “một diễn trình năng động... một diễn trình diễn tiến từ từ qua việc hội nhập các ơn phúc của Thiên Chúa một cách tiệm tiến” (121).

Chia sẻ suốt đời

123. Sau lòng yêu thương kết hợp ta với Thiên Chúa, lòng yêu thương vợ chồng là “hình thức

vĩ đại nhất của tình bạn” (122). Nó là sự kết hợp có hết mọi đặc điểm của một tình bạn tốt đẹp: việc quan tâm tới thiện ích của người kia, tính hỗ tương, sự thân mật, sự âm áp, tính bền vững và sự giống nhau phát sinh từ cuộc sống chung. Cộng vào tất cả những điều ấy, hôn nhân còn thêm tính độc chiếm bất khả hủy tiêu, được phát biểu qua việc cam kết lâu bền sẽ chia sẻ và cùng nhau xây dựng trọn cuộc sống. Ta hãy trung thực và nhìn nhận các dấu chỉ của thực tại: những người yêu thương nhau không coi mối liên hệ của họ là tạm bợ. Những người kết hôn với nhau không mong sự hứng khởi của họ nguội dần. Những người mục kích việc cử hành cuộc kết hợp yêu thương, bất kể mòng đón đến đâu, đều tin tưởng rằng nó sẽ vượt qua thử thách của thời gian. Con cái không những muốn cha mẹ chúng yêu thương nhau, mà còn trung thành và ở với nhau mãi mãi. Các dấu chỉ này và các dấu chỉ tương tự chứng tỏ rằng từ trong chính bản chất của nó, tình yêu vợ chồng có tính dứt khoát. Sự kết hợp lâu bền do các lời thề hứa lúc kết hôn nói lên không phải chỉ có tính hình thức hay công thức truyền thống; nó bén rễ trong chính các khuynh hướng tự nhiên của nhân vị. Đối với những người có đức tin, nó còn là giao ước trước mặt Thiên Chúa, một giao ước đòi phải trung thành: “Chúa là chứng nhân của giao ước giữa người và vợ thuở thanh xuân của người, người mà người đã bất trung, dù nàng là người đồng hành với người và là vợ người theo giao ước... Không ai được bất trung với người vợ thuở thanh xuân của mình. Vì Ta ghét việc ly dị, Chúa nói thế” (Mlk 2:14-16)

124. Một lòng yêu thương yếu ớt hay bệnh hoạn, không có khả năng chấp nhận hôn nhân như một thách đố cần được đảm nhận và chiến đấu cho, cần được tái sinh, canh tân và tái sáng chế cho tới chết, không thể chống đỡ một cam kết to lớn. Nó sẽ gãy đổ trước nền văn hóa phù phiếm luôn ngăn cản diễn trình tăng trưởng không ngừng. Ấy thế nhưng “việc đoan hứa yêu nhau mãi mãi vẫn là điều có thể khi ta nhận rõ một kế hoạch lớn hơn các ý nghĩ và cam kết của ta, một kế hoạch có thể nâng đỡ ta và giúp ta khả năng dành trọn tương lai của ta cho người ta yêu” (123). Muốn vượt qua mọi thử thách và luôn trung thành bất chấp mọi sự, tình yêu này cần được ban ơn thánh để củng cố và nâng cao nó. Như lời Thánh Robert Bellarmine nói, “sự kiện một người đàn ông kết hợp với một người đàn bà trong một dây nôi kết bất khả tiêu, và họ mãi bất khả phân bất chấp mọi thứ khó khăn, ngay cả khi không còn hy vọng gì có con, chỉ có thể là dấu chỉ một mẫu nhiệm cao cả” (124).

125. Hôn nhân cũng là một tình bạn có đặc tính của một đam mê, nhưng là một đam mê luôn điều hướng về một cuộc kết hợp mỗi ngày mỗi bền vững và thâm hậu hơn. Được như thế là nhờ “hôn nhân không chỉ được thiết lập cho việc sinh con mà thôi” mà còn để cho lòng yêu thương hỗ tương “được phát biểu thích đáng, tăng trưởng và chín mùi” (125). Tình bạn độc đáo giữa một người đàn ông và một người đàn bà chỉ nhận được đặc điểm tổng thể hóa ấy bên trong cuộc kết hợp vợ chồng mà thôi. Nhưng cũng chính trong tư cách tổng thể hóa ấy, cuộc kết hợp này có tính độc chiếm, trung thành và đón chào sự sống mới. Nó chia sẻ mọi sự trong một lòng kính trọng hỗ tương không ngừng. Công đồng Vatican II nhắc lại điều này khi quả quyết rằng “Một tình yêu kết hợp yếu tố nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thâm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ triu mến” (126)

126. Trong hôn nhân, niềm vui yêu thương cần được vun sới. Khi việc tìm kiếm khoái lạc trở thành ám ảnh, nó sẽ kiềm giữ ta trong nô dịch và ngăn cản ta cảm nghiệm nhiều niềm sáng khoái khác. Đàng khác, niềm vui sẽ gia tăng sáng khoái của ta và giúp ta đi tìm thỏa mãn trong rất nhiều sự vật, ngay cả trong những thời khắc của cuộc sống lúc sáng khoái thể lý đã xuống dốc. Thánh Tôma Aquinô nói rằng chữ “vui” có ý nói tới việc mở rộng tâm hồn (127). Ta có thể cảm nghiệm được niềm vui vợ chồng ngay giữa lúc đang buồn phiền; nó hệ ở việc biết chấp nhận điều này: hôn nhân là một pha trộn nhất thiết phải có gồm hưởng thụ và đấu tranh, căng thẳng và thư giãn, đau đớn và khuây khỏa, thỏa mãn và chờ mong, khó chịu và khoan khoái, nhưng luôn ở trên con đường của tình bạn, một con đường gây hứng để vợ chồng chăm sóc lẫn nhau: “Họ giúp nhau và phục vụ lẫn nhau” (128).

127. Lòng yêu thương của tình bạn có tên là “đức ái” khi nó hiểu rõ và biết trân trọng “giá trị lớn lao” của người kia (129). Cái đẹp, tức “giá trị lớn lao” khác hơn là sức lôi cuốn thể lý hay tâm lý, giúp ta khả năng biết đánh giá tính thánh thiêng của một con người, mà không bị thôi thúc phải chiếm hữu họ. Trong một xã hội duy tiêu thụ, cảm thức về cái đẹp trở nên nghèo nàn và do đó niềm vui nhạt dần đi. Mọi sự ở đây đều phải được mua, chiếm hữu hay tiêu thụ, kể cả con người. Mặt khác, tình âu yếm là dấu chỉ một lòng yêu thương không ích kỷ chiếm hữu. Nó làm ta tiếp cận người khác với một lòng kính trọng sâu xa và nỗi sợ lớn lao có thể gây hại cho họ hay tước mất tự do của họ. Yêu thương một người khác bao hàm niềm vui được chiêm ngắm và trân quý cái đẹp và sự thánh thiêng bên trong của họ, những điều luôn vượt quá các nhu cầu của tôi. Điều này giúp tôi tìm kiếm điều tốt của họ cả khi họ không thể thuộc về tôi hoặc họ không còn lôi cuốn nữa về thể lý, trái lại chỉ gây hấn hay gây phiền hà. Vì “lòng yêu thương nhờ đó một người làm vui lòng người kia tùy ở việc họ tự ý cho đi một điều gì đó” (130).

128. Cảm nghiệm thẩm mỹ của lòng yêu thương được phát biểu trong “cái nhìn” biết chiêm ngưỡng người khác như cùng đích trong chính họ, ngay cả khi họ ốm yếu, già cả hay không lôi cuốn về thể lý. Cái nhìn biết đánh giá có tầm quan trọng rất lớn lao, và từ khước nó thường gây nhiều tai họa. Để được lưu ý, những người phối ngẫu và con cái họ đã phải làm không biết bao nhiêu sự việc! Khi ta không còn nhìn nhau, biết bao méch lòng và vấn đề đã phát sinh! Đây là điều ảm khuất phía sau các than vãn và kêu ca ta thường nghe thấy trong các gia đình: “chồng tôi không nhìn tôi; anh ấy hành xử như thể tôi vô hình”. “Anh làm ơn nhìn em khi em nói đi!”. “Vợ tôi không thèm nhìn tôi nữa, mụ chỉ để ý tới con cái!”. “Trong chính căn nhà của tôi, không ai lưu ý gì tới tôi cả; đến nhìn tôi họ cũng không nốt; cứ như thể tôi không hiện hữu”. Lòng yêu thương mở mắt ta và giúp ta khả năng nhìn, đàng sau tất cả những điều khác, là giá trị lớn lao của một con người.

129. Niềm vui của lòng yêu thương chiêm ngưỡng này cần được vun sới. Vì ta đã được tạo nên để yêu thương, nên ta biết rằng không có niềm vui nào lớn hơn niềm vui được chia sẻ các điều tốt đẹp: “Hãy cho, hãy nhận, hãy cư xử tốt với nhau” (Hc 14:16). Niềm vui thâm hậu nhất ở trên đời là có thể làm người khác hân hoan, quả là một tiền vị của Nước Trời. Ta có thể

nghe tới cảnh đáng yêu trong phim *Babette's Feast*, lúc bà đầu bếp quảng đại nhận được cái ôm hôn và lời khen biết ơn: “Ôi với chị, các thiên thần đã được vui sướng xiết bao!”. Quả là một niềm vui và an ủi lớn khi đem hân hoan đến cho người khác, thấy họ được sung sướng. Niềm vui này, hoa trái của lòng yêu thương huynh đệ, không phải là niềm vui của người tự phụ, chỉ biết có mình, mà là niềm vui của những người yêu thương, biết hân hoan vì điều tốt của những người mình yêu thương, biết hiến thân cho họ cách tự do và nhờ thế trở nên phong phú nơi họ.

130. Mặt khác, niềm vui cũng phát triển nhờ đau đớn và đau buồn. Như Thánh Augustinô từng nói “trong chiến đấu, nguy hiểm càng lớn niềm vui chiến thắng càng cao” (131). Sau khi cùng nhau chịu đau đớn và gian nan, vợ chồng có thể cảm nhận chúng rất đáng giá, vì họ đã đạt được một điều gì đó tốt, học được một điều gì đó trong tư cách vợ chồng, hay tiến tới chỗ biết đánh giá con người thực của họ. Ít có niềm vui nhân bản nào thâm hậu và gây hứng khởi bằng niềm vui được cảm nhận bởi hai con người yêu thương nhau và đã đạt được một điều gì đó nhờ một cố gắng lớn lao chung.

Kết hôn vì yêu thương

131. Tôi muốn nói với giới trẻ rằng không điều gì trong các điều trên lâm nguy nếu tình yêu của họ tìm được biểu thức trong hôn nhân. Trong định chế này, sự kết hợp của họ tìm được các phương thế bảo đảm cho tình yêu của họ được thực sự lâu bền và phát triển. Dĩ nhiên, tình yêu của họ không phải chỉ là sự ưng thuận hay khế ước bên ngoài, tuy nhiên, điều vẫn đúng là việc quyết định dành cho hôn nhân một hình thức hữu hình trong xã hội bằng cách đảm nhiệm một số cam kết sẽ chứng tỏ nó quan trọng đến chừng nào. Nó nói lên tính nghiêm túc của việc người này đồng nhất với người kia và quyết định vững vàng của họ nhất định để chủ nghĩa duy cá nhân của thời niên thiếu lại phía sau và thuộc về nhau. Hôn nhân là một phương thế để nói lên rằng chúng tôi thực sự rời bỏ sự an toàn của tổ ấm nơi chúng tôi từng lớn lên để xây dựng những mối dây liên kết mạnh mẽ khác và đảm nhiệm một trách nhiệm mới đối với một người khác. Điều này có ý nghĩa nhiều hơn là việc chỉ tự phát kết hợp để thỏa mãn hồ tương, một điều biến hôn nhân thành một việc hoàn toàn có tính tư riêng. Là một định chế xã hội, hôn nhân bảo vệ và lên khuôn cam kết chung nhằm phát triển sâu đậm hơn trong yêu thương và cam kết đối với nhau, vì thiện ích của xã hội như một toàn thể. Đó là lý do tại sao hôn nhân không phải chỉ là một thời trang mau qua; nó là điều quan yếu kéo dài với thời gian. Yêu tính của nó phát sinh từ bản chất nhân bản của ta và đặc điểm xã hội. Nó bao gồm một loạt nghĩa vụ phát sinh từ chính lòng yêu thương, một lòng yêu thương nghiêm túc và quảng đại đến nỗi sẵn sàng đương đầu với bất cứ nguy cơ nào.

132. Chọn kết hôn cách trên nói lên một quyết định chân chính và cương quyết nhằm nối kết các nẻo đường đi, bất chấp mọi điều có thể xảy ra. Vì tính nghiêm túc của nó, cam kết yêu thương công khai này không thể là kết quả của một quyết định hấp tấp, nhưng cũng không nên bị trì hoãn vô định. Cam kết một cách độc chiếm và dứt khoát với một người khác luôn bao hàm một nguy cơ và một ván bài mạnh dạn. Không sẵn sàng đưa ra một cam kết như thế là ích kỷ, tính toán và nhỏ mọn. Nó không biết thừa nhận quyền lợi của một người khác và

trình bày người này cho xã hội như người đáng được hưởng một tình yêu vô điều kiện. Nếu hai người thực sự yêu nhau, họ tự nhiên sẽ bày tỏ điều này cho nhiều người khác. Khi lòng yêu thương được phát biểu trước nhiều người khác trong khế ước hôn nhân, với mọi cam kết công khai, nó rõ ràng cho thấy và muốn bảo vệ chữ “có” mà những người này nói với nhau một cách tự do và không một chút dè dặt. Chữ “có” này cho họ hay: họ luôn luôn có thể tin tưởng nhau, họ sẽ không bao giờ bị bỏ rơi khi gặp khó khăn hay khi những lời cuốn mới hoặc những quyền lợi ích kỷ khác xuất hiện.

Một lòng yêu thương tự biểu lộ và gia tăng

133. Lòng yêu thương của tình bạn thống nhất hóa mọi khía cạnh của đời sống hôn nhân và giúp các thành viên gia đình không ngừng lớn mạnh. Tình yêu này phải được phát biểu một cách tự do và quảng đại bằng lời nói và việc làm. Trong gia đình, “ba chữ cần phải dùng. Tôi muốn lặp lại điều này! Đó là ba chữ ‘làm ơn’, ‘cám ơn’, ‘xin lỗi’. Ba chữ chủ yếu!” (132). “Trong các gia đình của chúng ta khi chúng ta không hống hách và chúng ta nói ‘cho phép tôi’; trong các gia đình của chúng ta, khi chúng ta không ích kỷ và chúng ta có thể nói ‘cám ơn’; và trong các gia đình của chúng ta, khi một ai đó nhận ra mình đã làm điều gì sai và có khả năng nói ‘xin lỗi’, thì gia đình ta sẽ cảm nghiệm được bình an và vui tươi” (133). Ta đừng nên keo kiệt trong việc sử dụng ba chữ này, nhưng hãy tiếp tục lặp đi lặp lại, ngày qua ngày. Vì “một số sự im lặng hết sức ngọt ngào, đôi khi ngay trong các gia đình, giữa chồng và vợ, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau” (134). Những lời nói đúng, nói đúng lúc, sẽ hàng ngày che chở và nuôi dưỡng được lòng yêu thương.

134. Tất cả các điều trên diễn ra trong một diễn trình tăng trưởng không ngừng. Chính hình thức yêu thương đặc biệt là hôn nhân được mời gọi hiện thân cho điều Thánh Tôma Aquinô nói về đức ái cách chung. Ngài viết: “từ chính bản chất của nó, đức ái không bị giới hạn trong việc tăng trưởng của nó, ví nó tham dự vào đức ái vô biên là Chúa Thánh Thần... Về phía chủ thể, cũng không thể ấn định giới hạn cho nó, vì khi đức ái tăng trưởng, khả năng gia tăng lớn hơn của nó cũng tăng trưởng” (135). Thánh Phaolô cũng đã cầu nguyện rằng “Xin Chúa làm cho anh em tăng trưởng và dồi dào trong đức ái đối với nhau” (1Tx 3:12), và câu này nữa, “liên quan tới lòng yêu thương huynh đệ... chúng tôi thúc giục anh em, thưa anh em quý yêu, anh em hãy làm thế mỗi ngày mỗi hơn” (1Tx 4:9-10). Mỗi ngày mỗi hơn! Lòng yêu thương vợ chồng không được bảo vệ chủ yếu nhờ việc trình bày tính bất khả tiêu như một bản phận, hay nhờ việc lặp lại tín lý, nhưng nhờ việc giúp nó mỗi ngày mỗi mạnh mẽ hơn dưới sự thúc đẩy của ơn thánh. Lòng yêu thương nào không chịu tăng trưởng sẽ gặp nguy hiểm. Tăng trưởng chỉ diễn ra nếu chúng ta biết đáp trả ơn thánh của Thiên Chúa qua các hành vi yêu thương không ngừng, những hành vi nhân hậu mỗi ngày mỗi trở nên thường xuyên hơn, thâm hậu hơn, quảng đại hơn, dịu dàng hơn và vui tươi hơn. Các người chồng người vợ “trở nên ý thức được sự hợp nhất của họ và cảm nghiệm nó sâu sắc hơn hết ngày này tới ngày nọ” (136). Ôn phúc của tình yêu Thiên Chúa được tràn đổ xuống đôi vợ chồng cũng là lời mời gọi họ tăng trưởng không ngừng trong ơn thánh.

135. Mơ tưởng một lòng yêu thương có tính điên viên và hoàn hảo không cần bất cứ kích

thích nào để tăng trưởng là điều vô ích. Ý niệm thiên giới về một lòng yêu thương trần thế quên khuấy điều này: Điều tốt nhất sẽ còn phải đến, rượu nho càng có tuổi càng ngon. Như các giám mục Chile từng chỉ ra, “Các gia đình hoàn hảo do tuyên truyền lừa bịp duy tiêu thụ đề xuất không hề hiện hữu. Trong các gia đình này, không có người già, không có bệnh tật, buồn sầu hay chết chóc... tuyên truyền duy tiêu thụ trình bày một hình ảnh tưởng tượng không liên quan gì tới thực tại mà các trưởng gia đình phải hàng ngày đương đầu” (137). Sẽ lành mạnh hơn nhiều nếu ta thực tiễn đối với các hạn chế, thiếu sót và bất toàn của ta, và đáp lại lời mời gọi cùng nhau tăng trưởng, cùng nhau đem lòng yêu thương tới chỗ chín mùi và cùng nhau củng cố cuộc kết hợp, bất chấp mọi điều có thể xảy ra.

Đối thoại

136. Đối thoại là điều chủ yếu để cảm nghiệm, phát biểu và cổ vũ lòng yêu thương trong đời sống hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, nó chỉ có thể là hoa trái của một thời kỳ tập luyện lâu dài và nhiều đòi hỏi. Đàn ông và đàn bà, người trẻ và người lớn, thông đạt khác nhau. Họ nói các ngôn ngữ khác nhau và hành xử khác nhau. Cách ta đặt câu hỏi và trả lời, âm sắc ta sử dụng, việc chọn thì giờ và một số nhân tố khác qui định cách thông đạt tốt của ta. Ta cần phát triển một số thái độ để phát biểu lòng yêu thương và khích lệ việc đối thoại chân chính.

137. Hãy dành thì giờ, thì giờ có giá trị. Nghĩa là sẵn sàng để lắng nghe một cách kiên nhẫn mọi điều người khác muốn nói. Việc này đòi phải tự ra kỷ luật cho mình để đừng nói cho tới lúc thuận tiện. Thay vì đề xuất ý kiến hay lời khuyên, ta cần phải chắc chắn là ta đã nghe hết mọi điều người khác muốn nói. Nghĩa là vun sỏi sự thâm lặng nội tâm giúp ta có khả năng lắng nghe người khác mà không xao lãng về phương diện tâm trí và xúc cảm. Đừng nên vội vã, hãy để qua một bên mọi nhu cầu và lắng lo của anh chị em, và chừa đủ không gian (cho việc lắng nghe). Người phối ngẫu kia thường không cần một giải đáp cho các vấn đề của họ, cho bằng đơn giản được lắng nghe, cảm thấy có ai đó đang thừa nhận các nỗi đau, các nỗi chán chường, lo sợ, giận hờn, hy vọng và giấc mơ của họ. Biết bao lần chúng ta đã nghe những ta thán như: “anh ấy không lắng nghe tôi”. “Ngay cả khi anh có về (lắng nghe), thực ra anh vẫn đang làm một điều gì khác”. “Tôi nói với cô ấy nhưng tôi cảm thấy như cô ấy không thể chờ cho tôi nói hết”. “Khi tôi nói với cô ấy, cô ấy đều ráng đòi đề tài, hoặc trả lời tôi những câu trả cụt lủn để kết thúc câu chuyện”.

138. Hãy khai triển thói quen dành tâm quan trọng thực sự cho người khác. Nghĩa là đánh giá cao họ và nhìn nhận quyền họ được hiện hữu, được suy nghĩ như họ đang suy nghĩ và quyền được hạnh phúc. Đừng bao giờ coi thường điều họ nói hay suy nghĩ, ngay cả khi anh chị em cần phát biểu quan điểm riêng của mình. Mọi người đều có điều gì đó để đóng góp, vì họ có các kinh nghiệm riêng ở đời, họ nhìn sự vật từ một thể nhìn khác và họ có những quan tâm, các khả năng và những cái nhìn thấu suốt riêng. Ta nên có khả năng biết thừa nhận sự thật của người khác, giá trị trong các quan tâm sâu xa nhất của họ, và đâu là điều họ đang cố gắng thông đạt, bất kể hung hãn ra sao. Ta phải đặt ta vào đôi giày của họ và ráng nhìn sâu vào trái tim họ, nhận rõ các quan tâm sâu xa nhất của họ và lấy đó làm khởi điểm để đối thoại thêm.

139. Hãy có một tâm trí rộng mở. Đừng bị sa lầy vào chính các ý nghĩ và ý kiến của mình, nhưng hãy sẵn sàng thay đổi và mở rộng chúng. Phối hợp hai lối suy nghĩ khác nhau có thể dẫn tới một tổng hợp làm phong phú cả hai. Sự hợp nhất mà ta muốn có không phải là sự độc dạng, mà là “sự hợp nhất trong đa dạng” hay “sự đa dạng hòa giải” (reconciled diversity). Sự hiệp thông huynh đệ được phong phú hóa nhờ lòng kính trọng và biết đánh giá các dị biệt trong một viễn ảnh toàn diện nhằm thăng tiến ích chung. Ta cần giải thoát ta khỏi tâm tư cho rằng tất cả chúng ta phải như nhau. Một sự sắc sảo nào đó cũng cần phải có để ngăn ngừa cái đáng “tĩnh tại” có thể nhiều loạn diễn trình đối thoại. Thí dụ, nếu những tâm tư khó chịu bắt đầu lộ dạng, chúng phải được xử lý một cách miễn cưỡng, kéo chúng làm ngưng đọng tính năng động của cuộc đối thoại. Khả năng nói điều mình nghĩ mà không xúc phạm tới người khác là một điều quan trọng. Phải cẩn thận lựa lời mà nói để đừng xúc phạm tới người khác, nhất là khi thảo luận các vấn đề khó khăn. Nhấn mạnh một điểm không bao giờ được bao gồm việc nói cho hả giận và gây méch lòng. Giọng kẻ cả chỉ tổ gây méch lòng, chế diễu, tố cáo và xúc phạm người khác. Nhiều bất đồng giữa các cặp vợ chồng không hẳn là về những việc quan trọng. Phần lớn là về những chuyện vụn vặt. Tuy nhiên, điều làm thay đổi bầu khí là cách sự việc được nói tới hay thái độ khi nói chúng ra.

140. Hãy tỏ tình âu yếm và quan tâm với người kia. Lòng yêu thương vượt thắng cả những rào cản mạnh nhất. Khi yêu thương ai, hay khi cảm thấy được ai yêu thương, ta có thể hiểu rõ hơn điều họ muốn thông đạt. Sợ người khác như một thứ “đối thủ” là dấu hiệu của yếu đuối, cần được vượt qua. Điều quan trọng là đặt căn bản cho lập trường của mình trên các chọn lựa, niềm tin hay giá trị vững chắc, chứ đừng trên nhu cầu phải thắng một luận điểm hay chứng tỏ mình đúng.

141. Sau cùng, ta hãy nhìn nhận điều này: để đối thoại xứng đáng, ta phải có một điều gì đó để nói. Điều này chỉ có thể là hoa trái của một sự phong phú nội tâm được nuôi dưỡng bằng việc đọc (sách báo), suy nghĩ bản thân, cầu nguyện và cởi mở đối với thế giới bao quanh. Nếu không, các cuộc đàm thoại sẽ trở nên buồn chán và tầm thường. Khi cả hai người phối ngẫu đều không cố gắng trong phạm vi này và ít giao tiếp thực sự với người khác, đời sống gia đình sẽ trở nên ngột ngạt và cuộc đối thoại trở nên nghèo nàn.

Tình yêu say mê

142. Công Đồng Vatican II dạy rằng lòng yêu thương vợ chồng này “bao gồm thiện ích của toàn bộ con người; nó có thể phong phú hóa các tâm tư tình cảm và các phát biểu thể lý của chúng bằng một phẩm giá độc đáo và cao thượng hóa chúng thành những nét đặc biệt và biểu hiện cho tình bạn chuyên biệt của hôn nhân” (138). Vì lý do này, lòng yêu thương nào thiếu khoái cảm hay say mê đều không đủ để biểu tượng hóa sự kết hợp của trái tim con người với Thiên Chúa: “Mọi nhà huyền nhiệm đều quả quyết rằng tình yêu siêu nhiên và tình yêu thiên giới tìm được biểu tượng mà chúng tìm kiếm nơi tình yêu vợ chồng, hơn là tình bạn, tình hiếu thảo hay việc hiến thân cho một chính nghĩa. Còn lý do thì phải tìm trong chính tính toàn bộ của nó” (139). Vậy thì làm sao ta có thể không dừng lại để nói tới các tâm tình và đức tính trong hôn nhân?

Thế giới xúc cảm

143. Thèm muốn, cảm giác, xúc cảm, những điều mà người xưa gọi là “các đam mê”, tất cả đều có vị trí quan trọng trong đời sống vợ chồng. Chúng được đánh thức mỗi khi “người kia” trở nên hiện diện và là một phần đời ta. Đặc điểm của mọi sinh vật là muốn vươn tới những sinh vật khác, và khuynh hướng này luôn có những dấu hiệu căn bản thuộc cảm giới: khoan khoái hay đau đớn, vui mừng hay buồn bã, âu yếm hay sợ sệt. Chúng làm cơ sở cho sinh hoạt tâm lý sơ đẳng nhất. Con người nhân bản sống trên trái đất này, nên tất cả những gì họ làm và tìm kiếm đều nhuốm màu đam mê.

144. Là người thật, Chúa Giêsu cũng đã biểu lộ các xúc cảm của Người. Người đau đớn vì bị Giêrusalem từ bỏ (xem Mt 23:27) và điều này làm rơi nước mắt Người (xem Lc 19:41). Người cũng xúc động sâu xa trước nỗi đau khổ của người khác (xem Mc 6:34). Người cảm nhận sâu xa cảnh tang chế của họ (xem Ga 11:33), và Người khóc trước cái chết của một người bạn (xem Ga 11:35). Các điển hình nhạy cảm này của Người cho thấy trái tim nhân bản của Người đã rộng mở ra sao đối với người khác.

145. Tự nó, cảm thấy một xúc cảm là điều không tốt không xấu về phương diện luân lý (140). Bắt đầu cảm thấy thèm muốn hay ghê tởm không hề có tội hay đáng trách. Chính hành vi ta làm, do một đam mê kích thích hay đi kèm, mới xấu hay tốt. Nhưng nếu các xúc cảm được vun sới, duy trì, và vì chúng ta phạm các hành vi xấu, thì cái xấu là ở trong quyết định nuôi dưỡng chúng và trong các hành vi xấu do đó mà ra. Cũng trong đường hướng này, sự kiện một ai đó làm tôi khoan khoái không nhất thiết là một điều tích cực. Nếu với sự khoan khoái này, tôi đi tìm cách để người này trở thành nô lệ của tôi, thì xúc cảm này rõ ràng là để phục vụ tính ích kỷ của tôi. Tin rằng chúng ta tốt chỉ vì “chúng ta cảm thấy tốt” là một sai lầm lớn lao. Có những người cảm thấy mình có khả năng yêu thương lớn lao vì họ có nhu cầu âu yếm lớn lao, nhưng họ không biết chiến đấu cho hạnh phúc của người khác và sống khép kín trong các thèm muốn riêng của mình. Trong trường hợp như thế, các cảm xúc chỉ làm ta quên đi các giá trị lớn lao và che đậy tính vị kỷ vốn không cho phép ta có được một cuộc sống gia đình lành mạnh và hạnh phúc.

146. Nói thế, nhưng nếu đam mê đi kèm một hành vi tự do, nó có thể biểu lộ sự sâu sắc của hành vi này. Lòng yêu thương vợ chồng luôn cố gắng bảo đảm để toàn bộ đời sống xúc cảm của người ta mang lợi ích lại cho gia đình như một toàn thể và phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Gia đình sẽ trưởng thành khi đời sống xúc cảm của các thành viên trở thành một hình thức nhạy cảm không làm ngột ngạt hay che khuất các quyết định và giá trị lớn lao, nhưng đúng hơn tuân thủ tự do của mỗi người (141), phát sinh từ tự do này, phong phú hóa, hoàn thiện hóa và hoà hợp tự do này để phục vụ mọi người.

Thiên Chúa yêu thích niềm vui của con cái Người

147. Điều trên đời phải có một diễn trình sự phạm bao gồm việc quên mình. Xác tín của Giáo

Hội này thường bị bác bỏ như đi ngược lại hạnh phúc con người. Đức Bênêđictô XVI tóm lược lời tố cáo này một cách hết sức rõ ràng như sau: “Với tất cả các giới điều và lệnh cấm, há Giáo Hội đã không biến điều quý giá nhất ở trên đời thành đống đổ nát ư? Há Giáo Hội đã không thổi còi vào đúng lúc niềm vui, vốn là ơn phúc Đấng Tạo Hóa ban cho, đem lại cho chúng ta một hạnh phúc, mà, tự nó, vốn là một tiền vị của Đấng Thần Linh đó sao?” (142). Ngài trả lời rằng, dù các thói phồn và các hình thức lệch lạc của lối sống khổ hạnh trong Kitô Giáo không thiếu, nhưng giáo huấn chính thức của Giáo Hội, một giáo huấn luôn trung thành với Thánh Kinh, không bác bỏ “ái dục (eros) đúng nghĩa, nhưng đúng hơn tuyên chiến với hình thức biến dạng và phá hoại của nó, vì việc thần hóa giả tạo *eros*... đã tước hết phẩm giá thần thiêng của nó và đã phi nhân hóa nó” (143).

148. Việc huấn luyện trong lãnh vực xúc cảm và bản năng là điều cần thiết, và đôi lúc, việc này cần phải đặt ra các giới hạn. Đi quá trớn, thiếu kiểm soát hay bị ám ảnh bởi một hình thức khoái cảm đơn nhất có thể đưa tới kết quả làm suy yếu hay làm vấy bẩn chính khoái cảm này (144) và phá hoại cuộc sống gia đình. Con người chắc chắn có thể vận dụng các đam mê của mình một cách tốt đẹp và lành mạnh, dần dần hướng chúng về lòng vị tha và việc tự hoàn thành mình một cách toàn diện, một thành toàn chỉ có thể làm giàu cho các mối liên hệ liên bản ngã giữa lòng gia đình. Việc này không có nghĩa phải từ bỏ các giờ phút hưởng thụ sâu sắc (145), nhưng đúng hơn, tổng hợp những giờ phút này với những giờ phút dành cho các cam kết quảng đại, các hy vọng kiên nhẫn, các mệt mỏi và đấu tranh để đạt một lý tưởng. Đời sống gia đình là tất cả những điều đó, và nó đáng được sống hết sức viên mãn.

149. Một số trào lưu linh đạo dạy rằng thêm muốn phải bị trừ khử, coi đây như là con đường giải thoát khỏi đau khổ. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng Thiên Chúa yêu thích việc vui hưởng được con người nhân bản cảm nhận: Người dựng nên chúng ta và “cung cấp dồi dào mọi sự để chúng ta vui hưởng” (1Tm 6:17). Chúng ta hãy vui mừng khi vì yêu thương lớn lao, Người phán với ta: “này con, hãy cư xử tốt với chính con... Đừng để con mất một ngày vui” (Hc 14:11-14). Các cặp vợ chồng cũng thế, họ đáp trả thánh ý Thiên Chúa khi tiếp nhận huấn thị của Thánh Kinh: “Hãy hân hoan trong ngày thịnh vượng” (Gv 7:14). Điều quan trọng là được tự do để thực hiện niềm khoái cảm vốn tìm được các cách phát biểu khác nhau ở những thời điểm khác nhau của đời sống, phù hợp với nhu cầu của tình yêu hỗ tương. Theo chiều hướng này, ta có thể đánh giá cao các giáo huấn của một số bậc thầy Đông Phương: họ thúc giục ta mở rộng ý thức, kéo ta trở nên nghèo nàn bởi chỉ có duy một trải nghiệm hạn hẹp có thể che khuất mắt ta. Việc mở rộng ý thức này không bác bỏ hay tiêu diệt thêm muốn cho bằng làm nó rộng lớn và hoàn hảo hơn.

Chiều kích gợi dục của tình yêu

150. Tất cả các điều trên đem ta tới chiều kích tính dục của hôn nhân. Chính Thiên Chúa đã tạo ra tính dục, một ơn phúc kỳ diệu dành cho các tạo vật của Người. Nếu ơn phúc này cần được vun sới và điều hướng, thì chính là để ngăn ngừa “việc làm nghèo đi một giá trị chân chính” (146). Thánh Gioan Phaolô II bác bỏ chủ trương cho rằng giáo huấn của Giáo Hội là “một chối bỏ giá trị của tính dục con người” hoặc Giáo Hội chỉ dung tha tính dục “vì nó cần

thiết cho việc sinh sản” (147). Thèm muốn tính dục không phải là một điều dễ khinh miệt và “không thể có bất cứ mưu toan nào nhằm nghi vấn sự cần thiết của nó” (148).

151. Đối với những người sợ rằng việc huấn luyện về đam mê và tính dục có thể làm người ta ít chú ý tới tính tự phát của tình yêu tính dục, Thánh Gioan Phaolô II trả lời rằng con người nhân bản “được kêu gọi tiến tới tính tự phát trọn vẹn và thuần thực trong các mối liên hệ của họ”, một sự thuần thực “là hoa trái tiệm tiến của việc biện phân các thôi thúc trong trái tim họ” (149). Điều này đòi phải có kỷ luật và tự chủ, vì mỗi con người nhân bản “đều phải kiên trì và nhất quán học biết ý nghĩa của thân xác mình” (150). Tính dục không phải là một phương thế để thỏa mãn hay giải trí; nó là một ngôn ngữ liên bản ngã nhờ đó người khác được coi trọng, trong phẩm giá thánh thiêng và bất khả xâm phạm của họ. Trong tư cách này, “trái tim con người tiến tới chỗ tham dự vào một thứ tự phát khác, có thể nói như thế” (151). Trong bối cảnh này, việc gọi tình xem ra đã bày tỏ tính dục con người một cách chuyên biệt. Nó giúp ta có khả năng khám phá ra “ý nghĩa hôn nhân của thân xác và phẩm giá chân chính của ơn phúc” (152). Trong các bài giáo lý của ngài về thần học thân xác, Thánh Gioan Phaolô II dạy rằng sự dị biệt hóa tính dục không những là “một nguồn phát sinh ra tính sinh hoa trái và sự sinh sản”, mà nó còn có “khả năng phát biểu lòng yêu thương: lòng yêu thương mà trong nó con người nhân bản trở thành một ơn phúc” (153). Một sự thèm muốn tính dục lành mạnh, dù được nối kết chặt chẽ với việc tìm kiếm khoái cảm, luôn bao hàm một cảm thức thán phục, và vì chính lý do này, nó có thể nhân bản hóa các thôi thúc.

152. Như thế, không có cách chi ta có thể coi chiều kích gợi dục của tình yêu chỉ như một sự xấu được phép làm hay một gánh nặng được dung túng vì lợi ích gia đình. Đúng hơn, phải nhìn nó như một ơn phúc của Thiên Chúa nhằm phong phú hóa mối liên hệ vợ chồng. Trong tư cách một đam mê được thăng hoa bởi một tình yêu biết tôn trọng phẩm giá người khác, nó trở thành “lời khẳng định tinh trong, thuần khiết” nói lên sự kỳ công mà trái tim con người có khả năng thực hiện. Nhờ cách này, ta có thể cảm thấy “đời sống kết cục quả tốt lành và hạnh phúc”, dù chóng qua (154).

Bạo lực và thao túng

153. Dựa vào viễn kiến tích cực về tính dục nói trên, ta có thể tiếp cận toàn bộ chủ đề bằng một thái độ thực tiễn lành mạnh. Dù sao, sự thật vẫn là tính dục thường bị phi bản vị hóa và không lành mạnh: kết quả, “nó trở thành dịp và dụng cụ để tự khẳng định chính mình và để thỏa mãn một cách ích kỷ các thèm muốn và bản năng bản thân” (155). Thờ ơ, tính dục có nguy cơ bị đầu độc bởi não trạng “dùng rồi vứt bỏ”. Thân xác của người khác thường bị coi như một đồ vật để sử dụng bao lâu nó còn làm ta thỏa mãn, và bị vứt bỏ khi không còn lôi cuốn nữa. Ta có thể thực sự làm ngơ hay bỏ qua các hình thức thống trị, ngạo mạn, lạm dụng, truy lạc và bạo lực tính dục khôn nguôi vốn là sản phẩm của cái hiểu méo mó về tính dục không? Hay sự kiện này: phẩm giá người khác và ơn gọi yêu thương có tính nhân bản của ta do đó kết cục trở thành kém quan trọng hơn cái nhu cầu tối tăm đi “tìm chính mình” không?

154. Ta cũng biết rằng bên trong chính hôn nhân, tính dục có thể trở thành một nguồn gây

đau khổ và thao túng. Do đó, cần phải tái khẳng định một cách rõ ràng rằng “một hành vi vợ chồng áp đặt lên người phối ngẫu mà không đếm xỉa gì tới điều kiện của họ, hay các ước muốn bản thân và hợp lý của họ trong vấn đề này, thì không phải là một hành vi yêu thương thực sự, và do đó, phạm tới trật tự luân lý trong việc áp dụng nó một cách đặc thù vào mối liên hệ thân mật vợ chồng” (156). Các hành vi thích đáng của việc kết hợp tính dục giữa chồng và vợ phù hợp với bản chất của tính dục như đã được Thiên Chúa ấn định khi chúng diễn ra “một cách thực sự nhân bản” (157). Thánh Phaolô nhấn mạnh rằng: “trong vấn đề này, đừng ai làm tổn thương hay lừa dối anh chị em mình” (1Tx 4:6). Cho dù Thánh Phaolô viết trong bối cảnh của nền văn hóa tổ phụ trong đó phụ nữ bị coi là hoàn toàn phụ thuộc đàn ông, tuy nhiên, ngài vẫn đã dạy rằng tình dục phải bao gồm việc thông đạt giữa các người phối ngẫu: ngài đưa ra khả thể trì hoãn các liên hệ tính dục trong một thời gian, nhưng phải “do thỏa thuận” (1Cr 7:5).

155. Thánh Gioan Phaolô II cảnh cáo một cách rất tinh tế rằng vợ chồng có thể “bị đe dọa bởi tính tham lam vô độ” (158). Nói cách khác, dù được kêu gọi mỗi ngày phải kết hợp sâu sắc hơn, họ có thể có nguy cơ xóa bỏ các dị biệt của mình và khoảng cách đúng đắn giữa hai người. Vì mỗi người đều có phẩm giá riêng và bất khả nhượng của mình. Khi việc thuộc về nhau biến thành sự thống trị, thì “cơ cấu hiệp thông trong các liên hệ liên bản ngã sẽ thay đổi một cách chủ yếu” (159). Trong luận lý học thống trị, người thống trị kết cục cũng sẽ bác bỏ chính phẩm giá của mình (160) và nhất định sẽ không còn “tự đồng nhất hóa với chính thân xác mình một cách chủ quan” nữa (161), vì đã tước mất của nó mọi ý nghĩa. Người này sống tính dục như thể trốn chạy chính mình và như thể từ bỏ cả vẻ đẹp của việc kết hợp.

156. Mọi hình thức khuất phục tính dục phải bị bác bỏ một cách rõ ràng. Việc này bao gồm mọi giải thích không thích đáng đối với đoạn văn trong thư gửi tín hữu Êphêxô trong đó Thánh Phaolô nói với các phụ nữ “phải tùng phục chồng” (Ep 5:22). Đoạn này phản ánh các phạm trù văn hóa thời ấy, nhưng quan tâm của ta không liên hệ tới phạm trù văn hóa mà liên hệ tới sứ điệp mạc khải mà nó chuyên chở. Như Thánh Gioan Phaolô II đã khôn ngoan nhận xét: “lòng yêu thương loại trừ mọi thứ khuất phục qua đó, người vợ liệu mình trở thành đầy tớ hay nô lệ của chồng... Cộng đồng hay sự hợp nhất mà họ nên thiết lập bằng hôn nhân được tạo lập bởi việc hiến thân cho nhau, cũng là việc tùng phục nhau” (162). Do đó, Thánh Phaolô nói tiếp rằng “các người chồng phải yêu thương vợ mình như chính thân thể mình” (Ep 5:28). Bản văn thánh kinh thực sự lưu ý tới việc khuyến khích mọi người khắc phục chủ nghĩa duy cá nhân tự mãn và không ngừng biết quan tâm tới người khác: “hãy tùng phục nhau” (Ep 5:21). Trong hôn nhân, việc ‘tùng phục’ hỗ tương này mang một ý nghĩa đặc biệt, và được coi như một việc tự ý quyết định thuộc về nhau, có đặc điểm trung thành, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau. Tính dục luôn gắn chặt với việc phục vụ tình bạn phu thê này vì nó nhằm giúp người khác nên trọn vẹn.

157. Cũng thế, việc bác bỏ các lệch lạc về tính dục và sự gợi dục không bao giờ được dẫn ta tới chỗ hạ giá hay lãng quên tính dục và sự gợi dục ngay trong chúng. Không thể quan niệm lý tưởng hôn nhân hoàn toàn như một việc hiến thân và hy sinh quảng đại, trong đó mỗi người phối ngẫu phải từ khước mọi nhu cầu bản thân và chỉ đi tìm thiện ích của người kia,

không hề quan tâm tới việc thỏa mãn bản thân. Ta cần nhớ rằng lòng yêu thương chân chính cũng cần có khả năng tiếp nhận người khác, chấp nhận chỗ yếu và các nhu cầu của chính mình, và, với lòng biết ơn thành thực và hân hoan, chào đón các biểu thức thể lý của lòng yêu thương trong việc vuốt ve, ôm hôn và kết hợp tính dục. Đức Bênêđictô XVI tuyên bố về điều này rất rõ ràng: “Khi người đàn ông mong trở thành thuần thần và bác bỏ xác thịt như chỉ thuộc về bản chất thú vật của anh ta mà thôi, thì cả tinh thần lẫn thân xác anh ta đều mất hết phẩm giá của chúng” (163). Vì lý do này, “người đàn ông không thể sống nguyên bằng một lòng yêu thương dâng hiến, đi xuống mà thôi. Họ không thể cho đi mãi, họ cũng phải tiếp nhận. Bất cứ ai muốn trao ban tình yêu thì cũng phải tiếp nhận tình yêu như một ơn phúc” (164). Ta cũng không bao giờ quên rằng sự thăng bằng nhân bản của ta có tính mong manh; một phần trong ta luôn chống đối sự tăng trưởng nhân bản thực sự, và bất cứ lúc nào, cái phần này cũng có thể cho xỏ lòng nhiều khuynh hướng ban sơ (primitive) và ích kỷ nhất.

Hôn nhân và trinh khiết

158. “Nhiều người không kết hôn không những tận hiến cho gia đình riêng của họ mà thường còn phục vụ lớn lao trong các nhóm thân hữu, trong cộng đồng Giáo Hội và trong sinh hoạt nghề nghiệp của họ. Đôi khi, sự hiện diện và các đóng góp của họ bị coi thường, đem lại cho họ cả một cảm thức cô lập. Nhiều người đem tài năng của họ phục vụ cộng đồng Kitô Giáo qua các công việc bác ái và thiện nguyện. Nhiều người khác ở độc thân vì hiến đời mình để yêu thương Chúa Kitô và người lân cận. Sự tận tụy của họ đã làm gia đình, Giáo Hội và xã hội được phong phú lớn lao” (165).

159. Trinh khiết là một hình thức yêu thương. Như một dấu chỉ, nó nói với ta về việc xuất hiện của Nước Trời và nhu cầu phải tận hiến vì chính nghĩa Tin Mừng (xem 1Cr 7:32). Nó cũng phản ánh sự viên mãn của Nước Trời, nơi “người ta không lấy vợ lấy chồng nữa” (Mt 22:30). Thánh Phaolô khuyên nên sống trinh khiết vì ngài mong chờ Chúa Giêsu trở lại nay mai và muốn mọi người chỉ nên chú tâm vào việc truyền bá Tin Mừng: “thời gian chẳng còn bao nhiêu” (1Cr 7:29). Tuy thế, ngài minh xác đây chỉ là ý kiến và ý thích riêng của ngài mà thôi (xem 1Cr 7:6-9), chứ không phải là điều Chúa Kitô đòi hỏi: “tôi không có chỉ thị nào của Chúa” (1Cr 7:25). Cũng vậy, ngài nhìn nhận giá trị của các ơn gọi khác nhau: “Mỗi người có đặc sủng riêng của họ do Thiên Chúa ban, kẻ thế này, người thế khác” (1Cr 7:7). Suy nghĩ về điều này, Thánh Gioan Phaolô II nhận định rằng các bản văn Thánh Kinh “không cho ta bất cứ lý do gì để quả quyết ‘sự thấp kém’ của hôn nhân hay ‘sự trỗi vượt’ của trinh khiết hay độc thân.” (166) dựa vào việc tiết dục. Thay vì nói một cách tuyệt đối về sự trỗi vượt của trinh khiết, ta chỉ cần nhấn mạnh rằng các bậc sống khác nhau bổ túc cho nhau, và do đó, một số người có thể hoàn thiện hơn ở một bậc, trong khi nhiều người khác lại hoàn thiện hơn ở một bậc khác. Alexander thành Hales, chẳng hạn, tuyên bố rằng theo một nghĩa nào đó, hôn nhân có thể được coi là trỗi vượt hơn các bí tích khác, khi nó tượng trưng cho thực tại vĩ đại “Chúa Kitô kết hợp với Giáo Hội hay bản tính Thiên Chúa của Người kết hợp với bản tính nhân loại của Người” (167).

160. Thành thử, “không có vấn đề phải giảm giá trị của hôn nhân để đề cao đức tiết dục”

(168). “Đặt điều này chống lại điều nọ là điều không hề có căn bản nào cả... Nếu, theo một truyền thống thần học nào đó, ta nói tới ‘bậc sống hoàn thiện’ (status perfectionis), thì điều này liên quan không phải tới chính đức tiết dục, mà tới toàn bộ cuộc sống đặt căn bản trên các lời khuyên Tin Mừng” (169). Người kết hôn có thể cảm nghiệm được mức độ đức ái cao nhất và nhờ đó, “vươn tới sự hoàn thiện vốn phát sinh từ đức ái, nhờ lòng trung thành với tinh thần của các lời khuyên này. Sự hoàn thiện như thế là điều có thể có và mọi người đàn ông và đàn bà đều có thể vươn tới” (170).

161. Giá trị của đức trinh khiết hệ ở việc nó tượng trưng cho một lòng yêu thương không cần chiếm hữu người khác; bằng cách này, nó phản ánh sự tự do của Nước Trời. Đức trinh khiết khuyến khích các cặp vợ chồng sống lòng yêu thương phu phụ của họ trước tấm phông yêu thương dứt khoát của Chúa Kitô, cùng nhau đồng hành hướng về sự viên mãn của Nước Trời. Về phần nó, lòng yêu thương vợ chồng tượng trưng cho nhiều giá trị khác. Một đằng, nó đặc biệt phản ánh sự kết hợp trọn vẹn trong đa dạng tìm thấy nơi Ba Ngôi. Gia đình cũng là dấu chỉ Chúa Kitô. Nó biểu hiện sự gần gũi của Thiên Chúa, Đấng vốn là một phần của mọi sự sống nhân bản, vì Người đã nên một với chúng ta qua việc nhập thể, qua cái chết và sự phục sinh của Người. Mỗi người phối ngẫu trở nên “một thân xác” với người kia như dấu chỉ sẵn sàng chia sẻ mọi sự với họ cho tới chết. Trong khi đức trinh khiết là dấu chỉ “cánh chung” của Chúa Kitô sống lại, thì hôn nhân là dấu chỉ “lịch sử” cho chúng ta đang sống trên thế gian, một dấu chỉ của Chúa Kitô trần thế, Đấng đã quyết định trở nên một với chúng ta và hiến mình cho chúng ta đến đổ cả máu Người ra. Trinh khiết và hôn nhân là, và phải là, những cách yêu thương khác nhau. Vì “con người không thể sống nếu không có lòng yêu thương. Họ mãi là một hữu thể mà chính họ không tài nào hiểu nổi, đời họ cứ mãi vô nghĩa, nếu họ không được mạc khải về lòng yêu thương” (171).

162. Sống độc thân có thể có nguy cơ trở nên cuộc sống thoải mái một mình, đem lại tự do độc lập, di chuyển từ chỗ ở này, việc làm này hay chọn lựa này tới chọn lựa khác, tiêu tiền theo ý muốn và dành thì giờ với ai tùy thích. Trong những trường hợp như thế, chứng tá của các cặp vợ chồng trở nên hùng hồn một cách đặc biệt. Những người được kêu gọi sống trinh khiết có thể tìm thấy nơi một số cuộc hôn nhân một dấu chỉ rõ ràng lòng trung tín đầy quảng đại và bền bỉ của Thiên Chúa đối với giao ước của Người, và điều này khuyến khích họ sẵn sàng có đó cho người khác một cách cụ thể và quảng đại hơn. Nhiều cặp vợ chồng vẫn sống trung thành khi một trong hai người không còn quyến rũ nữa về thể lý hay không thể thỏa mãn các nhu cầu của người kia, bất chấp nhiều giọng nói trong xã hội đang khích lệ họ bất trung hay lìa bỏ nhau. Một bà vợ có thể chăm sóc người chồng bệnh hoạn của mình và nhờ thế, nhờ xích lại gần Thập Giá hơn, bà đổi mới cam kết yêu thương cho đến chết của mình. Trong một tình yêu như thế, phẩm giá của người yêu đích thực sáng rực lên, vì điều thích đáng hơn đối với đức ái quả là yêu hơn là được yêu (172). Trong nhiều gia đình, ta cũng có thể lưu ý tới sự hiện diện của một khả năng phục vụ quên mình và đầy yêu thương khi con cái tỏ ra gây rối và thậm chí tỏ ra vô ơn. Điều này khiến các cha mẹ đó trở thành dấu chỉ tình yêu tự ý và quên mình của Chúa Giêsu. Những trường hợp như thế khuyến khích các người độc thân sống cam kết đối với Nước Trời của họ một cách quảng đại và rộng lòng hơn. Ngày nay, hiện tượng thể tục hóa đã che khuất giá trị của việc kết hợp suốt đời và vẻ đẹp của ơn gọi hôn

nhân. Vì lý do này, “điều cần là phải thâm hậu hóa việc hiểu biết các khía cạnh tích cực của tình yêu vợ chồng” (173).

Sự biến đổi của lòng yêu thương

163. Hiện nay, quãng đời dài hơn có nghĩa: các mối liên hệ gần gũi và độc chiếm hẳn sẽ kéo dài cả bốn, năm hay thậm chí sáu thập niên; thành thử, quyết định lúc ban đầu cần được thường xuyên canh tân. Dù một trong hai người phối ngẫu không còn cảm nghiệm được một thềm muốn tính dục mạnh mẽ nào nữa đối với người kia, nhưng họ vẫn thấy khoan khoái được thuộc về nhau, được biết rằng cả hai người họ đều không cô đơn nhưng vẫn có “người chung phần” (partner) mà với người này họ có thể chia sẻ mọi sự ở trong đời. Họ là người cùng đi trên hành trình cuộc sống, một người để cùng đương đầu với các khó khăn của cuộc sống và vui hưởng các khoan khoái của nó. Sự thỏa mãn này là một phần của tình âu yếm vốn là của riêng tình yêu vợ chồng. Không hề có bảo đảm là chúng ta sẽ cảm nhận như nhau suốt cả đời. Thế nhưng, nếu một cặp vợ chồng có thể cùng có với nhau một kế hoạch sống chung lâu dài, họ có thể yêu thương nhau và sống với nhau như một cho tới lúc cái chết chia rẽ họ, luôn hưởng được một sự thân mật phong phú hóa. Lòng yêu thương mà họ đoan hứa lớn hơn bất cứ xúc cảm, tâm tư hay tâm thức nào, dù nó có thể bao gồm tất cả những điều này. Nó là một lòng yêu thương sâu sắc hơn, một quyết định suốt đời của trái tim. Ngay giữa các tranh chấp chưa giải quyết và các tình huống xúc cảm lẫn lộn, hàng ngày họ vẫn tái khẳng định quyết định yêu thương, thuộc về nhau, chia sẻ cuộc sống chung và tiếp tục yêu thương và tha thứ của họ. Mỗi người tiến theo con đường lớn mạnh và phát triển bản thân. Trên hành trình này, lòng yêu thương hân hoan trong mọi bước đi và trong mọi giai đoạn mới lạ.

164. Trong cuộc sống của mọi cuộc hôn nhân, các hình dạng thể lý sẽ thay đổi, nhưng điều này không có nghĩa là lòng yêu thương và sự lôi cuốn sẽ phai mờ. Chúng ta yêu người khác vì con người của họ, chứ không phải chỉ là thân xác của họ. Dù thân xác có già đi, nó vẫn nói lên điều này: chính bản sắc bản thân đã chiếm hữu được trái tim ta. Cho dù những người khác không còn nhìn thấy vẻ đẹp của bản sắc đó, người phối ngẫu vẫn tiếp tục thấy nó bằng đôi mắt yêu thương và do đó, lòng âu yếm của họ không hề suy giảm. Họ tái khẳng định quyết định thuộc về người kia và phát biểu quyết định ấy trong một sự gần gũi trung thành và đầy yêu thương. Tính cao thượng của quyết định này, do cường độ và độ sâu của nó, phát sinh ra cả một thứ xúc cảm mới khi họ chu toàn sứ mệnh vợ chồng của họ. Vì “xúc cảm, được tạo ra bởi một hữu thể nhân bản khác trong tư cách một ngôi vị... tự nó hướng về hành vi vợ chồng” (174). Nó sẽ tìm ra các cách phát biểu mới mẻ khác. Thực thể, lòng yêu thương “là thực tại đơn nhất, nhưng với nhiều chiều kích đa dạng; ở những thời điểm khác nhau, chiều kích này hay chiều kích nọ sẽ trỗi lên một cách rõ ràng hơn” (175). Dây hôn phối tìm được các hình thức phát biểu mới và không ngừng đi tìm những cách mới mẻ để lớn lên mạnh mẽ. Cả hai điều này sẽ duy trì và củng cố sợi dây ấy. Chúng đòi một cố gắng hàng ngày. Tuy nhiên, tất cả đều bất khả nếu không có việc cầu nguyện để Chúa Thánh Thần đổ tràn ơn thánh của Người, sức mạnh siêu nhiên của Người và ngọn lửa siêu nhiên của Người, để củng cố, hướng dẫn và biến đổi lòng yêu thương của chúng ta trong mọi hoàn cảnh mới.

- (104) *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo* 1641.
- (105) Cf. Đức Bênêđictô XVI, *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 2: AAS 98 (2006), 218.
- (106) *Spiritual Exercises, Contemplation to Attain Love* (230).
- (107) Octavio Paz, *La llama doble*, Barcelona, 1993, 35.
- (108) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* II-II, q. 114, art. 2, ad 1.
- (109) Bài Giáo Lý (13 Tháng 5, 2005): *L'Osservatore Romano*, 14 tháng 5, 2015, p. 8.
- (110) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, II-II, q. 27, art. 1, ad 2.
- (111) *Ibid.*, q. 27, art. 1.
- (112) Bài Giáo Lý (13 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 14 tháng 5, 2015, p. 8.
- (113) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 21: AAS 74 (1982), 106.
- (114) Mục Sư Martin Luther King Jr., *Bài Giảng đọc tại Nhà Thờ Baptist Đường Dexter*, Montgomery, Alabama, 17 tháng 11, 1957
- (115) Thánh Tôma Aquinô gọi lòng yêu thương là *vis unitive* (sức mạnh kết hợp) (*Summa Theologiae* I, q. 20, art. 1, ad 3), nhắc lại một kiểu nói của Pseudo-Dionysius the Areopagite (*De Divinis Nominibus*, IV, 12: PG 3, 709).
- (116) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* II-II, q. 27, art. 2
- (117) Thông Điệp *Casti Connubii* (31 tháng 12, 1930): AAS 22 (1930), 547-548.
- (118) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981) 13: AAS 74 (1982), 94.
- (119) Bài Giáo Lý (2 tháng 4, 2014): *L'Osservatore Romano*, 3 tháng 4, 2014, p. 8.
- (120) *Ibid.*
- (121) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 9: AAS 75 (1982), 90.
- (122) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Contra Gentiles* III, 123; cf. Aristô, *Nicomachean Ethics*, 8, 12 (ed. Bywater, Oxford, 1984, 174).
- (123) Tông Huấn *Lumen Fidei* (29 tháng 6, 2013), 52: AAS 105 (2013), 590.
- (124) *De sacramento matrimonii*, I, 2; in *Id.*, *Disputationes*, III, 5, 3 (ed. Giuliano, Naples, 1858), 778.
- (125) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 50.
- (126) *Ibid.*, 49.
- (127) Cf. *Summa Theologiae* I-II, q. 31, art. 3., ad 3.
- (128) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 50.
- (129) Cf., Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 26, art. 3.
- (130) *Ibid.*, q. 110, art. 1.
- (131) Thánh Augustinô, *Confessions*, VIII, III, 7: PL 32, 752.
- (132) *Diễn Văn với Cuộc Hành Hương của Các Gia Đình trong Năm Đức Tin* (26 tháng 10, 2013): AAS 105 (2013), 980.

- (133) Diễn Văn Lúc Đọc Kinh Truyền Tin (29 tháng 12, 2013): *L'Osservatore Romano*, 30-31 tháng 12, 2013, p. 7.
- (134) Diễn Văn với Cuộc Hành Hương của Các Gia Đình trong Năm Đức Tin (26 tháng 10, 2013): AAS 105 (2013), 978.
- (135) *Summa Theologiae* II-II, q. 24, art. 7.
- (136) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 48.
- (137) Hội Đồng Giám Mục Chile, *La vida y la familia: regalos de Dios para cada uno de nosotros* (21 tháng 7, 2014).
- (138) Hiến Chế *Gaudium et Spes*, 49.
- (139) A. Sertillan-Ges, *L'Amour chrétien*, Paris, 1920, 174.
- (140) Cf. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 24, art. 1.
- (141) Cf. *ibid.*, q. 59, art. 5.
- (142) Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 3: AAS 98 (2006), 219-220.
- (143) *Ibid.*, 4: AAS 98 (2006), 220.
- (144) Cf. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 32, art. 7.
- (145) Cf. *id.*, *Summa Theologiae* II-II, q. 153, art. 2, ad 2: “Abundantia delectationis quae est in actu venereo secundum rationem ordinato, non contrariatur medio virtutis” (tạm dịch: sự sung mãn hoan trong hành vi tính dục, được sắp xếp theo lý trí, không mâu thuẫn với phương thể nhân đức).
- (146) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (22 tháng 10, 1980), 5: Insegnamenti III/2 (1980), 951.
- (147) *Ibid.*, 3.
- (148) *Id.*, Bài Giáo Lý, (24 tháng 9, 1980), 4: Insegnamenti III/2 (1980), 719.
- (149) Bài Giáo Lý (12 tháng 11, 1980), 2: Insegnamenti III/2 (1980), 1133.
- (150) *Ibid.*, 4.
- (151) *Ibid.*, 5.
- (152) *Ibid.*, 1: 1132.
- (153) Bài Giáo Lý (16 tháng 1, 1980), 1: Insegnamenti III/1 (1980), 151.
- (154) Josef Pieper, *Über die Liebe*, Munich, 2014, 174. English: On Love, in *Faith, Hope, Love*, San Francisco, 1997, p. 256.
- (155) Đức Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Evangelium Vitae* (25 tháng 3, 1995), 23: AAS 87 (1995), 427.
- (156) Đức Phaolô VI, Thông Điệp *Humanae Vitae* (25 tháng 7, 1968), 13: AAS 60 (1968), 489.
- (157) Công Đồng Vatican II, *Gaudium et Spes*, 49.
- (158) Bài Giáo Lý (18 tháng 6, 1980), 5: Insegnamenti III/1 (1980), 1778.
- (159) *Ibid.*, 6.
- (160) Cf. Bài Giáo Lý (30 tháng 7, 1980), 1: Insegnamenti III/2 (1980), 311.
- (161) Bài Giáo Lý (8 tháng 4, 1981), 3: Insegnamenti IV/1 (1981), 904.
- (162) Bài Giáo Lý (11 tháng 8, 1982), 4: Insegnamenti V/3 (1982), 205-206.
- (163) Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 5: AAS 98 (2006), 221.

- (164) *Ibid.*, 7.
- (165) *Relatio Finalis* 2015, 22.
- (166) Bài Giáo Lý (14 tháng 4, 1982), 1: *Insegnamenti V/1* (1982),
- (167) *Glossa in quatuor libros sententiarum Petri Lombardi*, IV, XXVI, 2 (Quaracchi, 1957, 446).
- (168) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (7 tháng 4, 1982), 2: *Insegnamenti V/1* (1982), 1127.
- (169) Id., Bài Giáo Lý (14 tháng 4, 1982), 3: *Insegnamenti V/1* (1982), 1177.
- (170) *Ibid.* 1176.
- (171) Id., *Thông điệp Redemptor Hominis* (4 tháng 3, 1979), 10: AAS 71 (1979), 274.
- (172) Cf. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, II-II, q. 27, art. 1.
- (173) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Family, Marriage and “De Facto” Unions* (26 July 2000), 40.
- (174) Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (31 tháng 10, 1984), 6: *Insegnamenti VII/2* (1984), 1072.
- (175) Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 8: AAS 98 (2006), 224.

Chương Năm: Lòng yêu thương sinh hoa trái

165. Lòng yêu thương luôn đem lại sự sống. Lòng yêu thương phu thê “không chấm dứt với cặp vợ chồng... Khi hiến thân cho nhau, cặp vợ chồng không trao ban cho nhau mà thôi mà còn trao ban thực tại con cái nữa, vốn phản ánh một cách sống động lòng yêu thương của họ, một dấu chỉ vĩnh viễn sự hợp nhất phu thê của họ và là một tổng hợp sinh động và bất khả phân tư cách làm cha làm mẹ của họ” (176).

Chào đón sự sống mới

166. Gia đình là khung cảnh trong đó sự sống mới không những được sinh ra mà còn được chào đón như một ơn phúc của Thiên Chúa. Mỗi sự sống mới “đều giúp chúng ta biết đánh giá chiều kích hoàn toàn nhưng không của lòng yêu thương, điều không lúc nào không làm chúng ta thán phục. Đó chính là vẻ đẹp của việc được thương yêu trước: con cái được yêu thương trước cả khi ra đời” (177). Ở đây, ta thấy có sự phản ánh tính ưu vị (primacy) của tình yêu Thiên Chúa, Đấng luôn đưa ra sáng kiến, vì con cái “được yêu thương trước khi làm bất cứ điều gì để đáng được như thế” (178). Ấy thế nhưng, “từ những giây phút đầu tiên trong đời chúng, nhiều trẻ em đã không được chấp nhận, bị bỏ rơi và bị tước hết tuổi thơ và tương lai. Như để tự biện minh, có những người dám nói rằng đưa những đứa trẻ này vào đời là một sai lầm. Họ thực đáng xấu hổ!... Làm thế nào ta có thể long trọng tuyên bố về nhân quyền và quyền trẻ em nếu sau đó ta trừng phạt trẻ em vì các sai lầm của người lớn?” (179). Nếu một đứa trẻ ra đời trong những hoàn cảnh không mong muốn, thì cha mẹ và các thành viên khác của gia đình phải làm mọi sự có thể để nhận đứa trẻ này như một ơn phúc của Thiên Chúa và nhận trách nhiệm chấp nhận em với sự cởi mở và lòng âu yếm. Vì “khi nói tới các trẻ em sinh ra đời, không hy sinh nào của người lớn được coi là quá đắt hay quá lớn, nếu có nghĩa em không bao giờ phải cảm nhận mình là một sai lầm hay vô giá trị hoặc bị bỏ bê cho gió sương và sự ngạo mạn của con người” (180). Ơn phúc đứa con mới, được Thiên Chúa ủy thác cho một người cha và một người mẹ, bắt đầu với việc chấp nhận, tiếp diễn với việc che chở suốt đời và có niềm vui cuộc sống vĩnh cửu làm mục tiêu cuối cùng. Thanh thần chiêm niệm sự thành toàn tối hậu của mỗi con người nhân bản, các cha mẹ càng ý thức được ơn phúc quý giá đã ủy thác cho họ. Vì Thiên Chúa cho phép các cha mẹ chọn tên để Người dùng gọi con họ vào cõi vĩnh hằng (181).

167. Các gia đình lớn là một niềm vui cho Giáo Hội. Họ nói lên tính sinh hoa trái của lòng yêu thương. Đồng thời, Thánh Gioan Phaolô II rất đúng khi giải thích rằng làm cha mẹ có trách nhiệm không có nghĩa “sinh đẻ vô giới hạn hay không ý thức những điều có liên hệ với việc dưỡng dục con cái, nhưng đúng hơn là giúp các cặp vợ chồng có khả năng sử dụng sự tự do bất khả xâm phạm của họ một cách khôn ngoan và có trách nhiệm, có tính đến các thực tại xã hội và dân số, cũng như hoàn cảnh riêng và các nguyện vọng chính đáng của họ” (182).

Lòng yêu thương và việc thai nghén

168. Thai nghén là một thời gian khó khăn nhưng kỳ diệu. Người mẹ hợp tác với Thiên Chúa để sản sinh phép lạ sự sống mới. Làm mẹ là hoa trái của “một tiềm năng sáng tạo đặc thù của thân xác phụ nữ, được điều hướng cho việc thụ thai và sinh hạ một con người nhân bản mới” (183). Mỗi người đàn bà đều được dự phần vào “mầu nhiệm sáng tạo được đổi mới với mỗi lần sinh hạ” (184). Thánh vịnh gia viết rằng: “Ngài dệt nên con trong lòng mẹ con” (Tv 139:13). Mọi đứa trẻ lớn lên trong lòng mẹ đều là một phần trong kế hoạch yêu thương đời đời của Chúa Cha: “trước khi tạo hình con trong dạ mẹ, Ta đã biết con, và trước khi con sinh ra, Ta đã thánh hiến con” (Grm 1:5). Mỗi đứa con đều có một chỗ đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa từ thuở đời đời; khi em được thụ thai, giấc mơ đời đời của Thiên Chúa thành sự thực. Ta hãy dừng lại để nghĩ tới giá trị lớn lao của bào thai từ lúc được thụ thai. Ta cần nhìn em bằng đôi mắt của Thiên Chúa, Đấng luôn nhìn quá bên kia các vẻ bề ngoài.

169. Người đàn bà mang thai có thể tham dự vào kế hoạch của Thiên Chúa bằng cách mơ tưởng tới đứa con của mình. “Suốt chín tháng, mọi người mẹ và người cha đều mơ tưởng tới đứa con của họ... Bạn không thể có một gia đình mà lại không có những giấc mơ. Gia đình nào đánh mất khả năng mơ, thì con cái họ không lớn lên, lòng yêu thương không lớn mạnh, sự sống quắt lại và chết” (185). Đối với một cặp vợ chồng Kitô hữu, phép rửa nhất thiết phải là một phần của giấc mơ này. Với lời cầu nguyện của họ, các cha mẹ sẽ chuẩn bị cho phép rửa, phó thác con thơ của mình cho Chúa Giêsu ngay cả trước khi em ra đời.

170. Ngày nay, các tiến bộ khoa học giúp ta biết trước mầu tóc của đứa con, căn bệnh có thể một ngày kia đứa con sẽ mắc phải, vì mọi đặc điểm của thân xác một con người đã được viết trong mã di truyền ngay ở giai đoạn bào thai. Ấy thế nhưng chỉ có Chúa Cha, Đấng Tạo Dựng, mới biết đứa con cách trọn vẹn; chỉ một mình Người biết bản sắc và giá trị sâu kín nhất của nó. Các bà mẹ đang mang thai cần cầu xin Thiên Chúa ban cho mình sự khôn ngoan để hiểu biết con cái mình một cách trọn vẹn và chấp nhận chúng trong con người thực của chúng. Một số cha mẹ cảm thấy đứa con của họ không đến đúng lúc tốt nhất. Họ nên cầu xin Chúa chữa lành và tăng sức để họ chấp nhận đứa con của họ một cách trọn vẹn và hết tâm trí. Điều quan trọng đối với đứa con là cảm nhận mình được ước muốn. Nó không phải là một đồ phụ tùng hay một giải pháp giải quyết một nhu cầu bản thân nào đó. Đứa con là một hữu thể nhân bản có giá trị vô song và không bao giờ có thể bị sử dụng cho một lợi ích riêng nào của người ta. Thành thử sự sống mới này có thuận lợi cho anh chị em hay không, nó có những đặc điểm làm anh chị em vui lòng hay không, hay nó có thuận theo các kế hoạch và hoài mong của anh chị em hay không, điều này ít quan trọng. Vì “con cái luôn là một ơn phúc. Mỗi đứa con đều độc đáo và không thể thay thế... Ta yêu con cái ta vì chúng là con cái ta, không phải vì chúng đẹp dễ, hay trông giống hoặc suy nghĩ như ta, hay hiện thân các giấc mơ của ta. Ta yêu chúng vì chúng là con cái ta. Đứa con là đứa con” (186). Lòng yêu thương của cha mẹ là phương thế Chúa Cha dùng để biểu lộ lòng yêu thương của chính Người. Người mong chờ sự sinh hạ của mỗi đứa con, chấp nhận đứa con này một cách vô điều kiện và đón chào em một cách hoàn toàn tự do.

171. Với một lòng âu yếm lớn lao, tôi thúc giục mọi bà mẹ tương lai: hãy luôn hạnh phúc và đừng để bất cứ điều gì tước mất của các con niềm vui sướng nội tâm được làm mẹ. Đứa con

của các con xứng đáng để các con được hạnh phúc. Đừng để các sợ sệt, lo lắng của các con, cũng như lời bình phẩm hay các câu hỏi của người khác làm giảm niềm vui của các con được làm phương thế để Thiên Chúa đem một sự sống mới vào thế gian. Hãy chuẩn bị để đưa con của các con ra đời, nhưng đừng bị ám ảnh, hãy cùng Đức Mẹ hát lên bài ca hân hoan: “Linh hồn con ca tụng sự cao cả của Chúa và thần trí con hớn hở trong Thiên Chúa, Đáng cứu độ con, vì Người đã đoái nhìn phận hèn của tôi tớ Người” (Lc 1:46-48). Hãy cố gắng cảm nhận sự hứng khởi thanh thần này giữa mọi ưu tư của các con, và hãy xin Chúa gìn giữ niềm vui của các con, để các con có thể chuyển niềm vui này cho đứa con của các con.

Lòng yêu thương của người mẹ và người cha

172. “Con cái, vừa sinh ra, song song với việc nuôi dưỡng và săn sóc, đã bắt đầu nhận lãnh ơn phúc thiêng liêng để biết chắc chắn mình được yêu thương. Lòng yêu thương này được biểu lộ cho các em qua việc ban cho một tên riêng, một ngôn ngữ chung, những cái nhìn yêu thương và nét tươi thắm của nụ cười. Nhờ cách này, các em học biết được rằng vẻ đẹp trong các mối liên hệ nhân bản đụng tới linh hồn ta, mưu cầu tự do cho ta, chấp nhận sự dị biệt nơi người khác, thừa nhận và tôn trọng họ như người đồng đối thoại... Đó chính là lòng yêu thương, và nó chứa tia lửa yêu thương của Thiên Chúa!” (187). Mỗi đứa con đều có quyền nhận được lòng yêu thương của một người mẹ và một người cha; cả hai người đều cần thiết đối với sự phát triển toàn diện và hoà hợp của đứa con. Như các giám mục Úc Châu đã nhận xét, mỗi người phối ngẫu “góp phần một cách khác biệt vào việc dưỡng dục đứa con. Tôn trọng phẩm giá đứa con có nghĩa phải xác nhận nhu cầu của nó và quyền tự nhiên của nó được có một người mẹ và một người cha” (188). Chúng ta đang nói không những đến lòng yêu thương của người cha và người mẹ như những cá nhân, mà còn đến cả lòng yêu thương hỗ tương của họ nữa, được nhận rõ như nguồn sự sống của người ta và là nền tảng vững chắc của gia đình. Không có lòng yêu thương này, đứa con chỉ có thể trở thành một đồ chơi nguyên vẹn. Chồng và vợ, cha và mẹ, cả hai phải “hợp tác với lòng yêu thương của Thiên Chúa Hóa Công, và là các giải thích viên của Người, theo một nghĩa nào đó” (189). Họ biểu lộ với con cái gương mặt mẫu thân và phụ thân của Chúa. Cùng với nhau, họ dạy dỗ giá trị của tính hỗ tương, của sự tôn trọng các dị biệt và của khả năng cho và nhận. Nếu vì một lý do bất khả kháng, mà thiếu cha hoặc mẹ, thì điều quan trọng là phải bù trừ sự mất mát này, để đứa con phát triển cách lành mạnh cho tới lúc trưởng thành.

173. Ngày nay, cảm thức bị mồ côi, hiện đang ảnh hưởng tới nhiều trẻ em và thiếu niên, thực ra sâu xa hơn ta nghĩ. Hiện nay, chúng ta đã thừa nhận là hợp pháp và là điều thực sự đáng ước mong việc phụ nữ muốn được học hành, làm việc, phát triển các kỹ năng của họ và có các mục tiêu riêng. Đồng thời, ta cũng không thể không biết tới việc con cái cần sự hiện diện của người mẹ, nhất là trong các năm tháng đầu đời. Thực vậy, “người đàn bà đứng trước người đàn ông trong tư cách người mẹ, chủ thể sự sống nhân bản mới đã được thụ thai và đang phát triển trong họ, và từ họ, được sinh hạ vào thế gian” (190). Việc làm cho sự hiện diện mẫu thân với các phẩm chất nữ tính này ra suy yếu đang đặt ra một nguy cơ trầm trọng cho thế giới. Tôi chắc chắn quý trọng phong trào nữ quyền, nhưng là một nữ quyền không đòi tính độc dạng hay bác bỏ chức phận làm mẹ. Vì sự cao cả của phụ nữ bao gồm mọi thứ quyền

phát xuất từ nhân phẩm bất khả nhượng của họ nhưng cũng bao gồm nét thiên tài nữ tính của họ nữa, một nét thiên tài hết sức chủ yếu đối với xã hội. Các khả năng nữ tính chuyên biệt của họ, nhất là khả năng làm mẹ, cũng đem lại nhiều bổn phận, vì chức phận làm phụ nữ bao hàm một sứ mệnh đặc biệt trong thế giới, một sứ mệnh mà xã hội phải bảo vệ và duy trì vì lợi ích mọi người (191).

174. “Các bà mẹ là đối cực mạnh mẽ nhất chống lại việc lan tràn thứ chủ nghĩa duy cá nhân chỉ biết có mình... Chính họ chứng thực cho vẻ đẹp của sự sống” (192). Chắc chắn, “xã hội nào không có các bà mẹ đều sẽ bị phi nhân hóa, vì các bà mẹ luôn luôn là chứng nhân của lòng âu yếm, tận tụy và sức mạnh tinh thần, ngay trong các thời khắc tồi tệ nhất. Các bà mẹ thường thông truyền ý nghĩa sâu sắc nhất của việc thực hành tôn giáo trong các lời cầu nguyện và hành vi sùng kính đầu tiên mà con cái họ học được... Không có các bà mẹ, không những không có các tín hữu mới, mà chính đức tin cũng sẽ mất cái phần tốt đẹp là sự ấm áp đơn sơ và sâu sắc của nó... Hỡi các bà mẹ thân yêu: Xin cảm ơn các bà! Xin cảm ơn các bà về con người của các bà trong gia đình và về những gì các bà hiến tặng Giáo Hội và thế giới” (193).

175. Người mẹ nào chăm sóc đứa con của mình một cách âu yếm và cảm thương sẽ giúp nó lớn lên đầy tin tưởng và cảm nghiệm được rằng thế giới quả là nơi tốt đẹp và đầy chào đón. Điều này giúp đứa con lớn lên trong tự trọng và, ngược lại, khai triển được khả năng biết nhận ra các giới hạn của đời sống, biết cời mở trước các thách đố của thế giới rộng lớn, và biết nhìn thấy việc phải chăm chỉ làm việc và hăng hái cố gắng. Người cha nào có được một căn tính nam giới rõ ràng và thanh thản, biết biểu lộ âu yếm và quan tâm đối với vợ, cũng là người cần thiết như người mẹ biết chăm nom. Có thể có một sự linh động nào đó trong các vai trò và trách nhiệm, tùy hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình. Nhưng sự hiện diện rõ ràng và được xác định đàng hoàng của cả hai nhân vật nam và nữ này tạo nên môi trường trường thích đáng nhất cho việc phát triển của đứa con.

176. Ta thường nghe nói rằng xã hội của ta là “một xã hội không có các người cha”. Trong nền văn hóa Tây Phương, người ta cho rằng gương mặt người cha đang vắng bóng, mất hút hay mất dạng một cách đầy biểu tượng. Chính đàn ông tính cũng đang bị nghi vấn. Kết quả là một sự mơ hồ có thể hiểu được. “Thoạt đầu, điều này được nhận thức như một cuộc giải thoát: giải thoát khỏi người cha như một bạo chúa, khỏi người cha như một đại diện của luật lệ áp đặt từ bên ngoài, khỏi người cha như một quan tòa phân xử hạnh phúc của con cái và như một trở lực đối với việc giải phóng và quyền tự lập của giới trẻ. Trong một số gia hộ, chủ nghĩa độc đoán có thời đã thống trị và đôi lúc còn áp chế nữa” (194). Ấy thế nhưng, “như thường xảy ra, người ta từ cực đoan này bước sang cực đoan nọ. Ngày nay, vấn đề xem ra không còn phải là sự hiện diện độc đoán của người cha nữa cho bằng sự vắng mặt của họ, sự không có đó của họ. Các người cha thường tập chú vào chính họ hay công việc của họ, và đôi lúc, vào việc thành tựu bản thân của họ đến nỗi lãng quên cả gia đình. Họ để mặc trẻ thơ và người trẻ tự lo liệu lấy” (195). Sự hiện diện của người cha, và do đó, uy quyền của ông, cũng chịu tác động của lượng thời gian dành cho truyền thông và các phương tiện giải trí trên truyền thông. Ngày nay, uy quyền thường bị coi là đáng ngờ vực và người lớn thường bị đối

xử cách hỗn xược. Chính người lớn cũng trở nên không chắc chắn và do đó, không cung cấp cho con cái họ các hướng dẫn chắc chắn và vững vàng. Việc lật ngược các vai trò của cha mẹ và con cái là điều không lành mạnh, vì nó ngăn cản diễn trình phát triển thích đáng mà con cái cần được cảm nhận, và nó tước mất của chúng lòng yêu thương và sự hướng dẫn cần thiết để trưởng thành” (196).

177. Thiên Chúa đặt người cha trong gia đình để nhờ các ơn phúc nam tính của mình, ông có thể “gắn gũi vợ ông và chia sẻ mọi sự, cả vui lẫn buồn, hy vọng lẫn gian nan. Và để gắn gũi con cái khi chúng lớn lên, khi chúng chơi đùa và khi chúng làm việc, khi chúng vô tư và khi chúng đau buồn, khi chúng liên thoảng và khi chúng im lặng, khi chúng dạn dĩ và khi chúng sợ sệt, khi chúng lầm lỡ và khi chúng trở về chính lộ. Để làm một người cha luôn có mặt. Khi nói ‘có mặt’ tôi không có ý nói ‘kiểm soát’. Những người cha quá kiểm soát sẽ làm lu mờ con cái mình, không để chúng phát triển” (197). Một số người cha cảm thấy mình vô dụng hay không cần thiết, nhưng sự thật vẫn là “con cái cần nhìn thấy một người cha chờ đợi chúng khi chúng về nhà với những vấn đề của chúng. Có thể chúng không muốn nhìn nhận việc này, không muốn biểu lộ nó ra, nhưng chúng cần nó” (198). Điều không tốt chút nào là con cái thiếu một người cha và phải lớn lên trước khi chúng sẵn sàng.

Tính sinh hoa trái mở rộng

178. Một số cặp vợ chồng không thể có con. Ta biết rằng đây là nguyên nhân gây đau khổ thực sự cho họ. Đồng thời, ta cũng biết rằng “hôn nhân không được thiết lập chỉ để sinh con cái... Ngay trong các trường hợp, bất chấp ước muốn nồng cháy của cặp vợ chồng, họ cũng không có con, thì hôn nhân vẫn giữ được đặc điểm của nó như một cộng đoàn và hiệp thông sự sống trọn vẹn, và vẫn duy trì được giá trị và tính bất khả tiêu của nó” (199). Cũng thế, “chức phận làm mẹ không phải chỉ là một thực tại sinh học, nhưng được phát biểu nhiều cách khác nhau” (200).

179. Nhận con nuôi là cách rất quảng đại để trở thành cha mẹ. Tôi khuyến khích những người không thể có con hãy mở rộng tình yêu phụ nữ của họ để bao bọc những ai thiếu một hoàn cảnh gia đình thích đáng. Họ sẽ không ân hận vì đã quảng đại. Nhận một đứa trẻ làm con nuôi là một hành vi yêu thương, hiến tặng ơn phúc gia đình cho một người không có ơn phúc này. Điều quan trọng cần nhấn mạnh là: luật pháp nên làm dễ dàng cho diễn trình nhận con nuôi, nhất là trong trường hợp đứa trẻ bị hắt hủi, để ngăn ngừa em bị phá thai hay bị bỏ rơi. Những người chấp nhận thách đố nhận con nuôi và chấp nhận một ai đó một cách vô điều kiện và nhưng không quả đã trở nên máng chuyển tình yêu của Thiên Chúa. Vì Người từng phán, “Ngay cả khi mẹ con quên con, ta cũng sẽ không quên con” (Is 49:15).

180. “Quyết định nhận con nuôi và chăm sóc nuôi dưỡng (foster) nói lên một thứ tính sinh hoa trái đặc thù trong kinh nghiệm hôn nhân, và không những trong trường hợp hiếm muộn mà thôi. Đối diện với các hoàn cảnh trong đó, đứa trẻ được ước muốn bằng bất cứ giá nào, như một quyền lợi được tự thể hiện chính mình, việc nhận con nuôi hay nhận nuôi dưỡng, nếu hiểu cho đúng, cũng biểu hiện một khía cạnh quan trọng của việc làm cha mẹ dưỡng dục

con cái. Những việc này giúp người ta ý thức được rằng con cái, bất kể là con tự nhiên, con nuôi hay được nhận để nuôi dưỡng, tự quyền của chúng, đều là những nhân vị cần được chấp nhận, yêu thương và săn sóc, chứ không phải chỉ được đem vào đời này. Các quyền lợi tốt nhất của đứa trẻ luôn phải nằm bên dưới bất cứ quyết định nhận con nuôi hay nhận nuôi dưỡng nào” (201). Mặt khác, “việc buôn bán trẻ em giữa các quốc gia và lục địa cần phải được ngăn cản bằng hành động luật pháp và kiểm soát thích đáng của nhà nước” (202).

181. Ta cũng nên nhớ rằng sinh sản và nhận con nuôi không phải là những cách duy nhất để cảm nghiệm tính sinh hoa trái của lòng yêu thương. Ngay các gia đình lớn cũng được kêu gọi in dấu của họ lên xã hội, bằng cách tìm ra các cách phát biểu khác cho tính sinh hoa trái nhằm nối dài cách nào đó lòng yêu thương vốn nâng đỡ họ. Các gia đình Kitô hữu không bao giờ nên quên rằng “đức tin không tách chúng ta ra khỏi thế giới này, nhưng kéo chúng ta vào nó cách sâu xa hơn... Thực thể, mỗi người chúng ta có một vai trò đặc biệt trong việc chuẩn bị cho Nước Chúa ngự đến trong thế giới của chúng ta” (203). Các gia đình không nên coi mình như là nơi trú ẩn khỏi xã hội, nhưng thay vào đó, nên ra khỏi tổ ấm của mình trong một tinh thần liên đới với người khác. Nhờ cách này, họ trở thành một trung tâm để hội nhập người ta vào xã hội và là điểm tiếp xúc giữa các lãnh vực công và tư. Các cặp vợ chồng nên ý thức rõ ràng các nghĩa vụ xã hội của họ. Với ý thức này, lòng âu yếm của họ không giảm đi mà được tràn ngập ánh sáng mới. Như nhà thi sĩ từng ngâm nga:

*“Tay em là món trớn của anh, sự hòa điệu đồ đầy năm tháng anh. Anh yêu em vì tay em làm việc cho công lý.
Anh yêu em, vì em là tình yêu của anh, bạn đồng hành và tất cả của anh, và trên phố phường, sát cánh bên nhau,
Ta không chỉ là hai”* (204).

182. Không gia đình nào có thể sinh hoa trái nếu họ tự coi họ như hoàn toàn khác biệt hoặc “được để riêng ra”. Để tránh nguy cơ này, ta nên nhớ rằng gia đình riêng của Chúa Giêsu, tràn đầy ơn thánh và khôn ngoan là thế, nhưng không tỏ ra là bất thường hay khác biệt với các gia đình khác. Đó là lý do tại sao người ta thấy khó thừa nhận sự khôn ngoan của Chúa Giêsu: “Người này từ đâu mà có được mọi sự như thế này? Ông ta há không phải là tay thợ mộc, con trai bà Maria đó sao?” (Mc 6:2-3). “Người này há không phải là con trai bác thợ mộc đó sao?” (Mt 13:55). Các câu hỏi này chứng tỏ rõ ràng rằng gia đình của các ngài là một gia đình bình thường, gần gũi với các gia đình khác, một thành phần bình thường của cộng đồng. Chúa Giêsu không lớn lên trong một môi liên hệ chặt hẹp và ngột ngạt với Đức Mẹ và Thánh Giuse, nhưng sẵn sàng hành động qua lại với gia đình rộng lớn hơn, tức các thân nhân của cha mẹ Người và các bằng hữu của họ. Điều này giải thích tại sao, trên đường từ Giêrusalem về nhà, Đức Mẹ và Thánh Giuse, cả một ngày trời, vẫn cứ tưởng đứa con Giêsu 12 tuổi của mình ở đâu đó trong đoàn hành hương, lắng nghe họ kể chuyện và chia sẻ các lắng lo của họ: “các ngài đã đi một ngày đường, vẫn tưởng Người ở trong đoàn du hành” (Lc 2:44). Thế mà, một số gia đình Kitô hữu, hoặc vì ngôn ngữ sử dụng, cách họ hành động hay cư xử với người khác, hoặc vì cứ nhai đi nhai lại cùng hai hay ba vấn đề, nên kết cục bị coi là xa cách và không thực sự là một phần của cộng đồng. Ngay các thân nhân của họ cũng cảm

thấy bị họ coi thường hay phê phán.

183. Cặp vợ chồng nào cảm nghiệm được sức mạnh của yêu thương đều biết rằng lòng yêu thương này được kêu gọi bằng bó vết thương cho người bị hắt hủi, phát huy nền văn hóa gặp gỡ và đấu tranh cho công lý. Thiên Chúa vốn ban cho gia đình công việc “gia hóa” (domesticate) thế giới (205) và giúp mỗi người coi người đồng loại của mình như anh chị em. “Một cái nhìn chú tâm vào đời sống hàng ngày của những người đàn ông đàn bà ngày nay lập tức cho ta thấy nhu cầu cùng khắp phải thổi vào đó một tinh thần gia đình lành mạnh... Không những chỉ là việc tổ chức đời sống bình thường đang càng ngày càng bị chấn ngang bởi một nền hành chánh hoàn toàn tách biệt khỏi các mối dây nối kết nhân bản nền tảng, mà cả các tập tục xã hội và chính trị cũng cho thấy nhiều dấu hiệu thoái hóa” (206). Về phần họ, các gia đình cởi mở và biết chăm sóc luôn tìm ra chỗ cho người nghèo và xây đắp các tình bằng hữu với những người kém may mắn hơn họ. Trong các cố gắng sống phù hợp với Tin Mừng, họ luôn nhớ lời Chúa Giêsu: “khi các con làm điều ấy cho một trong các anh em nhỏ bé nhất của Thầy này, là các con làm cho Thầy” (Mt 25:40). Đời sống của họ thực sự nói lên những gì tất cả chúng ta đều được đòi hỏi: “Khi tổ chức một bữa ăn hay một bữa tiệc, các con đừng mời bằng hữu hay anh chị em các con hoặc bà con của các con hay những người láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại các con để đáp lễ, và như thế các con đã được trả công rồi. Nhưng khi tổ chức một tiệc tùng, các con hãy mời người nghèo, người thương tật, người què, người mù, thì các con sẽ được chúc phúc” (Lc 14:12-14). Các con sẽ được chúc phúc! Đó là bí quyết đối với một gia đình hạnh phúc.

184. Qua các chứng tá cũng như lời nói của họ, các gia đình nói cho người khác về Chúa Giêsu. Họ thông truyền đức tin và kích thích lòng thèm khát Thiên Chúa cũng như phản ánh vẻ đẹp của Tin Mừng và lối sống của nó. Các cuộc hôn nhân Kitô Giáo, do đó, lên men xã hội bằng chứng tá huynh đệ, quan tâm xã hội, mạnh mẽ lên tiếng cho người yếu thế, đức tin sáng ngời và niềm hy vọng tích cực của họ. Tính sinh hoa trái của họ mở rộng và trong rất nhiều phương cách, làm cho lòng yêu thương của Thiên Chúa hiện diện trong xã hội.

Biện phân nhiệm thế

185. Theo cùng đường hướng trên, ta nên thận trọng sử dụng một đoạn văn Thánh Kinh thường bị giải thích bên ngoài ngữ cảnh của nó hay theo một nghĩa chung chung (generic) với nguy cơ bỏ qua nghĩa tức khắc và trực tiếp của nó, vốn có đặc tính xã hội rõ rệt. Tôi muốn nói tới đoạn thư 1 Côrintô 11:17-34, trong đó, Thánh Phaolô nói tới hoàn cảnh đáng xấu hổ trong cộng đồng. Các thành viên giàu có hơn có khuynh hướng kỳ thị các thành viên nghèo hơn, và việc này được đưa vào cả bữa ăn *agape* (đức ái) vốn song hành với việc cử hành Thánh Thể. Trong khi người giàu vui hưởng thức ăn thì người nghèo chỉ biết ngồi trông và ra vẻ bụng đói: “Người thì đói meo kẻ thì say sưa. Anh em há không có nhà để no say hay sao? Hay anh em khinh miệt Giáo Hội của Chúa và nhục mạ những người tay trắng?” (các câu 21-22).

186. Phép Thánh Thể đòi chúng ta phải là các chi thể của một thân thể duy nhất là Giáo Hội.

Những người tới gần Minh và Máu Chúa Kitô không được gây thương tích cho Thân Thể ấy bằng cách tạo ra các phân biệt và chia rẽ đầy tai tiếng giữa các chi thể của nó. Đây là điều có nghĩa “biện phân” thân thể Chúa, nhìn nhận nó bằng đức tin và đức ái cả trong dấu chỉ bí tích lẫn trong cộng đồng; những ai không làm thế là ăn uống án phạt dành cho họ (xem câu 29). Do đó, việc cử hành Thánh Thể trở thành một lời mời liên lỉ để mọi người “xét mình” (câu 38), mở cửa gia đình mình cho tình hiệp thông lớn lao hơn với những người kém may mắn, và bằng cách này, lãnh nhận bí tích tình yêu Thánh Thể làm cho chúng ta nên một thân thể. Ta đừng nên quên rằng “ ‘huyền nhiệm học’ của bí tích có đặc điểm xã hội” (207). Khi những người lãnh nhận nó không lưu tâm tới người nghèo và người đau khổ, hay đồng thuận với các hình thức chia rẽ, khinh miệt hay bất bình đẳng đa diện, là họ đã không lãnh nhận bí tích cách xứng đáng. Mặt khác, các gia đình nào có thiên hướng thích đáng và lãnh nhận Thánh Thể thường xuyên, sẽ tăng cường ước nguyện kết tình huynh đệ, ý thức xã hội và dẫn thân cho những người thiếu thốn.

Đời sống trong gia đình rộng lớn hơn

187. Gia đình hạch nhân cần phải tương tác với gia đình rộng lớn hơn gồm cha mẹ, cô chú, anh chị em họ và ngay cả hàng xóm. Gia đình rộng lớn này có thể có những thành viên cần được giúp đỡ hay ít nữa là tình đồng hành và tình âu yếm, hoặc ủi an trong lúc đau khổ (208). Chủ nghĩa duy cá nhân đang rất thịnh hành ngày nay có thể dẫn tới việc tạo ra những cái tổ an toàn nho nhỏ, những nơi người khác bị coi như gây rối hay đe dọa. Tuy nhiên, sự cô lập như thế không thể đem lại bình an hay hạnh phúc lớn lao hơn; đúng hơn, nó từng quẩn hóa trái tim của một gia đình và làm cho cuộc sống của nó càng thêm chật hẹp.

Làm con trai con gái

188. Trước hết, ta hãy nghĩ tới cha mẹ ta. Chúa Giêsu nói với các Biệt Phái rằng bỏ rơi cha mẹ mình là đi ngược lại lề luật của Thiên Chúa (xem Mc 7:8-13). Ta nên nhớ rằng mỗi người chúng ta đều là con trai hay con gái. “Ngay khi đã nên người trưởng thành, hoặc người cao niên, ngay khi trở thành bậc cha mẹ, có địa vị trọng trách, dưới tất cả những điều này vẫn là căn tính của người con. Tất cả chúng ta đều là những con trai và con gái. Và điều này luôn đem chúng ta trở lại với sự thật này: chúng ta không tự mình ban sự sống cho chính mình mà là tiếp nhận nó. Ôn phúc vĩ đại sự sống là ơn phúc thứ nhất chúng ta lãnh nhận được” (209).

189. Do đó, “giới răn thứ tư đòi con cái... trọng kính cha mẹ mình (xem Xh 20:12). Giới răn này xuất hiện liền sau các giới răn nói về chính Thiên Chúa. Thực thể, nó quả nói tới một điều thánh thiêng, một điều thần thánh, một điều làm căn bản cho mọi thứ trọng kính nhân bản khác. Phát biểu của Thánh Kinh về giới răn thứ tư nói tiếp: ‘để năm tháng của ngươi dài lâu trên lãnh thổ mà Chúa, Thiên Chúa của ngươi, sẽ ban cho ngươi’. Dây gắn bó đạo hạnh giữa các thế hệ là một bảo đảm cho tương lai, và là một bảo đảm cho xã hội thực sự nhân ái. Một xã hội với những đứa con không trọng kính cha mẹ là một xã hội không có danh dự... Đó là một xã hội chắc chắn sẽ đầy rẫy những người trẻ bất thân thiện và tham lam” (210).

190. Tuy nhiên, có mặt kia của đồng tiền. Như lời Thiên Chúa nói với ta, “người đàn ông sẽ lia bỏ cha mẹ mình” (St 2:24). Điều này không luôn xảy ra, và cuộc hôn nhân gặp trở ngại vì việc không thực hiện được sự hy sinh và lia bỏ cần thiết này. Không được bỏ rơi hay làm ngơ cha mẹ, nhưng hôn nhân tự nó đòi các ngài bị “lia bỏ” để tổ ấm mới trở thành một lò sưởi thực sự, một nơi của an toàn, của hy vọng và của các dự kiến tương lai, và cặp vợ chồng có thể thực sự trở nên “một thân xác” (ibid.). Trong một số cuộc hôn nhân, một trong hai người phối ngẫu giữ kín các bí mật với người kia, để chỉ thổ lộ với cha mẹ mình mà thôi. Kết quả: ý kiến của cha mẹ trở nên quan trọng hơn các tâm tư và ý kiến của người phối ngẫu. Tình huống này không thể kéo dài được, và dù cần nhiều thì giờ, cả hai người phối ngẫu cũng phải hết sức cố gắng để lớn lên trong tin tưởng và đối thoại. Hôn nhân thách thức người chồng và người vợ tìm ra các cách mới để hiểu thảo với cha mẹ.

Người cao niên

191. “Đừng vứt bỏ con lúc tuổi già; đừng bỏ rơi con lúc con đã lực tàn sức yếu” (Tv 71:9). Đó là lời van xin của người cao niên, sợ bị quên lãng và từ bỏ. Như Thiên Chúa đã yêu cầu ta trở thành phương thế để Người nghe thấy tiếng than của người nghèo thế nào, Người cũng muốn ta nghe tiếng kêu của người cao niên như vậy (211). Điều này nói lên một thách đố cho các gia đình và cộng đồng, vì “Giáo Hội không thể và không muốn sống theo nào trạng nôn nóng, nhất là nào trạng dửng dưng và khinh miệt, đối với tuổi già. Ta phải đánh thức một lần nữa cảm thức biết ơn, biết đánh giá cao, biết hiếu khách một cách tập thể nhằm làm cho người cao niên cảm thấy như đang là thành phần sống động của cộng đồng. Các người cao niên của chúng ta đều là những người đàn ông đàn bà, những người cha người mẹ, đến trước chúng ta trên chính con đường ta đang đi, trong chính căn nhà ta đang ở, trong cuộc đấu tranh hàng ngày của ta để có được một cuộc sống đáng sống” (212). Thực thể, “Tôi sẽ yêu thương xiết bao một Giáo Hội biết thách thức nền văn hóa vứt bỏ bằng một niềm vui tràn trề của cái ôm mới giữa người trẻ và người già!” (213).

192. Thánh Gioan Phaolô II yêu cầu chúng ta lưu ý tới vai trò của người cao niên trong gia đình chúng ta, vì hiện có những nền văn hóa “nhất là tiếp theo cuộc phát triển kỹ nghệ và đô thị vô trật tự, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, đã gạt người cao niên qua một bên một cách không thể chấp nhận được” (214). Người cao niên giúp chúng ta biết đánh giá cao “sự liên tục của các thế hệ”, bằng “các đặc sủng xóa bỏ các hố phân cách” (215). Các ông bà rất hay là những người lo sao cho các giá trị quan trọng nhất được truyền lại cho con cháu, và “nhiều người có thể chứng thực rằng nhờ ông bà, họ lãnh nhận được việc khai tâm gia nhập đời sống Kitô hữu” (216). Lời lẽ của các ngài, lòng âu yếm của các ngài hoặc chỉ cần sự hiện diện của các ngài cũng đã giúp các cháu hiểu ra rằng lịch sử không bắt đầu với chúng, nay chúng chỉ là một phần của cuộc hành hương muôn thuở và chúng cần phải trọng kính tất cả những ai đã đến trước chúng. Những người cắt đứt mọi dây liên kết với quá khứ, chắc chắn sẽ thấy khó có thể xây dựng được các mối liên hệ bền vững và hiểu ra rằng thực tại lớn hơn chính họ. “Lưu tâm tới người cao niên sẽ tạo ra sự khác biệt xã hội. Một xã hội biểu lộ sự quan tâm tới người cao niên ư? Nó dành chỗ cho người cao niên ư? Một xã hội như thế sẽ thăng tiến nếu nó tôn trọng sự khôn ngoan của người cao niên” (217).

193. Thiếu kỷ ức lịch sử là một thiếu sót nghiêm trọng trong xã hội ta. Một não trạng chỉ biết nói: “lúc ấy là lúc ấy, bây giờ là bây giờ” cuối cùng sẽ là một não trạng ấu trĩ. Biết và phán đoán các biến cố quá khứ là con đường duy nhất để xây dựng một tương lai có ý nghĩa. Kỷ ức là điều cần thiết cho việc phát triển: “Hãy nhớ lại những ngày đầu” (Thư Do Thái 10:32). Lắng nghe người cao niên kể các câu chuyện của các ngài là điều tốt đối với trẻ em và giới trẻ; nó làm họ cảm thấy được nối kết với lịch sử sống động của gia đình họ, khu xóm họ và đất nước họ. Gia đình nào thiếu tôn trọng và trân quý ông bà của mình, những vị vốn là kỷ ức sống động của mình, thực sự đã sa sút rồi, trong khi gia đình nào biết tưởng nhớ đều sẽ có tương lai. “Xã hội nào không có chỗ dành cho người cao niên hoặc vứt bỏ họ vì họ gây ra vấn đề, thực sự đã mang một vi khuẩn chết người rồi” (218); “nó bị nát từ gốc” (219). Cảm nghiệm bị mồ côi hiện thời do sự bất liên tục của văn hóa, sự bứng gốc và mất hết các chắc chắn từng lên khuôn đời ta gây nên, đang thách thức ta biến gia đình thành nơi, ở đó, con cái có thể bén rễ sâu vào mảnh đất màu mỡ của lịch sử tập thể.

Làm anh chị em

194. Với dòng thời gian, các mối liên hệ giữa anh chị em sẽ thâm hậu hơn, và “sợi dây huynh đệ được hình thành trong gia đình giữa con cái, nếu được củng cố bằng một bầu khí giáo dục cởi mở đối với người khác, là trường học vĩ đại của tự do và hòa bình. Trong gia đình, ta học cách sống như một. Có lẽ ta không luôn luôn nghĩ về điều này, nhưng chính gia đình đã du nhập tình huynh đệ vào thế giới. Từ cảm nghiệm tình huynh đệ ban đầu được nuôi dưỡng bằng âu yếm và giáo dục tại nhà này, phong thái huynh đệ sẽ sáng lên như một lời thề hứa đối với toàn bộ xã hội” (220)

195. Lớn lên với các anh chị em đem lại cho ta một cảm nghiệm tươi đẹp của việc chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Vì “tình huynh đệ trong các gia đình tỏa sáng cách đặc biệt khi ta thấy sự săn sóc, lòng kiên nhẫn, tình âu yếm bảo bọc đứa em trai hay em gái bé nhỏ yếu ớt, đau ốm hay khuyết tật” (221). Cần phải nhìn nhận điều này: “có được người anh em hay người chị em yêu thương bạn là một cảm nghiệm sâu sắc, quý giá và độc đáo” (222). Trẻ em cần được kiên nhẫn dạy dỗ cách cư xử với nhau như anh chị em. Việc huấn luyện, đôi lúc, khá đòi hỏi này, quả là trường học thực sự của việc xã hội hóa. Ở một số quốc gia, nơi sự kiện chỉ có một đứa con đã thành ra khá thông thường, cảm nghiệm được làm anh em hay chị em càng ngày càng kém thông thường hơn. Khi chỉ có thể có một đứa con, thì ta phải tìm cách để bảo đảm đứa con này không lớn lên một mình hoặc bị cô lập.

Một trái tim lớn

196. Cộng với tiểu gia đình gồm vợ chồng và con cái, ta còn có gia đình rộng lớn hơn mà ta không thể bỏ qua. Thực vậy, “lòng yêu thương giữa chồng và vợ và, theo nghĩa phát sinh (derivative) và rộng lớn hơn, lòng yêu thương giữa các thành viên của cùng một gia đình, giữa cha mẹ và con cái, anh chị em và thân nhân và thành viên của gia hộ, được ban cho sự sống và nâng đỡ nhờ một năng động tính nội tâm không ngừng dẫn gia đình tới một hiệp

thông mỗi ngày một sâu xa và nồng đượm hơn, một hiệp thông vốn là nền tảng và linh hồn của cộng đồng hôn nhân và gia đình” (223). Bằng hữu và các gia đình khác là thành phần của gia đình rộng lớn hơn này, cũng như của cộng đồng các gia đình biết nâng đỡ nhau trong các khó khăn, các cam kết xã hội và đức tin của họ.

197. Gia đình rộng lớn hơn này nên cung cấp yêu thương và nâng đỡ các bà mẹ thiếu niên, các trẻ em không cha mẹ, các bà mẹ đơn chiếc phải dưỡng dục con cái một mình, những người khuyết tật cần sự âu yếm và gần gũi đặc biệt, những người trẻ đang chiến đấu với nghiện ngập, những người không kết hôn, ly thân hay góa bụa ở một mình, và những vị cao niên và già yếu thiếu sự nâng đỡ của con cái. Gia đình này cũng nên bảo bọc “cả những người đánh đắm cuộc đời họ” (224). Gia đình rộng lớn hơn này có thể giúp bù trừ các thiếu sót của cha mẹ, khám phá và tường trình các hoàn cảnh có thể có trong đó, trẻ em bị bạo hành và thậm chí lạm dụng nữa, và cung cấp lòng yêu thương lành mạnh và cảnh ổn định gia đình trong các trường hợp cha mẹ tỏ ra bất lực về phương diện này.

198. Cuối cùng, ta không thể quên rằng gia đình lớn hơn này bao gồm luôn cha mẹ vợ, cha mẹ chồng và mọi thân nhân của hai người phối ngẫu. Một khía cạnh đặc biệt tế nhị của lòng yêu thương là học cách đừng coi các thân nhân này như những người cạnh tranh, đe dọa hay xâm lấn. Sự kết hợp vợ chồng đòi phải tôn trọng các truyền thống và phong tục của họ, phải cố gắng hiểu ngôn ngữ của họ và tự chế việc phê bình, săn sóc họ và quý trọng họ trong khi vẫn phải duy trì sự tư riêng và độc lập hợp pháp của vợ chồng. Việc sẵn sàng làm thế cũng là một phát biểu thanh nhã của lòng yêu thương đối với người phối ngẫu của mình.

(176) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio*, (22 tháng 11, 1981), 14: AAS 74 (1982), 96.

(177) Bài Giáo Lý (11 tháng 2, 2015): *L'Osservatore Romano*, 12 tháng 2, 2015, p. 8.

(178) *Ibid.*

(179) Bài Giáo Lý (8 tháng 4, 2015): *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 4, 2015, p. 8.

(180) *Ibid.*

(181) Cf. *Gaudium et Spes*, 51: " Mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bổn phận lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người"

(182) Thư gửi Tông Thư Ký Liên Hiệp Quốc về Dân Số và Phát Triển (18 tháng 3, 1994): *Insegnamenti XVII/1* (1994), 750-751.

(183) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (12 tháng 3, 1980), 3:

Insegnamenti III/1 (1980), 543.

(184) *Ibid.*

(185) *Diễn Văn tại Cuộc Họp Mặt các Gia Đình ở Manila* (16 tháng 1, 2015): AAS 107 (2015), 176.

(186) *Diễn Văn* (11 tháng 2, 2015): *L'Osservatore Romano*, 12 tháng 2, 2015, p. 8.

(187) *Bài Giáo Lý* (14 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 15 tháng 10, 2015, p. 8.

(188) *Hội Đồng Giám Mục Úc Châu, Pastoral Letter Don't Mess with Marriage* (24 tháng 11, 2015), 13.

(189) *Gaudium et Spes*, 50.

(190) *Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý* (12 tháng 3, 1980), 2:

Insegnamenti III/1 (1980), 542.

(191) Cf. *id.*, *Tông Thư Mulieris Dignitatem* (15 tháng 8, 1988), 30-31: AAS 80 (1988), 1726-1729.

(192) *Bài Giáo Lý* (7 tháng 1, 2015): *L'Osservatore Romano*, 7-8 tháng 1, 2015, p. 8.

(193) *Ibid.*

(194) *Bài Giáo Lý* (28 tháng 1, 2015): *L'Osservatore Romano*, 29 tháng 1, 2015, p. 8.

(195) *Ibid.*

(196) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 28.

(197) *Bài Giáo Lý* (4 tháng 2, 2015), *L'Osservatore Romano*, 5 tháng 2, 2015, p. 8.

(198) *Ibid.*

(199) *Hiến Chế Mục Vụ Gaudium Et Spes*, 50.

(200) *Hội Nghị Toàn Thể các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean, Aparecida Document* (29 tháng 6, 2007), No. 457.

(201) *Relatio Finalis* 2015, 65.

(202) *Ibid.*

(203) *Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình ở Manila*, (16 tháng 1, 2015): AAS 107 (2015), 178.

- (204) Mario Benedetti, “Te Quiero”, trong *Poemas de otros*, Buenos Aires 1993, 316.
- (205) Cf. Bài Giáo Lý (16 tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 17 tháng 9, 2015, p. 8.
- (206) Bài Giáo Lý (7 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 10, 2015, p. 8.
- (207) Đức Bênêđictô XVI, *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 14: AAS 98 (2006), 228.
- (208) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 11.
- (209) Bài Giáo Lý (18 tháng 3, 2015) : *L'Osservatore Romano*, 19 tháng 3, 2015, p. 2.
- (210) Bài Giáo Lý (11 tháng 2, 2015): *L'Osservatore Romano*, 12 tháng 2, 2015, p. 8.
- (211) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 17-18.
- (212) Bài Giáo Lý (4 tháng 3, 2015): *L'Osservatore Romano*, 5 tháng 3, 2015, p. 8.
- (213) Bài Giáo Lý (11 tháng 3, 2015): *L'Osservatore Romano*, 12 tháng 3, 2015, p. 2.
- (214) *Tông Huấn Familiaris Consortio*, 27 (22 tháng 11, 1981): AAS 74 (1982), 113.
- (215) Id., *Diễn Văn với Các Tham Dự Viên của "Luận Hội Quốc Tế Về Việc Về Già Tích Cực"* (5 tháng 9, 1980), 5: *Insegnamenti* III/2 (1980), 539.
- (216) *Relatio Finalis* 2015, 18.
- (217) Bài Giáo Lý (4 tháng 3, 2015): *L'Osservatore Romano*, 5 tháng 3, 2015, p. 8.
- (218) *Ibid.*
- (219) Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ với Người Cao Niên (28 tháng 9, 2014): *L'Osservatore Romano*, 29-30 tháng 9, 2014, p. 7.
- (220) Bài Giáo Lý (18 tháng 2, 2015): *L'Osservatore Romano*, 19 tháng 2, 2015, p. 8.
- (221) *Ibid.*
- (222) *Ibid.*
- (223) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 18: AAS 74 (1982), 101.
- (224) Bài Giáo Lý (7 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 8 tháng 10, 2015), p. 8.

Chương Sáu: Một Số Viễn Ảnh Mục Vụ

199. Cuộc đối thoại diễn ra tại Thượng Hội Đồng đặt ra nhu cầu phải có các phương pháp mục vụ mới. Tôi sẽ cố gắng nhắc đến một số phương pháp này một cách tổng quát. Các cộng đồng khác nhau sẽ đưa ra nhiều sáng kiến thực tiễn và hữu hiệu hơn, biết tôn trọng cả giáo huấn của Giáo Hội lẫn các vấn đề và nhu cầu địa phương. Không có tham vọng trình bày một kế hoạch mục vụ về gia đình, tôi chỉ muốn suy nghĩ về một số thách đố mục vụ có ý nghĩa hơn mà thôi.

Công bố Tin Mừng Gia Đình Ngày Nay

200. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhấn mạnh rằng các gia đình Kitô hữu, nhờ ơn thánh của bí tích hôn phối, đã trở thành các tác nhân chính của việc tông đồ gia đình, trước hết bằng “chứng tá đầy hân hoan như là các Giáo Hội tại gia” (225). Do đó, “điều quan trọng là: người ta cảm nghiệm được Tin Mừng Gia Đình như một niềm vui ‘tràn ngập các tâm hồn và cuộc sống’, vì nơi Chúa Kitô, chúng ta ‘đã được giải thoát khỏi tội lỗi, buồn sầu, trống rỗng bên trong và cô độc’ (*Evangelii Gaudium*, 1). Như trong dụ ngôn người gieo giống (xem Mt 13:3-9), ta được kêu gọi góp tay vào việc gieo hạt giống; phần còn lại là của Thiên Chúa. Chúng ta cũng đừng quên rằng, trong giáo huấn của mình về gia đình, Giáo Hội là một dấu chỉ mâu thuẫn” (226). Các cặp vợ chồng biết ơn khi các mục tử của họ bảo vệ lý tưởng cao cả của một tình yêu mạnh mẽ, vững chắc, lâu bền và có khả năng nâng đỡ họ vượt qua bất kỳ thử thách nào họ có thể phải đương đầu. Giáo Hội, với lòng khiêm nhường và cảm thương, muốn vươn tay ra với các gia đình và “giúp mỗi gia đình khám phá ra cách tốt nhất để vượt qua mọi trở ngại họ gặp phải” (227). Trong việc lên kế hoạch mục vụ, chỉ tỏ quan tâm chung chung đối với gia đình là điều không đủ. Việc giúp các gia đình có khả năng lãnh nhận vai trò của họ như các tác nhân tích cực của việc tông đồ gia đình đòi phải có “một cố gắng truyền giảng Tin Mừng và dạy giáo lý bên trong gia đình” (228).

201. “Cố gắng này đòi mọi người trong Giáo Hội phải có một hời tâm truyền giáo, một hời tâm không hài lòng với việc chỉ công bố một sứ điệp hoàn toàn có tính lý thuyết, không hề liên quan gì tới các vấn đề có thực của người ta” (229). Việc chăm sóc mục vụ gia đình “cần phải minh xác rõ rệt rằng Tin Mừng Gia Đình đáp ứng các nguyện vọng sâu xa nhất của con người nhân bản: đáp ứng phẩm giá và sự thành toàn của mỗi người trong tính hồ tương, hiệp thông và sinh hoa trái. Điều này hệ ở việc không những trình bày một loạt luật lệ, mà còn đề xuất các giá trị mà người ngày nay, ngay trong các quốc gia bị duy tục hóa hơn hết, rõ ràng đang cần tới” (230). Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng “làm nổi bật sự kiện này: việc truyền giảng Tin Mừng rõ ràng cần phải tố cáo các nhân tố văn hóa, xã hội, chính trị và kinh tế nào, như dành sự quan trọng quá đáng cho luận lý học thị trường chẳng hạn, cản trở đời sống chân chính gia đình và dẫn tới kỳ thị, nghèo đói, loại trừ, và bạo lực. Do đó, cần phải có vũ đối thoại và hợp tác với các cơ cấu xã hội và khuyến khích các tín hữu giáo dân tham gia vào các lãnh vực văn hóa và chính trị xã hội, với tư cách Kitô hữu” (231).

202. “Sự đóng góp chính vào việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình do giáo xứ cung ứng; vì giáo xứ chính là gia đình của các gia đình, nơi mà các cộng đồng nhỏ, các phong trào và hiệp hội trong Giáo Hội sống hòa hợp với nhau” (232). Song song với việc mục vụ vươn tay ra, chuyên biệt nhằm vào các gia đình, điều này còn cho thấy nhu cầu phải có “một nền đào tạo ... các linh mục, phó tế, nam nữ tu sĩ, giáo lý viên và các nhân viên mục vụ khác một cách thích đáng hơn” (233). Trong các câu trả lời cuộc tham khảo ý kiến toàn thế giới, ta thấy rõ: các thừa tác viên thụ phong thường thiếu sự huấn luyện cần cho việc xử lý các vấn đề phức tạp mà các gia đình hiện đang phải đương đầu. Ta cũng có thể rút tía kinh nghiệm giáo sĩ có gia đình của truyền thống Đông Phương rộng khắp.

203. Các chủng sinh nên nhận được một nền đào tạo liên khoa sâu rộng hơn, chứ không chỉ về tín lý, trong các lãnh vực đính hôn và kết hôn. Việc đào tạo họ không luôn luôn giúp họ thăm dò chính bối cảnh và các trải nghiệm tâm lý và cảm giới của họ. Một số xuất thân từ các gia đình gặp rắc rối, thiếu cha thiếu mẹ hay không ổn định về xúc cảm. Phải làm thế nào bảo đảm được rằng diễn trình đào tạo có thể giúp họ đạt được sự trưởng thành và sự quân bình tâm lý cần cho thừa tác vụ tương lai của họ. Các mối dây liên kết gia đình là điều chủ yếu để tăng cường lòng tự trọng lành mạnh. Điều quan trọng đối với các gia đình là trở thành một phần trong diễn trình chủng viện và đời sống linh mục, vì họ có thể giúp tái xác định hai điều vừa kể và giữ cho chúng có cơ sở vững vàng trong thực tại. Điều hữu ích cho các chủng sinh là biết phối hợp thời gian sống trong chủng viện với thời gian sống ở các giáo xứ. Ở đây, họ có thể tiếp xúc nhiều hơn với các thực tại cụ thể của đời sống gia đình, vì trong thừa tác vụ tương lai của họ, phần lớn họ sẽ phải xử lý với các gia đình. “Sự hiện diện của các giáo dân, của các gia đình và nhất là của phụ nữ trong việc đào tạo linh mục, sẽ phát huy việc đánh giá cao tính đa dạng và bổ túc cho nhau của các ơn gọi khác nhau trong Giáo Hội” (234).

204. Các câu trả lời trong cuộc tham khảo nói trên cũng nhấn mạnh đến việc phải huấn luyện các nhà lãnh đạo giáo dân có khả năng trợ giúp việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình, với sự giúp đỡ của các thầy cô và huấn đạo viên, các y sĩ gia đình và cộng đồng, các nhân viên xã hội, các luật sư thiếu niên và gia đình, và dựa vào các đóng góp của tâm lý học, xã hội học, trị liệu và huấn đạo hôn nhân. Các nhà chuyên nghiệp, nhất là những người có kinh nghiệm thực tiễn, giúp giữ cho các sáng kiến mục vụ có cơ sở trong các hoàn cảnh có thực và các quan tâm cụ thể của gia đình. “Các khóa học và chương trình, được hoạch định chuyên biệt cho các nhân viên mục vụ, có thể có ích bằng cách hội nhập chương trình chuẩn bị tiền hôn nhân vào tính năng động rộng lớn hơn của đời sống Giáo Hội” (235). Việc đào tạo tốt về mục vụ là điều quan trọng “nhất là khi cân nhắc các tình huống khẩn trương đặc thù phát sinh từ các trường hợp bạo hành trong gia đình và lạm dụng tình dục” (236). Tất cả những điều này không hề làm giảm, nhưng đúng hơn, bổ túc cho giá trị nền tảng của việc linh hướng, của các kho báu linh đạo phong phú của Giáo Hội và của bí tích Hòa Giải.

Chuẩn bị hôn nhân cho các cặp đính hôn

205. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, bằng nhiều cách, đã quả quyết rằng ta cần giúp giới trẻ khám phá ra phẩm giá và cái đẹp của hôn nhân (237). Họ nên được giúp đỡ để nhận thức

rõ sự quyền rũ của một kết hợp hoàn toàn, một sự kết hợp nhằm nâng cao và hoàn thiện hóa chiều kích xã hội của nhân sinh, đem lại cho tính dục ý nghĩa sâu xa nhất của nó, gây ích cho con cái bằng cách cung hiến cho chúng bối cảnh tốt nhất để chúng lớn lên và phát triển.

206. “Sự phức tạp của xã hội ngày nay và các thách đố mà gia đình đang đối phó đòi phải có một cố gắng lớn lao về phía toàn bộ cộng đồng Kitô hữu trong việc chuẩn bị những người sắp sửa kết hôn. Sự quan trọng của các nhân đức phải được bao gồm trong đó. Trong số các nhân đức, đức trong sạch đã được chứng minh là vô giá để tình yêu giữa những con người có thể lớn lên một cách chân chính. Về phương diện này, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhất trí về việc phải để toàn bộ cộng đồng tham dự một cách sâu rộng hơn, bằng cách nhấn mạnh đến chứng tá của chính các gia đình và đặt cơ sở cho việc chuẩn bị hôn nhân ngay trong diễn trình Khai tâm Kitô Giáo qua việc làm nổi bật mối liên kết giữa hôn phối, phép rửa và các bí tích khác. Các Nghị Phụ cũng nói tới việc phải có những chương trình chuẩn bị hôn nhân đặc biệt nhằm đem lại cho các cặp này kinh nghiệm chân chính được tham dự vào đời sống Giáo Hội và được dẫn nhập trọn vẹn vào các khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình” (238).

207. Tôi khuyến khích các cộng đồng Kitô hữu nhìn nhận lợi ích lớn lao chính họ nhận được từ việc giúp đỡ các cặp đính hôn lớn lên trong lòng yêu thương. Như các giám mục Ý từng nhận xét, những cặp này là “tài nguyên giá trị vì khi thành thực cam kết lớn lên trong lòng yêu thương và sự tự hiến, họ đã có thể góp phần vào việc canh tân cấu trúc của toàn bộ cơ thể Giáo Hội. Hình thức tình bằng hữu đặc biệt của họ có thể chứng minh được là dễ lây và có khả năng phát huy sự lớn mạnh của tình bằng hữu và tình huynh đệ trong cộng đồng Kitô hữu mà họ vốn là một thành phần” (239). Hiện có một số cách hợp pháp để tổ chức các chương trình chuẩn bị hôn nhân, và mỗi Giáo Hội địa phương phải biện phân cách tốt nhất để cung cấp việc huấn luyện thích đáng mà không làm giới trẻ ra xa lạ với bí tích. Họ không cần được dạy toàn bộ Sách Giáo Lý hay được nhồi nhét quá nhiều tín liệu. Cả ở đây, “không phải sự hiểu biết lớn lao, mà đúng hơn là khả năng cảm nhận và trân quý những điều ở bên trong có khả năng làm cho linh hồn hài lòng và thỏa mãn” (240). Phẩm lực nào cũng quan trọng hơn lượng và, song song với việc công bố sơ truyền một cách mới mẻ, nên dành ưu tiên cho việc trình bày một cách lôi cuốn và hữu ích các tín liệu có thể giúp các cặp đính hôn biết sống trọn phần còn lại của đời họ với nhau “một cách can đảm và quảng đại” (241). Việc chuẩn bị hôn nhân nên trở thành một thứ “khai tâm” vào bí tích hôn phối, cung cấp cho các cặp đính hôn sự giúp đỡ họ cần để lãnh nhận bí tích cách xứng đáng và khởi đầu cuộc sống vững chắc của họ như một gia đình.

208. Với sự giúp đỡ của các gia đình truyền giáo, người ta cũng thấy các gia đình riêng của cặp đính hôn và hàng loạt các nguồn tài nguyên và đường lối mục vụ khác cũng có thể cung cấp việc chuẩn bị xa, một việc, nhờ gương sáng và lời khuyên tốt, có khả năng giúp cho lòng yêu thương của họ lớn lên và trưởng thành. Các nhóm thảo luận và các buổi thuyết trình nhiệm ý về hàng loạt các đề tài được giới trẻ thực sự lưu ý cũng đã được chứng minh là hữu ích. Cũng thế, một số cuộc tụ họp cá nhân cũng có tính chủ yếu, vì mục tiêu hàng đầu là giúp nhau học cách yêu thương con người thực này mà với họ năng hay chàng có dự kiến chia sẻ cả đời năng hay đời chàng. Học cách yêu thương một ai đó không tự động mà đến, cũng

không thể được dạy trong một buổi tập huấn (workshop) chỉ trước khi cử hành hôn phối. Với mọi cặp đính hôn, việc chuẩn bị hôn nhân phải bắt đầu từ lúc mới sinh ra. Điều họ lãnh nhận được từ gia đình họ nên chuẩn bị để họ tự biết họ và biết dần thân cách trọn vẹn và dứt khoát. Những ai được chuẩn bị kỹ càng nhất để kết hôn có lẽ là những người được chính cha mẹ họ dạy cho biết bản chất hôn nhân Kitô Giáo là gì; vì các ngài đã chọn nhau một cách vô điều kiện và mỗi ngày mỗi canh tân quyết định này. Theo chiều hướng này, các sáng kiến mục vụ nhằm giúp các cặp vợ chồng lớn lên trong lòng yêu thương và trong Tin Mừng gia đình cũng sẽ giúp con cái họ, bằng cách chuẩn bị chúng cho cuộc sống hôn nhân tương lai của chúng. Ta cũng đừng nên đánh giá thấp giá trị mục vụ trong các thực hành tôn giáo truyền thống. Xin đơn cử một điển hình: tôi nghĩ tới Ngày Thánh Valentine; ở một số quốc gia, các tư lợi thương mại nhanh nhẩu hơn trong việc nhận ra tiềm năng của việc cử hành này hơn là chúng ta trong Giáo Hội.

209. Việc cộng đồng giáo xứ chuẩn bị đúng lúc cho các cặp đính hôn cũng nên giúp họ nhận ra các vấn đề và nguy cơ có thể có. Nhờ cách này, họ có thể tiến tới chỗ hiểu ra sự khôn ngoan của việc hủy bỏ một mối liên hệ mà họ thấy trước sẽ thất bại và gây đau khổ về sau. Trong sự say mê nhau lúc ban đầu, cặp đính hôn dám có mưu toan che dấu hay tương đối hóa một số sự việc nào đó hay tránh bắt đồng với nhau; chỉ để sau đó xảy ra không biết bao nhiêu vấn đề. Vì lý do này, họ nên được khuyến khích một cách mạnh mẽ trong việc thảo luận xem mỗi người mong ước gì ở cuộc hôn nhân, hiểu những gì về lòng yêu thương và sự cam kết, muốn gì ở người kia và cùng nhau xây dựng loại cuộc sống nào. Những cuộc thảo luận như thế sẽ giúp họ thấy rõ có phải thực ra họ có rất ít điểm chung với nhau và hiểu ra rằng chỉ sự lôi cuốn lẫn nhau mà thôi sẽ không đủ để giữ họ lại với nhau. Không điều gì dễ thay đổi, nhất thời và ít đoán trước được bằng sự thêm muốn. Không bao giờ nên khích lệ một quyết định kết hôn trừ khi cặp đính hôn biện phân được các lý do sâu sắc hơn giúp đảm bảo một cam kết chân chính và bền vững.

210. Dù sao, nếu một bên rõ ràng nhận ra các điểm yếu của bên kia, thì họ cần phải có một lòng tin tưởng thực tiễn vào khả năng có thể giúp đỡ người này để họ phát triển các điểm mạnh nhằm quân bình hóa các điểm yếu kia, và nhờ thế, cổ vũ sự lớn mạnh nhân bản của họ. Điều này bao hàm việc sẵn sàng để đối phó với nhiều hy sinh, nhiều nan đề và tình huống tranh chấp có thể có; nó đòi một quyết tâm vững vàng để sẵn sàng đối phó với nó. Các cặp đính hôn cần có khả năng khám phá ra các dấu hiệu nguy hiểm trong mối liên hệ của họ và, trước ngày cưới, tìm được những cách thể hữu hiệu để đáp ứng các dấu hiệu này. Buồn thay, rất nhiều cặp lấy nhau mà thực ra không hề hiểu biết nhau. Họ vui hưởng sự có nhau của nhau và làm nhiều việc với nhau, nhưng không đương đầu với thách đố tự vén màn cho nhau và tiến tới chỗ biết người kia thực sự là người như thế nào.

211. Việc chuẩn bị hôn nhân bất kể là ngắn hạn hay dài hạn đều nên bảo đảm việc này: cặp đính hôn không coi nghi lễ kết hôn như là cuối đường đi, nhưng thay vào đó, là bắt đầu cuộc hôn nhân như một ơn gọi suốt đời đặt căn bản trên một quyết định vững chắc và thực tiễn sẽ cùng nhau đương đầu với mọi thử thách và thời điểm khó khăn. Việc chăm sóc mục vụ các cặp đính hôn và kết hôn nên tập trung vào dây hôn phối, giúp các cặp này không những thâm

hậu hóa lòng yêu thương của họ mà còn vượt qua các nan đề và khó khăn của họ nữa. Việc này bao gồm không những phải giúp họ chấp nhận các giáo huấn của Giáo Hội và biết chạy đến với các tài nguyên giá trị của Giáo Hội, mà còn phải cung cấp cho họ các chương trình thực tiễn, những lời khuyên vững chắc, các chiến thuật đã được chứng thực và các hướng dẫn tâm lý. Điều này đòi phải có một nền sự phạm về lòng yêu thương, phù hợp với cảm quan và nhu cầu giới trẻ và có khả năng giúp họ lớn lên về nội tâm. Việc chuẩn bị hôn nhân cũng nên cung cấp cho các cặp đính hôn tên các nơi, các người và các dịch vụ họ có thể chạy tới xin giúp đỡ khi có vấn đề. Điều cũng quan trọng là nhắc họ nhớ đến sự sẵn có của bí tích Hòa Giải, là bí tích giúp họ đem tội lỗi và các lỗi lầm quá khứ của họ, cũng như chính mối liên hệ của họ tới trước mặt Thiên Chúa, để ngược lại, nhận được sự tha thứ đầy xót thương và sức mạnh chữa lành của Người.

Chuẩn bị việc cử hành

212. Các cuộc chuẩn bị hôn nhân ngắn hạn có khuynh hướng tập trung vào thiệp mời, quần áo, tiệc tùng và nhiều chi tiết khác làm kiệt quệ không những ngân sách mà cả sức lực và niềm vui nữa. Các người phối ngẫu đến với nghi thức hôn phối trong trạng thái kiệt lực và rã rời căng thẳng, hơn là tập chú và sẵn sàng thực hiện bước đi vĩ đại họ sắp sửa bước. Cùng một loại bận tâm với việc cử hành lớn lao này cũng ảnh hưởng tới các cuộc phối hợp *de facto* (trên thực tế); vì các chi phí liên hệ, những cặp này, thay vì quan tâm trước nhất tới lòng yêu thương của mình và cử hành nó theo nghi thức trước sự hiện diện của nhiều người khác, không bao giờ kết hôn cả. Ở đây, tôi xin nói với các người sắp lấy nhau này một lời. Hãy can đảm làm khác đi. Đừng để mình bị xã hội duy tiêu thụ và chỉ sống bằng đáng về nuốt trửng. Điều quan trọng là lòng yêu thương các con chia sẻ với nhau, được ơn thánh củng cố và thánh hóa. Các con có thể chọn một lối cử hành khiêm tốn và giản dị hơn, trong đó, lòng yêu thương của các con chiếm ưu tiên hơn bất cứ điều gì khác. Các nhân viên mục vụ và toàn thể cộng đồng có thể giúp làm cho ưu tiên này trở thành qui lệ hơn là ngoại lệ.

213. Trong việc chuẩn bị kết hôn của mình, các cặp đính hôn nên được khuyến khích biến việc cử hành phụng vụ thành một cảm nghiệm bản thân sâu sắc và đánh giá cao ý nghĩa của mỗi dấu hiệu. Trong trường hợp hai người đã chịu phép rửa, thì cam kết được phát biểu qua các lời tỏ ưng thuận và việc kết hợp thân xác nhằm hoàn hợp cuộc hôn nhân chỉ có thể được coi là các dấu chỉ tình yêu và sự kết hợp giao ước giữa Con Thiên Chúa nhập thể và Giáo Hội của Người. Nơi người đã chịu phép rửa, các lời và dấu hiệu trở thành một ngôn ngữ hùng hồn của đức tin. Thân xác, được dựng nên với ý nghĩa Chúa ban, “trở thành thân xác của các thừa tác viên bí tích, những người ý thức rằng trong khế ước phụ phụ có sự phát biểu và thể hiện của mầu nhiệm vốn phát sinh từ chính Thiên Chúa” (242).

214. Đôi lúc, cặp kết hôn không nắm được tầm quan trọng về thần học và tâm linh của các lời tỏ ưng thuận, là những lời vốn soi sáng ý nghĩa của mọi dấu hiệu tiếp theo. Ta cần nhấn mạnh rằng những lời này không thể bị giản lược vào hiện tại; chúng bao hàm một toàn diện tính bao trùm cả tương lai: “cho tới lúc cái chết phân rẽ chúng ta” (phụng vụ tiếng Việt: *mọi ngày suốt đời tôi*). Nội dung các lời tỏ ưng thuận minh xác rằng “tự do và trung thành không chống

chơi nhau; đúng hơn, chúng nâng đỡ nhau, trong cả các liên hệ liên bản ngã lẫn các liên hệ xã hội nữa. Thực thể, trong nền văn hóa truyền thông hoàn cầu, ta hãy xem xét sự tai hại gây ra bởi việc leo thang của những hứa hẹn không được tuân giữ... Tôn trọng lời nói của mình, trung thành với các lời hứa của mình: đó là những điều không thể mua hay bán được. Chúng không thể nào bị cưỡng bức bằng vũ lực hay được duy trì bất cần hy sinh” (243).

215. Các giám mục Kenya từng nhận xét rằng “nhiều [người trẻ] tập trung vào ngày cưới của họ mà quên cả việc cam kết suốt đời mà họ sắp bước vào” (244). Họ cần được khuyến khích để coi bí tích này không như giờ phút duy nhất để rồi sau đó trở thành một phần của quá khứ và ký ức của nó, nhưng đúng hơn như một thực tại vĩnh viễn gây ảnh hưởng tới trọn cuộc sống vợ chồng (245). Ý nghĩa sinh sản của tính dục, ngôn ngữ thân xác, và các dấu hiệu của lòng yêu thương biểu lộ suốt trong cuộc sống hôn nhân, tất cả trở thành “liên tục tính bất tận của ngôn ngữ phụng vụ” và “cuộc sống lứa đôi, theo một nghĩa nào đó, trở thành có tính phụng vụ” (246).

216. Cặp đính hôn cũng có thể suy niệm các bài đọc Thánh Kinh và tính ý nghĩa của những chiếc nhẫn họ sẽ trao cho nhau và các dấu hiệu khác vốn là thành phần của nghi lễ. Điều cũng không tốt đối với họ là tới lễ cưới mà chưa bao giờ cùng nhau cầu nguyện, người này cầu nguyện cho người nọ, xin Thiên Chúa nâng đỡ để mãi mãi trung thành và quảng đại, cùng nhau hỏi Chúa xem Người muốn mình điều gì, và hiến dâng lòng yêu thương của mình trước tượng Đức Nữ Trinh Maria. Những người giúp chuẩn bị cho họ kết hôn nên giúp họ cảm nghiệm các thời khắc cầu nguyện này, những thời khắc được chứng minh là hết sức hữu ích. “Phụng vụ hôn phối là biến cố độc đáo, vì vừa là một cử hành của gia đình vừa là một cử hành của cộng đồng. Các dấu lạ đầu tiên của Chúa Giêsu đã được thực hiện tại tiệc cưới Cana. Rượu ngon, phát sinh từ phép lạ của Chúa nhằm đem lại niềm vui cho những ngày đầu của một gia đình mới, chính là rượu mới của Giao Ước giữa Chúa Kitô và những người nam nữ mọi thời... Thịnh thoả, vị cử hành nói với một cộng đoàn gồm những người ít khi tham dự vào đời sống Giáo Hội, hay những người là thành viên của các hệ phái Kitô Giáo khác hay cộng đồng tôn giáo khác. Như thế, đây là dịp có giá trị để công bố Tin Mừng của Chúa Kitô” (247)

Đồng hành trong các năm đầu đời hôn nhân

217. Điều quan trọng là phải coi hôn nhân như một vấn đề yêu thương, mà chỉ những ai tự do chọn lựa và yêu thương nhau mới nên kết hôn. Khi lòng yêu thương chỉ là chuyện lôi cuốn thể lý hay âu yếm mơ hồ mà thôi, thì hai người phối ngẫu sẽ rất dễ bị thương tổn khi sự âu yếm nhạt phai hay khi lôi cuốn thể lý suy giảm. Vì việc này thường rất hay xảy ra, nên điều càng chủ yếu là cặp vợ chồng cần được giúp đỡ trong những năm tháng đầu đời hôn nhân để họ phong phú hóa và thâm hậu hóa quyết định đầy ý thức và tự do giữ lòng chung thủy và yêu thương nhau suốt đời. Thời kỳ đính hôn thường không dài đủ, vì một số lý do nào đó, quyết định đã được đưa ra vội vàng, và điều càng gây vấn đề hơn nữa là khi cặp đính hôn chưa đủ chín chắn. Thành thử, các cặp mới cưới cần hoàn tất diễn trình đáng lý nên được diễn ra trong lúc đính hôn.

218. Một thách thức lớn lao nữa của hôn nhân là giúp cặp vợ chồng hiểu rõ ràng rằng hôn nhân không phải là một điều đã xảy một lần là xảy ra mãi mãi. Đã đành, sự kết hợp của họ có thực chất và không thể phản hồi, được củng cố và thánh hiến bởi bí tích hôn phối. Ấy thế nhưng khi kết hợp hai cuộc đời của họ với nhau, vợ chồng đảm nhiệm một vai trò tích cực và đầy sáng tạo trong một dự án kéo dài suốt đời. Cái nhìn của họ lúc này phải hướng về tương lai, một tương lai mà ngày nào họ cũng được kêu gọi phải xây dựng, với sự trợ giúp của ơn thánh. Chính vì lý do này, không ai trong hai người có thể mong chờ ở người kia phải hoàn hảo. Mỗi người phải để qua một bên mọi ảo tưởng và biết chấp nhận người kia trong con người thực của họ: một sản phẩm chưa hoàn tất, vẫn cần được lớn lên, một công trình còn đang diễn tiến. Thái độ nặng nề đòi phê phán người bạn đời của mình là dấu hiệu cho thấy họ đã không bước vào cuộc hôn nhân như bước vào một dự án cần cùng nhau thể hiện, một cách kiên nhẫn, có hiểu biết, khoan dung và đại lượng. Từ từ nhưng chắc chắn, lòng yêu thương trong những lúc như thế sẽ nhường bước cho những tra vấn và chỉ trích khôn nguôi, nắm lấy ở những điểm tốt xấu của người kia, ra tối hậu thư và chỉ hăm dọa với hết cạnh tranh này tới tự biện hộ khác. Những lúc như thế, họ tự chứng tỏ không còn khả năng giúp nhau bồi đắp một cuộc kết hợp trưởng thành. Sự kiện này cần được trình bày một cách thật thực tiễn cho cặp vợ chồng ngay từ đầu đời hôn nhân để họ nắm vững được rằng ngày cưới “mới chỉ là ngày khởi đầu”. Khi nói “thưa có”, họ đã khởi đầu một cuộc hành trình đòi họ phải vượt qua mọi trở ngại ở trên đường để đạt cho được mục tiêu của họ. Sự chúc hôn mà họ nhận lãnh là một ơn thánh và một khích lệ để họ lên đường. Họ chỉ có thể có lợi nếu biết ngồi xuống và thảo luận với nhau cách làm thế nào để đưa ra kế hoạch cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của mình.

219. Tôi xin nhắc lại một câu nói xưa: nước lặn trở thành nước tù, không tốt cho bất cứ điều gì. Trong những năm đầu đời hôn nhân, nếu trải nghiệm yêu thương của vợ chồng trở nên tù túng, nó sẽ mất hết nét hào hứng vốn phải là lực đẩy của nó. Lòng yêu thương trẻ trung cần tiếp tục nhảy múa hướng về tương lai đầy hy vọng. Hy vọng là chất men mà, trong các năm đầu đời đính hôn và kết hôn, đã làm người ta có khả năng biết nhìn quá bên kia tranh luận, tranh chấp và vấn nạn để nhìn sự việc trong một viễn ảnh rộng lớn hơn. Nó kiềm chế các bất trắc và lắng lo của ta để ta có thể lớn mạnh. Hy vọng cũng mời gọi ta sống cách trọn vẹn trong hiện tại, hiến tất cả những gì ta có cho cuộc sống gia đình, vì cách tốt nhất để chuẩn bị cho một tương lai chắc chắn là sống tốt trong hiện tại.

220. Diễn trình trên diễn ra trong các giai đoạn khác nhau, đòi ta phải đại lượng và hy sinh. Những cảm quan lôi cuốn mạnh mẽ đầu tiên sẽ nhường bước để ta hiểu ra rằng người kia nay đã là một phần của đời ta. Niềm sáng khoái được thuộc về nhau dẫn tới chỗ biết nhìn đời sống như một dự án chung, đặt hạnh phúc của người kia lên trước hạnh phúc của tôi, và vui mừng hiểu ra rằng cuộc hôn nhân này quả có làm cho xã hội phong phú. Khi lòng yêu thương chín mùi, nó còn học cách “thương thảo” nữa. Không hề ích kỷ hay tính toán, việc thương thảo này chính là thao tác của lòng yêu thương hỗ tương, một tương tác của cho và nhận, vì lợi ích của gia đình. Ở mỗi giai đoạn mới của đời sống vợ chồng, đều cần phải ngồi xuống và tái thương thảo những điều cần nhất trí, ngõ hầu sẽ không còn kẻ thắng người thua, nhưng đúng hơn cả hai đều thắng. Trong tổ ấm, các quyết định không được đưa ra cách đơn phương,

vì mỗi người phối ngẫu chia sẻ trách nhiệm đối với gia đình; tuy nhiên, mỗi tổ ấm đều có tính độc đáo và mỗi cuộc hôn nhân sẽ tìm được một cách dàn xếp hữu hiệu nhất.

221. Trong số các nguyên nhân làm hôn nhân tan vỡ có các chờ mong quá cao, không thích đáng đối với cuộc sống vợ chồng. Một khi đã hiểu rõ thực tại giới hạn và có tính đòi hỏi hơn mình tưởng tượng, thì giải pháp không phải là nghĩ một cách vội vàng và vô trách nhiệm đến chuyện phân ly, mà phải tỉnh táo nhận ra điều này: đời sống hôn nhân là một diễn trình tăng trưởng, trong đó, mỗi người phối ngẫu là phương thế của Thiên Chúa để giúp người kia trưởng thành. Thay đổi, cải thiện, nở rộ các đức tính tốt hiện diện nơi mỗi người, tất cả những điều này đều khả hữu cả. Mỗi cuộc hôn nhân là một thứ “lịch sử cứu rỗi” mà ngay từ những ngày đầu mong manh của nó, nhờ hồng phúc của Thiên Chúa và đáp ứng sáng tạo và quảng đại của ta, với thời gian sẽ lớn mạnh thành một điều quý giá và lâu bền. Ta có dám nói rằng sứ mệnh cao cả nhất của hai con người sống trong yêu thương là giúp nhau trở nên, lần lượt, người đàn ông và người đàn bà hơn không? Phát huy sự tăng trưởng là giúp người ta lên khuôn căn tính riêng của họ. Như thế, lòng yêu thương là một loại học tay nghề (craftsmanship). Trong Thánh Kinh, khi ta đọc câu truyện tạo dựng người đàn ông và người đàn bà, ta thấy trước nhất Thiên Chúa dựng nên Adam (xem St 2:7); Người nhận ra: một điều gì có tính chủ yếu đang không có và thế là Người dựng nên Eva, rồi nghe thấy người đàn ông lớn tiếng hô lên sự ngạc nhiên của mình, “Vâng, người này thật đúng là người cho tôi!”. Chúng ta gần như có thể nghe được cuộc đối thoại kỳ thú chắc hẳn đã diễn ra khi người đàn ông và người đàn bà gặp nhau lần đầu. Trong cuộc sống của cặp vợ chồng, cả những lúc khó khăn, người này vẫn luôn có thể gây ngạc nhiên cho người kia, và những cánh cửa mới vẫn có thể mở ra cho mối liên hệ của họ, như thể họ mới gặp nhau lần đầu. Ở mỗi giai đoạn mới, họ vẫn có thể liên tục “tạo hình” cho nhau. Lòng yêu thương làm mỗi người mong chờ người kia với lòng kiên nhẫn của một tay nghề, một lòng kiên nhẫn phát xuất từ chính Thiên Chúa.

222. Việc chăm sóc mục vụ cho các cặp mới lấy nhau cũng phải bao gồm việc khuyến khích họ quảng đại trong việc truyền sinh. “Để phù hợp với đặc điểm bản vị và nhân bản trọn vẹn của lòng yêu thương vợ chồng, việc kế hoạch hóa gia đình phải diễn ra một cách thích đáng như là kết quả của một cuộc đối thoại thuận tình giữa vợ chồng, biết tôn trọng thì giờ và ân cần đối với phẩm giá người bạn đời. Trong chiều hướng này, giáo huấn của Thông Điệp *Humanae Vitae* (xem các số 10-14) và Tông Huấn *Familiaris Consortio* (xem số 14; 28-35) cần được tiếp nhận như mới, ngõ hầu phản công lại nỗi trăn trở thường hay chống lại sự sống... Các quyết định liên quan tới việc làm cha mẹ có trách nhiệm giả thiết trước đó phải có sự đào luyện lương tâm, vốn là ‘cốt lõi và cung thánh kín nhiệm nhất của một con người. Ở đây, mỗi người hiện diện một mình với Thiên Chúa, Đáng mà tiếng nói vang vọng trong thẳm sâu tâm hồn họ’ (*Gaudium et Spes*, 16). Cặp vợ chồng càng cố gắng lắng nghe Thiên Chúa và các giới răn của Người trong lương tâm họ (xem Rm 2:15), và được đồng hành về phương diện thiêng liêng, thì các quyết định của họ sẽ càng được giải thoát sâu xa hơn khỏi tính thất thường chủ quan và thỏa hiệp với các phong thái đương thịnh hành trong xã hội” (248). Giáo huấn rõ ràng của Công Đồng Vatican II vẫn chủ trương rằng “[Cặp vợ chồng] sẽ đưa ra các quyết định do ý kiến và cố gắng chung. Họ nên lưu ý một cách có suy nghĩ tới cả phúc lợi của họ lẫn phúc lợi của con cái, những đứa đã được sinh ra và những đứa tương lai có thể

đem tới. Vì sự lưu ý này, họ cần xem xét mọi điều kiện cả vật chất lẫn tinh thần của thời đại cũng như của riêng họ trong cuộc sống. Sau hết, phải nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa” (249). Hơn nữa, “việc sử dụng các phương pháp dựa vào ‘các luật tự nhiên và cơ hội có thể sinh nở’ (*Humanae Vitae*, 11) phải được cổ vũ, vì ‘các phương pháp này tôn trọng thân xác vợ chồng, khuyến khích tình âu yếm giữa họ với nhau và khích lệ việc giáo dục tự do chân chính’ (*Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2370). Cần nhấn mạnh hơn nữa sự kiện này: con cái là ơn phúc kỳ diệu của Thiên Chúa và là niềm vui của cha mẹ và của Giáo Hội. Qua con cái, Chúa đổi mới thế giới” (250).

Một số tài nguyên

223. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận xét rằng “những năm đầu của hôn nhân là thời kỳ sinh tử và nhạy cảm trong đó vợ chồng trở nên ý thức hơn đối với các thách đố và ý nghĩa của cuộc sống vợ chồng. Do đó, việc đồng hành mục vụ cần vượt quá việc cử hành bí tích (*Familiaris Consortio*, Phần III). Về phương diện này, các cặp vợ chồng có kinh nghiệm có một vài trò quan trọng để đóng góp. Giáo xứ là nơi các cặp vợ chồng có kinh nghiệm này có thể giúp các cặp trẻ hơn, với việc cộng tác sau cùng của các hiệp hội, phong trào Giáo Hội và các cộng đồng mới. Các cặp trẻ cần được khuyến khích để thực sự cởi mở đối với hồng phúc con cái. Cũng cần phải nhấn mạnh đến sự quan trọng của linh đạo gia đình, của việc cầu nguyện và tham dự Thánh Thể Chúa Nhật, và các cặp vợ chồng này cần được khuyến khích gặp nhau thường xuyên để phát huy sự tăng trưởng trong đời sống thiêng liêng của họ và tình liên đới trong các đòi hỏi cụ thể của cuộc sống. Phụng vụ, các thực hành đạo đức và Thánh Thể cử hành cho các gia đình, đặc biệt trong dịp kỷ niệm lễ cưới, đã được nhắc đến như là các nhân tố quan yếu trong việc cổ vũ việc phúc âm hóa xuyên qua gia đình” (251).

224. Diễn trình này cần thời gian. Lòng yêu thương cần thời gian và không gian; mọi điều khác đều là thứ yếu. Thời gian cần để thảo luận mọi sự, để ôm nhau không vội vã, để chia sẻ các dự án, để lắng nghe nhau, để nhìn nhau, để đánh giá nhau, để tăng cường mối liên hệ. Có lúc, nhịp độ điên cuồng của xã hội hay áp lực của sở làm tạo ra vấn đề. Lúc khác, vấn đề là ở chỗ thiếu thì giờ quý hóa để ở với nhau, chia sẻ cùng một phòng mà không hề lưu ý tới sự hiện diện của người kia. Các nhân viên mục vụ và các nhóm đã kết hôn nên nghĩ tới những cách giúp các cặp vợ chồng trẻ hay dễ bị thương tổn dành tối đa thì giờ cho nhau, hiện diện với nhau, thậm chí chia sẻ các giây phút thỉnh lặng có ý nghĩa với nhau.

225. Các cặp đã học được cách thực hiện tốt điều trên có thể chia sẻ một số gợi ý mà họ thấy là hữu ích: hoạch định thì giờ rảnh rỗi với nhau, những giờ khắc giải trí với con cái, những cách khác nhau để cử hành các biến cố quan trọng, chia sẻ các cơ may lớn lên về tâm linh. Họ cũng có thể cung cấp tài nguyên giúp các cặp vợ chồng trẻ biến các thời khắc này thành có ý nghĩa và đầy yêu thương, và nhờ thế, cải thiện việc thông đạt của họ. Điều này cực kỳ quan trọng cho giai đoạn trong đó tính mới lạ của hôn nhân đã dần biến đi. Một khi cặp vợ chồng không còn biết cách dành thì giờ với nhau, một hay cả hai người kết cục sẽ vùi đầu vào những túi đồ phụ tùng, tìm các cam kết khác, tìm vòng tay của một ai khác, hay đơn giản tìm

cách trốn chạy điều đã trở nên sự gần gũi gây khó chịu.

226. Các cặp vợ chồng trẻ nên được khuyến khích phát triển các thói quen nhằm đem đến một cảm thức gần gũi và ổn định lành mạnh qua các nghi thức chung hàng ngày. Các nghi thức này có thể bao gồm nụ hôn buổi sáng, lời chúc lành buổi tối, đợi ở cửa để chào đón nhau lúc về nhà, đi du lịch với nhau và chia sẻ việc trong nhà. Ấy thế nhưng, phá lệ dự tiệc tùng để tham dự các cử hành kỷ niệm của gia đình hay các biến cố đặc biệt cũng là điều có ích. Ta cần những giây phút như thế để trân quý các ơn phúc của Thiên Chúa và đổi mới lòng yêu đời của mình. Bao lâu còn có thể cử hành mừng vui, ta vẫn còn có khả năng khơi lại lòng yêu thương của mình, giải thoát nó khỏi đơn điệu và tô màu cho thói quen hàng ngày bằng niềm hy vọng.

227. Các mục tử chúng ta phải khuyến khích các gia đình lớn mạnh trong đức tin. Điều này có nghĩa khích lệ họ năng sung tội, linh hướng và tĩnh tâm khi có dịp. Nó cũng có nghĩa khích lệ việc gia đình cầu nguyện trong tuần, vì “gia đình cầu nguyện với nhau sẽ ở lại với nhau”. Khi thăm viếng các tổ ấm của giáo dân, ta nên tụ tập mọi thành viên của gia đình và dành ít phút cầu nguyện cho nhau, phó gia đình trong bàn tay của Chúa. Điều cũng hữu ích là khuyến khích mỗi người phối ngẫu tìm giờ để cầu nguyện một mình với Thiên Chúa, vì mỗi người đều có thánh giá bí mật để vác. Tại sao ta lại không nên nói với Thiên Chúa các rối rắm của ta và xin Người ban cho ta sự hàn gắn và sự trợ giúp ta cần để mãi trung thành với nhau? Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận điều này “lời Thiên Chúa là nguồn sự sống và linh đạo cho gia đình. Mọi công trình mục vụ nhân danh gia đình đều phải giúp người ta được lên khuôn và đào tạo thành các thành viên của Giáo Hội tại gia qua việc đọc sách thánh theo lời cầu nguyện của Giáo Hội. Lời Thiên Chúa không phải chỉ là tin vui trong đời sống tư riêng của một người mà còn là tiêu chuẩn phán đoán và ánh sáng trong việc biện phân các thách đố đa dạng mà các cặp vợ chồng và các gia đình đang gặp phải” (252).

228. Trong một số trường hợp, một trong hai người phối ngẫu không chịu phép rửa hay không muốn thực hành đức tin. Điều này khiến cho ước nguyện của người kia muốn sống và lớn mạnh trong lối sống Kitô Giáo trở nên khó khăn và đôi lúc đau khổ. Tuy nhiên, một số giá trị chung vẫn có thể được tìm thấy và được chia sẻ và trân quý. Dù sao, tỏ lòng yêu thương đối với người phối ngẫu không có đức tin, đem lại hạnh phúc, làm dịu các vết thương và cùng nhau chia sẻ cuộc sống quả đã nói lên con đường nên thánh thực sự. Lòng yêu thương luôn là ơn phúc của Thiên Chúa. Bất cứ phát xuất từ đâu, nó vẫn làm người ta cảm nhận được sự hiện diện đầy biến đổi của nó, nhiều khi một cách đầy huyền nhiệm, thậm chí tới chỗ “người chồng không tin được thánh hiến nhờ vợ mình, và người vợ không tin được thánh hiến nhờ chồng mình” (1Cr 7:14).

229. Các giáo xứ, các phong trào, các trường học và các định chế Kitô Giáo khác có thể giúp nhiều cách để nâng đỡ các gia đình và giúp họ lớn mạnh. Những cách này có thể bao gồm: các cuộc gặp gỡ của các cặp vợ chồng cùng sống trong một khu xóm, các buổi tĩnh tâm ngắn cho các cặp vợ chồng; các buổi nói chuyện của các chuyên viên về các vấn đề cụ thể đang đặt ra cho các gia đình, huấn đạo hôn nhân, truyền giáo tại nhà giúp các cặp vợ chồng thảo luận

các khó khăn và ước nguyện của họ, các dịch vụ xã hội xử lý các vấn đề gia đình như nghiện ngập, bắt trộm và bạo hành trong gia đình, các chương trình lớn mạnh thiêng liêng, các buổi tập huấn dành cho cha mẹ có con cái có vấn đề và các buổi gặp mặt gia đình. Văn phòng giáo xứ nên được chuẩn bị để xử lý một cách hữu ích và nhạy cảm các nhu cầu của gia đình và có khả năng viết thư giới thiệu (referral), khi cần, cho những ai có thể giúp đỡ. Cũng còn có sự đóng góp của các nhóm người đã kết hôn, họ có thể cung cấp sự trợ giúp trong các cam kết về dịch vụ, cầu nguyện, huấn luyện hay nâng đỡ hỗ trợ. Các nhóm như thế giúp các cặp vợ chồng biết quảng đại, trợ giúp các gia đình khác và chia sẻ đức tin; đồng thời họ tăng cường các cuộc hôn nhân và giúp chúng lớn mạnh.

230. Quả thực nhiều cặp vợ chồng, một khi kết hôn xong, liền xa rời cộng đồng Kitô hữu. Tuy nhiên, chúng ta thường không lợi dụng các dịp may khi họ trở lại để nhắc nhở họ nhớ đến lý tưởng cao đẹp của hôn nhân và sự nâng đỡ mà giáo xứ có thể cung ứng cho họ. Thí dụ, tôi nghĩ tới Phép Rửa và Việc Rước Lễ Lần Đầu của con cái họ, hay đám tang hoặc đám cưới của thân nhân hoặc bằng hữu của họ. Hầu hết mọi cặp vợ chồng đều tái xuất hiện trong các dịp này, và ta nên hết sức lợi dụng chúng. Một cách nữa để xích lại gần hơn là làm phép nhà hay đem tượng ảnh hành hương về Đức Mẹ tới các căn nhà trong khu xóm; việc này cung cấp cho ta một dịp may để chuyện trò có tính mục vụ về hoàn cảnh của gia đình. Cũng là điều hữu ích khi yêu cầu các cặp vợ chồng lớn tuổi hơn giúp đỡ các cặp vợ chồng trẻ hơn trong khu xóm bằng cách tới thăm viếng họ và cung cấp cho họ các hướng dẫn trong các năm họ mới lấy nhau. Vì nhịp độ lối sống ngày nay, phần lớn các cặp vợ chồng không thể tham dự các buổi gặp mặt thường xuyên; tuy thế, ta không nên giới hạn vòng tay mục vụ vươn dài của ta vào những nhóm nhỏ và có lựa chọn. Ngày nay, việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình cần phải có tính truyền giáo từ trong căn bản, nghĩa là đi tới chỗ người ta đang hiện diện. Chúng ta không thể giống một xưởng chế tạo nữa, chuyên sản xuất những khóa học mà phần lớn không mấy được ai tham dự.

Soi sáng các khủng hoảng, lo lắng và khó khăn

231. Cũng nên nói ít lời về những người, trong yêu thương, đã làm đậm đà rượu mới đính hôn. Rượu ngon trở nên đậm đà với thời gian thế nào thì trải nghiệm trung tín hàng ngày cũng đem lại sự phong phú cho đời sống vợ chồng như thế. Lòng trung tín hẳn phải liên hệ với sự kiên nhẫn và chờ mong. Các niềm vui và các hy sinh của nó phát sinh hoa trái khi năm tháng ngày giờ qua đi và cặp vợ chồng hân hoan nhìn thấy con cái của con cái mình. Lòng yêu thương hiện hữu từ đầu trở nên có ý thức hơn, ổn định và chín mùi khi cặp vợ chồng khám phá ra nhau như mới hết ngày này qua ngày nọ, hết năm này sang năm khác. Thánh Gioan Thánh Giá nói với chúng ta rằng “những người yêu có tuổi được thử nghiệm và chân thực”. Họ “bề ngoài không còn bùng bùng với những cảm xúc và kích thích mạnh mẽ nữa, nhưng nay nếm được vị ngọt ngào của rượu yêu thương, rượu lâu năm và được trữ thật sâu trong đáy lòng” (253). Những cặp vợ chồng như thế quả đã thành công trong việc khắc phục khủng hoảng và gian khó mà không trốn chạy các thách đố hoặc che dấu các vấn đề.

Thách đố của các cuộc khủng hoảng

232. Cuộc sống của mọi gia đình đều được đánh dấu bằng đủ loại khủng hoảng, ấy thế nhưng các khủng hoảng này cũng là thành phần của vẻ đẹp đầy cảm kích của nó. Các cặp vợ chồng nên được giúp đỡ để hiểu ra rằng việc khắc phục một cuộc khủng hoảng không nhất thiết làm suy yếu mối liên hệ của họ; thay vào đó, nó có thể cải thiện, ổn định hóa và làm chín mùi rượu ngon kết hợp của họ. Cuộc sống với nhau không nên làm giảm nhưng gia tăng sự hài lòng của họ; mỗi bước tiến mới ở trên đường có thể giúp cặp vợ chồng tìm được những nẻo đường mới tiến tới hạnh phúc. Mỗi cuộc khủng hoảng trở thành lớp tập nghề để gần gũi với nhau hơn hay học thêm được một chút để biết thực ra hôn nhân có nghĩa gì. Các cặp vợ chồng không cần phải cam chịu cái vòng xoắn ốc đi xuống không thể nào tránh được hay một sự tằm thường có thể chịu đựng được. Trái lại, khi hôn nhân được coi như một thách đố bao hàm việc khắc phục trở ngại, mỗi cuộc khủng hoảng đều trở nên dịp may để rượu liên hệ của họ trở nên già đậm và thơm ngon hơn. Ta nên đồng hành với các cặp vợ chồng để họ có thể chấp nhận các cuộc khủng hoảng xảy tới, đương đầu với chúng và dành cho chúng một vị trí trong đời sống gia đình. Những cặp vợ chồng có kinh nghiệm và được đào tạo cần phải sẵn sàng để đồng hành với các cặp vợ chồng khác trong cuộc khám phá này, bằng một cách nào đó khiến các cuộc khủng hoảng không làm họ hãi sợ cũng không dẫn họ tới chỗ đưa ra các quyết định hấp tấp. Mỗi cuộc khủng hoảng đều có một bài học để dạy chúng ta; chúng ta vẫn học cách biết lắng nghe để nhận ra nó bằng lỗ tai của trái tim.

233. Khi đương đầu với một khủng hoảng, đầu tiên ta có khuynh hướng phản ứng bằng cách phòng ngự, vì ta cảm thấy mình đang mất kiểm soát, hay phần nào có lỗi, và điều này làm ta khó chịu. Ta tìm cách bác bỏ vấn đề, dấu biệt hay hạ tầm quan trọng của nó, và hy vọng nó sẽ biến mất. Nhưng điều này vô ích; nó chỉ làm sự việc tệ hơn, phí phạm năng lực và trì hoãn giải pháp mà thôi. Các cặp vợ chồng sẽ trở nên xa cách và đánh mất khả năng thông đạt. Khi các vấn đề không được xử lý, thông đạt là điều đầu tiên ra đi. Dần dần, “người tôi yêu thương” từ từ trở thành “ông bạn/bà bạn (tiếng Anh: *mate*), rồi chỉ còn là “ba hay má các con tôi” và sau cùng một người xa lạ.

234. Các cuộc khủng hoảng phải được cùng nhau đương đầu. Điều này khá khó, vì người ta thường hay rút lui để tránh phải nói điều mình cảm nghĩ; họ thu mình vào một thứ im lặng hèn nhát. Trong những thời khắc này, điều càng quan trọng là phải tạo cơ hội để lòng nói với lòng. Trừ khi cặp vợ chồng chịu học cách làm việc này, họ sẽ thấy nó càng ngày càng khó khăn hơn với ngày tháng qua đi. Thông đạt là một nghệ thuật chỉ học được lúc có hòa bình để mang ra thực hành lúc có khó khăn. Các người phối ngẫu cần sự giúp đỡ để khám phá ra các ý nghĩa và tâm tư thầm kín nhất của họ và nói chúng ra. Giống như lúc sinh con, đây là một diễn trình đau đớn nhưng đem lại cả một kho báu mới. Các câu trả lời cho cuộc tham khảo tiền Thượng Hội Đồng cho thấy điều này: phần lớn những người trong các tình huống khó khăn và nguy kịch không tìm sự trợ giúp mục vụ, vì họ không thấy nó có thiện cảm, hiện thực hay quan tâm tới các trường hợp cá biệt. Điều này nên kích thích ta cố gắng tiếp cận các vụ khủng hoảng hôn nhân với một sự nhạy cảm nhiều hơn đối với sức nặng thương tích và lo âu xao xuyến của họ.

235. Một số cuộc khủng hoảng có tính đặc trưng đối với mọi cuộc hôn nhân. Các cặp vợ chồng mới cưới nhau cần học cách biết chấp nhận các dị biệt của họ và tách xa cha mẹ họ. Việc ra đời của một đứa con đem lại nhiều thách thức mới về xúc cảm. Nuôi dưỡng các trẻ nhỏ đòi phải thay đổi cả lối sống, trong khi việc tới tuổi thiếu niên còn gây nên nhiều căng thẳng, thất vọng và cả căng thẳng giữa cha mẹ nữa. Cảnh “tổ ấm trống vắng” buộc cặp vợ chồng phải tái định nghĩa mối liên hệ của họ, trong khi nhu cầu chăm sóc cha mẹ già đòi phải đưa ra nhiều quyết định khó khăn đối với các ngài. Tất cả đều là những tình huống khó khăn có thể gây ra e sợ, mặc cảm tội lỗi, trầm cảm và mệt mỏi, với những vang dội nghiêm trọng đối với cuộc hôn nhân.

236. Rồi còn có những cuộc khủng hoảng bản thân ảnh hưởng tới cuộc sống vợ chồng, thường liên lụy tới tài chánh, các vấn đề ở sở làm, các khó khăn xúc cảm, xã hội và tâm linh. Các tình huống bất ngờ tự xuất hiện, phá vỡ cuộc sống gia đình và đòi phải có diễn trình tha thứ và hòa giải. Khi thành thực cương quyết để tha thứ cho người kia, mỗi người phải im lặng và khiêm nhường hỏi xem mình có phần nào tạo ra các điều kiện dẫn đến lỗi lầm của người khác hay không. Một số gia đình tan vỡ khi các người phối ngẫu lao đầu vào việc kết tội lẫn nhau, nhưng “kinh nghiệm cho thấy với sự giúp đỡ và các hành vi hoà giải thích đáng, nhờ ơn thánh, một phần trăm rất lớn các cuộc hôn nhân gặp rắc rối có thể tìm được giải pháp khá thoả đáng. Biết cách tha thứ và cảm nhận được sự tha thứ là trải nghiệm căn bản trong cuộc sống gia đình” (254). “Nghệ thuật hòa giải cam go, thường đòi phải có sự trợ giúp của ơn thánh, cần tới sự hợp tác đại lượng của thân nhân và bằng hữu, và đôi khi cả sự giúp đỡ của bên ngoài và sự trợ giúp chuyên nghiệp nữa” (255).

237. Hiện nay, càng ngày người ta càng nghĩ rằng khi một hay cả hai người bạn đời không còn cảm thấy được thoả mãn nữa, hay các sự việc kết cục không như người ta mong muốn nữa, thì đây là lý do đầy đủ để kết liễu một cuộc hôn nhân. Nếu đúng như thế, thì không có cuộc hôn nhân nào kéo dài được. Đôi khi, chỉ một lần không thoả mãn, chỉ một lần người kia vắng mặt khi được cần đến nhất, chỉ một lần tự ái bị thương tổn hay một nỗi sợ mơ hồ nào đó cũng đủ để người ta quyết định rằng mọi sự đã kết thúc. Điều không thể tránh được là: các hoàn cảnh yếu đuối của con người sẽ xuất hiện và người ta có thể chứng tỏ là chúng có tính áp đảo. Một người phối ngẫu có thể không cảm thấy mình được đánh giá đầy đủ hay cảm thấy bị thu hút vào một người khác. Các ghen tương và căng thẳng có thể xuất hiện, hay các quan tâm mới thu hút hết thì giờ và lưu tâm của người kia. Các thay đổi thể lý tự nhiên xảy ra nơi mọi người. Những điều này, và rất nhiều những điều khác nữa, thay vì đe dọa lòng yêu thương, đều là những dịp để làm nó sống lại và canh tân.

238. Trong các hoàn cảnh như thế, một số người có đủ chín mùi cần thiết để tái xác định việc mình chọn người kia như là người hùn hạp của mình trong cuộc hành trình đời sống, bất chấp các giới hạn trong mối liên hệ. Họ chấp nhận một cách hiện thực rằng người kia không thể làm cho mọi giấc mơ yêu quý của họ thành sự thực được. Những người như thế tránh việc nghĩ mình là thánh tử vì đạo; họ thể hiện được tới đa bất cứ khả thể nào mà cuộc sống gia đình có thể dành cho họ và họ nhẫn nại làm việc để củng cố dây hôn phối. Dù sao, họ hiểu ra rằng mọi cuộc khủng hoảng đều có thể là lời “xin vâng” mới, giúp tình yêu được đổi mới,

được thâm hậu hóa và được củng cố từ bên trong. Khi các cuộc khủng hoảng xuất hiện, họ không sợ đi tới tận gốc rễ của chúng, tái thương thảo các điều kiện căn bản, đạt cho bằng được thể quân bình mới và cùng nhau tiến lên. Với thứ cởi mở không ngừng này, họ có khả năng đối diện với bất cứ số lượng tình thế khó khăn nào. Dù sao, khi hiểu ra rằng hoà giải là điều có thể, chúng ta cũng sẽ thấy rằng “ngày nay, điều cần kíp là một thừa tác vụ để chăm sóc những người mà mối liên hệ vợ chồng đã tan vỡ” (256).

Các vết thương cũ

239. Điều dễ hiểu là các gia đình thường thấy có vấn đề khi một trong các thành viên của họ không chín chắn về xúc cảm vì vẫn còn mang các vết sẹo do các cảm nghiệm trước đó gây ra. Tuổi thơ hay tuổi thiếu niên bất hạnh có thể nuôi dưỡng nhiều cuộc khủng hoảng bản thân ảnh hưởng tới cuộc hôn nhân của người ta. Nếu mọi người đều chín chắn và bình thường, các cuộc khủng hoảng sẽ ít thường xuyên và ít đau đớn hơn. Ấy thế nhưng sự thật là: chỉ ở tuổi 40, một số người mới đạt được sự chín chắn mà đáng lẽ ra họ nên đạt được ở cuối tuổi thiếu niên. Một số người yêu thương bằng một lòng yêu thương của một đứa trẻ, đầy ích kỷ, tùy hứng và lấy mình làm trung tâm: một lòng yêu thương khó lòng thỏa mãn được, la khóc bất cứ khi nào không được điều mình muốn. Nhiều người khác yêu thương bằng một lòng yêu thương thiếu niên được đánh dấu bằng thù hận, chỉ trích cay đắng và chỉ những muốn đổ lỗi cho người khác; bị cột cứng vào xúc cảm và mơ tưởng của mình, những người như thế chỉ biết mong đợi người khác làm đầy sự trống rỗng của họ và thỏa mãn mọi thèm khát của họ.

240. Nhiều người rời bỏ tuổi thơ mà chưa bao giờ cảm nhận được một lòng yêu thương vô điều kiện. Điều này ảnh hưởng tới khả năng tin thác và cởi mở với người khác của họ. Một liên hệ nghèo nàn với cha mẹ và anh chị em của mình, nếu cứ để đó mà không chịu chữa lành, có thể sẽ xuất hiện trở lại và phá hoại cuộc hôn nhân. Các vấn đề chưa giải quyết cần được xử lý và diễn trình thoát ra khỏi chúng cần phải diễn ra. Khi xảy ra các vấn đề trong một cuộc hôn nhân, trước khi có bất cứ quyết định quan trọng nào, điều quan trọng là bảo đảm để mỗi người phối ngẫu tiến tới chỗ nắm vững lịch sử riêng của mình. Điều này bao gồm việc biết nhìn nhận nhu cầu chữa lành, nhu cầu cầu nguyện liên li để xin ơn biết tha thứ và được tha thứ, nhu cầu sẵn sàng nhận giúp đỡ và quyết tâm không bỏ cuộc nhưng tiếp tục cố gắng. Việc xét mình một cách thành thực cũng sẽ giúp ta có khả năng thấy rõ: các thiếu sót và thiếu chín chắn của mình ảnh hưởng tới mối liên hệ ra sao. Cả khi thấy rõ người kia có lỗi, cuộc khủng hoảng cũng sẽ không bao giờ được vượt qua chỉ bằng cách ngồi mong họ thay đổi. Ta cũng phải tự hỏi điều gì trong chính cuộc sống của ta cần phải tăng trưởng hay hàn gắn nếu muốn giải quyết cuộc tranh chấp.

Đồng hành sau khi tan vỡ và ly dị

241. Trong một số trường hợp, việc tôn trọng chính phẩm giá của ta và lợi ích của con cái đòi ta không được nhượng bước trước các đòi hỏi quá đáng hay phải ngăn cản một bất công trầm trọng, một bạo lực hoặc một đối xử tệ bạc kinh niên. Trong những trường hợp như thế, “ly thân trở nên không thể tránh được. Có lúc, thậm chí nó còn trở nên cần thiết về phương diện

luân lý nữa, đó chính là lúc phải dòi người phối ngẫu dễ bị thương tổn hơn hay trẻ nhỏ khỏi các thương tích trầm trọng do lạm dụng hay bạo lực gây ra, hay khỏi cảnh bị làm nhục và bóc lột, và khỏi bị khinh miệt và dửng dưng” (257). Dù vậy, “việc ly thân phải được coi như biện pháp cuối cùng, sau khi mọi cố gắng hoà giải hữu lý khác đã được chứng minh là vô hiệu” (258).

242. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng “việc biện phân đặc biệt là điều không thể miễn chức đối với việc chăm sóc mục vụ cho các người ly thân, ly dị hoặc bị bỏ rơi. Cần phải đặc biệt tỏ lòng kính trọng trước sự đau khổ của những người phải ly thân, ly dị hay bị bỏ rơi một cách bất công hay những người, vì chồng hay vợ đối xử tệ bạc, mà buộc phải ngưng cuộc sống chung. Tha thứ một bất công mình phải chịu như thế không phải là điều dễ dàng, nhưng ơn thánh làm cho điều này trở thành khả hữu. Việc chăm sóc mục vụ nhất thiết phải bao gồm các cố gắng hòa giải và làm trung gian, qua việc thiết lập ra các trung tâm huấn đạo được chuyên môn hóa tại các giáo phận” (259). Đồng thời, “những người ly dị không tái hôn, và thường làm chứng cho lòng chung thủy vợ chồng, cần được khuyến khích biết tìm nơi Thánh Thể của nuôi dưỡng họ cần để nâng đỡ họ trong bậc sống hiện nay. Cộng đồng và các mục tử địa phương nên đồng hành với những người này với sự ân cần lo lắng, nhất là khi liên hệ tới trẻ nhỏ hoặc khi họ gặp khó khăn trầm trọng về tài chánh” (260). Việc tan vỡ gia đình càng gây chấn thương và đau đớn hơn đối với người nghèo vì trong tay họ có rất ít tài nguyên để khởi đầu cuộc sống mới. Người nghèo, một khi bị dòi khỏi môi trường gia đình yên ả, dễ bị bỏ rơi và bị thiệt hại tới hai lần.

243. Điều quan trọng là phải làm cho những người ly dị nay bước vào một cuộc kết hợp mới cảm nhận được rằng họ vẫn là thành phần của Giáo Hội. “Họ không bị tuyệt thông” và ta nên đối xử với họ như thế, vì quả họ vẫn là thành phần của cộng đồng Giáo Hội (261). Các hoàn cảnh này “đòi một sự biện phân cẩn thận và một sự đồng hành đầy kính trọng. Ngôn từ và tác phong khiến họ cảm thấy bị kỳ thị phải được xa tránh, và ta nên khuyến khích họ tham dự vào đời sống của cộng đồng. Không nên coi việc chăm sóc những người này của cộng đồng Kitô hữu là làm suy yếu đức tin và chứng từ của mình đối với tính bất khả tiêu của hôn nhân: đúng hơn, việc chăm sóc ấy đặc biệt nói lên đức ái của mình” (262).

244. Một số lớn các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng “nhấn mạnh tới nhu cầu phải làm cho các thủ tục tuyên bố vô hiệu dễ với tới và đỡ mất thì giờ hơn, và nếu có thể, miễn phí” (263). Tốc độ chậm chạp của thủ tục này gây gieo neo và căng thẳng cho các bên. Hai văn kiện xử lý vấn đề này mới đây của tôi (264) đã đơn giản hóa nhiều thủ tục trong việc tuyên bố tính vô hiệu của một cuộc hôn nhân. Với các văn kiện này, tôi muốn “minh xác rằng chính vị giám mục, trong Giáo Hội mà ngài được bổ nhiệm làm mục tử và người đứng đầu, do chính sự kiện này, là thẩm phán của các tín hữu đã được ủy thác cho ngài săn sóc” (265). “Việc thi hành các văn kiện này, do đó, là trách nhiệm lớn lao của các vị bản quyền tại các giáo phận, những vị đã được kêu gọi phán xử một số trường hợp và, trong mọi trường hợp, bảo đảm để các tín hữu lui tới với công lý cách dễ dàng hơn. Việc này liên hệ đến việc chuẩn bị để có đủ nhân viên, gồm cả giáo sĩ lẫn giáo dân chủ yếu được đề cử cho dịch vụ Giáo Hội này. Các dịch vụ thông tin, huấn đạo và làm trung gian liên hệ tới việc tông đồ gia đình cũng nên có

sẵn cho các cá nhân ly thân hay các cặp đang gặp khủng hoảng. Các dịch vụ này cũng nên bao gồm việc các cá nhân gặp nhau nhằm tìm hiểu sơ khởi diễn trình hôn phối (xem *Mitis Iudex*, art. 2-3) (266).

245. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng nhắc đến “các hậu quả của ly thân hay ly dị đối với con cái, trong mọi trường hợp, vốn là nạn nhân vô tội của tình huống” (267). Không kể mọi xét xét khác, lợi ích của con cái phải là quan tâm hàng đầu, chứ không bị che khuất bởi bất cứ quyền lợi hay mục tiêu kín đáo nào khác. Tôi xin ngỏ với các cha mẹ đã ly thân lời kêu gọi này: “Anh chị em đừng bao giờ bắt con cái làm con tin! Anh chị em ly thân vì nhiều vấn đề và lý do. Đời sống đem lại cho anh chị em thử thách này, nhưng con cái anh chị em không nên phải gánh cái gánh nặng ly thân này hay bị dùng làm con tin chống người phối ngẫu kia. Chúng nên được lớn lên mà tai thì được nghe mẹ chúng nói tốt cho cha chúng, cho dù chúng không còn ở với nhau nữa, và cha chúng nói tốt cho mẹ chúng” (268). Quả là vô trách nhiệm khi làm mất uy tín của cha mẹ kia như phương thế chiếm tình âu yếm của con cái, hay để trả thù hoặc tự biện minh cho mình. Làm thế sẽ ảnh hưởng tới sự thanh tỉnh nội tâm của con cái và gây nên những vết thương khó lành.

246. Trong khi lượng giá các hoàn cảnh tranh chấp vốn là thành phần của hôn nhân, Giáo Hội không thể không lên tiếng nhân danh những người dễ bị thương tổn hơn cả: đó là các trẻ em thường chịu đau khổ trong thầm lặng. Ngày nay, “bất kể các nhẩy cảm xem ra tiến bộ của ta và nhiều cuộc phân tích tâm lý tinh tế, tôi vẫn phải tự hỏi mình xem có phải chúng ta đang trở nên tệ công đối với các thương tích trong linh hồn trẻ em... Chúng ta có cảm nhận được gánh nặng tâm lý mệnh mông của các trẻ em trong các gia đình có các thành viên đối xử tệ bạc và làm thương tổn nhau, đến độ phá vỡ cả các mối dây trung tín vợ chồng không?” (269).

Những trải nghiệm tai hại này không giúp các trẻ em lớn lên trong sự trưởng thành, rất cần cho việc thực hiện các cam kết dứt khoát. Vì lý do này, các cộng đồng Kitô hữu không nên bỏ rơi các cha mẹ ly dị đã bước vào cuộc kết hợp mới, nhưng nên bao gồm và nâng đỡ họ trong cố gắng dưỡng nuôi con cái của họ. “Làm thế nào ta có thể khuyến khích các cha mẹ này làm mọi sự có thể làm để dưỡng dục con cái họ trong đời sống Kitô hữu, làm gương cho chúng về một đức tin có cam kết và thực tiễn, nếu ta giữ họ ở một khoảng cách xa đời sống cộng đồng, như thể họ bị tuyệt thông cách nào đó? Ta phải từ bỏ việc hành xử theo cách chất thêm gánh nặng mà trẻ em trong các hoàn cảnh này vốn đã phải vác rồi!” (270). Giúp hàn gắn các vết thương của cha mẹ và nâng đỡ họ về thiêng liêng cũng mang lợi lại ích cho các trẻ em, vì các em rất cần gương mặt thân quen của Giáo Hội biết nhìn chúng xuyên qua trải nghiệm gây chấn thương này. Ly dị là một sự xấu và con số càng ngày càng tăng các vụ ly dị là điều gây nhiều bối rối. Do đó, trọng trách mục vụ hàng đầu của ta đối với các gia đình là củng cố tình yêu của họ, giúp hàn gắn các vết thương và cố gắng ngăn ngừa việc lan tràn thứ bi kịch của thời ta này.

Một số hoàn cảnh phức tạp

247. “Các vấn đề liên quan tới các cuộc hôn nhân hỗn hợp cần được đặc biệt lưu ý. Các cuộc hôn nhân giữa người Công Giáo và người đã được rửa tội khác ‘có bản chất đặc thù riêng của

chúng, nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố ta rất có thể sử dụng và khai triển được, cả vì giá trị nội tại của chúng lẫn vì sự đóng góp mà chúng có thể đem đến cho phong trào đại kết'. Vì mục đích này, 'cần cố gắng thiết lập sự hợp tác thân ái giữa các thừa tác viên Công Giáo và không Công Giáo từ lúc chuẩn bị hôn nhân tới nghi lễ hôn phối' (*Familiaris Consortio*, 78). Liên quan tới việc chia sẻ Thánh Thể, 'quyết định có cho bên không Công Giáo rước lễ hay không thì phải theo các qui định tổng quát hiện hành, cả đối với các Kitô hữu Đông Phương lẫn các Kitô hữu khác, có tính tới hoàn cảnh đặc thù trong việc lãnh nhận bí tích hôn phối bởi hai Kitô hữu đã chịu phép rửa. Dù các người phối ngẫu trong cuộc kết hôn hỗn hợp cùng chia sẻ chung các bí tích rửa tội và hôn phối, nhưng việc chia sẻ Thánh Thể chỉ có thể là ngoại lệ và trong mỗi trường hợp đều phải phù hợp với các qui luật đã tuyên bố' (Hội Đồng Giáo Hoàng về Cổ Vũ Sự Hợp Nhất Kitô Giáo, *Directory for the Application of Principles and Norms on Ecumenism*, 25 tháng 3, 1993, 159-160)" (271).

248. "Các cuộc hôn nhân khác đạo giúp ta có môi trường rất tốt để đối thoại liên tôn trong cuộc sống hàng ngày... Chúng đặt ra nhiều khó khăn đặc biệt, liên hệ cả tới căn tính gia đình lẫn việc dưỡng dục con cái... Con số các gia đình phát xuất từ các cuộc hôn nhân khác đạo, hiện đang gia tăng ở cả các nước truyền giáo lẫn các nước có truyền thống Kitô Giáo lâu đời, đòi phải cung cấp một việc chăm sóc mục vụ dị biệt hóa tùy theo bối cảnh xã hội và văn hóa khác nhau. Tại một số quốc gia, nơi không có tự do tôn giáo, người phối ngẫu Kitô Giáo bị buộc phải qua tôn giáo của người kia mới có thể lấy nhau được, và không thể cử hành một hôn lễ khác đạo hoặc cho con cái rửa tội. Do đó, ta phải tái khẳng định việc tôn trọng tự do tôn giáo khi giao dịch với bất cứ ai" 272. "Điều chủ yếu là phải lưu ý đặc biệt tới những con người kết hợp nhau trong cuộc hôn nhân này, không phải chỉ trong thời kỳ trước hôn lễ mà thôi. Các cặp và các gia đình trong đó, một người phối ngẫu là Công Giáo còn người kia không có đức tin, đang gặp nhiều thách đố đặc biệt. Trong những trường hợp như thế, điều cần là phải làm chứng cho người ta thấy Tin Mừng có khả năng giải quyết các hoàn cảnh này cách tường tận, khiến cho việc dưỡng dục con cái trong đức tin trở nên khả hữu" (273).

249. "Rửa tội cho những người bị kẹt trong các hoàn cảnh hôn nhân phức tạp là một trong những điều rất khó khăn. Đây là những kết ước hôn nhân trong đó, ít nhất một trong hai người không biết gì về đức tin Kitô Giáo. Trong những trường hợp như thế, các vị giám mục được mời gọi thực hành biện phân mục vụ một cách thích đáng để giúp những người này về phương diện thiêng liêng" (274).

250. Giáo Hội nhận thái độ của Chúa Giêsu làm thái độ của mình: Người hiến tặng lòng yêu thương vô bờ của Người cho từng người không trừ ai (275). Trong Thượng Hội Đồng, chúng ta đã thảo luận hoàn cảnh của các gia đình có các thành viên cảm nghiệm sự lôi cuốn đồng tính luyến ái, một hoàn cảnh không dễ dàng gì đối với cả cha mẹ lẫn con cái. Trước bất cứ điều gì khác, chúng ta muốn tái xác nhận rằng mọi con người, bất chấp khuynh hướng tính dục, phải được tôn trọng trong chính phẩm giá của họ và được đối xử ân cần, trong khi 'mọi dấu hiệu kỳ thị bất công' phải được thận trọng xa tránh (276), nhất là bất cứ hình thức gây hấn hay bạo lực nào. Các gia đình như thế nên nhận được sự hướng dẫn mục vụ đầy kính trọng, để những ai biểu lộ khuynh hướng đồng tính nhận được sự trợ giúp họ cần để hiểu biết

và thi hành trọn vẹn thánh ý Thiên Chúa trong đời sống họ (277).

251. Khi thảo luận phẩm giá và sứ mệnh gia đình, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận xét rằng, “Đối với các kế hoạch nhằm công nhận tư thế bình đẳng về hôn nhân cho các cuộc kết hợp giữa những người đồng tính luyến ái, thì không có bất cứ căn bản nào để so sánh hay thiết lập một loại suy nào, dù là xa xôi, giữa các cuộc kết hợp đồng tính và kế hoạch mà Thiên Chúa vốn dành cho hôn nhân và gia đình”. Không thể chấp nhận được việc “các Giáo Hội địa phương nhượng bước trước các áp lực về vấn đề này, cũng như việc các tổ chức quốc tế đặt điều kiện cho các nước nghèo phải ban hành các đạo luật thiết lập ra cuộc hôn nhân giữa những người cùng giới tính nếu muốn được trợ giúp về tài chánh” (278).

252. Các gia đình chỉ có cha hoặc mẹ thường phát sinh từ việc “mẹ hoặc cha ruột (theo sinh học) không muốn là thành phần của gia đình; do các hoàn cảnh bạo hành khiến cha hay mẹ phải trốn chạy với các con; do một người trong cha mẹ qua đời, cha hay mẹ bỏ bê gia đình, và do nhiều hoàn cảnh khác nữa. Bất cứ do nguyên nhân nào, người cha hay người mẹ sống với đứa con luôn phải tìm sự nâng đỡ và an ủi từ các gia đình khác trong cộng đồng Kitô hữu, và từ các chương trình nối vòng tay mục vụ của giáo xứ. Các gia đình này thường chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các vấn đề kinh tế, bởi sự bất trắc, không an toàn về việc làm, bởi khó khăn trong việc bảo dưỡng con cái, bởi việc không có nhà ở” (279).

Khi sự chết làm chúng ta cảm nhận nỗi độc của nó

253. Có lúc, đời sống gia đình bị thách thức bởi sự chết của một người thân yêu. Ta không thể không đề xuất ánh sáng đức tin làm lực chống đỡ các gia đình đang trải qua cảm nghiệm này (280). Quay lưng với một gia đình tang chế là chứng tỏ mình thiếu lòng thương xót, là đánh mất cơ hội mục vụ, là đóng cửa đối với các cố gắng rao giảng Tin Mừng khác.

254. Tôi có thể hiểu nỗi buồn sâu của những người mất người mình hết sức yêu thương, tức người phối ngẫu họ đã chia sẻ nhiều điều xiết bao. Chính Chúa Giêsu cũng đã hết sức xúc động và bật khóc trước cái chết của một người bạn (xem Ga 11:33, 35). Và làm thế nào ta mới bắt đầu hiểu được sự tiếc thương của những cha mẹ mất một đứa con? “Như thể thời gian bỗng dừng lại: một vực sâu bỗng mở ra nuốt trửng cả quá khứ lẫn tương lai”, và “có lúc, chúng ta còn đi xa đến nỗi oán trách, đổ lỗi cho chính Thiên Chúa. Nhiều người, tôi rất hiểu họ, đã nổi giận với Thiên Chúa xiết bao” (281). “Mất người phối ngẫu là điều đặc biệt khó khăn... Từ giây phút chịu sự mất mát, một số người biểu lộ được khả năng tập trung năng lực của họ vào việc tận tụy nhiều hơn cho các con và các cháu, tìm thấy trong cảm nghiệm yêu thương này một cảm thức đổi mới về sứ mệnh nuôi dưỡng con cái... Những ai không có thân nhân để chia sẻ thì giờ và để nhận được tình âu yếm, nên được cộng đồng Kitô hữu giúp đỡ với sự lưu ý và sẵn sàng đặc biệt, nhất là khi họ nghèo túng” (282).

255. Thông thường, diễn trình tang chế chiếm khá nhiều thì giờ, và khi một mục tử phải đồng hành với diễn trình này, ngài phải thích ứng với các đòi hỏi của từng giai đoạn. Toàn bộ diễn trình này đầy những câu hỏi: về các lý do tại sao người thân của họ lại phải chết, về tất cả các

sự việc đáng lý đã được làm, về việc khi chết, người ta cảm nghiệm những gì. Với một diễn trình cầu nguyện thành thực và kiên nhẫn cũng như giải thoát nội tâm, bình an sẽ trở lại. Có những lúc đặc biệt, ta phải giúp người đang có tang chế hiểu ra rằng sau cái chết của người thân yêu, ta vẫn còn một sứ mệnh phải thi hành, và chẳng ích gì cho ta nếu cứ kéo dài sự đau khổ, như thể đây là một hình thức báo đáp. Người thân yêu của ta không cần sự đau khổ của ta, họ cũng chẳng vui về gì khi ta hủy hoại đời ta. Cũng không phải là một cách phát biểu lòng yêu thương tốt nhất khi ta cứ mãi nghĩ tới họ, nhắc tới tên họ hoài vì điều này tùy thuộc quá khứ thay vì tiếp tục yêu thương họ dù nay họ đang ở một chỗ khác. Họ không thể hiện diện về thể lý với ta được nữa, ấy thế nhưng bất chấp sức mạnh của sự chết, “lòng yêu thương vẫn mạnh như sự chết” (Dc 8:6). Lòng yêu thương bao gồm trực giác giúp ta khả năng nghe vô thanh và nhìn vô hình. Điều này không có nghĩa tưởng tượng ra người thân yêu của ta như lúc trước, nhưng là khả năng biết chấp nhận họ đã thay đổi như hiện nay. Khi bà bạn Maria muốn ôm lấy Người, Chúa Giêsu sống lại nói với bà đừng đụng đến Người (xem Ga 20:17), để hướng dẫn bà tới một loại gặp gỡ khác.

256. Quả là một an ủi cho ta khi biết rằng những người chết không hoàn toàn qua đi, và đức tin bảo đảm với ta rằng Chúa sống lại không bao giờ bỏ rơi ta. Do đó, ta có thể “ngăn cản, không cho sự chết chuốc độc sự sống, không biến lòng yêu thương ta ra không, không đẩy ta xuống vực thẳm tối tăm nhất” (283). Thánh Kinh nói với ta rằng Thiên Chúa vì yêu thương đã dựng nên ta và tạo nên ta một cách khiến đời ta không kết liễu với cái chết” (xem Kn 3:2-3). Thánh Phaolô nói với ta về cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô liền sau khi chết: “ước nguyện của tôi là ra đi và được ở với Chúa Kitô” (pl 1:23). Với Chúa Kitô, sau cái chết, đang chờ đợi ta, là “điều Thiên Chúa đã chuẩn bị cho những kẻ yêu thương Người” (1Cr 2:9). Kinh Tiền Tụng của Phụng Vụ Người Chết trình bày một cách đẹp đẽ như thế này: “dù việc chắc chắn phải chết làm chúng con buồn sâu, chúng con vẫn được an ủi nhờ lời hứa trường sinh tương lai. Vì sự sống của những người tin vào Chúa, lạy Chúa, không chấm dứt mà chỉ thay đổi”. Quả thế, “những người thân yêu của chúng con không mất vào tối tăm nhưng không; niềm hy vọng bảo đảm với chúng con rằng họ đang ở trong bàn tay tốt lành và mạnh mẽ của Thiên Chúa” (284).

257. Một cách để duy trì hiệp thông với những người thân yêu của ta là cầu nguyện cho họ (285). Thánh Kinh nói với ta rằng “cầu nguyện cho người chết” là “điều thánh thiện và đạo đức” (2Mcb 12:44-45). “Lời cầu nguyện của ta cho họ có khả năng không những giúp họ, mà còn làm cho lời cầu bầu của họ cho ta được hữu hiệu” (286). Sách Khải Huyền mô tả các vị tử đạo cầu bầu cho những người chịu bất công trên trái đất (xem Kh 6:9-11), trong tình liên đới với thế giới này và với lịch sử của nó. Một số vị thánh, trước khi qua đời, đã an ủi người thân yêu của mình bằng cách hứa với họ rằng các ngài sẽ ở gần để giúp đỡ họ. Thánh Têrêxa thành Lisieux mong được tiếp tục làm điều tốt từ trên thiên đàng (287). Thánh Đa Minh quả quyết rằng “ngài sẽ giúp đỡ nhiều hơn sau khi qua đời... mạnh mẽ hơn trong việc xin ban ơn” (288). Tất cả đều là “dây nối kết yêu thương” thực sự (289), vì “sự kết hợp của những người đang đi đường với anh chị em đang nghỉ yên trong Chúa không hề bị ngưng trệ... [nhưng] được tăng cường nhờ việc trao đổi các thiện ích thiêng liêng” (290).

258. Nếu ta chấp nhận sự chết, ta có thể chuẩn bị cho nó. Cách chuẩn bị là lớn mạnh trong lòng yêu thương đối với những người đang sánh bước với ta, cho tới ngày “sự chết không còn nữa, tang chế và khóc thương cùng đau đớn sẽ không còn nữa” (Kh 21:4). Do đó, ta sẽ sẵn sàng đi gặp lại những người thân yêu đã ra đi. Chúa Giêsu đã “trao lại cho mẹ cậu” (xem Lc 7:15) người con trai đã chết thế nào, thì điều này cũng sẽ xảy ra với chúng ta như thế. Ta đừng nên phí năng lực vào việc bám lấy quá khứ xa xôi. Ta càng sống tốt trên trái đất này thì hạnh phúc ta sẽ cùng được hưởng với những người thân yêu của ta ở trên thiên đàng càng lớn. Ta càng có khả năng trưởng thành và phát triển ở đời này, thì ta càng có thể mang nhiều ơn phúc hơn vào bàn tiệc nước trời.

(225) *Relatio Synodi* 2014, 30.

(226) *Ibid.*, 31.

(227) *Relatio Finalis* 2015, 56.

(228) *Ibid.*, 89.

(229) *Relatio Synodi* 2014, 32.

(230) *Ibid.*, 33.

(231) *Ibid.*, 38.

(232) *Relatio Finalis* 2015, 77.

(233) *Ibid.*, 61.

(234) *Ibid.*

(235) *Ibid.*

(236) *Ibid.*

(237) Cf. *Relatio Synodi* 2014, 26.

(238) *Ibid.*, 39.

(239) Hội Đồng Giám Mục Ý, Ủy Ban Giám Mục về Gia Đình và Sự Sống, *Orientamenti pastorali sulla preparazione al matrimonio e alla famiglia* (22 tháng 10, 2012), 1.

(240) Thánh Inhaxiô Thành Loyola, *Spiritual Exercises*, Annotation 2.

(241) *Ibid.*, Annotation 5.

(242) Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (27 tháng 6, 1984), 4: *Insegnamenti* VII/1 (1984), 1941.

(243) Bài Giáo Lý (21 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 22 tháng 10, 2015, p. 12.

(244) Hội Đồng Giám Mục Kenya, *Sứ Điệp Mùa Chay*, (18 tháng 2, 2015).

(245) Cf. Đức Piô XI, *Thông Điệp Casti Connubii* (31 tháng 12, 1930): AAS 22 (1930), 583.

(246) Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (4 tháng 7, 1984), 3, 6: *Insegnamenti* VII/2 (1984), pp. 9, 10.

(247) *Relatio Finalis* 2015, 59.

(248) *Ibid.*, 63.

(249) *Gaudium et Spes*, 50.

(250) *Relatio Finalis* 2015, 63.

(251) *Relatio Synodi* 2014, 40.

(252) *Ibid.*, 34.

(253) *Cántico Espiritual* B, XXV, 11.

- (254) *Relatio Synodi* 2014, 44.
- (255) *Relatio Finalis* 2015, 81.
- (256) *Ibid.*, 78.
- (257) Bài Giáo Lý (24 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 25 tháng 6, 2015, p. 8.
- (258) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 83: AAS 74 (1982), 184.
- (259) *Relatio Synodi* 2014, 47.
- (260) *Ibid.*, 50.
- (261) Bài Giáo Lý (5 tháng 8, 2015): *L'Osservatore Romano*, 6 tháng 8, 2015, p. 7.
- (262) *Relatio Synodi* 2014, 51; cf. *Relatio Finalis* 2015, 84.
- (263) *Ibid.*, 48.
- (264) Tựa Sắc *Mitis Iudex Dominus Iesus* (15 tháng 8, 2015): *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 9, 2015, pp. 3-4; cf. Tựa Sắc *Mitis et Misericors Iesus* (15 tháng 8, 2015): *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 9, 2015, pp. 5-6.
- (265) Tựa Sắc *Mitis Iudex Dominus Iesus* (15 tháng 8, 2015), Lời nói đầu, III: *L'Osservatore Romano*, 9 tháng 9, 2015, 3.
- (266) *Relatio Finalis* 2015, 82.
- (267) *Relatio Synodi* 2014, 47.
- (268) Bài Giáo Lý (20 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 21 tháng 5, 2015, p. 8.
- (269) Bài Giáo Lý (24 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 25 tháng 6, 2015, p. 8.
- (270) Bài Giáo Lý (5 tháng 8, 2015): *L'Osservatore Romano*, 6 tháng 8, 2015, p. 7.
- (271) *Relatio Finalis* 2015, 72.
- (272) *Ibid.*, 73.
- (273) *Ibid.*, 74.
- (274) *Ibid.*, 75.
- (275) Cf. Sắc Chỉ *Misericordiae Vultus*, 12: AAS 107 (2015), 407.
- (276) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2358; cf. *Relatio Finalis* 2015, 76.
- (277) *Ibid.*
- (278) *Relatio Finalis* 2015, 76; cf. Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Considerations Regarding Proposals to Give Legal Recognition to Unions between Homosexual Persons* (3 tháng 6, 2003), 4.
- (279) *Ibid.*, 80.
- (280) Cf. *ibid.*, 20.
- (281) Bài Giáo Lý (17 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 18 tháng 6, 2015, p. 8.
- (282) *Relatio Finalis* 2015, 19.
- (283) Bài Giáo Lý (17 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 18 tháng 6, 2015, p. 8.
- (284) *Ibid.*
- (285) Cf. *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 958.
- (286) *Ibid.*
- (287) Cf. Thánh Têrêxa thành Lisieux, *Derniers Entretiens: Le "carnet jaune" de Mère Agnès*, 17 tháng 7, 1897, trong *Oeuvres Complètes*, Paris, 1996, 1050. Các chị em Cát Minh của Bà nói đến lời hứa của Thánh Têrêxa rằng việc bà ra khỏi thế gian giống như "trận mưa

hoa hồng" (*ibid.*, 9 tháng 6, 1897, 1013).

(288) Jordan of Saxony, *Libellus de principiis Ordinis Praedicatorum*, 93: *Monumenta Historica Sancti Patris Nostri Dominici*, XVI, Rome, 1935, p. 69.

(289) Cf. Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo, 957.

(290) *Lumen Gentium*, 49.

Chương Bảy: Hướng tới việc giáo dục con cái tốt hơn

259. Cha mẹ luôn ảnh hưởng tới việc phát triển con cái về luân lý, hoặc tốt hoặc xấu. Thành thử, họ nên đảm nhiệm vai trò chủ chốt này và thi hành nó một cách có ý thức, hăng hái, hữu lý và thích đáng. Vì vai trò giáo dục của các gia đình quan trọng như thế, và càng ngày càng phức tạp hơn, nên tôi muốn thảo luận việc này một cách chi tiết.

Con cái ta đang ở đâu?

260. Các gia đình không thể là gì khác hơn là những nơi để nâng đỡ, chỉ bảo và hướng dẫn, bất kể họ phải tái suy nghĩ rất nhiều về các phương pháp sử dụng và khám phá ra những nguồn tài nguyên mới mẻ. Cha mẹ cần cân nhắc việc họ muốn con cái họ phải giáp mặt với những điều gì, và việc này nhất thiết có nghĩa phải quan tâm đến việc ai sẽ cung cấp việc giải trí của chúng, ai sẽ vào phòng chúng qua ngã truyền hình và các dụng cụ điện tử, và chúng sẽ dùng thì giờ rảnh rỗi của chúng với những ai. Chỉ khi nào ta dành thì giờ cho con cái, nói với chúng một cách đơn sơ và đầy quan tâm về những điều quan trọng, và tìm ra các cách lành mạnh để chúng sử dụng thì giờ của chúng, ta mới có thể bảo vệ chúng khỏi nguy hại. Cảnh giác luôn là điều cần thiết và sao lãng không bao giờ có ích. Cha mẹ phải giúp chuẩn bị để trẻ em và các thiếu niên đương đầu được với các nguy cơ, như gây hấn, lạm dụng hoặc ghiền ma túy.

261. Tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà một đứa con có thể trải qua. Ở đây, điều mãi mãi đúng là “thời gian lớn hơn không gian” (291). Nói cách khác, khởi đầu một diễn trình là điều quan trọng hơn việc khống chế không gian. Nếu các cha mẹ cứ bị ám ảnh với việc phải biết cho bằng được con cái họ đang ở đâu và lo kiểm soát mọi chuyển động của chúng, thì họ chỉ tìm cách khống chế không gian. Nhưng việc này không hề là giáo dục, là củng cố và chuẩn bị để con cái đương đầu với các thách đố. Điều quan trọng hơn cả là khả năng âu yếm giúp chúng lớn mạnh trong tự do, già dặn, kỷ luật tổng thể và thực sự tự lập. Chỉ với cách này, con cái mới tiến tới chỗ sở đắc được các phương thế cần thiết để tự chống đỡ và hành động thông minh và khôn ngoan bất cứ khi nào đương đầu với các khó khăn. Như thế, vấn đề có thực chất ở đây không phải con cái ta đang ở đâu về phương diện thể lý, hay chúng đang ở với ai vào một lúc nhất định nào đó, mà đúng hơn chúng đang ở đâu về phương diện hiện sinh, chúng đang đứng ở đâu về phương diện xác tín, mục tiêu, ước muốn và giấc mơ. Các câu hỏi tôi muốn đặt ra cho các cha mẹ là: “ta có tìm cách hiểu con cái ta thực sự đang ‘ở đâu’ trong hành trình của chúng không? Linh hồn chúng đang ở đâu, ta có thực sự biết hay không? Và trên hết, ta có muốn biết hay không?” (292).

262. Nếu trưởng thành chỉ là việc phát triển một điều gì đó vốn đã có trong mã di truyền của ta, thì ít có việc gì cần phải làm. Nhưng sự khôn ngoan, phán đoán đúng và lương tri không tùy thuộc các nhân tố phát triển chỉ có lượng tính (quantitative), mà đúng hơn tùy thuộc cả một loạt sự việc cùng xuất hiện với nhau ở thẳm sâu mỗi con người, hay đúng hơn, ở chính

cốt lõi tự do của ta. Việc không thể tránh được là mỗi đứa trẻ sẽ làm ta ngạc nhiên với những ý nghĩ và dự án phát sinh từ chính tự do ấy khiến ta phải suy nghĩ lại các ý nghĩ của chính ta. Đó là một điều tốt. Giáo dục là khuyến khích việc sử dụng tự do có trách nhiệm để xử lý các vấn đề một cách hợp lương tri và trí thông minh. Nó bao gồm việc đào luyện con người để họ sẵn sàng hiểu rằng đời sống của chính họ và đời sống của cộng đồng đang nằm trong tay họ, và tự do tự nó là một ơn phúc vĩ đại.

Đào tạo đạo đức cho con cái

263. Các cha mẹ dựa vào nhà trường để bảo đảm việc học hành của con cái, nhưng không bao giờ uỷ quyền hoàn toàn cho người khác việc đào tạo chúng về phương diện luân lý. Việc phát triển về cảm giới và đạo đức tối hậu của một con người đặt cơ sở trên một kinh nghiệm đặc thù, tức tin rằng cha mẹ họ đáng tin cậy. Điều này có nghĩa: là những nhà giáo dục, cha mẹ, bằng tình âu yếm và gương sáng của họ, có trách nhiệm truyền dẫn vào con cái lòng tin thác và sự kính trọng triu mến. Khi con cái, bất chấp mọi lỗi lầm của chúng, không cảm nhận là chúng quan trọng đối với cha mẹ nữa, hay cha mẹ chúng thành thực quan tâm tới chúng nữa, thì việc này gây nên những vết thương sâu hoắm và nhiều khó khăn trên con đường trưởng thành của chúng. Việc thiếu vắng thể lý hay xúc cảm này tạo ra vết thương lớn hơn so với bất cứ sự la mắng nào mà đứa con có thể lãnh nhận vì đã làm một điều gì sai.

264. Cha mẹ cũng có trách nhiệm đào luyện ý chí của con cái mình, cổ vũ các thói quen tốt và khuynh hướng tự nhiên nghiêng về điều thiện. Điều này bao hàm việc trình bày cho chúng một số phương cách suy nghĩ và hành động đáng ước ao và có giá trị, như là thành phần của diễn trình lớn mạnh tiệm tiến. Ước muốn được hoà hợp vào xã hội, hay thói quen từ bỏ một khoái cảm tức khắc vì cuộc sống chung tốt đẹp và có trật tự hơn tự nó là một giá trị có thể gọi hứng cho đứa trẻ cởi mở hơn với các giá trị lớn hơn. Việc đào tạo luân lý nên luôn luôn diễn ra với các phương pháp tích cực và một cuộc đối thoại biết dạy đứa trẻ một cách nhạy cảm và biết sử dụng thứ ngôn ngữ mà đứa trẻ có thể hiểu được. Nó cũng cần diễn ra một cách qui nạp (inductively), để con cái học được cho mình sự quan trọng của một số giá trị, nguyên tắc và qui luật, đúng hơn là áp đặt những điều này như những chân lý tuyệt đối, không được đặt nghi vấn.

265. Làm điều đúng không phải chỉ là “việc phán đoán điều xem ra tốt nhất” hay biết rõ điều phải làm, dù việc này là việc quan trọng. Ta thường tỏ ta không nhất quán trong các xác tín của mình, bất kể chúng vững chắc ra sao; ngay khi lương tâm ta đưa ra một quyết định luân lý rõ ràng, nhiều nhân tố khác đôi lúc tỏ ra hấp dẫn và mạnh mẽ hơn. Ta cần phải tiến tới chỗ để điều tốt mà trí khôn có thể nắm được có khả năng bén rễ trong ta thành một xu hướng sâu xa về cảm xúc, một thèm khát sự thiện vượt quá mọi hấp dẫn khác và giúp ta hiểu ra rằng điều ta coi như tốt một cách khách quan cũng tốt ‘đối với ta’ ở đây và bây giờ. Giáo dục đạo đức tốt bao gồm việc chỉ cho người ta thấy làm điều đúng là điều tốt đối với họ. Ngày nay, càng ngày người ta càng thấy việc đòi hỏi một điều gì đó cần đến cố gắng và hy sinh là điều kém hữu hiệu, mà không chịu chỉ cho người ta thấy rõ các ích lợi mà việc này có thể đem tới.

266. Các thói quen tốt cần được khai triển. Ngay các thói quen của tuổi thơ cũng có thể giúp diễn dịch các giá trị quan trọng đã được nội tâm hóa thành các lối hành động lành mạnh và vững bền. Người ta có thể có tinh thần xã hội và cởi mở với người khác, nhưng nếu trong một thời gian dài họ không được các vị trưởng thượng huấn luyện để nói được những câu như “xin vui lòng”, “cảm ơn”, và “xin lỗi”, thì thiên hướng tốt ở bên trong sẽ không dễ dàng xuất hiện ra bên ngoài. Việc củng cố ý chí và việc lặp đi lặp lại một số hành động chuyên biệt chính là những viên gạch xây nên tác phong luân lý; không có việc lặp đi lặp lại một cách có ý thức, tự do và trân trọng một số khuôn thước của tác phong tốt, thì việc giáo dục luân lý không thể diễn ra. Chỉ ước muốn mà thôi, hay chỉ thấy được lời cuốn vào một giá trị nào đó mà thôi, không đủ để truyền dẫn nhân đức nếu không có các hành vi được thúc đẩy một cách thích đáng này.

267. Tự do là một điều kỳ diệu, nhưng nó cũng có thể bị tiêu tan và khuất dạng. Giáo dục luân lý phải đi đôi với việc vun sới tự do bằng các ý nghĩ, khuyến khích, áp dụng thực tiễn, kích thích, tưởng thưởng, gương sáng, mẫu mực, biểu tượng, suy tư, khích lệ, đối thoại và không ngừng suy nghĩ lại cách ta thực hiện các sự việc; tất cả những điều này có thể giúp ta phát triển các nguyên tắc ổn định nội tâm dẫn chúng ta tới chỗ làm điều thiện một cách tự phát. Nhân đức là một xác tín đã trở thành nguyên tắc hành động vững vàng ở bên trong. Như thế, đời sống nhân đức xây đắp, củng cố và lên khuôn tự do, kéo ta trở thành nô lệ cho các khuynh hướng hạ nhân phẩm và phản xã hội. Vì chính nhân phẩm cũng đòi mỗi người chúng ta phải “hành động từ một quyết định có ý thức và tự do, như được đánh động và lời cuốn một cách có bản vị ngay từ bên trong” (293).

Giá trị của việc sửa trị như một thúc đẩy

268. Điều cũng có tính chủ yếu là giúp trẻ em và các thiếu niên hiểu ra rằng tác phong xấu có những hậu quả của nó. Chúng cần được khuyến khích biết đặt mình vào giày người khác và nhìn nhận các thương tích chúng đã gây ra. Một số hình phạt, những hình phạt dành cho tác phong hung hăng, phản xã hội, có thể có ích một phần cho mục tiêu này. Điều quan trọng là huấn luyện một cách chắc chắn để trẻ em biết xin tha thứ và sửa chữa sự thiệt hại đã làm cho người khác. Khi diễn trình giáo dục đã sinh hoa trái trong sự lớn mạnh của tự do bản thân, trẻ em sẽ tiến tới chỗ biết đánh giá điều này: quả là tốt đẹp được lớn lên trong một gia đình, và thậm chí chấp nhận các đòi hỏi mà diễn trình đào tạo nào cũng đặt ra.

269. Sửa trị cũng là một thúc đẩy bất cứ khi nào các cố gắng của con cái được đánh giá và thừa nhận, và chúng cảm nhận được sự tin tưởng không ngừng và kiên nhẫn của cha mẹ. Trẻ em nào được yêu thương sửa trị đều cảm thấy mình được chăm sóc; chúng thấy rõ: chúng là các cá nhân với các tiềm năng được công nhận. Việc này không đòi cha mẹ phải hoàn hảo, nhưng đòi họ phải có khả năng khiêm nhường biết nhìn nhận các giới hạn của mình và cố gắng cải thiện. Nhưng, một trong những điều con cái cần phải học từ cha mẹ là không nên giận quá mất khôn. Đứa con nào làm điều sai phải được sửa trị, nhưng không bao giờ bị coi như một kẻ thù hay một đối tượng để trút hết thất vọng lên đó. Người lớn cũng cần hiểu ra rằng một số loại tác phong có liên hệ với tính mỏng dòn và có giới hạn của tuổi trẻ. Thái độ

lúc nào cũng nghiêng về trừng phạt chỉ gây hại chứ không giúp con cái hiểu ra rằng một số hành động nghiêm trọng hơn các hành động khác. Thái độ này chỉ dẫn tới thoái chí và giận hờn mà thôi: “Hỡi các bậc cha mẹ, đừng khiêu khích con cái mình” (Ep 6:4; xem Cl 3:21).

270. Điều quan trọng là kỷ luật không được dẫn tới thoái chí, nhưng thay vào đó, phải là một kích thích để tiến bộ thêm. Làm thế nào để nội tâm hóa kỷ luật cách tốt nhất? Ta phải bảo đảm ra sao để kỷ luật là một giới hạn có tính xây dựng đặt ra cho hành động của đứa trẻ chứ không phải rào cản án ngữ đường phát triển của nó? Phải tìm ra sự cân bằng giữa hai cực đoan cùng có hại như nhau sau đây. Một là cố gắng làm mọi sự xoay quanh các thèm muốn của đứa con; các đứa con này sẽ lớn lên tuy ý thức được các quyền lợi, nhưng không ý thức được các trách nhiệm của chúng. Cực đoan kia là lấy mất khỏi đứa con việc ý thức được phẩm giá, căn tính bản thân và các quyền lợi của chúng; những đứa con này kết cục sẽ bị tràn ngập bởi bốn phận và nhu cầu phải thể hiện các ước muốn của người khác.

Tính hiện thực kiên nhẫn

271. Giáo dục luân lý bao hàm việc chỉ nên yêu cầu nơi đứa trẻ hay thiếu niên những điều không đòi hy sinh bất tương xứng, và chỉ nên đòi một mức cố gắng không dẫn tới oán hận hay bức bách. Thông thường, điều này được thực hiện bằng cách đề nghị các bước nhỏ có thể hiểu được, chấp nhận được và đánh giá được, dù có phải hy sinh cách tương ứng. Nếu không, vì đòi hỏi thái quá, ta liệu mình không nhận được gì. Một khi thoát khỏi uy quyền của ta, đứa trẻ dám ngưng, không làm điều tốt nữa.

272. Đào tạo đạo đức có lúc bị phê phán vì các trải nghiệm bỏ bê, thoái chí, thiếu tình âu yếm hay diễn hình xấu trong việc làm cha mẹ. Các giá trị đạo đức bị liên kết với các hình ảnh tiêu cực của những nhân vật làm cha mẹ hay các bất cập của người lớn. Vì lý do này, ta nên giúp các thiếu niên biết rút ra các loại suy: tức đánh giá các giá trị được hiện thân tốt nhất nơi một số người gương mẫu, trong khi được thể hiện một cách bất toàn và tới những mức độ khác nhau nơi một số người khác. Đồng thời, vì do dự trước các trải nghiệm xấu, nên chúng cần được giúp đỡ trong diễn trình hàn gắn nội tâm và nhờ thế lớn mạnh trong khả năng hiểu người khác và sống hòa bình với họ và cộng đồng rộng lớn hơn.

273. Khi đề xuất các giá trị, ta cần diễn tiến một cách chậm chậm, lưu ý tới cỡ tuổi và các năng khiếu của đứa trẻ, chứ không nên có tham vọng áp dụng các phương pháp cứng nhắc, thiếu mềm dẻo. Các đóng góp quý giá của tâm lý học và của các khoa học giáo dục vốn chứng minh sự cần thiết của một tiến độ tiệm tiến mới mong đạt được các thay đổi tác phong, nhưng chúng cũng chứng minh rằng tự do đòi hỏi nhiều mạng lưới và kích thích, vì để nó một mình, tự do không bảo đảm mang lại sự trưởng thành. Trong hoàn cảnh đời thực, tự do khá giới hạn và có điều kiện. Nó không hề là một khả năng thuần túy có thể chọn điều tốt trong tính tự phát hoàn toàn của nó. Người ta không luôn luôn phân biệt được một cách rõ ràng một hành vi “tự ý” (voluntary) với một hành vi “tự do”. Người ta có thể tự ý muốn một điều xấu với một sức mạnh lớn lao của ý chí, nhưng do một đam mê không cưỡng được hay do một nền giáo dục xấu. Trong trường hợp này, quyết định của họ rất tự ý, nó không mâu

thuần với xu hướng của chính ý chí họ, nhưng nó đâu có tự do, vì họ đã trở nên bất lực, không thể không chọn lựa điều xấu này. Ta thấy điều này trong trường hợp người ghiền ma túy, khi anh ta muốn có ma túy, anh ta muốn nó hết sức, và vì bị lệ thuộc quá nên lúc này anh ta đâu còn khả năng đưa ra bất cứ quyết định nào khác. Thành thử, quyết định của anh ta là tự ý, nhưng đâu có tự do. Câu “để họ tự do chọn lựa” không có nghĩa gì đối với anh ta vì thực tế anh ta không thể chọn lựa, và để anh ta tiếp xúc với ma túy chỉ làm gia tăng sự lệ thuộc mà thôi. Anh ta cần sự giúp đỡ của người khác và một diễn trình giáo dục.

Đời sống gia đình như một khung cảnh giáo dục

274. Gia đình là trường học đầu tiên dạy các giá trị nhân bản, nơi ta học cách sử dụng tự do cách khôn ngoan. Một số khuynh hướng phát triển lúc tuổi thơ và bền rễ sâu đến nỗi chúng tồn tại suốt đời, hoặc như những lỗi cuốn đối với một giá trị đặc thù nào đó hay như việc tự nhiên không thích lối hành động nào đó. Nhiều người suy nghĩ và hành động một cách nào đó là vì họ cho cách này đúng đắn dựa vào những gì họ đã học, như thể được thẩm thấu, từ những năm tháng đầu đời: “Tôi được dạy như thế đó”. “Tôi được học làm như thế đó”. Trong gia đình, ta cũng có thể học cách biết phê phán một số sứ điệp do các phương tiện truyền thông loan tải. Điều đáng buồn cần phải nói là một số chương trình truyền hình hay hình thức quảng cáo thường gây ảnh hưởng tiêu cực và cắt xén các giá trị vốn được khắc ghi trong đời sống gia đình.

275. Thời nay, thời bị lo âu xao xuyến và các tiến bộ nhanh chóng của kỹ thuật thông tri, một trong các trách vụ quan trọng nhất của các gia đình là cung cấp một nền giáo dục hy vọng. Điều này không có nghĩa ngăn cản con cái chơi các trò chơi điện tử, nhưng đúng hơn, tìm những cách thế giúp chúng phát triển các khả năng phê phán, chứ đừng nghĩ có thể áp dụng tốc độ kỹ thuật số vào mọi sự ở trong đời được. Triển hạn các thèm muốn không có nghĩa bác bỏ chúng mà chỉ là hoãn việc thỏa mãn chúng mà thôi. Khi không giúp trẻ em hay các thiếu niên hiểu ra rằng có những điều cần phải biết chờ đợi, thì chúng dễ bị ám ảnh bởi việc phải thỏa mãn các nhu cầu tức khắc và phát triển thói hư “muốn nó ngay bây giờ”. Đây là một ảo tưởng lớn không hề cổ vũ tự do mà chỉ làm nó ra suy yếu. Mặt khác, ta được dạy phải trì hoãn một điều gì đó cho tới lúc thích đáng, ta học cách tự chủ và tránh xa các xung động bốc đồng của ta. Khi trẻ em hiểu ra rằng chúng phải chịu trách nhiệm đối với bản thân chúng, lòng tự trọng của chúng được phong phú hóa. Điều này, ngược lại, dạy chúng biết tôn trọng tự do của người khác. Hiển nhiên, việc này không có nghĩa mong trẻ em hành động như người lớn, nhưng nó cũng không có nghĩa đánh giá thấp khả năng lớn mạnh của chúng trong tự do có trách nhiệm. Trong một gia đình lành mạnh, diễn trình học tập này thường diễn ra qua các đòi hỏi do cuộc sống chung đặt ra.

276. Gia đình là khung cảnh hàng đầu để xã hội hóa, vì nó là nơi đầu tiên ta học cách liên hệ với người khác, lắng nghe và chia sẻ, nhẫn nại và tỏ lòng tôn trọng, giúp đỡ nhau và sống như một. Trách vụ của giáo dục là làm chúng ta cảm nhận được điều này: thế giới và xã hội cũng là tổ ấm của ta; nó huấn luyện để ta biết sống với nhau trong tổ ấm rộng lớn hơn này. Trong gia đình, ta học tập sự gần gũi, chăm sóc và tôn trọng người khác. Ta phá vỡ tình trạng có

tính định mệnh chỉ biết có mình và tiến tới chỗ hiểu ra rằng ta đang sống với và bên cạnh nhiều người khác đáng được ta quan tâm, tử tế và âu yếm. Sẽ không có bất cứ mối dây liên kết xã hội nào nếu không có việc sống cạnh nhau đầu tiên, hàng ngày và hầu như cực nhỏ này, nếu không có những nẻo đường giao thoa vào những thời điểm khác nhau trong ngày, nếu không biết lưu tâm đến tất cả những gì tác động đến ta, nếu không giúp đỡ nhau qua những việc tầm thường nhỏ nhoi. Ngày nào, gia đình cũng phải nghĩ ra những cách mới mẻ để đánh giá và thừa nhận các thành viên của mình.

277. Cũng trong gia đình, ta có thể suy nghĩ lại các thói quen tiêu thụ của ta và góp phần vào việc săn sóc môi trường như căn nhà chung của ta. “Gia đình là tác nhân chính của một sinh thái toàn diện, vì nó là chủ thể xã hội hàng đầu chứa đựng trong mình hai nguyên tắc căn bản của nền văn minh nhân bản trên trái đất: nguyên tắc hiệp thông và nguyên tắc sinh hoa trái” (294). Cũng thế, những lúc khó khăn và bối rối trong đời sống gia đình có thể dạy ta nhiều bài học quan trọng. Điều này xảy ra khi bệnh hoạn, chẳng hạn, giáng xuống, vì “đôi đầu với bệnh hoạn, ngay trong các gia đình, khó khăn cũng sẽ lộ diện do yếu đuối của con người. Nhưng nói chung, thời gian bệnh hoạn giúp cho các mối dây liên kết gia đình lớn mạnh hơn... Nền giáo dục nào không khuyến khích sự nhạy cảm đối với bệnh tật của con người sẽ làm trái tim ra nguội lạnh; nó khiến người trẻ ‘bị gây mê’ trước nỗi đau khổ của người khác, hết khả năng đối đầu với đau khổ và sống cảm nghiệm có giới hạn” (295).

278. Diễn trình giáo dục diễn ra giữa cha mẹ và con cái có thể nhận được trợ giúp hay cản trở từ sự tinh vi mỗi ngày một tăng của các phương tiện truyền thông và tiêu khiển. Khi được sử dụng tốt, các phương tiện này có thể rất hữu ích để nối kết các thành viên gia đình hiện đang sống xa nhau. Các liên lạc thường xuyên sẽ giúp vượt qua nhiều khó khăn (296). Tuy nhiên, điều rõ ràng là các phương tiện này không thể thay thế được nhu cầu phải đối thoại liên ngã và trực tiếp nhiều hơn, một cuộc đối thoại đòi sự hiện diện thể lý hoặc ít nhất cũng nghe được giọng nói của người kia. Ta biết rằng đôi khi các phương tiện này giữ người ta xa nhau hơn là ở với nhau, như khi đến giờ ăn, ai cũng bận “lướt sóng” (surf) trên điện thoại di động, hay khi một người phôi ngẫu thiếp ngủ trong lúc chờ người kia chơi với các dụng cụ điện tử cả hàng giờ. Đây cũng là một điều mà các gia đình cần phải thảo luận và giải quyết cách nào đó giúp khuyến khích việc tương tác qua lại mà không áp đặt các ngăn cấm không thực tiễn. Dù sao, ta không thể làm ngơ các nguy cơ mà các hình thức truyền thông mới này đặt ra cho trẻ em và các thiếu niên; đôi khi, chúng còn có thể cổ vũ sự lãnh cảm và xa rời thế giới thực nữa. Việc “tách rời kỹ thuật” này khiến các em dễ dàng bị thao túng bởi những người muốn xâm lăng không gian tư riêng của các em vì các quyền lợi ích kỷ.

279. Cũng không tốt đẹp gì nếu cha mẹ độc đoán. Khi làm cho con cái cảm thấy rằng chỉ có cha mẹ chúng mới đáng tin, thì điều này sẽ cản trở diễn trình xã hội hóa thoả đáng và lớn mạnh trong sự chín chắn về xúc cảm. Để giúp mở rộng mối liên hệ cha mẹ ra các thực tại rộng rãi hơn, “các cộng đồng Kitô hữu được kêu gọi nâng đỡ sứ mệnh giáo dục của các gia đình” (297), nhất là qua việc dạy giáo lý liên quan đến việc khai tâm Kitô Giáo. Để phát huy một nền giáo dục toàn diện, ta cần “canh tân giao ước giữa gia đình và cộng đồng Kitô Giáo” (298). Thượng Hội Đồng muốn nhấn mạnh sự quan trọng của các trường Công Giáo, những

định chế “đóng một vai trò sinh tử trong việc trợ giúp các cha mẹ trong bốn phận dưỡng dục con cái họ... Nên khuyến khích các trường Công Giáo trong sứ mệnh giúp học sinh lớn lên thành những người trưởng thành chín chắn biết nhìn thế giới với lòng yêu thương của Chúa Giêsu và hiểu đời sống như lời mời gọi phụng sự Thiên Chúa” (299). Vì lý do này, “Giáo Hội mạnh mẽ khẳng định quyền tự do của mình được giảng dạy giáo huấn của mình và quyền phản đối lương tâm của các nhà giáo dục” (300).

Nhu cầu giáo dục tính dục

280. Công Đồng Vatican II đề cập tới việc phải đem lại cho trẻ em và các thiếu niên “một nền giáo dục tích cực và khôn ngoan về tính dục khi họ đang lớn lên” với “trọng tâm thích đáng đặt vào các tiến bộ trong các khoa tâm lý, sư phạm và giáo khoa” (301). Ta nên tự hỏi liệu các định chế giáo dục của ta đã tiếp nhận thách đố này chưa. Quả thực không dễ bàn đến vấn đề giáo dục tính dục trong một thời đại trong đó, tính dục bị tầm thường hóa và nghèo nàn hóa. Nó chỉ có thể được xem xét bên trong khuôn khổ giáo dục lòng yêu thương và tự hiến cho nhau. Nhờ cách này, ngôn ngữ tính dục sẽ không bị nghèo nàn hóa một cách đáng buồn nhưng được soi sáng và phong phú hóa. Thúc đẩy tính dục có thể được điều hướng bằng diễn trình lớn mạnh trong việc tự biết và tự kiểm soát chính mình, những việc vốn có thể nuôi dưỡng các khả năng có giá trị để đạt tới niềm vui và những cuộc gặp gỡ yêu thương.

281. Giáo dục tính dục cung cấp tín liệu trong khi phải nhớ rằng trẻ em và các thiếu niên chưa đạt tới sự chín chắn trọn vẹn. Tín liệu phải được cung cấp đúng lúc và thích ứng với độ tuổi của các em. Nó sẽ không giúp được gì nếu áp đảo các em bằng đủ mọi dữ kiện mà không giúp chúng phát triển năng khiếu phê phán để xử lý cuộc tấn công vũ bão của các ý tưởng và gợi ý mới, của cơn lũ khiêu dâm và sức nặng kích thích vốn làm méo mó tính dục. Giới trẻ cần hiểu ra rằng họ đang bị oanh kích tới tấp bởi các sứ điệp vô bổ đối với việc tăng trưởng sự chín chắn của họ. Ta nên giúp đỡ để họ nhận ra và đi tìm các ảnh hưởng tích cực, trong khi xa tránh những điều có thể làm tê liệt khả năng yêu thương của họ. Ta cũng phải hiểu ra rằng ta cần “một ngôn ngữ mới và thích đáng hơn để dẫn nhập trẻ em và các thiếu niên vào chủ đề tính dục” (302).

282. Nền giáo dục tính dục nào cổ vũ được cảm thức thủy mị nét na lành mạnh là nền giáo dục rất có giá trị, bất kể một số người ngày nay coi thủy mị nét na như phế tích của một thời xa xưa. Thủy mị nét na là một phương thế tự nhiên để ta bảo vệ sự tự riêng bản thân và ngăn ngừa ta khỏi trở thành những đối tượng bị lợi dụng. Không có cảm thức thủy mị nét na này, lòng âu yếm và tính dục có thể bị giản lược chỉ còn là một ám ảnh đối với dục quan và các tác phong không lành mạnh vốn làm méo mó khả năng yêu thương của ta, và đối với các hình thức bạo lực tính dục có thể dẫn tới việc đối xử vô nhân đạo hoặc gây thương tích cho người khác.

283. Giáo dục tính dục thường chủ yếu bàn đến “việc bảo vệ” bằng cách thực hành việc “làm tình an toàn”. Các kiểu nói này chuyên chở một thái độ tiêu cực đối với cùng đích tự nhiên của tính dục là sinh sản, như thể đứa trẻ có thể sinh ra là một kẻ thù cần được phòng thủ.

Kiểu suy nghĩ này cổ vũ lòng yêu mình thái quá (narcissism) và tính gây hấn thay vì chấp nhận. Điều luôn luôn vô trách nhiệm là mời gọi thiếu niên đùa bỡn với thân xác và các thèm muốn của họ, như thể họ đã sở đắc được sự chín chắn, các giá trị, sự cam kết hỗ tương và các mục tiêu của riêng hôn nhân. Kết cục, vô tình, họ chỉ được khuyến khích sử dụng người khác như một phương tiện để thỏa mãn các nhu cầu hay các giới hạn của mình. Điều quan trọng là phải dạy họ biết nhạy cảm đối với các cách diễn tả khác nhau của lòng yêu thương, biết quan tâm và săn sóc lẫn nhau, biết tôn trọng một cách yêu thương và thông đạt có ý nghĩa sâu xa. Tất cả những điều này sẽ chuẩn bị để họ biết tự hiển thân một cách toàn diện và quảng đại, một hiến thân, sau khi đã công khai cam kết, sẽ được diễn tả qua việc hiến thân xác cho nhau. Do đó, kết hợp tính dục trong hôn nhân sẽ trở thành dấu hiệu của một cam kết bao trùm tất cả, được tất cả những gì đi trước nó phong phú hóa.

284. Giới trẻ không nên bị lừa trong việc lẫn lộn hai bình diện thực tại: “lôi cuốn tính dục tạm thời tạo nên ảo giác kết hợp, thế nhưng, nếu không có lòng yêu thương, ‘sự kết hợp’ này sẽ để những kẻ xa lạ mãi mãi xa lạ như trước” (303). Ngôn ngữ thân xác đòi phải có thời kỳ tập việc kiên nhẫn để học tập cách giải thích và vận dụng các thèm muốn để có thể tự hiển một cách chân chính. Khi tham vọng muốn lập tức cho đi mọi sự, rất có thể ta chẳng cho đi được gì. Hiểu rõ tính mỏng dòn và bối rối của người trẻ là một chuyện mà khuyến khích họ kéo dài sự thiếu chín chắn trong cách biểu lộ lòng yêu thương của họ lại là một chuyện khác hẳn. Nhưng ngày nay, ai nói tới những điều này? Ai có khả năng khiến người trẻ nghiêm túc? Ai giúp họ chuẩn bị cách nghiêm chỉnh để đón nhận lòng yêu thương vĩ đại và quảng đại này? Hiện nay, người ta rất coi nhẹ việc giáo dục tính dục.

285. Giáo dục tính dục cũng bao gồm việc tôn trọng và đánh giá cao các dị biệt, như một cách giúp giới trẻ thắng vượt tính chỉ biết có mình ngõ hầu có thể cởi mở và chấp nhận người khác. Ngoài các khó khăn dễ hiểu mà các cá nhân có thể gặp phải, giới trẻ cần được giúp đỡ để chấp nhận thân xác họ như đã được tạo nên, vì “nghĩ rằng ta có quyền tuyệt đối trên thân xác ta, kết cục, một cách tinh tế, sẽ khiến ta nghĩ rằng ta có quyền tuyệt đối trên sáng thế... Biết đánh giá thân xác ta như là nam hay nữ cũng là điều cần thiết để ta tự biết mình trong cuộc gặp gỡ những người khác với ta. Nhờ cách này, ta có thể hân hoan chấp nhận các ơn phúc chuyên biệt của một người đàn ông hay một người đàn bà khác, vốn là công trình của Thiên Chúa Hóa Công, và tìm được sự phong phú hỗ tương” (304). Chỉ khi nào hết sợ khác biệt, ta mới thoát khỏi nỗi trạng lầy mình làm trung tâm, chỉ lưu tâm tới mình. Giáo dục tính dục nên giúp giới trẻ biết chấp nhận thân xác họ và tránh cái cao vọng muốn “triệt tiêu sự dị biệt giới tính vì không còn biết phải xử lý với nó ra sao” (305).

286. Ta cũng không thể làm ngơ sự kiện này: việc tạo hình cho cung cách hiện hữu của ta, bất kể là nam hay nữ, không hề chỉ là kết quả của các nhân tố sinh học hay di truyền học mà thôi, mà của nhiều yếu tố liên quan đến tính khí, lịch sử gia đình, văn hóa, kinh nghiệm, giáo dục, ảnh hưởng của bạn bè, các thành viên trong gia đình và những người được tôn kính, cũng như các hoàn cảnh đào tạo. Đúng là ta không thể tách biệt yếu tố nam yếu tố nữ ra khỏi công trình sáng tạo của Thiên Chúa, một công trình có trước mọi quyết định và kinh nghiệm của ta, và là nơi hiện hữu các yếu tố sinh học mà ta không thể làm ngơ. Nhưng điều cũng đúng là nam

tính và nữ tính không phải là những phạm trù cứng nhắc. Cách hiện hữu như người nam của người chồng, chẳng hạn, có thể được thích ứng một cách mềm dẻo với lịch trình làm việc của người vợ. Nhận làm việc nhà hay một vài khía cạnh nuôi dưỡng con cái không làm người chồng bớt là đàn ông chút nào hay hàm nghĩa thất bại, vô trách nhiệm hay gây xấu hổ chi. Con cái cần được giúp đỡ để chấp nhận “các trao đổi” lành mạnh này như những chuyện bình thường, không hề làm giảm phẩm giá của người cha. Phương thức cứng nhắc sẽ biến thành việc quá nhấn mạnh tới yếu tố nam hay yếu tố nữ, và sẽ không giúp trẻ em và các thiếu niên biết đánh giá tính hỗ tương chân chính đã nhập thân trong các điều kiện đích thực của hôn nhân. Sự cứng nhắc này, ngược lại, sẽ gây trở ngại cho việc phát triển các khả năng của cá nhân, đến độ dẫn họ tới chỗ nghĩ, chẳng hạn, rằng tập tành nghệ thuật hay khiêu vũ là không nam tính chút nào, hay thi hành quyền lãnh đạo là không nữ tính chút nào. Cảm ơn Chúa, suy nghĩ này nay đã thay đổi, nhưng ở một số nơi, các quan niệm thiếu sót vẫn còn đang giới hạn quyền tự do chính đáng và gây trở ngại cho việc phát triển căn tính và tiềm năng chuyên biệt của trẻ em một cách chân chính.

Lưu truyền đức tin

287. Việc nuôi dưỡng con cái đòi phải có một diễn trình có thứ tự để lưu truyền đức tin. Việc này hiện đang bị làm cho khó khăn bởi các lối sống đương thời, các lịch trình làm việc và tính phức tạp của thế giới ngày nay, nơi nhiều người đang phải chạy đua với nhịp độ điên cuồng chỉ để sinh tồn (306). Dù thế, tổ ấm vẫn phải tiếp tục là nơi ta học cách biết đánh giá ý nghĩa và vẻ đẹp của đức tin, biết cầu nguyện và phục vụ người lân cận. Việc này bắt đầu với phép rửa, trong đó, như Thánh Augustinô từng nói, các bà mẹ mang con cái họ tới “hợp tác vào việc sinh hạ thánh thiêng” (307). Cuộc hành trình lớn mạnh trong sự sống mới này bắt đầu như thế đó. Đức tin là hồng ơn của Thiên Chúa, tiếp nhận được trong phép rửa, chứ không phải công trình của ta, thế nhưng cha mẹ là phương thể Chúa dùng để nó lớn lên và phát triển. Do đó, “qua là đẹp đẽ khi các bà mẹ dạy con thơ của mình hôn gió Chúa Giêsu và Đức Mẹ. Trong cử chỉ này, có biết bao yêu thương trong đó! Lúc ấy, trái tim đứa con trở thành một nơi cầu nguyện (308). Truyền thụ đức tin giả thiết cha mẹ phải tín thác thực sự nơi Thiên Chúa, tìm kiếm Người và cảm nhận được nhu cầu cần có Chúa, vì chỉ bằng cách này, “thế hệ này mới ca ngợi các công trình của Ngài cho thế hệ kia nghe, và công bố các kỳ công của Ngài” (Tv 144:4) và “các người cha cho con cái họ biết lòng trung tín của Ngài” (Is 38:19). Điều này có nghĩa: ta cần xin Chúa hành động trong trái tim chúng, tức những nơi chính ta không với tới được. Hạt mù-tạt, nhỏ nhoi là thế, đã trở nên cây lớn (xem Mt 13:31-32); điều này dạy ta nhìn thấy sự không tương xứng giữa hành động của ta và các hậu quả của những hành động này. Ta biết rằng ta không sở hữu hồng phúc này, nhưng ta được trao phó việc chăm sóc nó. Thế nhưng, cam kết có tính sáng tạo của ta tự nó là một lễ dâng giúp ta khả năng hợp tác với kế hoạch của Thiên Chúa. Vì lý do này, “các cặp vợ chồng và các cha mẹ nên được đánh giá thích đáng như các tác nhân tích cực trong việc dạy giáo lý... Dạy giáo lý trong gia đình rất có ích như một phương pháp hữu hiệu để huấn luyện các cha mẹ trẻ biết ý thức sứ mệnh làm những nhà truyền giảng Tin Mừng ngay trong gia đình mình” (309).

288. Giáo dục đức tin cần được thích ứng với từng đứa con, vì các tài nguyên và công thức cũ

không luôn luôn hữu hiệu. Trẻ em cần các biểu tượng, hành động và truyện kể. Vì các thiếu niên thường có vấn đề đối với quyền bính và qui luật, nên tốt nhất, ta nên khuyến khích các trải nghiệm đức tin riêng của các em và cung cấp cho chúng những chứng từ hấp dẫn, những chứng từ chiếm được cảm tình chỉ nhờ vẻ đẹp của chúng mà thôi. Cha mẹ nào mong nuôi dưỡng đức tin của con cái đều phải nhạy cảm đối với các khuôn mẫu lớn mạnh của chúng, vì chúng biết rằng trải nghiệm tâm linh không được áp đặt mà phải được tự do đề xuất. Điều chủ yếu là con cái thực sự thấy được điều này: đối với cha mẹ chúng, cầu nguyện là một việc thực sự quan trọng. Bởi thế, những lúc gia đình cầu nguyện và các hành vi sùng kính có thể mạnh mẽ đối với việc truyền giảng Tin Mừng hơn cả các lớp giáo lý hay các bài giảng. Ở đây, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn cách riêng tới tất cả các bà mẹ vẫn tiếp tục cầu nguyện, như Thánh Monica, cho những đứa con đã lạc xa Chúa Kitô.

289. Công việc lưu truyền đức tin cho con cái, theo nghĩa làm dễ dàng việc phát biểu và lớn mạnh của nó, giúp toàn bộ gia đình trong sứ mệnh truyền giảng Tin Mừng của họ. Tự nhiên nó bắt đầu với việc truyền bá đức tin cho mọi người chung quanh họ, cả bên ngoài khung cảnh gia đình. Con cái lớn lên trong các gia đình có tinh thần truyền giáo thường sẽ trở nên các nhà truyền giáo; lớn lên trong các gia đình ảm cúng và thân thiện, chúng học được cách liên hệ với thế giới theo cách này, mà không từ bỏ đức tin và các xác tín của chúng. Ta biết rằng chính Chúa Giêsu đã ăn uống với các người tội lỗi (xem Mc 2:16; Mt 11:19), chuyện trò với người đàn bà Samaria (xem Ga 4:7-26), tiếp Nicôđêmo lúc đêm hôm (xem Ga 3:1-21), để một gáo điểm rửa chân cho mình (xem Lc 7:36-50) và không do dự đặt tay lên người bệnh (xem Mc 1:40-45; 7:33). Điều này cũng đúng đối với các tông đồ của Người: các ngài không coi thường người khác, hoặc tụ tập thành những nhóm ưu tú nhỏ nhỏ, tách biệt hẳn cuộc sống của dân mình. Dù các nhà cầm quyền xách nhiều các ngài, các ngài vẫn được “toàn dân” thương mến (Cv 2:47; xem 4:21, 33; 5:13).

290. Như thế, gia đình là một tác nhân của hành động mục vụ qua việc minh nhiên công bố Tin Mừng và di sản của nó gồm nhiều hình thức làm chứng: liên đới với người nghèo, cởi mở đối với các dị biệt giữa người ta, gìn giữ sáng thế, liên đới với các gia đình khác, nhất là những gia đình túng thiếu nhất, cả tinh thần lẫn vật chất, cả dân thân cho việc cổ vũ ích chung bằng việc biến đổi các cơ cấu xã hội bất công, bắt đầu với khu vực họ sinh sống, tham gia các công việc thương người về tinh thần và thể xác” (310). Tất cả những điều này đều nói lên niềm tin sâu xa Kitô giáo của ta vào lòng yêu thương của Chúa Cha, Đấng luôn hướng dẫn và nâng đỡ ta, một lòng yêu thương được biểu hiện trong việc tự hiến hoàn toàn của Chúa Giêsu Kitô, Đấng nay vẫn đang sống giữa chúng ta và giúp chúng ta khả năng cùng nhau đương đầu với giông bão cuộc đời trong mọi giai đoạn của nó. Trong mọi gia đình, Tin Mừng cần được vang vọng trở lại, bất kể lúc thịnh vượng cũng như lúc gian nan, làm nguồn ánh sáng khắp nẻo đường đi. Mọi người chúng ta đều có thể nói được rằng nhờ kinh nghiệm sống trong gia đình “chúng ta đã tin vào lòng yêu thương mà Thiên Chúa dành cho chúng ta” (1Ga 4:16). Chỉ dựa vào kinh nghiệm này việc chăm sóc mục vụ của Giáo Hội dành cho các gia đình mới giúp họ trở nên vừa là Giáo Hội tại gia vừa là chất men của việc truyền giảng Tin Mừng trong xã hội.

-
- (291) Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.
- (292) Bài Giáo Lý (20 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 21 tháng 5, 2015, p. 8.
- (293) *Gaudium et Spes*, 17.
- (294) Bài Giáo Lý (30 tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 1 tháng 10, 2015, p. 8.
- (295) Bài Giáo Lý (10 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 11 tháng 6, 2015, p. 8.
- (296) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 67.
- (297) Bài Giáo Lý (20 tháng 5, 2015): *L'Osservatore Romano*, 21 tháng 5, 2015, p. 8.
- (298) Bài Giáo Lý (9 tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 10 tháng 9, 2015, p. 8.
- (299) *Relatio Finalis* 2015, 68.
- (300) *Ibid.*, 58
- (301) Công Đồng Vatican II, Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo, *Gravissimum Educationis*, 1.
- (302) *Relatio Finalis* 2015, 56.
- (303) Erich Fromm, *The Art of Loving*, New York, 1956, p. 54.
- (304) Thông Điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 155.
- (305) Bài Giáo Lý (15 tháng 4, 2015): *L'Osservatore Romano*, 16 tháng 4, 2015, p. 8.
- (306) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 13-14.
- (307) Thánh Augustinô, *De sancta virginitate* 7,7: PL 40, 400.
- (308) Bài Giáo Lý (26 tháng 8, 2015): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng 8, 2015, p. 8.
- (309) *Relatio Finalis* 2015, 89.
- (310) *Ibid.*, 93.

Chương Tám: Đồng Hành, Biện Phân và Hội Nhập Sự Yếu Đuối

291. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng, mặc dù hiểu rõ: bất cứ việc phá vỡ dây hôn phối nào “cũng chống lại ý muốn của Thiên Chúa”, nhưng Giáo Hội cũng “ý thức được tính yếu đuối mỏng dòn nơi nhiều con cái của mình” (311). Được soi dẫn bởi ánh mắt của Chúa Giêsu Kitô, “Giáo Hội yêu thương hướng về những người chỉ tham dự vào đời sống của Giáo Hội một cách bất toàn, vì nhìn nhận rằng ơn Chúa cũng hoạt động trong đời họ bằng cách ban cho họ lòng can đảm để làm điều tốt, sẵn sàng lẫn nhau trong yêu thương và phục vụ cộng đồng nơi họ sống và làm việc” (312). Cách tiếp cận này cũng đã được củng cố nhân dịp cử hành Năm Thánh dành cho lòng thương xót này. Dù luôn duy trì lời kêu gọi phải hoàn thiện và yêu cầu người ta đáp trả Thiên Chúa cách trọn vẹn hơn, “Giáo Hội vẫn phải đồng hành một cách đầy lưu tâm và chăm sóc với những người yếu đuối nhất trong số con cái mình, từng biểu lộ nhiều dấu hiệu cho thấy một lòng yêu thương đầy thương tích và rối rắm, bằng cách phục hồi nơi họ niềm hy vọng và tin tưởng, giống ngọn hải đăng ở bên cảng hay ngọn đuốc giữa đám đông nhằm soi sáng cho những ai lạc đường hay đang gặp giông bão” (313). Ta đừng quên rằng trách vụ của Giáo Hội thường giống như trách vụ của một bệnh viện dã chiến.

292. Là một phản ảnh của sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, hôn nhân Kitô Giáo được thể hiện đầy đủ trong sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà hiến thân cho nhau trong một lòng yêu thương tự do, trung thành và độc chiếm, những người thuộc về nhau cho tới chết và sẵn sàng truyền sinh, và được thánh hiến nhờ bí tích ban cho họ ơn thánh để trở nên một Giáo Hội tại gia và chất men gây sự sống mới cho xã hội. Một số hình thức kết hợp mâu thuẫn triệt để với lý tưởng này, trong khi nhiều hình thức khác thể hiện nó ít nhất từng phần và theo phương thức loại suy. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng Giáo Hội không coi thường các yếu tố xây dựng trong các hoàn cảnh chưa hoặc không còn tương hợp với giáo huấn về hôn nhân của mình nữa (314).

Tính tiệm tiến trong việc sẵn sàng phục vụ

293. Các Nghị Phụ cũng cân nhắc hoàn cảnh chuyên biệt của cuộc hôn nhân chỉ có tính dân sự hay cả việc chỉ sống chung với nhau, tuy có phân biệt thích đáng, bằng cách nhận định rằng “khi những cuộc kết hợp như thế đạt được một sự ổn định đặc thù, được luật pháp thừa nhận, có đặc điểm của một lòng âu yếm sâu đậm và có trách nhiệm đối với con cái, và chúng tỏ có khả năng vượt qua thử thách, thì chúng có thể tạo dịp cho việc sẵn sàng phục vụ với viễn ảnh sau cùng tiến tới việc cử hành hôn phối” (315). Đáng khác, một nguồn gây quan tâm là nhiều người trẻ ngày nay không tin tưởng hôn nhân và chỉ sống chung với nhau, hoãn cam kết hôn nhân vô hạn định, trong khi nhiều người khác phá bỏ cam kết đã đưa ra và lập tức sau đó bước vào một cam kết mới. “Là các chi thể của Giáo Hội, họ cũng cần được sẵn sàng về mục vụ, một sẵn sàng thương xót và đầy giúp đỡ” (316). Vì các mục tử của Giáo Hội không những có trách nhiệm phải cổ vũ hôn nhân Kitô Giáo mà còn phải “biện phân về mục vụ hoàn cảnh của rất nhiều người nay không còn sống thực tại này nữa. Bước vào cuộc đối thoại

mục vụ với những người này là điều cần thiết để phân biệt được các yếu tố nào trong đời họ có thể dẫn đến sự cởi mở lớn hơn đối với Tin Mừng hôn nhân trong tính viên mãn của nó” (317). Trong việc biện phân mục vụ này, ta cần phải “nhận diện các yếu tố nào có thể cản trở việc truyền giảng Tin Mừng và việc tăng trưởng nhân bản và tâm linh” (318).

294. “Chọn kết hôn dân sự hay, trong nhiều trường hợp, chỉ đơn giản sống chung với nhau, thường không được thúc đẩy bởi thiên kiến hay đề kháng chống việc kết hợp bí tích, nhưng bởi các hoàn cảnh văn hóa hoặc ngẫu nhiên” (319). Trong các trường hợp như thế, ta cũng nên tỏ lòng kính trọng đối với các dấu hiệu yêu thương phần nào phản ánh lòng yêu thương của chính Thiên Chúa (320). Ta biết rằng hiện đang có “sự gia tăng liên tục trong con số những người, sau khi sống với nhau trong một thời gian dài, đã yêu cầu được cử hành hôn phối trong Giáo Hội. Đơn giản chỉ sống chung với nhau thường là một quyết định dựa trên thái độ tổng quát muốn chống đối bất cứ điều gì có tính định chế và dứt khoát; nó cũng có thể được thực hiện trong khi chờ đợi có nhiều an toàn hơn trong đời sống (việc làm ổn định và thu nhập đều đặn). Ở một số quốc gia, các cuộc kết hợp *de facto* (trên thực tế), xảy ra rất nhiều, không hẳn vì bác bỏ các giá trị liên quan tới hôn nhân và gia đình, mà chủ yếu vì việc cử hành hôn nhân bị coi là quá tốn kém trong nhiều hoàn cảnh xã hội. Thành thử, cảnh nghèo về vật chất đã đẩy người ta vào các cuộc kết hợp *de facto*” (321). Bất cứ là vì điều gì, “mọi hoàn cảnh này đòi một đáp ứng xây dựng, tìm cách biến đổi chúng thành các cơ hội có thể dẫn tới thực tại hôn nhân và gia đình trọn vẹn phù hợp với Tin Mừng. Những cặp này cần được chào đón và hướng dẫn một cách kiên nhẫn và kín đáo” (322). Đó chính là cách Chúa Giêsu cư xử với người đàn bà Samaria (xem Ga 4:1-26): Người đề cập tới ước muốn được yêu thương đích thực của nàng, ngõ hầu giải thoát nàng khỏi đêm tối của đời nàng và đem nàng tới niềm vui trọn vẹn của Tin Mừng.

295. Theo các đường hướng trên, Thánh Gioan Phaolô II đã đề ra điều gọi là “luật tiệm tiến” vì biết rằng con người nhân bản “biết, yêu và thực hiện điều tốt về luân lý theo các giai đoạn tăng trưởng khác nhau” (323). Đây không phải là “tính tiệm tiến của lề luật” nhưng đúng hơn là tính tiệm tiến trong việc thi hành một cách khôn ngoan các hành vi tự do của những người chưa ở vị trí có thể hiểu, đánh giá hay thi hành trọn vẹn các đòi hỏi khách quan của lề luật. Vì lề luật tự nó là một ơn phúc của Thiên Chúa dùng để chỉ đường, một ơn ban cho mọi người không trừ ai; nó có thể được tuân giữ nhờ sự trợ giúp của ơn thánh, cho dù mỗi con người nhân bản “tiến bước từ từ với sự hội nhập tiệm tiến các ơn phúc Chúa ban cũng như các đòi hỏi của tình yêu dứt khoát và tuyệt đối của Thiên Chúa trong suốt cuộc sống bản thân và xã hội của họ” (324).

Biện phân các hoàn cảnh không hợp lệ (325)

296. Các Nghị Phụ đề cập tới nhiều hoàn cảnh yếu đuối hay bất toàn khác nhau. Ở đây, tôi muốn nhắc lại một điều mà tôi tìm cách minh xác với toàn thể Giáo Hội, kéo chúng ta theo đường lành: “có hai cách suy nghĩ đã diễn ra trong suốt lịch sử Giáo Hội: vứt bỏ và phục hồi. Từ thời Công Đồng Giêrusalem, đường lối của Giáo Hội vẫn luôn là đường lối của Chúa Giêsu, đó là con đường thương xót và phục hồi... Đường lối của Giáo Hội là không kết án ai

mãi mãi; nó là việc tuôn đổ dầu thơm thương xót của Thiên Chúa trên tất cả những ai kêu xin với một tâm hồn thành thực... Vì lòng bác ái chân thực luôn không cần công trạng, luôn vô điều kiện và nhưng không” (326). Thành thử, điều cần là phải “tránh các phán đoán không tính đến sự phức tạp của những hoàn cảnh khác nhau” và phải “nhất thiết lưu ý tới việc người ta chịu đau khổ ra sao vì hoàn cảnh của họ” (327).

297. Đây là vấn đề phải vươn tay ra với mọi người, phải giúp mỗi người tìm được cách riêng của họ để tham dự vào cộng đồng Giáo Hội và nhờ thế cảm thấy lòng thương xót “không cần công trạng, vô điều kiện và nhưng không” môn trón mình. Không ai có thể bị kết án mãi mãi vì điều này không phải là luận lý học của Tin Mừng! Ở đây, tôi không chỉ nói tới người ly dị và tái hôn, mà là mọi người, trong bất cứ hoàn cảnh nào họ rơi vào. Dĩ nhiên, nếu một ai đó phách lối coi một tội khách quan như thể là thành phần của lý tưởng Kitô Giáo, hay muốn áp đặt một điều gì đó khác hơn là điều được Giáo Hội dạy bảo, thì họ không hề có thể có tham vọng giảng dạy hay rao giảng cho người khác; đây là trường hợp nói đến một điều vốn tách biệt người ta khỏi cộng đồng (xem Mt 18:17). Người như thế cần lắng nghe lại sứ điệp của Tin Mừng và lời kêu gọi ăn năn của nó. Thế nhưng, ngay đối với họ, cũng vẫn có cách nào đó để tham dự vào đời sống cộng đồng, hoặc trong dịch vụ xã hội, các buổi tụ tập để cầu nguyện hay một cách khác do sáng kiến riêng của họ gợi ý, với sự biện phân của linh mục quản xứ. Còn về cách xử lý với các hoàn cảnh “không hợp lệ”, các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã đạt được sự thoả thuận tổng quát và được tôi ủng hộ như sau: “Khi xem xét cách tiếp cận mục vụ với những người đã ký kết cuộc hôn nhân dân sự, những người ly dị và tái hôn, hay chỉ sống chung với nhau, Giáo Hội có trách nhiệm phải giúp đỡ họ hiểu rõ khoa sư phạm của Thiên Chúa trong đời sống họ và đề nghị với họ sự giúp đỡ để họ đạt tới sự viên mãn của kế hoạch Thiên Chúa dành cho họ” (328), một điều luôn có thể có nhờ quyền lực của Chúa Thánh Thần.

298. Những người ly dị đã bước vào một kết hợp mới, chẳng hạn, có thể rơi vào nhiều hoàn cảnh khác nhau, mà ta không nên nhồi nhét vào những cách xếp loại quá cứng nhắc, không chừa chỗ nào cho việc biện phân thích đáng có tính bản thân và mục vụ. Một chuyện là cuộc kết hợp thứ hai được củng cố với thời gian, có những đứa con mới, được chứng thực là trung thành, hiến thân quảng đại, có cam kết Kitô Giáo, ý thức tính bất hợp lệ của nó và cả sự khó khăn lớn lao này là nếu trở lại chắc chắn lương tâm sẽ cảm thấy có lỗi. Giáo Hội nhìn nhận các hoàn cảnh “trong đó, vì các lý do nghiêm túc, như việc dưỡng dục con cái chẳng hạn, người đàn ông và người đàn bà không thể thỏa mãn nghĩa vụ phải ly thân” (329). Cũng có những trường hợp của nhiều người, tuy cố gắng hết sức để cứu vãn cuộc hôn nhân đầu của họ nhưng vẫn bị bỏ rơi một cách bất công, hay “những người đã bước vào cuộc kết hợp thứ hai vì lý do dưỡng dục con cái, và đôi khi chủ quan tin chắc trong lương tâm rằng cuộc hôn nhân đầu, đã bị tan vỡ không thể cứu chữa, chưa bao giờ thành sự cả” (330). Tất cả những hoàn cảnh này là một chuyện, chuyện khác là cuộc kết hợp mới, phát sinh từ cuộc ly dị mới đây, với tất cả mọi đau khổ và bối rối có thể gây ra cho con cái và mọi gia đình, hay trường hợp một người liên lý không chu toàn các nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Ta phải luôn hiểu rõ rằng đây không hề là lý tưởng được Tin Mừng đề xuất cho hôn nhân và gia đình. Các nghị phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng việc biện phân của các mục tử phải luôn diễn ra “bằng

một việc phân biệt thoả đáng” (331), với phương pháp thẩm định kỹ lưỡng về các hoàn cảnh” (332). Ta biết rằng không hề có “những công thức dễ dàng” (333).

299. Tôi nhất trí với nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng khi nhận định rằng “Những người đã rửa tội ly dị và tái hôn dân sự nên được hội nhập nhiều hơn vào các cộng đồng Kitô Giáo theo nhiều cách có thể, tránh mọi dịp gây gương xấu. Luận lý học của việc hội nhập này là chìa khóa cho việc đồng hành mục vụ với họ, không những để họ thấy họ vẫn thuộc về Nhiệm Thể Chúa Kitô là Giáo Hội, mà còn để họ có được một cảm nghiệm hân hoan và sinh hoa trái trong Nhiệm Thể ấy. Họ là người đã rửa tội, họ là anh chị em, Chúa Thánh Thần tuôn đổ các ơn phúc và đặc sủng vào trong họ để sinh ích cho mọi người. Sự tham dự của họ có thể được phát biểu trong nhiều việc phục vụ khác nhau trong Giáo Hội: nên Giáo Hội phải biện phân xem có thể hủy bỏ những hình thức nào trong số các hình thức loại trừ đang được áp dụng trong sinh hoạt phụng vụ, mục vụ, giáo dục và định chế. Không những họ không nên tự coi mình như bị tuyệt thông, mà họ còn cần được sống và lớn mạnh như các chi thể sống động của Giáo Hội, cảm nghiệm Giáo Hội như mẹ hiền vẫn đang đồng hành với họ, săn sóc họ một cách âu yếm, và khích lệ họ trên đường đời và đường Tin Mừng. Việc hội nhập này cũng cần thiết đối với việc săn sóc và giáo dục con cái họ, vốn phải được coi là quan trọng nhất” (334).

300. Nếu ta xét tới tính đa dạng vĩ đại trong các hoàn cảnh cụ thể như các trường hợp tôi vừa kể, thì dễ hiểu được việc: cả Thượng Hội Đồng lẫn Tông Huấn này đều không có hy vọng cung cấp được một loạt các qui định tổng quát mới, có bản chất giáo luật và có thể áp dụng cho mọi trường hợp. Điều có thể làm được đơn giản chỉ là một khuyến khích đối mới đối với việc phải đảm nhiệm việc biện phân các trường hợp đặc thù một cách có trách nhiệm, cả bản thân lẫn mục vụ, một việc biện phân biết thừa nhận điều này: vì “mức độ trách nhiệm không như nhau trong mọi trường hợp” (335), nên các hậu quả hay hiệu quả của một qui luật không luôn nhất thiết phải như nhau (336). Các linh mục có bổn phận phải “đồng hành [với người ly dị và tái hôn] trong việc giúp đỡ họ hiểu rõ hoàn cảnh của họ theo giáo huấn của Giáo Hội và các hướng dẫn của giám mục. Trong diễn trình này, điều hữu ích là việc xét lương tâm trong những giờ phút suy niệm và thống hối. Người ly dị và tái hôn nên tự vấn: mình đã hành xử ra sao với con cái khi kết hợp vợ chồng lâm khủng hoảng; mình có cố gắng hay không để hòa giải; điều gì đã xảy ra cho bên bị bỏ rơi; mối liên hệ mới gây ra những hậu quả nào cho những người khác trong gia đình và cho cộng đồng tín hữu; và mình đã làm gương ra sao đối với những người trẻ đang chuẩn bị hôn nhân. Một suy niệm nghiêm túc có thể sẽ tăng cường niềm tín thác vào lòng thương xót của Thiên Chúa, một lòng thương xót không bị từ chối cho bất cứ ai” (337). Điều ta đang nói đây là một diễn trình đồng hành và biện phân sẽ “hướng dẫn tín hữu ý thức được hoàn cảnh của họ trước mặt Thiên Chúa. Đàm đạo với vị linh mục, ở tòa trong, sẽ góp phần vào việc đào tạo phán đoán đúng về những gì đang gây trở ngại cho khả thể tham dự trọn vẹn hơn vào đời sống Giáo Hội và về các biện pháp có thể cổ vũ sự tham dự này và làm nó lớn mạnh. Xét vì tính tiệm tiến không có trong chính lề luật (*Familiaris Consortio*, 34), nên việc biện phân này phải luôn lưu ý tới các đòi hỏi chân lý và bác ái của Tin Mừng, như đã được Giáo Hội đề xuất. Để việc biện phân này diễn ra, các điều kiện sau đây nhất thiết phải hiện diện: khiêm nhường, theo ý muốn và yêu thương Giáo Hội cũng như giáo huấn của Giáo Hội, thành thực tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa và ước muốn đáp

ứng thánh ý Người cách trọn hảo hơn” (338). Các thái độ này là điều chủ yếu để tránh các nguy cơ hiểu lầm trầm trọng, như quan niệm cho rằng bất cứ linh mục nào cũng có thể nhanh chóng ban cấp “các luật trừ”, hoặc, một số người nào đó có thể nhận được các đặc ân bí tích nhờ việc đổi chác ân huệ. Khi một người có tinh thần trách nhiệm và khéo xử, vốn không có tham vọng đặt ước muốn của mình lên trên ích chung của Giáo Hội, gặp được một mục tử biết nhìn nhận tính nghiêm túc của vấn đề gặp phải, thì không thể có nguy cơ việc biện phân chuyên biệt này sẽ dẫn người ta tới chỗ nghĩ rằng Giáo Hội duy trì một tiêu chuẩn hai mặt.

Các yếu tố giảm khinh trong việc biện phân mục vụ

301. Để hiểu một cách thỏa đáng khả thể và nhu cầu biện phân đặc biệt trong một số hoàn cảnh “bất hợp lệ”, một điều luôn cần phải lưu ý, kéo có người nghĩ rằng các đòi hỏi của Tin Mừng đã bị thỏa hiệp cách nào đó chẳng. Giáo Hội sở đắc cả một tổng hợp suy tư chắc chắn liên quan tới các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh. Do đó, không thể đơn giản nói rằng tất cả những người trong bất cứ hoàn cảnh “bất hợp lệ” nào đều đang sống trong tình trạng tội trọng hay không có ơn thánh hóa. Ở đây, nhiều điều có liên quan chứ không phải chỉ là việc không biết qui luật. Một chủ thể rất có thể biết đầy đủ về qui luật, thế nhưng lại gặp khó khăn lớn trong việc hiểu rõ “các giá trị cố hữu của nó” (339) hay rơi vào một hoàn cảnh cụ thể không giúp họ hành động khác đi và quyết định cách khác mà không phạm tội thêm. Như các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã nói “Có thể có các nhân tố khiến khả năng đưa ra quyết định trở thành hạn chế” (340). Chính Thánh Tôma Aquinô cũng nhìn nhận rằng một người nào đó có thể có ơn thánh và đức ái, nhưng lại không có khả năng thi hành bất cứ nhân đức nào một cách tốt đẹp (341); nói cách khác, dù một ai đó có thể có mọi nhân đức luân lý thiên phú, họ vẫn không biểu lộ được một cách rõ ràng sự hiện hữu của một trong các nhân đức này, vì việc thực hành nhân đức này ra bên ngoài đã bị làm cho khó khăn: “Người ta nói rằng một số vị thánh không có một số nhân đức nào đó, theo nghĩa các ngài cảm thấy khó khăn trong việc thực hiện chúng, cho dù các ngài có thói quen đối với mọi nhân đức” (342).

302. Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nhắc đến các nhân tố này một cách rõ ràng: “việc quy tội và việc chịu trách nhiệm đối với một hành động có thể được giảm thiểu hay thậm chí triệt tiêu vì do không biết, vô ý, bị cưỡng ép, sợ hãi, thói quen, quyền luyến vô trật tự và các nhân tố tâm lý hay xã hội khác” (343). Trong một đoạn khác, Sách Giáo Lý một lần nữa nhắc đến “sự thiếu chín chắn về cảm giới, sức mạnh của thói quen đã mắc phải, các tình trạng lo âu xao xuyến hay các nhân tố tâm lý hay xã hội khác làm giảm khinh hay thậm chí xóa hẳn tính quy trách luân lý” (344). Vì lý do này, một phán đoán tiêu cực về một hoàn cảnh khách quan không hàm nghĩa một phán đoán về việc quy trách hay qui tội người liên hệ (345). Dựa trên các xác tín này, tôi coi là thích đáng điều được nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng quả quyết: “Trong một số hoàn cảnh, người ta rất khó có thể hành động khác đi. Cho nên, dù vẫn duy trì qui luật tổng quát, nhưng cần phải thừa nhận rằng trách nhiệm đối với một hành động hay một quyết định nào đó không như nhau trong mọi trường hợp. Dù vẫn phải lưu ý tới việc đào tạo lương tâm thích đáng nơi người ta, nhưng việc biện phân mục vụ phải dự liệu các hoàn cảnh này. Ngay các hậu quả của các hành vi cũng không nhất thiết phải như nhau trong mọi trường hợp” (346).

303. Khi nhìn nhận ảnh hưởng của các nhân tố cụ thể như trên, ta có thể nói thêm rằng lương tâm cá nhân cần được xem xét tốt hơn bởi đường lối thực hành của Giáo Hội trong một số hoàn cảnh không hiện thân được một cách khách quan cái hiểu của ta về hôn nhân. Dĩ nhiên, phải cố gắng hết sức trong việc khuyến khích sự chín chắn của một lương tâm được soi sáng, được đào luyện và đồng hành nhờ sự biện phân có trách nhiệm và nghiêm túc của mục tử, và việc tín thác nhiều hơn vào ơn thánh Thiên Chúa. Thế nhưng, lương tâm không những có thể thừa nhận rằng một hoàn cảnh nhất định nào đó không tương ứng một cách khách quan với các đòi hỏi tổng quát của Tin Mừng. Nó còn có thể thành thực và trung thực nhìn nhận rằng đối với hiện nay, đây là đáp ứng quảng đại nhất có thể có đối với Thiên Chúa, và tiến tới chỗ nhìn thấy một cách khá chắc chắn rằng về phương diện luân lý thì đây là điều chính Thiên Chúa đòi hỏi giữa tính phức tạp cụ thể trong các giới hạn của họ, dù nó chưa trọn vẹn là lý tưởng khách quan. Dù sao, ta hãy nhớ rằng việc biện phân này có tính năng động; nó phải mãi mãi cởi mở đối với các giai đoạn tăng trưởng mới và các quyết định mới có khả năng giúp cho lý tưởng này được thể hiện cách trọn vẹn hơn.

Các qui luật và sự biện phân

304. Quả là hạn hẹp, khi chỉ xét xem liệu các hành động của cá nhân có tương hợp với một lệ luật hay một qui luật tổng quát hay không, vì điều này không đủ để biện phân và bảo đảm việc trung thành trọn vẹn với Thiên Chúa trong cuộc sống cụ thể của con người nhân bản. Tôi khấn khoản yêu cầu điều này: ta nên luôn nhớ giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô và học cách biết lồng nó vào việc biện phân mục vụ của ta: “Dù có sự nhất thiết trong các nguyên tắc tổng quát, càng đề cập tới những điều đặc thù, ta càng gặp nhiều thiếu sót... Trái lại, trong phạm vi hành động, chân lý hay sự đúng đắn thực tế không như nhau trong mọi áp dụng đặc thù, mà chỉ trong các nguyên tắc tổng quát mà thôi; và nơi những người mà sự đúng đắn này hệt như nhau trong các hành động riêng của họ, nó cũng không được mọi người biết đến như nhau... Càng đi vào chi tiết, càng gặp nhiều ngoại lệ” (347). Đúng là các qui luật tổng quát ấn định một điều tốt mà không bao giờ người ta được coi thường hay làm ngơ, nhưng trong công thức phát biểu của chúng, chúng không thể tuyệt đối dự liệu được mọi hoàn cảnh đặc thù. Đồng thời, cũng cần phải nói rằng: chính vì lý do này, ta không thể nâng điều vốn chỉ là một phần của việc biện phân thực tế trong các hoàn cảnh đặc thù lên hàng một qui luật. Điều này không những sẽ dẫn đến một thứ giải nghi học (casuistry) không thể dung thứ được, mà còn gây nguy cơ cho chính các giá trị mà ta cần phải đặc biệt thận trọng duy trì (348).

305. Chính vì vậy, mục tử không được cảm nhận điều này: chỉ cần áp dụng các lệ luật luân lý vào những người đang sống trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ” là đã đủ, như thể các lệ luật này là những viên đá dùng để ném vào cuộc sống người ta. Đó là trường hợp khép kín cõi lòng của những người quen nấp đằng sau các giáo huấn của Giáo Hội, “ngồi trên tòa Môsê và phán xét các vụ án khó khăn và các gia đình bị thương tích, đôi lúc một cách tự tôn và hời hợt” (349). Cũng trong đường hướng này, Ủy Ban Thần Học Quốc Tế đã nhận định rằng “không thể trình bày luật tự nhiên như một bộ các qui luật dứt khoát tự áp đặt một cách tiên thiên lên chủ thể luân lý; đúng hơn, nó là một nguồn gợi hứng khách quan cho diễn trình

quyết định có tính bản vị sâu xa” (350). Vì các hình thức của điều kiện hóa và các nhân tố giảm khinh, rất có thể, dù ở trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan, một hoàn cảnh có thể không bị qui tội về phương diện chủ quan, một ai đó vẫn có thể sống trong ơn thánh Chúa, vẫn có thể yêu thương và lớn lên trong đời sống ơn thánh và đức ái, trong khi lãnh nhận sự giúp đỡ của Giáo Hội để tiến tới mục tiêu này (351). Việc biện phân phải giúp tìm ra các cách thể khả hữu để đáp trả Thiên Chúa và lớn lên giữa các giới hạn của người ta. Vì suy nghĩ mọi sự đều đen và trắng, nên đôi khi ta đóng kín đường ơn thánh và đường tăng trưởng, không khuyến khích các nẻo đường nên thánh nhằm đem vinh quang lại cho Thiên Chúa. Ta hãy nhớ điều này “giữa các giới hạn lớn lao của con người, một bước nhỏ cũng có thể làm vui lòng Thiên Chúa hơn cả một đời bề ngoài có vẻ đang hoàng, nhưng không ngày nào phải đối đầu với khó khăn lớn lao” (352). Việc chăm sóc mục vụ thực tiễn của các mục tử và cộng đồng không thể không lưu ý tới thực tại này.

306. Trong mọi hoàn cảnh, khi xử lý với những người không gặp khó khăn trong việc sống luật Chúa cách trọn vẹn, lời mời gọi theo *via caritatis* (con đường đức ái) phải được nghe thật rõ ràng. Đức ái huynh đệ là luật đầu tiên của các Kitô hữu (xem Ga 15:12; Gl 5:14). Ta đừng quên những lời hứa hẹn của Sách Thánh: “hãy duy trì lòng yêu thương nhau liên li, vì lòng yêu thương che phủ rất nhiều tội lỗi” (1Pr 4:8); “hãy đoái tội lập công, bằng cách làm việc nghĩa, là tỏ lòng từ bi đối với người nghèo, may ra thời thịnh vượng của ngài sẽ được kéo dài” (Đn 4:24); “Nước dập tắt lửa hồng, bỏ thí đền bù tội lỗi” (Hc 3:30). Đây cũng là điều Thánh Augustinô truyền dạy: “cũng như lúc bị lửa đe dọa, ta chạy đi tìm nước để dập tắt nó... lúc ngọn lửa tội lỗi bùng lên từ đồng trấu lòng ta và ta bối rối, (và nếu) lúc đó có cơ hội thực hiện một việc thương xót, ta hãy hân hoan trong đó, như thể tìm được vôi nước để dập tắt ngọn lửa bùng” (353).

Luận lý của lòng thương xót mục vụ

307. Để tránh mọi hiểu lầm, tôi xin nhấn mạnh rằng Giáo Hội không hề chống lại việc đề xuất lý tưởng hôn nhân trọn vẹn, vốn là kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó: “Các người trẻ đã chịu phép rửa nên được khuyến khích để hiểu rằng bí tích hôn phối có thể phong phú hóa các triển vọng yêu thương của họ và họ có thể được nâng đỡ bởi ơn thánh của Chúa Kitô trong bí tích này và bởi khả năng tham dự trọn vẹn vào đời sống Giáo Hội” (354). Thái độ nửa nóng nửa lạnh, bất cứ loại duy tương đối nào, hay sự dè dặt không thích đáng nào trong việc đề xuất lý tưởng này, đều không trung thành với Tin Mừng cũng như thiếu lòng yêu thương của Giáo Hội dành cho giới trẻ. Tò sự hiểu biết đối với các hoàn cảnh ngoại lệ không bao giờ hàm nghĩa muốn làm lu mờ ánh sáng của lý tưởng trọn vẹn hơn này, hay đề xuất kém hơn điều Chúa Giêsu đã đề xuất cho con người nhân bản. Ngày nay, quan trọng hơn việc chăm sóc mục vụ đối với các trường hợp thất bại là cố gắng mục vụ phải làm sao củng cố các cuộc hôn nhân và do đó, ngăn cản chúng khỏi tan vỡ.

308. Đồng thời, từ việc ý thức được tầm quan trọng của các hoàn cảnh giảm khinh, cả tâm lý, lịch sử lẫn sinh học, mà ta có nhận định này “dù không sao lãng lý tưởng Tin Mừng, ta vẫn cần phải đồng hành một cách đầy thương xót và nhẫn nại với các giai đoạn có thể có trong

việc tăng trưởng bản thân khi chúng xuất hiện từ từ”, chừa chỗ cho “lòng thương xót của Chúa, một lòng thương xót thúc đẩy ta cố gắng hết sức” (355). Tôi hiểu những ai vẫn thích lối chăm sóc mục vụ khắt khe hơn, vốn không có chỗ cho mơ hồ. Nhưng tôi thành thực tin rằng Chúa Giêsu muốn có một Giáo Hội biết lưu ý tới điều tốt mà Chúa Thánh Thần vốn gieo vào giữa sự yếu đuối của con người, là một Bà Mẹ, dù lớn tiếng nói rõ giáo huấn khách quan của mình, “vẫn luôn làm bất cứ điều tốt nào có thể làm, cho dù trong khi làm thế, giày dép của mình bị vấy bẩn bởi đất bùn hè phố” (356). Khi đề xuất với tín hữu lý tưởng trọn vẹn của Tin Mừng và giáo huấn của Giáo Hội, các mục tử của Giáo Hội cũng phải giúp họ cư xử với những người yếu đuối một cách cảm thương, tránh làm bức mình hay phán đoán khắc nghiệt hoặc hấp tấp thái quá. Chính Tin Mừng cũng bảo ta đừng phán đoán hay kết án (xem Mt 7:1; Lc 6:37). Chúa Giêsu “mong ta ngưng việc tìm kiếm những hốc tường bản thân và cộng đoàn để tránh mọi rối loạn bất hạnh của con người, và thay vào đó, hãy bước vào thực tại đời sống người khác và biết được sức mạnh của lòng âu yếm. Bất cứ khi nào ta làm được như thế, đời ta đều trở nên phức tạp một cách kỳ diệu” (357).

309. Quả là ơn quan phòng khi các suy tư trên diễn ra trong Năm Thánh dành cho lòng thương xót, cũng vì khi đối đầu với nhiều hoàn cảnh khác nhau ảnh hưởng tới gia đình, “Giáo Hội được ủy nhiệm việc loan báo lòng thương xót của Thiên Chúa, trái tim sống động của Tin Mừng, một loan báo, theo cách riêng, phải đi thẳng vào tâm trí mỗi con người. Cô Dâu của Chúa Kitô phải rập khuôn tác phong của mình theo Con Thiên Chúa, Đấng đi tới mọi người, không trừ ai” (358). Giáo Hội biết rằng Chúa Giêsu là người chăn một trăm con chiên, chứ không phải chỉ có chín mươi chín con. Người yêu thương mọi con. Hiểu được như thế, “dầu thơm thương xót có thể sẽ lan tỏa tới mọi người, bất luận là tín hữu hay người xa lạ, như dấu hiệu cho thấy nước Thiên Chúa đã hiện diện giữa chúng ta rồi” (359).

310. Ta không thể quên rằng “lòng thương xót không những là hành động của Chúa Cha; nó đã trở thành một tiêu chuẩn để biết ai mới là con cái thực sự của Người. Nói tóm lại, ta được kêu gọi biểu lộ lòng thương xót vì lòng thương xót đã được biểu lộ với ta trước tiên” (360). Đây không phải là một sự lãng mạn nguyên tuyền hay một đáp trả nửa ấm nửa lạnh đối với tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu luôn tìm kiếm điều tốt nhất cho ta, vì “lòng thương xót chính là nền tảng đời sống của Giáo Hội. Mọi sinh hoạt mục vụ của Giáo Hội phải được bảo bọc trong một tình âu yếm mà Giáo Hội vốn biểu lộ với các tín hữu; không điều gì trong việc rao giảng và làm chứng của Giáo Hội cho thể giới lại có thể thiếu lòng thương xót được” (361). Đúng là có lúc “ta hành động như những người nắm toàn quyền ơn thánh hơn là các điều giải viên của nó. Nhưng Giáo Hội không phải là phòng thuốc; nó là nhà của Chúa Cha, nơi có chỗ dành cho mọi người, với đủ mọi vấn đề của họ” (362).

311. Việc giảng dạy thần học luân lý nên kết hợp các xem xét trên, vì dù đúng là phải tỏ ra quan tâm đối với tính toàn vẹn trong giáo huấn luân lý của Giáo Hội, nhưng luôn phải tỏ ra quan tâm đặc biệt đối với việc nhấn mạnh và khuyến khích các giá trị cao cả nhất và có tính trung tâm nhất của Tin Mừng (363), nhất là tính ưu vị của đức ái như là một đáp trả đối với ơn phúc yêu thương hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa. Đôi lúc, ta thấy khó có thể dành chỗ cho lòng yêu thương vô điều kiện của Thiên Chúa trong sinh hoạt mục vụ của ta (364).

Ta đặt quá nhiều điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi ta làm rỗng hết ý nghĩa cụ thể và tầm quan trọng thực sự của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng. Chẳng hạn, đúng là lòng thương xót không loại trừ công lý và chân lý, nhưng trước hết và trên hết, ta phải nói rằng lòng thương xót chính là sự viên mãn của công lý và là biểu hiện ngời sáng nhất của chân lý Thiên Chúa. Vì lý do này, ta nên luôn coi là “thiếu thỏa đáng bất cứ quan niệm thần học nào, cuối cùng, nghi vấn cả sự toàn năng của Thiên Chúa và, nhất là, lòng thương xót của Người” (365).

312. Điều trên đem lại cho chúng ta một khuôn khổ và một khung cảnh giúp ta tránh thứ luân lý có tính bàn giấy lạnh lùng trong việc xử lý các vấn đề nhạy cảm hơn. Thay vào đó, nó đặt ta vào bối cảnh biện phân mục vụ đầy tình yêu thương xót, luôn sẵn sàng hiểu biết, tha thứ, đồng hành, hy vọng và, trên hết, hội nhập. Đây là tư duy cần trỗi vượt trong Giáo Hội và dẫn ta tới chỗ “mở rộng lòng ta cho những người hiện đang sống tại những ngoại biên xa xôi nhất của xã hội” (366). Tôi khuyến khích các tín hữu đang rơi vào các hoàn cảnh phức tạp hãy tin tưởng nói chuyện với các mục tử của mình hay với các tín hữu giáo có đời sống dẫn thân cho Chúa. Có thể không phải lúc nào họ cũng tìm được nơi các tín hữu này sự xác nhận đối với các ý nghĩ hay ước vọng của họ, nhưng chắc chắn họ sẽ nhận được một chút ánh sáng nào đó giúp họ hiểu rõ hơn hoàn cảnh của họ và tìm ra nẻo đường tăng trưởng bản thân. Tôi cũng khuyến khích các mục tử của Giáo Hội lắng nghe họ một cách nhạy cảm và thanh thản, với ước nguyện thành thực có thể hiểu được cảnh ngộ và quan điểm của họ, ngõ hầu giúp họ sống đời họ tốt hơn và thừa nhận chỗ đứng riêng của họ trong Giáo Hội.

(311) *Relatio Synodi* 2014, 24.

(312) *Ibid.* 25.

(313) *Ibid.*, 28.

(314) Cf. *ibid.*, 41, 43; *Relatio Finalis* 2015, 70.

(315) *Ibid.*, 27.

(316) *Ibid.*, 26.

(317) *Ibid.*, 41.

(318) *Ibid.*

(319) *Relatio Finalis* 2015, 71.

(320) Cf. *ibid.*

(321) *Relatio Synodi* 2014, 42.

(322) *Ibid.*, 43.

(323) Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 34: AAS 74 (1982), 123.

(324) *Ibid.*, 9: AAS 74 (1982), 90.

(325) Cf. Bài Giáo Lý (24 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 25 tháng 6, 2015, p. 8.

(326) Bài Giảng trong Thánh Lễ Cử Hành Với Các Tân Hồng Y (15 tháng 2, 2015): AAS 107 (2015), 257.

(327) *Relatio Finalis* 2015, 51.

(328) *Relatio Synodi* 2014, 25.

(329) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 84: AAS

74 (1982), 186. Trong những hoàn cảnh như thế, nhiều người, tuy biết và chấp nhận khả thể sống “như anh trai em gái” mà Giáo Hội đề xuất với họ, nhưng đã nhấn mạnh rằng nếu một số cách phát biểu sự thân mật không có, “thì lòng chung thủy thường gặp nguy cơ và gây thiệt hại tới lợi ích con cái” (*Gaudium et Spes*, 51).

(330) *Ibid.*

(331) *Relatio Synodi* 2014, 26.

(332) *Ibid.*, 45.

(333) Đức Bênêđictô XVI, *Diễn Văn với Cuộc Gặp Mặt Các Gia Đình Thế Giới ở Milan* (2 tháng 6, 2012), Câu trả lời số 5: *Insegnamenti VIII/1* (2012), 691.

(334) *Relatio Finalis* 2015, 84.

(335) *Ibid.*, 51

(336) Đây cũng là trường hợp liên quan tới kỷ luật bí tích, vì việc biện phân có thể nhận ra có những hoàn cảnh đặc thù trong đó không có lỗi nghiêm trọng. Trong những trường hợp như thế, có thể áp dụng điều tìm thấy trong các văn kiện khác: xem *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 44 và 47: *AAS* 105 (2013), 1038-1040.

(337) *Relatio Finalis* 2015, 85.

(338) *Ibid.*, 86

(339) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 33: *AAS* 74 (1982), 121.

(340) *Relatio Finalis* 2015, 51.

(341) Cf. *Summa Theologiae* I-II, q. 65, art. 3 ad 2; De Malo, 2, art. 2.

(342) *Ibid.*, ad 3.

(343) No. 1735.

(344) *Ibid.*, 2352; Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Bố về An Tử Iura et Bona* (5 tháng 5, 1980), II: *AAS* 72 (1980), 546; Đức Gioan Phaolô II, trong lời phê phán phạm trù “chọn lựa căn bản”, đã thừa nhận rằng “chắc chắn có những hoàn cảnh rất phức tạp và không rõ ràng theo quan điểm tâm lý học, và ảnh hưởng tới việc có thể qui tội một cách chủ quan cho người có tội” (Tông Huấn *Reconciliatio et Paenitentia* [2 tháng 12, 1984], 17: *AAS* 77 [1985], 223).

(345) Cf. Hội Đồng Giáo Hoàng lo Các Bản Văn Luật Pháp, *Tuyên Bố Liên Quan Tới Việc Cho Phép Các Tín Hữu Ly Dị và Tái Hôn Rước Lễ* (24 tháng 6, 2000), 2.

(346) *Relatio Finalis* 2015, 85.

(347) *Summa Theologiae*, I-II, q. 94, art. 4.

(348) Trong một bản văn khác, khi nhắc đến việc nhận thức qui luật cách tổng quát và việc nhận thức đặc thù do biện phân thực tế, Thánh Tôma Aquinô quả quyết rằng “Nếu chỉ một trong hai hiện diện, thì điều đáng ước ao hơn chính là việc nhận thức thực tại đặc thù, vì nó gần gũi hơn với hành động”: *Sententia libri Ethicorum*, VI, 6 (ed. Leonina, t. XLVII, 354.)

(349) Diễn Văn Bé Mạc Phiên Họp Toàn Thể Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục (24 tháng 10, 2015): *L'Osservatore Romano*, 26-27 tháng 10, 2015, p. 13.

(350) Ủy Ban Thần Học Quốc, *In Search of a Universal Ethic: A New Look at Natural Law* (2009), 59.

(351) Trong một số trường hợp, điều này có thể bao gồm sự trợ giúp của các bí tích. Do đó, “tôi muốn nhắc nhở các linh mục điều này: không được coi tòa giải tội như phòng tra tấn, mà

đúng hơn là nơi gặp gỡ với lòng thương xót của Chúa” (Tông Huấn *Evangelii Gaudium* [24 tháng 11, 2013], 44: AAS 105 [2013], 1038). Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng Phép Thánh Thể “không phải là một phần thưởng cho người hoàn hảo, nhưng là một món thuốc và món ăn mạnh mẽ cho người yếu đuối” (*ibid.*, 47: 1039).

(352) Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 44: AAS 105 (2013), 1038-1039.

(353) *De Catechizandis Rudibus*, I, 14, 22: PL 40, 327; cf. Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 194: AAS 105 (2013), 1101.

(354) *Relatio Synodi* 2014, 26.

(355) Tông Huấn *Evangelii gaudium* (24 tháng 11 2013), n. 44: AAS 105

(356) *Ibid.*, 45.

(357) *Ibid.*, 270.

(358) Sắc Chỉ *Misericordiae Vultus* (11 tháng 4, 2015), 12: AAS 107 (2015): 407.

(359) *Ibid.*, 5: 402.

(360) *Ibid.*, 9: 405.

(361) *Ibid.*, 10: 406.

(362) Tông Huấn *Evangelii gaudium* (24 tháng 11, 2013), n. 47: AAS 105

(363) Cf. *ibid.*, 36-37: AAS 105 (2013), 1035.

(364) Có lẽ vì một tính bối rối nào đó, được che dấu dưới lòng nhiệt thành muốn trung thành với sự thật, một số linh mục yêu cầu nơi các hội nhân một mục đích cải sửa quá thiếu sắc thái đến nỗi khiến lòng thương xót bị che mờ bởi việc mưu cầu điều được coi là công lý tình tuyền. Vì lý do này, sẽ là điều hữu ích nếu nhớ tới giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô II, vị đã quả quyết rằng khả thể sa ngã trở lại “không nên gây hại tới tính chân chính của giải pháp” (*Thư gửi Đức Hồng Y William W. Baum nhân dịp Khóa Học về Tòa Trọng do Tổng Tòa Xá Giải tổ chức* [22 tháng 3, 1996], 5: Insegnamenti XIX/1 [1996], 589).

(365) Ủy Ban Thần Học Quốc Tế, *The Hope of Salvation for Infants Who Die Without Being Baptized* (19 tháng 4, 2007), 2.

(366) Sắc Chỉ *Misericordiae Vultus* (11 tháng 4, 2015), 15: AAS 107 (2015), 409.

Chương Chín: Linh Đạo Hôn Nhân và Gia Đình

313. Bác ái mang nhiều sắc độ khác nhau, tùy ở bậc sống ta được mời gọi bước vào. Mấy thập niên trước đây, khi nói tới việc tông đồ giáo dân, Công Đồng Vatican II nhấn mạnh đến linh đạo phát sinh từ cuộc sống gia đình. Công Đồng quả quyết rằng linh đạo giáo dân “sẽ tiếp nhận đặc tính đặc thù của nó từ các hoàn cảnh... của cuộc sống hôn nhân và gia đình” (367), và “việc chăm sóc gia đình không nên xa lạ” đối với linh đạo này (368). Chúng ta nên dừng lại ở đây để mô tả một số đặc điểm căn bản của nền linh đạo chuyên biệt đang diễn ra trong đời sống gia đình và các mối liên hệ của nó.

Một nền linh đạo hiệp thông siêu nhiên

314. Ta đã luôn nói tới việc Thiên Chúa cư ngụ ra sao trong tâm hồn những người sống trong ơn thánh của Người. Hôm nay, ta có thể nói thêm rằng Chúa Ba Ngôi hiện diện trong đền thờ hiệp thông vợ chồng. Thiên Chúa cư ngụ trong các ca ngợi của dân Người thế nào (xem Tv 22:3), thì Người cũng cư ngụ sâu trong lòng yêu thương vợ chồng đang làm cho Người vinh quang như thế.

315. Nhan Thiên Chúa cư ngụ trong các gia đình cụ thể, có thực chất, với mọi rắc rối và đấu tranh, mọi vui tươi và hy vọng hàng ngày của họ. Sống trong một gia đình khiến chúng ta khó mà giả vờ hay gian dối được; ta không thể ẩn phía sau một mặt nạ. Nếu tính chân thực này được lòng yêu thương gọi hứng, thì Chúa ngự trị ở đó, cùng với niềm vui và sự bình an của Người. Linh đạo yêu thương gia đình được làm thành bởi hàng ngàn những cử chỉ nhỏ mọn nhưng có thực chất. Trong tính đa dạng của rất nhiều ơn phúc và gặp gỡ vốn phong phú hóa sự hiệp thông sâu sắc này, Thiên Chúa có nơi cư trú của Người. Sự tương quan hỗ tương này “đem thể nhân bản và thể thần linh lại với nhau” (369), vì nó được đổ đầy lòng yêu thương của Thiên Chúa. Xét cho cùng, linh đạo hôn nhân là linh đạo của dây ràng buộc trong đó có lòng yêu thương thần linh cư ngụ.

316. Trải nghiệm hiệp thông gia đình tích cực chính là nẻo đường nên thánh và tăng trưởng huyền nhiệm đích thực, một phương thế để kết hợp sâu xa hơn với Thiên Chúa. Các đòi hỏi có tính huynh đệ và cộng đoàn của đời sống gia đình là một thúc đẩy để tăng trưởng tính cởi mở của tâm hồn và do đó, gặp gỡ Chúa một cách trọn vẹn hơn. Lời Thiên Chúa nói với ta rằng “ai ghét anh em mình là ở trong bóng tối, và bước đi trong bóng tối” (1Ga 2:11); một người như thế “cư ngụ trong sự chết” (1Ga 3:14) và “không biết Thiên Chúa” (1Ga 4:8). Vị tiền nhiệm Bênêdictô XVI của tôi vốn nhấn mạnh rằng “khép mắt đối với người hàng xóm của ta cũng làm ta mù lòa đối với Thiên Chúa” (370) và, cuối cùng, lòng yêu thương chỉ còn là thứ ánh sáng “liên li chiếu sáng một thế giới đã trở nên tối tăm” (371). Nếu ta “yêu thương nhau, Thiên Chúa sẽ cư ngụ trong ta, và lòng yêu thương của Người sẽ được hoàn hảo trong ta” (1Ga 4:12). Vì “con người nhân bản có một chiều kích xã hội cố hữu” (372) và “biểu thức đầu tiên và nền tảng của chiều kích xã hội này chính là cặp vợ chồng và gia đình” (373), nên linh đạo trở thành nhập thể nơi sự hiệp thông của gia đình. Do đó, những người có hoài mong

linh đạo sâu sắc không nên có cảm thức cho rằng gia đình làm họ sao lãng việc tăng trưởng trong sự sống Thần Khí, mà đúng hơn coi nó như nẻo đường Chúa dùng để dẫn họ tới đỉnh cao của việc kết hợp huyền nhiệm.

Tụ tập nhau để cầu nguyện dưới ánh sáng Phục Sinh

317. Nếu gia đình đặt tâm điểm nơi Chúa Kitô, Người sẽ thống nhất và soi dẫn toàn bộ cuộc sống của nó. Những lúc đau buồn và khó khăn sẽ được trải nghiệm trong sự kết hợp với thập giá của Chúa, và sự gần gũi của Người sẽ giúp họ vượt qua được các khoảnh khắc đó. Trong những giờ phút đen tối nhất của đời sống gia đình, kết hợp với Chúa Giêsu trong cảnh bị bỏ rơi của Người sẽ giúp ngăn ngừa được cuộc tan vỡ. Dần dần, “với ơn thánh của Chúa Thánh Thần, [các người phối ngẫu] sẽ lớn lên trong sự thánh thiện xuyên suốt đời sống vợ chồng, cũng nhờ cả việc tham dự vào mầu nhiệm thập giá Chúa Kitô nữa, một mầu nhiệm sẽ biến đổi các khó khăn và đau buồn thành của lễ yêu thương” (374). Hơn nữa, các giây phút hân hoan, thư giãn, cử hành, và cả làm tình nữa cũng được cảm nghiệm như một tham dự vào sự sống phục sinh một cách trọn vẹn. Các cặp vợ chồng, bằng những cử chỉ hàng ngày khác nhau sẽ khuôn định một “không gian được Thiên Chúa soi sáng trong đó họ cảm nghiệm được sự hiện diện của Chúa phục sinh” (375).

318. Gia đình cầu nguyện là cách đặc biệt để phát biểu và củng cố đức tin phục sinh (376). Nên dành ít phút mỗi ngày đến với nhau trước nhan Thiên Chúa để thổ lộ với Người các âu lo của ta, để cầu xin cho các nhu cầu của gia đình ta, để cầu nguyện cho một ai đó đang gặp khó khăn, để xin giúp biết cách biểu lộ yêu thương, để cảm tạ Người đã ban sự sống và các ơn phúc của nó, để xin Đức Mẹ che chở ta dưới tà áo hiên mẫu của ngài. Với ít lời lẽ đơn sơ, giờ phút cầu nguyện này có thể đem lại ơn phúc mệnh mông cho các gia đình của chúng ta. Các cách phát biểu khác nhau của lòng đạo đức bình dân là kho báu linh đạo đối với nhiều gia đình. Hành trình cầu nguyện có tính cộng đoàn của gia đình lên tới tuyệt đỉnh ở việc cùng nhau chia sẻ Thánh Thể, nhất là trong bối cảnh nghỉ ngơi Chúa Nhật. Chúa Giêsu gõ cửa các gia đình, để chia sẻ với họ bữa ăn Thánh Thể (xem Kh 3:20). Ở đây, vợ chồng luôn có thể ký kết lại giao ước vượt qua từng kết hợp họ và phải phản ánh giao ước mà Thiên Chúa từng ký kết với nhân loại trên thập giá (377). Thánh Thể chính là bí tích của giao ước mới, trong đó, công trình cứu chuộc của Chúa Kitô đã được thực hiện (xem Lc 22:20). Dây liên kết chặt chẽ giữa đời sống vợ chồng và Thánh Thể, do đó, trở nên càng rõ ràng hơn (378). Vì của ăn Thánh Thể đem lại cho vợ chồng sức mạnh và sự thúc đẩy cần thiết để sống giao ước hôn nhân hàng ngày như một “Giáo Hội tại gia” (379).

Một linh đạo của tình yêu độc chiếm và tự do

319. Hôn nhân cũng là trải nghiệm việc thuộc về một người khác cách trọn vẹn. Vợ chồng chấp nhận thách đố và nguyên ước nâng đỡ nhau, về già với nhau, và nhờ thế, phản ánh chính lòng trung tín của Thiên Chúa. Quyết định vững chắc này, một quyết định lên khuôn lối sống ta, chính là một “đòi hỏi bên trong của giao ước tình yêu phu phụ” (380), vì “người nào không thể quyết chí yêu thương mãi mãi thì khó lòng có thể yêu thương dù chỉ một ngày”

(381). Đồng thời, lòng trung thành này cũng sẽ vô nghĩa về phương diện linh đạo nếu nó chỉ là vấn đề tuân theo một lề luật một cách vâng lời nhần nhục. Đúng hơn, nó là vấn đề của cõi lòng mà chỉ có Thiên Chúa mới trông thấy được (xem Mt 5:28). Mỗi buổi sáng, khi vừa thức dậy, ta hãy tái xác nhận trước Thiên Chúa lòng quyết chí trung thành của ta, bất chấp chuyện gì sẽ xảy đến trong ngày. Và mọi người chúng ta, trước khi đi ngủ, đều có thể hy vọng khi thức giấc lại được tiếp tục cuộc phiêu lưu này, vì tin vào ơn trợ giúp của Thiên Chúa. Nhờ cách này, mỗi người phối ngẫu đối với người kia là một dấu hiệu và là một dụng cụ của sự gần gũi của Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi chúng ta: “Này, Thầy sẽ ở với các con mãi mãi, cho tới tận cùng thời gian” (Mt 28:20).

320. Sẽ tới lúc tình yêu vợ chồng đạt đến đỉnh cao của tự do và trở nên căn bản cho một sự độc lập lành mạnh. Điều này sẽ xảy đến khi mỗi người phối ngẫu hiểu ra rằng người kia không phải là của riêng mình, nhưng họ có một chủ nhân ông quan trọng hơn nhiều, đó là Chúa duy nhất. Không có ai khác ngoài Chúa có quyền đòi hỏi chiếm hữu cốt lõi sâu xa nhất và bản vị nhất của người mình yêu; chỉ có Người mới là tâm điểm tối hậu của đời họ. Đồng thời, nguyên tắc của hiện thực tính linh đạo đòi phải có điều này: không người phối ngẫu nào được quyền đòi người kia phải hoàn toàn thỏa mãn các nhu cầu của mình. Hành trình linh đạo của mỗi người, theo lời lẽ rất hay của Dietrich Bonhoeffer, cần giúp họ đạt tới một “tĩnh mộng” nào đó đối với người kia (382), giúp họ ngưng, đừng chờ mong ở người kia một điều gì đó chỉ dành riêng cho tình yêu Thiên Chúa mà thôi. Việc này đòi ta phải giải tư (divestment) nội tâm. Không gian mà mỗi người phối ngẫu duy nhất dành cho mỗi liên hệ bản thân của họ với Thiên Chúa không những giúp hàn gắn các thương tích của cuộc sống chung, mà còn giúp vợ chồng tìm thấy nơi tình yêu Thiên Chúa nguồn suối ý nghĩa sâu sắc nhất của chính đời họ. Mỗi ngày, ta đều nên khẩn cầu Chúa Thánh Thần trợ giúp ta biến tự do nội tâm này thành một điều khả hữu.

Một linh đạo chăm sóc, an ủi và khuyến khích

321. “Đối với nhau, đối với con cái và đối với thân nhân họ, vợ chồng Kitô hữu là những người cộng tác của ơn thánh và chứng tá đức tin” (383). Thiên Chúa kêu gọi họ trao ban sự sống và chăm sóc sự sống. Vì lý do này, gia đình “luôn luôn là ‘bệnh viện’ gần nhất” (384). Nên ta hãy chăm sóc lẫn nhau, hướng dẫn và khuyến khích lẫn nhau, và cảm nghiệm việc này như là một phần trong nền linh đạo gia đình của ta. Sống như cặp vợ chồng là hàng ngày chia sẻ công trình sáng tạo của Thiên Chúa, và đối với người kia, mỗi người là một thách đố liên li của Chúa Thánh Thần. Tình yêu Thiên Chúa được công bố “nhờ lối sống và lời lẽ cụ thể qua đó một người đàn ông và một người đàn bà diễn tả lòng yêu thương phụ phụ của họ” (385). Như thế, hai người là những phản ảnh hỗ tương của tình yêu thần thánh ấy, những phản ảnh biết an ủi bằng một lời nói, một cái nhìn, một bàn tay giúp đỡ, một cái vuốt ve, một cái ôm hôn. Vì lý do này, “muốn tạo lập một gia đình là cương quyết muốn trở thành một phần trong giấc mơ của Thiên Chúa, là quyết chí mơ mộng với Người, là muốn cùng Người xây dựng, là tham gia với Người trong lịch sử xây dựng dài lâu một thế giới trong đó không ai còn cảm thấy mình đơn độc nữa này” (386).

322. Mọi cuộc sống gia đình đều là một “cuộc chần dốt” về lòng thương xót. Do lòng yêu thương và sự chăm sóc, mỗi người chúng ta đều để lại dấu tích lên đời người khác; cùng với Thánh Phaolô, ta có thể nói rằng “Anh chị em là thư giới thiệu của chúng tôi, được viết... không phải bằng mực mà bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống” (2Cr 3:2-3). Mỗi người chúng ta là một “người đánh cá người” (Lc 5:10), một người đánh cá, nhân danh Chúa Giêsu, đã “thả lưới” (xem Lc 5:5) bắt những người khác, hay là người nông phu cày những thửa đất mới của những người họ yêu thương, tìm cách khai thác được từ họ những điều tốt đẹp nhất. Tính sinh hoa trái của vợ chồng bao hàm việc giúp đỡ người khác, vì “yêu ai là mong ở họ một điều gì đó không thể xác định hay dự kiến trước được; đồng thời, một cách nào đó, điều này phải giúp họ khả năng thực hiện hoàn toàn lòng hoài mong này” (387). Tự nó, đây là một cách thờ phượng Thiên Chúa, Đấng đã gieo không biết bao nhiêu điều tốt lành nơi người khác với niềm hy vọng ta sẽ giúp làm chúng lớn lên.

323. Một cảm nghiệm linh đạo sâu sắc là chiêm ngắm người thân yêu của ta bằng con mắt Thiên Chúa và nhìn thấy Chúa Kitô ở nơi họ. Điều này đòi một sự tự do và cởi mở giúp ta biết đánh giá phẩm giá của họ. Ta chỉ có thể hiện diện trọn vẹn với người khác khi hiến trọn thân ta và quên đi mọi điều khác. Các người thân yêu của ta đáng được ta lưu tâm. Chúa Giêsu là mẫu mực của ta trong việc này, vì ở bất cứ nơi nào người ta tiến gần để nói với Người, Chúa Giêsu đều nhìn thẳng vào họ, trực tiếp và đầy yêu thương (xem Mc 10:21). Không ai cảm thấy bị làm ngơ khi ở trước mặt Người, vì lời lẽ và các cử chỉ của Người luôn chuyên chở câu hỏi này: “con muốn Ta làm gì cho con?” (Mc 10:51). Đây là điều ta cảm nghiệm trong cuộc sống hàng ngày của gia đình. Ta không ngừng được nhắc nhở rằng mỗi người đang sống với ta đều đáng được lưu tâm đầy đủ, vì họ sở đắc phẩm giá vô biên như là đối tượng của tình yêu bao la của Chúa Cha. Điều này làm phát sinh một tình âu yếm dịu dàng có thể “đẩy lên nơi người kia niềm vui được yêu thương. Tình âu yếm được phát biểu một cách hết sức đặc thù bằng việc thể hiện sự lưu tâm đầy yêu thương trong lúc xử lý các giới hạn của người khác, nhất là khi những giới hạn này hiển nhiên” (388).

324. Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, gia đình không những cởi mở đối với sự sống qua việc sinh sản ra nó ngay trong chính mình mà còn ra đi và mở rộng sự sống bằng việc săn sóc người khác và mưu cầu hạnh phúc của họ. Sự cởi mở này tìm được cách phát biểu đặc thù trong việc hiếu khách (389), một việc được lời Chúa khuyến khích một cách hùng hồn: “Đừng sao lãng việc biểu lộ lòng hiếu khách cho những người xa lạ, vì nhờ vậy, có những người đã tiếp đón các thiên thần mà không hay biết” (Dt 13:2). Khi một gia đình đón tiếp và vươn tay ra với người khác, nhất là người nghèo và người bị bỏ rơi, thì đây là “một biểu tượng, một chứng tá và tham dự vào chức phận làm mẹ của Giáo Hội” (390). Là một phản ảnh Chúa Ba Ngôi, lòng yêu thương có tính xã hội là điều thực sự thống nhất hóa ý nghĩa linh đạo của gia đình và sứ mệnh của gia đình đối với người khác, vì nó làm cho sơ truyền hiện diện đầy đủ với mọi mệnh lệnh có tính cộng đoàn của nó. Gia đình sống linh đạo của mình chính nhờ việc cùng một lúc là Giáo Hội tại gia và là tế bào sinh tử để biến đổi thế giới (391).

* *

325. Giáo Huấn của Thầy Chí Thánh (xem Mt 22:30) và của Thánh Phaolô (xem 1Cr 7:29-

31) về hôn nhân đã được ấn định, không phải do tình cờ, mà là trong bối cảnh của chiều kích tối hậu và dứt khoát của hiện hữu nhân bản. Chúng ta khẩn thiết phải tái khám phá sự phong phú của giáo huấn này. Nhờ lưu tâm tới nó, các cặp vợ chồng sẽ tiến tới chỗ biết nhìn ra ý nghĩa sâu xa của hành trình đời sống họ. Như Tông Huấn này thường ghi nhận, không gia đình nào từ trời rơi xuống đã thành hình hoàn toàn; các gia đình cần phải không ngừng lớn lên và trưởng thành trong khả năng yêu thương. Đây là ơn gọi khôn nguôi phát sinh từ hiệp thông trọn vẹn của Chúa Ba Ngôi, từ sự hợp nhất sâu xa giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, từ cộng đồng yêu thương là Thánh Gia Nadarét, và từ tình huynh đệ tình ròng giữa các thánh ở trên thiên đàng. Việc chúng ta chiêm niệm sự nên trọn mà chúng ta chưa đạt được cũng giúp ta, trong một viễn ảnh thích đáng, nhìn thấy cuộc hành trình có tính lịch sử được chúng ta thực hiện trong tư cách gia đình, và nhờ cách này, ngưng, đừng đòi hỏi các mối liên hệ liên ngã của ta phải hoàn hảo, phải tinh tuyền trong ý hướng và phải nhất quán, những điều ta chỉ gặp được trong Vương Quốc sắp đến mà thôi. Nó cũng giữ ta khỏi phán đoán khắc nghiệt những người đang sống trong các hoàn cảnh yếu đuối. Mọi người chúng ta đều được kêu gọi tiếp tục cố gắng hướng tới một điều lớn hơn chính chúng ta và các gia đình của chúng ta, và mọi gia đình phải luôn cảm nhận được sự thúc đẩy này. Ta hãy thực hiện cuộc hành trình như các gia đình này, ta hãy tiếp tục sánh bước bên nhau. Điều chúng ta đã được hứa hẹn luôn lớn hơn điều chúng ta có thể tưởng tượng ra. Ước chi chúng ta đừng bao giờ ngã lòng vì các hạn chế của mình, hay ngưng việc tìm kiếm sự viên mãn của một lòng yêu thương và sự hiệp thông mà Thiên Chúa đã hứa ban cho ta.

Kinh Thánh Gia

*Lạy Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse,
Nơi các ngài, chúng con được chiêm ngưỡng
vẻ sáng lạn của tình yêu đích thực,
chúng con tin tưởng chạy tới với các ngài.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin ban ơn cho các gia đình chúng con
Cũng trở thành nơi hiệp thông và cầu nguyện,
trường chân chính của Tin Mừng
và các Giáo Hội nhỏ tại gia.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin cho các gia đình chúng con đừng bao giờ
cảm nghiệm bạo lực, hắt hủi và chia rẽ nữa:
xin cho tất cả những người bị thương tổn hay xúc phạm
sẵn sàng tìm được an ủi và chữa lành.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin làm cho chúng con, một lần nữa, biết lưu tâm
tới tình thánh thiêng và bất khả vi phạm của gia đình,*

và vẻ đẹp của nó trong kế hoạch Thiên Chúa.

Lạy Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse,
Xin nhân từ nghe lời chúng con cầu xin.

Amen

Ban hành ở Rôma, tại Đền Thờ Thánh Phêrô, trong Năm Thánh Đặc Biệt Của Lòng Thương Xót, ngày 19 tháng Ba, Lễ Trọng Kính Thánh Giuse, năm 2016, năm thứ tư triều Giáo Hoàng của tôi.

Franciscus

(367) Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem*, 4.

(368) Cf. *ibid.*

(369) *Gaudium et Spes*, 49.

(370) Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2015), 16: AAS 98 (2006), 230.

(371) *Ibid.*, 39: AAS 98 (2006), 250.

(372) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng, *Christifideles Laici* (30 tháng 12, 1988), 40: AAS 81 (1989), 468.

(373) *Ibid.*

(374) *Relatio Finalis* 2015, 87.

(375) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng, *Vita Consecrata* (25 tháng 3, 1996), 42: AAS 88 (1996), 416.

(376) Cf. *Relatio Finalis* 2015, 87.

(377) Cf. Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 57: AAS 74 (1982), 150.

(378) Ta cũng không nên quên rằng giao ước của Thiên Chúa với dân Người được phát biểu như một lễ cưới (xem Edk 16:8, 60; Is 62:5; Hs 2:21-22) và giao ước mới cũng được trình bày như một cuộc đính hôn (xem Kh 19:7; Ep 5:25).

(379) Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, 11.

(380) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn, *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 11: AAS 74 (1982), 93.

(381) Id., *Bài Giảng Thánh Lễ với Các Gia Đình, Cordoba, Argentina* (8 tháng 4, 1987), 4: *Insegnamenti* X/1 (1987), 1161-1162.

(382) Cf. *Gemeinsames Leben*, Munich, 1973, p. 18. Bản tiếng Anh: *Life Together*, New York, 1954, p. 27.

(383) Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem*, 11.

(384) Bài Giáo Lý (10 tháng 6, 2015): *L'Osservatore Romano*, 11 tháng 6, 2015, p. 8.

(385) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 12: AAS 74 (1982), 93.

(386) Diễn Văn tại Buổi Canh Thức Cầu Nguyện của Lễ Hội Các Gia Đình, Philadelphia (26

tháng 9, 2015): *L'Osservatore Romano*, 28-29 tháng 9, 2015, p. 6.

(387) Gabriel Marcel, *Homo Viator: prolégomènes à une métaphysique de l'espérance*, Paris, 1944, p. 66. Bản tiếng Anh: *Homo Viator. An Introduction to a Metaphysics of Hope*, London, 1951, p. 49.

(388) *Relatio Finalis* 2015, 88.

(389) Cf. Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22 tháng 11, 1981), 44: AAS 74 (1982), 136.

(390) *Ibid.*, 49: AAS 74 (1982), 141.

(391) Về các khía cạnh xã hội của gia đình, xin xem Hội Đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 248-254.

2. TÔNG HUẤN HẠU THƯỢNG HỘI ĐỒNG CHRISTUS VIVIT (*CHÚA KITÔ ĐANG SỐNG*) VỀ TUỔI TRẺ

1. Chúa Kitô đang sống! Người là niềm hy vọng của chúng ta, và một cách tuyệt vời, Người mang tuổi trẻ đến với thế giới của chúng ta. Sau đó, những lời đầu tiên mà tôi muốn nói với mọi Kitô hữu trẻ là: Chúa Kitô đang sống và Người muốn các bạn sống!

2. Người ở trong các bạn, Người ở bên các bạn và Người không bao giờ bỏ rơi các bạn. Bất kể các bạn có thể lang thang bao xa, Người luôn ở đó, Đấng Phục sinh. Người kêu gọi các bạn và Người chờ các bạn quay lại với Người và bắt đầu lại từ đầu. Khi các bạn cảm thấy mình già đi vì buồn sầu, oán giận hoặc sợ hãi, nghi ngờ hay thất bại, Người vẫn luôn ở đó để khôi phục sức mạnh và hy vọng của các bạn.

3. Với tình âu yếm lớn lao, tôi ngỏ Tông huấn này đến mọi người trẻ Kitô giáo. Nó nhắc nhở các bạn về những xác tín phát sinh từ đức tin của chúng ta, đồng thời để khuyến khích các bạn lớn lên trong sự thánh thiện và cam kết với ơn gọi bản thân của các bạn. Nhưng vì nó cũng là một phần của diễn trình thượng hội đồng, tôi cũng ngỏ thông điệp này đến toàn thể dân Chúa, các mục tử và cả các tín hữu, vì tất cả chúng ta đều được thách thức và thúc giục suy nghĩ cả về người trẻ lẫn cho người trẻ. Do đó, tôi sẽ nói chuyện trực tiếp với người trẻ ở một số chỗ, trong khi ở những chỗ khác, tôi sẽ đề nghị một số xem xét tổng quát hơn dành cho việc biện phân của Giáo hội.

4. Tôi đã để cho mình được gợi hứng bởi rất nhiều suy tư và đàm luận diễn ra trong Thượng Hội Đồng năm ngoái. Tôi không thể bao gồm tất cả những đóng góp đó ở đây, nhưng các bạn có thể đọc chúng trong Tài liệu Cuối cùng. Dù vậy, khi viết bức thư này, tôi đã cố gắng tóm tắt những đề nghị mà tôi cho là quan trọng nhất. Bằng cách này, những lời lẽ của tôi sẽ lặp lại vô số tiếng nói của các tín hữu trên toàn thế giới từng làm cho ý kiến của họ được Thượng hội đồng biết đến. Những người trẻ không phải là tín hữu, nhưng muốn chia sẻ suy nghĩ của họ, cũng nêu ra những vấn đề khiến tôi phải đặt nhiều câu hỏi mới.

CHƯƠNG MỘT: Lời Chúa có gì để nói về người trẻ?

5. Chúng ta hãy dựa vào sự phong phú của các Sách thánh, vì chúng thường nói về người trẻ và về cách Chúa đến gần để gặp gỡ họ.

Trong Cựu Ước

6. Trong một thời đại lúc người trẻ không được đánh giá cao, một số bản văn cho thấy Chúa nhìn họ cách khác. Giuse, chẳng hạn, là người trẻ nhất trong gia đình (xem St 37: 2-3), nhưng Thiên Chúa đã cho anh thấy những điều tuyệt vời trong giấc mơ và khi chỉ mới mười bảy tuổi, anh đã vượt xa tất cả các anh em của mình trong các vấn đề quan trọng (xem St 37- 47).

7. Nơi Gideon, chúng ta thấy sự thẳng thắn của người trẻ, những người không quen với thực tại bực đường. Khi được cho biết Chúa ở với anh, anh đã trả lời: “Nhưng nếu Chúa ở cùng chúng ta, tại sao sau đó tất cả những điều này lại xảy ra với chúng ta?” (Tl 6:13). Thiên Chúa không bị xúc phạm bởi lời trách móc đó, nhưng tiếp tục ra lệnh cho anh: Hãy lên đường với sức mạnh của người và giải thoát Israel!” (Tl 6: 14).

8. Samuen vẫn còn là một cậu bé, thế nhưng Chúa đã nói chuyện với anh. Nhờ lời cổ vắn của một người trưởng thành, anh đã mở lòng mình ra nghe lời Chúa gọi: “Lạy Chúa, Chúa nói đi, vì đây tớ Chúa đang lắng nghe” (1 Sm 3: 9-10). Kết quả, anh trở thành một nhà tiên tri vĩ đại, từng can thiệp vào những thời khắc quan trọng trong lịch sử của đất nước mình. Vua Saun cũng còn trẻ khi Chúa kêu gọi thực hiện sứ mệnh của mình (x. 1 Sm 9: 2).

9. Vua Đavít được chọn khi còn là một cậu bé. Khi tiên tri Samuen đang tìm kiếm vị vua tương lai cho Israel, một người đề nghị lấy những đứa con trai của ông đã lớn tuổi và nhiều kinh nghiệm hơn làm ứng viên. Thế nhưng, tiên tri nói rằng người được chọn là Đavít trẻ tuổi, người đang chăm sóc đàn chiên (x. 1 Sm 16: 6-13), vì “con người chỉ nhìn bề ngoài, nhưng Chúa nhìn thấu lòng người” (câu 7). Vinh quang tuổi trẻ là ở cõi lòng, hơn là ở trong sức mạnh thể lý hay ấn tượng đối với người khác.

10. Salômôn, khi phải kế vị cha mình, cảm thấy lạc lõng và nói với Chúa: “Con mới chỉ là một đứa trẻ, không hề biết cách hành động ra sao” (1 V 3: 7). Tuy nhiên, sự táo bạo của tuổi trẻ đã khiến anh cầu xin Chúa ban cho sự khôn ngoan và anh đã hiến mình cho sứ mệnh của mình. Một điều tương tự đã xảy ra với tiên tri Giêrêmia, được kêu gọi bất chấp tuổi trẻ của mình để đánh thức dân mình. Trong nỗi sợ hãi của anh, anh nói: “ôi, lạy Chúa! Thực sự con không biết nói năng, vì con chỉ là một thiếu niên” (Grm 1: 6). Nhưng Chúa bảo anh đừng nói thế (xem Grm 1: 7), và thêm: “Đừng sợ họ, vì Ta ở với ngươi để giải thoát ngươi” (Grm 1: 8). Sự tận tụy của tiên tri Giêrêmia đối với sứ mệnh của mình cho thấy điều gì sẽ xảy ra khi sự bạo dạn của tuổi trẻ kết hợp với quyền năng của Thiên Chúa.

11. Một đầy tớ gái Do Thái của chỉ huy trưởng ngoại quốc Naaman đã can thiệp bằng đức tin

và vị này được chữa khỏi bệnh (x. 2 V 5: 2-6). Cô gái trẻ Ruth là hình mẫu của lòng quảng đại khi ở bên cạnh mẹ chồng, người đã sa vào thời kỳ khó khăn (x. Rút 1: 1-18), nhưng cô cũng biểu lộ sự táo bạo trong việc tiến bước trong đời (x. Rút 4: 1-17).

Trong Tân Ước

12. Một trong những dụ ngôn của Chúa Giêsu (xem Lc 15: 11-32) liên quan đến việc người con trai “trẻ hơn” muốn rời nhà cha mình để đến một vùng đất xa xôi (xem các câu 12-13). Thế nhưng, các ý nghĩ độc lập của anh đã biến thành tan vỡ và quá lạm (xem câu 13), và anh đã phải kinh qua sự cay đắng của cô đơn và nghèo đói (xem câu 14-16). Tuy nhiên, anh đã tìm thấy sức mạnh để bắt đầu một sự khởi đầu mới (xem câu 17-19) và quyết tâm đứng dậy và trở về nhà (xem câu 20). Các trái tim trẻ tự nhiên sẵn sàng chấp nhận thay đổi, quay trở lại, đứng dậy và học hỏi từ cuộc sống. Làm thế nào người ta có thể không hỗ trợ người con trai ấy trong quyết tâm mới đó? Thế nhưng, người anh trai của anh lại có một trái tim già cỗi; anh ta để mình bị chiếm hữu bởi lòng tham, ích kỷ và đố kỵ (Lc 15: 28-30). Chúa Giêsu ca ngợi tội nhân trẻ đã trở lại con đường đúng đắn hơn là người anh trai tự cho mình là trung tín, nhưng lại thiếu tinh thần yêu thương và thương xót.

13. Chúa Giêsu, Đấng trẻ trung muôn đời, muốn ban cho chúng ta các trái tim trẻ mãi. Lời Chúa yêu cầu chúng ta “vứt bỏ men cũ để các con trở thành bột nhào mới” (1 Cr 5: 7). Thánh Phaolô mời chúng ta cởi bỏ “bản thân cũ” của mình và mặc lấy một bản thân “trẻ trung” (Cl 3: 9,10). [1] Khi giải thích ý nghĩa của việc mặc lấy sự trẻ trung “vốn là sự đổi mới” đó, (câu 10), ngài đề cập đến lòng “cảm thương, lòng tốt, lòng khiêm nhường và kiên nhẫn, chịu đựng lẫn nhau và tha thứ cho nhau nếu có ai phàn nàn với nhau” (Cl 3: 12-13). Tóm lại, tuổi trẻ đích thực có nghĩa là có một trái tim có khả năng yêu thương, trong khi mọi thứ ngăn cách chúng ta với người khác làm tâm hồn già cỗi đi. Và do đó, ngài kết luận: “trên hết, hãy mặc lấy tình yêu, vốn gắn kết mọi sự lại với nhau trong một hòa hợp hoàn hảo” (Cl 3:14).

14. Chúng ta cũng hãy nhớ: Chúa Giêsu không gây ích gì cho những người trưởng thành coi thường người trẻ hoặc thống trị họ. Ngược lại, Người nhấn mạnh rằng, “người lớn nhất trong các con phải trở nên giống như người trẻ nhất” (Lc 22,26). Đối với Người, tuổi không tạo ra đặc quyền, và làm người trẻ không ngụ hàm ít giá trị hoặc phẩm giá hơn.

15. Lời Thiên Chúa nói rằng người trẻ nên được đối xử như những người anh em (1 Tm 5: 1), và cảnh báo các bậc cha mẹ đừng “khiêu khích con cái anh em, kéo chúng trở nên thói chí” (Cl 3:21). Người ta không nhắm việc làm cho người trẻ thói chí; người ta mong họ mơ những điều vĩ đại, tìm kiếm những chân trời rộng lớn, nhằm mục đích cao hơn, thách thức thế giới, chấp nhận các thách thức và cống hiến những gì tốt nhất của bản thân để xây dựng một điều gì đó tốt hơn. Đó là lý do tại sao tôi không ngừng thúc giục các bạn trẻ đừng để mình bị cướp mất hy vọng; với mỗi người trong số họ, tôi nhắc lại: “Đừng để ai coi thường tuổi trẻ của các bạn” (1 Tim 4:12).

16. Tuy nhiên, người trẻ cũng được thúc giục “chấp nhận thẩm quyền của những người lớn

tuổi hơn” (1 Pr 5: 5). Kinh thánh không bao giờ ngừng khẳng định rằng lòng kính trọng sâu sắc phải được thể hiện đối với người cao niên, vì các ngài có nhiều kinh nghiệm; các ngài biết thành công và thất bại, niềm vui và phiền não của cuộc đời, những giấc mơ và sự thất vọng của nó. Trong sự im lặng của cõi lòng, các ngài có một kho kinh nghiệm có thể dạy chúng ta không phạm sai lầm hoặc mắc kẹt vào các lời hứa giả tạo. Một nhà hiền triết xưa yêu cầu chúng ta tôn trọng một số giới hạn và làm chủ các xung động của mình: “hãy thúc giục các người đàn ông trẻ tuổi tự kiểm soát lấy mình” (Tt 2: 6). Ủng hộ việc sùng bái tuổi trẻ hoặc đại đột gạt bỏ người khác chỉ vì họ lớn tuổi hoặc thuộc thế hệ khác quả là điều vô ích. Chúa Giêsu nói với chúng ta rằng người khôn ngoan có khả năng rút từ kho của họ những điều cả mới lẫn cũ (x. Mt 13:52). Một người trẻ khôn ngoan cởi mở đối với tương lai, nhưng vẫn có khả năng học được điều gì đó từ kinh nghiệm của người khác.

17. Trong Tin mừng Maccô, chúng ta thấy một người đàn ông, khi nghe Chúa Giêsu nói về các điều răn, thưa, “tất cả những điều này tôi đã tuân giữ từ lúc còn trẻ” (10:20). Thánh vịnh gia đã nói điều tương tự: “Lạy Chúa, Chúa là niềm hy vọng của con; niềm tín thác của con, Lạy Chúa, từ lúc con còn trẻ... từ lúc con còn trẻ, Chúa đã dạy dỗ con và con vẫn tuyên xưng các việc làm kỳ diệu của Chúa” (Ps 71: 5.17). Chúng ta đừng bao giờ hối hận về việc đã dành tuổi trẻ của mình làm người tốt, mở lòng ra cho Chúa và sống cách khác. Không điều gì trong số này lấy đi tuổi trẻ của chúng ta nhưng thay vào đó chúng củng cố và đổi mới nó: “Tuổi trẻ của các bạn được đổi mới giống như chim đại bàng” (Tv 103: 5). Vì lý do này, Thánh Augustinô đã than thở: “Con đã yêu Chúa, vẻ đẹp mãi cổ xưa, nhưng mãi mới mẻ, quá muộn màng! Con đã yêu Chúa quá muộn màng!” [2] Tuy nhiên, người thanh niên giàu có, người đã trung thành với Thiên Chúa lúc còn trẻ, đã để cho các năm tháng trôi qua cướp đi giấc mơ của anh; anh thích gắn bó với sự giàu có của mình hơn (x. Mc 10, 22).

18. Mặt khác, trong Tin mừng Mátthêu, chúng ta thấy một chàng trai trẻ (x. Mt 19,20,22), người tiếp cận Chúa Giêsu và hỏi liệu anh có thể làm gì hơn nữa không (câu 20); trong lời này, anh cho thấy tinh thần cởi mở trẻ trung đi tìm những chân trời mới và những thách thức lớn. Thế nhưng, tinh thần của anh không thực sự trẻ trung, vì anh đã trở nên quá gắn bó với sự giàu có và tiện nghi. Anh nói rằng anh muốn một điều gì hơn nữa, nhưng khi Chúa Giêsu yêu cầu anh quảng đại và phân phối của cải của mình, anh hiểu ra anh không thể buông bỏ mọi thứ mình có. Cuối cùng, “nghe những lời này, chàng trai trẻ đã bỏ đi cách buồn bã” (câu 22). Anh đã từ bỏ tuổi trẻ của mình.

19. Tin Mừng cũng nói về một nhóm phụ nữ trẻ khôn ngoan, những người sẵn sàng và chờ đợi, trong khi những người khác bị phân tâm và ngủ gà ngủ gật (x. Mt 25: 1-13). Thực vậy, chúng ta có thể dành cả tuổi thanh xuân của mình để bị phân tâm, lướt qua bề mặt của cuộc sống, nửa ngủ nửa tỉnh, không có khả năng vun xới các mối liên hệ có ý nghĩa hoặc trải nghiệm những điều sâu sắc hơn trong cuộc sống. Bằng cách này, chúng ta có thể lưu trữ một tương lai nhỏ nhoi và không đáng kể. Hoặc chúng ta có thể dành tuổi trẻ của mình hoài mong những điều đẹp đẽ và tuyệt vời, và do đó lưu trữ một tương lai đầy sức sống và phong phú nội tâm.

20 Nếu các bạn để mất sức sống nội tâm, các giấc mơ, sự hào hứng, tính lạc quan và lòng quảng đại của các bạn, Chúa Giêsu đang đứng trước mặt các bạn như ngày xưa Người từng đứng trước đứa con trai đã chết của một góa phụ, và bằng mọi sức mạnh của việc Phục Sinh của Người, Người thúc giục các bạn: “hỡi chàng tuổi trẻ, tôi nói với bạn, hãy chỗi dậy!” (Lc 7:14).

21. Điều chắc chắn là nhiều đoạn khác của lời Chúa có thể rõ ràng cho giai đoạn này trong cuộc sống của các bạn. Chúng ta sẽ bàn đến một số trong các chương sau.

CHƯƠNG HAI: Chúa Giêsu, mãi mãi trẻ trung

22. Chúa Giêsu “trẻ giữa người trẻ để trở thành tấm gương cho người trẻ và thánh hiến họ cho Chúa”[3] Vì lý do này, Thượng hội đồng nói rằng “tuổi trẻ là một giai đoạn độc đáo và đầy kích thích của đời sống, mà chính Người đã trải qua, do đó, đã thánh hóa nó”. [4]

Tuổi trẻ của Chúa Giêsu

23. Chúa đã “tắt thở” (xem Mt 27:50) trên thập giá khi Người mới hơn ba mươi tuổi (x. Lc 3, 23). Điều quan trọng là phải nhận ra rằng, Chúa Giêsu là một người trẻ tuổi. Người đã hiến cuộc sống của mình khi Người, nói theo ngôn ngữ ngày nay, mới chỉ là một người trưởng thành trẻ. Người bắt đầu sứ mệnh công khai của mình trong thời kỳ đẹp nhất của cuộc đời, và do đó, “một ánh sáng đã bùng lên” (Mt 4:16), ánh sáng này sẽ tỏa sáng rực rỡ nhất khi Người hiến mạng sống mình đến tận cùng. Việc kết thúc đó không phải là một điều đơn giản xảy ra; đúng hơn, toàn bộ tuổi trẻ của Người, trong mọi thời điểm, là một sự chuẩn bị quý giá cho nó. “Tất cả mọi điều trong cuộc sống của Chúa Giêsu là một dấu chỉ sự mầu nhiệm của Người” [5]; thực vậy, “toàn bộ cuộc đời Chúa Kitô là một mầu nhiệm cứu chuộc” [6].

24. Tin Mừng không cho chúng ta biết gì về thời thơ ấu của Chúa Giêsu, nhưng có kể lại một số biến cố thời niên thiếu và tuổi trẻ của Người. Thánh Máttêu đặt tuổi trẻ của Chúa giữa hai biến cố: gia đình của Người trở về Nadarét sau khi họ bị lưu đày và Chúa Giêsu chịu phép rửa ở Sông Giócđăng, khởi đầu thừa tác vụ công khai của Người. Những hình ảnh cuối cùng mà chúng ta có về Chúa Giêsu lúc còn bé là các hình ảnh của một người tị nạn tí hon ở Ai Cập (x. Mt 2: 14-15) và hồi hương ở Nadarét (x. Mt 2: 19-23). Hình ảnh đầu tiên của chúng ta về Chúa Giêsu như một thanh niên trẻ tuổi cho thấy Người đứng giữa đám đông bên bờ sông Giócđăng để được người anh em họ Gioan Tẩy Giả làm phép rửa, giống như bất cứ thành viên nào khác trong dân tộc của Người (x. Mt 3: 13-17) .

25. Phép rửa Chúa Giêsu chịu không giống như của chúng ta, vì phép rửa của chúng ta đưa chúng ta vào đời sống ơn thánh, nhưng phép rửa Người chịu là một sự thánh hiến trước khi Người bắt tay vào sứ mệnh cao cả của đời mình. Tin Mừng nói rằng lúc Người chịu phép rửa, Chúa Cha đã vui mừng và rất hài lòng: “Con là con yêu dấu của Cha” (Lc 3:22). Chúa Giêsu ngay lập tức xuất hiện tràn đầy Chúa Thánh Thần, và được Chúa Thánh Thần dẫn vào sa mạc. Ở đó, Người chuẩn bị để ra đi rao giảng và làm phép lạ, đem lại tự do và chữa lành (x. Lc 4: 1-14). Mọi người trẻ nào cảm thấy được mời gọi tham gia một sứ mệnh trong thế giới này đều được mời nghe Chúa Cha nói cùng những lời như thế trong trái tim mình: “Con là con yêu dấu của Cha”.

26. Giữa hai trình thuật này, chúng ta tìm thấy một trình thuật khác, cho thấy Chúa Giêsu như một thiếu niên, khi Người cùng cha mẹ trở về Nadarét, sau khi bị lạc và được tìm thấy trong Đền thờ (x. Lc 2: 41-51). Ở đó, chúng ta đọc thấy, Người đã vâng lời các ngài (xem Lc 2:51); Người không từ chối gia đình. Sau đó, Thánh Luca cho biết thêm, Chúa Giêsu “lớn lên trong

sự khôn ngoan, tuổi tác và ơn thánh trước mặt Thiên Chúa và người ta” (xem Lc 2:52). Tóm một lời, đây là thời chuẩn bị, khi Chúa Giêsu lớn lên trong mối liên hệ với Chúa Cha và với những người khác. Thánh Gioan Phaolô II giải thích rằng Người không chỉ lớn lên về thể chất, mà “còn có sự tăng trưởng về thiêng liêng nơi Chúa Giêsu” vì “sự viên mãn của ơn thánh tỷ lệ thuận với tuổi của Người: luôn luôn có một sự viên mãn, nhưng là một sự viên mãn gia tăng với việc gia tăng năm tháng cuộc sống” [7].

27. Từ những gì Tin Mừng nói với chúng ta, chúng ta có thể nói rằng, Chúa Giêsu, trong những năm còn trẻ, đang “được huấn luyện”, chuẩn bị để thực hiện kế hoạch của Chúa Cha. Thời niên thiếu và tuổi trẻ của Người đã đặt Người vào con đường tiến đến sứ mệnh cao siêu đó.

28. Ở tuổi thiếu niên và tuổi trẻ, mối liên hệ của Chúa Giêsu với Chúa Cha là mối liên hệ của người Con yêu dấu. Cuốn hút vào Chúa Cha, Người lớn lên lo lắng cho các vụ việc của Chúa Cha: “Há cha mẹ không biết con phải lo công việc của Cha con sao?” (Lc 2:49). Tuy nhiên, ta không nên nghĩ rằng, Chúa Giêsu là một thiếu niên lãnh đạm hoặc chỉ biết quan tâm đến mình. Các mối liên hệ của Người là các mối liên hệ của một người trẻ, biết chia sẻ đầy đủ cuộc sống của gia đình và dân của Người. Người học tay nghề của cha mình và sau đó thay thế cha làm thợ mộc. Tại một thời điểm trong Tin Mừng, Người được gọi là “con bác thợ mộc” (Mt 13:55) và một lần khác chỉ đơn giản là “chú thợ mộc” (Mc 6: 3). Chi tiết này cho thấy Người chỉ là một người trẻ tuổi khác trong thị trấn của Người, một người có liên hệ bình thường với những người khác. Không ai coi Người là bất thường hoặc tách biệt với những người khác. Vì lý do này, một khi Chúa Giêsu bắt đầu rao giảng, người ta không thể tưởng tượng được do đâu Người có được sự khôn ngoan này: “Há đây không phải là con trai của ông Giuse sao?” (Lc 4:22).

29. Trên thực tế, “Chúa Giêsu đã không lớn lên trong mối liên hệ hẹp hòi và ngột ngạt với Mẹ Maria và Thánh Giuse, nhưng sẵn sàng tương tác với gia đình rộng lớn hơn, họ hàng của cha mẹ và bạn bè của họ [8]. Từ đó, chúng ta có thể hiểu tại sao, khi Người trở về từ chuyến hành hương Giêrusalem, cha mẹ Người dễ dàng nghĩ rằng, khi còn là một cậu bé mười hai tuổi (x. Lc 2,42), Người đã tự do đi lang thang trong đám đông, mặc dù cả ngày họ đã không thấy Người: “cho rằng Người ở trong nhóm du khách, họ đã đi một ngày đường” (Lc 2:44). Chắc chắn, họ cho rằng, Chúa Giêsu ở đó, trà trộn với những người khác, đùa giỡn với người trẻ khác, kể cho người lớn những câu chuyện đồn (tell stories) và chia sẻ niềm vui và nỗi buồn của nhóm. Thật vậy, chữ Hy Lạp mà Thánh Luca sử dụng để mô tả nhóm - *synodia* – rõ ràng gọi lên một “cộng đồng lớn hơn đang trên hành trình”, mà Thánh gia là một thành phần. Nhờ sự tin tưởng của cha mẹ, Người có thể tự do di chuyển và học cách lữ hành cùng người khác.

Tuổi trẻ của Người dạy chúng ta

30. Những khía cạnh của đời sống Chúa Giêsu có thể chứng minh có sức gây cảm hứng cho tất cả những người trẻ đang phát triển và chuẩn bị lãnh nhận sứ mệnh ở trong đời. Điều này liên quan đến việc lớn lên trong mối liên hệ với Chúa Cha, trong ý thức trở thành một phần

của gia đình và dân tộc, và trong việc cởi mở để được đầy đầy Chúa Thánh Thần và được dẫn tới việc thi hành sứ mệnh mà Thiên Chúa ban cho họ, ơn gọi bản thân của họ. Không nên bỏ qua bất cứ điều nào trong công việc mục vụ với người trẻ, kéo chúng ta tạo ra những dự án cách ly những người trẻ khỏi gia đình và cộng đồng lớn hơn, hoặc biến họ thành thiểu số ưu tuyển, được bảo vệ khỏi mọi ô nhiễm. Thay vào đó, chúng ta cần các dự án có thể củng cố họ, đồng hành cùng họ và thúc đẩy họ gặp gỡ người khác, dẫn thân vào việc phục vụ quảng đại, vào sứ mệnh.

31. Chúa Giêsu không dạy các các bạn, những người trẻ, từ xa hay từ bên ngoài, nhưng từ trong chính tuổi trẻ của các bạn, một tuổi trẻ Người chia sẻ với các bạn. Điều rất quan trọng đối với bạn là chiêm ngưỡng Chúa Giêsu trẻ trung như được trình bày trong các sách Tin mừng, vì Người thực sự là một trong số các bạn, và chia sẻ nhiều đặc điểm của trái tim trẻ của các bạn. Chúng ta thấy điều này, chẳng hạn, trong chi tiết sau: “Chúa Giêsu có niềm tin vô điều kiện vào Chúa Cha; Người duy trì tình bạn với các môn đệ và ngay cả trong những giây phút khủng hoảng, Người vẫn trung thành với họ. Người đã biểu lộ lòng trắc ẩn sâu sắc đối với những người yếu đuối nhất, đặc biệt là người nghèo, người bệnh, tội nhân và những người bị loại trừ. Người đã can đảm đối đầu với các thẩm quyền tôn giáo và chính trị thời bấy giờ; Người biết thế nào là cảm thấy bị hiểu lầm và bị từ chối; Người trải qua nỗi sợ đau khổ và Người biết sự yếu đuối của Cuộc Khổ Nạn. Người hướng ánh mắt về tương lai, phó mình trong bàn tay an toàn của Chúa Cha, trong sức mạnh của Chúa Thánh Thần. Nơi Chúa Giêsu, mọi bạn trẻ đều có thể nhìn thấy mình”. [9]

32. Mặt khác, Chúa Giêsu đã trỗi dậy và Người muốn làm cho chúng ta trở thành những người tham dự vào sự sống mới của phục sinh. Người là sự trẻ trung thực sự của một thế giới đã trở thành già cỗi, sự trẻ trung của một vũ trụ đang chờ đợi “trong đau đẽ” (Rm 8:22) để được mặc lấy ánh sáng và sống sự sống của Người. Với Người ở bên cạnh, chúng ta có thể uống từ nguồn suối chân thực, nguồn suối giữ cho mọi ước mơ, dự án, lý tưởng tuyệt vời của chúng ta luôn sống động, trong khi thúc đẩy chúng ta công bố điều làm cho cuộc sống thực sự đáng giá. Hai chi tiết gây tò mò trong Tin mừng Maccô cho thấy những người trỗi dậy với Chúa Kitô được kêu gọi bước vào tuổi trẻ đích thực như thế nào. Trong cuộc khổ nạn của Chúa, chúng ta thấy một chàng trai trẻ muốn theo Chúa Giêsu, nhưng vì sợ đã chạy trốn trần trụi (xem 14: 51-52); anh thiếu sức mạnh để đánh cuộc mọi thứ mà theo Chúa. Thế nhưng, tại ngôi mộ trống, chúng ta thấy một người trẻ tuổi khác, “mặc một chiếc áo dài màu trắng” (16: 5), người nói với các phụ nữ đừng sợ hãi và công bố niềm vui của sự phục sinh (xem 16: 6-7).

33. Chúa đang kêu gọi chúng ta thấp sáng các vì sao trong đêm tối của những người trẻ khác. Người yêu cầu các bạn nhìn vào những vì sao đích thực, mọi dấu hiệu khác nhau mà Người ban cho để dẫn đường chúng ta và bắt chước người nông dân ngắm các vì sao trước khi ra ngoài cày ruộng. Thiên Chúa thấp sáng các vì sao giúp chúng ta tiếp tục bước đi: “Các tinh tú, mỗi ngôi ở vị trí mình, tung bừng chiếu sáng. Người gọi chúng, chúng thưa: Có mặt, và hân hoan chiếu sáng” (Br 3: 34-35). Chính Chúa Kitô là ánh sáng hy vọng lớn lao và là người dẫn đường của chúng ta trong đêm tối, vì Người là “ngôi sao mai sáng lạn” (Kh 22: 16).

Tuổi trẻ của Giáo hội

34. Tuổi trẻ không chỉ đơn giản là một khoảng thời gian; nó là một trạng thái của tâm trí. Đó là lý do tại sao một định chế cổ xưa như Giáo hội có thể trải nghiệm sự đổi mới và trở lại tuổi trẻ ở những thời điểm khác nhau trong lịch sử lâu đời của mình. Thật vậy, vào những thời khắc bi thảm nhất trong lịch sử, Giáo hội cảm thấy được kêu gọi hết lòng trở lại với mối tình đầu. Nhắc lại sự thật này, Công đồng Vatican II lưu ý rằng, “trở nên phong phú với một lịch sử lâu dài và sống động, và tiến tới sự hoàn thiện nhân bản trong thời gian và những vận mệnh tối hậu của lịch sử và cuộc sống, Giáo hội là tuổi trẻ thực sự của thế giới”. Nơi Giáo hội, người ta luôn có khả năng gặp gỡ Chúa Kitô “người bạn đồng hành và là bạn bè của tuổi trẻ” [10].

Một Giáo hội cởi mở đối với đổi mới

35. Chúng ta hãy cầu xin Chúa giải thoát Giáo hội khỏi những người khiến Giáo hội già đi, giam cầm Giáo hội trong quá khứ, cầm chân Giáo hội hoặc giữ cho Giáo hội dậm chân tại chỗ. Nhưng chúng ta cũng hãy cầu xin Người giải thoát Giáo hội khỏi một cám dỗ khác: đó là cơn cám dỗ muốn nghĩ rằng Giáo hội trẻ bởi vì Giáo hội chấp nhận mọi thứ được thế giới mời mọc Giáo hội, nghĩ rằng Giáo hội được đổi mới vì Giáo hội gạt thông điệp của mình sang một bên và hành động như mọi người khác. Không! Giáo hội trẻ trung khi Giáo hội là chính mình, khi Giáo hội nhận được một lần nữa sức mạnh được sinh ra từ lời Chúa, từ Bí tích Thánh Thể, và sự hiện diện hàng ngày của Chúa Kitô và sức mạnh của Chúa Thánh Thần trong cuộc sống của chúng ta. Giáo hội trẻ trung khi Giáo hội chứng tỏ mình có khả năng liên tục trở về nguồn của mình.

36. Chắc chắn, trong tư cách chi thể của Giáo hội, chúng ta không nên tách biệt với những người khác. Mọi người nên coi chúng ta là bạn bè và hàng xóm, giống như các tông đồ, những người “được hưởng thiện chí mọi người” (Cv 2:47; xem 4: 21,33; 5: 13). Nhưng đồng thời, chúng ta phải dám sống khác biệt, để nêu rõ các lý tưởng khác với các lý tưởng của thế giới này, làm chứng cho vẻ đẹp của lòng quảng đại, việc phục vụ, đức trong sạch, lòng kiên trì, sự tha thứ, lòng trung thành với ơn gọi bản thân, lời cầu nguyện, theo đuổi công lý và ích chung, tình yêu đối với người nghèo và tình bạn xã hội.

37. Giáo hội Chúa Kitô luôn có thể sa vào cơn cám dỗ dễ mất nhiệt tình vì không còn nghe thấy tiếng Chúa kêu gọi mình phải chấp nhận mạo hiểm đức tin, cho Giáo hội tất cả mà không tính đến các nguy hiểm; Giáo hội có thể bị cám dỗ trở lui tìm kiếm một hình thức an toàn giả mạo, trần tục. Những người trẻ có thể giúp giữ cho Giáo hội trẻ trung. Họ có thể ngăn Giáo hội khỏi thói nát; họ có thể giữ cho Giáo hội tiến về phía trước, ngăn Giáo hội kiêu căng và bẻ phái, giúp Giáo hội nghèo hơn và làm chứng tốt hơn, đứng về phía người nghèo và người bị ruồng bỏ, đấu tranh cho công lý và khiêm tốn để mình bị thử thách. Những người trẻ có thể cung hiến cho Giáo hội vẻ đẹp của tuổi trẻ bằng cách đổi mới khả năng của Giáo hội biết “vui mừng với những khởi đầu mới, hiến mình không dè dặt, đổi mới và lên đường

thực hiện các thành tựu lớn lao hơn bao giờ hết”. [11]

38. Những người trong chúng ta không còn trẻ nữa cần tìm cách gần gũi với các tiếng nói và mối quan tâm của người trẻ. “Sắp lại gần nhau tạo điều kiện để Giáo hội trở thành nơi đối thoại và làm chứng cho tình huynh đệ mang lại sự sống”. [12] Chúng ta cần tạo thêm chỗ cho các tiếng nói của người trẻ được lắng nghe: “Lắng nghe làm việc trao đổi các ơn phúc trong bối cảnh đồng cảm trở thành khả hữu... Đồng thời, nó đặt ra các điều kiện để việc rao giảng Tin Mừng có thể đánh động trái tim thật sự, dứt khoát và hữu hiệu” [13].

Một Giáo hội lưu ý đến các dấu chỉ thời đại.

39. “Mặc dù đối với nhiều người trẻ, Thiên Chúa, tôn giáo và Giáo hội xem như chỉ là những hạn từ trống rỗng, nhưng họ rất nhạy cảm đối với khuôn mặt Chúa Giêsu khi Người được trình bày một cách hấp dẫn và hữu hiệu” [14]. Do đó, Giáo Hội không nên quá bận tâm về chính mình mà trên hết, phải phản ánh Chúa Giêsu Kitô. Điều này có nghĩa: khiêm tốn nhìn nhận một số điều cần phải thay đổi một cách cụ thể, và nếu điều này xảy ra, Giáo Hội cần đánh giá cao viễn kiến và cả các lời chỉ trích của người trẻ.

40. Thượng hội đồng công nhận rằng, “một số lượng đáng kể người trẻ, vì mọi lý do, không yêu cầu Giáo hội bất cứ điều gì vì họ không thấy Giáo hội có ý nghĩa đối với cuộc sống của họ. Một số người thậm chí còn yêu cầu được để yên, vì họ thấy sự hiện diện của Giáo hội là một phiền toái, thậm chí là một điều gây khó chịu. Yêu cầu này không phải luôn luôn phát xuất từ sự khinh miệt không phê phán hoặc bóc lột. Nó cũng có thể có những lý do nghiêm túc và dễ hiểu: các tai tiếng tình dục và tài chính; giáo sĩ không được chuẩn bị đầy đủ để tham gia hữu hiệu vào các nhạy cảm của giới trẻ; thiếu quan tâm trong việc soạn và trình bày Lời Chúa; vai trò thụ động được giao cho giới trẻ trong cộng đồng Kitô giáo; khó khăn của Giáo Hội trong việc giải thích các lập trường tín lý và đạo đức của mình cho xã hội đương thời” [15].

41. Mặc dù nhiều người trẻ rất vui khi thấy một Giáo hội khiêm tốn nhưng tự tin vào các hồng phúc của mình và có khả năng cung ứng những lời chỉ trích công bằng và huynh đệ, nhiều người khác muốn có một Giáo hội biết lắng nghe nhiều hơn, làm nhiều điều hơn thay vì chỉ đơn giản lên án thế giới. Họ không muốn thấy một Giáo hội im lặng và sợ sệt lên tiếng, nhưng không phải là một Giáo hội luôn luôn tranh đấu một cách đầy ám ảnh trong hai hoặc ba vấn đề. Để được đáng tin cậy đối với những người trẻ, có những lúc Giáo hội cần lấy lại được sự khiêm nhường của mình và cần lắng nghe, nhìn nhận rằng những gì người khác nói có thể cung cấp một chút ánh sáng nào đó giúp Giáo hội hiểu Tin Mừng tốt hơn. Một Giáo hội luôn luôn ở thế phòng thủ, mất đi sự khiêm nhường của mình và ngưng lắng nghe người khác, không dành chỗ cho các câu hỏi, đánh mất tuổi trẻ của mình và biến thành một viện bảo tàng. Như thế, làm thế nào, Giáo Hội có thể đáp ứng các giấc mơ của người trẻ? Cho dù Giáo hội có sở hữu được sự thật của Tin Mừng đi nữa, điều đó không có nghĩa là Giáo hội đã hoàn toàn hiểu được nó; đúng hơn, Giáo hội được kêu gọi tiếp tục lớn lên trong việc nắm bắt kho báu vô tận này. [16]

42. Ví dụ, một Giáo hội quá sợ hãi và bị cột chặt vào các cơ cấu của nó có thể liên tục chỉ trích các nỗ lực nhằm bảo vệ các quyền của phụ nữ và liên tục chỉ ra những rủi ro và sai sót tiềm tàng của những yêu cầu này. Thay vào đó, một Giáo hội sống động có thể phản ứng bằng cách lưu ý đến các yêu sách chính đáng của phụ nữ muốn tìm công bằng và bình đẳng nhiều hơn. Một Giáo hội sống động có thể nhìn lại lịch sử và thừa nhận một phần quả mình sai lầm trong chủ nghĩa toàn trị, thống trị nam giới, nhiều hình thức nô dịch, lạm dụng và bạo lực tình dục. Với quan điểm này, Giáo hội có thể ủng hộ lời kêu gọi tôn trọng nữ quyền, và cung hiến sự hỗ trợ đầy thuyết phục cho tính hỗ tương lớn hơn giữa nam và nữ, dù không nhất trí với mọi điều được một số nhóm nữ quyền đề xuất. Dọc theo những đường hướng này, Thượng hội đồng đã tìm cách đổi mới cam kết của Giáo hội “chống lại mọi sự kỳ thị và bạo lực dựa trên cơ sở tính dục” [17]. Đây là đáp ứng của một Giáo hội biết giữ cho mình trẻ trung và cho phép bản thân được thách thức và thúc đẩy bởi sự nhạy cảm của người trẻ”.

Maria, người phụ nữ trẻ của Nadarét

43. Mẹ Maria tỏa sáng ngay tại trung tâm Giáo hội. Đức Mẹ là hình mẫu tối cao cho một Giáo hội trẻ trung tìm cách bước theo Chúa Kitô với lòng nhiệt tình và sự ngoan ngoãn. Khi còn rất trẻ, Đức Mẹ đã chấp nhận sứ điệp của thiên thần, nhưng Đức Mẹ không ngại đặt câu hỏi (x. Lc 1, 34). Với trái tim và linh hồn rộng mở, Đức Mẹ trả lời, “này, tôi là nữ tỳ của Chúa” (Lc 1:38).

44. "Chúng ta luôn ngỡ ngàng trước sức mạnh của tiếng 'xin vâng' của cô gái trẻ Maria, sức mạnh của những lời 'xin hãy làm cho tôi' mà ngài đã nói với thiên thần đó. Đây không chỉ là sự chấp nhận thụ động hay cam chịu, hay một tiếng 'xin vâng' yếu đuối như thể muốn nói 'thôi thì hãy thử xem sao'. Đức Mẹ không biết những lời đó, 'hãy thử xem sao'. Ngài đã quyết tâm; ngài biết điều này có nghĩa gì và ngài nói, 'xin vâng', không cần suy nghĩ hai lần. Tiếng xin vâng của ngài là tiếng xin vâng của một người sẵn sàng dấn thân, một người sẵn lòng mạo hiểm, sẵn sàng đánh cược mọi thứ ngài có, không có gì chắc chắn hơn là biết rằng ngài là người mang một lời hứa Vì vậy, tôi hỏi mỗi người trong các bạn: bạn có coi mình là người mang một lời hứa hay không? Lời hứa nào hiện diện trong trái tim tôi mà tôi có thể đảm nhận? Sứ mệnh của Mẹ Maria chắc chắn sẽ khó khăn, nhưng các thách thức không phải là lý do để nói 'không'. Tất nhiên sự việc sẽ trở nên phức tạp, nhưng không giống như cách lúc sự hèn nhát làm chúng ta tê liệt vì sự việc biết trước là không rõ ràng hoặc không chắc chắn. Đức Maria đã không mua bảo hiểm! Ngài đã mạo hiểm, và vì lý do này, ngài mạnh mẽ, ngài là một 'người gây ảnh hưởng', 'người gây ảnh hưởng' của Thiên Chúa. Tiếng 'xin vâng' của ngài và mong muốn phục vụ của ngài mạnh mẽ hơn bất cứ nghi ngờ hay khó khăn nào". [18]

45. Không chịu trốn tránh hay ảo tưởng, ngài “đã đồng hành với sự đau khổ của Con mình; ngài hỗ trợ Người bằng ánh mắt và bảo vệ Người bằng trái tim. Ngài chia sẻ nỗi khổ của Người, nhưng không bị nó áp đảo. Ngài là người phụ nữ mạnh mẽ đã thốt ra tiếng xin vâng, người hỗ trợ và đồng hành, bảo vệ và ôm ấp. Ngài là người bảo vệ tuyệt vời niềm hy vọng... Từ ngài, chúng ta học được cách nói ‘xin vâng’ trước sự bèn bĩ chịu đựng và tính sáng tạo

của những người, không nản lòng, luôn sẵn sàng để bắt đầu lại một lần nữa” [19].

46. Đức Maria là một phụ nữ trẻ có trái tim tràn ngập niềm vui (x. Lc 1,47), có đôi mắt, phản chiếu ánh sáng của Chúa Thánh Thần, nhìn đời bằng đức tin và trân quý giữ gìn mọi điều trong trái tim trẻ trung của mình (x. Lc 2 : 19,51). Ngài tràn đầy năng lực, sẵn sàng lên đường ngay lập tức một khi biết rằng người chị em họ của mình cần mình. Ngài đã không nghĩ tới các kế hoạch của riêng mình, nhưng đã “vội vã” lên đường, đến vùng đồi núi (Lc 1, 39).

47. Khi con trai nhỏ của ngài cần được bảo vệ, Đức Maria đã lên đường cùng Thánh Giuse đến một vùng đất xa xôi (x. Mt 2: 13-14). Ngài cũng tham gia với các môn đệ khi chờ đợi sự tuôn đổ của Chúa Thánh Thần (xem Cv 1:14). Với sự hiện diện của ngài, một Giáo hội trẻ đã ra đời, khi các tông đồ lên đường hạ sinh một thế giới mới (xem Cv 2: 4-11).

48. Ngày nay, Đức Maria là người Mẹ luôn chăm sóc chúng ta, những đứa con của ngài, trên hành trình xuyên qua cuộc đời, thường mệt mỏi và thiếu thốn, lo lắng để ánh sáng hy vọng không bị dập tắt. Vì đó là mong muốn của chúng ta: rằng ánh sáng của hy vọng không bao giờ bị dập tắt. Đức Maria Mẹ của chúng ta hướng nhìn dân lữ hành này: một dân trẻ trung mà ngài yêu thương và tìm kiếm ngài trong sự im lặng của trái tim họ giữa mọi ồn ào, huyền thoại và sao lãng của cuộc lữ hành. Dưới ánh mắt của Mẹ chúng ta, chỉ còn chỗ cho sự im lặng của hy vọng. Do đó Đức Maria chiếu sáng tuổi trẻ của chúng ta.

Các thánh trẻ

49. Trái tim Giáo hội cũng đầy những vị thánh trẻ đã hiến mạng sống mình cho Chúa Kitô, nhiều người trong số các ngài thậm chí đã chết cái chết tử vì đạo. Các ngài là những phản chiếu quý giá của Chúa Kitô trẻ trung; chứng tá rạng rỡ của các ngài khuyến khích chúng ta và đánh thức chúng ta khỏi sự thờ ơ của chúng ta. Thượng hội đồng chỉ ra rằng, “nhiều vị thánh trẻ đã để cho các đặc điểm của tuổi trẻ tỏa sáng trong mọi vẻ đẹp của chúng, và vào thời của các ngài, các ngài đã là những tiên tri thực sự của sự thay đổi. Gương sáng của các ngài cho thấy những gì người trẻ có khả năng thực hiện, khi họ mở lòng ra để gặp gỡ Chúa Kitô” [20].

50. “Qua sự thánh thiện của giới trẻ, Giáo hội có thể đổi mới nhiệt tâm thiêng liêng và sức sống tông đồ của mình. Dầu thơm thánh thiện phát sinh từ cuộc sống tốt đẹp của rất nhiều người trẻ có thể chữa lành các vết thương của Giáo hội và thế giới, đưa chúng ta trở lại với tình yêu viên mãn mà chúng ta luôn được mời gọi hướng tới: những vị thánh trẻ gợi hứng để chúng ta trở về với tình yêu đầu tiên của chúng ta (xem Kh 2: 4) [21]. Một số vị thánh không bao giờ tới tuổi trưởng thành, nhưng họ đã cho chúng ta thấy có một cách khác để sống tuổi trẻ của chúng ta. Chúng ta hãy nhớ lại ít nhất một vài vị trong số các ngài, mỗi vị theo cách riêng của mình và ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, đã sống cuộc sống thánh thiện:

51. Vào thế kỷ thứ ba, Thánh Sebastian là một đội trưởng trẻ của Đội cận vệ Praetorian. Người ta nói rằng ngài đã liên tục nói về Chúa Kitô và cố gắng làm các đồng đội của mình

trở lại, đến mức ngài được lệnh phải từ bỏ đức tin. Vì từ khước, ngài bị bắn bằng mũi tên, nhưng ngài sống sót và tiếp tục công bố Chúa Kitô một cách không sợ hãi. Cuối cùng, Sebastian bị đánh cho đến chết.

52. Thánh Phanxicô Assisi, khi còn rất trẻ và đầy những giấc mơ vĩ đại, đã nghe lời kêu gọi của Chúa Giêsu trở nên nghèo như Người và xây dựng lại Giáo hội bằng chứng tá của ngài. Ngài vui mừng từ bỏ tất cả những gì mình có và giờ đây là vị thánh của tình huynh đệ phổ quát, anh em của mọi người. Ngài ca ngợi Chúa vì tạo vật của Người. Thánh Phanxicô mất năm 1226.

53. Thánh Gioan Arc sinh năm 1412. Bà là một cô gái nông dân trẻ, mặc dù có những năm tháng dịu dàng, đã chiến đấu để bảo vệ nước Pháp khỏi những kẻ xâm lược. Bị hiểu lầm vì thái độ, hành động và cách sống đức tin của bà, Gioan đã bị thiêu sống.

54. *Chân phúc Anrê Phú Yên* là một chàng trai trẻ người Việt ở thế kỷ XVII. Ngài là một giáo lý viên và trợ giúp các nhà truyền giáo. Ngài bị cầm tù vì đức tin, và vì không chịu từ bỏ nó, ngài đã bị giết. Anrê chết khi thốt ra tên Chúa Giêsu.

55. Cũng trong thế kỷ đó, Thánh Kateri Tekakwitha, một người trẻ bản địa Bắc Mỹ, đã bị bức hại vì đức tin của mình và, để trốn thoát, đã đi bộ hơn ba trăm kilômét trong vùng hoang dã. Kateri tận hiến cho Chúa và chết trong khi nói, “Lạy Chúa Giêsu, con yêu Chúa!”

56. Thánh Đaminh Savio dâng tất cả những đau khổ của mình cho Đức Maria. Khi Thánh Gioan Bosco dạy ngài rằng sự thánh thiện hệ ở việc luôn vui vẻ, ngài đã mở lòng ra đón nhận một niềm vui lây lan. Ngài muốn gần gũi với người trẻ bị bỏ rơi và yếu đuối nhất. Đaminh qua đời năm 1857 lúc mười bốn tuổi, khi chết nói rằng: “Tôi đang trải nghiệm một điều kỳ diệu xiết bao!”

57. Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu sinh năm 1873. Năm mười lăm tuổi, vượt qua nhiều khó khăn, bà đã thành công gia nhập tu viện Camêlô. Thánh Têrêxa sống theo con đường bé nhỏ hoàn toàn tin tưởng vào tình yêu của Chúa và quyết tâm dùng lời cầu nguyện quật cho ngọn lửa tình yêu bùng cháy trong lòng Giáo hội.

58. *Chân phúc Ceferino Namuncurá* là một người Á Căn Đình trẻ tuổi, con trai của người đứng đầu một bộ lạc xa xôi của người bản địa. Ngài trở thành một chủng sinh Salêdiêng, tràn đầy ước mong trở về bộ lạc của mình, mang Chúa Kitô đến với họ. Ceferino chết năm 1905.

59. *Chân phúc Isidore Bakanja* là một giáo dân từ Congo, làm chứng cho đức tin của mình. Ngài đã bị tra tấn rất lâu vì đã đề xuất Kitô giáo cho những người trẻ khác. Tha thứ cho tên đao phủ của mình, Isidore chết năm 1909.

60. *Chân phúc Giorgio Frassati*, người qua đời năm 1925, “là một chàng trai trẻ tràn đầy niềm vui, lôi cuốn mọi điều theo với nó, một niềm vui thắng vượt cả nhiều khó khăn trong cuộc

sống của ngài" [22]. Pier Giorgio nói rằng ngài muốn đáp trả tình yêu Chúa Giêsu mà ngài đã nhận được trong việc hiệp lễ bằng cách đến thăm và giúp đỡ người nghèo.

61. Chân phúc Marcel Callo là một chàng trai trẻ người Pháp đã chết năm 1945. Marcel bị giam cầm trong một trại tập trung ở Áo, nơi ngài củng cố các bạn tù của mình trong đức tin giữa lúc lao động khắc nghiệt.

62. Chân phúc trẻ Chiara Badano, người đã chết năm 1990, “đã trải nghiệm nỗi đau có thể biến đổi như thế nào bởi tình yêu... Chìa khóa của sự bình an và niềm vui của bà là niềm tin thác hoàn toàn vào Chúa và sự chấp nhận bệnh tật của bà như một biểu thức mâu nhiệm của ý chí Người vì lợi ích của bà và của những người khác" [23].

63. Xin các vị này và rất nhiều người trẻ khác, những người có lẽ trong im lặng và ẩn dật đã sống Tin Mừng trọn vẹn, cầu bầu cho Giáo hội, để Giáo hội có thể tràn đầy niềm vui, can đảm và những người trẻ dấn thân, những người có thể cung hiến cho thế giới những chứng từ thánh thiện mới mẻ.

CHƯƠNG BA: Các bạn là “lúc bây giờ” của Chúa

64. Sau khi ngắn gọn xem xét lời Chúa, chúng ta không thể chỉ nói rằng người trẻ là tương lai của thế giới chúng ta. Họ là hiện tại của nó; ngay cả bây giờ, họ đang giúp làm giàu nó. Người trẻ không còn là trẻ con. Họ đang ở thời điểm của cuộc sống lúc họ bắt đầu đảm nhận một số trách nhiệm, tham dự cùng với người lớn vào sự phát triển gia đình, xã hội và Giáo hội. Tuy nhiên, thời thế đang thay đổi, khiến chúng ta phải đặt câu hỏi: Người trẻ ngày nay thực sự là thế nào? Điều gì đang diễn ra trong cuộc sống của họ?

Trong các điều tích cực

65. Thượng hội đồng nhìn nhận rằng các thành viên của Giáo hội không phải lúc nào cũng tiếp nhận cách tiếp cận của Chúa Giêsu. Thay vì lắng nghe các người trẻ một cách chăm chú, thì quá thường xuyên, có xu hướng cung cấp các câu trả lời đóng gói sẵn và các giải pháp làm sẵn, mà không cho phép các câu hỏi thực sự của họ được nêu ra và đối đầu với các thách thức mà họ đặt ra. [24] Tuy nhiên, một khi Giáo hội gạt bỏ các định kiến hẹp hòi và lắng nghe giới trẻ một cách cẩn thận, sự đồng cảm (empathy) này làm phong phú thêm cho Giáo hội, vì “nó cho phép người trẻ đóng góp cho cộng đồng, giúp họ đánh giá cao các nhạy cảm mới và xem xét các câu hỏi mới” [25].

66. Người lớn chúng ta thường bị cám dỗ muốn liệt kê mọi nan đề và sai sót của người trẻ ngày nay. Có lẽ một số người còn thấy đáng khen khi chúng ta dường như rất có chuyên môn trong việc biện phân các khó khăn và nguy hiểm. Nhưng kết quả của một thái độ như vậy là gì? Khoảng cách lớn hơn, ít gần gũi hơn, ít hỗ trợ lẫn nhau hơn.

67. Bất cứ ai được kêu gọi làm cha, mục tử và người hướng dẫn tuổi trẻ phải có tầm nhìn xa để đánh giá cao ngọn lửa nho nhỏ tiếp tục bùng cháy, cây sậy mỏng manh bị lúc lắc nhưng không bị đập gãy (xem Is 42:3). Khả năng biện phân được đường đi ở chỗ các người khác chỉ nhìn thấy các bức tường, nhận ra tiềm năng ở chỗ các người khác chỉ nhìn thấy hiểm họa. Đó là cách Thiên Chúa Cha nhìn sự vật; Người biết cách trân trọng và nuôi dưỡng các hạt giống của lòng tốt gieo trong lòng người trẻ. Do đó, cõi lòng mỗi người trẻ nên được coi là “mảnh đất thánh thiêng, mang hạt giống sự sống thần thiêng, mà trước nó, chúng ta phải cời giày của mình ra mới có thể đến gần và bước vào Mầu Nhiệm sâu hơn.

Nhiều cách để trẻ trung

68. Chúng ta dám cố gắng vẽ ra một bức tranh của người trẻ ngày nay, nhưng trước tiên, tôi muốn nhắc lại lời các nghị phụ; các ngài từng lưu ý rằng “thành phần Thượng Hội Đồng mang lại sự hiện diện và đóng góp của nhiều khu vực khác nhau trên thế giới, và làm nổi bật vẻ đẹp của việc chúng ta là một Giáo hội hoàn vũ. Trong bối cảnh hoàn cầu hóa ngày càng gia tăng, các nghị phụ Thượng Hội Đồng muốn thấy nhiều sự khác biệt về bối cảnh và văn

hóa, cả trong các quốc gia cá thể, được nhấn mạnh một cách thích đáng. Các thế giới ‘tuổi trẻ’ ngày nay nhiều đến nỗi ở một số quốc gia, người ta có xu hướng nói đến ‘các người trẻ’ ở số nhiều. Nhóm tuổi (16-29 tuổi) được Thượng hội đồng xem xét không đại diện cho một thể loại đồng nhất, nhưng bao gồm các nhóm khác biệt, mỗi nhóm có trải nghiệm cuộc sống riêng của mình [26].

69. Lại nữa, do quan điểm nhân khẩu học, một số quốc gia có nhiều người trẻ tuổi, trong khi các nước khác có tỷ lệ sinh rất thấp. Một nhân tố dị biệt hóa nữa có tính lịch sử: có các quốc gia và lục địa thuộc truyền thống Kitô giáo cổ xưa, với một nền văn hóa được đánh dấu hết sức sâu đậm bởi một kỷ ức không dễ dàng bị gạt bỏ, trong khi các quốc gia và lục địa khác được đặc trưng bởi các truyền thống tôn giáo khác, trong đó Kitô giáo chỉ là một hiện diện thiểu số - và đôi khi mới có đây. Lại ở các nơi khác, các cộng đồng Kitô giáo và các người trẻ thuộc các cộng đồng này, đang kinh qua cuộc bách hại [27]. Cũng cần phải phân biệt các người trẻ “được tiếp cận với các cơ hội ngày càng tăng do hoàn cầu hóa mang lại với các người trẻ sống ở rìa xã hội hoặc ở các khu vực nông thôn, và thấy mình bị loại trừ hoặc bị vứt bỏ” [28].

70. Có nhiều sự khác biệt hơn nữa, các khác biệt khó khảo sát ở đây. Dù sao, tôi thấy không cần phải phân tích chi tiết về người trẻ ngày nay, cuộc sống và kinh nghiệm của họ. Đồng thời, vì tôi không muốn bỏ qua thực tại đó, tôi sẽ tóm tắt ngắn gọn một số đóng góp nhận được trước Thượng hội đồng và các nơi khác tôi đã nghe được trong diễn trình hội họp.

Một số kinh nghiệm của người trẻ

71. Tuổi trẻ không phải là một điều để phân tích một cách trừu tượng. Thật vậy, ‘tuổi trẻ’ không hiện hữu: chỉ hiện hữu các người trẻ tuổi, mỗi người với thực tại cuộc sống của chính họ. Trong thế giới thay đổi nhanh chóng ngày nay, nhiều cuộc đời này phải giáp mặt với đau khổ và thao túng.

Sống trong một thế giới khủng hoảng

72. Các nghị phụ Thượng hội đồng thừa nhận với nỗi buồn rằng nhiều người trẻ ngày nay đang sống trong các vùng chiến tranh và kinh qua bạo lực dưới muôn vàn hình thức khác nhau: bắt cóc, tống tiền, tội phạm có tổ chức, buôn bán người, nô lệ và bóc lột tình dục, hiếp dâm thời chiến, v.v. Các người trẻ khác, vì đức tin của họ, đang phải đấu tranh để tìm được chỗ đứng trong xã hội và chịu đựng nhiều loại bách hại, thậm chí bị giết. Nhiều người trẻ, bất kể bằng vũ lực hay vì thiếu các phương thức thay thế, đang sống bằng cách phạm tội ác và các hành vi bạo lực: lính trẻ em, băng đảng tội phạm có vũ trang, buôn bán ma túy, khủng bố, vãn vãn. Bạo lực này phá hủy nhiều cuộc sống trẻ. Lạm dụng và nghiện ngập, cùng với bạo lực và hành vi sai trái, là một số lý do khiến người trẻ vào tù, với tỷ lệ mắc bệnh cao hơn ở một số nhóm sắc tộc và xã hội nhất định [29].

73. Nhiều người trẻ tuổi bị cuốn theo ý thức hệ, được sử dụng và khai thác làm bia đỡ đạn

hoặc lực lượng xung kích nhằm tiêu diệt, khủng bố hoặc chế giễu người khác. Tệ hơn nữa, nhiều người trong số họ kết cục thành các người theo chủ nghĩa cá nhân, thù địch và không tin tưởng vào người khác; bằng cách này, họ trở thành một mục tiêu dễ dàng cho các chiến lược tàn bạo và phá hoại của các nhóm chính trị hoặc các thế lực kinh tế.

74. “Lại còn nhiều người hơn nữa trên thế giới là các người trẻ chịu các hình thức bị đẩy ra bên lề và loại trừ về phương diện xã hội, vì các lý do tôn giáo, sắc tộc hoặc kinh tế. Ta hãy nhớ đến hoàn cảnh khó khăn của các thiếu nữ và thiếu phụ mang thai, đại họa phá thai, cũng như sự lây lan của HIV, các hình thức nghiện ngập khác nhau (ma túy, trò chơi may rủi, văn hóa khiêu dâm, v.v.) và tình trạng các trẻ em và thanh thiếu niên đường phố không nhà, không gia đình, không tài nguyên kinh tế” [30]. Trong trường hợp phụ nữ, các tình huống này càng đau đớn và khó khăn gấp đôi.

75. Là một Giáo hội, ước chi chúng ta đừng bao giờ không khóc trước các bi kịch này của tuổi trẻ. Ước chi chúng ta không bao giờ trở nên vô cảm (inured) đối với chúng, vì bất cứ ai không có khả năng rơi nước mắt đều không thể làm mẹ. Chúng ta muốn khóc để xã hội có thể trở thành một người mẹ, để thay vì sát hại, nó có thể học cách sinh con, trở thành một lời hứa ban sự sống. Chúng ta khóc khi nghĩ đến tất cả các người trẻ đã mất mạng vì nghèo đói và bạo lực, và chúng ta yêu cầu xã hội học cách trở thành một người mẹ biết chăm sóc. Không nỗi đau nào này biến mất; nó ở lại với chúng ta, vì thực tại khắc nghiệt không còn có thể được che giấu mãi nữa. Điều tồi tệ nhất chúng ta có thể làm là tiếp nhận tinh thần thế gian mà giải pháp đơn giản là gây mê cho các người trẻ bằng các thông điệp khác, các tiêu khiển khác, các mưu cầu tầm thường.

76. Có lẽ “nhiều người trong chúng ta có một cuộc sống khá thoải mái nên không biết cách khóc. Một số thực tại trong cuộc sống chỉ được nhìn thấy bằng đôi mắt được rửa sạch bằng nước mắt. Tôi muốn mỗi bạn tự hỏi mình câu hỏi này: Tôi có thể khóc không? Tôi có thể khóc khi nhìn thấy một đứa trẻ đói lả, dùng ma túy hoặc ở đường phố, vô gia cư, bị bỏ rơi, bị ngược đãi hoặc bị bóc lột như một nô lệ của xã hội không? Hay là cái khóc của tôi chỉ là cái khóc rên rỉ vì kỷ của các người khóc vì họ muốn một điều gì khác?” [31]. Các bạn hãy cố gắng học cách khóc cho tất cả người trẻ kém may mắn hơn các bạn. Khóc cũng là một biểu hiệu của lòng thương xót và cảm thương. Nếu nước mắt không đến, các bạn hãy cầu xin Chúa ban cho các bạn ơn có thể khóc cho các đau khổ của người khác. Một khi các bạn có thể khóc, thì các bạn sẽ có thể giúp đỡ người khác từ tận đáy lòng.

77. Đôi khi, nỗi đau của một số bạn trẻ có tính xé lòng, một nỗi đau quá sâu vượt quá lời nói. Họ chỉ có thể nói với Thiên Chúa họ đau khổ đến mức nào, và đi tiếp là điều khó khăn xiết bao đối với họ, vì họ không còn tin vào bất cứ ai nữa. Tuy nhiên, trong lời cầu than thở đau buồn đó, lời lẽ của Chúa Giêsu vang lên rõ rệt: “Phúc thay các người than khóc, vì họ sẽ được an ủi” (Mt 5: 4). Một số người trẻ nam nữ đã có thể tiến về phía trước vì họ nghe thấy lời hứa thần thiêng này. Ước chi mọi người trẻ nào đang đau khổ cảm thấy sự gần gũi của một cộng đồng Kitô giáo có thể phản ánh các lời nói đó bằng hành động, bằng ôm ấp và giúp đỡ cụ thể của họ.

78. Đúng là các người nắm quyền có cung cấp một số trợ giúp, nhưng thường thì sự trợ giúp này phải trả giá cao. Ở nhiều nước nghèo, viện trợ kinh tế do một số nước giàu hơn hoặc các cơ quan quốc tế cung cấp thường gắn liền với việc phải chấp nhận các quan điểm của phương Tây về tình dục, hôn nhân, sự sống hoặc công bằng xã hội. Chính sách thực dân ý thức hệ này đặc biệt có hại cho người trẻ. Chúng ta cũng thấy một loại quảng cáo nào đó đang dạy cho người trẻ vĩnh viễn không hài lòng và đóng góp vào nền văn hóa vứt bỏ, trong đó chính các người trẻ kết cục bị loại bỏ.

79. Nền văn hóa ngày nay của chúng ta khai thác hình ảnh người trẻ. Vẻ đẹp được liên kết với vẻ trẻ trung bề ngoài, phương pháp điều trị thẩm mỹ che giấu các vết nhăn thời gian. Các thân thể trẻ liên tục được quảng cáo như phương tiện bán sản phẩm. Lý tưởng của cái đẹp là tuổi trẻ, nhưng chúng ta cần hiểu ra rằng điều này có rất ít liên quan đến các người trẻ. Nó chỉ có nghĩa là người lớn muốn cướp tuổi trẻ cho chính họ, chứ họ không tôn trọng, yêu thương và chăm sóc người trẻ.

80. Một số người trẻ “thấy các truyền thống gia đình có tính áp bức và họ chạy trốn chúng dưới sự thúc đẩy của một nền văn hóa hoàn cầu hóa mà đôi khi khiến họ không còn điểm tham chiếu nào. Ở các nơi khác trên thế giới, thậm chí còn hơn cả xung đột thế hệ giữa người trẻ và người trưởng thành, có sự ghẻ lạnh lẫn nhau. Đôi khi người lớn quên, hoặc thậm chí không cố gắng, trao lại các giá trị căn bản của cuộc sống hoặc họ cố gắng bắt chước người trẻ, do đó đảo ngược mối liên hệ giữa các thế hệ. Do đó, mối liên hệ giữa người trẻ và người trưởng thành có nguy cơ nằm lại ở bình diện xúc cảm, khiến các khía cạnh giáo dục và văn hóa của nó không được bàn luận” [32]. Điều này gây hại cho người trẻ, mặc dù một số không lưu ý đến nó! Chính các người trẻ đã nhận xét rằng điều này khiến việc truyền tải đức tin trở nên vô cùng khó khăn như thế nào “tại một số quốc gia không có tự do ngôn luận, nơi người trẻ bị ngăn chặn, không được tham dự Giáo Hội” [33].

Thèm muốn, méch lòng và hoài mong

81. Người trẻ ý thức được rằng cơ thể và tính dục có một tầm quan trọng thiết yếu đối với cuộc sống của họ và cho diễn trình tăng trưởng bản sắc của họ. Tuy nhiên, trong một thế giới liên tục đề cao tính dục, việc duy trì mối liên hệ lành mạnh với cơ thể một người và một cuộc sống xúc cảm thanh thản là điều không dễ dàng. Vì lý do này và các lý do khác, luân lý tính dục thường có xu hướng trở thành nguồn gốc của “việc không hiểu và xa lánh Giáo hội, bao lâu Giáo hội bị coi như một nơi phán xét và lên án”. Tuy nhiên, người trẻ cũng bày tỏ “mong muốn mình nhiên được thảo luận các câu hỏi liên quan đến sự khác biệt giữa bản sắc nam và nữ, tính tương hỗ giữa nam và nữ và đồng tính luyến ái”[34].

82. Trong thời đại chúng ta, “các tiến bộ trong khoa học và trong các kỹ thuật y sinh đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tri nhận về cơ thể, dẫn tới ý tưởng cho rằng nó bỏ ngỏ cho việc sửa đổi không giới hạn. Khả năng can thiệp vào DNA, khả năng chèn các yếu tố nhân tạo vào các sinh vật (cyborg) và việc phát triển của khoa học thần kinh đại diện cho một nguồn tài

nguyên lớn lao, nhưng đồng thời chúng cũng đặt ra các câu hỏi nghiêm trọng về nhân học và đạo đức [35]. Chúng có thể khiến chúng ta quên rằng sự sống là một quà phúc và chúng ta là các sinh vật có giới hạn bẩm sinh, thường bị khai thác bởi các người nắm giữ sức mạnh kỹ thuật [36]. Hơn nữa, trong một số giới trẻ, niềm đam mê ngày càng gia tăng đối với hành vi mạo hiểm như một phương tiện để tự khám phá, tìm kiếm các cảm xúc mạnh mẽ và thu hút chú ý... Các thực tại mà tuổi trẻ thường phải giáp mặt này, là các trở ngại đối với sự tăng trưởng thanh thân để trưởng thành” [37].

83. Người trẻ cũng đang kinh qua nhiều đình đốn, thất vọng và các ký ức đau đớn sâu xa. Thường thì họ cảm thấy "các tổn thương của thất bại quá khứ, các ham muốn không được thỏa mãn, các trải nghiệm kỳ thị và bất công, cảm thấy không được yêu thương và không được chấp nhận". Rồi, có quá nhiều "các vết thương luân lý, gánh nặng của các sai lầm trong quá khứ, cảm giác tội lỗi vì đã phạm sai lầm" [38]. Chúa Giêsu làm cho sự hiện diện của Người được cảm nhận giữa các cây thánh giá được các người trẻ vác; Người ban cho họ tình bạn, sự an ủi và tình đồng hành đầy chữa lành của Người. Giáo hội muốn trở thành công cụ của Người trên nẻo đường dẫn tới chữa lành và bình an nội tâm này.

84. Ở một số người trẻ, chúng ta có thể thấy một niềm khao khát về Thiên Chúa, mặc dù vẫn còn mơ hồ và còn cách xa kiến thức về Thiên Chúa của mặc khải. Ở các người khác, chúng ta có thể thoáng thấy một lý tưởng về tình huynh đệ nhân bản, vốn là điều không nhỏ. Nhiều người có một nguyện ước chân chính muốn phát triển các tài năng của họ để cung ứng một điều gì đó cho thế giới của chúng ta. Ở một số người khác, chúng ta thấy một sự nhạy cảm nghệ thuật đặc biệt, hoặc khao khát được hòa hợp với thiên nhiên. Ở các người khác, có lẽ, một nhu cầu lớn muốn thông đạt. Nơi nhiều người trong số họ, chúng ta gặp một mong ước sâu sắc muốn sống một cuộc sống khác biệt. Trong tất cả các điều này, chúng ta có thể tìm thấy các khởi điểm thực sự, nguồn lực bên trong sẵn sàng đón nhận một lời kích thích, khôn ngoan và khuyến khích.

85. Thượng hội đồng đã xử lý cách riêng ba lĩnh vực cực kỳ quan trọng. Ở đây, tôi muốn trích dẫn các kết luận của Thượng Hội Đồng, đồng thời nhìn nhận rằng chúng kêu gọi một cuộc phân tích lớn hơn và phát triển khả năng đáp ứng thỏa đáng và hữu hiệu hơn.

Môi trường kỹ thuật số

86. “Thế giới kỹ thuật số là đặc điểm của thế giới đương thời. Nhiều thành phần rộng lớn của nhân loại đắm chìm trong đó một cách bình thường và liên tục. Đây không chỉ là vấn đề ‘sử dụng’ các phương tiện truyền thông, mà là sống trong một nền văn hóa phần lớn được kỹ thuật số hóa, một nền văn hóa ảnh hưởng sâu sắc đến các ý niệm thời gian và không gian, nhận thức bản thân, người khác và thế giới, cách thế truyền thông, học hỏi, tự thông tri và bước vào tương quan với người khác. Cách tiếp cận thực tại có xu hướng dành ưu tiên cho hình ảnh hơn là việc nghe và đọc có tác động đến cách học và phát triển ý thức phê phán” [39].

87. Liên Mạng và các mạng lưới xã hội đã tạo ra một cách truyền đạt và kết nối mới. Chúng là “các quảng trường công cộng nơi người trẻ sống nhiều thì giờ và gặp nhau dễ dàng, cho dù mọi người không được truy cập như nhau, đặc biệt ở một số nơi trên thế giới. Chúng cung cấp một cơ hội phi thường để đối thoại, gặp gỡ và trao đổi giữa nhiều người và cung cấp sự truy cập thông tin và kiến thức. Ngoài ra, thế giới kỹ thuật số là thế giới để tham gia chính trị xã hội và quyền công dân tích cực và nó có thể tạo điều kiện cho việc lưu hành luồng thông tin độc lập có khả năng bảo vệ hữu hiệu nhất các người dễ bị tổn thương nhất bằng cách tiết lộ giữa thanh thiên bạch nhật các vi phạm quyền lợi của họ. Ở nhiều quốc gia, liên mạng và các mạng xã hội còn đại diện cho một diễn đàn vững vàng để vươn tới và làm cho giới trẻ tham gia, đặc biệt là vào các sáng kiến và hoạt động mục vụ” [40].

88. Tuy nhiên, để hiểu toàn bộ hiện tượng này, chúng ta cần nhận ra rằng, giống như mọi thực tại của con người, nó có một số hạn chế và thiếu sót. Sẽ không có lợi khi nhào lộn giữa truyền thông và các tiếp xúc ảo. Thật vậy “Thế giới kỹ thuật số cũng là nơi cô đơn, thao túng, bóc lột và bạo lực, đến chỗ cực đoan là ‘các mạng đen tối’ (dark web). Phương tiện truyền thông kỹ thuật số có thể dẫn người ta đến chỗ nguy cơ nghiện ngập, cô lập và dần dần mất giao tiếp với thực tại cụ thể, cản trở việc phát triển các mối liên hệ liên ngã chân thực. Các hình thức bạo lực mới đang lan tràn qua các phương tiện truyền thông xã hội, chẳng hạn bắt nạt trực tuyến (cyber-bullying). Liên mạng cũng là một máng phân phối văn hóa khiêu dâm và khai thác con người cho các mục đích tình dục hoặc qua cờ bạc” [41].

89. Không nên quên rằng “các quyền lợi kinh tế to lớn cũng đang hoạt động trong thế giới kỹ thuật số, với khả năng thực hành các hình thức kiểm soát vừa tinh vi vừa xâm lấn, tạo ra các cơ chế để thao túng lương tâm và các diễn trình dân chủ. Việc vận hành của nhiều hệ điều hành thường kết thúc bằng việc khuyến khích sự gặp gỡ giữa các người có suy nghĩ như nhau, ngăn chặn họ tranh luận. Các mạch khép kín này tạo điều kiện cho việc phổ biến thông tin sai lệch và tin tức sai lệch, xúi giục định kiến và thù hận. Việc phổ biến các tin tức giả nói lên một nền văn hóa đã đánh mất ý thức về sự thật và bắt các sự kiện lệ thuộc các quyền lợi riêng. Danh tiếng của người ta bị đe dọa bởi các bản tóm lược vụ kiện trên trực tuyến. Giáo hội và các mục tử của Giáo Hội cũng không được miễn trừ hiện tượng này” [42].

90. Một tài liệu được chuẩn bị vào trước ngày Thượng hội đồng bởi ba trăm người trẻ trên toàn thế giới đã chỉ ra rằng “các mối liên hệ trực tuyến có thể trở thành vô nhân đạo”. Các không gian kỹ thuật số làm chúng ta đui mù trước sự dễ bị tổn thương của một con người nhân bản khác và ngăn chúng ta tự phản tỉnh. Các vấn đề như văn hóa khiêu dâm làm méo mó tri nhận của người trẻ về tính dục của con người. Kỹ thuật được sử dụng theo cách này tạo ra một thực tại ảo tưởng song song mà bỏ qua phẩm giá con người. [43] Đối với nhiều người, việc chìm đắm trong thế giới ảo đã tạo điều kiện cho một loại “di cư kỹ thuật số”, liên quan đến việc rút khỏi gia đình của họ và các giá trị văn hóa và tôn giáo của họ, và bước vào một thế giới cô đơn và tự phát minh, với kết quả là họ cảm thấy mất gốc ngay trong khi vẫn còn ở một nơi về phương diện thể lý. Cuộc sống tươi mới và vui vẻ của những người trẻ muốn khẳng định nhân cách của họ ngày nay đang phải đương đầu với một thách thức mới: đó là thách thức tương tác với một thế giới thực và ảo mà họ bước vào một mình, như thể đặt

chân lên một lục địa hoàn cầu chưa được khám phá. Giới trẻ ngày nay là các người đầu tiên phải thực hiện việc tổng hợp này giữa điều gì là bản thân, điều gì là khác biệt với nền văn hóa liên hệ của họ và điều gì có tính hoàn cầu. Việc này có nghĩa là họ phải tìm ra cách vượt từ một tiếp xúc ảo qua một truyền thông tốt đẹp và lành mạnh.

Di dân như điển hình thời ta

91. Làm thế nào chúng ta có thể không nghĩ đến tất cả những người trẻ đang bị ảnh hưởng bởi các phong trào di cư? “Xét về bình diện hoàn cầu, di dân là một hiện tượng có tính cơ cấu chứ không phải một trường hợp khẩn cấp có tính tạm thời. Nó có thể xảy ra trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia khác nhau. Mỗi quan tâm của Giáo hội đặc biệt liên quan tới các người chạy trốn chiến tranh, bạo lực, bách hại chính trị hoặc tôn giáo, các thiên tai do biến đổi khí hậu và nghèo đói cùng cực. Nhiều người trong số họ là người trẻ. Nói chung, họ đang tìm kiếm cơ hội cho bản thân và cho gia đình họ. Họ mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn và muốn tạo điều kiện để đạt được nó” (44). Di dân “nhắc nhở chúng ta khía cạnh nền tảng của đức tin, tức việc chúng ta là "khách lạ và khách du trên trái đất" (Dt 11:13) (45).

92. Các di dân khác bị “thu hút bởi nền văn hóa phương Tây, đôi khi nuôi dưỡng các kỳ vọng không thực tế khiến họ thất vọng nặng nề. Các tay buôn người vô lương tâm, thường nối kết với các băng đảng ma túy và vũ khí, khai thác điểm yếu của các di dân, các người, trong suốt hành trình của họ, thường xuyên phải chịu thương tổn vì bạo lực, vì nạn buôn người, vì bị lạm dụng tâm lý và thậm chí cả thể lý nữa, và các đau khổ không kể xiết. Cũng không thể bỏ qua tính dễ bị tổn thương đặc biệt của các di dân không có người đi cùng và tình huống của các người bị buộc phải sống nhiều năm trong các trại tị nạn hoặc đã bị nhốt một thời gian dài tại các quốc gia quá cảnh, mà không thể tiếp tục theo đuổi việc học, hoặc sử dụng tài năng của họ. Ở một số quốc gia tiếp đón, hiện tượng di dân làm phát sinh sợ hãi và báo động, thường được xúi giục và khai thác cho các mục tiêu chính trị. Việc này có thể dẫn đến nỗi trạng bài ngoại, vì người ta tự khép kín vào chính mình và chúng ta phải kiên quyết giải quyết điều này” (46).

93. “Người di dân trẻ cảm nghiệm cảnh cách ly với nơi nguyên quán của họ và thường cả việc mất gốc về văn hóa và tôn giáo. Sự phân mảnh cũng được cảm nhận nơi các cộng đồng họ bỏ lại sau lưng; các cộng đồng này mất đi các thành phần mạnh mẽ và năng nổ nhất của họ, và nơi các gia đình, đặc biệt khi một trong hai cha mẹ di cư, hoặc cả hai, để con cái họ ở lại quê nhà. Giáo hội có vai trò quan trọng làm điểm tham chiếu cho các người trẻ của các gia đình tan vỡ này. Nhưng các câu chuyện về di dân cũng là các câu chuyện về gặp gỡ giữa các con người và nền văn hóa: đối với cộng đồng và các xã hội chủ nhà, họ tượng trưng một cơ hội làm phong phú và phát triển con người toàn diện cho mọi người. Các sáng kiến tiếp đón có liên hệ với Giáo hội có một vai trò quan trọng trong quan điểm này và có thể mang lại sức sống mới để các cộng đồng này có năng lực đảm nhiệm chúng” (47).

94. “Vì các bối cảnh đa dạng của các nghị phụ Thượng hội đồng, cuộc thảo luận về người di cư được hưởng lợi từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, đặc biệt là từ các quốc gia đi và các

quốc gia đến. Quan tâm nghiêm trọng cũng đã được phát biểu bởi các Giáo hội mà các thành viên cảm thấy buộc phải trốn thoát khỏi chiến tranh và bách hại và bởi các người khác, những người thấy mình bị đe dọa mạng sống nên buộc phải di dân. Chính sự kiện Giáo hội có thể chấp nhận tất cả các quan điểm đa dạng này cho phép Giáo hội đóng vai trò tiên tri trong xã hội liên quan đến vấn đề di dân”. [48] Một cách đặc biệt, tôi kêu gọi người trẻ đừng rơi vào tay các người nhắm đặt họ chống lại người trẻ khác, những người mới đến đất nước của họ, và là các người khuyến khích họ coi lớp người sau như một mối đe dọa và không sở đắc cùng một phẩm giá bất khả xâm phạm giống như mọi con người nhân bản khác.

Chấm dứt mọi hình thức lạm dụng

95. Gần đây, các lời kêu gọi khẩn cấp đã được đưa ra để chúng ta nghe tiếng khóc của các nạn nhân thuộc các loại lạm dụng khác nhau do một số giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân vi phạm. Các tội lỗi này khiến nạn nhân của họ “đau khổ có thể kéo dài suốt đời và không có sự ăn năn nào có thể chữa lành. Hiện tượng này phổ biến trong xã hội và nó cũng ảnh hưởng đến Giáo hội và đại diện cho một trở ngại nghiêm trọng đối với sứ mệnh của Giáo hội” [49].

96. Đúng là, “đại họa lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên là, và trong lịch sử đã là, một hiện tượng phổ biến trong mọi nền văn hóa và xã hội”, đặc biệt là trong các gia đình và trong các định chế khác nhau; phạm vi của nó đã trở nên nổi tiếng chủ yếu “nhờ vào các thay đổi trong công luận”. Dù thế, vấn đề này, trong khi có tính phổ quát và “ảnh hưởng nghiêm trọng đến xã hội của chúng ta như một toàn bộ... vẫn không có gì kém ghê gớm hơn khi nó diễn ra trong Giáo hội”. Thật vậy, “trong sự giận dữ chính đáng của người ta, Giáo hội thấy sự phản chiếu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, bị phản bội và xúc phạm” [50].

97. “Thượng Hội đồng tái khẳng định cam kết đưa ra đối với việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa nghiêm ngặt nhằm tránh tái diễn [các tội ác này], bắt đầu với việc lựa chọn và đào tạo các người được giao phó các bổn phận có trách nhiệm và giáo dục [51]. Đồng thời, cần nhắc lại quyết tâm áp dụng các “hành động và chế tài rất cần thiết” [52]. Và tất cả các điều này với ơn thánh của Chúa Kitô. Không thể có đường trở lui.

98. Lạm dụng có thể hiện hữu dưới nhiều hình thức: lạm dụng quyền lực, lạm dụng lương tâm, lạm dụng tình dục và tài chính. Rõ ràng, phải xóa bỏ các cách thức thực thi thẩm quyền khiến tất cả các điều này có thể diễn ra, và phải thách thức việc thiếu trách nhiệm và thiếu minh bạch đã diễn ra trong rất nhiều trường hợp xử lý. Mong muốn thống trị, thiếu đối thoại và minh bạch, các hình thức sống hai mặt, sự trống rỗng thiêng liêng, cũng như các điểm yếu về tâm lý, là mảnh đất để thói nát phát triển mạnh mẽ [53]. Chủ nghĩa giáo sĩ trị là một cám dỗ liên tục về phía các linh mục, những người coi “thừa tác vụ mà họ đã nhận được như một quyền lực phải thi hành, thay vì một phục vụ tự do và quảng đại phải cung ứng. Nó khiến chúng ta nghĩ rằng chúng ta thuộc về một nhóm người có mọi câu trả lời và không cần phải lắng nghe hoặc có bất cứ điều gì phải học hỏi [54]. Không nghi ngờ gì, chủ nghĩa giáo sĩ trị như vậy có thể làm cho các người thánh hiến mất đi lòng kính trọng đối với giá trị thánh thiêng và bất khả nhượng của mỗi con người và quyền tự do của họ.

99. Cùng với các nghị phụ Thượng hội đồng, tôi muốn cảm ơn, với lòng biết ơn và âu yếm, “những người có can đảm báo cáo sự ác mà họ đã phải kinh qua: họ giúp Giáo hội thừa nhận điều đã xảy ra và cần giải đáp dứt khoát” [55]. Lòng biết ơn đặc biệt cũng phải ngỏ cùng “cam kết quảng đại của vô số giáo dân, linh mục, các người thánh hiến nam nữ, và các giám mục, những người hàng ngày cống hiến hết mình và tận tụy phục vụ giới trẻ. Các nỗ lực của họ giống như một khu rừng lớn đang lặng lẽ phát triển. Nhiều người trẻ có mặt tại Thượng hội đồng cũng bày tỏ lòng biết ơn đến những ai đã đồng hành cùng họ và họ nhấn mạnh nhu cầu lớn cần có những người trưởng thành có thể đóng vai trò làm điểm tham chiếu” [56].

100. Tạ ơn Chúa, những người gây ra các tội ác khủng khiếp này không phải là đa số các linh mục, là những người thi hành thừa tác vụ của họ với lòng trung thành và rộng lượng. Tôi yêu cầu các người trẻ hãy để mình được gọi hứng bởi đại đa số này. Và nếu các bạn thấy một linh mục gặp nguy hiểm, vì ngài đã mất niềm vui trong thừa tác vụ của mình, hoặc tìm kiếm sự đền bù xúc cảm, hoặc đang đi sai đường, hãy nhắc nhở ngài nhớ đến cam kết của mình với Thiên Chúa và dân của Người, nhắc nhở ngài nhớ Tin Mừng và thúc giục ngài giữ vững đường đi của mình. Nhờ cách này, các bạn sẽ đóng góp rất lớn lao vào một điều căn bản: ngăn chặn các hành động gây họa này khỏi bị lặp lại. Đám mây đen này cũng thách thức mọi người trẻ yêu mến Chúa Kitô và Giáo hội của Người: họ có thể là một nguồn chữa lành lớn lao nếu họ sử dụng khả năng lớn lao của họ để mang lại sự đổi mới, thúc giục và đòi hỏi chúng ta nhất quán, tiếp tục mơ ước và đưa ra các ý tưởng mới mẻ.

101. Đây cũng không phải là tội lỗi duy nhất của các thành viên Giáo hội; lịch sử lâu dài của Giáo hội không phải là không có bóng râm của nó. Tội lỗi của chúng ta hiện ở trước mắt mọi người; chúng xuất hiện quá rõ ràng trên các đường nhăn của khuôn mặt lâu đời của Giáo hội, Mẹ và Thầy của chúng ta. Trong hai ngàn năm, Giáo hội đã tiến bước trên đường lữ hành của mình, chia sẻ các niềm vui và hy vọng, nỗi đau và nỗi thống khổ” [57] của toàn nhân loại. Có thể nào, Giáo hội thực hành cuộc hành trình này như thế, không cần phẫu thuật thẩm mỹ dưới bất cứ hình thức nào. Giáo hội không ngại tiết lộ tội lỗi của các thành viên của mình, điều mà một số người cố gắng che giấu, trước ánh sáng rực rỡ của lời Tin Mừng, giúp tẩy rửa và thanh tẩy. Giáo hội cũng không ngừng đọc mỗi ngày, trong sự hối hận: “Lạy Chúa, xin thương xót con trong lòng nhân từ của Chúa... tội lỗi của con luôn ở trước mặt con” (Tv 51: 3.5). Tuy nhiên, chúng ta đừng bao giờ quên rằng chúng ta không được bỏ rơi Mẹ của chúng ta khi Mẹ bị thương, nhưng hãy đứng bên cạnh Mẹ, để Mẹ có thể thu góp mọi sức mạnh và mọi khả năng của mình để bắt đầu lại.

102. Giữa thảm kịch này, thảm kịch làm chúng ta đau đớn một cách chính đáng, “Chúa Giêsu, Đấng không bao giờ bỏ rơi Giáo hội của mình, mang đến cho Giáo hội sức mạnh và phương thế để bước lên một nẻo đường mới” [58]. Khoảnh khắc đen tối này, “với sự giúp đỡ quý giá của giới trẻ, thực sự có thể là cơ hội cho một cuộc cải cách tạo thời đại”, [59] mở cửa cho chúng ta tiến vào một Lễ Ngũ Tuần mới và khai mở một giai đoạn thanh tẩy và thay đổi mới có khả năng đổi mới tuổi trẻ của Giáo hội. Người trẻ sẽ càng hữu ích hơn nếu họ cảm thấy hoàn toàn là một phần của “Dân thánh thiện kiên nhẫn và trung thành của Thiên Chúa,

được Chúa Thánh Thần nâng đỡ và làm cho sinh động”, vì “nó sẽ chính là Dân thánh của Thiên Chúa để giải phóng chúng ta khỏi đại dịch giáo sĩ trị, vốn là mảnh đất màu mỡ cho mọi sự thất sủng này” [60].

Một lối thoát

103. Trong chương này, tôi đã dành giờ để xem xét thực tại của người trẻ trong thế giới ngày nay. Một số khía cạnh khác sẽ được bàn đến trong các chương sau. Như tôi đã nói, tôi không cho là mình thấu đáo trong cuộc phân tích này. Tôi khuyến khích các cộng đồng khảo sát, một cách tôn trọng và nghiêm túc, tình hình của người trẻ của họ, để tìm ra các cách thích đáng nhất để cung cấp cho họ sự chăm sóc mục vụ. Đồng thời, tôi không muốn kết thúc chương này mà không ngỏ vài lời cho mỗi người các bạn.

104. Tôi nhắc các bạn nhớ tin mừng chúng ta đã nhận được như một hồng phúc vào buổi sáng phục sinh: rằng trong mọi tình huống đen tối hoặc đau đớn mà chúng ta đã đề cập, có một lối thoát. Ví dụ, quả thật, thế giới kỹ thuật số có thể khiến các bạn có nguy cơ quá loay hoay với chính mình, cô lập và khoái cảm trống rỗng. Nhưng đừng quên rằng có các người trẻ ngay ở kia vẫn đang biểu lộ óc sáng tạo và thậm chí thiên tài. Đó là trường hợp của người tôi tớ trẻ tuổi của Thiên Chúa là Carlo Acutis.

105. Carlo ý thức rõ rằng toàn bộ bộ máy truyền thông, quảng cáo và kết mạng xã hội có thể được sử dụng để ru ngủ chúng ta, khiến chúng ta ghiền chủ nghĩa tiêu thụ và mua các thứ mới nhất trên thị trường, bị ám ảnh với thời gian rảnh rỗi, bị cuốn vào sự tiêu cực. Tuy nhiên, ngài biết cách sử dụng kỹ thuật truyền thông mới để truyền tải Tin Mừng, để truyền đạt các giá trị và vẻ đẹp.

106. Carlo không rơi vào bẫy. Ngài thấy nhiều người trẻ, vì muốn trở nên khác biệt, thực sự kết cục đã nên giống như mọi người khác, chạy theo bất cứ thứ gì kẻ quyền thế đặt trước mặt họ bằng các cơ chế tiêu dùng và phân tâm. Theo cách này, họ không sản sinh các năng khiếu mà Chúa đã ban cho họ; họ không cống hiến cho thế giới các tài năng bản thân độc đáo mà Chúa đã ban cho mỗi chúng ta. Kết quả, Carlo cho biết, “mọi người đều được sinh ra như một nguyên bản, nhưng nhiều người kết cục đã chết như những bản sao. Đừng để điều đó xảy ra với các bạn!”

107. Các bạn đừng để họ cướp đi hy vọng và niềm vui của các bạn, hoặc chuốc ma túy để các bạn trở thành nô lệ cho lợi ích của họ. Các bạn hãy dám trở thành nhiều hơn, bởi vì việc các bạn là ai quan trọng hơn bất cứ sở hữu nào. Điều gì tốt, sở hữu hay đáng về bề ngoài? Các bạn có thể trở thành điều Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của Các bạn biết các bạn là, chỉ khi nào các bạn nhận ra rằng các bạn được kêu gọi đến một điều lớn hơn. Hãy cầu xin sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần và tin tưởng nhắm đạt mục tiêu cao cả là sự thánh thiện. Bằng cách này, các bạn sẽ không phải là một bản sao. Các bạn sẽ là chính mình.

108. Muốn điều trên xảy ra, bạn cần nhận ra một sự thật căn bản: trẻ trung không chỉ là theo

đuổi các thú vui thoáng qua và các thành tựu hời hợt. Nếu các năm tháng tuổi trẻ của các bạn là để phục vụ mục đích của chúng trong cuộc sống, thì chúng phải là một thời gian cam kết quảng đại, cống hiến hết lòng và hy sinh vốn khó khăn nhưng cuối cùng sẽ sinh hoa trái. Như một nhà thơ vĩ đại đã viết:

*“Nếu để lấy lại điều tôi đã lấy lại,
Trước tiên tôi phải mất điều tôi đã mất;
Nếu để đạt được điều tôi đã đạt được,
Tôi đã phải chịu đựng điều tôi chịu đựng;
Nếu được yêu bây giờ
Đầu tiên tôi phải chịu thương tổn,
Tôi xem xét điều tôi đã chịu đựng giỏi,
Tôi xem xét điều tôi đã khóc cũng như đã khóc cho.
Bởi vì cuối cùng tôi đã tiến tới chỗ thấy
Rằng chúng ta không thực sự thưởng ngoạn điều chúng ta đã thưởng ngoạn
Trừ khi chúng ta đã chịu đau vì nó.
Vì cuối cùng tôi đã nhận ra
Rằng các bông hoa nở rộ trên cây
Hút sự sống từ những gì nằm chôn vùi bên dưới” [61].*

109. Nếu các bạn vốn trẻ trung lâu nay, nhưng cảm thấy yếu đuối, mệt mỏi hoặc vỡ mộng, hãy xin Chúa Giêsu đổi mới bạn. Với Người, hy vọng không bao giờ thất bại. Các bạn cũng có thể làm thế nếu các bạn cảm thấy bị choáng ngợp bởi tệ nạn, thói quen xấu, ích kỷ hoặc trở tiêu khiển không lành mạnh. Chúa Giêsu, tràn đầy sức sống, muốn giúp các bạn làm cho tuổi trẻ các bạn trở nên đáng giá. Bằng cách này, các bạn sẽ không tước đi khỏi thế giới sự đóng góp mà chỉ một mình các bạn có thể thực hiện, trong tất cả tính duy nhất và độc đáo của các bạn.

110. Thế nhưng, hãy để tôi cũng nhắc nhở các bạn rằng “khi chúng ta sống xa cách người khác, sẽ rất khó chiến đấu chống tư dục, cám dỗ và cám dỗ của ma quỷ, và tính ích kỷ của thế gian. Bị bắn phá như chúng ta bởi rất nhiều dụ dỗ, chúng ta có thể trở nên quá cô lập, mất cảm thức về thực tại và sự rõ ràng bên trong, và dễ dàng sa ngã” (62). Điều này đặc biệt đúng với các người trẻ, vì bất cứ khi nào các bạn đoàn kết, các bạn có sức mạnh kỳ diệu. Bất cứ khi nào các bạn say mê cuộc sống chung, các bạn có khả năng hy sinh lớn lao cho người khác và cho cộng đồng. Mặt khác, sự cô lập làm suy yếu sức mạnh của chúng ta và phơi bày chúng ta cho các tội ác tồi tệ nhất của thời đại chúng ta.

CHƯƠNG BỐN: Một thông điệp lớn cho mọi người trẻ

111. Đặt mọi điều khác sang một bên, bây giờ tôi muốn nói với những người trẻ về điều thiết yếu, một điều chúng ta không bao giờ nên giữ im lặng. Đó là một sứ điệp chứa ba sự thật vĩ đại mà tất cả chúng ta cần liên tục lắng nghe.

Một vị Thiên Chúa vốn là tình yêu

112. Sự thật đầu tiên tôi muốn nói với mỗi người các bạn là thế này: “Thiên Chúa yêu các bạn”. Bất luận các bạn đã nghe nó hay chưa. Tôi muốn nhắc các bạn nhớ điều đó. Thiên Chúa yêu các bạn. Đừng bao giờ nghi ngờ điều này, bất cứ điều gì có thể xảy ra với các bạn trong cuộc sống. Ở mọi thời điểm, các bạn đều được yêu thương vô hạn.

113. Có lẽ kinh nghiệm về tình cha của các bạn chưa phải là tốt nhất. Người cha trần gian của các bạn có thể đã cách xa hoặc vắng mặt, hoặc khắc nghiệt và độc đoán. Hoặc có thể người ấy không phải là người cha các bạn cần. Tôi không biết. Nhưng điều tôi có thể nói với các bạn, một cách chắc chắn tuyệt đối, là các bạn có thể tìm thấy sự an toàn trong vòng tay của Cha trên trời, của Thiên Chúa, Đấng là người đầu tiên ban cho các bạn sự sống và tiếp tục ban nó cho các bạn mọi lúc. Người sẽ là chỗ dựa vững chắc cho các bạn, nhưng các bạn cũng sẽ nhận ra rằng Người hoàn toàn tôn trọng sự tự do của các bạn.

114. Trong hạn từ Thiên Chúa, chúng ta tìm thấy nhiều cách phát biểu tình yêu của Người. Như thể Người đã cố gắng tìm ra những cách khác nhau để biểu lộ tình yêu đó, để ít nhất, với một trong số này, Người có thể chạm vào trái tim các bạn. Chẳng hạn, có những lúc, khi Thiên Chúa nói về mình như một người cha giàu tình cảm, chơi đùa với con cái: “Ta lấy dây nhân nghĩa, lấy mối ân tình mà lôi kéo chúng. Ta xử với chúng như người nựng trẻ thơ, nâng lên áp vào má” (Hs 11: 4).

Ở những lúc khác, Người nói về Người như người tràn trề tình yêu của một người mẹ có tình yêu tận đáy lòng dành cho con cái khiến bà không thể bỏ bê hoặc bỏ rơi chúng: Có phụ nữ nào quên được đứa con thơ của mình, hay chẳng thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau? Cho dù nó có quên đi nữa, thì Ta, Ta cũng chẳng quên con bao giờ” (Is 49:15).

Người thậm chí còn tự so sánh mình với một người yêu đến mức viết người mình yêu vào lòng bàn tay, để giữ khuôn mặt người yêu ấy luôn ở trước mặt Người: “Này, Ta đã khắc ghi con trong lòng bàn tay Ta!” (Is 49:16).

Ở những lúc khác, Người nhấn mạnh đến sức mạnh của tình yêu vô địch của mình: “Núi có dời có đổi, đồi có chuyển có lay, tình nghĩa của Ta đối với con vẫn không thay đổi, giao ước hoà bình của Ta cũng chẳng chuyển lay” (Is 54: 10).

Hoặc Người nói với chúng ta rằng chúng ta đã được chờ đợi từ cõi đời đời, vì không phải ngẫu nhiên chúng ta đến thế giới này: “Ta đã yêu con bằng mối tình muôn thuở, nên Ta vẫn tiếp tục lòng tín trung của Ta với con” (Grm 31: 3).

Hoặc Người cho chúng ta biết rằng Người thấy nơi chúng ta một vẻ đẹp mà không ai khác có thể thấy: “Vì trước mắt Ta, người thật quý giá, vốn được Ta trân trọng và mến thương” (Is 43: 4).

Hoặc Người làm cho chúng ta hiểu ra rằng tình yêu của Người không phải là không vui vẻ, mà là niềm vui thuần khiết, dâng đầy bất cứ khi nào chúng ta để Người yêu thương chúng ta: “Chúa, Thiên Chúa của con đang ngự giữa con, Người là dũng sĩ chiến thắng. Vì con, Chúa sẽ vui mừng hoan hỷ, sẽ lấy tình thương của Người mà đổi mới con. Vì con, Chúa sẽ nhảy múa tung bừng ca hát” (Xp 3:17).

115. Đối với Người, các bạn có giá trị; các bạn đáng kể. Các bạn quan trọng đối với Người, vì các bạn là công trình của bàn tay Người. Đó là lý do tại sao Người quan tâm đến các bạn và nhìn các bạn cách âu yếm. “Hãy tín thác vào ký ức của Thiên Chúa: ký ức của Người không phải là ‘đĩa cứng’ ‘lưu’ và ‘trữ’ mọi dữ liệu của chúng ta. Ký ức của Người là một trái tim chứa đầy lòng trắc ẩn dịu dàng, một trái tim tìm thấy niềm vui trong việc ‘xóa’ khỏi chúng ta mọi dấu vết của sự ác [63]. Người không lưu giữ các thất bại của các bạn và Người luôn giúp các bạn học được điều gì đó ngay từ những sai lầm của các bạn. Vì Người yêu các bạn. Hãy cố gắng ở yên trong giây lát và để bản thân cảm nhận được tình yêu của Người. Hãy cố gắng làm im bật mọi ồn ào bên trong, và nghỉ ngơi giây lát trong vòng tay yêu thương của Người.

116. Tình yêu của Người là một tình yêu không áp đảo hay áp bức, gạt sang một bên hoặc giản lược vào im lặng, hạ nhục hay thống trị. Nó là tình yêu của Chúa, một tình yêu hàng ngày, kín đáo và tôn trọng; một tình yêu tự do và giải phóng, một tình yêu chữa lành và nâng cao. Tình yêu của Chúa liên quan nhiều tới việc nâng cao hơn là hạ gục, hòa giải hơn là cấm đoán, với việc đề nghị thay đổi mới hơn là lên án, với tương lai hơn là quá khứ” [64].

117. Khi Người yêu cầu các bạn điều gì, hoặc đơn giản khiến các bạn phải đối đầu với những thách thức trong cuộc sống, Người hy vọng rằng các bạn sẽ dành chỗ cho Người để Người thúc đẩy các bạn, giúp các bạn tăng trưởng. Người không buồn nếu bạn chia sẻ các vấn đề của các bạn với Người. Người lo lắng khi các bạn không nói chuyện với Người, khi các bạn không cởi mở đối thoại với Người. Kinh thánh cho chúng ta biết rằng Giacóp đã chiến đấu với Thiên Chúa (xem St 32: 25-31), nhưng điều đó không khiến Người không kiên trì trong hành trình của Người. Chính Chúa thúc giục chúng ta: “Hãy đến đây, ta cùng nhau tranh luận!” (Is 1:18). Tình yêu của Người rất thực chất, rất thật, cụ thể đến nỗi mời chúng ta tiến đến một mối liên hệ cởi mở và đối thoại hữu hiệu. Các bạn hãy tìm kiếm sự gần gũi của Cha trên trời của chúng ta nơi gương mặt yêu thương của các nhân chứng can đảm của Người trên trái đất!

Chúa Kitô cứu các bạn

118. Sự thật vĩ đại thứ hai là Chúa Kitô, vì tình yêu, đã hy sinh hoàn toàn để cứu các bạn. Những cánh tay dang rộng của Người trên thập giá là dấu hiệu đáng nói nhất cho thấy Người là một người bạn sẵn sàng không dừng lại ở bất cứ điều gì: “Người vẫn yêu thương những kẻ thuộc về mình còn ở thế gian, và Người yêu thương họ đến cùng” (Ga 13: 1).

Thánh Phaolô nói rằng đời ngài là một niềm tin thác hoàn toàn vào tình yêu tự hiến sinh đó: “Hiện nay tôi sống kiếp phàm nhân trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi” (Gl 2:20).

119. Cũng chính Chúa Kitô này, Đấng, bằng thập giá của Người, đã cứu chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta, hôm nay tiếp tục cứu rỗi và cứu chuộc chúng ta bằng sức mạnh của việc hoàn toàn tự từ bỏ mình của Người. Hãy nhìn vào thập giá của Người, bám vào Người, để Người cứu các bạn vì “những người chấp nhận lời đề nghị cứu rỗi của Người được giải thoát khỏi tội lỗi, sầu khổ, trống rỗng nội tâm và cô đơn” [65]. Và nếu các bạn phạm tội và lạc xa Người, Người sẽ đến nâng các bạn lên bằng sức mạnh thập giá của Người. Đừng bao giờ quên rằng Người tha thứ cho chúng ta bảy mươi lần bảy. Hết lần này đến lần khác, Người công chúng ta trên vai. Không ai có thể tước đi phẩm giá của chúng ta do tình yêu vô biên và vô tận này ban cho chúng ta. Với một sự dịu dàng không bao giờ làm thất vọng nhưng luôn có khả năng khôi phục niềm vui của chúng ta, Người khiến chúng ta có thể ngẩng cao đầu và bắt đầu lại một lần nữa” [66].

120. “Chúng ta được Chúa Giêsu cứu vớt vì Người yêu chúng ta và không thể đi ngược lại với bản tính của Người. Chúng ta có thể làm bất cứ điều gì chống lại Người, nhưng Người yêu chúng ta và Người cứu chúng ta. Chỉ những gì được yêu thương mới có thể được cứu vớt. Chỉ những gì được ôm ấp mới có thể được biến đổi. Tình yêu của Chúa lớn hơn tất cả các nan đề, yếu đuối và sai sót của chúng ta. Tuy nhiên, chính qua các nan đề, yếu đuối và sai sót của chúng ta mà Người muốn viết nên câu chuyện tình này. Người ôm lấy đứa con hoang đàng, Người ôm lấy Phêrô sau những lời ông chối Người, và Người luôn luôn, luôn luôn ôm lấy chúng ta sau mỗi lần vấp ngã, giúp chúng ta chỗi dậy và đi bằng đôi chân của mình. Vì vấp ngã tồi tệ nhất, và các bạn hãy chú ý điều này, “vấp ngã tồi tệ nhất, thứ có thể hủy hoại cuộc sống của chúng ta, là khi chúng ta nằm bẹp và không để bản thân được giúp đỡ để đứng lên” [67].

121. Sự tha thứ và sự cứu rỗi của Người không phải là thứ chúng ta có thể mua, hoặc chúng ta phải có được bằng chính việc làm hoặc nỗ lực của mình. Người tha thứ cho chúng ta và giải phóng chúng ta một cách nhưng không, miễn phí. Sự tự hy sinh của Người trên thập giá lớn đến nỗi chúng ta không bao giờ có thể đền đáp, mà chỉ có thể tiếp nhận với lòng biết ơn lớn lao và niềm vui được yêu thương nhiều hơn điều chúng ta có thể tưởng nghĩ: “Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước” (1Ga 4: 19).

122. Hỡi các người trẻ, những người yêu dấu của Chúa, các bạn hẳn có giá trị xiết bao, vì các

bạn đã được cứu chuộc bằng máu quý giá của Chúa Kitô! Các bạn trẻ thân mến, “các bạn là vô giá! Các bạn không là hàng bán rẻ! Xin vui lòng, đừng để mình bị mua. Đừng để mình bị quyến rũ. Đừng để bản thân bị nô lệ bởi các hình thức thực dân ý thức hệ từng nhồi nhét các ý tưởng vào đầu các bạn, kết quả là cuối cùng các bạn trở thành nô lệ, nghiện ngập, thất bại trong đời. Các bạn là vô giá. Các bạn phải lặp lại điều này luôn: Tôi không là hàng bán rẻ; Tôi không có giá. Tôi tự do! Hãy yêu thích sự tự do này, sự tự do mà Chúa Giêsu đã cung cấp” [68].

123. Các bạn hãy nhìn chăm chăm vào hai cánh tay dang rộng của Chúa Kitô bị đóng đinh, hãy để mình được cứu vớt đi cứu vớt lại. Và khi các bạn đi xưng các tội lỗi của mình, hãy tin tưởng chắc chắn vào lòng thương xót của Người, lòng thương xót giải thoát các bạn khỏi cảm giác tội lỗi. Các bạn hãy chiêm ngưỡng máu Người tuôn ra với tình yêu vĩ đại như vậy, và để nó tẩy rửa mình. Bằng cách này, các bạn có thể mãi mãi được tái sinh.

Người đang sống!

124. Cuối cùng, có một sự thật thứ ba, không thể tách rời với sự thật thứ hai: Chúa Kitô đang sống! Chúng ta cần phải nhắc nhở bản thân về điều này, bởi vì chúng ta liệu mình thấy Chúa Kitô chỉ đơn giản là một mô hình tốt từ quá khứ xa xôi, như một ký ức, như một người đã cứu chúng ta hai ngàn năm trước. Nhưng điều đó sẽ không có ích gì đối với chúng ta: nó sẽ khiến chúng ta không thay đổi, nó sẽ không giải thoát chúng ta. Đáng lếp đây chúng ta bằng ơn thánh của Người, Đáng giải thoát chúng ta, biến đổi chúng ta, chữa lành và an ủi chúng ta là một người hoàn toàn đang sống. Người là Đáng Kitô, sống lại từ cõi chết, tràn đầy sức sống và năng lực siêu nhiên, và mặc áo ánh sáng vô biên. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô có thể nói: “Nếu Chúa Kitô không sống lại, đức tin của anh em vô ích” (1 Cr 15: 7).

125. Đang sống, Người có thể có mặt trong cuộc sống của các bạn mọi lúc, để lấp đầy nó bằng ánh sáng và lấy đi mọi buồn phiền và cô độc. Ngay cả khi mọi người khác ra đi, Người vẫn sẽ ở lại, như Người đã hứa: “Thầy sẽ luôn ở bên các con, cho đến tận cùng thời gian” (Mt 28:20). Người lấp đầy cuộc sống của các bạn bằng sự hiện diện vô hình của Người; bất cứ các bạn đi đâu, Người sẽ chờ các bạn ở đó. Bởi vì Người không chỉ đến trong quá khứ, mà Người còn đến với các bạn hôm nay và mỗi ngày, mời các bạn lên đường đến những chân trời luôn luôn mới.

126. Các bạn hãy xem Chúa Giêsu như người hạnh phúc, tràn ngập niềm vui. Hãy vui mừng với Người như với một người bạn đã chiến thắng. Người ta đã giết Người, Đáng thánh, Đáng duy nhất công chính, Đáng vô tội, nhưng cuối cùng Người đã chiến thắng. Cái ác không có lời cuối cùng. Nó cũng sẽ không có lời cuối cùng trong cuộc đời các bạn, vì các bạn có một người bạn yêu các bạn và muốn chiến thắng trong các bạn. Đáng Cứu Rỗi của các bạn đang sống.

127. Bởi vì Người sống, nên không thể nghi ngờ gì là lòng tốt sẽ chiếm ưu thế trong cuộc sống của các bạn và mọi cuộc đấu tranh của chúng ta sẽ được chứng minh là có giá trị. Nếu

đúng như thế, thì chúng ta nên ngưng việc phàn nàn và nhìn về tương lai, vì với Người điều này luôn luôn khả hữu. Đó là điều chắc chắn chúng ta có. Chúa Giêsu đang sống mãi mãi. Nếu chúng ta bám chặt lấy Người, chúng ta sẽ có sự sống và được bảo vệ khỏi các mối đe dọa của cái chết và bạo lực có thể tấn công chúng ta trong cuộc sống.

128. Mọi giải pháp khác đều chứng tỏ không thỏa đáng và chỉ tạm thời. Nó có thể hữu ích trong một thời gian, nhưng một lần nữa chúng ta sẽ thấy mình bị phơi bày và bị bỏ rơi trước những cơn giông bão của cuộc sống. Mặt khác, với Chúa Giêsu, trái tim của chúng ta cảm nghiệm một sự an toàn bất nguồn vững chắc và bền bỉ. Thánh Phaolô nói rằng ngài muốn trở thành một với Chúa Kitô để có thể “biết Người và sức mạnh của sự phục sinh của Người” (Pl 3:10). Sức mạnh đó cũng sẽ liên tục được mặc khải trong cuộc sống của các bạn, vì Người đã đến để ban cho các bạn sự sống, và “sự sống dư thừa” (Ga 10, 10).

129. Nếu trong tâm hồn các bạn, các bạn có thể học cách đánh giá cao vẻ đẹp của sứ điệp này, nếu các bạn sẵn lòng gặp Chúa, nếu các bạn sẵn lòng để Người yêu các bạn và cứu các bạn, nếu các bạn có thể kết bạn với Người và bắt đầu nói chuyện với Người, Chúa Kitô hằng sống, về những thực tại của cuộc đời các bạn, thì các bạn sẽ có một cảm nghiệm sâu sắc có khả năng nâng đỡ toàn bộ đời sống Kitô hữu của các bạn. Các bạn cũng sẽ có thể chia sẻ kinh nghiệm đó với những người trẻ tuổi khác. Vì “làm một Kitô hữu không phải là kết quả của một lựa chọn đạo đức hay một ý tưởng cao cả, mà là cuộc gặp gỡ với một biến cố, một người, mang đến cho cuộc sống một chân trời mới và một hướng đi dứt khoát” [69].

Thần Trí ban sự sống

130. Trong ba sự thật này – Thiên Chúa yêu các bạn; Chúa Kitô là Đấng Cứu Rỗi của các bạn; Người đang sống - chúng ta nhìn thấy Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu. Bất cứ Chúa Cha và Chúa Con ở đâu, cũng có Chúa Thánh Thần ở đó. Người là người lắng lẽ mở các cõi lòng để tiếp nhận sứ điệp đó. Người tiếp tục duy trì sống động niềm hy vọng cứu rỗi của chúng ta, và Người sẽ giúp các bạn lớn lên trong niềm vui nếu các bạn cởi mở với việc làm của Người. Chúa Thánh Thần tràn đầy trái tim Chúa Kitô phục sinh và sau đó tràn qua cuộc sống của các bạn. Khi các bạn nhận được Chúa Thánh Thần, Người sẽ kéo các bạn sâu hơn vào trái tim của Chúa Kitô, để các bạn có thể lớn lên trong tình yêu, cuộc sống và quyền năng của Người.

131. Hãy cầu xin Chúa Thánh Thần mỗi ngày giúp các bạn trải nghiệm như mới sứ điệp tuyệt vời. Tại sao không? Các bạn không có gì để mất, và Người có thể thay đổi cuộc sống của các bạn, lấp đầy nó bằng ánh sáng và dẫn nó theo đường tốt hơn. Người không lấy gì khỏi các bạn, nhưng thay vào đó giúp các bạn tìm thấy mọi điều các bạn cần, và theo cách tốt nhất có thể. Các bạn có cần tình yêu không? Các bạn sẽ không tìm thấy nó trong sự phóng đãng, sử dụng người khác hoặc cố gắng chiếm hữu hoặc thống trị. Các bạn sẽ tìm thấy nó một cách sẽ làm cho bạn thực sự hạnh phúc. Các bạn đang tìm kiếm cảm xúc mạnh mẽ phải không? Các bạn sẽ không cảm nghiệm chúng bằng cách tích lũy các vật vật chất, tiêu tiền, tuyệt vọng chạy theo sau những điều thuộc thế gian này. Chúng sẽ đến, nhưng một cách đẹp đẽ và ý nghĩa hơn nhiều, nếu bạn để cho mình được Chúa Thánh Thần thúc đẩy.

132. Các bạn đang tìm kiếm đam mê? Như bài thơ hay kia từng nói: “Hãy si tình, (hay hãy để mình được yêu)”, vì “không có gì thực tế hơn là tìm thấy Thiên Chúa, hơn là yêu một cách khá tuyệt đối, dứt khoát. Những gì các bạn đang yêu, những gì chiếm hữu trí tưởng tượng của các bạn, sẽ ảnh hưởng đến mọi sự. Nó sẽ quyết định những gì sẽ đưa các bạn ra khỏi giường vào buổi sáng, những gì các bạn làm vào buổi tối của các bạn, cách các bạn sống cuối tuần, những gì các bạn đọc, những người các bạn biết, những gì làm tan nát trái tim của các bạn, và những gì làm các bạn ngạc nhiên và biết ơn. Si tình, ở lại trong tình yêu, và nó sẽ quyết định mọi sự” [70]. Tình yêu dành cho Thiên Chúa này, một tình yêu có thể tiếp cận mọi thứ trong cuộc sống một cách đam mê, có thể có là nhờ Chúa Thánh Thần, vì “Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta” (Rm 5: 5).

133. Người là nguồn của tuổi trẻ ở lúc đẹp nhất của nó. Vì những người tín thác vào Chúa “như cây trồng bên dòng nước, đâm rễ sâu vào mạch suối trong, mùa nóng có đến cũng chẳng sợ gì, lá trên cành vẫn cứ xanh tươi” (Grm 17: 8). Trong khi “Thanh niên mệt mỏi, nhọc nhằn” (Is 40:30), những người chờ đợi Chúa “Nhưng những người cậy trông Chúa sẽ được thêm sức mạnh, Như thể chim bằng, họ tung cánh, Họ chạy hoài mà không mỏi mệt, và đi mãi mà chẳng chùn chân” (Is 40:31).

CHƯƠNG NĂM: Các nẻo đường của tuổi trẻ

134. Sống những năm tháng tuổi trẻ của chúng ta trong ánh sáng biến đổi của Tin Mừng có ý nghĩa gì? Chúng ta cần nêu lên câu hỏi này, vì tuổi trẻ, vốn không phải chỉ là một nguồn tự hào, mà là một hồng phúc của Thiên Chúa: “Trẻ trung là một ơn thánh, một chúc phúc” [71]. Đó là một hồng phúc mà chúng ta có thể phung phí một cách vô nghĩa, hoặc tiếp nhận với lòng biết ơn và sống hết mình.

135. Thiên Chúa là người ban tuổi trẻ và Người đang làm việc trong cuộc đời của mỗi người trẻ. Tuổi trẻ là thời gian được chúc phúc đối với giới trẻ và là ơn thánh đối với Giáo hội và thế giới. Nó là niềm vui, một bài ca hy vọng và một chúc phúc. Tận dụng tối đa những năm tháng tuổi trẻ của chúng ta đòi hỏi phải xem mùa này của cuộc đời là đáng giá ngay trong nó, và không chỉ đơn giản là một khúc dạo đầu ngắn ngủi bước vào tuổi trưởng thành.

Thời của những giấc mơ và quyết định

136. Thời Chúa Giêsu, việc chuyển tiếp từ thời thơ ấu là một bước quan trọng trong đời, một bước được cử hành hân hoan. Khi Chúa Giêsu hồi phục sự sống cho con gái một người kia, đầu tiên Người gọi em là “đứa bé” (Mc 5:39), nhưng sau đó gọi em là một “thiếu nữ” (Mc 5:41). Khi nói với em: “Hỡi thiếu nữ, hãy chỗi dậy (Talitha cum)”, Người làm em nhận trách nhiệm nhiều hơn với cuộc sống của em, mở ra trước em cánh cửa để bước vào tuổi trẻ.

137. “Tuổi trẻ, như một giai đoạn phát triển nhân cách, được đánh dấu bằng các giấc mơ đang dần dần thăng tiến, bằng các mối liên hệ ngày càng trở nên nhất quán và cân bằng hơn, bằng các dò dẫm và thử nghiệm, bằng các lựa chọn đang dần dần xây dựng một dự án sống. Vào thời kỳ sống này, người trẻ được kêu gọi tiến lên phía trước, không cắt đứt khỏi gốc rễ, xây dựng quyền tự lập của họ, nhưng không phải trong sự cô độc” [72].

138. Tình yêu Thiên Chúa và mối liên hệ của chúng ta với Chúa Kitô hằng sống không kìm hãm chúng ta khỏi mơ mộng; chúng không yêu cầu chúng ta thu hẹp các chân trời của chúng ta. Trái lại, tình yêu đó nâng cao chúng ta, khuyến khích chúng ta và gọi hứng cho chúng ta bước vào một cuộc sống tốt và đẹp hơn. Phần lớn các hoài mong hiện diện trong trái tim người trẻ có thể được tóm tắt trong hạn từ "bồn chồn". Như Thánh Phaolô VI đã nói, “trong sự bất mãn mà các bạn thường cảm thấy... có một tia sáng hiện diện” [73]. Sự bất mãn bồn chồn, kết hợp với sự vui tươi hớn hở trước việc mở ra những chân trời mới, tạo ra một sự táo bạo dẫn các bạn đứng lên và đảm nhận trách nhiệm đối với sứ mệnh. Sự bồn chồn lành mạnh đầy tính đặc trưng của tuổi trẻ này tiếp tục hiện diện trong mọi trái tim vẫn giữ cho mình trẻ trung, cởi mở và quảng đại. Bình an nội tâm thực sự cùng hiện diện với sự bồn chồn sâu sắc đó. Như Thánh Augustinô đã nói: “Lạy Chúa, Chúa đã tạo nên chúng con cho chính Chúa, và trái tim chúng con bồn chồn cho đến khi chúng tìm được nghỉ ngơi trong Chúa” [74].

139. Cách đây không lâu, một người bạn đã hỏi xem tôi thấy gì nơi một người trẻ. Câu trả lời của tôi là “tôi thấy một người đang đi tìm đường đi của riêng mình, muốn bay bằng hai chân, đối đầu với thế giới và nhìn về phía chân trời với đôi mắt tràn đầy tương lai, tràn đầy hy vọng cũng như ảo ảnh. Người trẻ đứng bằng hai chân như người lớn, nhưng không giống như người lớn với hai chân song song, người trẻ luôn có một chân hướng về phía trước, sẵn sàng lên đường, phóng về phía trước. Luôn luôn chạy đua về phía trước. Nói về người trẻ là nói về lời hứa và nói về niềm vui. Người trẻ có rất nhiều sức mạnh; họ có thể nhìn về phía trước lòng đầy hy vọng. Một người trẻ là một lời hứa của cuộc sống ngụ hàm một mức độ ngoan cường nào đó. Họ đủ đại dốt để đánh lừa bản thân, và đủ kiên cường để vực dậy từ sự tự đánh lừa đó” [75].

140. Một số người trẻ có thể ghét giai đoạn này của cuộc đời, vì họ muốn tiếp tục làm trẻ con hoặc kéo dài vô hạn thời niên thiếu và trì hoãn việc đưa ra quyết định. “Nỗi sợ điều dứt khoát do đó tạo ra một loại tê liệt làm họ không quyết định được. Tuy nhiên, tuổi trẻ không thể mãi là một thời gian lơ lửng: đó là tuổi của các lựa chọn và tính quyết rũ cùng nhiệm vụ lớn nhất của nó hệ chính ở điều này. Các người trẻ tuổi đưa ra quyết định trong các lĩnh vực chuyên nghiệp, xã hội, chính trị và các lĩnh vực khác có tính triệt để hơn, nhằm khuôn định đời họ” [76]. Họ cũng đưa ra quyết định về tình yêu, chọn bạn đời và bắt đầu một gia đình. Chúng ta sẽ xem xét các vấn đề này chặt chẽ hơn trong các chương cuối cùng, khi bàn đến các ơn gọi cá thể và việc biện phân ra chúng.

141. Nhưng trái ngược với những hy vọng và ước mơ tạo ra quyết định này, luôn có cơn cảm dỗ phàn nàn hoặc đầu hàng. “Chúng ta có thể để điều đó cho những người tôn thờ ‘nữ thần than thở’... Nó vốn là một nữ thần giả dối: nó khiến các bạn chọn sai đường. Khi mọi thứ dường như đứng yên và trì trệ, khi các vấn đề bản thân của chúng ta gây rắc rối cho chúng ta và các vấn đề xã hội không đáp ứng bằng các giải đáp đúng đắn, đầu hàng sẽ không ích gì. Chúa Giêsu là đường: các bạn hãy chào đón Người vào ‘thuyền’ của các bạn và ra khơi! Người là Chúa! Người thay đổi cách chúng ta nhìn cuộc đời. Đúc tin vào Chúa Giêsu dẫn đến niềm hy vọng lớn hơn, đến một sự chắc chắn không dựa trên phẩm tính và kỹ năng của chúng ta, mà dựa trên lời Thiên Chúa, trên lời mời phát xuất từ Người. Không cần các tính toán nhân bản, và không lo lắng về những điều thách thức an toàn của các bạn, hãy ra khơi. Ra khỏi bản thân các bạn” [77].

142. Tiếp tục theo đuổi hy vọng và ước mơ của các bạn. Nhưng hãy cẩn thận về một cảm dỗ có thể giữ chúng ta lại. Đó là sự lo lắng xao xuyến. Lo lắng có thể chống lại chúng ta bằng cách khiến chúng ta bỏ cuộc bất cứ khi nào chúng ta không thấy kết quả ngay lập tức. Những giấc mơ tốt nhất của chúng ta chỉ đạt được qua hy vọng, kiên nhẫn và cam kết, chứ không vội vã. Đồng thời, chúng ta không nên do dự, ngại nắm bắt cơ hội hoặc sợ phạm sai lầm. Tránh sự tê liệt của người sống mà đã chết, những người không có sự sống vì họ sợ mạo hiểm, sợ phạm sai lầm hoặc sợ phải kiên trì trong các cam kết của mình. Ngay cả khi các bạn phạm sai lầm, các bạn vẫn luôn có thể đứng dậy và bắt đầu lại, vì không ai có quyền cướp đi hy vọng của các bạn.

143. Các bạn trẻ thân mến, các bạn hãy tận dụng những năm tháng tuổi trẻ này của các bạn. Đừng quan sát cuộc sống từ ban công. Đừng dành cuộc sống của các bạn cho màn hình. Dù bạn làm gì, đừng trở thành cảnh tượng đáng tiếc của một chiếc xe bị bỏ rơi! Đừng là chiếc xe đậu ở bãi đậu, nhưng hãy mơ ước một cách tự do và đưa ra các quyết định tốt. Hãy chấp nhận rủi ro, ngay cả khi nó có nghĩa là phạm sai lầm. Đừng đi qua cuộc sống như người bị gây mê hoặc tiếp cận thế giới như các khách du lịch. Hãy gây náo động! Hãy vứt bỏ những nỗi sợ làm tê liệt các bạn, để các bạn không trở thành những xác ướp trẻ. Hãy sống! Hãy hiển mình cho những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống! Mở cửa lòng, thoát ra ngoài và bay xa! Xin vui lòng, đừng nghỉ hưu sớm.

Khát khao sống và trải nghiệm

144. Dù được lôi kéo hướng về tương lai và các hứa hẹn của nó, người trẻ cũng có khát khao mạnh mẽ muốn trải nghiệm thời điểm hiện tại, tận dụng tối đa các cơ hội mà cuộc sống mang lại. Thế giới của chúng ta tràn ngập vẻ đẹp! Làm thế nào chúng ta có thể coi thường rất nhiều hồng phúc của Thiên Chúa?

145. Trái ngược với những gì nhiều người vốn nghĩ, Chúa không muốn dập tắt những ham muốn có một cuộc sống trọn vẹn này. Điều rất tốt cho chúng ta là nhớ lại lời lẽ của một nhà hiền triết trong Cựu Ước: “Con ơi, nếu có của, hãy làm cho đời con được tốt đẹp, và tiền dâng lễ vật lên Đức Chúa sao cho xứng. Đừng từ chối hưởng một ngày vui, hoài bão của con, đừng để cho phần nào trôi đi mất” (Hc 14: 11,14). Thiên Chúa đích thực, Đáng yêu các bạn, muốn các bạn được hạnh phúc. Vì lý do này, Kinh Thánh cũng chứa đựng lời khuyên này cho người trẻ: “Này bạn thanh niên, cứ vui hưởng tuổi xuân của bạn, và làm cho tâm hồn được hạnh phúc trong những ngày còn trẻ... Hãy đẩy lui sâu não khỏi tâm hồn” (Gv 11:9-10). Vì Thiên Chúa, “Đáng cung cấp dồi dào mọi sự cho chúng ta hưởng dùng” (1 Tm 6:17).

146. Làm thế nào Thiên Chúa có thể vui nơi một người không có khả năng tận hưởng những phúc lành nho nhỏ hàng ngày của họ, một người không nhìn ra những thú vui đơn giản mà chúng ta tìm thấy xung quanh chúng ta? “Không ai tệ hơn kẻ làm hại chính mình” (Hc 14: 6). Khác xa với việc tìm kiếm những thú vui mới một cách đầy ám ảnh, khiến chúng ta không thể tận dụng tối đa thời điểm hiện tại, chúng ta được yêu cầu mở mắt và dành một chút thì giờ để trải nghiệm đầy đủ và biết ơn mọi hồng phúc nho nhỏ trong cuộc sống.

147. Rõ ràng, lời Chúa yêu cầu các bạn tận hưởng giây phút hiện tại, chứ không chỉ đơn giản chuẩn bị cho tương lai: “anh em đừng lo lắng về ngày mai: ngày mai, cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khổ của ngày ấy” (Mt 6:34). Nhưng điều này không giống như dấn thân một cách vô trách nhiệm vào một cuộc sống phóng đãng chỉ có thể khiến chúng ta trống rỗng và bất mãn vĩnh viễn. Thay vào đó, đây là việc sống trọn vẹn hiện tại, dành năng lực của chúng ta cho những điều tốt đẹp, vun sới tình huynh đệ, theo chân Chúa Giêsu và tận dụng tối đa các niềm vui nho nhỏ của cuộc sống như những hồng phúc của tình yêu Thiên Chúa.

148. Đức Hồng Y **Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận**, khi bị giam cầm trong một trại tập

trung, đã từ chối không làm gì ngoài việc chờ đợi ngày mà ngài sẽ được tự do. Ngài đã chọn “sống trong giây phút hiện tại, lấp đầy nó bằng tình yêu”. Ngài quyết định: “tôi sẽ nắm bắt các cơ hội tự xuất hiện mỗi ngày; tôi sẽ hoàn thành những hành động bình thường một cách phi thường” [78]. Khi các bạn làm việc để đạt được ước mơ của mình, hãy tận dụng tối đa mỗi ngày và cố gắng hết sức để mỗi giây phút tràn ngập tình yêu. Ngày trẻ trung này cũng có thể là ngày cuối cùng của các bạn, và vì vậy thật đáng nỗ lực để sống nó một cách nhiệt tình và đầy đủ nhất có thể.

149. Điều này cũng có thể được áp dụng cho những lúc khó khăn, những lúc phải được trải nghiệm đầy đủ nếu chúng ta muốn học được sự điệp mà chúng có thể dạy chúng ta. Theo lời các Giám mục Thụy Sĩ: “Thiên Chúa ở đó nơi chúng ta nghĩ Ngài đã bỏ rơi chúng ta và không còn hy vọng cứu rỗi gì nữa. Đó là một nghịch lý, nhưng đối với nhiều Kitô hữu, đau khổ và bóng tối đã trở thành... những nơi gặp gỡ Thiên Chúa” [79]. Mong muốn được sống trọn vẹn và trải nghiệm những điều mới mẻ cũng được cảm nhận bởi nhiều người trẻ bị khuyết tật về thể chất, tinh thần và giác quan. Mặc dù không phải lúc nào họ cũng có thể có những trải nghiệm giống như những người khác, họ vẫn sở hữu những nguồn lực và khả năng đáng kinh ngạc thường vượt xa mức trung bình. Chúa Giêsu ban cho họ những hồng phúc khác, mà cộng đồng được kêu gọi công nhận và đánh giá cao, để họ có thể khám phá kế hoạch tình yêu của Người dành cho mỗi người.

Trong tình bạn với Chúa Kitô

150. Cho dù các bạn sống bao nhiêu trải nghiệm trong những năm tháng tuổi trẻ này, các bạn sẽ không bao giờ biết ý nghĩa sâu sắc và đầy đủ nhất của chúng trừ khi mỗi ngày các bạn gặp người bạn thân nhất của các bạn, người bạn có tên là Giêsu.

151. Tình bạn là một trong những quà phúc của cuộc sống và một ơn thánh của Thiên Chúa. Qua bạn bè của chúng ta, Chúa tinh chỉnh chúng ta và dẫn chúng ta đến sự trưởng thành. Những người bạn trung thành, những người luôn sát cánh bên chúng ta trong những lúc khó khăn, cũng là một phản chiếu của tình yêu Chúa, sự hiện diện dịu dàng và đầy an ủi của Người trong cuộc sống của chúng ta. Kinh nghiệm tình bạn dạy chúng ta cởi mở, thấu hiểu và quan tâm đến người khác, thoát ra khỏi sự cô lập êm ái của chính mình và chia sẻ cuộc sống của mình với người khác. Vì lý do này, “Không gì đổi lấy được một người bạn trung thành” (Hc 6:15).

152. Tình bạn không phải là mối liên hệ thoáng qua hoặc tạm thời, mà là mối liên hệ ổn định, bền chặt và chung thủy và trưởng thành với thời gian. Một mối liên hệ âu yếm mang chúng ta lại với nhau và một tình yêu rộng lượng khiến chúng ta tìm kiếm điều tốt đẹp của bạn mình. Bạn bè có thể khá khác biệt với nhau, nhưng họ luôn có những điểm chung khiến họ gần gũi nhau hơn trong sự cởi mở và tin tưởng lẫn nhau [80].

153. Tình bạn rất quan trọng đến nỗi Chúa Giêsu tự gọi Người là một người bạn: “Thầy không gọi các con là đầy tớ, nhưng Thầy gọi các con là bạn bè” (Ga 15:15). Nhờ hồng phúc

on thánh của Người, chúng ta được nâng cao một cách đến nỗi thực sự trở thành bạn bè của Người. Với cùng một tình yêu mà Chúa Kitô đã tuôn đổ cho chúng ta, chúng ta có thể lần lượt yêu Người trở lại và chia sẻ tình yêu của Người với những người khác, với hy vọng rằng họ cũng sẽ chiếm vị trí của họ trong cộng đồng tình bạn mà Người đã thiết lập. Và cả khi Người đang tận hưởng niềm hạnh phúc trọn vẹn của cuộc sống phục sinh, chúng ta, về phần mình, chúng ta có thể làm việc cách quảng đại để giúp Người xây dựng vương quốc của Người trong thế giới này, bằng cách mang sứ điệp của Người, ánh sáng của Người và trên hết tình yêu của Người, đến những người khác (x. Ga 15:16). Các môn đệ nghe Chúa Giêsu gọi họ là bạn của Người. Đó là một lời mời không gây áp lực cho họ, nhưng nhẹ nhàng kêu gọi sự tự do của họ. Chúa Giêsu nói với họ “Hãy đến mà xem”; vì vậy, “họ đã đến và thấy nơi Người ở, và họ ở lại với Người ngày hôm đó” (Ga 1, 39). Sau cuộc gặp gỡ bất ngờ và cảm động đó, họ bỏ mọi sự và đi theo Người.

154. Tình bạn với Chúa Giêsu không thể bị phá vỡ. Người không bao giờ rời xa chúng ta, mặc dù đôi lúc dường như Người giữ im lặng. Khi chúng ta cần Người, Người tự làm chúng ta thấy Người (xem Grm 29:14); Người vẫn ở bên chúng ta bất cứ chúng ta đi đâu (xem Gs 1:9). Người không bao giờ phá vỡ giao ước của Người. Người chỉ đơn giản yêu cầu chúng ta đừng bỏ rơi Người: “Hãy ở trong Thầy” (Ga 15: 4). Nhưng ngay cả khi chúng ta lạc xa Người, Người vẫn trung thành, vì Người không thể chối bỏ chính mình” (2 Tm 2:13).

155. Với một người bạn, chúng ta có thể nói và chia sẻ những bí mật sâu sắc nhất. Với Chúa Giêsu cũng vậy, chúng ta luôn có thể có một cuộc chuyện vãn. Cầu nguyện vừa là một thách thức vừa là một phiêu lưu. Và thật là một cuộc phiêu lưu kỳ thú! Dần dần, Chúa Giêsu làm chúng ta đánh giá cao sự vĩ đại của Người và tiến lại gần Người hơn. Cầu nguyện cho phép chúng ta chia sẻ với Người mọi khía cạnh của cuộc sống chúng ta và tin tưởng nghỉ ngơi trong vòng tay của Người. Đồng thời, nó cho chúng ta tham dự vào cuộc sống và tình yêu của Người. Khi chúng ta cầu nguyện, chúng ta “thổ lộ mọi điều chúng ta làm” với Người và chúng ta dành cho Người không gian” để Người có thể hành động, nhập cuộc và giành chiến thắng” [81].

156. Nhờ cách trên, chúng ta có thể trải nghiệm sự gần gũi liên tục với Người, lớn hơn bất cứ điều gì chúng ta có thể trải nghiệm với một người khác: “Không còn là tôi sống, mà là Chúa Kitô sống trong tôi” (Gl 2:20). Đừng tước đi khỏi tuổi trẻ các bạn tình bạn này. Các bạn sẽ có thể cảm thấy Người ở bên các bạn không chỉ lúc các bạn cầu nguyện, mà ở mọi thời điểm. Hãy cố gắng tìm kiếm Người, thì các bạn sẽ có những trải nghiệm tuyệt vời khi thấy Người luôn ở bên các bạn. Đó là những gì mà các môn đệ Emmaus đã trải qua khi, trong lúc họ đang bước đi một cách chán nản, Chúa Giêsu “tiến đến gần và cuộc bộ với họ” (Lc 24:15). Theo lời một vị thánh, “Kitô giáo không phải là một tập hợp các sự thật phải được tin, các quy tắc phải được tuân theo hoặc các cấm đoán. Nhìn cách này, nó làm chúng ta cụt hứng. Kitô giáo là một người yêu tôi vô cùng, người đòi hỏi và yêu cầu tình yêu của tôi. Kitô giáo là Chúa Kitô” [82].

157. Chúa Giêsu có thể mang mọi người trẻ của Giáo hội đến với nhau trong một giấc mơ

đơn nhất, “một giấc mơ vĩ đại, một giấc mơ có chỗ cho mọi người. Giấc mơ mà Chúa Giêsu đã hiến mạng sống mình trên thập tự giá cho, mà Chúa Thánh Thần đã được tuôn tràn cho vào ngày Lễ Ngũ Tuần và mang lửa đến trái tim của mọi người nam nữ, đến trái tim của các bạn và của tôi. Người cũng đã mang ngọn lửa đó đến cả trái tim của các bạn nữa, với hy vọng tìm được chỗ cho nó phát triển và đơm bông. Một giấc mơ có tên là Giêsu, được Chúa Cha gieo trồng với niềm tin tưởng rằng nó sẽ lớn lên và sống trong mọi trái tim. Một giấc mơ cụ thể vốn là một con người, chạy khắp các huyết quản của chúng ta, làm rung động trái tim của chúng ta và khiến chúng nhảy múa” [83].

Tăng trưởng tới trưởng thành

158. Nhiều người trẻ quan tâm đến cơ thể của họ, cố gắng xây dựng sức mạnh thể chất hoặc cải thiện ngoại hình của họ. Những người khác làm việc để phát triển tài năng và kiến thức của họ, để cảm thấy chắc chắn hơn về bản thân. Một số nhắm cao hơn, tìm cách tham gia nhiều hơn và phát triển về thiêng liêng. Thánh Gioan đã nói: “Hỡi các bạn trẻ, tôi đã viết cho anh em: anh em là những người mạnh mẽ; 'lời Thiên Chúa ở lại trong anh em'” (1 Ga 2:14). Tìm kiếm Chúa, giữ lời Người, phó thác đời sống chúng ta cho Người và lớn lên trong các nhân đức: tất cả những điều này làm cho trái tim trẻ mạnh mẽ. Đó là lý do tại sao các bạn cần nối kết với Chúa Giêsu ở lại trực tuyến” với Người, vì các bạn sẽ không tăng trưởng thành người hạnh phúc và thánh thiện chỉ bằng nỗ lực và trí thông minh của riêng các bạn. Giống như các bạn đã cố gắng không để mất kết nối với *internet*, hãy chắc chắn rằng bạn vẫn kết nối với Chúa. Điều này có nghĩa là không cắt đứt cuộc đối thoại, lắng nghe Người, chia sẻ cuộc sống của các bạn với Người và, bất cứ khi nào bạn không chắc chắn về những gì bạn nên làm, hãy hỏi Người: “Lạy Chúa Giêsu, ở vị trí con Chúa sẽ làm gì”? [84]

159. Tôi hy vọng rằng các bạn sẽ đủ nghiêm túc về bản thân để nỗ lực phát triển về thiêng liêng. Cùng với tất cả những điều thú vị khác về tuổi trẻ, cũng có vẻ đẹp của việc tìm kiếm “sự chính trực, đức tin, tình yêu và hòa bình” (2 Tm 2:22). Điều này không liên quan đến việc để mất bất cứ điều gì thuộc tính tự phát, táo bạo, nhiệt tình và dịu dàng của các bạn. Trở thành người lớn không có nghĩa bạn phải từ bỏ những gì tốt đẹp nhất trong giai đoạn này của cuộc đời các bạn. Nếu các bạn làm thế, một ngày nào đó Chúa sẽ trách mắng các bạn: “Ta nhớ lại lòng trung nghĩa của ngươi lúc ngươi còn trẻ, tình yêu của ngươi khi ngươi mới thành hôn, lúc ngươi theo Ta trong sa mạc” (Grn 2: 2).

160. Người lớn cũng vậy, phải trưởng thành mà không đánh mất các giá trị của tuổi trẻ. Mỗi giai đoạn của cuộc đời là một ơn thánh thường hằng, với giá trị lâu bền của riêng nó. Kinh nghiệm của một tuổi trẻ được sống tốt luôn tồn tại trong trái tim của chúng ta. Nó tiếp tục lớn lên và sinh hoa trái suốt tuổi trưởng thành. Người trẻ tự nhiên bị thu hút bởi một chân trời vô tận mở ra trước mắt họ [85]. Cuộc sống trưởng thành, với các an toàn và tiện nghi của nó, có thể có nguy cơ thu hẹp chân trời đó và mất đi sự phấn khích trẻ trung đó. Điều ngược lại sẽ xảy ra: khi chúng ta trưởng thành, lớn tuổi hơn và lên cơ cấu cho cuộc sống của mình, chúng ta không bao giờ nên đánh mất sự nhiệt tình và cởi mở đối với một thực tại luôn lớn hơn. Tại mọi thời điểm trong cuộc sống, chúng ta có thể làm mới sự trẻ trung của mình. Khi tôi bắt

đầu sứ vụ của mình với tư cách là Giáo hoàng, Chúa đã mở rộng các chân trời của tôi và ban cho tôi tuổi trẻ đổi mới. Điều tương tự có thể xảy ra với một cặp vợ chồng kết hôn đã nhiều năm, hoặc với một đan sĩ trong đan viện của ngài. Có những thứ chúng ta cần “buông thả” với năm tháng trôi qua, nhưng việc tăng trưởng có thể cùng tồn tại với một ngọn lửa không ngừng được nhóm lên, với một trái tim trẻ trung mãi.

161. Lớn lên có nghĩa là giữ gìn và trân trọng những điều quý giá nhất của tuổi trẻ chúng ta, nhưng nó cũng liên quan đến việc phải thanh lọc những điều không tốt và nhận những hồng phúc mới của Chúa để chúng ta có thể phát triển những điều thực sự quan trọng. Đôi khi, một mặc cảm tự ti nào đó có thể khiến bạn bỏ qua những khiếm khuyết và điểm yếu của mình, nhưng điều đó có thể kìm hãm bạn phát triển trong việc trở nên trưởng thành. Thay vào đó, hãy để mình được Chúa yêu thương, vì các bạn như thế nào Người cũng yêu các bạn như thế. Người trân trọng và tôn trọng các bạn, nhưng Người cũng tiếp tục ban cho các bạn nhiều hơn: nhiều tình bạn của Người hơn, nhiều nhiệt thành trong lời cầu nguyện hơn, nhiều khao khát lời của Người hơn, nhiều khao khát được tiếp nhận Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể hơn, nhiều mong muốn được sống theo Tin Mừng của Người hơn, nhiều sức mạnh nội tâm hơn, nhiều bình an và niềm vui thiêng liêng hơn.

162. Nhưng tôi cũng muốn nhắc nhở các bạn rằng các bạn sẽ không trở thành thánh thiện và tìm thấy sự thành toàn bằng cách sao chép người khác. Bắt chước các Thánh không có nghĩa là sao chép lối sống và cách sống sự thánh thiện của các ngài: “có một số chứng từ có thể chứng minh là hữu ích và gợi hứng, nhưng người ta không mong chờ chúng ta sao chép, vì điều này thậm chí có thể khiến chúng ta lạc xa nẻo đường chuyên biệt mà Chúa có ý dành cho chúng ta [86]. Các bạn phải khám phá ra các bạn là ai và khai triển cách nên thánh của riêng các bạn, bất kể người khác muốn nói hoặc nghĩ gì. Trở thành một vị thánh có nghĩa là trở thành chính các bạn một cách đầy đủ hơn, trở thành điều Chúa muốn mơ ước và tạo nên, chứ không phải một bản sao. Cuộc sống của các bạn phải là một kích thích tiên tri cho người khác và để lại dấu ấn trên thế giới này, dấu ấn độc nhất mà chỉ các bạn mới có thể để lại. Trong khi đó, nếu các bạn chỉ sao chép một ai khác, các bạn sẽ tước đi của trái đất này và của cả thiên đàng một điều gì đó không ai có thể cung hiến. Tôi nghĩ tới Thánh Gioan Thánh giá, người đã viết trong Ca Khúc Thiêng Liêng của ngài rằng mọi người nên được hưởng lợi từ lời khuyên thiêng liêng của ngài, “theo cách riêng của họ” [87], vì Thiên Chúa duy nhất muốn biểu lộ ơn thánh của Người “cho người này một cách và cho người khác một cách khác” [88].

Các nẻo đường huynh đệ

163. Sự tăng trưởng thiêng liêng của các bạn được biểu lộ trước hết bằng sự tăng trưởng của các bạn trong tình yêu huynh đệ, rộng lượng và nhân hậu. Thánh Phaolô đã cầu nguyện: “Xin Chúa làm cho anh em gia tăng và dồi dào trong tình yêu dành cho nhau và dành cho mọi người” (1 Tx 3:12). Thật tuyệt vời biết bao được trải nghiệm điều “xuất thần” ra khỏi con người chúng ta này và tìm kiếm điều tốt đẹp cho người khác, thậm chí đến hy sinh mạng sống của chúng ta.

164. Sở dĩ người ta gọi một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa là “xuất thần”, là bởi vì nó đưa chúng ta ra khỏi chính mình, nâng chúng ta lên và làm chúng ta choáng ngợp trong tình yêu và vẻ đẹp của Thiên Chúa. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể trải nghiệm sự xuất thần khi chúng ta nhận ra ở người khác vẻ đẹp tiềm ẩn, phẩm giá và sự vĩ đại của họ như hình ảnh của Thiên Chúa và con cái của Chúa Cha. Chúa Thánh Thần muốn làm cho chúng ta ra khỏi chính mình, để ôm lấy người khác một cách đầy yêu thương và tìm kiếm điều tốt cho họ. Đó là lý do tại sao luôn là điều tốt hơn khi sống đức tin với nhau và biểu lộ tình yêu của chúng ta bằng cách sống trong cộng đồng và chia sẻ tình âu yếm, thì giờ, đức tin và các rắc rối của chúng ta với các người trẻ khác. Giáo hội cung cấp nhiều khả thể khác nhau để sống đức tin của chúng ta trong cộng đồng, vì mọi sự sẽ dễ dàng hơn khi chúng ta làm điều đó cùng với nhau.

165. Những tổn thương mà các bạn đã kinh qua có thể cám dỗ các bạn rút lui khỏi người khác, tự quay vào chính mình và nuôi dưỡng các cảm quan tức giận, nhưng đừng bao giờ ngừng lắng nghe tiếng Chúa gọi tha thứ. Các Giám mục Rwanda nói rất rõ: “Để hòa giải với một người khác, trước hết anh chị em phải có khả năng nhìn thấy sự tốt lành nơi người đó, lòng tốt mà Thiên Chúa đã tạo nên nơi họ... Điều này đòi hỏi rất nhiều cố gắng để phân biệt hành vi phạm tội với người phạm tội; nó có nghĩa anh chị em ghét sự xúc phạm mà người đó vi phạm, nhưng anh chị em yêu người đó bất chấp sự yếu đuối của họ, vì nơi họ, anh chị em thấy hình ảnh của Thiên Chúa” [89].

166. Có những lúc khi mọi năng lực, ước mơ và nhiệt huyết trẻ trung của chúng ta có thể giảm sút vì chúng ta bị cám dỗ chỉ loay hoay với chính mình và những vấn đề của chính mình, những cảm xúc tổn thương và bất bình của chúng ta. Đừng để những điều này xảy ra với các bạn! Các bạn sẽ già trước tuổi. Mỗi tuổi đều có vẻ đẹp của nó, và những năm tháng tuổi trẻ của chúng ta cần được đánh dấu bằng những lý tưởng, hy vọng và ước mơ chung, những chân trời vĩ đại mà chúng ta có thể cùng nhau chiêm ngưỡng.

167. Chúa yêu niềm vui của người trẻ. Người muốn họ đặc biệt chia sẻ niềm vui của tình hiệp thông huynh đệ, niềm vui cao siêu của những người biết chia sẻ với người khác, vì, “cho có phúc hơn nhận” (Cv 20:35). “Thiên Chúa yêu người cho vui vẻ” (2 Cr 9: 7). Tình yêu huynh đệ nhân thừa khả năng trải nghiệm niềm vui của chúng ta, vì nó khiến chúng ta hân hoan trong điều tốt của người khác: “Hãy vui với người vui, khóc với người khóc” (Rm 12:15). Mong sao sự tự phát trẻ trung của các bạn ngày càng được phát biểu qua tình yêu huynh đệ và sự sẵn sàng liên tục để tha thứ, rộng lượng và xây dựng cộng đồng. Như một câu ngạn ngữ châu Phi thường nói: “Nếu bạn muốn đi nhanh, hãy tự đi bộ. Nếu bạn muốn đi xa, hãy đi bộ với những người khác”. Chúng ta đừng để mình bị cướp mất tình huynh đệ.

Trẻ trung và dân thân

168. Đôi khi, thấy một thế giới đầy bạo lực và ích kỷ, người trẻ có thể bị cám dỗ muốn rút vào các nhóm nhỏ, trốn tránh các thách thức và vấn đề do cuộc sống trong xã hội và trong thế

giới rộng lớn hơn đặt ra. Họ có thể cảm thấy họ đang trải nghiệm tình anh em và tình yêu, nhưng thực tế nhóm nhỏ của họ có thể trở thành chỉ là một cánh tay vươn dài của chính bản ngã họ. Điều này thậm chí còn nghiêm trọng hơn nếu họ nghĩ tới ơn gọi giáo dân chỉ đơn giản là một hình thức phục vụ bên trong Giáo hội: phục vụ như những người đọc sách, thừa tác viên thánh thể, giáo lý viên, v.v. Họ quên rằng ơn gọi giáo dân trước hết được điều hướng sống bác ái trong gia đình và trong xã hội cũng như chính trị. Nó là một dần thân cụ thể và dựa trên đức tin để xây dựng một xã hội mới. Nó liên quan đến việc sống giữa xã hội và thế giới để mang Tin Mừng tới khắp mọi nơi, hoạt động vì sự lớn mạnh của hòa bình, hòa hợp, công bằng, nhân quyền và lòng thương xót, và do đó mở rộng vương quốc Thiên Chúa trong thế giới này.

169. Tôi yêu cầu người trẻ vượt ra ngoài các nhóm nhỏ của họ và xây dựng “tình bạn xã hội, trong đó, mọi người làm việc vì lợi ích chung. Sự thù hận xã hội, mặt khác, có tính phá hoại. Các gia đình bị phá hoại bởi sự thù hận. Các quốc gia bị phá hoại bởi thù hận. Thế giới bị hủy diệt bởi sự thù hận. Và thù hận lớn nhất là chiến tranh. Ngày nay, chúng ta thấy thế giới đang tự hủy hoại chính mình bởi chiến tranh... Vì vậy, hãy tìm cách xây dựng tình bạn xã hội” [90]. Điều này không dễ dàng, nó luôn có nghĩa là từ bỏ một thứ gì đó và thương lượng, nhưng nếu chúng ta làm điều đó vì mục đích giúp đỡ người khác, chúng ta có thể có một trải nghiệm tuyệt vời về việc gạt khác biệt của mình sang một bên và cùng nhau làm một điều gì đó lớn lao hơn. Nếu, nhờ các cố gắng đơn giản và đôi khi đắt giá của mình, chúng ta có thể tìm thấy những điểm thỏa thuận giữa xung đột, xây dựng các cây cầu và tạo hòa bình vì lợi ích của mọi người, thì chúng ta sẽ trải nghiệm được phép màu của nền văn hóa gặp gỡ. Đây là điều các bạn trẻ có thể dám theo đuổi một cách say mê.

170. Thượng hội đồng nhìn nhận rằng, “mặc dù theo cách khác với các thể hệ trước, cam kết xã hội là một đặc điểm chuyên biệt của người trẻ ngày nay. Bên cạnh một số người thờ ơ, có nhiều người khác sẵn sàng tự dần thân thực hiện các sáng kiến làm việc thiện nguyện, công dân tích cực và liên đới xã hội. Họ cần được đồng hành và khuyến khích trong việc sử dụng tài năng và kỹ năng của họ một cách sáng tạo, và được khuyến khích đảm nhận các trách nhiệm của họ. Sự dần thân xã hội và tiếp xúc trực tiếp với người nghèo vẫn là những cách căn bản để tìm kiếm hoặc làm sâu sắc thêm đức tin của người ta và sự biện phân ơn gọi của họ... Người ta cũng ghi nhận rằng người trẻ sẵn sàng bước vào đời sống chính trị để xây dựng lợi ích chung [91].

171. Cảm ơn Chúa, hôm nay, nhiều người trẻ trong các giáo xứ, trường học, phong trào và các nhóm đại học thường ra ngoài, dành thì giờ với người già và người yếu ớt, hoặc đến thăm các khu dân cư nghèo, hoặc để đáp ứng nhu cầu của người ta qua “các đêm bác ái”. Họ rất thường xuyên nhận ra rằng ở những nơi đó họ nhận được nhiều hơn những gì họ cho đi. Chúng ta lớn lên trong sự khôn ngoan và trưởng thành khi chúng ta dành thì giờ tiếp xúc với nỗi khổ đau của người khác. Người nghèo có sự khôn ngoan tiềm ẩn và, bằng một vài lời đơn giản, họ có thể giúp chúng ta khám phá ra các giá trị bất ngờ.

172. Những người trẻ khác tham gia vào các chương trình xã hội xây dựng nhà cửa cho người

vô gia cư, hoặc phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hoặc cung cấp nhiều loại trợ giúp cho người túng thiếu. Sẽ rất hữu ích nếu năng lực chung này có thể được gom góp và tổ chức một cách ổn định hơn và với các mục tiêu rõ ràng, để có thể hữu hiệu hơn nữa. Các sinh viên đại học có thể áp dụng kiến thức của họ một cách liên ngành, cùng với các người trẻ của các giáo hội hoặc tôn giáo khác, để đề ra các giải pháp cho các vấn đề xã hội.

173. Như trong phép lạ của Chúa Giêsu, bánh và cá được cung cấp bởi người trẻ có thể được nhân thừa (x. Ga 6: 4-13). Như trong dụ ngôn, những hạt giống nhỏ được người trẻ gieo trồng có thể mang lại một vụ mùa bội thu (x. Mt 13: 23,31-32). Tất cả những điều này có nguồn sống của nó trong Bí tích Thánh Thể, trong đó bánh và rượu của chúng ta được biến đổi để ban cho chúng ta sự sống đời đời. Người trẻ phải đối đầu với những thách thức to lớn và khó khăn. Với đức tin vào Chúa phục sinh, họ có thể đối đầu với chúng một cách sáng tạo và đầy hy vọng, luôn sẵn sàng phục vụ, giống như những đầy tớ trong tiệc cưới, vô tình hợp tác trong phép lạ đầu tiên của Chúa Giêsu. Họ không làm gì khác hơn là tuân theo mệnh lệnh của Mẹ Người. “Hãy làm bất cứ điều gì Người nói với anh em” (Ga 2: 5). Lòng thương xót, óc sáng tạo và niềm hy vọng làm cho cuộc sống lớn mạnh.

174. Tôi muốn khuyến khích tất cả các bạn trong nỗ lực này, vì tôi biết rằng, trái tim trẻ trung của các bạn muốn xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Tôi đã theo dõi các bản tin thời sự về nhiều người trẻ trên khắp thế giới, những người đã xuống đường để bày tỏ mong muốn về một xã hội công bằng và huynh đệ hơn. Các bạn trẻ xuống đường! Các bạn trẻ muốn trở thành nhân vật chủ động của sự thay đổi. Xin vui lòng, đừng để người khác làm nhân vật chủ động của sự thay đổi. Các bạn là người nắm giữ tương lai! Qua các bạn, tương lai đi vào thế giới. Tôi yêu cầu các bạn cũng là nhân vật chủ động của việc biến đổi này. Các bạn là người nắm giữ chìa khóa mở cửa tương lai! Hãy tiếp tục đánh phá sự lãnh cảm và đưa ra một phản ứng Kitô giáo đối với các rắc rối xã hội và chính trị đang xuất hiện ở các khu vực khác nhau trên thế giới. Tôi yêu cầu các bạn xây dựng tương lai, làm việc cho một thế giới tốt đẹp hơn. Các bạn trẻ thân mến, xin vui lòng, đừng là người ngoài cuộc trong cuộc sống. Hãy can dự vào! Chúa Giêsu không làm người ngoài cuộc. Người đã can dự. Đừng đứng cách biệt, nhưng hãy chìm mình vào thực tại cuộc sống, như Chúa Giêsu đã từng làm” [92]. Trên hết, bằng cách này hay cách khác, hãy đấu tranh vì lợi ích chung, hãy phục vụ người nghèo, hãy là các nhân vật chủ động của cuộc cách mạng bác ái và phục vụ, có khả năng chống lại các bệnh lý của chủ nghĩa tiêu thụ và chủ nghĩa cá nhân hời hợt.

Những nhà truyền giáo can đảm

175. Tràn đầy tình yêu Chúa Kitô, người trẻ được mời gọi làm chứng nhân Tin Mừng bất cứ họ ở đâu, qua cách họ sống. Thánh Alberto Hurtado từng nói rằng, “trở thành một tông đồ không có nghĩa là đeo một cái ghim cài áo; không phải là nói về sự thật mà là sống sự thật, hiện thân cho nó, được biến đổi trong Chúa Kitô. Trở thành một tông đồ không có nghĩa là mang một ngọn đuốc trong tay, sở hữu ánh sáng, nhưng là ánh sáng đó... Hơn một bài học, Tin Mừng là một điển hình. Một sứ điệp trở thành một cuộc sống được sống trọn vẹn” [93].

176. Tầm quan trọng của chứng nhân không có nghĩa chúng ta nên im lặng trong lời nói. Tại sao chúng ta không nên nói về Chúa Giêsu, tại sao chúng ta không nên kể cho người khác hay Người ban cho chúng ta sức mạnh trong cuộc sống, chúng ta vui hưởng việc nói chuyện với Người, chúng ta được hưởng ích từ việc suy nghĩ về lời nói của Người? Các bạn trẻ thân mến, đừng để thế giới lôi kéo các bạn vào những điều sai trái và hời hợt. Hãy học cách bơi ngược dòng, hãy học cách chia sẻ Chúa Giêsu và đức tin Người đã ban cho các bạn. Ước mong các bạn được thúc đẩy bởi cùng một thôi thúc không thể cưỡng lại đó, một thôi thúc từng khiến Thánh Phaolô nói: “Khôn cho tôi nếu tôi không loan báo Tin Mừng!” (1 Cr 9:16)

177. “Chúa Giêsu sai chúng ta đi đâu? Không có biên giới, không có giới hạn: Người sai chúng ta đi khắp nơi. Tin Mừng dành cho mọi người, không chỉ dành cho một số người. Nó không chỉ dành cho những người có vẻ gần gũi với chúng ta hơn, dễ tiếp thu hơn, chào đón hơn. Nó dành cho tất cả mọi người. Đừng ngại ra đi và mang Chúa Kitô vào mọi lĩnh vực của cuộc sống, đến các ngoại vi xã hội, đến với cả những người có vẻ xa cách và hờ hững nhất. Chúa tìm kiếm mọi người; Người muốn mọi người cảm nhận được sự ấm áp của lòng thương xót và tình yêu của Người [94]. Người mời chúng ta trở thành những nhà truyền giáo không sợ hãi bất kể chúng ta ở đâu và trong bất cứ môi trường nào: trong các khu phố của chúng ta, trong trường học hoặc thể thao hoặc sinh hoạt xã hội, trong phục vụ tình nguyện hoặc tại nơi làm việc. Bất cứ ở đâu, chúng ta luôn có cơ hội để chia sẻ niềm vui Tin Mừng. Các người trẻ thân mến, đó là cách Chúa ra đi gặp gỡ mọi người. Người yêu các bạn, vì các bạn là các phương thế để Người có thể lan tỏa ánh sáng và hy vọng. Người đang trông chờ vào sự can đảm, sự táo bạo và nhiệt tình của các bạn.

178. Đừng nghĩ rằng sứ mệnh này là nhẹ nhàng và dễ dàng. Một số người trẻ đã hy sinh mạng sống của họ vì mục đích ra đi truyền giáo. Như các giám mục Hàn Quốc đã nói: “chúng ta hy vọng rằng chúng ta có thể là những hạt lúa mì và dụng cụ để cứu rỗi nhân loại, noi gương các vị tử đạo. Mặc dù đức tin của chúng ta nhỏ bé như hạt cải, Thiên Chúa sẽ cho nó tăng trưởng và sử dụng nó như một công cụ cho công việc cứu rỗi của Người [95]. Các bạn trẻ thân mến, đừng đợi đến ngày mai để đóng góp năng lực, sự táo bạo và sự sáng tạo của các bạn để thay đổi thế giới của chúng ta. Tuổi trẻ của các bạn không phải là “một thời gian ở giữa”. Các bạn là lúc bây giờ của Thiên Chúa, và Người muốn các bạn sinh hoa trái [96]. Vì “lúc cho đi là lúc chúng ta nhận lãnh” [97]. Cách tốt nhất để chuẩn bị một tương lai tươi sáng là trải nghiệm hiện tại bao nhiêu có thể, một cách dẫn thân và rộng lượng.

CHƯƠNG SÁU: Những người trẻ có gốc rễ

179. Đôi khi tôi thấy những cây non và đẹp, cành của chúng vươn lên trời, mỗi ngày mỗi tự đẩy lên cao hơn, và chúng giống như một bài ca hy vọng. Sau đó, sau một cơn bão, tôi thấy chúng ngã xuống, vô hồn. Chúng thiếu rễ sâu. Chúng tỏa rộng các nhánh mà không được trồng chắc chắn, và vì vậy chúng ngã xuống ngay khi thiên nhiên xỏ lồng sức mạnh của nó. Đó là lý do tại sao tôi cảm thấy đau đớn khi thấy những người trẻ đôi khi được khuyến khích xây dựng một tương lai mà không có gốc rễ chi, như thể thế giới chỉ mới bắt đầu bây giờ. Vì “chúng ta không thể lớn mạnh nếu không có gốc rễ mạnh mẽ để nâng đỡ chúng ta và giữ cho chúng ta có nền tảng vững chắc. Thật dễ dàng bị trôi dạt, khi không có gì để bám vào, để giữ vững” [98].

Đừng để các bạn bị búng rễ

180. Đây là một vấn đề quan trọng và tôi muốn dành một chương ngắn để thảo luận về nó. Nếu chúng ta đánh giá cao vấn đề này, chúng ta có thể phân biệt niềm vui của tuổi trẻ với sự sùng bái tuổi trẻ cách sai lầm, có thể bị sử dụng để quyến rũ và thao túng những người trẻ tuổi.

181. Hãy nghĩ đến điều đó: nếu ai đó nói với những người trẻ tuổi bỏ qua lịch sử của họ, bác bỏ các kinh nghiệm của người lớn tuổi, coi thường quá khứ và hướng tới một tương lai mà người này đề cao, há không trở nên dễ dàng lôi kéo họ tin theo để họ chỉ làm những gì người này nói với họ đó sao? Người này cần những người trẻ nông cạn, bị búng gốc và không tin tưởng, để họ chỉ có thể tin tưởng vào những lời hứa của người này và hành động theo kế hoạch của người này. Đó là cách các ý thức hệ khác nhau đang hoạt động: chúng phá hoại (hoặc phá tung) mọi khác biệt để chúng có thể trị vì không bị chống đối. Tuy nhiên, để làm được như vậy, chúng cần những người trẻ không ích gì cho lịch sử, những người vứt bỏ các kho tàng thiêng liêng và nhân bản thừa hưởng từ các thế hệ trước và không biết bất cứ điều gì đã xuất hiện trước họ.

182. Những bậc thầy thao túng trên còn sử dụng một chiến thuật khác: sùng bái tuổi trẻ, bác bỏ tất cả những gì không trẻ như là đáng khinh và lỗi thời. Cơ thể trẻ trở thành biểu tượng của giáo phái mới này; tất cả mọi thứ liên quan đến cơ thể đó đều được thần tượng hóa và thêm muốn, trong khi bất cứ điều gì không còn trẻ đều bị coi thường. Nhưng sự sùng bái tuổi trẻ này chỉ đơn giản là một mưu chước, cuối cùng chúng tỏ chỉ có tính hạ giá người trẻ; nó tước đi của họ bất cứ giá trị thực chất nào và sử dụng chúng cho lợi ích cá nhân, tài chính hoặc chính trị.

183. Các bạn trẻ thân mến, đừng để họ khai thác tuổi trẻ của các bạn để cổ vũ một cuộc sống nông cạn làm cho vẻ đẹp bị lẫn lộn với vẻ bề ngoài. Hãy nhận ra rằng có một vẻ đẹp trong người lao động trở về nhà đầy bụi bặm và xóc xếch, nhưng với niềm vui đã kiếm được thức

ăn cho gia đình. Có một vẻ đẹp phi thường trong mối hiệp thông của một gia đình tại bàn ăn, quảng đại chia sẻ những gì nó có. Có vẻ đẹp nơi người vợ, hơi nhếch nhác và không còn trẻ, người vẫn tiếp tục chăm sóc người chồng ốm yếu mặc dù sức khỏe của bà không ổn. Rất lâu sau khi mùa xuân tán tỉnh của họ trôi qua, còn cái đẹp trong lòng chung thủy của những cặp vợ chồng vẫn còn yêu nhau trong cảnh mùa thu của cuộc đời, những người già vẫn nắm tay nhau bước đi. Ngoài ra còn một vẻ đẹp, không liên quan gì tới vẻ bề ngoài hay áo quần thời trang, nơi mọi người đàn ông và đàn bà theo đuổi ơn gọi bản thân của họ bằng tình yêu, quên mình phục vụ cộng đồng hay quốc gia, trong việc cố gắng xây dựng một gia đình hạnh phúc, trong việc nỗ lực đầy vị tha và đòi hỏi để thăng tiến sự hòa hợp xã hội. Tìm ra, biểu lộ và làm nổi bật vẻ đẹp này, một vẻ đẹp giống như vẻ đẹp của Chúa Kitô trên thập giá, là đặt nền tảng cho tình liên đới xã hội chân chính và nền văn hóa gặp gỡ.

184. Cùng với các chiến lược tôn sùng tuổi trẻ và ngoại hình, chúng ta cũng đang mục kích các mưu toan nhằm cổ vũ một nền linh đạo không có Thiên Chúa, một cảm giới không có cộng đồng hoặc quan tâm đến những người đau khổ, sợ người nghèo, bị coi là nguy hiểm và hàng loạt các chủ trương nhằm cung hiến một thiên đường trong tương lai mà dù sao đường như ngày càng xa vời. Tôi không muốn cung cấp cho các bạn bất cứ điều gì như thế, và với tình yêu lớn, tôi khuyên các bạn đừng để bản thân bị cuốn theo ý thức hệ này. Nó sẽ không làm các bạn trẻ hơn, nhưng thay vào đó nô dịch các bạn. Tôi đề nghị một cách khác, cách phát sinh từ tự do, nhiệt huyết, sáng tạo và những chân trời mới, đồng thời vun sỏi các gốc rễ nhằm nuôi dưỡng và duy trì chúng ta.

185. Về vấn đề này, tôi muốn lưu ý điều này, “nhiều nghị phụ Thượng hội đồng phát xuất từ các bối cảnh không thuộc phương Tây đã chỉ ra rằng ở nước họ, hoàn cầu hóa đang mang theo với nó hình thức thực dân hóa văn hóa, cắt đứt người trẻ khỏi cội nguồn văn hóa và tôn giáo của họ. Giáo hội cần phải cam kết đồng hành với những người trẻ này, để trong diễn trình này, họ không quên bỏ các đặc điểm quý giá nhất trong bản sắc của họ” [99].

186. Thực vậy, ngày nay, chúng ta thấy có xu hướng muốn “đồng nhất hóa” (homogenize) người trẻ, làm mờ nhạt điều vốn khác biệt về nguồn gốc và bối cảnh của họ, và biến họ thành một đường hàng hóa mới dễ uốn nắn. Điều này tạo ra một sự tàn phá văn hóa cũng nghiêm trọng như sự diệt vong của các loài động vật và thực vật [100]. Vì lý do này, khi ngỏ lời với những người bản địa trẻ tuổi tụ tập ở Panama, tôi đã khuyến khích họ “chăm sóc các gốc rễ của các bạn, vì từ các gốc rễ phát sinh sức mạnh sẽ làm cho các bạn lớn lên, phát triển và sinh hoa trái” [101].

Mối liên hệ của các bạn với người già

187. Tại Thượng Hội Đồng, chúng ta đã nghe nói rằng “người trẻ tập chú vào tương lai và họ đương đầu với cuộc sống một cách đầy nghị lực và năng động tính. Nhưng họ cũng bị cám dỗ... ít chú ý đến ký ức quá khứ của nơi họ phát xuất, nhất là nhiều hồng phúc được cha mẹ, ông bà của họ và kinh nghiệm văn hóa của xã hội nơi họ sống truyền lại. Giúp người trẻ khám phá ra kho tàng sống động của quá khứ, trân trọng ký ức và tận dụng nó cho các lựa

chọn và cơ hội của họ, là một hành động yêu thương chân chính đối với họ, vì sự phát triển của họ và những quyết định mà họ được kêu gọi thực hiện” [102].

188. Lời Chúa khuyến khích chúng ta gần gũi với người cao niên, để chúng ta có thể hưởng lợi ích từ kinh nghiệm của các ngài: “Hãy có mặt khi các bậc lão thành hội họp. Thấy vị nào khôn ngoan, hãy hết lòng gắn bó... Thấy người học thức uyên thâm, con hãy năng lui tới, chân đi mòn ngưỡng cửa nhà họ” (Hc 6: 34.36). Dù gì, những năm dài các ngài sống và tất cả những gì các ngài đã trải qua trong cuộc sống nên khiến chúng ta phải nhìn các ngài một cách tôn kính: “Thấy người đầu bạc, người phải đứng lên” (Lv 19:32). Vì “Sức mạnh là niềm tự hào của giới thanh niên, mái đầu bạc là vinh dự của hàng bô lão” (Cn 20:29).

189. Kinh thánh cũng nói với chúng ta: “Hãy lắng nghe cha con, đáng sinh thành ra con, đừng khinh dễ mẹ con khi người già yếu” (Cn 23:22). Lệnh truyền tôn vinh cha và mẹ chúng ta là điều răn đầu tiên mang theo một lời hứa với nó (Eph 6: 2, xem Xh 20:12; Đnl 5:16; Lv19: 3), và lời hứa đó là: “để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này (Eph 6: 3).

190. Điều này không có nghĩa là phải đồng ý với mọi điều người lớn nói hoặc tán thành mọi hành động của các ngài. Người trẻ nên luôn có tinh thần phê phán. Thánh Basilêô Cả khuyến khích giới trẻ quý trọng các tác giả Hy Lạp cổ điển, nhưng chỉ chấp nhận bất cứ điều gì tốt họ có thể dạy mà thôi [103]. Điều thực sự quan trọng là cởi mở tiếp nhận sự khôn ngoan được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, một sự khôn ngoan quen thuộc với sự yếu đuối của con người và không đáng bị tan biến trước những điều mới lạ của xã hội tiêu dùng và thị trường.

191. Thế giới chưa bao giờ được hưởng lợi, cũng như sẽ không bao giờ được hưởng lợi, từ sự đứt đoạn giữa các thế hệ. Đó là bài hát mỹ nhân ngư về một tương lai không có gốc rễ và nguồn cội. Đó là lời nói dối sẽ khiến các bạn tin rằng chỉ những gì mới mới tốt và đẹp. Khi các mối liên hệ giữa các thế hệ hiện hữu, một ký ức tập thể cũng có mặt trong các cộng đồng, vì mỗi thế hệ tiếp nhận những lời dạy dỗ của những thế hệ đi trước và lần lượt để lại một di sản cho những thế hệ kế tiếp. Bằng cách này, chúng cung cấp các khung tham chiếu để thiết lập vững chắc một xã hội mới. Như ngôn ngữ xưa vẫn nói: “Nếu người trẻ có kiến thức và sức mạnh cũ, thì sẽ không có gì họ không thể hoàn thành được”.

Các giấc mơ và thị kiến

192. Lời tiên tri của Gioen chứa một câu diễn tả điều trên rất hay: Ta sẽ đổ thần khí Ta trên hết thảy người phàm. Con trai con gái các ngươi sẽ trở thành ngôn sứ, người già được báo mộng, thanh niên thấy thị kiến” (3: 1; xem Cv 2:17). Khi cả trẻ lẫn già đều mở lòng ra cho Chúa Thánh Thần, họ tạo nên một sự kết hợp tuyệt vời. Người già mơ các giấc mơ, và người trẻ nhìn thấy các thị kiến. Làm thế nào để hai lớp tuổi bổ sung cho nhau?

193. Người cao tuổi có những giấc mơ được xây dựng từ những ký ức và hình ảnh mang dấu ấn của trải nghiệm lâu dài của các ngài. Nếu người trẻ đắm rễ trong những giấc mơ đó, họ có

thể nhìn vào tương lai; họ có thể có các viễn kiến có thể mở rộng các chân trời của họ và chỉ cho họ những nẻo đường mới. Nhưng nếu người già không mơ, người trẻ sẽ không nhìn rõ đường chân trời.

194. Có lẽ cha mẹ chúng ta đã lưu giữ một ký ức có thể giúp chúng ta tưởng tượng giấc mơ mà ông bà chúng ta từng mơ ước cho chúng ta. Tất cả chúng ta, ngay trước khi sinh ra, đã nhận được, như một chúc phúc từ ông bà của chúng ta, một giấc mơ tràn ngập tình yêu và hy vọng, giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Ngay cả khi không phải là ông bà của chúng ta, chắc chắn một số cụ cố của chúng ta đã có giấc mơ hạnh phúc đó khi họ chiêm ngưỡng những đứa con của họ và sau đó những đứa cháu của họ nằm trong nôi. Giấc mơ trước mọi giấc mơ là giấc mơ sáng tạo của Thiên Chúa Cha chúng ta, một giấc mơ đi trước và đồng hành với cuộc sống của mọi con cái của Người. Ký ức về sự chúc phúc kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác này là một di sản quý giá mà chúng ta nên tiếp tục duy trì sống động để chúng ta cũng có thể truyền nó lại cho các thế hệ về sau.

195. Đó là lý do tại sao nên để người già kể những câu chuyện dài của họ, đôi khi có vẻ đã sử dụng hoặc kỳ lạ - chúng là các giấc mơ của người già - nhưng thường chứa đầy những trải nghiệm phong phú, những biểu tượng hùng hồn, những sứ điệp ẩn tàng. Những câu chuyện này cần có thời gian để kể, và chúng ta nên sẵn sàng lắng nghe một cách kiên nhẫn và để chúng lắng sâu, mặc dù chúng dài hơn nhiều so với những gì chúng ta đã quen trên phương tiện truyền thông xã hội. Chúng ta phải nhận ra rằng sự khôn ngoan cần thiết cho cuộc sống đã phá vỡ giới hạn của các tài nguyên truyền thông ngày nay.

196. Trong cuốn sách *Chia sẻ sự Khôn ngoan của Thời gian* (Sharing the Wisdom of Time), [104] tôi đã phát biểu một số suy nghĩ dưới hình thức câu hỏi “Tôi yêu cầu điều gì nơi những người lớn tuổi trong đó có tôi? Tôi kêu gọi chúng tôi trở thành những người gìn giữ trí nhớ. Các ông các bà chúng tôi cần phải thành lập một ca đoàn. Tôi vốn hình dung các người lớn tuổi như một ca đoàn thường trực của một đền thánh tâm linh vĩ đại, nơi những lời cầu khẩn và những bài ca ngợi nâng đỡ cộng đồng lớn hơn đang hoạt động và đấu tranh trong lĩnh vực sự sống” [105]. Quả là một điều tuyệt vời “khi những chàng trai và thiếu nữ cùng nhau, những người già và trẻ em, đều ca ngợi thánh danh Chúa” (Tv 148: 12-13).

197. Người già chúng ta có thể tặng gì cho người trẻ? “Chúng ta có thể nhắc nhở những người trẻ tuổi ngày nay, những người có sự pha trộn giữa những tham vọng anh hùng và sự bất an, rằng một cuộc sống không có tình yêu là một cuộc sống khô cằn” [106]. Chúng ta có thể nói gì với họ? “Chúng ta có thể nói với người trẻ sợ hãi rằng sự lo lắng tương lai có thể vượt qua được” [107]. Chúng ta có thể dạy họ điều gì? “Chúng ta có thể dạy những người trẻ đó, đôi khi quá tập chú vào bản thân họ, rằng có nhiều niềm vui khi cho đi hơn là nhận lãnh và tình yêu đó không chỉ được biểu lộ bằng lời nói mà còn bằng hành động” [108].

Cùng nhau chấp nhận rủi ro

198. Một tình yêu rộng lượng và thoải mái, hành động và chấp nhận rủi ro, đôi khi có thể

phạm sai lầm. Ở đây chúng ta có thể kịp thời được thấy chứng tá của Maria Gabriella Perin, người đã mất cha ngay sau khi bà sinh ra: bà suy nghĩ về việc điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của bà như thế nào, trong một mối liên hệ tuy không kéo dài nhưng đã để bà lại thành một người mẹ và giờ đây một người bà. “Điều tôi biết là Chúa tạo ra các câu chuyện. Trong thiên tài và lòng thương xót của Người, Người đã lấy các chiến thắng và các thất bại của chúng ta và dệt nên những tấm thảm đẹp để đầy nghịch lý. Mặt trái của tấm vải có thể trông rất lộn xộn với các sợi rối tung của nó - những biến cố trong cuộc sống của chúng ta - và có lẽ đây là mặt chúng ta loay hoay dừng lại khi chúng ta nghi ngờ. Nhưng phía phải tấm thảm hiển thị một câu chuyện tuyệt vời, và đây là mặt mà Thiên Chúa nhìn thấy” [109]. Khi những người lớn tuổi nhìn vào cuộc sống một cách kỹ lưỡng, do bản năng, các ngài thường biết điều gì ẩn đằng sau những sợi chỉ rối bời và các ngài nhận ra điều Thiên Chúa có thể tạo nên ngay từ cả những sai lầm của chúng ta.

199. Nếu chúng ta cùng nhau lữ hành, già và trẻ, chúng ta có thể bám rễ vững chắc trong hiện tại và từ đây, xem lại quá khứ và nhìn về tương lai. Xem lại quá khứ để học hỏi từ lịch sử và chữa lành các vết thương cũ mà đôi khi vẫn gây rắc rối cho chúng ta. Nhìn về tương lai để nuôi dưỡng sự nhiệt tình của chúng ta, khiến những giấc mơ xuất hiện, đánh thức các lời tiên tri và giúp hy vọng nở hoa. Cùng với nhau, chúng ta có thể học hỏi lẫn nhau, làm ấm áp các trái tim, truyền cảm hứng cho tâm trí bằng ánh sáng Tin Mừng và mang sức mạnh mới lại cho đôi tay chúng ta.

200. Các gốc rễ không phải là các mỏ neo buộc chúng ta vào thời dĩ vãng và ngăn chúng ta đương đầu với hiện tại và tạo ra một điều mới mẻ. Thay vào đó, chúng là điểm cố định để chúng ta có thể lớn lên và đáp ứng các thách thức mới. Điều không hề tốt là “ngồi đó và hoài mong thời quá khứ; chúng ta phải đáp ứng nền văn hóa của chúng ta bằng chủ nghĩa hiện thực và tình yêu và đổ đầy nó bằng Tin Mừng. Ngày nay, chúng ta được sai đi loan báo Tin mừng của Chúa Giêsu cho thời đại mới. Chúng ta cần yêu thời này với mọi cơ hội và rủi ro, niềm vui và nỗi buồn, sự giàu có và giới hạn, các thành công và thất bại của nó” [110].

201. Trong thời gian Thượng hội đồng, một trong các dự thánh viên trẻ tuổi từ Quần đảo Samoa đã nói về Giáo hội như một chiếc ca nô, trong đó người già giúp giữ cho đúng đường bằng cách phán đoán vị trí của các vì sao, trong khi những người trẻ tiếp tục chèo thuyền, tưởng tượng những gì đang chờ đợi họ ở phía trước. Chúng ta hãy tránh xa những người trẻ nghĩ rằng người lớn đại diện cho một quá khứ vô nghĩa, và những người trưởng thành luôn nghĩ rằng họ biết những người trẻ nên hành động ra sao. Thay vào đó, tất cả chúng ta hãy leo lên cùng một chiếc canô và cùng nhau tìm kiếm một thế giới tốt đẹp hơn, với đà tiến không ngừng đổi mới của Chúa Thánh Thần.

CHƯƠNG BẢY: Thừa tác vụ tuổi trẻ

202. Thừa tác vụ tuổi trẻ, như được thi hành trong truyền thống, đã bị ảnh hưởng đáng kể bởi những thay đổi xã hội và văn hóa. Người trẻ thường không tìm thấy nơi các chương trình thông thường của chúng ta một đáp ứng cho mối quan tâm, nhu cầu, các nan đề và vấn đề của họ. Sự lan tràn và tăng trưởng các nhóm và phong trào liên hệ một cách chủ yếu với giới trẻ có thể được coi là công trình của Chúa Thánh Thần, Đáng liên tục chỉ cho chúng ta những nẻo đường mới để đi. Mặc dù vậy, vẫn cần phải xem xét cách các nhóm như vậy tham gia vào việc chăm sóc mục vụ tổng thể của Giáo hội, cũng như phải hiệp thông nhiều hơn giữa họ và phối hợp tốt hơn các hoạt động của họ. Dù tiếp cận người trẻ không bao giờ dễ dàng, hai điều ngày càng trở nên hiển nhiên: việc nhận ra rằng toàn bộ cộng đồng phải tham gia vào việc truyền giảng Tin Mừng cho họ, và đòi hỏi cấp bách họ phải đảm nhận một vai trò lớn hơn trong việc nối vòng tay lớn (outreach) mục vụ.

Một nền chăm sóc mục vụ có tính đồng nghị (synodal)

203. Tôi muốn nói rõ rằng chính người trẻ là tác nhân của thừa tác vụ tuổi trẻ. Chắc chắn họ cần được giúp đỡ và hướng dẫn, nhưng đồng thời, được tự do phát triển các phương thức mới, đầy sáng tạo và táo bạo. Vì vậy, ở đây, tôi sẽ không cố gắng đề ra một loại thủ bản thừa tác vụ giới trẻ hoặc một hướng dẫn mục vụ thực tế. Tôi quan tâm nhiều hơn đến việc giúp người trẻ sử dụng sự hiểu biết thông sáng, tài khéo léo và kiến thức của họ để giải quyết các vấn đề và mối quan tâm của người trẻ khác bằng ngôn ngữ riêng của họ.

204. Giới trẻ khiến chúng ta nhìn thấy nhu cầu phải có phong cách mới và chiến lược mới. Ví dụ, trong khi người lớn thường lo lắng về việc mọi sự phải được lên kế hoạch thích đáng, với các cuộc họp thường xuyên và thời gian cố định, hầu hết người trẻ ngày nay ít quan tâm đến cách tiếp cận mục vụ này. Thừa tác vụ giới trẻ cần trở nên linh hoạt hơn: mời người trẻ tham gia các biến cố hoặc các dịp mang đến cơ hội không chỉ để học hỏi mà còn để trò chuyện, cử hành, ca hát, lắng nghe những câu chuyện có thật và trải nghiệm cuộc gặp gỡ chung với Thiên Chúa hằng sống.

205. Đồng thời, chúng ta nên xem xét nhiều hơn các thực hành đã chứng tỏ là có giá trị - các phương pháp, ngôn ngữ và mục đích đã chứng tỏ là thực sự hữu hiệu trong việc đưa những người trẻ đến với Chúa Kitô và Giáo hội. Không quan trọng họ phát xuất từ đâu hoặc họ đã nhận được nhãn hiệu nào, bất kể là người “bảo thủ”, hay người “tiến bộ”, người “truyền thống” hay người “cấp tiến”. Điều quan trọng là chúng ta tận dụng mọi điều từng đã sinh ra trái tốt và truyền đạt hữu hiệu niềm vui Tin Mừng.

206. Thừa tác vụ giới trẻ phải có tính đồng nghị; nó nên là “một cuộc hành trình với nhau” biết trân quý “các đặc sủng mà Chúa Thánh Thần ban phát phù hợp với ơn gọi và vai trò của mỗi thành viên trong Giáo hội, qua diễn trình đồng trách nhiệm. .. Được thúc đẩy bởi tình

thần này, chúng ta có thể tiến tới một Giáo hội có tính tham gia và đồng trách nhiệm, một Giáo hội có khả năng đánh giá cao sự đa dạng phong phú của riêng mình, chấp nhận một cách biết ơn sự đóng góp của tín hữu giáo dân, bao gồm cả người trẻ và phụ nữ, các người thánh hiến, cũng như các nhóm, hiệp hội và phong trào. Không nên loại trừ ai và không ai nên tự loại trừ chính họ” [111].

207. Theo cách đó, nhờ việc học hỏi lẫn nhau, chúng ta có thể phản ánh tốt hơn thực tại đa diện tuyệt vời mà Chúa Kitô đã định cho Giáo Hội của Người. Giáo Hội sẽ có thể thu hút người trẻ, vì sự hiệp nhất của Giáo Hội không phải là độc khối (monolithic), mà đúng hơn, là một mạng lưới gồm các hồng phúc đa dạng mà Chúa Thánh Thần không ngừng tuôn đổ trên Giáo Hội, đổi mới Giáo Hội và giúp Giáo Hội thoát khỏi sự nghèo nàn.

208. Tại Thượng hội đồng, nhiều đề nghị cụ thể đã xuất hiện để đổi mới thừa tác vụ giới trẻ và giải phóng nó khỏi các phương pháp không còn hữu hiệu vì chúng không có khả năng bước vào cuộc đời thoại với nền văn hóa giới trẻ đương thời. Đương nhiên, tôi không thể liệt kê tất cả các đề nghị này ở đây. Một số đề nghị này có thể được tìm thấy trong Tài liệu Sau cùng của Thượng hội đồng.

Các diễn trình hành động chính

209. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng thừa tác vụ giới trẻ bao gồm hai diễn trình hành động chính. Một là với tay ra (outreach), cách chúng ta thu hút người trẻ mới cảm nghiệm được Chúa. Diễn trình kia là lớn lên, cách chúng ta giúp những người đã có kinh nghiệm đó rồi trưởng thành trong đó.

210. Về việc với tay ra, tôi tin tưởng rằng chính người trẻ biết cách tốt nhất trong việc tìm ra những cách hấp dẫn để đến với nhau. Họ biết cách tổ chức các biến cố, các cuộc thi đua thể thao và cách truyền giảng Tin Mừng bằng cách sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, qua tin nhắn, bài hát, video và các cách khác. Họ chỉ cần được khuyến khích và dành cho tự do để được phấn khởi mà truyền giảng Tin Mừng cho các người trẻ khác bất cứ họ ở đâu. Khi sứ điệp được đem đến lần đầu, dù là trong một khóa tĩnh tâm của giới trẻ, một cuộc trò chuyện trong một quán bar, vào những kỳ nghỉ học, hoặc trong bất cứ cách màu nhiệm nào của Thiên Chúa, nó có thể đánh thức kinh nghiệm sâu sắc về đức tin. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là mỗi người trẻ có thể đủ táo bạo để gieo hạt giống của sứ điệp trên mảnh đất màu mỡ là trái tim của một người trẻ khác.

211. Trong việc với tay ra này, chúng ta cần sử dụng trước nhất các ngôn ngữ gần gũi, ngôn ngữ yêu thương quảng đại, có tính tương quan và hiện sinh có thể đánh động trái tim, tác động đến cuộc sống và đánh thức hy vọng và ước muốn. Người trẻ cần được tiếp cận bằng ngôn ngữ pháp tình yêu, chứ không phải bằng cách giảng giải. Ngôn ngữ mà những người trẻ hiểu được nói bởi những người tỏa sức sống, bởi những người hiện diện ở đó vì họ và với họ. Và những người, với mọi hạn chế và điểm yếu, vẫn cố gắng sống đức tin của họ một cách trọn vẹn. Chúng ta cũng phải dành suy nghĩ nhiều hơn để tìm ra các cách nhập thân sứ điệp sơ

truyền (kerygma) vào ngôn ngữ của giới trẻ ngày nay.

212. Đối với việc lớn lên, tôi xin đưa ra một điểm quan trọng. Ở một số nơi, người trẻ được giúp đỡ để có được một cảm nghiệm mạnh mẽ về Thiên Chúa, một cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu có thể đánh động trái tim của họ. Nhưng chỉ có điều phải theo dõi là một loạt các cuộc hội họp “huấn luyện” chủ yếu nói đến các vấn đề tín lý và luân lý, các tệ nạn của thế giới ngày nay, Giáo hội, học thuyết xã hội của Giáo hội, đức khiết tịnh, hôn nhân, kiểm soát sinh đẻ, v.v. Kết quả là, nhiều người trẻ buồn nản, mất đi ngọn lửa bùng của cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô và niềm vui được theo Người; nhiều người bỏ cuộc và nhiều người khác trở nên chán nản hoặc tiêu cực. Thay vì quá quan tâm đến việc truyền đạt rất nhiều học thuyết, trước tiên chúng ta hãy cố gắng đánh thức và củng cố các cảm nghiệm tuyệt vời có thể nâng đỡ đời sống Kitô hữu. Theo lời của Romano Guardini, “khi chúng ta cảm nghiệm một tình yêu vĩ đại... mọi sự khác sẽ trở thành một phần của nó” [112].

213. Bất cứ dự án giáo dục nào hoặc nẻo đường lớn mạnh nào đối với giới trẻ chắc chắn phải bao gồm việc huấn luyện về tín lý và luân lý Kitô giáo. Nhưng điều cũng quan trọng tương tự là nó có hai mục tiêu chính. Một là sự phát triển sứ điệp sơ truyền (kerygma), tức cảm nghiệm nền tảng của cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa qua cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Hai là sự tăng trưởng trong tình yêu huynh đệ, cuộc sống cộng đồng và phục vụ.

214. Đây là điều mà tôi đã nhấn mạnh trong *Niềm Vui Tin Mừng* (Evangelii Gaudium), và tôi coi nó đáng để nhắc lại ở đây. Sẽ là một sai lầm nghiêm trọng khi nghĩ rằng trong thừa tác vụ giới trẻ, “sứ điệp sơ truyền nên nhường chỗ cho một việc huấn luyện được cho là ‘vững chắc’ hơn. Không có gì vững chắc, sâu sắc, an toàn, có ý nghĩa và đầy khôn ngoan hơn việc công bố lúc ban đầu đó. Mọi việc huấn luyện Kitô giáo hệ ở việc đi vào sứ điệp sơ truyền sâu hơn” [113] và nhập thân nó mỗi ngày một đầy đủ hơn vào cuộc sống của chúng ta. Do đó, thừa tác vụ giới trẻ phải luôn luôn bao gồm các dịp để đổi mới và đào sâu cảm nghiệm bản thân của chúng ta về tình yêu của Thiên Chúa và Chúa Kitô hằng sống. Nó có thể làm điều này nhiều cách khác nhau: chứng từ, bài hát, khoanh khắc thờ lạy, thời gian suy niệm thiêng liêng về Kinh thánh và thậm chí cả việc sử dụng các mạng xã hội một cách thông minh. Tuy nhiên, không bao giờ nên thay thế cảm nghiệm vui mừng này về cuộc gặp gỡ với Chúa bằng một loại “nhồi sọ lý thuyết” (indoctrination).

215. Mặt khác, bất cứ chương trình nào của thừa tác vụ giới trẻ cũng cần kết hợp rõ ràng các phương tiện và nguồn lực đa dạng có thể giúp người trẻ lớn lên trong tình huynh đệ, sống như anh chị em, giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng cộng đồng, phục vụ người khác, gần gũi với người nghèo. Nếu tình yêu huynh đệ là “điều răn mới” (Ga 13:34), là “sự viên mãn của Lễ Luật” (Rm 13:10) và là cách tốt nhất để biểu lộ tình yêu của chúng ta đối với Thiên Chúa, thì nó phải có một vị trí chính yếu trong mọi dự án huấn luyện giới trẻ và lớn mạnh của họ đến tuổi trưởng thành.

Các môi trường thích hợp

216. Chúng ta cần làm cho tất cả các định chế của chúng ta được trang bị tốt hơn để chào đón nhiều hơn đối với những người trẻ tuổi, vì rất nhiều người trong số họ có cảm giác thực sự là trẻ mồ côi. Ở đây tôi không đề cập đến các vấn đề gia đình mà là một điều gì đó được các thiếu niên nam nữ, người trẻ và người lớn, cả cha mẹ lẫn con cái, cảm nghiệm. Đối với mọi trẻ mồ côi này - bao gồm cả chính chúng ta - các cộng đồng như giáo xứ hoặc trường học nên cung cấp các khả thể để cảm nghiệm sự cởi mở và tình yêu, sự khẳng định và tăng trưởng. Nhiều người trẻ ngày nay cảm thấy họ phải thừa hưởng các giấc mơ thất bại của cha mẹ và ông bà của họ, những giấc mơ bị phản bội bởi sự bất công, bạo lực xã hội, lòng ích kỷ và thiếu quan tâm đến người khác. Tóm một lời, họ cảm thấy bị búng rể. Nếu người trẻ lớn lên trong một thế giới tro tàn, họ sẽ khó có thể giữ được ngọn lửa của những giấc mơ và dự án lớn. Nếu họ lớn lên trong một sa mạc không còn ý nghĩa, họ sẽ phát triển ước muốn cống hiến cuộc đời mình để gieo hạt giống ở đâu? Cảm nghiệm đứt đoạn, búng gốc và sự sụp đổ các xác tín căn bản, được nền văn hóa truyền thông ngày nay thúc đẩy, đang tạo ra một cảm thức mồ côi sâu sắc mà chúng ta phải đáp ứng bằng cách tạo ra một môi trường huynh đệ lôi cuốn nơi người khác có thể sống với một cảm thức về mục đích.

217. Nói tóm lại, tạo ra một “mái nhà” là tạo ra một “gia đình”. Đây là việc học cách cảm thấy mình được kết nối với những người khác hơn là những mối liên hệ thực dụng và thực tiễn, được hợp nhất theo cách chúng ta cảm thấy cuộc sống của mình có tính nhân bản hơn một chút. Tạo ra một mái nhà là để cho lời tiên tri mặc lấy xương thịt và làm cho năm tháng ngày giờ của chúng ta bớt lạnh lẽo, bớt thờ ơ và vô danh. Đó là tạo ra các dây nối kết bằng những hành động đơn giản, hàng ngày mà tất cả chúng ta đều có thể thực hiện. Như chúng ta biết, mái nhà đòi hỏi mọi người phải làm việc với nhau. Không ai có thể thờ ơ hay đứng cách xa nhau, vì mỗi người là một viên đá cần thiết để xây dựng mái nhà. Điều này cũng bao hàm việc cầu xin Chúa ban cho chúng ta ơn biết học cách kiên nhẫn, tha thứ cho nhau, bắt đầu lại mỗi ngày. Tôi nên tha thứ và bắt đầu lại bao nhiêu lần? Bảy mươi lần bảy, bất kể bao nhiêu lần nếu cần thiết. Việc tạo ra các mối dây liên kết mạnh mẽ đòi hỏi sự tự tin và tín thác được nuôi dưỡng hàng ngày bằng sự kiên nhẫn và tha thứ. Và đó là cách phép lạ diễn ra: chúng ta cảm thấy ở đây chúng ta được tái sinh, ở đây tất cả chúng ta được tái sinh, vì chúng ta cảm thấy sự âu yếm của Thiên Chúa giúp chúng ta có khả năng mơ về một thế giới nhân bản hơn, và do đó một thế giới thiên bản hơn [114].

218. Dọc theo những đường hướng này, các định chế của chúng ta nên cung cấp cho người trẻ các nơi họ có thể biến thành của riêng, nơi họ có thể đến và đi tự do, cảm thấy được chào đón và sẵn sàng gặp gỡ những người trẻ khác, bất kể lúc khó khăn và thất vọng, hay hân hoan và cử hành. Một số điều này đã xảy ra ở các nguyện đường và các trung tâm thanh thiếu niên khác, mà trong nhiều trường hợp vốn cung ứng một khung cảnh thân thiện và thoải mái, nơi các tình bạn có thể phát triển, nơi các người trẻ nam nữ có thể gặp nhau, nơi họ có thể chia sẻ âm nhạc, trò chơi, thể thao, và cả suy niệm và cầu nguyện nữa. Ở những nơi như vậy, nhiều điều có thể được cung ứng, mà không phải chi phí lớn. Cũng vậy, việc tiếp xúc không thể thiếu giữa người với người để truyền đạt sứ điệp có thể diễn ra, một điều mà vị trí của nó

không thể do bất cứ tài nguyên hoặc chiến lược mục vụ nào có thể thực hiện được.

219. “Tình bạn và việc thảo luận, thường có mặt trong các nhóm ít nhiều được cơ cấu hóa, cung ứng cơ hội để củng cố các kỹ năng xã hội và tương quan trong một bối cảnh nơi người ta không bị phân tích cũng không bị phê phán. Kinh nghiệm nhóm cũng tạo nên một tài nguyên tuyệt vời để chia sẻ đức tin và giúp đỡ lẫn nhau trong việc làm chứng. Người trẻ có khả năng hướng dẫn người trẻ khác và thực thi một việc làm tông đồ chân thực giữa các bạn bè của họ” [115].

220. Điều này không có nghĩa là họ nên trở nên cô lập và mất mọi liên lạc với các cộng đồng giáo xứ, các phong trào và các tổ chức giáo hội khác. Nhưng họ sẽ được hòa nhập tốt hơn vào các cộng đồng cởi mở, sống đức tin, mong muốn rạng rỡ Chúa Kitô, vui vẻ, tự do, huynh đệ và tận tâm. Các cộng đồng này có thể là các khung cảnh nơi họ cảm thấy có thể vun sỏi các mối quan hệ quý giá.

Thừa tác vụ tuổi trẻ trong các định chế giáo dục

221. Trường học chắc chắn là một diễn đàn thu hút trẻ em và người trẻ. Chính vì chúng là những nơi đặc phúc để phát triển bản thân như vậy, nên cộng đồng Kitô hữu luôn quan tâm đến việc đào tạo các giáo viên và các quản trị viên, và thiết lập các trường học của riêng mình với nhiều loại và trình độ khác nhau. Trong lĩnh vực giáo dục giới trẻ này, Chúa Thánh Thần đã làm xuất hiện vô số đặc sủng và gương sáng thánh thiện. Tuy nhiên, các trường học đang rất cần việc tự phê, nếu chúng ta xem xét các kết quả của việc nối vòng tay lớn mục vụ của họ, một việc, trong nhiều trường hợp, tập trung vào một loại giáo dục tôn giáo chứng tỏ thường không có khả năng nuôi dưỡng các cảm nghiệm đức tin lâu dài. Một số trường Công Giáo dường như chỉ được cấu trúc vì mục đích tự bảo tồn. Việc sợ thay đổi khiến họ cố thủ và phòng ngự trước các nguy hiểm, có thật hay tưởng tượng, mà bất cứ thay đổi nào cũng có thể mang lại. Trường học nào trở thành “một pháo đài” (bunker), bảo vệ các học sinh của mình khỏi những lỗi lầm “từ bên ngoài”, quả là một bức tranh biếm họa của xu hướng này. Thế nhưng, hình ảnh này phản ánh, một cách ớn lạnh, điều nhiều người trẻ kinh qua khi họ tốt nghiệp từ một số định chế giáo dục nào đó: mất sự kết nối không thể vượt qua giữa những gì họ được dạy và thế giới mà họ đang sống. Cách họ được dạy dỗ về các giá trị tôn giáo và luân lý đã không chuẩn bị để họ đề cao các giá trị đó trong một thế giới đưa chúng ra chế giễu, họ cũng không học được cách cầu nguyện và thực hành đức tin có thể dễ dàng được nâng đỡ giữa nhịp độ chóng mặt của xã hội hôm nay. Vì một trong những niềm vui lớn nhất mà bất cứ nhà giáo dục nào cũng có thể có là nhìn thấy một học sinh biến thành một người mạnh mẽ, hòa nhập trọn vẹn, một nhà lãnh đạo và một con người sẵn sàng cho đi.

222. Các trường Công Giáo vẫn là nơi thiết yếu cho việc truyền giảng Tin Mừng cho giới trẻ. Cần phải lưu ý một số nguyên tắc hướng dẫn được quy định trong *Veritatis Gaudium* (Niềm Vui Sự Thật) cho việc đổi mới và hồi sinh việc nối vòng tay lớn truyền giáo của các trường học và đại học. Chúng bao gồm một trải nghiệm mới mẻ về sứ điệp sơ truyền (kerygma), đối thoại rộng rãi, các cách tiếp cận liên ngành và đa ngành (inter and cross disciplinary), cổ vũ

nền văn hóa gặp gỡ, khẩn trương tạo ra các mạng lưới và một phương thức có lợi cho những người nhỏ bé nhất, những người mà xã hội loại bỏ [116]. Quan trọng tương tự là khả năng tích hợp kiến thức của đầu, tim và tay chân.

223. Mặt khác, chúng ta không thể tách biệt việc đào luyện thiêng liêng khỏi việc đào luyện văn hóa. Giáo hội luôn cố gắng khai triển các cách cung cấp cho giới trẻ một nền giáo dục tốt nhất có thể. Lúc này, Giáo hội cũng không nên dừng lại, vì người trẻ có quyền đòi hỏi việc này. “Ngày nay, trên hết, quyền có một nền giáo dục tốt có nghĩa phải bảo vệ đức không ngoan, nghĩa là, kiến thức phải mang tính nhân bản và nhân bản hóa. Chúng ta quá thường xuyên bị qui định bởi các mô hình tầm thường và phù du về cuộc sống khiến chúng ta theo đuổi thành công với giá rẻ, hạ giá hy sinh làm mất uy tín và nhồi nhét ý tưởng cho rằng giáo dục là điều không cần thiết trừ khi nó cung cấp kết quả cụ thể ngay lập tức. Không, giáo dục làm chúng ta nêu ra các câu hỏi, giữ cho chúng ta khỏi bị gây mê bởi sự tầm thường và thúc đẩy chúng ta theo đuổi ý nghĩa trong cuộc sống. Chúng ta cần đòi lại quyền không bị lạc lối bởi những mỹ nhân ngư hiện đang làm chúng ta phân tâm trong cuộc theo đuổi này. Ulysses, để không đầu hàng trước bài hát mỹ nhân ngư đã làm say mê các thủy thủ của ông và khiến tàu của họ đâm vào đá, đã cột mình vào cột buồm của tàu và yêu cầu bạn đồng hành bịt tai. Orpheus, mặt khác, đã làm một điều khác để phản công bài hát mỹ nhân ngư: ông đã hát một giai điệu thậm chí còn hay hơn thế, làm mê mẩn cả các mỹ nhân ngư. Do đó, đây là thách thức lớn của các bạn: đáp ứng các điệp khúc làm tê liệt của chủ nghĩa tiêu thụ văn hóa bằng các quyết định có suy nghĩ và vững chắc, với nghiên cứu, kiến thức và chia sẻ” [117].

Các phạm vi cần được khai triển

224. Nhiều người trẻ đã tiến đến chỗ biết đánh giá cao sự im lặng và gần gũi với Thiên Chúa. Các nhóm tụ tập để tôn thờ Thánh Thể hoặc cầu nguyện bằng lời Chúa cũng đã gia tăng. Chúng ta đừng bao giờ đánh giá thấp khả năng của người trẻ trong việc họ cởi mở đối với lời cầu nguyện chiêm niệm. Chúng ta chỉ cần tìm ra các cách thức và phương tiện thích hợp để giúp họ bắt tay vào cảm nghiệm quý giá này. Khi nói đến việc thờ phượng và cầu nguyện, “trong nhiều khung cảnh, người Công Giáo trẻ đang yêu cầu có những cơ hội cầu nguyện và cử hành bí tích có khả năng nói với cuộc sống hàng ngày của họ qua một phụng vụ tươi mới, chân thực và hân hoan” [118]. Điều quan trọng là tận dụng tối đa những khoảnh khắc vĩ đại của năm phụng vụ, nhất là Tuần Thánh, Lễ Ngũ Tuần và Giáng Sinh. Nhưng các dịp lễ hội khác có thể cung cấp một gián đoạn đáng hoan nghênh trong thói quen của họ và giúp họ cảm nghiệm niềm vui đức tin.

225. Nghi thức Kitô giáo tượng trưng cho một cơ hội độc đáo để lớn lên và cởi mở đối với các hồng ân đức tin và đức ái của Thiên Chúa. Nhiều người trẻ bị thu hút bởi khả năng giúp đỡ người khác, nhất là trẻ em và người nghèo. Nghi thức này thường là bước đầu tiên để khám phá hoặc tái khám phá cuộc sống trong Chúa Kitô và Giáo hội. Nhiều người trẻ trở nên mệt mỏi đối với các chương trình đào tạo tín lý và thiêng liêng của chúng ta, và đôi khi đòi có cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động có lợi cho người khác.

226. Chúng ta cũng không thể bỏ qua tầm quan trọng của nghệ thuật, như thoại kịch, hội họa và những thứ khác. “Âm nhạc đặc biệt quan trọng, nói lên một môi trường đích thực, trong đó giới trẻ không ngừng đắm mình vào, cũng như một nền văn hóa và ngôn ngữ có khả năng khơi dậy cảm xúc và định hình bản sắc. Ngôn ngữ âm nhạc cũng đại diện cho một nguồn tài nguyên mục vụ có liên quan đặc biệt đến phụng vụ và việc đổi mới nó” [119]. Ca hát có thể là một động lực tuyệt vời cho người trẻ khi họ lữ hành qua cuộc sống. Như Thánh Augustinô đã nói: “Hãy ca hát, nhưng hãy tiếp tục cuộc hành trình của các bạn. Đừng trở nên lười biếng, nhưng hãy ca hát để làm con đường trở nên thú vị hơn. Hãy ca hát, nhưng hãy tiếp tục bước đi... Nếu tiến bộ, bạn sẽ tiếp tục cuộc hành trình của mình, nhưng hãy chắc chắn rằng sự tiến bộ của bạn là tiến bộ trong nhân đức, trong đức tin thực sự và trong việc sống đúng đắn. Do đó, hãy ca hát, nhưng hãy tiếp tục bước đi” [120].

227. Cũng có ý nghĩa không kém là việc người trẻ nhấn mạnh đến thể thao; Giáo hội không nên đánh giá thấp tiềm năng của thể thao đối với giáo dục và đào tạo, nhưng thay vào đó, duy trì một sự hiện diện mạnh mẽ ở đó. Thế giới thể thao cần được giúp đỡ để khắc phục một số khía cạnh có vấn đề của nó, chẳng hạn như thần tượng hóa các nhà vô địch, từng phục lợi ích thương mại và ý thức hệ thành công với bất cứ giá nào” [121]. Trọng tâm của trải nghiệm thể thao là “niềm vui: niềm vui của việc luyện tập, được ở bên nhau, được sống động và hân hoan trong những hồng phúc mà Tạo hóa đã ban tặng cho chúng ta mỗi ngày” [122]. Một số Giáo phụ đã sử dụng điển hình đào tạo các lực sĩ để khuyến khích người trẻ phát triển sức mạnh của họ và vượt qua sự biếng nhác và buồn chán. Thánh Basilê Cả, khi viết cho những người trẻ tuổi, đã sử dụng cố gắng đòi hỏi nơi các lực sĩ để minh họa giá trị của sự hy sinh bản thân như một phương tiện tăng trưởng trong nhân đức: “những người này chịu đau khổ không kể xiết, họ sử dụng nhiều phương tiện để bồi đắp sức mạnh của họ. Họ đổ mồ hôi liên tục lúc họ luyện tập. .. tóm một lời, họ tự kỷ luật bản thân họ đến mức cả cuộc sống trước khi thi đấu là một sự chuẩn bị cho nó. .. Như thế, làm thế nào chúng ta, những người đã được hứa những phần thưởng kỳ diệu về số lượng và sự huy hoàng đến nỗi không miệng lưỡi nào có thể đếm được, có thể ngay cả nghĩ đến việc thắng được chúng nếu chúng ta không làm gì khác hơn là chỉ biết dành cuộc sống của mình để giải trí và thực hiện những nỗ lực nửa vời?” [123].

228. Thiên nhiên có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với nhiều thiếu niên và người trẻ biết nhận ra nhu cầu phải chăm sóc môi trường. Đó là trường hợp các phong trào hướng đạo và các nhóm khác nhằm khuyến khích sự gần gũi với thiên nhiên, các chuyến đi cắm trại, đi bộ đường dài, thám hiểm và các chiến dịch cải thiện môi trường. Theo tinh thần của Thánh Phanxicô Assisi, những kinh nghiệm này có thể là một khai tâm thực sự để bước vào trường huấn luyện tình huynh đệ phổ quát và cầu nguyện chiêm niệm.

229. Những kinh nghiệm trên và nhiều cơ hội đa dạng khác để truyền giảng Tin Mừng cho giới trẻ không nên khiến chúng ta quên rằng, bất chấp thời kỳ đang thay đổi và các thách thức của người trẻ, vẫn có những hồng phúc của Thiên Chúa không bao giờ già cỗi, vì chúng chứa một sức mạnh vượt mọi thời gian và không gian. Có lời Chúa, luôn sống động và hữu hiệu, sự hiện diện nuôi dưỡng của Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể, và bí tích Hòa giải, mang lại

cho chúng ta tự do và sức mạnh. Chúng ta cũng có thể nhắc đến sự giàu có thiêng liêng vô tận được Giáo hội bảo tồn trong chứng tá của các vị thánh của mình và sự dạy dỗ của các bậc thầy thiêng liêng vĩ đại. Mặc dù chúng ta phải kính trọng các giai đoạn tăng trưởng khác nhau và đôi khi cần kiên nhẫn chờ đợi thời điểm thích hợp, chúng ta vẫn không thể không mời người trẻ uống từ những giếng khơi sự sống mới này. Chúng ta không có quyền tước đoạt điều tốt đẹp vĩ đại này của họ.

Một thừa tác vụ tuổi trẻ “bình dân”

230. Ngoài thừa tác vụ thông thường, được lên kế hoạch hàng hoàng mà các giáo xứ và phong trào vốn thực hiện, điều cũng quan trọng là phải dành chỗ cho một thừa tác vụ giới trẻ “bình dân”, với một phong cách, lịch trình, nhịp độ và phương pháp khác. Bao quát hơn và linh hoạt hơn, nó đi tới những nơi ở đáy, người trẻ thực sự tích cực, và cổ vũ các phẩm tính lãnh đạo tự nhiên và các đặc sủng được Chúa Thánh Thần gieo vãi. Nó cố gắng tránh việc áp đặt các trở ngại, các quy tắc, các kiểm soát và các cơ cấu bắt buộc lên những tín hữu trẻ tuổi này, vốn là những người lãnh đạo tự nhiên trong các khu phố của họ và trong các khung cảnh khác. Chúng ta chỉ cần đồng hành và khích lệ họ, tin tưởng hơn một chút vào thiên tài của Chúa Thánh Thần, Đấng hành động tùy ý Người.

231. Chúng ta đang nói tới các nhà lãnh đạo thực sự “bình dân”, chứ không phải những người ưu tú hay những người tự đóng kín vào các nhóm nhỏ gồm các cá nhân được chọn lọc. Để có thể phát sinh ra một thừa tác vụ “bình dân” cho tuổi trẻ, “họ cần học cách lắng nghe cảm thức của người ta, để trở thành người phát ngôn của họ và làm việc cho việc cổ vũ họ” [124]. Khi nói về “người ta”, chúng ta không nói về các cơ cấu của xã hội hay Giáo hội, nhưng nói về tất cả những ai trên đường lữ hành, không phải như các cá nhân, mà như một cộng đồng gắn bó chặt chẽ với mọi người, một cộng đồng bác bỏ việc bỏ rơi người nghèo và những người dễ bị tổn thương. “Những người muốn mọi người chia sẻ lợi ích chung và do đó đồng ý đồng nhịp với các thành viên nhỏ bé nhất của nó, để mọi người có thể đạt đến ích chung cùng với nhau” [125]. Do đó, các nhà lãnh đạo “bình dân” là những người có khả năng làm mọi người, kể cả người nghèo, người yếu thế, người yếu đuối và người bị thương tổn, trở nên một thành phần của cuộc diễn hành tiến về phía trước của tuổi trẻ. Họ không trốn tránh hoặc sợ những người trẻ từng kinh qua tổn thương hoặc chịu đựng sức nặng của thập giá.

232. Tương tự như thế, nhất là trong trường hợp người trẻ không phát xuất từ các gia đình hoặc các định chế Kitô giáo, và đang trưởng thành một cách chậm chạp, chúng ta phải khuyến khích mọi điều tốt theo khả năng của chúng ta [126]. Chúa Kitô đã cảnh cáo chúng ta đừng chỉ thấy các hạt lúa tốt mà thôi (x. Mt 13: 24-30). Đôi khi, trong nỗ lực phát triển một thừa tác vụ giới trẻ thuần túy và hoàn hảo, được đánh dấu bằng những ý tưởng trừu tượng, được che chở khỏi thế giới và không có sai sót nào, chúng ta có thể biến Tin Mừng thành một đề nghị buồn tẻ, vô nghĩa và không lôi cuốn. Một thừa tác vụ giới trẻ như vậy kết cục đã bị hoàn toàn loại khỏi thế giới của người trẻ và chỉ phù hợp với một tuổi trẻ Kitô giáo ưu tú, tự coi mình là khác biệt, trong khi sống trong một sự cô lập trống rỗng và không sinh hoa trái. Khi loại trừ cô đại, chúng ta cũng nhỏ nhẹ hoặc bóp nghẹt bất cứ số chồi nào đang cố gắng

mọc lên bất chấp các hạn chế của chúng.

233. Thay vì “áp đảo người trẻ bằng một bộ quy tắc khiến Kitô giáo có hình dáng thu gọn và dạy đời (moralistic), chúng ta được kêu gọi đầu tư vào tính không biết sợ của họ và đào tạo họ nhận trách nhiệm của họ, trong khi biết chắc rằng lỗi lầm, thất bại và khủng hoảng là những kinh nghiệm có thể củng cố nhân tính của họ” [127].

234. Thượng hội đồng kêu gọi việc khai triển một Thừa tác vụ tuổi trẻ có khả năng bao gồm, dành chỗ cho mọi loại người trẻ, để chứng tỏ rằng chúng ta là một Giáo hội mở rộng cửa. Người ta cũng không phải chấp nhận đầy đủ mọi tín lý của Giáo hội mới có thể tham gia vào một số hoạt động của chúng ta dành cho người trẻ tuổi. Chỉ cần có một tâm trí cởi mở đối với tất cả những ai có mong muốn và sẵn lòng được sự thật mặc khải của Thiên Chúa gặp gỡ. Một số hoạt động mục vụ của chúng ta có thể giả thiết rằng một hành trình đức tin đã bắt đầu, nhưng chúng ta cần một thừa tác vụ giới trẻ “bình dân” có thể mở các cánh cửa và dành chỗ cho mọi người, với các nghi ngờ và thất vọng của họ, các vấn đề và nỗ lực tìm ra chính họ, các lầm lẫn trong quá khứ, các kinh nghiệm tội lỗi và mọi khó khăn của họ.

235. Cũng nên dành chỗ cho “Tất cả những người có viễn kiến khác về cuộc sống, những người thuộc các tôn giáo khác hoặc những người hoàn toàn xa cách với tôn giáo. Tất cả những người trẻ tuổi, không trừ ai, đều ở trong trái tim Thiên Chúa, và do đó, trong trái tim của Giáo hội. Chúng ta thẳng thắn thừa nhận rằng câu tuyên bố trên môi miệng chúng ta này không phải lúc nào cũng tìm thấy biểu thức chân thực trong các hành động mục vụ của chúng ta: chúng ta thường khép kín trong các môi trường của chúng ta, nơi giọng nói của họ không nghe thủng, hoặc nếu không, chúng ta cũng chỉ lưu tâm tới các hoạt động ít đòi hỏi và nhiều thích thú hơn, loại bỏ sự bồn chồn mục vụ lành mạnh vốn thôi thúc chúng ta ra khỏi điều được coi là nơi an toàn của chúng ta. Tin Mừng cũng yêu cầu chúng ta phải táo bạo, và chúng ta muốn được như vậy, không cao ngạo và không tìm cách cải đạo, làm chứng cho tình yêu của Chúa và dang rộng đôi tay với mọi người trẻ trên thế giới” [128].

236. Thừa tác vụ tuổi trẻ, khi không còn duy ưu tú và sẵn lòng trở thành “bình dân” là một diễn trình tiệm tiến, tôn trọng, kiên nhẫn, hy vọng, không mệt mỏi và đầy cảm thương. Thượng hội đồng đề nghị lấy điển hình của các môn đệ Emmau (x. Lc 24: 13-35) làm một mô hình cho những gì diễn ra trong thừa tác vụ giới trẻ.

237. “Chúa Giêsu bước đi với hai môn đệ chưa nắm được ý nghĩa của mọi điều đã xảy ra với Người và họ đang rời khỏi Giêrusalem và cộng đồng của họ. Muốn đồng hành với họ, Người đã cùng sánh bước với họ. Người hỏi han họ và kiên nhẫn lắng nghe lời tường thuật các biến cố của họ, và bằng cách này, giúp họ nhận ra điều họ đã cảm nghiệm. Rồi, một cách triu mến và tràn đầy năng lực, Người công bố Lời Chúa cho họ, bằng cách dẫn dắt họ giải thích các biến cố họ đã trải nghiệm dưới ánh sáng Sách Thánh. Người chấp nhận lời mời ở lại với họ khi màn đêm buông xuống: Người bước vào đêm tối của họ. Khi lắng nghe Người, trái tim họ ấm lên và tâm trí họ mở ra; rồi họ nhận ra Người lúc bẻ bánh. Chính họ chọn việc tiếp nối cuộc hành trình ngay lập tức theo hướng ngược lại, trở về với cộng đồng và chia sẻ với họ

cảm nghiệm về cuộc gặp gỡ với Đấng Phục sinh của mình” [129].

238. Những biểu hiện khác nhau của lòng đạo bình dân, đặc biệt là những cuộc hành hương, đang thu hút những người trẻ chưa sẵn sàng cảm thấy như ở nhà đối với các cơ cấu giáo hội và đại diện cho một dấu hiệu cụ thể của niềm tin thác vào Thiên Chúa. Những cách tìm kiếm Thiên Chúa này được nhìn thấy đặc biệt nơi những người trẻ nghèo, nhưng cũng ở nơi những người trẻ trong các lĩnh vực khác của xã hội. Không nên xem thường họ, nhưng nên khuyến khích và cổ vũ họ. Lòng đạo bình dân “là một cách sống đức tin hợp pháp” [130] và là một biểu thức của hoạt động truyền giáo tự phát của dân Chúa” [131].

Luôn luôn là những nhà truyền giáo

239. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh rằng không mất nhiều công sức lắm để biến người trẻ trở thành nhà truyền giáo. Ngay cả những người yếu ớt, hạn chế và gặp rắc rối nhất cũng có thể là những nhà truyền giáo theo cách riêng của họ, vì sự tốt lành luôn có thể được chia sẻ, ngay cả lúc nó hiện hữu bên cạnh nhiều hạn chế. Một người trẻ đi hành hương để cầu xin Đức Mẹ giúp đỡ và mời một người bạn hoặc một người đồng hành cùng đi, do cử chỉ duy nhất này mà thôi, cũng đã là một nhà truyền giáo tốt rồi. Không thể tách biệt khỏi thừa tác vụ giới trẻ “bình dân” là hoạt động truyền giáo không thể kìm hãm được, đó là sự phá vỡ các mô hình và cách suy nghĩ theo thói quen của chúng ta. Chúng ta hãy đồng hành và khuyến khích hoạt động này, nhưng đừng có cao ngạo muốn qui định nó một cách quá đáng.

240. Nếu chúng ta có thể nghe được điều Chúa Thánh Thần đang nói với chúng ta, chúng ta phải nhận ra rằng thừa tác vụ giới trẻ luôn có tính truyền giáo. Người trẻ được làm giàu rất nhiều khi họ vượt qua sự dè dặt và dám đến thăm viếng các mái nhà, và bằng cách này, tiếp xúc với cuộc sống người ta. Họ học cách nhìn xa hơn gia đình và nhóm bạn của họ, và họ có được một viễn kiến rộng hơn về cuộc sống. Đồng thời, đức tin và cảm thức được là một phần của Giáo hội ngày càng lớn mạnh hơn. Các sứ mệnh của tuổi trẻ, những sứ mệnh thường diễn ra trong các kỳ nghỉ học sau một thời gian chuẩn bị, có thể dẫn đến một cảm nghiệm đức tin đổi mới và thậm chí các suy nghĩ nghiêm túc về ơn gọi.

241. Người trẻ có thể tìm thấy các lĩnh vực mới đảm nhiệm sứ mệnh trong các khung cảnh đa dạng nhất. Ví dụ, vì vốn quen thuộc với các mạng xã hội, nên họ được khuyến khích làm chúng tràn đầy Chúa, tình huynh đệ và sự gần gũi.

Việc đồng hành của người trưởng thành

242. Người trẻ cần tự do của họ được tôn trọng, nhưng họ cũng cần được đồng hành. Gia đình nên là nơi đầu tiên của việc đồng hành. Thừa tác vụ giới trẻ có thể trình bày lý tưởng sống trong Chúa Kitô như diễn trình xây dựng một ngôi nhà trên đá (x. Mt 7: 24-25). Đối với hầu hết những người trẻ tuổi, ngôi nhà đó, tức cuộc sống của họ, sẽ được xây dựng dựa trên hôn nhân và tình yêu vợ chồng. Đó là lý do tại sao thừa tác vụ giới trẻ và việc chăm sóc mục vụ các gia đình nên được phối hợp và tích hợp, với mục đích đảm bảo việc đồng hành liên tục

và thích đáng trong diễn trình ơn gọi.

243. Cộng đồng có một vai trò quan trọng trong việc đồng hành với người trẻ; cộng đồng nên cảm thấy có trách nhiệm tập thể trong việc chấp nhận, cổ động, khuyến khích và thách thức họ. Mọi người nên nhìn người trẻ một cách hiểu biết, đánh giá cao và âu yếm, và không ngừng tránh phán xét họ hoặc đòi hỏi nơi họ một sự hoàn hảo vượt quá tuổi đời của họ.

244. Tại Thượng hội đồng, “nhiều vị nêu lên việc thiếu các chuyên gia chuyên việc đồng hành. Việc tin vào giá trị thần học và mục vụ của lắng nghe ngụ ý phải nghĩ lại và đổi mới các cách thức qua đó, thừa tác vụ linh mục thường được thi hành, cũng như phải duyệt lại các ưu tiên của nó. Thượng hội đồng cũng nhận ra sự cần thiết phải huấn luyện các người thánh hiến và các giáo dân, cả đàn ông lẫn đàn bà, để họ đồng hành với người trẻ. Đặc sủng lắng nghe, mà Chúa Thánh Thần kêu gọi trong các cộng đồng, cũng có thể nhận được một hình thức công nhận có tính định chế như một hình thức phục vụ giáo hội” [132].

245. Cũng cần phải đặc biệt đồng hành với người trẻ nam nữ chứng tỏ có tiềm năng lãnh đạo, để họ có thể được đào tạo và có đủ các tư cách cần thiết. Người trẻ gặp nhau trước Thượng hội đồng đã lên tiếng kêu gọi phải có các chương trình đào tạo và tiếp tục phát triển cho các nhà lãnh đạo trẻ. Một số phụ nữ trẻ cảm thấy thiếu các hình mẫu phụ nữ đóng vai trò lãnh đạo trong Giáo hội và họ cũng muốn hiến tặng các tài năng trí tuệ và chuyên nghiệp cho Giáo hội. Chúng ta cũng tin rằng các chủng sinh và tu sĩ nên có khả năng ngày một lớn hơn để đồng hành với các nhà lãnh đạo trẻ tuổi” [133].

246. Cũng những người trẻ trên đã mô tả cho chúng ta các đức tính mà họ hy vọng tìm thấy nơi một nhà dìu dắt (mentor), và họ phát biểu điều này một cách khá rõ ràng. “Những đức tính của một nhà dìu dắt như vậy bao gồm: là một Kitô hữu trung thành gắn thân với Giáo hội và thế giới; một người không ngừng tìm kiếm sự thánh thiện; một người bạn tâm tình mà không phán xét. Tương tự như vậy, một người tích cực lắng nghe nhu cầu của người trẻ và đáp ứng chúng một cách tích cực; một người yêu thương sâu sắc và tự giác; một người thừa nhận các giới hạn của mình và biết các niềm vui và nỗi buồn của cuộc hành trình thiêng liêng. Một đức tính đặc biệt quan trọng nơi những nhà dìu dắt là việc thừa nhận nhân tính của chính họ - tức sự kiện họ là những con người mắc lầm lỗi: không phải là người hoàn hảo nhưng là tội nhân được tha thứ. Đôi khi những nhà dìu dắt được đặt lên bệ cao, và khi họ ngã, thì điều này quả gây tác động tàn hại đối với khả năng người trẻ trong việc tiếp tục gắn thân với Giáo hội. Các nhà dìu dắt không nên dẫn dắt người trẻ như những người theo mình một cách thụ động, mà đi bên cạnh họ, cho phép họ trở thành những người tham gia tích cực vào cuộc hành trình. Họ nên tôn trọng sự tự do vốn xuất hiện trong diễn trình biện phân của người trẻ và trang bị cho họ các công cụ để làm tốt điều đó. Một nhà dìu dắt nên hết lòng tin tưởng vào khả năng người trẻ có thể tham gia vào đời sống Giáo hội. Do đó, một nhà dìu dắt nên nuôi dưỡng hạt giống đức tin nơi những người trẻ, mà không mong đợi được thấy ngay những thành quả của công trình Chúa Thánh Thần. Vai trò này không phải và không thể giới hạn vào các linh mục và đời sống thánh hiến, nhưng tín hữu giáo dân cũng nên được trao quyền để đảm nhận một vai trò như vậy. Tất cả những nhà dìu dắt như vậy sẽ được hưởng ơn

ích từ việc được đào tạo tốt, và tham gia vào việc đào tạo liên tục” [134].

247. Các định chế giáo dục của Giáo Hội chắc chắn là một khung cảnh cộng đoàn cho việc đồng hành; họ có thể cung cấp sự hướng dẫn cho nhiều người trẻ, đặc biệt khi họ “tìm cách chào đón tất cả những người trẻ tuổi, bất kể các lựa chọn tôn giáo, nguồn gốc văn hóa và các tình huống cá nhân, gia đình hoặc xã hội. Bằng cách này, Giáo hội thực hiện một đóng góp căn bản vào việc giáo dục toàn diện giới trẻ ở nhiều nơi trên thế giới. [135] Họ sẽ hạn chế vai trò này một cách không thích đáng khi họ đưa ra các tiêu chuẩn cứng nhắc để sinh viên gia nhập và ở lại với họ, vì họ sẽ tước của nhiều người trẻ một việc đồng hành có thể giúp làm phong phú cuộc sống của họ.

CHƯƠNG TÁM: Ôn gọi

248. Từ ngữ “ôn gọi” có thể được hiểu theo nghĩa rộng như một lời kêu gọi phát xuất từ Thiên Chúa, gồm cả lời kêu gọi bước vào sự sống, lời kêu gọi kết tình bạn với Người, lời kêu gọi nên thánh, v.v. Điều này rất hữu ích, vì nó đặt toàn bộ cuộc sống của chúng ta vào mối tương quan với Thiên Chúa, Đấng yêu thương chúng ta. Nó khiến chúng ta nhận ra rằng không có điều gì là kết quả của tình cờ thuần túy nhưng mọi sự trong cuộc sống của chúng ta có thể trở thành cách đáp trả Chúa, Đấng có kế hoạch tuyệt vời dành cho chúng ta.

249. Trong Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (Hãy Hân Hoan Nhảy Mừng), tôi đã nói về ôn gọi của mọi người phải lớn lên và trưởng thành để vinh danh Thiên Chúa; tôi muốn “tái đề xuất lời kêu gọi nên thánh một cách thiết thực cho thời đại của chúng ta, với mọi rủi ro, thách thức và dịp may của nó” [136]. Công đồng Vatican II giúp chúng ta nhận ra một lần nữa lời kêu gọi ngõ với mỗi người chúng ta này: “Mọi tín hữu, bất kể điều kiện hay bậc sống của họ, đều được Chúa kêu gọi, mỗi người theo cách riêng của mình, tiến đến sự thánh thiện hoàn hảo như Chúa Cha là Đấng hoàn hảo” [137].

Thiên Chúa kêu gọi bước vào tình bạn

250. Điều đầu tiên chúng ta cần biện phân và khám phá là: Chúa Giêsu muốn làm bạn với mọi người trẻ. Việc biện phân này là cơ sở của mọi biện phân khác. Trong cuộc đối thoại của Chúa phục sinh với Simon Phêrô, câu hỏi lớn của Người là: “Simon, con trai của Gioan, con có yêu Thầy không?” (Ga 21: 16). Nói cách khác, con có yêu Thầy như một người bạn không? Nhiệm vụ mà Phêrô nhận được để chặn dắt đoàn chiên của Chúa Giêsu, sẽ luôn được liên kết với tình yêu nhưng không này, tình yêu của tình bạn này.

251. Mặt khác, có cuộc gặp gỡ không thành công của Chúa Giêsu và chàng thanh niên giàu có, một cuộc gặp gỡ cho thấy rõ ràng rằng chàng trai trẻ không tri nhận được ánh mắt yêu thương của Chúa (xem Mc 10, 21). Anh ta ra đi một cách buồn rầu, bất chấp ý định tốt lúc ban đầu của anh ta, vì anh ta không thể quay lưng lại với nhiều tài sản của mình (x. Mt 19,22). Anh đã bỏ lỡ cơ hội của điều chắc chắn sẽ trở thành một tình bạn tuyệt vời. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được người đàn ông trẻ tuổi được Chúa Giêsu âu yếm nhìn và giơ đôi tay ra chào đón này trở nên gì cho chúng ta, anh có thể làm được gì cho nhân loại.

252. “Cuộc sống mà Chúa Giêsu ban tặng chúng ta là một câu chuyện tình, một câu chuyện sống muốn hòa quyện với chuyện sống của chúng ta và đâm rễ sâu vào mảnh đất cuộc sống chúng ta. Cuộc sống đó không phải là một sự cứu rỗi ‘trên mây’ (in cloud) và chờ đợi được tải xuống, một ‘ứng dụng’ (app) mới để được phát hiện, hoặc một kỹ thuật tự cải thiện tâm trí. Cuộc sống càng không phải là ‘trợ giáo’ (tutorial) để tìm ra những tin tức mới nhất. Sự cứu rỗi mà Thiên Chúa ban cho chúng ta là một lời mời trở thành một phần của câu chuyện tình đan xen với những câu chuyện bản thân của chúng ta; nó sinh động và muốn được sinh ra nơi chúng ta để chúng ta có thể sinh hoa trái trong chính con người hiện thực của chúng ta, bất

chấp chúng ta ở đâu và với mọi người xung quanh. Chúa đến đó để gieo hạt và được gieo hạt” [138].

Hiện diện ở đó cho người khác

253. Bây giờ tôi muốn nói về ơn gọi theo nghĩa chặt chẽ, như một lời kêu gọi phục vụ truyền giáo cho người khác. Chúa kêu gọi chúng ta chia sẻ việc làm sáng tạo của Người và đóng góp cho lợi ích chung bằng cách sử dụng các hồng phúc mà chúng ta đã nhận được.

254. Vì vậy, ơn gọi truyền giáo này phải liên quan với việc phục vụ. Vì cuộc sống của chúng ta trên trái đất chỉ đạt đến tầm vóc viên mãn khi nó trở thành hiến dâng. Ở đây tôi xin nhắc lại rằng “sứ mệnh hiện diện trong trái tim người ta không chỉ là một phần đòi hỏi hay một huy hiệu mà tôi có thể cất bỏ; nó không phải là một điều ‘bổ xung’ (extra) hay chỉ là một khoảnh khắc khác trong cuộc sống. Thay vào đó, nó là điều tôi không thể bứng khỏi hữu thể tôi mà không hủy hoại chính bản thân tôi. Tôi là một sứ mệnh trên trái đất này; đó là lý do tại sao tôi ở đây trong thế giới này” [139]. Thành thử, mọi hình thức hoạt động mục vụ, đào tạo và linh đạo nên được nhìn dưới ánh sáng ơn gọi Kitô giáo của chúng ta.

255. Ơn gọi bản thân của riêng các bạn không chỉ hệ ở việc làm của các bạn, mặc dù đó là một biểu thức của nó. Ơn gọi của các bạn là một điều gì hơn đó nhiều: đó là một nẻo đường hướng dẫn nhiều nỗ lực và hành động của các bạn đối với việc phục vụ người khác. Vì vậy, khi biện phân ơn gọi của các bạn, điều quan trọng là xác định xem các bạn có nhìn thấy nơi bản thân mình các khả năng cần thiết để thực hiện việc phục vụ cụ thể đó cho xã hội hay không.

256. Điều này mang lại giá trị lớn hơn cho mọi điều các bạn làm. Việc làm của các bạn không còn chỉ là để kiếm tiền, giữ cho mình bận rộn hoặc làm hài lòng người khác. Nó trở thành ơn gọi của các bạn vì các bạn được kêu gọi bước tới nó; nó là một điều không hẳn chỉ là một quyết định thực dụng. Cuối cùng, đó là một sự công nhận lý do tại sao tôi được dựng nên, tại sao tôi lại ở đây trên trái đất và đâu là kế hoạch của Chúa dành cho đời tôi. Người sẽ không chỉ cho tôi mọi nơi, mọi thời và mọi chi tiết, vì tôi sẽ phải đưa ra quyết định khôn ngoan của riêng mình về những điều này. Nhưng Người sẽ chỉ cho tôi một hướng đi trong cuộc sống, vì Người là Đấng dựng nên tôi và tôi cần lắng nghe tiếng nói của Người, để, giống như nắm đất sét trong tay người thợ gốm, tôi có thể để mình được Người lên khuôn và hướng dẫn. Sau đó, tôi sẽ trở thành điều tôi được định trở thành, trung thành với thực tại của riêng tôi.

257. Để đáp lại ơn gọi của chúng ta, chúng ta cần phải cố vũ và phát triển tất cả những gì chúng ta đang là. Điều này không liên quan gì đến việc tự phát minh ra bản thân hoặc tự tạo ra chúng ta từ hư không. Nó liên quan đến việc tìm kiếm bản ngã thực sự của chúng ta dưới ánh sáng của Thiên Chúa và để cho cuộc sống của chúng ta nở hoa và sinh trái. “Trong kế hoạch Thiên Chúa, mọi người nam nữ đều có xu hướng tìm kiếm việc tự thành toàn (self-fulfillment), vì mọi cuộc sống nhân bản đều được Thiên Chúa kêu gọi đảm nhận một nhiệm vụ nào đó” [140]. Ơn gọi của các bạn gợi hứng cho các bạn để các bạn rút ra được những

điều tốt nhất từ chính bản thân các bạn cho vinh quang của Thiên Chúa và lợi ích của người khác. Nó không chỉ đơn giản là vấn đề làm điều này điều nọ, mà là thực hiện chúng với ý nghĩa và phương hướng. Thánh Alberto Hurtado nói với người trẻ phải suy nghĩ rất nghiêm túc về phương hướng mà cuộc sống của họ nên đi: “Nếu người lái tàu trở nên bất cẩn, anh ta bị đuổi việc vì không coi trọng trách nhiệm thánh thiêng của mình. Đối với cuộc sống của chúng ta, chúng ta có ý thức đầy đủ về đường đi của chúng hay không? Đây là đường đi của đời các bạn? Nếu cần phải suy nghĩ nhiều hơn về điều này, tôi muốn yêu cầu mỗi người các bạn cân nhắc kỹ lưỡng nhất, vì suy nghĩ cho đúng đã tương đương với thành công rồi; sai lầm đơn giản sẽ thất bại” [141].

258. Trong cuộc sống của mỗi người trẻ, “việc hiện diện ở đó cho người khác” thường liên quan tới hai vấn đề căn bản: thành lập một gia đình mới và làm việc. Các cuộc thăm dò người trẻ liên tục xác nhận rằng đây là hai vấn đề lớn khiến họ lo lắng và đồng thời, khiến họ phấn khích. Cả hai phải là đối tượng của việc biện phân đặc thù. Chúng ta hãy ngắn gọn xem xét từng vấn đề.

Tình yêu và gia đình

259. Người trẻ mạnh mẽ cảm thấy tiếng gọi của tình yêu; Họ mơ ước được gặp đúng người để họ có thể lập nên một gia đình và cùng nhau xây dựng một cuộc sống. Đây chắc chắn là một ơn gọi mà chính Thiên Chúa làm họ biết đến qua các cảm xúc, ước muốn và giấc mơ của họ. Tôi nói đầy đủ hơn về chủ đề này trong Tông huấn *Amoris Laetitia* (Niềm Vui Yêu Thương). Tôi sẽ khuyến khích mọi người trẻ đọc nhất là chương thứ tư và thứ năm của tông huấn đó.

260. Tôi thích nghĩ rằng “hai Kitô hữu kết hôn đã nhận ra tiếng gọi của Chúa trong câu chuyện tình của chính họ, ơn gọi thành lập một thân xác và một cuộc sống từ hai con người, nam và nữ. Bí tích Hôn phối bảo bọc tình yêu này trong ơn thánh của Thiên Chúa; nó đâm rễ tình yêu này vào chính Thiên Chúa. Nhờ hồng phúc này, và nhờ sự chắc chắn của ơn gọi này, các bạn có thể tiến tới một cách an lòng; các bạn không có gì phải sợ; cùng với nhau, các bạn có thể đương đầu với mọi sự!” [142]

261. Ở đây, chúng ta cần nhớ rằng Thiên Chúa dựng nên chúng ta như những hữu thể tính dục. Chính Người đã dựng nên tính dục, vốn là một hồng phúc tuyệt vời cho các tạo vật của Người [143]. Trong ơn gọi kết hôn, chúng ta nên thừa nhận và đánh giá cao rằng “tính dục, làm tình, là một hồng phúc của Thiên Chúa. Nó không phải là một điều cấm kỵ. Nó là một hồng phúc của Chúa, một hồng phúc mà Chúa ban cho chúng ta. Nó có hai mục đích: yêu thương và phát sinh sự sống. Nó là đam mê, tình yêu đam mê. Tình yêu đích thực là đam mê. Tình yêu giữa một người đàn ông và một người đàn bà, khi đam mê, luôn dẫn đến việc trao ban sự sống. Luôn luôn. Trao ban sự sống bằng thể xác và linh hồn” [144].

262. Thượng hội đồng nhấn mạnh rằng “Gia đình tiếp tục là điểm tham chiếu chính cho người trẻ. Con cái đánh giá cao tình yêu và sự quan tâm của cha mẹ, chúng coi trọng các dây

liên kết gia đình và chúng hy vọng sẽ thành công trong việc thành lập gia đình riêng. Điều không thể phủ nhận là: sự gia tăng các vụ ly thân, ly dị, kết hợp lần thứ hai và các gia đình cha mẹ đơn chiếc có thể gây ra các đau khổ lớn lao và một cuộc khủng hoảng về căn tính nơi người trẻ. Đôi khi, chúng phải mang các trách nhiệm không tương xứng với tuổi của chúng và các trách nhiệm này buộc chúng phải trở thành người lớn trước thì giờ bình thường. Ông bà thường cung hiến sự đóng góp có tính quyết định trên bình diện xúc cảm và giáo dục tôn giáo: nhờ sự khôn ngoan của các ngài, các ngài là một mắt xích quyết định trong mối tương quan giữa các thế hệ” [145].

263. Đúng là những khó khăn mà họ gặp phải trong chính gia đình mình có thể khiến nhiều người trẻ tự hỏi liệu có đáng bắt đầu một gia đình mới, chung thủy, rộng lượng hay không. Tôi có thể nói với các bạn rằng chắc chắn đáng. Đáng để các bạn dành mọi nỗ lực để đầu tư vào gia đình; ở đó các bạn sẽ tìm thấy những khuyến khích tốt nhất để trưởng thành và những niềm vui lớn nhất để cảm nghiệm và chia sẻ. Đừng để các bạn bị cướp mất một tình yêu vĩ đại. Đừng để các bạn bị dẫn dắt sai đường bởi những người đề xuất một cuộc sống đầy chủ nghĩa cá nhân hiện đang tràn lan mà cuối cùng chỉ dẫn đến sự cô lập và loại cô đơn tồi tệ nhất.

264. Ngày nay, một nền văn hóa phù phiếm đang chiếm ưu thế, nhưng đó chỉ là một ảo ảnh. Nghĩ rằng không có gì dứt khoát là một lời dối trá lừa đảo. “Ngày nay, có những người nói rằng hôn nhân không còn hợp thời trang... Trong một nền văn hóa của thuyết duy tương đối và phù phiếm, nhiều người đang rao giảng tầm quan trọng của việc ‘tận hưởng’ giây phút hiện tại. Họ nói rằng không đáng thực hiện một cam kết suốt đời, đưa ra một quyết định dứt khoát... Thay vào đó, tôi yêu cầu các bạn trở thành những nhà cách mạng, tôi yêu cầu các bạn bơi ngược dòng; vâng, tôi yêu cầu các bạn nổi loạn chống lại nền văn hóa này, một nền văn hóa coi mọi điều là tạm thời và cuối cùng tin rằng các bạn không có khả năng lãnh trách nhiệm, không có khả năng yêu thương thật sự. [146] Tôi rất tin tưởng nơi các bạn, và vì lý do này, tôi khuyên các bạn nên chọn kết hôn.

265. Hôn nhân đòi hỏi sự chuẩn bị, và việc này đòi hỏi lớn lên trong việc biết mình, phát triển các nhân đức lớn lao hơn, đặc biệt là tình yêu, sự kiên nhẫn, cởi mở với đối thoại và giúp đỡ người khác. Nó cũng liên quan đến việc trưởng thành trong chính tính dục của các bạn, để nó ngày càng ít trở thành phương thế sử dụng người khác, và ngày càng có khả năng giao phó bản thân mình cách trọn vẹn cho người khác một cách độc chiếm và quảng đại.

266. Như các giám mục Colombia đã dạy, “Chúa Kitô biết rằng vợ chồng không hoàn hảo và họ cần khắc phục các điểm yếu và thiếu kiên định để tình yêu của họ có thể phát triển và lâu bền. Vì lý do này, Người ban cho vợ chồng ơn thánh của Người; ánh sáng này vừa ánh sáng vừa là sức mạnh giúp họ khả năng dần dần đạt được lý tưởng cuộc sống hôn nhân của họ theo kế hoạch của Thiên Chúa” [147].

267. Đối với những người không được mời gọi kết hôn hoặc sống đời thánh hiến, phải luôn nhớ rằng ơn gọi đầu tiên và quan trọng nhất là ơn gọi chúng ta đã nhận được trong phép rửa.

Những người độc thân, ngay cả khi không phải do lựa chọn của chính họ, có thể cung hiến một chứng tá đặc thù cho ơn gọi đó qua nẻo đường phát triển bản thân riêng của họ.

Việc làm

268. Các giám mục Hoa Kỳ đã nhấn mạnh rằng “buổi đầu tuổi trưởng thành thường là dấu chỉ việc người ta gia nhập thế giới việc làm. ‘Các bạn làm gì để kiếm sống?’ là một chủ đề trò chuyện liên tục vì việc làm là một phần quan trọng trong cuộc sống của họ. Đối với người trưởng thành trẻ, kinh nghiệm này rất linh hoạt vì họ chuyển từ việc làm này sang việc làm khác và thậm chí từ sự nghiệp sang sự nghiệp khác. Việc làm có thể qui định việc sử dụng thì giờ của họ và có thể xác định điều họ có đủ điều kiện để làm hoặc mua. Nó cũng có thể xác định phẩm chất và số lượng thì giờ giải trí. Việc làm xác định và ảnh hưởng đến bản sắc và khái niệm bản thân của người trưởng thành trẻ và là nơi chính để tình bạn và các mối liên hệ khác phát triển vì nhìn chung nó không được thực hiện một mình. Thanh niên nam nữ nói về việc làm như là việc hoàn thành một chức năng và cung cấp ý nghĩa. Việc làm cho phép người trẻ đáp ứng các nhu cầu thực tế của họ nhưng còn quan trọng hơn nữa là tìm kiếm ý nghĩa và hoàn thành các giấc mơ và viễn kiến của họ. Mặc dù việc làm có thể không giúp đạt được các giấc mơ của họ, nhưng điều quan trọng đối với người trẻ là nuôi dưỡng một viễn kiến, học cách làm việc theo cách thực sự có tính bản thân và mang lại sự sống, và tiếp tục biện phân tiếng Thiên Chúa kêu gọi” [148].

269. Tôi yêu cầu người trẻ đừng mong sống mà không làm việc, phụ thuộc vào người khác để được giúp đỡ. Điều này không tốt, vì “việc làm là một điều cần thiết, một phần ý nghĩa của cuộc sống trên trái đất này, một nẻo đường lớn mạnh, phát triển con người và thành toàn bản thân. Theo nghĩa này, giúp đỡ người nghèo về tài chính phải luôn là một giải pháp tạm thời trước các nhu cầu cấp bách” [149]. Do đó, “cùng với sự chiêm ngắm đầy thán phục công trình sáng thế mà chúng ta tìm thấy nơi Thánh Phanxicô Assisi, truyền thống linh đạo Kitô giáo cũng đã khai triển một sự hiểu biết phong phú và cân bằng về ý nghĩa của việc làm, như trong cuộc đời của Chân phúc Charles de Foucauld và những người theo ngài, chẳng hạn” [150].

270. Thượng hội đồng lưu ý rằng trong lĩnh vực việc làm, người trẻ có thể “cảm nghiệm các hình thức loại trừ và đẩy ra ngoài lề, trong đó hình thức đầu tiên và nghiêm trọng nhất là nạn người trẻ thất nghiệp, mà ở một số quốc gia từng lên đến mức quá đáng. Bên cạnh việc làm cho họ nghèo, việc thiếu việc làm tác động tiêu cực đến khả năng mơ ước và hy vọng của người trẻ, và làm họ mất khả thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Ở nhiều quốc gia, tình trạng này phụ thuộc vào sự kiện này là một số bộ phận dân số trẻ thiếu các kỹ năng chuyên môn thỏa đáng, có lẽ vì các thiếu sót trong hệ thống giáo dục và đào tạo. Thông thường việc thiếu an toàn việc làm nơi giới trẻ có liên quan đến các quyền lợi kinh tế chuyên bóc lột lao động” [151].

271. Đây là một vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm mà chính trị phải lấy làm ưu tiên, đặc biệt là hiện nay, khi tốc độ tiến bộ kỹ thuật và mối quan tâm giảm chi phí lao động có thể nhanh

chóng dẫn đến việc thay thế nhiều việc làm bằng máy móc. Đây cũng là một vấn đề xã hội quan trọng vì việc làm dành cho một người trẻ tuổi không chỉ đơn thuần là một phương tiện kiếm tiền. Việc làm là một biểu thức nói lên phẩm giá con người, một con đường phát triển và hòa nhập xã hội. Nó là một sự kích thích không ngừng để lớn lên trong trách nhiệm và óc sáng tạo, một việc bảo vệ chống lại xu hướng chủ nghĩa duy cá nhân và sự hài lòng cá nhân. Đồng thời, đó là một cơ hội để vinh danh Thiên Chúa bằng cách phát triển các khả năng của người ta.

272. Người trẻ không phải lúc nào cũng có cơ hội quyết định loại việc làm họ sẽ làm, hoặc năng lực và tài năng của họ sẽ được sử dụng như thế nào. Bởi vì, bên cạnh các khát vọng, khả năng và lựa chọn của chính họ, còn có thực tại khắc nghiệt của thị trường việc làm. Đúng là các bạn không thể sống mà không làm việc, và đôi khi các bạn phải chấp nhận bất cứ điều gì có sẵn, nhưng tôi yêu cầu các bạn đừng bao giờ từ bỏ giấc mơ của mình, đừng bao giờ hoàn toàn chôn vùi một ơn gọi và đừng bao giờ chấp nhận thất bại. Hãy tiếp tục tìm kiếm ít nhất những cách phiến diện hoặc không hoàn hảo để sống điều các bạn đã biện phân là ơn gọi đích thực sự của các bạn.

273. Khi chúng ta khám phá ra rằng Thiên Chúa đang kêu gọi chúng ta làm một điều gì đó, điều này hoặc hoặc điều nọ vốn là điều chúng ta được dựng nên để thực hiện – bất kể là điều dưỡng, ngành mộc, truyền thông, kỹ sư, giảng dạy, nghệ thuật hoặc bất cứ loại việc làm nào khác - thì chúng ta sẽ vận dụng các khả năng tốt nhất của chúng ta để hy sinh, quảng đại và cống hiến. Biết rằng chúng ta không làm các sự việc chỉ vì mục đích để làm chúng, mà đúng hơn, chúng ta đem đến cho chúng một ý nghĩa, như một đáp ứng đối với một lời kêu gọi đang vang lên trong thâm sâu chúng ta phải cung ứng một điều gì đó cho người khác: một điều làm cho các nghề nghiệp này mang lại một cảm thức thỏa mãn sâu sắc. Như chúng ta đã đọc trong sách thánh Giảng Viên cổ xưa: “tôi nhận thấy: đối với con người, không có gì tốt hơn là hưởng những thú vui do công việc chính mình làm ra” (3: 22).

Ơn gọi thánh hiến đặc biệt

274. Nếu quả chúng ta tin rằng Chúa Thánh Thần tiếp tục linh hứng các ơn gọi bước vào chức linh mục và đời sống tu trì, chúng ta có thể “tung lưới một lần nữa” nhân danh Chúa, một cách tin tưởng hoàn toàn. Chúng ta có thể dám nói, và nên nói, với từng người trẻ tự đặt câu hỏi xem liệu đây có phải là nẻo đường mà họ có ý định đi theo hay không.

275. Đôi khi, tôi đem điều trên nói với người trẻ, và họ thường trả lời gần như đùa dỡn: “Không, đó không phải là thứ dành cho con!” Ấy thế mà, vài năm sau, một vài người trong số họ ở trong chủng viện. Chúa không thất hứa sẽ cung cấp cho Giáo hội những người chăn chiên, vì nếu không có họ, Giáo hội sẽ không thể sống và thực hiện sứ mệnh của mình. Nếu đúng là một số linh mục không làm chứng tốt, điều này không có nghĩa là Chúa hết kêu gọi. Trái lại, Người nhân đôi tiền đánh cược, vì Người không bao giờ ngừng chăm sóc Giáo hội yêu dấu của Người.

276. Khi biện phân ơn gọi của các bạn, đừng bỏ qua khả thể hiến thân cho Thiên Chúa trong chức linh mục, đời sống tu trì hoặc trong các hình thức thánh hiến khác. Tại sao không? Các bạn có thể chắc chắn rằng, nếu các bạn nhận ra và bước theo tiếng Thiên Chúa kêu gọi, thì trong đó các bạn sẽ tìm thấy sự thỏa mãn hoàn toàn.

277. Chúa Giêsu đang bước đi giữa chúng ta, như Người đã bước đi ở Galilê. Người đi qua các đường phố của chúng ta, và Người lặng lẽ dừng lại và nhìn vào mắt chúng tôi. Lời kêu gọi của Người thật hấp dẫn và kích thích. Thế nhưng, ngày nay sự căng thẳng và tốc độ nhanh chóng của một thế giới liên tục kích thích chúng ta không còn chừa chỗ nào cho sự im lặng nội tâm để chúng ta có thể tri nhận được ánh mắt của Chúa Giêsu và nghe thấy tiếng gọi của Người. Trong khi đó, nhiều lời mời trình bày một cách hấp dẫn sẽ đến cản đường các bạn. Chúng có vẻ hấp dẫn và kích thích, mặc dù với thời gian, chúng sẽ chỉ khiến bạn cảm thấy trống rỗng, mệt mỏi và cô đơn. Đừng để điều này xảy ra với các bạn vì cơn bão xoáy của thế giới này đủ thúc đẩy các bạn đi theo một nẻo đường không có ý nghĩa thực sự, không có phương hướng, không có mục tiêu rõ ràng, và do đó cản trở nhiều nỗ lực của các bạn. Tốt hơn nên tìm kiếm sự thanh thản và yên tĩnh giúp các bạn suy ngẫm, cầu nguyện, nhìn rõ hơn thế giới xung quanh các bạn, và sau đó, với Chúa Giêsu, tiến đến chỗ nhận ra ơn gọi của các bạn trong thế giới này.

CHƯƠNG CHÍNH: Biện phân

278. Trong Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (Hãy Hân Hoan Nhảy Mừng), tôi đã nói một cách khá tổng quát về sự biện phân. Bây giờ tôi muốn đưa ra một số suy niệm đó và áp dụng chúng vào cách chúng ta biện phân ơn gọi của chúng ta trong thế giới.

279. Trong Tông huấn đó, tôi đã nhắc đến việc tất cả chúng ta, nhưng “đặc biệt những người trẻ, đang đắm chìm trong một nền văn hóa vớt vớt. Chúng ta có thể điều hành (navigate) cùng một lúc trên hai hoặc nhiều màn hình và tương tác cùng một lúc với hai hoặc ba khung cảnh ảo. Nếu không có sự khôn ngoan của biện phân, chúng ta có thể dễ dàng trở thành con mồi cho mọi xu hướng mau qua” [152]. Thật vậy, “điều này càng quan trọng hơn nữa khi một số điều mới lạ tự xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta. Lúc đó, chúng ta phải quyết định xem đó có phải là rượi mới do Thiên Chúa mang đến hay ảo ảnh được tạo ra bởi tinh thần thế gian này hay tinh thần ma quỷ” [153].

280. Sự biện phân như vậy, “mặc dù bao gồm lý trí và khôn ngoan, nhưng vượt xa chúng, vì nó muốn thoáng nhìn kế hoạch độc đáo và mầu nhiệm mà Thiên Chúa vốn dành cho mỗi người chúng ta... Nó phải liên quan với ý nghĩa của đời tôi trước Chúa Cha, Đáng biết và yêu tôi, và với mục đích thực sự của đời tôi, điều mà không ai biết rõ hơn Người” [154].

281. Ở đây chúng ta thấy tầm quan trọng của việc đào tạo lương tâm, một việc giúp phát triển sự biện phân theo chiều sâu và lòng trung thành với Thiên Chúa: “Việc đào tạo lương tâm chúng ta là một công việc của cả đời, trong đó chúng ta học cách nuôi dưỡng chính tình cảm tâm tư của Chúa Giêsu Kitô, tiếp nhận các tiêu chuẩn đằng sau các lựa chọn của Người và các ý định đằng sau các hành động của Người (xem Pl 2: 5)” [155].

282. Trong diễn trình đào tạo này, chúng ta để cho mình được Chúa Kitô biến đổi, ngay cả khi chúng ta đã có “thói quen làm việc tốt, đây cũng là một phần trong việc xét mình của chúng ta. Chúng ta không những nhận diện tội lỗi, mà còn nhận ra việc làm của Chúa trong đời sống hàng ngày của chúng ta, trong các biến cố lịch sử bản thân và thế giới xung quanh chúng ta, và trong chúng ta của mọi người nam nữ đã đi trước chúng ta hoặc đồng hành với chúng ta bằng sự khôn ngoan của họ. Điều này giúp chúng ta phát triển trong nhân đức khôn ngoan và đem lại một định hướng toàn diện cho đời sống của chúng ta qua các lựa chọn cụ thể, với ý thức thanh thản cả các năng khiếu lẫn các hạn chế của chúng ta” [156].

Biện phân ơn gọi của các bạn

283. Một hình thức biện phân đặc thù liên quan đến nỗ lực khám phá ơn gọi riêng của chúng ta. Vì đây là một quyết định có tính rất bản thân mà người khác không thể làm thay cho chúng ta, nên nó đòi hỏi một mức độ cô đơn và im lặng nào đó. “Chúa nói với chúng ta bằng nhiều cách khác nhau, tại nơi làm việc, qua những người khác và ở mọi lúc. Tuy nhiên, một

cách đơn giản, chúng ta không thể làm gì nếu không có sự im lặng cầu nguyện lâu giờ, một việc giúp chúng ta tri nhận tốt hơn ngôn ngữ của Thiên Chúa, giải thích ý nghĩa thực sự của những linh hứng mà chúng ta tin rằng chúng ta đã nhận được, làm dịu những lo lắng của chúng ta và thấy lại toàn bộ sự hiện hữu của chúng ta trong ánh sáng của riêng Người” [157].

284. Tuy nhiên, sự im lặng này không khiến chúng ta khép kín vào chính mình. “Chúng ta phải nhớ rằng sự biện phân trong cầu nguyện phải được phát sinh từ sự cởi mở đối với việc lắng nghe – đối với Chúa và người khác, và đối với chính thực tại, một điều luôn thách thức chúng ta theo những cách mới mẻ. Chỉ khi nào chúng ta sẵn sàng lắng nghe, chúng ta mới có tự do để qua một bên các ý tưởng phiến diện hoặc không đầy đủ của mình... Nhờ cách này, chúng ta mới trở nên thực sự cởi mở để chấp nhận một tiếng gọi có thể phá vỡ sự an toàn của chúng ta, nhưng đưa chúng ta đến một đời sống tốt đẹp hơn. Mọi sự thanh thản và yên bình vẫn chưa đủ. Chúa có thể sẽ ban cho chúng ta một điều gì đó hơn thế nữa, nhưng vì sự vô tình êm ái của chúng ta, chúng ta không nhận ra nó” [158].

285. Khi tìm cách biện phân ơn gọi riêng của chúng ta, có một số câu hỏi chúng ta nên nêu ra. Chúng ta không nên bắt đầu với câu hỏi chúng ta có thể kiếm được nhiều tiền hơn ở đâu, hoặc đạt được sự nhìn nhận và địa vị xã hội lớn hơn ở chỗ nào. Cả câu hỏi loại công việc nào sẽ làm chúng ta hài lòng nhất cũng không nên. Nếu không muốn sai lạc, chúng ta cần một khởi điểm khác. Chúng ta nên hỏi: Tôi có biết bản thân mình ngoài các ảo tưởng và cảm xúc của tôi không? Tôi có biết điều gì mang lại niềm vui hay nỗi buồn cho trái tim tôi không? Điểm mạnh và điểm yếu của tôi là gì? Những câu hỏi này ngay lập tức làm phát sinh các câu hỏi khác: Làm thế nào tôi có thể phục vụ mọi người tốt hơn và chứng tỏ hữu ích nhất cho thế giới của chúng ta và cho Giáo hội? Vị trí thực sự của tôi trong thế giới này là gì? Tôi có thể cung ứng những gì cho xã hội? Thậm chí nhiều câu hỏi thực tế hơn sẽ xuất hiện sau đó: Tôi có khả năng cần thiết để cung ứng loại phục vụ này không? Tôi có thể phát triển những khả năng này không?

286. Những câu hỏi trên nên ít tập trung hơn vào bản thân và các khuynh hướng của chúng ta, mà vào người khác, để sự biện phân của chúng ta dẫn dắt chúng ta nhìn thấy đời sống của chúng ta trong tương quan với đời sống của họ. Đó là lý do tại sao tôi muốn nhắc các bạn nhớ câu hỏi quan trọng nhất. “Ở trong đời, chúng ta thường quá lãng phí thời gian để tự hỏi: ‘Tôi là ai?’ Các bạn có thể cứ thế tiếp tục hỏi, ‘Tôi là ai?’ suốt quãng thời gian còn lại của đời các bạn. Nhưng câu hỏi thực sự là: ‘Tôi hiện diện cho ai?’” [159]. Tất nhiên, các bạn hiện diện cho Thiên Chúa. Nhưng Người vốn đã quyết định rằng các bạn cũng nên hiện diện cho người khác, và Người đã ban cho các bạn nhiều đức tính, khuynh hướng, tài năng và đặc sủng không cho riêng các bạn, mà là để chia sẻ với những người xung quanh các bạn.

Lời kêu gọi của Chúa Giêsu, người bạn của chúng ta

287. Để biện phân ơn gọi bản thân của chúng ta, chúng ta phải nhận ra nó là lời kêu gọi phát xuất từ một người bạn, người đó là Chúa Giêsu. Khi chúng ta tặng bạn bè của chúng ta một điều gì đó, chúng ta cung cấp cho họ điều tốt nhất chúng ta có. Không nhất thiết phải là

những gì đắt giá nhất hoặc khó có được nhất, nhưng những gì chúng ta biết sẽ làm cho họ hạnh phúc. Bạn bè rất nhạy cảm đối với điều này đến nỗi họ có thể tưởng tượng được nụ cười trên khuôn mặt bạn bè của mình khi họ mở món quà đó. Loại biện phân diễn ra giữa những người bạn này là điều tôi khuyên các bạn nên lấy làm khuôn mẫu để cố gắng khám phá ra thánh ý Thiên Chúa dành cho đời các bạn.

288. Tôi muốn các bạn biết rằng, khi Chúa nghĩ về mỗi các bạn và những gì Người muốn cho các bạn, Người xem các bạn là bạn thân của Người. Và nếu Người có kế hoạch ban cho các bạn một ân sủng, một đặc sủng giúp các bạn sống trọn vẹn và trở thành người mang lại lợi ích cho người khác, một người để lại dấu ấn trong đời, đó chắc chắn sẽ là một hồng phúc mang lại cho các bạn nhiều niềm vui và hứng thú hơn bất cứ điều gì khác trên đời này. Không phải vì hồng phúc đó hiếm hoi hoặc phi thường, mà vì nó hoàn toàn phù hợp với các bạn. Nó sẽ là một sự phù hợp hoàn hảo cho toàn bộ đời sống của các bạn.

289. Một ơn gọi, dù là một hồng phúc, vẫn chắc chắn có tính đòi hỏi. Các hồng ân của Thiên Chúa có tính tương tác; để hưởng được chúng, chúng ta phải sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Thế nhưng, các đòi hỏi của chúng không phải là một nghĩa vụ áp đặt từ bên ngoài, mà là một khích lệ để hồng ân đó tăng trưởng và phát triển, và sau đó trở thành một quà phúc cho người khác. Khi Chúa đánh thức một ơn gọi, Người không những nghĩ đến những gì bạn đã có, mà còn về những gì một ngày kia bạn sẽ có, khi cùng đi với Người và những người khác.

290. Sinh lực và sức mạnh nhân cách tự kết hợp với nhau trong trái tim người trẻ để làm cho họ liên tục nhắm mục tiêu cao hơn. Sự hớn hở (exuberance) này sẽ dịu bớt đi với thời gian và các trải nghiệm đau đớn, nhưng nó quan trọng đối với “niềm khao khát cõi vô hạn đầy trẻ trung nhưng chưa được thử thách” [160] muốn gặp được tình bạn vô điều kiện mà Chúa Giêsu muốn dành cho chúng ta. Hơn các quy luật và nghĩa vụ, lựa chọn mà Chúa Giêsu đặt trước chúng ta là bước theo Người như bạn bè bước theo nhau, tìm tình đồng hành của nhau và dành thì giờ cho nhau hoàn toàn vì tình bạn trong sáng. Mọi thứ khác sẽ đến với thời gian, và ngay các thất bại trong đời cũng có thể là một cách vô giá để cảm nghiệm tình bạn này, một tình bạn sẽ không bao giờ mất đi.

Lắng nghe và đồng hành

291. Có nhiều linh mục, nam nữ tu sĩ, giáo dân và những người chuyên nghiệp, và cả những người trẻ thực sự có trình độ, có thể giúp đỡ người trẻ trong việc biện phân ơn gọi của họ. Khi chúng ta được kêu gọi giúp người khác biện phân đường đời của họ, điều tối quan trọng là khả năng lắng nghe. Lắng nghe đòi ba loại nhạy cảm khác nhau và bổ sung cho nhau:

292. *Loại nhạy cảm đầu tiên được điều hướng về cá nhân.* Đó là vấn đề lắng nghe một ai đó đang chia sẻ bản ngã họ trong những gì họ nói. Một dấu hiệu của sự sẵn lòng lắng nghe này là thời gian chúng ta sẵn sàng dành cho người khác. Hơn cả số lượng thời gian chúng ta dành ra, đây còn là việc làm người khác cảm thấy thời gian của tôi là thời gian của họ, họ có mọi thời gian họ cần để nói mọi thứ họ muốn. Người khác này phải cảm nhận rằng tôi đang lắng

nghe vô điều kiện, không bị xúc phạm hay ngỡ ngàng, mệt mỏi hay buồn chán. Chúng ta thấy gương sáng loại lắng nghe này nơi Chúa; Người sánh bước bên cạnh các môn đệ trên đường Emmau, mặc dù họ đang đi sai hướng (x. Lc 24: 13-35). Khi Chúa Giêsu nói Người dự định đi xa hơn, họ nhận ra Người đã tặng họ hồng phúc thời gian của Người, vì vậy họ quyết định tặng Người thời gian của họ bằng cách cung ứng sự hiếu khách của họ. Chăm chú và quên mình lắng nghe là một dấu hiệu chúng ta tôn trọng người khác, bất kể họ nghĩ gì hoặc lựa chọn điều gì trong đời sống.

293. *Loại nhạy cảm thứ hai được đánh dấu bằng việc biện phân.* Nó cố gắng nắm bắt chính xác ơn thánh hoặc cảm dỗ hiện diện ở chỗ nào, vì đôi khi những thứ vụt qua trong tâm trí chúng ta chỉ là những cảm dỗ có thể khiến chúng ta phân tâm khỏi con đường thực sự của chúng ta. Tôi cần phải tự hỏi người kia đang cố nói với tôi những gì, những gì họ muốn tôi hiểu ra đang xảy ra trong đời sống họ. Hỏi những câu hỏi như vậy giúp tôi đánh giá cao suy nghĩ của họ và các hậu quả nó gây ra cho các cảm xúc của họ. Kiểu lắng nghe này tìm cách biện phân các nhắc nhở lành mạnh của Thần Trí tốt lành, Đáng đề xuất cho chúng ta sự thật của Chúa, nhưng cả các cạm bẫy do thần trí tà ác đặt để nữa - những công việc và lời hứa trống rỗng của nó. Cần phải có can đảm, âm áp và khéo léo để giúp người khác biện phân sự thật khỏi các ảo tưởng hoặc bào chữa (excuses).

294. *Loại nhạy cảm thứ ba là khả năng tri nhận những gì đang thúc đẩy người khác.* Điều này đòi một kiểu lắng nghe sâu sắc hơn, một kiểu có khả năng biện phân hướng mà người đó thực sự muốn đi. Ngoài những gì họ đang cảm thấy hoặc suy nghĩ ngay lúc này, và bất cứ điều gì xảy ra cho đến thời điểm này trong đời họ, vấn đề thực sự là họ muốn trở thành điều gì. Điều này có thể đòi họ không nhắm các mong muốn và ước nguyện hời hợt của riêng họ, nhưng đúng hơn nhắm những gì đẹp lòng Chúa nhất, nhắm các kế hoạch của Người dành cho đời họ. Và điều đó được nhìn trong một khuynh hướng sâu sắc hơn của trái tim, vượt lên trên bình diện bề mặt của những điều họ thích và cảm xúc. Kiểu lắng nghe này tìm cách biện phân ý hướng tối hậu của họ, ý hướng nhằm quyết định dứt khoát ý nghĩa của đời họ. Chúa Giêsu biết và đánh giá cao ý hướng tối hậu này của trái tim. Người luôn ở đó, sẵn sàng giúp mỗi người chúng ta nhận ra điều đó. Chúng ta chỉ cần thưa với Người: "Lạy Chúa, xin cứu vớt con! Xin thương xót con!"

295. Theo cách này, biện phân trở thành một phương tiện chiến đấu tâm linh đích thực, giúp chúng ta theo Chúa một cách trung thành hơn [161]. Như thế, ước mong được biết ơn gọi bản thân của chúng ta có một cường độ tối cao, một phẩm chất khác và mức độ cao hơn, một mức độ biết tôn trọng nhiều hơn phẩm giá con người và đời sống của chúng ta. Cuối cùng, sự biện phân tốt là con đường tự do đem những gì độc đáo nơi mỗi người đến chỗ sinh đầy hoa trái, một điều có tính bản thân mà chỉ có Chúa mới biết. Những người khác không thể hoàn toàn hiểu hoặc dự đoán được từ bên ngoài nó sẽ phát triển ra sao.

296. Khi chúng ta lắng nghe người khác cách này, ở một lúc nào đó, chính chúng ta phải biến mất để người khác theo con đường mà họ đã khám phá ra. Chúng ta phải tan biến như Chúa đã làm trước mắt các môn đệ Emmau, để họ ở lại với những trái tim nóng bỏng và một lòng

khao khát không thể cưỡng được là phải lên đường ngay lập tức (x. Lc 24: 31-33). Khi họ trở lại với cộng đồng, những môn đệ ở đó đã nghe tin mừng Chúa thực sự đã sống lại (x. Lc 24:34).

297. Vì “thời gian lớn hơn không gian” [162], chúng ta cần khuyến khích và đồng hành với các diễn trình, mà không áp đặt lộ trình của riêng chúng ta. Vì các diễn trình này liên quan tới những con người luôn luôn độc đáo và tự do. Không có công thức dễ dàng, ngay cả khi mọi dấu hiệu xem ra đều tích cực, vì “chính các yếu tố tích cực cũng cần phải được biện phân cẩn thận, để chúng không trở thành cô lập và mâu thuẫn với nhau, trở nên tuyệt đối và bất hòa với nhau. Điều này cũng đúng đối với các nhân tố tiêu cực, những nhân tố không bị bác bỏ toàn khối và không phân biệt, vì trong mỗi nhân tố đều ẩn chứa một số giá trị nào đó đang chờ được giải phóng và phục hồi trong sự thật trọn vẹn của nó” [163].

298. Nếu các bạn muốn đồng hành với người khác trên nẻo đường này, các bạn phải là người đầu tiên đi nẻo đường đó, ngày này qua ngày khác. Đó là điều Đức Maria đã làm, khi còn trẻ, khi ngài phải đối diện với các vấn đề và khó khăn của chính mình. Xin ngài đổi mới sự trẻ trung của các bạn bằng sức mạnh lời cầu nguyện của ngài và luôn đồng hành cùng các bạn bằng sự hiện diện mẫu thân của ngài.

Và để kết thúc... một mong ước

299. Các bạn trẻ thân mến, niềm hy vọng hân hoan của tôi là thấy các bạn tiếp tục chạy cuộc đua ở đằng trước các bạn, bỏ xa mọi người chậm chạp hoặc sợ hãi. Hãy tiếp tục chạy, “được lôi cuốn bởi khuôn mặt Chúa Kitô, Đấng chúng ta rất yêu mến, Đấng chúng ta tôn thờ trong Bí tích Thánh Thể và thừa nhận trong xác thịt của anh chị em đau khổ của chúng ta. Xin Chúa Thánh Thần thúc giục các bạn khi các bạn chạy cuộc đua này. Giáo hội cần đà tiến, trực giác, đức tin của các bạn. Chúng ta cần những điều đó! Và khi các bạn đến nơi chúng tôi chưa đến, hãy kiên nhẫn chờ đợi chúng tôi [164].

Ban hành ở Loreto, tại Đền thờ của Nhà Thánh, ngày 25 tháng 3, Lễ trọng thể Truyền tin của Chúa, năm 2019, năm thứ bảy triều Giáo hoàng của tôi.

PHANXICÔ

CHÚ THÍCH

[1] Từ ngữ Hy Lạp thường dịch là “mới”, cũng có nghĩa là “trẻ”.

[2] *Tự thú* (Confessions), X, 27: PL 32, 795.

[3] Thánh Irênê, *Adversus Hæreses*, II, 22, 4: PG 7, 784.

[4] *Tài liệu sau cùng khóa họp thường lệ lần thứ 15 của Thượng Hội đồng Giám mục*, 60.

Viết tắt là *FD*. Tài liệu được tìm thấy ở:

http://www.vatican.va/roman_curia/synod/documents/rc_synod_doc_20181027_doc-final-instrumentum-xvassemblea-giovani_en.html.

- [5] *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 515.
- [6] *Nt*, 517.
- [7] *Huấn giáo* (27-6-1990), 2-3: *Insegnamenti* 13, 1 (1990), 1680-1681.
- [8] Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Amoris Laetitia* (19-3-2016), 182: AAS 108 (2016), 384.
- [9] *FD* 63.
- [10] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, *Sứ điệp gửi người trẻ và phụ nữ* (8-12-1965): AAS 58 (1966), 18.
- [11] *Nt*.
- [12] *FD* 1
- [13] *Nt*, 8.
- [14] *Nt*, 50.
- [15] *Nt*, 53
- [16] Xem CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Hiến chế tín lý về Mạc khải *Dei Verbum*, 8.
- [17] *FD* 150.
- [18] *Diễn văn trong đêm canh thức với giới trẻ, Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama* (26-1-2019): L'Osservatore Romano, 28-29 tháng 1-2019, 6.
- [19] *Lời nguyện kết thúc Đi Đàng Thánh giá Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama* (26-1-2019): L'Osservatore Romano, 27-1-2019, 12.
- [20] *FD* 65.
- [21] *Nt*, 167.
- [22] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Nói chuyện với giới trẻ ở Turin* (13-4-1980), 4: *Insegnamenti* 3, 1 (1980), 905.
- [23] Đức Giáo Hoàng BÊNÊĐICTÔ XVI, *Sứ điệp cho Đại hội giới trẻ thế giới thứ 27* (15-3-2012): AAS 194 (2012), 359.
- [24] *FD* 8.
- [25] *Nt*.
- [26] *Nt*, 10.
- [27] *Nt*, 11.
- [28] *Nt*, 12.
- [29] *Nt*, 41.
- [30] *Nt*, 42.
- [31] *Nói chuyện với giới trẻ ở Manila* (18-1-2015): L'Osservatore Romano, 19-20 tháng 1-2015, 7.
- [32] *FD* 34.
- [33] *Tài liệu của cuộc Gặp gỡ Tiền Thượng hội đồng chuẩn bị cho khóa họp thường lệ lần thứ 15 của Thượng Hội đồng Giám mục*, Rôma (24-3-2018), I, 1.
- [34] *FD* 39.
- [35] *Nt*, 37.
- [36] Xem thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 106: AAS 107 (2015), 889-890.
- [37] *FD* 37.
- [38] *Nt*, 67.
- [39] *Nt*, 21.

- [40] *Nt*, 22.
- [41] *Nt*, 23.
- [42] *Nt*, 24.
- [43] *Tài liệu của cuộc Gặp gỡ Tiền Thượng hội đồng chuẩn bị cho khóa họp thường lệ lần thứ 15 của Thượng Hội đồng Giám mục*, Rôma (4-3-2018), I, 4.
- [44] *FD* 25.
- [45] *Nt*.
- [46] *Nt*, 26.
- [47] *Nt*, 27.
- [48] *Nt*, 28.
- [49] *Nt*, 29.
- [50] *Diễn văn kết thúc hội nghị bảo vệ trẻ vị thành niên trong Giáo Hội* (24-2-2019): *L'Osservatore Romano*, 25-26 tháng 2-2019, 10.
- [51] *FD* 29.
- [52] *Thư gửi dân Chúa* (20-8-2018), 2: *L'Osservatore Romano*, 21-21 tháng 8-2018, 7.
- [53] *FD* 30.
- [54] *Diễn văn khai mạc khóa họp thường lệ lần thứ 15 Thượng Hội đồng Giám mục* (3-10-2018): *L'Osservatore Romano*, 5-10-2018, 8.
- [55] *FD* 31.
- [56] *Nt*.
- [57] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, 1.
- [58] *FD* 31.
- [59] *Nt*.
- [60] *Diễn văn kết thúc hội nghị bảo vệ trẻ vị thành niên trong Giáo hội* (24-2-2019):: *L'Osservatore Romano*, 25-26 tháng 2-2019, 11.
- [61] FRANCISCO LUIS BERNÁRDEZ, “Soneto”, trong *Cielo de tierra*, Buenos Aires, 1937.
- [62] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 140.
- [63] *Giảng lễ, Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 31 tại Krakov* (31-7-2016): AAS 108 (2016), 963.
- [64] *Diễn văn khai mạc Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama* (24-1-2019): *L'Osservatore Romano*, 26-1-2019, 12.
- [65] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 1: AAS 105 (2013), 1019.
- [66] *Nt*, 3: AAS 105 (2013), 1020.
- [67] *Diễn văn trong đêm canh thức với giới trẻ, Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama* (26-1-2019: *L'Osservatore Romano*, 28-29 tháng 1-2019, 6.
- [68] *Diễn văn trong cuộc gặp giới trẻ trong Thượng Hội đồng* (6-10-2018): *L'Osservatore Romano*, 8-9 tháng 10-2018, 7.
- [69] Đức Giáo Hoàng BÊNÊĐICTÔ XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25-12-2005), 1: AAS 98 (2006), 217.
- [70] PEDRO ARRUIPE, *Enamórate*.
- [71] THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI, *Diễn từ phong Chân phúc cho Nunzio Sulprizio* (1-12-1963): AAS 56 (1964), 28.

- [72] *FD 65*.
- [73] *Giảng lễ cho giới trẻ ở Sydney (2-12-1970)*: AAS 63 (1971), 64.
- [74] *Tự thú (Confessions)*, I, 1, 1: PL 32, 661.
- [75] *God is Young. A Conversation with Thomas Leoncini*, New York, Random House, 2018, 4.
- [76] *FD 68*.
- [77] *Gặp gỡ giới trẻ ở Cagliari (22-9-2013)*: AAS 105 (2013), 904-905.
- [78] *Năm chiếc bánh và hai con cá*, Pauline Books and Media, 2003, Trg. 9, 13.
- [79] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC THỤY SĨ, *Prendre le temps: pour toi, pour moi, pour nous*, 2-2-2018.
- [80] Xem THÁNH TÔMA AQUINÔ, *Summa Theologiae*, II-II, q. 23, art. 1.
- [81] *Diễn văn cho tình nguyện viên tại Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 ở Panama (ngày 27-1-2019)*: L'Osservatore Romano, 28-29 tháng 1-2019, 11.
- [82] THÁNH OSCAR ROMERO, *Bài giảng (6-11-1977)*, trong *Su Pensamiento*, I-II, San Salvador, 2000, trg. 312.
- [83] *Diễn văn khai mạc Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 34 ở Panama (ngày 24-1-2019)*: L'Osservatore Romano, 26-1-2019, 12.
- [84] Xem *Gặp gỡ giới trẻ tại đền thánh quốc gia Maipu*, Santiago de Chile (17-1-2018): L'Osservatore Romano, 19-1-2018, 7.
- [85] Xem ROMANO GUARDINI, *Die Lebensalter. Ihre ethische und pädagogische Bedeutung*, Würzburg, in lần 3, 1955, 20.
- [86] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 11.
- [87] *Spiritual Canticle*, Red. B, Prologue, 2.
- [88] *Nt*, XIV-XV, 2.
- [89] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC RWANDA, *Thư của Hội đồng Giám mục Rwanda gửi các Kitô hữu trong Năm ngoại thường về Hòa giải*, Kigali (18-1-2018), 17.
- [90] *Gặp gỡ giới trẻ của Trung tâm văn hóa Linh mục Felix Varela tại Havana (20-9-2015)*: L'Osservatore Romano, 21-22 tháng 9-2015, 6.
- [91] *FD 46*.
- [92] *Diễn văn trong đêm canh thức của Đại hội Giới trẻ Thế giới thứ 28 tại Rio de Janeiro (27-7-2013)*: AAS 105 (2013), 663.
- [93] *Ustedes son la luz del mundo. Diễn văn tại Cerro San Cristóbal, Chile, 1940*. Bản văn có tại: <https://www.padrealbertohurtado.cl/escritos-2/>.
- [94] *Giảng lễ, Đại hội Giới trẻ Thế giới thứ 28 tại Rio de Janeiro (28-7-2013)*: AAS 105 (2013), 665.
- [95] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC HÀN QUỐC, *Thư mục vụ nhân dịp kỷ niệm 150 năm ngày tử đạo trong cuộc bách hại ở Byeong-in (30-3-2016)*.
- [96] Xem *Giảng lễ, Đại hội Giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama (27-1-2019)*: L'Osservatore Romano, 28-29 Tháng 1-2019, 12.
- [97] “Lạy Chúa, xin dùng con như khí cụ bình an”, lời nguyện được cảm hứng bởi thánh Phanxicô Assidì.
- [98] *Diễn văn trong đêm canh thức, Đại hội Giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama (26-1-2019)*: L'Osservatore Romano, 28-29 tháng 1-2019, 6.

- [99] *FD* 14.
- [100] Xem Thông điệp *Laudato Si'* (24 May 2015), 145: AAS 107 (2015), 906.
- [101] *Sứ điệp video cho Hội nghị giới trẻ bản địa thế giới ở Panama* (17-21 tháng 1-2019): L'Osservatore Romano, 19-1-2019, 8.
- [102] *FD* 35.
- [103] Xem *Ad Adolescentes*, I, 2: PG 31, 565.
- [104] Xem *POPE FRANCIS AND FRIENDS, Sharing the Wisdom of Time*, Chicago, Loyola Press, 2018.
- [105] *Nt*, 12.
- [106] *Nt*, 13.
- [107] *Nt*.
- [108] *Nt*.
- [109] *Nt*, 162-163.
- [110] EDUARDO PIRONIO, *Message to Young Argentiniens at the National Youth Meeting in Cordoba*, (12-15 tháng 9-1985), 2.
- [111] *FD* 123.
- [112] *Das Wesen des Christentums. Die neue Wirklichkeit des Herrn*, Mainz, in lần thứ 7, 1991, 14.
- [113] Số 165: AAS 105 (2013), 1089.
- [114] *Diễn văn khi thăm Nhà người Samaritan nhân hậu*, Panama, 27-1-2019: L'Osservatore Romano, 28-29 tháng 1-2019, 10.
- [115] *FD* 36.
- [116] Xem Tông huấn *Veritatis Gaudium* (8-12-2017), 4: AAS 110 (2018), 7-8.
- [117] *Diễn văn tại cuộc gặp gỡ Sinh viên và đại biểu của Thế giới học thuật ở Piazza San Domenico, Bologna* (1-10-2017): AAS 109 (2017), 1115.
- [118] *FD* 51.
- [119] *Nt*, 47.
- [120] *Sermo* 256, 3: PL 38, 1193.
- [121] *FD* 47.
- [122] *Diễn Văn cho phái đoàn Thế vận hội quốc tế đặc biệt* (16-2-2017): L'Osservatore Romano, 17-2-2017, 8.
- [123] *Ad Adolescentes*, VIII, 11-12: PG 31, 580.
- [124] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC ARGENTINA, *Declaración de San Miguel*, Buenos Aires, 1969, X, 1.
- [125] RAFAEL TELLO, **La nueva evangelización**, II (phần phụ thêm I and II), Buenos Aires, 2013, 111.
- [126] Xem Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 44-45: AAS 105 (2013), 1038-1039.
- [127] *FD* 70.
- [128] *Nt*, 117.
- [129] *Nt*, 4.
- [130] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 124: AAS 105 (2013), 1072.
- [131] *Nt*, số 122, 1071.
- [132] *FD* 9.

- [133] *Tài liệu của Cuộc Gặp gỡ Tiền Thượng đồng chuẩn bị cho khóa họp thường lệ lần thứ 15 của Thượng Hội đồng Giám mục*, Rôma (24-3-2018), 12.
- [134] *Nt*, 10.
- [135] *FD* 15.
- [136] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 2.
- [137] Hiến chế Tín lý về Giáo hội *Lumen Gentium*, 11.
- [138] *Diễn văn trong đêm canh thức, Đại hội Giới trẻ Thế giới thứ 34 tại Panama* (26-1-2019): L'Osservatore Romano, 28-29 tháng 1-2019, 6.
- [139] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 273: AAS 105 (2013), 1130.
- [140] THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26-3-1967), 15: AAS 59 (1967), 265.
- [141] *Meditación de Semana Santa para jóvenes*, viết trên chuyến tàu trở về từ Hoa Kỳ năm 1946 (<https://www.padrealbertohurtado.cl/escritos-2/>).
- [142] *Gặp gỡ giới trẻ vùng Umbria tại Assisi* (4-10-2013): 105 (2013), 921.
- [143] Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Amoris Laetitia* (19-3-2016), 150: AAS 108 (2016), 369.
- [144] *Diễn văn với giới trẻ giáo phận Grenoble-Vienne* (17-9-2018): L'Osservatore Romano, 19-9-2018, 8.
- [145] *FD* 32.
- [146] *Diễn văn cho tình nguyện viên tại Đại hội giới trẻ Thế giới thứ 28 ở Rio de Janeiro* (ngày 28-7-1913): Insegnamenti 1, 2 (2013), 125.
- [147] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC COLOMBIA, *Mensaje Cristiano sobre el matrimonio* (14-5-1981).
- [148] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC HOA KỲ, *Sons and Daughters of Light: A Pastoral Plan for Ministry with Young Adults*, 12-11-1996, Phần I, 3.
- [149] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 128: AAS 107 (2015), 898.
- [150] *Nt*, 125: AAS 107 (2015), 897.
- [151] *FD* 40.
- [152] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 167.
- [153] *Nt*, 168.
- [154] *Nt*, 170.
- [155] *FD* 108.
- [156] *Nt*.
- [157] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 171.
- [158] *Nt*, 172.
- [159] *Diễn văn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong đêm canh thức chuẩn bị Đại hội Giới Trẻ thế giới thứ 34* (8-4-2017) : AAS 109 (2017), 447.
- [160] ROMANO GUARDINI, *Die Lebensalter. Ihre ethische und pädagogische Bedeutung*, Würzburg, in lần 3, 1955, 20.
- [161] Xem Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 169.
- [162] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.
- [163] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Pastores Dabo Vobis* (25-3-1992), 10: AAS 84 (1992), 672.

[164] *Cầu nguyện canh thức với giới trẻ Ý tại Hí trường Maximus ở Rôma* (11-8-2018):
L'Osservatore Romano, 13-14 tháng 8-2018, 6.

3. TÔNG HUẤN HẬU THƯỢNG HỘI ĐỒNG

QUERIDA AMAZONIA CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ (VỀ VÙNG AMAZON)

1. Khu vực Amazon thân yêu đang đứng trước thế giới với mọi nét huy hoàng, kịch tính và màu nhiệm của nó. Thiên Chúa ban cho chúng ta ân sủng tập chú vào khu vực này trong Thượng hội đồng được tổ chức tại Rôma từ ngày 6 đến ngày 27 tháng 10 vừa qua, kết thúc bằng việc công bố Tài liệu Sau cùng, *Amazon: Các Nẻo Đường mới cho Giáo hội và cho Hệ sinh thái Toàn diện*.

Ý nghĩa của Tông Huấn này

2. Tại Thượng Hội Đồng, tôi đã lắng nghe các bài thuyết trình và đọc chăm chú các báo cáo của các nhóm thảo luận. Trong Tông Huấn này, tôi muốn đưa ra đáp ứng của riêng tôi đối với diễn trình đối thoại và biện phân này. Tôi sẽ không đi vào mọi vấn đề từng được xử lý rộng rãi trong Tài liệu Sau cùng. Tôi cũng không yêu sách thay thế văn bản đó hoặc sao chép nó. Tôi chỉ muốn đề xuất một khuôn khổ ngắn gọn để suy tư, một khuôn khổ có thể áp dụng, một cách cụ thể vào cuộc sống của khu vực Amazon, một tổng hợp về một số mối quan tâm lớn hơn mà tôi đã bày tỏ trong các tài liệu trước đây và có thể giúp hướng dẫn chúng ta tiến tới một cách tiếp nhận toàn bộ diễn trình đồng nghị một cách hài hòa, sáng tạo và sinh hoa trái.

3. Đồng thời, tôi muốn chính thức giới thiệu Tài liệu Sau cùng, trình bày các kết luận của Thượng hội đồng, vốn được hưởng ơn ích từ việc tham gia của nhiều người hiểu rõ hơn bản thân tôi hoặc Giáo Triều Rôma trong các nan đề và vấn đề của khu vực Amazon, vì họ sống ở đó, họ trải nghiệm sự đau khổ của nó và họ yêu nó say đắm. Tôi không muốn trích dẫn Tài liệu Sau cùng trong Tông Huấn này vì tôi muốn khuyến khích mọi người đọc nó cách trọn vẹn.

4. Xin Thiên Chúa ban ơn để toàn thể Giáo hội được phong phú và được thách thức bởi công trình của phiên họp thượng hội đồng. Xin cho các mục tử, những người đàn ông và đàn bà thánh hiến và các tín hữu giáo dân của khu vực Amazon cố gắng áp dụng nó, và xin cho nó truyền cảm hứng cách nào đó cho mọi người có thiện chí.

Các giấc mơ cho khu vực Amazon

5. Khu vực Amazon là một tổng thể đa quốc gia và liên kết với nhau, một sinh quần tuyệt vời được chia sẻ bởi chín quốc gia: Brazil, Bolivia, Colombia, Ecuador, Guyana, Peru, Surinam, Venezuela và lãnh thổ Guiana thuộc Pháp. Tuy nhiên, tôi đang ngỏ Tông Huấn này với toàn thế giới. Tôi đang làm như vậy để giúp đánh thức tình cảm và sự quan tâm của họ đối với vùng đất đó, một vùng đất cũng là vùng đất của chúng ta, và mời gọi họ trân quý nó và thừa

nhận nó như một mầu nhiệm thánh thiêng. Nhưng quan tâm của Giáo hội về các vấn đề của khu vực này cũng buộc chúng ta phải thảo luận, dù ngắn ngủi, một số vấn đề quan trọng khác có thể hỗ trợ các khu vực khác trên thế giới của chúng ta đối đầu với những thách đố của chính họ.

6. Mọi điều Giáo hội có nhiệm vụ cung cấp phải được nhập thể một cách khác biệt vào mỗi nơi trên thế giới, để Nàng dâu của Chúa Kitô có thể mang nhiều khuôn mặt nhằm biểu lộ tốt hơn các kho tàng bất tận của ơn thánh Chúa. Việc rao giảng phải trở nên nhập thể, nền linh đạo phải trở nên nhập thể, các cơ cấu giáo hội phải trở nên nhập thể. Vì lý do này, trong Tông Huấn ngắn gọn này, tôi khiêm tốn đề nghị nói tới bốn giấc mơ vĩ đại mà vùng Amazon đã gây hứng cho tôi.

7. Tôi mơ về một khu vực Amazon dám đấu tranh cho quyền lợi của người nghèo, các dân tộc nguyên thủy và những người nhỏ bé nhất trong các anh chị em của chúng ta, nơi tiếng nói của họ có thể được nghe và phẩm giá của họ được thăng tiến.

Tôi mơ về một khu vực Amazon có thể bảo tồn sự phong phú văn hóa khác biệt của nó, nơi vẻ đẹp của nhân loại chúng ta tỏa sáng nhiều cách khác nhau.

Tôi mơ về một khu vực Amazon có thể giữ gìn một cách không khoan nhượng vẻ đẹp tự nhiên của nó và cuộc sống siêu mầu tràn đầy các dòng sông và khu rừng.

Tôi mơ về các cộng đồng Kitô giáo có khả năng cam kết một cách quảng đại, nhập thể vào khu vực Amazon và mang đến cho Giáo hội những gương mặt mới mẻ với những nét đặc điểm của vùng Amazon.

CHƯƠNG MỘT: GIÁC MƠ XÃ HỘI

8. Giác mơ của chúng ta là một khu vực Amazon có thể hòa nhập và thúc đẩy mọi cư dân của nó, cho phép họ tận hưởng “lối sống tốt”. Nhưng điều này đòi một yêu cầu có tính tiên tri và một nỗ lực gian khổ nhân danh người nghèo. Vì, mặc dù đúng là khu vực Amazon đang đối đầu với một thảm họa sinh thái, nhưng cũng phải nói rõ rằng, “một phương thức sinh thái đích thực luôn trở thành một phương thức xã hội; nó phải hòa nhập các vấn đề công lý trong các cuộc tranh luận về môi trường, để có thể nghe được cả tiếng than của trái đất lẫn tiếng khóc của người nghèo” [1]. Chúng ta không cần một chủ nghĩa duy môi trường, “chỉ quan tâm đến sinh quần nhưng làm ngơ các dân tộc vùng Amazon” [2].

Bất công và tội ác

9. Các quyền lợi thực dân từng tiếp tục mở rộng - một cách hợp pháp và bất hợp pháp - các ngành kỹ nghệ khai thác gỗ và hầm mỏ, và từng trục xuất hoặc đẩy qua bên lề các dân tộc bản địa, người dân sông ngòi và những người gốc Phi châu, đang kích động tiếng kêu than thấu trời:

“Nhiều cây cối
ngụ cư nơi tra tấn,
và bao la là những khu rừng
được mua bằng hàng ngàn cái chết [3].
Các lái buôn gỗ có thành viên quốc hội,
trong khi Amazon của chúng tôi không người bảo vệ...
Họ đày ải những con vẹt và những con khỉ
Các vụ thu hoạch hạt dẻ sẽ không bao giờ như cũ” [4].

10. Điều này kích thích nhiều cuộc di cư gần đây của người dân bản địa đến những vùng ngoại ô của các thành phố. Ở đó, họ không tìm được sự giải thoát thực sự khỏi những rắc rối của họ, mà đúng hơn là các hình thức nô lệ, khuất phục và nghèo đói tồi tệ nhất. Các thành phố này, được đánh dấu bằng sự bất bình đẳng lớn lao, nơi phần lớn dân số của khu vực Amazon hiện đang sống, đang chứng kiến sự gia tăng của óc bài ngoại, khai thác tình dục và buôn bán người. Tiếng kêu của khu vực Amazon không chỉ nổi lên từ thẳm sâu rừng già mà còn từ những phố phường thành phố.

11. Tôi không cần phải lặp lại ở đây các chẩn đoán đầy ắp được trình bày trước và trong Thượng Hội Đồng. Tuy nhiên, ít nhất, chúng ta hãy lắng nghe một trong những tiếng nói đã được gióng lên: “Chúng tôi đang bị ảnh hưởng bởi các lái buôn gỗ, chủ trang trại và các bên thứ ba khác. Bị đe dọa bởi các tác nhân kinh tế chuyên nhập khẩu kiểu mẫu xa lạ vào lãnh thổ của chúng tôi. Các ngành kỹ nghệ gỗ xâm nhập lãnh thổ để khai thác rừng, trong khi chúng tôi bảo vệ rừng vì lợi ích của con cái chúng tôi, vì ở đó, chúng tôi có thịt, cá, cây dược liệu,

cây ăn trái... Việc xây dựng các nhà máy thủy điện và dự án đường thủy gây một tác động trên sông ngòi và trên đất liền... Chúng tôi là một vùng lãnh thổ bị đánh cắp” [5].

12. Vị tiên nhiệm của tôi, Đức Bênêđictô XVI, từng lên án “sự tàn phá môi trường và lưu vực sông Amazon, và các đe dọa chống lại nhân phẩm của các dân tộc sống trong khu vực đó [6]. Tôi muốn nói thêm rằng nhiều tình huống bị đặt trong số này có liên quan đến một 'huyền nhiệm giả mạo về Amazon'. Người ta biết rất rõ rằng, kể từ những thập niên cuối cùng của thế kỷ trước, khu vực Amazon đã được trình bày như một không gian trống rỗng khổng lồ cần được lấp đầy, một nguồn tài nguyên thô để được phát triển, một vùng đất hoang dã cần được thuần hóa. Không điều gì trong số này công nhận quyền của các dân tộc nguyên thủy; người ta đơn giản phớt lờ họ như thể họ không hiện hữu, hoặc hành động như thể những vùng đất mà họ sống không thuộc về họ. Ngay cả trong ngành giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên, người bản địa bị coi là kẻ xâm nhập hoặc chiếm đoạt. Cuộc sống của họ, mối quan tâm của họ, cách đấu tranh để sinh tồn của họ không được quan tâm. Họ được coi như một trở ngại cần phải được loại bỏ hơn là các hữu thể nhân bản có cùng phẩm giá như những người khác và sở hữu các quyền lợi riêng họ đã thủ đắc được.

13. Một số khẩu hiệu đã góp phần vào khái niệm sai lầm này, bao gồm cả khẩu hiệu, “đừng cho không điều đó!” [7], như thể loại tiếp quản này chỉ có thể phát xuất từ các quốc gia khác, trong khi thực ra là các thể lực địa phương, lấy có phát triển, cũng là thành viên của các thỏa hiệp nhằm mục đích san bằng rừng già - cùng với các hình thức sự sống được nó che chở - một cách không bị trừng phạt và bừa bãi. Các dân tộc nguyên thủy thường chứng kiến một cách bất lực sự hủy diệt môi trường tự nhiên vốn cho phép họ được nuôi dưỡng và giữ gìn sức khỏe, sống còn và duy trì lối sống trong một nền văn hóa mang lại cho họ bản sắc và ý nghĩa. Sự mất cân bằng quyền lực thật lớn lao; kẻ yếu không có cách nào để tự bảo vệ mình, trong khi kẻ chiến thắng chiếm được tất cả, và “các quốc gia nghèo khó ngày càng nghèo khổ hơn, trong khi các quốc gia giàu có thậm chí còn trở nên giàu có hơn” [8].

14. Các doanh nghiệp, quốc gia hoặc quốc tế, gây hại cho Amazon và không tôn trọng quyền lợi của các dân tộc nguyên thủy đối với đất đai và các ranh giới của nó, và quyền tự quyết định và đồng ý trước, phải được gọi bằng chính tên là bất công và tội ác. Khi một số doanh nghiệp, vì lợi nhuận nhanh chóng, đã chiếm hữu đất đai và kết cục đã tư hữu hóa ngay cả nguồn nước uống được, hoặc khi chính quyền địa phương cấp quyền tự do truy cập cho các công ty gỗ, khai thác mỏ hoặc dầu khí và các doanh nghiệp khác phá rừng và gây ô nhiễm môi trường, các mối tương quan kinh tế đã bị thay đổi một cách không chính đáng và trở thành một công cụ của tử thần. Họ thường sử dụng các biện pháp phi đạo đức như trừng phạt các cuộc biểu tình và thậm chí cướp mạng sống của người dân bản địa, những người chống lại các dự án, cố tình đốt cháy rừng, và hối lộ các chính trị gia và chính người dân bản địa. Tất cả những điều này đi song song với các vi phạm nghiêm trọng về nhân quyền và các hình thức nô lệ mới ảnh hưởng đến phụ nữ nói riêng, tai họa buôn bán ma túy được sử dụng như một cách khuất phục người dân bản địa, hoặc việc buôn người chuyên bóc lột những người bị trục xuất khỏi bối cảnh văn hóa của họ. Chúng ta không thể để cho việc hoàn cầu hóa trở thành “phiên bản mới của chủ nghĩa thực dân” [9].

Cảm thấy phần nộ và cầu xin tha thứ

15. Chúng ta cần cảm thấy phần nộ (10) như Môsê từng nói (xem Xh 11:8), như Chúa Giêsu từng nói (xem Mc 3:5), như Thiên Chúa nói trước bất công (xem Am 2:4-8; 5: 7-12; Tv 106: 40). Quả không tốt khi chúng ta trở nên quen thuộc với cái ác; quả không tốt khi ý thức xã hội của chúng ta bị mờ nhạt trước “một cuộc bóc lột đang để lại sự hủy hoại và thậm chí chết chóc trên khắp khu vực của chúng ta... gây nguy hiểm cho cuộc sống của hàng triệu con người và đặc biệt là môi trường sống của nông dân và người dân bản địa” [11]. Các biến cố bất công và tàn ác xảy ra ở khu vực Amazon ngay trong thế kỷ trước phải gây ghê tởm sâu xa, nhưng chúng cũng khiến chúng ta nhạy cảm hơn đối với việc cần phải thừa nhận các hình thức bóc lột, lạm dụng và sát hại con người hiện nay. Liên quan đến quá khứ đáng xấu hổ, chúng ta hãy lắng nghe, thí dụ, trình thuật nói về các đau khổ của người bản địa trong “thời đại cao su” của họ ở khu vực Amazon của Venezuela: “Họ không đưa tiền cho người bản địa, mà chỉ là hàng hóa, các hàng hóa họ phải trả giá đắt và họ không bao giờ chấm dứt việc trả tiền như thế... Họ sẽ trả nhưng người ta nói với họ rằng, “Bạn đang nợ như chúa chổm”, và người bản địa sẽ phải quay lại làm việc... Hơn hai mươi thị trấn của người *ye'kuana* đã hoàn toàn bị san bằng. Phụ nữ *ye'kuana* bị hãm hiếp và ngực bị cắt cụt, phụ nữ mang thai bị lấy mất con từ bụng mẹ, đàn ông bị chặt ngón tay hoặc bàn tay để không thể chèo thuyền... cùng với những cảnh tàn ác khác phi lý nhất nữa [12].

16. Một lịch sử đau khổ và bị khinh miệt như thế không dễ dàng được hàn gắn. Mà chế độ thực dân cũng không chấm dứt; ở nhiều nơi, nó đã được thay đổi, ngụy trang và che giấu [13], trong khi không mất đi sự khinh miệt nào đối với cuộc sống của người nghèo và sự mong manh của môi trường. Như các giám mục của vùng Amazon thuộc Brazil đã lưu ý, “lịch sử của khu vực Amazon cho thấy một thiểu số luôn được hưởng lợi từ sự nghèo đói của đa số và từ sự cướp bóc vô lương tâm các tài nguyên thiên nhiên của khu vực, vốn là các hồng ân Chúa ban cho các dân tộc từng sống ở đó trong nhiều thiên niên kỷ và cho những người nhập cư đến từ nhiều thế kỷ trước” [14].

17. Thế nhưng, ngay cả khi chúng ta cảm thức được sự phần nộ lành mạnh này, chúng ta được nhắc nhở rằng ta có thể vượt thắng các nỗi trạng thuộc địa khác nhau và xây dựng các mạng lưới liên đới và phát triển. “Nói tóm lại, thách đố là phải bảo đảm một chính sách hoàn cầu hóa trong tình liên đới, hoàn cầu hóa mà không có việc hất hủi đẩy người ta ra bên lề” [15]. Có thể tìm ra các phương thức thay thế để việc nuôi gia súc và nông nghiệp được bền vững, để có được các nguồn năng lượng không gây ô nhiễm, các phương thức nhân dụng xứng đáng không kéo theo sự hủy hoại môi trường tự nhiên và các nền văn hóa. Đồng thời, người dân bản địa và người nghèo cần được cung cấp một nền giáo dục phù hợp để phát triển khả năng của họ và trao quyền cho họ. Đây là những mục tiêu mà tài năng và sự khôn khéo chân chính của các nhà lãnh đạo chính trị nên được điều hướng tới. Không phải như một cách phục hồi cho người chết sự sống họ đã bị lấy mất, hoặc thậm chí bồi thường cho những người sống sót cuộc tàn sát đó, nhưng ít nhất, để, ngày nay, trở thành con người chân chính.

18. Thật đáng khích lệ khi nhớ lại rằng giữa những quá lạm nghiêm trọng của việc thực dân hóa khu vực Amazon, đây “mâu thuẫn và đau khổ” [16], nhiều nhà truyền giáo đã đem Tin Mừng đến; họ rời bỏ gia đình và sống một cuộc sống khắc khổ đầy đòi hỏi bên cạnh những người không một ai bảo vệ. Chúng ta biết rằng không phải ai trong số họ đều là mẫu mực, nhưng việc làm của những người luôn trung thành với Tin Mừng cũng gây cảm hứng “cho một số đạo luật như các Đạo Luật Thổ Dân, nhằm bảo vệ phẩm giá của các dân tộc bản địa khỏi bạo lực chống lại người dân và lãnh thổ của họ” [17]. Vì thường là các linh mục bảo vệ người bản địa khỏi những kẻ cướp bóc và lạm dụng họ, nên các nhà truyền giáo kể lại rằng “họ đã năn nỉ chúng tôi đừng bỏ rơi họ và họ đã moi được từ chúng tôi lời hứa rằng chúng tôi sẽ trở lại”[18].

19. Ngày nay, Giáo hội có thể cam kết không kém. Giáo Hội được kêu gọi nghe lời kêu van của các dân tộc Amazon và “thực hiện sứ mệnh tiên tri của mình một cách minh bạch” [19]. Đồng thời, vì chúng ta không thể phủ nhận được sự kiện lúa mì được trộn lẫn với cỏ lùng, và các nhà truyền giáo không phải lúc nào cũng đứng về phía kẻ bị áp bức, tôi bày tỏ sự xấu hổ và một lần nữa, “tôi khiêm tốn xin tha thứ, không những chỉ vì tội lỗi của chính Giáo hội, nhưng còn vì các tội ác đã phạm đối với các dân tộc bản địa trong điều gọi là chinh phục Mỹ Châu” [20] cũng như vì các tội ác khủng khiếp tiếp theo trong suốt lịch sử khu vực Amazon. Tôi cảm ơn các thành viên của các dân tộc nguyên thủy và tôi xin nhắc lại: “cuộc sống của các bạn đã kêu lớn...Các bạn là ký ức sống động của sứ mệnh mà Thiên Chúa đã giao phó cho tất cả chúng ta: bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta” [21].

Cảm thức cộng đồng

20. Các nỗ lực xây dựng một xã hội công bằng đòi hỏi khả năng huynh đệ, tinh thần hiệp thông nhân bản. Do đó, tuy không làm giảm tầm quan trọng của tự do cá nhân, điều rõ ràng là các dân tộc nguyên thủy của khu vực Amazon có cảm thức cộng đồng mạnh mẽ. Nó thấm nhiễm vào “việc làm của họ, việc nghỉ ngơi của họ, các mối liên hệ của họ, các nghi lễ và cử hành của họ. Mọi sự đều được chia sẻ; các phạm vi riêng tư – vốn là điển hình của thời hiện đại – hết sức ít ỏi. Cuộc sống là một hành trình cộng đoàn, trong đó, các nhiệm vụ và trách nhiệm được phân bổ và chia sẻ trên cơ sở thiện ích chung. Không có chỗ cho khái niệm một cá nhân tách rời khỏi cộng đồng hoặc khỏi lãnh thổ” [22]. Các mối liên hệ của họ chìm đắm trong thiên nhiên bao quanh, mà họ cảm nhận và nghĩ về như một thực tại hòa nhập xã hội và văn hóa, và là một kéo dài thân thể của họ, đầy tính bản thân, gia đình và cộng đồng:

“Sao mai đến gần,
Đôi cánh chim vù vù (hummingbirds) phát phới;
trái tim anh đập rõ hơn thác nước:
với đôi môi em, anh sẽ tưới đất
khi làn gió nhẹ mơn man chúng ta”[23]

21. Tất cả những điều này càng làm bất ổn cảm thức hoang mang và bưng gốc nơi những người bản địa cảm thấy buộc phải di cư đến các thành phố, khi họ cố gắng giữ gìn phẩm giá

của mình giữa môi trường sống đô thị cá nhân chủ nghĩa và thù địch hơn. Làm thế nào chúng ta chữa lành được tất cả những tổn thương này, làm thế nào chúng ta mang lại sự thanh thản và ý nghĩa cho những cuộc sống bị bứng gốc này? Trước những tình huống như vậy, chúng ta nên đánh giá cao và đồng hành với những nỗ lực của nhiều người trong các nhóm này để bảo tồn giá trị và lối sống của họ, và hòa nhập vào những tình huống mới mà không đánh mất chúng, nhưng thay vào đó cung ứng chúng như chính đóng góp của họ vào thiện ích chung.

22. Chúa Kitô đã cứu chuộc toàn bộ con người, và Người muốn khôi phục trong mỗi chúng ta khả năng bước vào liên hệ với những người khác. Tin Mừng đề xuất việc tình yêu Thiên Chúa tràn đầy trong trái tim của Chúa Kitô ra sao và phát sinh ra việc theo đuổi công lý, một việc vừa là một bài hát ca ngợi tình huynh đệ và liên đới vừa là một thúc đẩy tiến tới nền văn hóa gặp gỡ. Sự khôn ngoan trong lối sống của các dân tộc nguyên thủy – bất chấp các hạn chế của nó - khuyến khích chúng ta thâm hậu hóa mong ước này. Vì điều này, các giám mục của Ecuador đã kêu gọi phải có “một hệ thống xã hội và văn hóa mới, biết dành đặc quyền cho các mối liên hệ huynh đệ trong khuôn khổ thừa nhận và quý trọng các nền văn hóa và hệ sinh thái khác nhau, một khuôn khổ có khả năng chống lại mọi hình thức kỳ thị và áp bức giữa những con người nhân bản” [24].

Các định chế bị đổ vỡ

23. Trong thông điệp *Laudato Si'*, tôi đã ghi nhận rằng “nếu mọi sự đều liên hệ với nhau, thì sự lành mạnh của các định chế xã hội hẳn có nhiều hậu quả đối với môi trường và phẩm chất sự sống nhân bản... Trong mỗi giai tầng xã hội, và giữa chúng với nhau, các định chế đều phát triển trong việc qui định các mối liên hệ nhân bản. Bất cứ điều gì làm suy yếu các định chế này đều có những hậu quả tiêu cực, như bất công, bạo lực và mất tự do. Một số quốc gia có cấp độ hiệu năng định chế tương đối thấp gây nhiều nan đề lớn lao hơn cho nhân dân của họ” [25]

24. Tư thế của các định chế xã hội dân sự ở khu vực Amazon hiện ra sao? Tài liệu Làm việc của Thượng Hội Đồng, một tài liệu vốn tổng hợp các đóng góp của nhiều cá nhân và nhóm từ khu vực Amazon, đã nói tới “nền văn hóa từng chuốc độc Nhà nước và các định chế của nó, thẩm nhiễm mọi tầng lớp xã hội, kể cả các cộng đồng bản địa. Chúng tôi đang nói về một tai họa luân lý thực sự; kết quả là, việc mất niềm tin vào các định chế và các đại diện của chúng, một điều hoàn toàn làm mất uy tín của chính trị và các tổ chức xã hội. Các dân tộc Amazon không tránh khỏi tham nhũng, và kết cục, họ trở thành nạn nhân chính của nó” [26].

25. Chúng ta cũng không thể loại trừ khả thể này: các thành viên của Giáo hội từng là một phần của mạng lưới tham nhũng, đôi khi đến mức thoả hiệp giữ im lặng để đổi lấy hỗ trợ kinh tế cho các công trình của giáo hội. Chính vì lý do này, các đề xuất đã được đưa ra tại Thượng hội đồng nhằm khẳng định rằng “phải đặc biệt chú ý đến nguồn gốc của các quyên tặng hoặc các loại trợ cấp khác, cũng như các khoản đầu tư được thực hiện bởi các định chế giáo hội hoặc các cá nhân Kitô hữu” [27].

Đối thoại xã hội

26. Khu vực Amazon phải là nơi đối thoại xã hội, đặc biệt giữa các dân tộc nguyên thủy khác nhau, vì mục đích phát triển các hình thức hiệp thông và đấu tranh chung. Những người khác trong chúng ta được mời gọi tham gia với tư cách “khách” và hết sức trân trọng tìm kiếm các nẻo đường gặp gỡ để làm phong phú khu vực Amazon. Nếu muốn đối thoại, chúng ta nên đối thoại trước nhất với người nghèo. Họ không những chỉ là một bên khác để thuyết phục, hoặc chỉ đơn thuần là một cá nhân khác ngồi chung bàn với những người ngnag hàng. Họ là đối tác đối thoại chính của chúng ta, những người mà chúng ta có nhiều điều để học hỏi nhất, những người mà chúng ta cần lắng nghe vì nghĩa vụ công lý, và từ họ, chúng ta phải xin phép trước khi trình bày các đề xuất của chúng ta. Những lời nói, hy vọng và nỗi sợ hãi của họ nên là tiếng nói có thẩm quyền nhất tại bất cứ bàn đối thoại nào trong khu vực Amazon. Và câu hỏi lớn là: “Ý nghĩ của họ về ‘sống tốt’ nghĩa là gì cho bản thân họ và cho những người sẽ đến sau họ?”

27. Đối thoại không những chỉ ủng hộ việc ưu tiên chọn người nghèo, người bị hắt hủi và bị loại trừ, mà còn tôn trọng họ là người có vai trò hàng đầu. Những người khác phải được thừa nhận và quý trọng chính vì là *những người khác*, mỗi người có cảm xúc, lựa chọn và cách sống và làm việc của riêng họ. Nếu không, kết quả, một lần nữa, sẽ là “một kế hoạch được lập ra bởi một vài người cho một vài người” [28], nếu không phải “là sự đồng thuận trên giấy tờ hay một nền hòa bình thoáng qua cho một nhóm thiểu số hài lòng” [29]. Nếu là thế, thì “một giọng nói tiên tri phải được cất lên” [30], và Kitô hữu chúng ta được kêu gọi phải làm cho nó được người ta nghe thấy.

Điều này dẫn ta đến giấc mơ tiếp theo đây.

CHƯƠNG HAI: GIẤC MƠ VĂN HÓA

28. Điều quan trọng là cổ vũ khu vực Amazon, nhưng điều này không ngụ ý thực dân hóa nó về văn hóa mà thay vào đó giúp nó sản sinh ra những điều tốt nhất từ chính nó. Thực thể, đây là điều giáo dục có nghĩa vụ phải làm: vun sỏi chứ không bức gốc, phát huy tăng trưởng chứ không làm suy yếu bản sắc, hỗ trợ chứ không xâm lấn. Có những tiềm năng trong tự nhiên có thể bị mất đi mãi mãi thế nào, thì một điều tương tự có thể xảy ra với các nền văn hóa chưa có thông điệp nào được nghe thấy, nhưng hiện nay đang bị đe dọa hơn bao giờ hết như vậy.

Khởi đa diện Amazon

29. Khu vực Amazon có nhiều dân tộc và quốc tịch, và hơn 110 dân tộc bản địa trong vùng cô lập tự nguyện (IPVI) [31]. Tình thế của họ rất mong manh và nhiều người cảm thấy họ là những người cầm cờ cuối cùng của một kho báu thế nào rồi cũng biến mất, chỉ được phép sống sót nếu không gây rắc rối, trong khi chính sách thực dân hậu hiện đại cứ thế tiến bước. Không nên xem họ như những kẻ man rợ “thiếu văn minh”. Họ chỉ đơn giản là những người thừa kế các nền văn hóa khác nhau và các hình thức văn minh khác mà thời kỳ trước đã phát triển khá cao [32].

30. Trước thời kỳ thực dân, dân cư tập trung ở bờ sông và bờ hồ, nhưng bước tiến thực dân đã đẩy những cư dân lớn tuổi vào sâu trong rừng. Ngày nay, việc càng ngày càng bị sa mạc hóa một lần nữa lại đẩy nhiều người trong số họ đến các vùng ngoại ô và vỉa hè của các thành phố, đôi khi trong tình trạng nghèo đói khủng khiếp nhưng cũng bị phân mảnh nội tâm do việc đánh mất các giá trị trước đây vốn nâng đỡ họ. Ở đó, họ thường thiếu các điểm qui chiếu và gốc rễ văn hóa từng cung cấp cho họ một bản sắc và một cảm thức về phẩm giá, và họ đã làm tăng hàng ngũ của những người bị ruồng bỏ. Điều này làm gián đoạn việc truyền tải bằng văn hóa sự khôn ngoan vốn được lưu truyền hàng thế kỷ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các thành phố, nơi nên là chỗ gặp gỡ, làm phong phú lẫn nhau và trao đổi giữa các nền văn hóa khác nhau, đã trở thành một khung cảnh bi thảm cho những cuộc đời bị vứt bỏ.

31. Mỗi dân tộc sống sót trong khu vực Amazon đều có bản sắc văn hóa riêng và sự phong phú độc đáo trong vũ trụ đa văn hóa của chúng ta, nhờ vào mối liên hệ chặt chẽ được các cư dân thiết lập với môi trường xung quanh trong một cộng sinh không có tính định mệnh thuyết, một cộng sinh khó có thể hình dung nếu sử dụng các phạm trù tâm thần du nhập từ bên ngoài:

“Một khi đã có vùng quê, với sông ngòi, thú vật những đám mây và cây cối của nó.
Nhưng đôi lúc, khi nông thôn,
với sông ngòi và cây cối,
không là đâu để nhìn thấy, những điều này phải nảy sinh trong tâm trí của một đứa trẻ” [33].

“Biển dòng sông thành máu của bạn...
Sau đó trồng chính bạn,
đâm hoa và phát triển:
đề rỗ của bạn đâm xuống đất
mãi mãi,
và cuối cùng

trở thành một chiếc ca nô
một ván trượt, một cái bè,
đất, một cái bình,
một trang trại và một người đàn ông” [34].

32. Các nhóm người, lối sống và thể giới quan của họ, cũng đa dạng như chính vùng đất này, vì họ phải tự thích nghi với địa lý và các khả thể của nó. Người đánh cá không giống như người thợ săn, và người gặt hái nội địa không giống như những người canh tác vùng đất lũ lụt. Ngay cả hiện nay, chúng ta thấy ở khu vực Amazon, hàng ngàn cộng đồng bản địa, người gốc Phi Châu, người sông ngòi và cư dân thành phố, họ khác nhau và bao gồm một sự đa dạng nhân bản lớn lao. Ở mỗi vùng đất và đặc điểm của nó, Thiên Chúa tự tỏ mình Người ra và phản ánh một điều gì đó trong vẻ đẹp bất tận của Người. Do đó, mỗi nhóm riêng biệt, trong một tổng hợp sinh tử với môi trường xung quanh, khai triển hình thức khôn ngoan của riêng họ. Những người trong chúng ta quan sát điều này từ bên ngoài nên tránh việc tổng quát hóa không hợp tình hợp lý, những lập luận và kết luận đơn giản chỉ dựa trên cơ sở các khung suy nghĩ và kinh nghiệm riêng của chính chúng ta.

Chăm sóc các gốc rễ

33. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh rằng, “một viễn kiến duy tiêu thụ về các hữu thể nhân bản, được khuyến khích bởi các cơ chế của nền kinh tế hoàn cầu hóa ngày nay, có tác dụng san bằng các nền văn hóa, làm giảm đi tính đa dạng vốn là di sản của toàn thể nhân loại” [35]. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến những người trẻ tuổi, vì nó có xu hướng “làm mờ nhạt những gì khác biệt về nguồn gốc và bối cảnh của họ, và biến họ thành một dòng hàng hóa mới dễ uốn nắn” [36]. Để ngăn chặn quá trình bản cùng hóa con người này, cần phải quan tâm một cách yêu thương đến các gốc rễ của chúng ta, vì chúng là “điểm cố định để từ đó, chúng ta có thể phát triển và đương đầu với các thách đố mới” [37]. Tôi kêu gọi những người trẻ tuổi ở khu vực Amazon, đặc biệt các dân tộc bản địa, “hãy chịu trách nhiệm đối với gốc rễ của các bạn, bởi vì từ những gốc rễ này, sẽ phát sinh sức mạnh giúp các bạn lớn lên, đơm hoa và kết trái” [38]. Đối với những người trong số họ đã được rửa tội, những gốc rễ này bao gồm lịch sử của dân tộc Israel và của Giáo hội cho đến ngày nay. Kiến thức về chúng có thể mang lại niềm vui và, trên hết, niềm hy vọng có khả năng gợi hứng cho những hành động cao thượng và can đảm.

34. Trong nhiều thế kỷ, các dân tộc Amazon truyền lại sự khôn ngoan văn hóa của họ bằng lời nói, với những huyền thoại, truyền thuyết và những câu chuyện, như trong trường hợp “những người kể chuyện ban sơ vượt qua rừng rậm mang theo những câu chuyện từ thị trấn này đến thị trấn nọ, giữ cho một cộng đồng sống động mà, nếu không có cuống rốn của những câu chuyện đó, khoảng cách và việc thiếu truyền thông sẽ phân mảnh và làm họ tan biến” [39]. Đó là lý do tại sao điều quan trọng là “để người già kể lại những câu chuyện dài của họ” [40] và để người trẻ dành thì giờ uống thật sâu từ nguồn nước đó.

35. Mặc dù ngày càng có nguy cơ này: sự giàu có về văn hóa này sẽ biến mất; cảm ơn Thiên Chúa, trong những năm gần đây, một số dân tộc đã viết ra những câu chuyện của họ và mô tả ý nghĩa trong các phong tục của họ. Nhờ cách này, chính bản thân họ có thể minh nhiên thừa nhận rằng họ sở hữu một điều gì đó hơn cả bản sắc dân tộc và họ là những người mang những ký ức quý giá cá nhân, gia đình và tập thể. Tôi rất vui khi thấy những người đã mất tiếp xúc với các gốc rễ của họ nay đang cố gắng phục hồi ký ức bị hư hại của họ. Rồi cả các lĩnh vực chuyên nghiệp cũng đã được thấy một cảm thức ngày càng gia tăng về bản sắc Amazon; ngay đối với những người là hậu duệ của người nhập cư, khu vực Amazon cũng đã

trở thành một nguồn cho cảm hứng nghệ thuật, văn chương, âm nhạc và văn hóa. Các nghệ thuật khác nhau, và đặc biệt thi ca, đã tìm thấy nguồn cảm hứng trong nước, rừng, sự sống sôi động, cũng như sự đa dạng văn hóa và các thách thức sinh thái và xã hội của nó.

Cuộc gặp gỡ liên văn hóa

36. Giống như mọi thực tại văn hóa, các nền văn hóa của khu vực nội địa Amazon có giới hạn của chúng. Văn hóa đô thị phương Tây cũng có những giới hạn của chúng. Các nhân tố như duy tiêu thụ, duy cá nhân, kỳ thị, bất bình đẳng và bất cứ số lượng nhân tố khác đều nói lên mặt yếu hơn của các nền văn hóa được cho là phát triển hơn. Các nhóm sắc tộc, khi tương tác với thiên nhiên, đã phát triển một kho tàng văn hóa được đánh dấu bởi cảm thức cộng đồng mạnh mẽ, sẵn sàng nhận thấy các khía cạnh đen tối hơn của chúng ta, mà chúng ta không nhận ra giữa diễn trình cho là tiến bộ của chúng ta. Do đó, điều rõ ràng có lợi là lắng nghe kinh nghiệm sống của họ.

37. Bắt đầu từ gốc rễ của chúng ta, chúng ta hãy ngồi quanh chiếc bàn chung, nơi đàm đạo và hy vọng chung. Nhờ cách này, các khác biệt của chúng ta, các khác biệt bề ngoài giống như một biểu ngữ hoặc một bức tường, có thể trở thành một cây cầu. Bản sắc và đối thoại không phải là các kẻ thù. Bản sắc văn hóa của chúng ta được củng cố và làm phong phú như kết quả của cuộc đối thoại với những người không giống như chúng ta. Bản sắc chân chính của chúng ta cũng không được bảo tồn bởi một sự cô lập nghèo nàn. Tôi không hề đề xuất một “chủ nghĩa duy bản địa” hoàn toàn khép kín, phi lịch sử, tĩnh tụ, vốn bác bỏ bất cứ loại pha trộn nào (mestizaje). Một nền văn hóa có thể trở nên cần cỗi khi nó “trở nên hướng nội và cố gắng duy trì mãi mãi các cách sống lỗi thời bằng cách bác bỏ mọi trao đổi hoặc tranh luận liên quan đến sự thật về con người” [41]. Điều đó sẽ không thực tiễn, vì không dễ gì bảo vệ bản thân khỏi sự xâm lăng văn hóa. Vì lý do này, việc lưu ý và quan tâm đối với các giá trị văn hóa của các nhóm bản địa nên được mọi người chia sẻ, vì sự phong phú của họ cũng là sự phong phú của chúng ta. Nếu bản thân chúng ta không gia tăng cảm thức đồng trách nhiệm đối với tính đa dạng vốn làm đẹp nhân tính của chúng ta, chúng ta khó có thể yêu cầu các nhóm trong rừng sâu cỗi mở một cách không phê phán đối với “nền văn minh”.

38. Ở khu vực Amazon, ngay giữa các dân tộc nguyên thủy khác nhau, vẫn có thể phát triển “các mối tương quan liên văn hóa, trong đó, sự đa dạng không có nghĩa là đe dọa, và không biện minh cho các phẩm trật quyền lực của một số người trên những người khác, mà là cuộc đối thoại giữa các viễn kiến văn hóa, cử hành khác nhau, các mối liên hệ qua lại và sự hồi sinh hy vọng” [42].

Các nền văn hóa lâm nguy, các dân tộc gặp nguy cơ

39. Nền kinh tế hoàn cầu hóa đang tráo tráo phá hoại sự phong phú nhân bản, xã hội và văn hóa. Sự tan rã của các gia đình đang diễn ra như hậu quả của các cuộc di cư bắt buộc ảnh hưởng đến việc truyền tải các giá trị, vì “gia đình là và luôn luôn là định chế xã hội đóng góp nhiều nhất vào việc giữ cho nền văn hóa của chúng ta sinh động” [43]. Hơn nữa, “đối diện với sự xâm chiếm thực dân hóa của các phương tiện truyền thông đại chúng”, điều cần là phải cổ vũ nơi các dân tộc nguyên thủy “các hình thức truyền thông thay thế dựa trên ngôn ngữ và văn hóa của chính họ” và để “chính các chủ thể bản địa hiện diện trong các phương tiện truyền thông đã có sẵn” [44].

40. Trong bất cứ dự án nào cho khu vực Amazon, “điều cần là phải tôn trọng các quyền của các dân tộc và các nền văn hóa và đánh giá cao điều này: việc phát triển của một nhóm xã hội

giả thiết một diễn trình lịch sử diễn ra trong bối cảnh văn hóa và đòi một sự tham gia liên tục và tích cực của người dân địa phương ngay từ trong nền văn hóa riêng của họ. Khái niệm phẩm chất cuộc sống cũng không thể được áp đặt từ bên ngoài, vì phẩm chất cuộc sống phải được hiểu bên trong thế giới các biểu tượng và phong tục riêng của từng nhóm người” [45]. Nếu các nền văn hóa tổ tiên của các dân tộc nguyên thủy phát sinh và phát triển trong việc tiếp xúc mật thiết với môi trường tự nhiên, thì rất khó cho họ không bị ảnh hưởng một khi môi trường đó bị hủy hoại.

Điều này dẫn chúng ta đến giấc mơ tiếp theo.

CHƯƠNG BA: GIẤC MƠ SINH THÁI

41. Trong một thực tại văn hóa như khu vực Amazon, nơi có mối liên hệ hết sức chặt chẽ giữa con người và thiên nhiên, sự sinh tồn hàng ngày luôn có tính vũ trụ. Giải thoát người khác khỏi hình thức nô lệ của họ chắc chắn bao gồm việc chăm sóc môi trường và bảo vệ nó [46], nhưng, quan trọng hơn, còn là giúp trái tim con người cởi mở đối với niềm tin thác vào Thiên Chúa, Đấng không những chỉ tạo ra mọi sự đang hiện hữu, mà còn tự hiến cho chúng ta nơi Chúa Giêsu Kitô. Chúa, Đấng là người đầu tiên chăm sóc chúng ta, dạy chúng ta chăm sóc anh chị em chúng ta và môi trường mà Người ban cho chúng ta hàng ngày. Đây là hệ sinh thái đầu tiên mà chúng ta cần.

Trong khu vực Amazon, người ta hiểu rõ hơn lời lẽ của Đức Bênêđictô XVI khi ngài nói rằng, “bên cạnh hệ sinh thái tự nhiên, hiện có điều có thể gọi là hệ sinh thái ‘nhân bản’, một hệ sinh thái, ngược lại, đòi phải có một hệ sinh thái ‘xã hội’. Tất cả điều này có nghĩa nhân loại... phải ngày càng ý thức được các mối liên kết giữa sinh thái tự nhiên, hay việc tôn trọng đối với thiên nhiên và sinh thái nhân bản” [47]. Điều nhấn mạnh cho rằng “mọi sự được nối kết qua lại với nhau” [48] đặc biệt đúng đối với một lãnh thổ như khu vực Amazon.

42. Nếu việc chăm sóc người ta và sự chăm sóc các hệ sinh thái là điều không thể tách biệt nhau, thì điều này trở nên đặc biệt quan trọng ở những nơi “rừng không phải là tài nguyên để khai thác; nó là một hữu thể, hoặc nhiều hữu thể khác nhau, mà chúng ta phải liên hệ với” [49]. Sự khôn ngoan của các dân tộc nguyên thủy trong khu vực Amazon đã “gợi hứng việc chăm sóc và tôn trọng đối với sáng thể, trong khi ý thức rõ các giới hạn của nó và ngăn cấm việc lạm dụng nó. Lạm dụng thiên nhiên là lạm dụng các tổ tiên, anh chị em của chúng ta, là lạm dụng sáng thể và Đấng Tạo hóa, và thể chấp tương lai” [50]. Khi các dân tộc bản địa “ở lại trên đất đai của họ, họ chăm sóc nó tốt nhất” [51], miễn là họ không để mình bị phỉnh lừa bởi các bài ca mỹ nhân ngư và những đề xuất tự phục vụ của các nhóm quyền lực. Tác hại đối với thiên nhiên ảnh hưởng đến các dân tộc đó một cách rất trực tiếp và có thể kiểm chứng được, vì, theo lời họ, “chúng tôi là nước, không khí, trái đất và sự sống của môi trường do Thiên Chúa tạo dựng. Vì lý do này, chúng tôi yêu cầu chấm dứt việc ngược đãi và hủy diệt Mẹ Đất. Đất có máu, và bà đang chảy máu; các công ty đa quốc đã cắt đứt mạch máu của Mẹ Đất chúng tôi” [52].

Giấc mơ này làm bằng nước

43. Ở vùng Amazon, nước là nữ hoàng; sông và suối giống như các tĩnh mạch và nước quyết định mọi hình thức sống:

“Ở đó, giữa mùa hè, khi những cơn gió cuối cùng từ phương Đông dịu dần trong không khí tĩnh lặng, thủy kế thay thế cho nhiệt kế trong việc xác định thời tiết. Các sự sống phụ thuộc vào sự thay đổi đầu đón của mức lên và mức xuống nơi những con sông lớn. Những con sông

này luôn luôn dâng lên một cách đầy ấn tượng. Sông Amazon ứa tràn đầy của nó và chỉ trong vài ngày đã làm mực nước của nó dâng cao... Lũ lụt khiến mọi sự dừng lại. Mắc kẹt trong tán lá rậm rạp của các *igarapies*, con người đành phải hết sức bình thản ngồi chờ cái mùa đông nghịch lý làm nhiệt độ lên cao đó kết thúc. Mùa nước rút là mùa hè. Lúc đó là lúc hồi sinh các hoạt động nguyên thủy của những người tiếp tục hoạt động với hình thức sống duy nhất tương ứng với các thái cực bất bình đẳng của thiên nhiên khiến cho việc tiếp tục bất cứ nỗ lực nào cũng là điều bất khả” [53].

44. Luồng nước lung linh của dòng sông Amazon vĩ đại thu thập và làm sinh động mọi môi trường xung quanh:

“Dòng Amazon,
vốn liếng các âm tiết nước,
cha già và tổ phụ, người là
sự vĩnh cửu ẩn giấu
của mọi diễn trình thụ tinh;
mọi dòng suối xuôi về người như chim chóc” [54].

45. Sông Amazon cũng là cột sống tạo ra sự hài hòa và thống nhất: “sông không chia rẽ chúng tôi. Nó đoàn kết chúng tôi và giúp chúng tôi sống với nhau giữa các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau” [55]. Mặc dù đúng là ở những vùng đất này có nhiều “vùng Amazon”, nhưng trục chính vẫn là dòng sông vĩ đại, con đẻ của nhiều dòng sông:

“Từ dãy núi cao, nơi có tuyết muôn đời, nước chảy xuống và vạch ra một đường lung linh dọc theo lớp da xua của tảng đá: Amazon được sinh hạ. Nó được sinh hạ từng giây. Nó từ từ chảy xuống, như một tia sáng ngoằn ngoèo, rồi phình ra ở phía bình nguyên. Chảy mạnh trên những khoảng xanh um, nó phát minh ra đường đi riêng của mình và rồi tìm cách mở rộng. Nước dưới đất dâng lên ôm lấy dòng nước chảy xuống từ dãy Andes. Từ lòng những đám mây trắng tinh khiết, bị gió cuốn đi, nước từ trời rơi xuống. Nó thu thập và tiến bước, nhân thừa trên những con đường vô tận, tắm những đồng bằng vô tận... Đây là Dòng Amazon Vĩ Đại, bao trùm vùng nhiệt đới oi bức với những khu rừng rậm một cách đáng kinh ngạc, những khúc bao la chưa có tay người đụng tới, sinh động với sự sống xuyên suốt dòng nước sâu thẳm của nó... Từ lúc con người sống ở đó, đã phát sinh từ thẳm sâu vùng nước của nó, và xuyên qua trái tim khu rừng của nó, một nỗi sợ hãi khủng khiếp: cuộc sống của nó từ từ nhưng chắc chắn sẽ đến hồi kết thúc” [56].

46. Các nhà thơ bình dân, say mê vẻ đẹp mênh mông của nó, đã cố gắng bày tỏ cảm xúc mà dòng sông này gợi lên và sự sống được nó ban tặng khi nó băng qua giữa điệu múa của cá heo, con trăn, cây và ca nô. Tuy nhiên, họ cũng than vãn về các nguy hiểm đang đe dọa nó. Những nhà thơ, vốn là những nhà chiêm niệm và tiên tri, giúp giải thoát chúng ta khỏi mô hình kỹ trị và duy tiêu thụ vốn phá hủy thiên nhiên và cướp đi của chúng ta một cuộc sống đáng sống:

“Thế giới đang đau khổ vì bàn chân nó bị biến thành cao su, chân nó biến thành da, cơ thể thành vải và đầu thành thép...Thế giới đang đau khổ vì cây cối bị biến thành súng trường, lưới cây thành xe tăng, như hình ảnh người gieo đang gieo hạt phải nhường chỗ cho xe tăng với súng phun lửa, chỉ những gieo sa mạc. Chỉ có thi ca, với giọng nói khiêm nhường, mới có thể cứu thế giới này” [57].

Tiếng khóc của vùng Amazon

47. Thi ca giúp cảm giác đau đớn được nhiều người trong chúng ta ngày nay chia sẻ có tiếng nói. Sự thật không thể chối cãi là, như sự việc vốn như thế, cách đối xử với lãnh thổ Amazon nói lên sự kết liễu cho rất nhiều sự sống, rất nhiều vẻ đẹp, mặc dù người ta muốn tiếp tục nghĩ rằng không có gì xảy ra cả:

“Những người nghĩ rằng sông ngòi chỉ là một sợi dây thừng,
một thứ đồ chơi, đã lầm lẫn.
Sông ngòi là một mạch máu mỏng trên mặt trái đất... Sông ngòi là cột sống bao gồm động vật
và cây cối.

Nếu kéo quá chặt, sông ngòi sẽ vỡ.
Khi vỡ nó sẽ toé lên mặt mũi ta nước và máu” [58].

48. Trạng thái quân bằng của hành tinh ta cũng phụ thuộc vào sự lành mạnh của khu vực Amazon. Cùng với sinh quần của Congo và Borneo, nó chứa đựng sự đa dạng rực rỡ của vùng rừng, mà chu kỳ mưa, sự cân bằng khí hậu và sự đa dạng lớn lao của nhiều sinh vật phải phụ thuộc vào. Nó như một bộ lọc vĩ đại chất *carbon dioxide*, giúp tránh việc trái đất nóng lên. Phần lớn, bề mặt của nó rất kém lớp đất cay (topsoil), kết quả là “rừng thực sự phát triển trên đất chứ không phải từ đất” [59]. Khi rừng bị loại bỏ, nó không được thay thế, vì tất cả những gì còn lại chỉ là một địa hình có ít chất dinh dưỡng sau đó biến thành một vùng đất khô hoặc nghèo nàn về thảm thực vật. Điều này khá nghiêm trọng, vì bên trong rừng Amazon chứa bất tận tài nguyên có thể chứng minh là cần để chữa bệnh. Cá, trái cây và những hồng phúc phong phú khác cung cấp dinh dưỡng dư dật cho nhân loại. Hơn nữa, trong một hệ sinh thái như hệ sinh thái của khu vực Amazon, mỗi phần đều cần thiết cho việc bảo tồn toàn bộ. Các vùng bình nguyên và thảm thực vật biển cũng cần được làm cho màu mỡ nhờ phù sa của Amazon. Tiếng kêu của khu vực Amazon thấu đến tai mọi người vì, “cuộc chinh phục và khai thác các tài nguyên... ngày nay đã đạt đến mức đe dọa khía cạnh hiểu khách của môi trường: môi trường hiểu như ‘tài nguyên’ có nguy cơ đe dọa môi trường hiểu như ‘ngôi nhà’” [60]. Quyền lợi của một vài ngành công nghiệp quyền thế không nên được coi là quan trọng hơn quyền lợi của khu vực Amazon và toàn thể nhân loại.

49. Sẽ không đủ nếu chỉ quan tâm đến việc bảo tồn các loài dễ thấy nhất có nguy cơ tuyệt chủng. Việc hết sức quan trọng là nhận ra rằng, “sự vận hành tốt của các hệ sinh thái cũng cần có nấm, tảo, giun, côn trùng, loài bò sát và vô số vi sinh vật. Một số ít loài hơn, mặc dù nói chung không được nhìn thấy, vẫn đóng một vai trò chủ chốt trong việc duy trì trạng thái quân

bằng của một nơi chốn đặc thù” (61). Điều này dễ dàng bị làm ngơ khi đánh giá tác động môi sinh của các dự án kinh tế về khai khoáng, năng lượng, gỗ và các kỹ nghệ khác đang phá hủy và gây ô nhiễm. Ngoài ra, nước, có rất nhiều trong khu vực Amazon, cũng là một lợi ích cho sự sống còn của con người, nhưng các nguồn gây ô nhiễm (cho nó) cũng đang gia tăng [62].

50. Thật vậy, ngoài các quyền lợi kinh tế của các doanh nhân và chính trị gia địa phương, còn có “các quyền lợi kinh tế hoàn cầu rất lớn nữa” [63]. Do đó, không được tìm giải pháp trong việc “quốc tế hóa” khu vực Amazon [64], mà đúng hơn phải có cảm thức trách nhiệm lớn hơn về phía các chính phủ quốc gia. Về phương diện này, “chúng ta không thể không ca ngợi sự cam kết của các cơ quan quốc tế và các tổ chức xã hội dân sự đang thu hút sự chú ý của công chúng đối với các vấn đề này và đề nghị một sự hợp tác quan yếu, sử dụng các biện pháp gây áp lực hợp pháp, để đảm bảo điều này: mỗi chính phủ thực thi trách nhiệm đúng đắn và bất khả nhượng của mình trong việc bảo tồn môi trường và tài nguyên thiên nhiên của đất nước mình, mà không đầu hàng các quyền lợi giả mạo địa phương hoặc quốc tế” [65].

51. Đề bảo vệ khu vực Amazon, điều tốt là kết hợp túi khôn của tổ tiên với kiến thức kỹ thuật đương thời, luôn cố gắng có được việc quản lý đất đai bền vững trong khi duy trì được lối sống và hệ giá trị của những người sống ở đó [66]. Họ, nhất là các dân tộc nguyên thủy, có quyền nhận - ngoài nền giáo dục căn bản – các thông tri thấu đáo và thẳng thắn về các dự án, mức độ và hậu quả cùng rủi ro của chúng, để có thể liên kết thông tin đó vào quyền lợi của chính họ và vào kiến thức của họ về nơi này, và do đó cung cấp hoặc từ chối sự đồng ý của họ, hoặc đề xuất các phương thức thay thế [67].

52. Kẻ có quyền không bao giờ hài lòng với những lợi nhuận họ kiếm được, và các tài nguyên của quyền lực kinh tế tăng lên rất nhiều nhờ những tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Vì lý do này, tất cả chúng ta nên nhấn mạnh tới nhu cầu cấp thiết phải thiết lập “một khung pháp lý có thể định ranh giới rõ ràng và bảo đảm việc bảo vệ hệ sinh thái... nếu không, các cơ cấu quyền lực mới dựa trên mô hình kinh tế kỹ thuật có thể trấn áp không những nền chính trị của chúng ta, mà cả tự do và công lý nữa” [68]. Nếu Thiên Chúa kêu gọi chúng ta lắng nghe cả tiếng khóc của người nghèo lẫn tiếng khóc của trái đất [69], thì đối với chúng ta, “tiếng khóc của vùng Amazon với Đấng Tạo Hóa giống như tiếng khóc của dân Chúa ở Ai Cập (x. Xh 3: 7). Đó là tiếng khóc của cảnh nô lệ và bị bỏ rơi nài nỉ xin được tự do” [70].

Lời tiên tri chiêm niệm

53. Chúng ta thường để lương tâm mình ra u mê, vì “các xao lãng liên tục làm mờ đi nhận thức của chúng ta về việc thế giới của chúng ta thực sự giới hạn và hữu hạn ra sao” [71]. Từ một quan điểm hời hợt, chúng ta có thể nghĩ rằng “các sự vật trông không nghiêm trọng như thế đâu và hành tinh ta có thể tiếp tục như vậy trong một thời gian dài. Sự lãng tránh như vậy đóng vai trò như một giấy phép để tiếp tục lối sống và mô hình sản xuất và tiêu dùng hiện tại của chúng ta. Đây là cách con người cố gắng nuôi dưỡng những tật xấu tự hủy hoại chính mình: cố gắng không nhìn thấy chúng, cố gắng không thừa nhận chúng, trì hoãn các quyết định quan trọng và giả vờ cho rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra” [72].

54. Ngoài ra, tôi cũng nhận thấy rằng mỗi loài khác biệt đều có một giá trị ngay trong nó, nhưng “mỗi năm, người ta đều thấy sự biến dạng của hàng ngàn loài thực vật và động vật mà chúng ta sẽ không bao giờ biết, mà con cháu chúng ta sẽ không bao giờ nhìn thấy, vì chúng đã bị mất vĩnh viễn. Đại đa số trở nên tuyệt chủng vì những lý do liên quan đến hoạt động của con người. Vì chúng ta, hàng ngàn loài sẽ không còn dành vinh quang cho Thiên Chúa bằng chính sự hiện hữu của chúng, cũng như không truyền đạt thông điệp của chúng cho chúng ta. Chúng ta không có quyền như vậy” [73].

55. Từ các dân tộc nguyên thủy, chúng ta có thể học cách chiêm ngưỡng khu vực Amazon chứ không phải chỉ phân tích nó, và do đó đánh giá cao màu nhiệm quý giá vốn vượt quá chúng ta này. Chúng ta có thể yêu thương nó, chứ không phải chỉ sử dụng nó, với kết quả là tình yêu có thể đánh thức một sự quan tâm sâu sắc và chân thành. Thậm chí hơn nữa, chúng ta có thể cảm thấy một cách thân thiết là một phần của nó chứ không phải chỉ bảo vệ nó; như thế, khu vực Amazon sẽ một lần nữa trở thành một người mẹ đối với chúng ta. Vì “chúng ta không nhìn vào thế giới từ bên ngoài mà từ bên trong, ý thức được mối liên kết mà Chúa Cha đã liên kết chúng ta với mọi hữu thể” [74].

56. Chúng ta hãy đánh thức cảm thức thẩm mỹ và chiêm niệm Thiên Chúa ban cho chúng ta, cảm thức mà chúng ta thường dễ phai nhạt. Chúng ta hãy nhớ rằng, “nếu ai đó không học cách dừng lại và chiêm ngưỡng một điều gì đó đẹp đẽ, chúng ta không nên ngạc nhiên nếu người đó coi mọi sự như một đồ vật để sử dụng và lạm dụng vô tư” [75]. Mặt khác, nếu chúng ta bước vào hiệp thông với rừng, tiếng nói của chúng ta sẽ dễ dàng hòa quyện với tiếng nói của nó và trở thành một lời cầu nguyện: “khi chúng ta nghỉ ngơi dưới bóng cây bạch đàn cổ xưa, lời cầu xin ánh sáng của chúng ta hòa vào lời ca của tán lá muôn thuở” [76]. Việc hoán cải bên trong này sẽ cho phép chúng ta khóc cho khu vực Amazon và tham gia tiếng khóc của nó thấu tới Chúa.

57. Chúa Giêsu nói: "Há năm con chim sẽ không bán với giá hai đồng xu ư? Tuy nhiên, không ai trong số chúng bị lãng quên dưới ánh mắt Thiên Chúa" (Lc 12: 6). Thiên Chúa Cha của chúng ta, Đấng đã tạo ra mỗi hữu thể trong vũ trụ bằng tình yêu vô hạn, mời gọi chúng ta trở thành phương thể của Người để nghe tiếng khóc của khu vực Amazon. Nếu chúng ta đáp lại lời cầu xin xé lòng này, điều trở nên rõ ràng là các tạo vật của khu vực Amazon không bị Cha Thiên đàng của chúng ta lãng quên. Đối với các Kitô hữu, chính Chúa Giêsu đã lớn tiếng nói với chúng ta từ giữa chúng rằng, “vì Đấng sống lại đang màu nhiệm ôm chúng vào chính Người và hướng chúng tới sự viên mãn như cùng đích của chúng. Những bông hoa ngoài đồng và chim chóc mà đôi mắt nhân bản của Người chiêm ngưỡng và khen ngợi giờ đây đã thấm đẫm sự hiện diện rạng rỡ của Người” [77]. Vì tất cả những lý do này, các tín hữu chúng ta gặp được ở vùng Amazon một nguồn cứu rỗi thần học, một không gian nơi chính Thiên Chúa tự mặc khai Người và triệu tập các con trai và con gái của Người.

58. Về phương diện này, chúng ta có thể tiến thêm một bước và ghi nhận rằng một hệ sinh thái toàn diện không thể chỉ hài lòng với các vấn đề kỹ thuật tinh chỉnh hoặc các quyết định chính trị, pháp lý và xã hội. Hệ sinh thái tốt nhất luôn có chiều kích giáo dục có khả năng khuyến khích việc phát triển các thói quen mới nơi các cá nhân và các nhóm. Đáng buồn thay, nhiều cá nhân và nhóm sống ở khu vực Amazon đã thủ đắc nhiều thói quen điển hình của các thành phố lớn, nơi chủ nghĩa tiêu thụ và văn hóa lãng phí đã ăn sâu. Một hệ sinh thái lành mạnh và bền vững, tức hệ sinh thái có khả năng tạo ra sự thay đổi, sẽ không phát triển trừ khi người ta chịu thay đổi, trừ khi họ được khuyến khích chọn một phong cách sống khác, một cách sống ít tham lam và thanh thản hơn, biết tôn trọng và ít lo lắng hơn, huynh đệ hơn.

59. Thật vậy, “trái tim một người càng trống rỗng, họ càng cần nhiều thứ để mua, để sở hữu và tiêu thụ. Gần như không thể chấp nhận được các giới hạn do thực tại áp đặt... Mỗi quan tâm của chúng ta không thể chỉ giới hạn vào mối đe dọa của các biến cố thời tiết khắc nghiệt, nhưng còn phải mở rộng đến cả các hậu quả thảm khốc của bất ổn xã hội. Nỗi ám ảnh về lối sống tiêu thụ, nhất là khi số ít người có khả năng duy trì nó, chỉ có thể dẫn đến bạo lực và hủy diệt lẫn nhau” [78].

60. Giáo hội, với kinh nghiệm tâm linh rộng lớn, việc đánh giá mới của Giáo Hội về giá trị của Sáng thế, mối quan tâm của Giáo Hội đối với công lý, lựa chọn người nghèo, truyền thống giáo dục và lịch sử của Giáo Hội đã nhập thân vào nhiều nền văn hóa khác nhau trên khắp thế giới, cả mong muốn đóng góp vào việc bảo vệ và tăng trưởng của khu vực Amazon nữa.

Điều này dẫn đến giấc mơ tiếp theo, mà tôi muốn chia sẻ trực tiếp hơn với các mục tử và tín hữu Công Giáo.

CHƯƠNG BỐN: GIÁC MƠ GIÁO HỘI

61. Giáo hội được kêu gọi nhập vào cuộc hành trình bên cạnh người dân khu vực Amazon. Ở châu Mỹ Latinh, hành trình này đã tìm thấy biểu hiện ưu tuyển tại Hội đồng Giám mục ở Medellin (1968) và áp dụng của nó vào khu vực Amazon tại Santarem (1972), [79], tiếp theo là Puebla (1979), Santo Domingo (1992) và Aparecida (2007). Cuộc hành trình này vẫn tiếp diễn, và các nỗ lực truyền giáo, nếu muốn phát triển một Giáo hội với khuôn mặt Amazon, cần phải phát triển trong nền văn hóa gặp gỡ hướng tới một sự hòa hợp đa diện” [80]. Nhưng để sự nhập thân của Giáo hội và Tin mừng khả hữu, việc công bố truyền giáo vĩ đại phải tiếp tục vang lên.

Thông điệp cần được nghe tại khu vực Amazon

62. Nhận ra nhiều vấn đề và nhu cầu xuất phát từ trái tim khu vực Amazon, chúng ta có thể trả lời bắt đầu bằng các tổ chức, các tài nguyên kỹ thuật, các cơ hội để thảo luận và các chương trình chính trị: tất cả những điều này có thể là một phần của giải pháp. Tuy nhiên, là Kitô hữu, chúng ta không thể để qua một bên lời kêu gọi đức tin mà chúng ta vốn nhận được từ Tin Mừng. Trong mong muốn của chúng ta đấu tranh bên cạnh mọi người, chúng ta không xấu hổ về Chúa Giêsu Kitô. Những người đã từng gặp gỡ Người, những người đang sống như bạn bè của Người và đồng cảm với thông điệp của Người, chắc chắn phải nói về Người và mang đến cho người khác lời đề nghị ban sự sống mới của Người: “Khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!” (1 Cr 9:16).

63. Một lựa chọn chân chính đối với người nghèo và người bị bỏ rơi, đồng thời thúc đẩy chúng ta giải phóng họ khỏi nghèo đói vật chất và bảo vệ quyền lợi của họ, cũng bao gồm việc mời gọi họ tiến tới một tình bằng hữu với Chúa, một tình bằng hữu có thể nâng cao và làm họ có phẩm giá. Thật đáng buồn nếu họ nhận được từ chúng ta một bộ giáo huấn hoặc quy tắc luân lý, nhưng không phải là thông điệp cứu rỗi vĩ đại, lời kêu gọi truyền giáo nhằm nói với trái tim và mang lại ý nghĩa cho mọi sự khác ở trong đời. Chúng ta cũng không thể hài lòng với một thông điệp xã hội. Nếu chúng ta cống hiến cả đời mình để phục vụ họ, để làm việc cho công lý và phẩm giá mà họ đáng có, chúng ta không thể che giấu sự thật này: chúng ta làm thế vì chúng ta thấy Chúa Kitô trong họ và vì chúng ta thừa nhận phẩm giá vĩ đại mà họ đã nhận được từ Thiên Chúa, vốn là Cha yêu thương họ bằng tình yêu vô biên.

64. Họ có quyền nghe Tin Mừng, và trên hết là giáo lý sơ truyền, tức *kerygma*, vốn là “lời công bố chính, lời công bố mà chúng ta phải nghe đi nghe lại theo những cách khác nhau, lời công bố chúng ta phải công bố một cách này hay cách khác” [81]. Nó công bố một Thiên Chúa vô cùng yêu thương mọi con người nam nữ và đã mặc khải tình yêu này một cách trọn vẹn trong Chúa Giêsu Kitô, bị đóng đinh vì chúng ta và sống lại trong cuộc sống của chúng ta. Tôi sẽ yêu cầu anh chị em đọc lại bản tóm tắt ngắn gọn “thông điệp vĩ đại” này, tìm thấy trong Chương Bốn của Tông Huấn *Christus Vivit*. Thông điệp đó, được phát biểu nhiều cách khác nhau, phải liên tục vang lên trong khu vực Amazon. Nếu không có lời tuyên bố hăng say

đó, mọi cơ cấu giáo hội sẽ trở thành một tổ chức phi chính phủ khác và chúng ta sẽ không tuân theo mệnh lệnh do Chúa Kitô ban cho chúng ta: “Hãy đi khắp thế gian và rao giảng Tin Mừng cho toàn bộ sáng thế” (Mc 16:15).

65. Bất cứ dự án phát triển nào trong đời sống Kitô hữu cần phải liên tục tập trung vào thông điệp này, vì “mọi cuộc đào tạo Kitô giáo nào cũng bao gồm việc vào sâu *kerygma* hơn nữa” [82]. Đáp ứng căn bản đối với thông điệp này, khi nó dẫn đến một cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa, là lòng bác ái huynh đệ, “điều răn mới, điều răn đầu tiên và lớn nhất trong các điều răn, và là điều xác định rõ nhất chúng ta là môn đệ của Chúa Kitô” [83]. Thật vậy, giáo lý sơ truyền (*kerygma*) và tình bác ái huynh đệ tạo thành tổng hợp vĩ đại của toàn bộ nội dung Tin Mừng, phải được công bố không ngừng trong khu vực Amazon. Đó là điều lên khuôn cho cuộc sống của các nhà truyền giảng Tin Mừng vĩ đại của Châu Mỹ Latinh, như Thánh Turibio thành Mogrovejo hoặc Thánh Giuse thành Anchieta.

Hội nhập văn hóa

66. Khi kiên trì thuyết giảng giáo lý sơ truyền (*kerygma*), Giáo hội cũng cần lớn lên trong khu vực Amazon. Khi làm như vậy, Giáo Hội liên tục lên khuôn lại bản sắc của mình qua việc lắng nghe và đối thoại với người ta, với các thực tại và lịch sử của những vùng đất nơi Giáo Hội thấy mình hiện diện. Nhờ cách này, Giáo Hội có thể ngày càng can dự nhiều hơn vào một diễn trình hội nhập văn hóa cần thiết, một diễn trình vốn không bác bỏ bất cứ điều gì tốt đẹp vốn tồn tại trong các nền văn hóa Amazon, nhưng đem nó đến sự thành toàn dưới ánh sáng Tin Mừng [84]. Giáo Hội cũng không khinh miệt sự phong phú của túi khôn Kitô giáo được lưu truyền qua nhiều thế kỷ, như thể người ta muốn làm ngơ lịch sử, trong đó, Thiên Chúa vốn hành động nhiều cách. Vì Giáo hội có một khuôn mặt đa dạng, “không những về mặt không gian... mà còn cả về mặt thời gian nữa” [85]. Ở đây, chúng ta thấy Truyền thống chân chính của Giáo hội, vốn không phải là một kho tĩnh tụ hay một món đồ ở viện bảo tàng, mà là gốc rễ của một thân cây không ngừng lớn lên [86]. Truyền thống hàng ngàn năm này làm chứng cho công việc của Thiên Chúa, ở giữa dân Người và “được kêu gọi giữ cho ngọn lửa sống động hơn là để bảo vệ đồng tro tàn của nó” [87].

67. Thánh Gioan Phaolô II đã dạy rằng khi đề xuất sứ điệp Tin Mừng, “Giáo hội không có ý bác bỏ quyền tự chủ của văn hóa. Ngược lại, Giáo Hội có sự tôn trọng lớn lao nhất đối với nó”, vì văn hóa, “không những là một đối tượng để cứu chuộc và nâng cao mà còn có thể đóng vai trò trung gian và hợp tác” [88]. Ngỏ lời với các dân tộc bản địa Mỹ, ngài nhắc nhở họ rằng, “một đức tin không trở thành văn hóa là một đức tin không được chấp nhận hoàn toàn, không được suy tư đầy đủ, không được sống một cách trung thành” [89]. Các thách đố văn hóa mời gọi Giáo hội duy trì “thái độ cảnh giác và phê phán”, trong khi cùng một lúc thể hiện “sự chú ý đầy tin tưởng” [90].

68. Ở đây tôi xin nhắc lại những gì tôi đã nói về việc hội nhập văn hóa trong Tông huấn *Evangelii Gaudium*, dựa trên niềm xác tín rằng “ơn thánh giả thiết văn hóa, và hồng phúc của Thiên Chúa lên xương thịt trong văn hóa của những người tiếp nhận nó” [91].

Chúng ta có thể thấy rằng nó bao gồm một chuyển động kép. Một mặt, một diễn trình sinh hoa trái diễn ra khi Tin Mừng bén rễ vào một nơi nhất định, vì “mỗi khi một cộng đồng nhận được sứ điệp cứu rỗi, Chúa Thánh Thần đều làm phong phú nền văn hóa của nó bằng sức mạnh biến đổi của Tin Mừng” [92]. Mặt khác, chính Giáo hội đã trải qua một diễn trình tiếp nhận làm phong phú cho Giáo Hội bằng các hoa trái mà Chúa Thánh Thần đã gieo một cách huyền nhiệm trong nền văn hóa đó. Nhờ cách này, “Chúa Thánh Thần tô điểm cho Giáo hội, cho Giáo Hội thấy những khía cạnh mới của sự mặc khải và ban cho Giáo Hội một khuôn mặt mới” [93]. Cuối cùng, điều này có nghĩa cho phép và khuyến khích các kho tàng bất tận của Tin Mừng được rao giảng “bằng các phạm trù riêng của từng nền văn hóa, tạo ra một tổng hợp mới từ nền văn hóa đặc thù đó” [94].

69. “Lịch sử Giáo hội cho thấy Kitô giáo không những chỉ có một cách phát biểu văn hóa duy nhất” [95] và “chúng ta sẽ không công bằng với luận lý học nhập thể nếu chúng ta nghĩ tới Kitô giáo như khối văn hóa đơn nhất và đơn điệu” [96]. Có nguy cơ này là các nhà truyền giảng Tin Mừng khi đến một khu vực đặc thù nào đó có thể nghĩ rằng họ không những phải truyền đạt Tin Mừng mà cả nền văn hóa nơi họ lớn lên, mà không nhận ra rằng điều chủ yếu không phải là “áp đặt một hình thức văn hóa chuyên biệt, bất kể nó đẹp hay cổ kính thế nào” [97]. Điều cần thiết là việc can đảm cởi mở đối với sự mới mẻ của Thần Khí, Đấng luôn có khả năng tạo ra một điều gì đó mới mẻ bằng sự phong phú bất tận của Chúa Giêsu Kitô. Thật vậy, “hội nhập văn hóa làm Giáo hội dần thân vào một hành trình khó khăn nhưng cần thiết” [98]. Đúng vậy, “đây luôn là một diễn trình chậm chạp và chúng ta có thể sợ hãi quá mức”, kết cục sẽ “chỉ là khách bàng quan giữa lúc Giáo hội từ từ tri trệ” [99]. Nhưng chúng ta đừng sợ hãi; chúng ta đừng cắt đôi cánh của Chúa Thánh Thần.

Các nẻo đường hội nhập văn hóa ở khu vực Amazon

70. Để thực hiện được một cuộc hội nhập văn hóa đối mới Tin Mừng trong khu vực Amazon, Giáo Hội cần lắng nghe sự khôn ngoan của tổ tiên họ, một lần nữa lắng nghe tiếng nói của những bậc trưởng thượng, nhìn nhận các giá trị hiện diện trong lối sống của các cộng đồng nguyên thủy và phục hồi các câu chuyện phong phú của các dân tộc của họ. Trong khu vực Amazon, chúng ta được thừa hưởng nhiều kho tàng vĩ đại từ các nền văn hóa tiền Columb us. Chúng bao gồm “sự cởi mở đối với hành động của Thiên Chúa, cảm thức biết ơn trước các hoa trái của trái đất, đặc tính thánh thiêng của sự sống con người và lòng quý trọng gia đình, cảm thức liên đới và chia sẻ trách nhiệm trong công việc chung, tầm quan trọng của thờ phượng, niềm tin có sự cuộc sống bên kia đời này, và nhiều giá trị khác” [100].

71. Về phương diện này, các dân tộc bản địa Vùng Amazon phát biểu phẩm chất cuộc sống chân chính như một việc “sống tốt”. Điều này bao hàm sự hòa điệu bản thân, gia đình, cộng đồng và vũ trụ và tìm được biểu thức trong cách tiếp cận cuộc sống theo lối cộng đồng, khả năng tìm thấy niềm vui và sự thỏa mãn trong một cuộc sống khắc khổ và đơn giản, và sự chăm sóc tự nhiên có trách nhiệm nhằm bảo tồn tài nguyên cho các thế hệ tương lai. Các dân tộc thổ dân làm gương cho chúng ta về một sự điều độ đầy hân vui tươi và theo ý hướng này, “họ có nhiều điều để dạy chúng ta” [101]. Họ biết làm thế nào để bằng lòng với cái ít; họ

thường thức các phúc ơn nhỏ nhỏ của Thiên Chúa mà không tích lũy những tài sản lớn lao; họ không phá hủy sự vật một cách không cần thiết; họ quan tâm đến các hệ sinh thái và họ nhìn nhận rằng trái đất, trong khi phục vụ như một nguồn hỗ trợ hào phóng cho cuộc sống của họ, cũng có một chiều kích mẫu thân khiến ta tôn trọng và yêu thương triu mến. Tất cả những điều này nên được coi trọng và lãnh nhận trong diễn trình truyền giảng Tin Mừng [102].

72. Trong khi làm việc cho họ và với họ, chúng ta được mời gọi “trở thành những người bạn của họ, lắng nghe họ, nói chuyện với họ và lãnh nhận sự khôn ngoan đầy màu nhiệm mà Thiên Chúa muốn chia sẻ với chúng ta qua họ [103]. Những người sống ở các thành phố cần đánh giá cao sự khôn ngoan này và để bản thân họ được “cải tạo” khi đối diện với chủ nghĩa tiêu thụ điên cuồng và cảnh cô lập đô thị. Giáo hội có thể là một phương tiện hỗ trợ sự phục hồi văn hóa này qua một tổng hợp quý giá bằng việc rao giảng Tin Mừng. Giáo Hội cũng có thể trở thành một dấu chỉ và phương tiện bác ái, vì các cộng đồng đô thị phải truyền giáo không những cho những người ở giữa họ mà còn cho những người nghèo, những người, do nhu cầu vô cùng khốn đốn, phải rời nội địa mà đến và được chào đón. Theo cùng một cách, các cộng đồng này nên gần gũi với các di dân trẻ tuổi và giúp họ hòa nhập vào thành phố mà không sa vào tình trạng đồi bại của nó. Tất cả những hình thức nối vòng tay lớn của giáo hội này, được phát sinh từ tình yêu, đều là những đóng góp có giá trị cho diễn trình hội nhập văn hóa.

73. Hội nhập văn hóa nâng cao và hoàn thành. Chắc chắn, chúng ta nên quý trọng nền huyền nhiệm bản địa, một nền huyền nhiệm nhìn thấy sự nối kết qua lại và liên lập của toàn bộ sáng thế, nền huyền nhiệm nhưng không yêu cuộc sống như một quà phúc, nền huyền nhiệm của ngạc nhiên thánh thiêng trước thiên nhiên và mọi hình thức sự sống của nó.

Tuy nhiên, cùng một lúc, chúng ta được kêu gọi biến mối tương quan này với Thiên Chúa đang hiện diện trong vũ trụ thành mối tương quan ngày càng có tính bản thân hơn với một “Ngài”, Đấng hằng duy trì cuộc sống của chúng ta và muốn ban cho nó một ý nghĩa, một “Ngài”, Đấng biết chúng ta và yêu thương chúng ta:

“Bóng tối trôi khỏi con,
thân gổ chết.

Nhưng ngôi sao sinh ra không trách móc bàn tay điều luyện của đứa trẻ này,
bàn tay chinh phục nước và đêm.

Biết rằng ngài biết con
hoàn toàn, từ trước ngày con ra đời
đủ đủ cho con” [104].

74. Tương tự như vậy, mối tương quan với Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa thật và là người thật, Đấng giải phóng và cứu chuộc, không chống đối thế giới quan rõ ràng có tính vũ trụ vốn

lên đặc điểm cho các dân tộc bản địa, vì Người cũng là Chúa Phục sinh thẩm nhiệm mọi loài [105]. Theo kinh nghiệm Kitô giáo, “mọi tạo vật của vũ trụ vật chất đều tìm thấy ý nghĩa thực sự của chúng trong Ngôi Lời nhập thể, vì Con Thiên Chúa đã nhập thân vào trong con người của Người một phần của thế giới vật chất, gieo ở đó một hạt giống biến đổi dứt khoát” [106]. Người hiện diện một cách vinh quang và huyền nhiệm trong sông ngòi, cây cối, cá và gió, như Chúa Tể ngự trị trong sáng thể mà không bao giờ đánh mất vết thương đã biến hình của Người, trong khi trong Bí tích Thánh Thể, Người mang lấy các yếu tố của thế giới này và ban cho mọi sự ý nghĩa của ơn phục sinh.

Hội nhập văn hóa về xã hội và tâm linh

75. Vì tình trạng nghèo đói và bị bỏ rơi của rất nhiều cư dân thuộc khu vực Amazon, việc hội nhập văn hóa nhất thiết phải có cái khuôn xã hội rõ rệt, kèm với việc kiên quyết bảo vệ nhân quyền; nhờ cách này, nó sẽ mặc khải khuôn mặt Chúa Kitô, Đấng hằng “đặc biệt âu yếm muốn được đồng nhất hóa với những người yếu đuối và nghèo khổ” [107]. Thật vậy, “từ tâm điểm Tin Mừng, chúng ta thấy mối nối kết sâu sắc giữa việc truyền giảng Tin Mừng và việc thăng tiến con người” [108]. Đối với các cộng đồng Kitô giáo, điều này bao hàm một cam kết rõ ràng đối với công lý của vương quốc Thiên Chúa, qua công việc thăng tiến những người từng “bị vứt bỏ”. Thành thử có hệ luận: việc đào tạo thích đáng các nhân viên mục vụ về học thuyết xã hội của Giáo hội là điều quan trọng nhất.

76. Đồng thời, việc hội nhập văn hóa Tin Mừng vào vùng Amazon phải hòa nhập tốt hơn việc hội nhập xã hội và tâm linh, để người nghèo không phải tìm ở bên ngoài Giáo hội một nền linh đạo có thể đáp ứng các hoài mong sâu sắc nhất của họ. Điều này không có nghĩa một lòng đạo tha hóa và cá nhân chủ nghĩa sẽ làm câm lặng các đòi hỏi xã hội về một cuộc sống xứng đáng hơn, nhưng cũng không có nghĩa bỏ qua chiều kích siêu việt và tâm linh, như thể một mình việc phát triển vật chất đã đủ cho con người. Do đó, chúng ta được kêu gọi không những chỉ nối kết hai điều đó, mà là nối kết chúng ở một bình diện sâu sắc hơn. Nhờ cách này, chúng ta sẽ biểu lộ được vẻ đẹp thực sự của Tin Mừng, một vẻ đẹp nhân bản hóa hoàn toàn, làm cho con người và các dân tộc có phẩm giá toàn diện, và mang lại sự thỏa mãn cho mọi tâm hồn và toàn bộ cuộc sống.

Các khởi điểm của sự thánh thiện Amazon

77. Điều này sẽ phát sinh ra các nhân chứng của sự thánh thiện với khuôn mặt Amazon, chứ không phải mô phỏng các mô hình du nhập từ những nơi khác. Một sự thánh thiện phát sinh từ gặp gỡ và tham gia, chiêm niệm và phục vụ, cô tịch biết tiếp nhận và cuộc sống trong cộng đồng, sự điều độ tươi vui và đấu tranh cho công lý. Một sự thánh thiện đạt được bởi “mỗi cá nhân theo cách riêng của họ” [109], nhưng cũng bởi các dân tộc, nơi ân sủng được nhập thân và tỏa sáng với những đặc điểm khác biệt. Chúng ta hãy tưởng tượng một sự thánh thiện với các đặc điểm Amazon, được mời gọi thách thức Giáo hội hoàn vũ.

78. Một diễn trình hội nhập văn hóa liên quan không những các cá nhân mà cả các dân tộc

đòi phải có một tình yêu biết tôn trọng và thấu hiểu đối với các dân tộc đó. Diễn trình này đã bắt đầu ở phần lớn khu vực Amazon. Hơn bốn mươi năm trước đây, các giám mục của Amazon thuộc Peru đã nhấn mạnh rằng trong nhiều nhóm có mặt ở khu vực này, những người được truyền giảng Tin Mừng, được lên khuôn bởi một nền văn hóa đa dạng và đang thay đổi, đã “được truyền giảng Tin Mừng thuở ban đầu”. Kết quả là, họ sở hữu được một số đặc điểm nào đó của Đạo Công Giáo bình dân mà, khởi đầu, có lẽ được dẫn nhập nhờ những người làm công tác mục vụ, giờ đây là điều mà người ta đã biến thành của riêng, thậm chí còn thay đổi cả ý nghĩa của chúng và truyền chúng lại từ thế hệ này sang thế hệ nọ [110]. Chúng ta đừng vội mô tả là mê tín hay tà giáo một số thực hành tôn giáo nào đó từng phát sinh một cách tự phát từ cuộc sống của các dân tộc. Thay vào đó, chúng ta nên biết cách phân biệt lúa mì đang lớn lên song song với cỏ lùng, vì “lòng đạo bình dân có thể giúp chúng ta nhìn thấy đức tin, khi đã được tiếp nhận, bèn nhập thân vào một nền văn hóa và liên tục được lưu truyền” [111].

79. Có thể tiếp nhận một biểu tượng bản địa cách nào đó, mà không nhất thiết coi việc này như việc thờ ngẫu thần. Một huyền thoại nặng ý nghĩa tâm linh có thể được sử dụng một cách có lợi và không phải lúc nào cũng bị coi là một lầm lỗi ngoại giáo. Một số lễ hội tôn giáo có ý nghĩa thánh thiêng và là dịp để tụ họp và kết nghĩa huynh đệ, dù cần một diễn trình thanh lọc hoặc trưởng thành từ từ. Một nhà truyền giáo của các linh hồn sẽ cố gắng khám phá ra các nhu cầu và quan tâm chính đáng đang tìm kiếm lối thoát trong những biểu thức tôn giáo đôi lúc bất toàn, phiến diện hoặc sai lầm, và sẽ cố gắng đáp ứng chúng bằng một nền linh đạo hội nhập văn hóa.

80. Một nền linh đạo như thế chắc chắn sẽ tập trung vào một Thiên Chúa và là Chúa duy nhất, đồng thời vào việc tiếp xúc với nhu cầu hàng ngày của những người đang phấn đấu cho một cuộc sống xứng đáng, những người muốn tận hưởng các ơn phúc của cuộc sống, tìm được bình an và hòa hợp, giải quyết được các vấn đề gia đình, chăm sóc bệnh tật của họ và thấy con cái họ lớn lên hạnh phúc. Nguy hiểm lớn nhất là ngăn cản không cho họ gặp gỡ Chúa Kitô bằng cách trình bày Người như kẻ thù của niềm vui hoặc như một con người thờ ơ với các vấn đề và khó khăn của con người [112]. Ngày nay, điều chủ yếu là phải chứng minh rằng sự thánh thiện không lấy mất điều gì khỏi “năng lực, sức sống hay niềm vui” của chúng ta [113].

Sự hội nhập văn hóa về phụng vụ

81. Sự hội nhập văn hóa của nền linh đạo Kitô giáo trong các nền văn hóa của các dân tộc nguyên thủy có thể được hưởng ơn ích một cách đặc biệt từ các bí tích, vì các bí tích hợp nhất thể thần linh và thể vũ trụ, ơn thánh và sáng thế. Trong khu vực Amazon, không nên xem xét các bí tích trong tính bất liên tục với sáng thế. Chúng “là một cách ưu tuyển, trong đó thiên nhiên được Thiên Chúa tiếp nhận để trở thành một phương tiện trung gian cho đời sống siêu nhiên” [114]. Chúng là sự hoàn thành của sáng thế, trong đó thiên nhiên được nâng lên để trở thành một căn cứ (locus) và công cụ của ơn thánh, giúp chúng ta “ôm lấy thế giới trên một bình diện khác” [115].

82. Trong Bí tích Thánh Thể, Thiên Chúa, “ở đỉnh cao của mầu nhiệm Nhập thể, đã quyết định xuống tận những tầng sâu thân thiết nhất của chúng ta qua một mảnh vật chất”. Bí tích Thánh Thể “kết hợp trời với đất; nó bao trùm và thâm nhập trọn bộ sáng thể” [116]. Vì lý do này, nó có thể là một “động lực thúc đẩy các mối quan tâm của chúng ta đối với môi trường, điều hướng chúng ta trở thành những người quản lý trọn bộ sáng thể” [117]. Theo nghĩa này, “việc gặp gỡ Thiên Chúa không có nghĩa là trốn chạy thế giới này hoặc quay lưng lại với thiên nhiên” [118]. Nó có nghĩa: chúng ta có thể nhận đưa vào phụng vụ nhiều yếu tố của riêng kinh nghiệm các dân tộc bản địa trong cuộc tiếp xúc của họ với thiên nhiên, và tôn trọng các hình thức phát biểu bản địa trong bài ca, điệu múa, nghi lễ, cử chỉ và biểu tượng. Công đồng Vatican II kêu gọi nỗ lực này nhằm hội nhập văn hóa phụng vụ nơi các dân tộc bản địa [119]; hơn năm mươi năm đã trôi qua và chúng ta vẫn còn nhiều bước phải đi xa hơn nữa dọc theo những đường hướng này [120].

83. Vào Chúa Nhật, “nền linh đạo Kitô giáo kết hợp giá trị thư giãn với giá trị lễ hội. [Ngày nay] chúng ta có xu hướng hạ thấp việc nghỉ ngơi có tính chiêm niệm, coi nó như một điều gì đó không có hiệu năng và không cần thiết, nhưng điều này đã lấy mất chính điều quan trọng hơn cả liên quan đến việc làm: đó là ý nghĩa của nó. Chúng ta được kêu gọi bao hàm vào việc làm của chúng ta chiều kích tiếp nhận và nhưng không (receptivity and gratuity) [121]. Thô dân rất quen thuộc với tính nhưng không này và với việc giải trí chiêm niệm lành mạnh này. Các cử hành của chúng ta sẽ giúp họ cảm nghiệm điều này trong phụng vụ Chúa Nhật và gặp gỡ ánh sáng lời Chúa và Bí tích Thánh Thể, những điều soi sáng cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

84. Các bí tích mặc khải và thông truyền Thiên Chúa, Đáng gân giữ và xót thương đến để chữa lành và tăng sức cho con cái của Người. Do đó, chúng phải trở nên dễ dàng tiếp cận, nhất là đối với người nghèo và không bao giờ bị từ chối vì lý do tài chính. Trước cảnh nghèo và bị lãng quên của khu vực Amazon, cũng không có chỗ cho một kỷ luật chuyên loại trừ và xua đuổi người ta, vì cứ cách đó, cuối cùng họ sẽ bị vứt bỏ bởi một Giáo hội nay đã trở thành nhà thu lệ phí. Thay vào đó, “trong các tình huống túng thiếu khó khăn như thế, Giáo hội phải đặc biệt quan tâm đến việc cung ứng sự hiểu biết, an ủi và chấp nhận, hơn là áp đặt ngay tức khắc một bộ quy tắc chỉ dẫn người ta đến chỗ cảm thấy bị phán xét và bỏ rơi bởi chính Bà Mẹ được kêu gọi biểu lộ với họ lòng thương xót của Thiên Chúa” [122]. Đối với Giáo hội, lòng thương xót có thể trở thành một khẩu hiệu tình cảm đơn thuần trừ khi nó tìm thấy biểu hiện cụ thể trong phạm vi nối vòng tay lớn mục vụ của mình [123].

Hội nhập văn hóa các hình thức thừa tác vụ

85. Hội nhập văn hóa cũng nên được phản ánh ngày càng gia tăng trong hình thức nhập thể của tổ chức và thừa tác vụ trong giáo hội. Nếu chúng ta muốn hội nhập văn hóa nền linh đạo, sự thánh thiện và chính Tin Mừng, làm thế nào chúng ta không thể xem xét việc hội nhập văn hóa trong các cách chúng ta đặt cơ cấu và thi hành các thừa tác vụ giáo hội? Sự hiện diện mục vụ của Giáo hội trong khu vực Amazon không đồng đều, một phần là do lãnh thổ quá

rộng lớn, nhiều nơi xa xôi hẻo lánh, sự đa dạng văn hóa rộng lớn, các vấn đề xã hội nghiêm trọng và sự ưa thích của một số dân tộc muốn sống cô lập. Chúng ta không thể không quan tâm; một đáp ứng chuyên biệt và can đảm là điều được đòi hỏi nơi Giáo hội.

86. Cần nỗ lực để cấu hình thừa tác vụ cách nào đó để nó phục vụ cho việc cử hành Bí tích Thánh Thể thường xuyên hơn, ngay tại các cộng đồng xa xôi và cô lập nhất. Tại Aparecida, mọi người đều được yêu cầu lưu ý đến lời than vãn của nhiều cộng đồng Amazon, “bị tước mất việc cử hành Thánh Thể Chúa Nhật trong một thời gian dài” [124]. Cũng cần có các thừa tác viên có thể hiểu được các nhạy cảm và văn hóa Amazon từ bên trong.

87. Cách lên khuôn đời sống và thừa tác vụ giáo sĩ không có tính độc khôi; nó phát triển những đặc điểm khác biệt ở những nơi khác nhau trên thế giới. Đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải xác định điều gì chuyên biệt nhất thuộc về một linh mục, điều gì không thể được ủy quyền. Câu trả lời nằm trong bí tích Truyền chức Thánh, vốn làm linh mục trở thành đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô linh mục. Do đó, kết luận đầu tiên là đặc tính độc quyền nhận được trong Bí Tích Truyền Chức thánh làm một mình linh mục đủ điều kiện để chủ trì Bí tích Thánh Thể [125]. Đó là chức năng đặc thù, chính và không thể ủy nhiệm của ngài. Có những người nghĩ rằng điều phân biệt linh mục là quyền lực, sự kiện ngài là thẩm quyền cao nhất trong cộng đồng. Tuy nhiên, Thánh Gioan Phaolô II đã giải thích rằng, mặc dù chức linh mục được coi là “có tính phẩm trật”, nhưng chức năng này không có nghĩa là vượt trội so với những chức năng khác, mà “hoàn toàn được sắp xếp cho sự thánh thiện của các chi thể Chúa Kitô” [126]. Khi người ta nói linh mục là dấu chỉ của “Chúa Kitô đứng đầu”, thì điều này chủ yếu nói đến việc Chúa Kitô là nguồn gốc của mọi ơn thánh: Người là người đứng đầu Giáo hội bởi vì “Người có quyền năng tuôn đổ ơn thánh xuống các chi thể của Giáo hội” [127].

88. Linh mục là dấu chỉ của người đứng đầu trên và là nguồn ơn thánh trước hết khi cử hành Bí tích Thánh Thể, vốn là nguồn và đỉnh cao của toàn bộ đời sống Kitô hữu [128]. Đó là quyền lực to lớn của ngài, một quyền lực chỉ có thể nhận được tiếp nhận trong bí tích Truyền chức thánh. Vì lý do này, chỉ có linh mục mới có thể nói: “Đây là mình Ta”. Cũng có những hạn từ khác, chỉ có ngài mới có thể nói: “Cha tha tội cho con”. Vì ơn tha thứ bí tích là để phục vụ việc cử hành xứng đáng Bí tích Thánh Thể. Hai bí tích này nằm ở trung tâm của bản sắc độc hữu của linh mục [129].

89. Trong các hoàn cảnh chuyên biệt của khu vực Amazon, nhất là trong các khu rừng và những nơi xa xôi hơn của nó, phải tìm ra một cách để bảo đảm thừa tác vụ linh mục này. Giáo dân có thể công bố Lời Chúa, dạy dỗ, tổ chức các cộng đồng, cử hành một vài bí tích, tìm những cách khác nhau để phát biểu lòng sùng kính bình dân và phát triển nhiều ơn phúc Chúa Thánh Thần tuôn đổ nơi họ. Nhưng họ cần việc cử hành Bí tích Thánh Thể vì nó “làm thành Giáo hội” [130]. Chúng ta thậm chí có thể nói rằng “không cộng đồng Kitô hữu nào được xây dựng mà lại không lớn lên và xoay quanh việc cử hành Bí tích Thánh Thể thánh thiện nhất” [131]. Nếu chúng ta thực sự xác tín rằng đúng như thế, thì mọi nỗ lực nên được thực hiện để bảo đảm rằng các dân tộc Amazon không thiếu thức ăn tạo ra sự sống mới này và bí tích tha tội.

90. Nhu cầu khẩn thiết này khiến tôi thúc giục mọi giám mục, đặc biệt những vị ở Châu Mỹ Latinh, không những cổ vũ việc cầu nguyện cho các ơn gọi linh mục, mà còn quảng đại hơn trong việc khuyến khích những người tỏ rõ có ơn gọi truyền giáo quyết định chọn vùng Amazon [132]. Đồng thời, điều thích hợp là cơ cấu và nội dung của cả việc đào tạo linh mục lúc ban đầu lẫn tiếp diễn sau đó phải được sửa đổi thấu đáo, để các linh mục có thể thủ đắc các thái độ và khả năng cần có để đối thoại với các nền văn hóa Amazon. Việc đào tạo này phải ưu tiên có tính mục vụ và tạo thuận lợi cho việc phát triển lòng thương xót của linh mục [133].

Các cộng đồng tràn đầy sức sống

91. Bí tích Thánh Thể cũng là bí tích vĩ đại biểu thị và thể hiện sự hợp nhất của Giáo hội [134]. Nó được cử hành “để từ những người xa lạ, phân tán và thờ ơ lẫn nhau, chúng ta có thể trở nên đoàn kết, bình đẳng và bằng hữu [135]. Người chủ sự Thánh Thể phải cổ vũ sự hiệp thông, vốn không phải chỉ là bất cứ sự hợp nhất nào, mà là sự hợp nhất biết chào đón tính đa dạng dư dật của ơn phúc và đặc sủng mà Chúa Thánh Thần hằng tuôn đổ trên cộng đồng.

92. Như thế, Bí tích Thánh Thể, như là nguồn và đỉnh cao, đòi ta phát triển tính đa dạng phong phú đó. Các linh mục rất cần thiết, nhưng điều này không có nghĩa các phó tế vĩnh viễn (nên có nhiều hơn nữa trong khu vực Amazon), các nữ tu và giáo dân không thể thường xuyên đảm nhận trách nhiệm quan trọng đối với sự phát triển của các cộng đồng và thực hiện các chức năng đó mỗi ngày một hữu hiệu với sự trợ giúp của một việc đồng hành thích đáng.

93. Do đó, không chỉ là vấn đề tạo điều kiện cho một sự hiện diện lớn hơn của các thừa tác viên thụ phong có thể cử hành Bí tích Thánh Thể. Đó chỉ là một mục tiêu rất hạn hẹp, nếu chúng ta đồng thời không cố gắng đánh thức sự sống mới trong các cộng đồng. Chúng ta cần thúc đẩy một cuộc gặp gỡ với lời Chúa và sự lớn lên trong thánh thiện qua các loại phục vụ khác nhau của giáo dân, những loại phục vụ đòi một diễn trình giáo dục – về Kinh thánh, giáo lý, linh đạo và thực tiễn - và một loạt các chương trình tu nghiệp đa dạng.

94. Một Giáo hội với các đặc điểm Amazon đòi phải có sự hiện diện ổn định của các nhà lãnh đạo trưởng thành và là giáo dân có thẩm quyền [136] và quen thuộc với ngôn ngữ, văn hóa, kinh nghiệm thiêng liêng và lối sống cộng đồng ở những nơi khác nhau, nhưng cũng cởi mở đối với tính đa dạng của các ơn phúc mà Chúa Thánh Thần vốn ban cho mọi người. Vì, bất cứ nơi nào có nhu cầu đặc thù, Người đều tuôn đổ những đặc sủng để có thể đáp ứng nó. Điều này đòi Giáo hội phải cởi mở đối với sự táo bạo của Chúa Thánh Thần, tin tưởng vào, và cụ thể cho phép, sự lớn mạnh của một nền văn hóa giáo hội chuyên biệt có đặc tính giáo dân rõ rệt. Các thách đố trong khu vực Amazon đòi nơi Giáo hội một nỗ lực đặc biệt để hiện diện ở mọi bình diện, và điều này chỉ có thể thực hiện được qua việc tham gia mạnh mẽ, rộng rãi và tích cực của giáo dân.

95. Nhiều người thánh hiến đã cống hiến năng lực và một phần lớn đời họ để phục vụ Nước

Thiên Chúa ở Amazon. Đời sống thánh hiến, nhờ có khả năng đối thoại, tổng hợp, nhập thân và tiên tri, có một vị trí đặc biệt trong cấu hình đa dạng và hài hòa này của Giáo hội trong khu vực Amazon. Nhưng nó cần một động lực mới để hội nhập văn hóa, một động lực biết kết hợp tính sáng tạo, tính táo bạo truyền giáo, tính mẫn cảm và sức mạnh đặc trưng của đời sống cộng đồng.

96. Các cộng đồng căn bản, khi có khả năng kết hợp việc bảo vệ các quyền lợi xã hội với việc công bố truyền giáo và nền linh đạo, đã là những kinh nghiệm chân chính của tính đồng nghị trong hành trình truyền giảng Tin Mừng của Giáo hội trong khu vực Amazon. Trong nhiều trường hợp, chúng “từng giúp đào tạo nhiều Kitô hữu biết cam kết với đức tin, nhiều môn đệ và nhà truyền giáo của Chúa, như được chứng thực bởi sự cam kết quảng đại của rất nhiều thành viên của họ, thậm chí đến mức đổ máu họ ra” [137].

97. Tôi khuyến khích sự tăng trưởng của những nỗ lực hợp tác đang được thực hiện qua Mạng lưới Giáo hội Toàn vùng Amazon và các hiệp hội khác để thực hiện đề xuất của hội nghị Aparecida là “thiết lập một thừa tác vụ hợp tác giữa các Giáo Hội địa phương của các quốc gia Nam Mỹ khác nhau trong lưu vực sông Amazon, với các ưu tiên đã được dị biệt hóa [138]. Điều này đặc biệt áp dụng cho các mối tương quan giữa các Giáo hội nằm ở biên giới giữa các quốc gia.

98. Cuối cùng, tôi xin lưu ý điều này: chúng ta đừng lúc nào cũng nghĩ đến việc dự hoạch các dự án với các cộng đồng ổn định, vì ở khu vực Amazon, ta thấy có rất nhiều tính di chuyển nội bộ, do việc di dân liên tục và thường có tính đi đi về về như quả lắc (pendular); “khu vực này thực tế đã trở thành một hành lang di dân” [139]. “Việc chuyển dân [transhumance] ở Amazon chưa được hiểu rõ hoặc khảo sát đầy đủ theo quan điểm mục vụ” [140]. Do đó, nên suy nghĩ tới các nhóm truyền giáo lưu động và “cung cấp sự hỗ trợ cho việc hiện diện và tính di động của các người thánh hiến nam nữ gần gũi nhất với những người nghèo khổ và bị loại trừ nhất” [141]. Đây cũng là một thách đố đối với các cộng đồng đô thị của chúng ta, một thách đố phải tìm ra các cách thể sáng tạo và quảng đại, đặc biệt ở các vùng ngoại ô, để gần gũi và chào đón các gia đình và những người trẻ đến từ rừng sâu.



Sức mạnh và thiên phú của phụ nữ

99. Trong khu vực Amazon, có những cộng đồng đã từ lâu được bảo tồn và truyền lại đức tin dù không có linh mục nào đến với họ, thậm chí trong nhiều thập niên. Điều này có thể xảy ra vì sự hiện diện của những người đàn bà mạnh mẽ và quảng đại, chắc chắn nhờ được Chúa Thánh Thần kêu gọi và thúc đẩy, đã rửa tội, dạy giáo lý, cầu nguyện và hành động như những nhà truyền giáo. Trong nhiều thế kỷ, các phụ nữ đã giữ cho

Giáo hội sống động ở những nơi đó qua sự tận tâm đáng lưu ý và đức tin sâu sắc của họ. Một số người trong số họ, phát biểu tại Thượng hội đồng, đã khiến chúng ta xúc động sâu sắc bởi các chứng từ của họ.

100. Điều này mời gọi chúng ta mở rộng viễn kiến của mình, kéo chúng ta hạn chế sự hiểu biết của chúng ta về Giáo hội, coi Giáo Hội chỉ có các cơ cấu chức năng mà thôi. Một chủ nghĩa giản lược như vậy sẽ dẫn chúng ta tới chỗ tin rằng phụ nữ sẽ được ban cấp một địa vị và tham gia vào Giáo hội nhiều hơn, chỉ khi nào họ được gia nhập các chức thánh. Nhưng phương thức đó trong thực tế chỉ thu hẹp viễn kiến của chúng ta mà thôi; nó sẽ dẫn chúng ta đến việc giáo sĩ hóa phụ nữ, làm giảm giá trị to lớn của những gì họ đã hoàn thành và làm cho sự đóng góp không thể thiếu của họ trở nên kém hữu hiệu.

101. Chúa Giêsu Kitô xuất hiện như Chàng Rể của cộng đồng cử hành Thánh Thể qua hình bóng người đàn ông chủ trì như dấu chỉ Linh mục duy nhất. Cuộc đối thoại giữa Chàng Rể và Nàng dâu của Người, phát sinh trong việc thờ lạy và thánh hóa cộng đồng, không nên lừa chúng ta đi vào những quan niệm phiến diện về quyền lực trong Giáo hội. Chúa đã quyết định mặc khải quyền lực và tình yêu của Người qua hai khuôn mặt nhân bản: khuôn mặt của Con Thiên Chúa đã làm người của Người và khuôn mặt của một tạo vật, một người đàn bà, đó là Đức Maria. Phụ nữ đóng góp cho Giáo hội theo cách riêng của họ, bằng cách làm cho sức mạnh dịu dàng của Đức Maria, người Mẹ, trở nên hiển diện. Nhờ thế, chúng ta không còn tự giới hạn mình vào cách tiếp cận có tính chức năng nữa, nhưng thay vào đó, đi vào cơ cấu nội tâm nhất của Giáo hội. Nhờ cách này, chúng ta sẽ hiểu ra tại sao, nếu không có phụ nữ, Giáo hội sẽ tan vỡ và biết bao cộng đồng ở Amazon sẽ sụp đổ, nếu phụ nữ không ở đó để nâng đỡ chúng, giữ chúng ở lại với nhau và chăm sóc chúng. Điều này cho thấy loại sức mạnh vốn là điển hình của họ.

102. Chúng ta phải tiếp tục khuyến khích những ơn phúc đơn sơ và không rắc rối đó, những ơn phúc cho phép các phụ nữ ở khu vực Amazon đóng một vai trò rất tích cực trong xã hội, mặc dù các cộng đồng này hiện phải đối diện với nhiều mối đe dọa mới và chưa từng có. Tình thế hiện nay đòi chúng ta phải khuyến khích sự xuất hiện các hình thức phục vụ và đặc sủng khác phù hợp với phụ nữ và đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của các dân tộc trong khu vực Amazon tại thời điểm này của lịch sử.

103. Trong một Giáo hội đồng nghị, những người phụ nữ trên thực tế vốn đóng vai trò trung tâm trong các cộng đồng Amazon nên có quyền có các chức vụ, kể cả các chức vụ phục vụ giáo hội, không đòi các Chức Thánh và điều đó có thể biểu thị rõ hơn vai trò của họ. Ở đây, cần lưu ý điều này: các việc phục vụ này đòi phải có sự ổn định, phải được công khai công nhận và được giám mục ủy nhiệm. Điều này cũng cho phép phụ nữ gây được tác động thực sự và hữu hiệu đối với tổ chức, các quyết định quan trọng nhất và định hướng của các cộng đồng, trong khi tiếp tục làm như vậy theo cách có thể phản ánh được phụ nữ tính của họ.

Mở rộng chân trời quá bên kia các xung đột

104. Điều thường xảy ra là ở những nơi đặc thù, những người làm công tác mục vụ tưởng nghĩ ra những giải pháp rất khác nhau cho những vấn đề họ gặp phải, và do đó đề xuất những hình thức rõ ràng đối lập nhau về việc tổ chức giáo hội. Khi điều này xảy ra, đáp ứng đích thực đối với các thách đố của việc truyền giảng Tin Mừng rất có thể nằm ở việc vượt qua hai phương thức và tìm ra phương thức khác, tốt hơn, có lẽ chưa ai tưởng nghĩ ra. Xung đột được khắc phục ở bình diện cao hơn, trong đó mỗi nhóm có thể tham gia với nhóm khác trong một thực tại mới, trong khi vẫn trung thành với chính mình. Mọi sự đều được giải quyết “trên một bình diện cao hơn và duy trì được những gì có giá trị và hữu ích cho cả hai phía” [142]. Nếu không, xung đột sẽ cạm bẫy chúng ta; “chúng ta đánh mất viễn ảnh của mình, các chân trời của chúng ta co cụm lại và chính thực tại cũng sẽ bắt đầu tan tác” [143].

105. Điều này không có nghĩa là tương đối hóa các vấn đề, chạy trốn chúng hoặc để sự việc ở nguyên như cũ. Các giải pháp chân chính không bao giờ được tìm thấy bằng cách làm giảm độ táo bạo, né tránh các yêu cầu cụ thể hoặc đổ lỗi cho người khác. Trái lại, các giải pháp được tìm thấy bởi “dòng quá tải” (overflow), nghĩa là, bằng cách vượt qua lập trường mâu thuẫn vốn hạn chế viễn kiến của chúng ta, và nhận ra ơn phúc lớn hơn mà Thiên Chúa đang đề nghị ban tặng. Từ ơn phúc mới này, nếu được chấp nhận một cách táo bạo và quảng đại, từ ơn phúc bất ngờ này, một ơn phúc đánh thức tính sáng tạo mới và lớn lao hơn, sẽ tuôn chảy, như từ một suối nước đầy tràn, nhiều câu trả lời mà lập trường mâu thuẫn không cho phép chúng ta nhìn thấy. Trong những ngày tiên khởi, đức tin Kitô giáo đã lan truyền đáng kể bằng lối suy nghĩ này, lối suy nghĩ cho phép nó, vốn bắt nguồn từ Do Thái giáo, thành hình trong các nền văn hóa La Hy, và với thời gian, có được các hình thức khác biệt. Tương tự như vậy, trong thời điểm lịch sử này, khu vực Amazon thách thức chúng ta vượt qua các viễn ảnh hạn chế và các giải pháp “thực dụng” vốn bị hoen ố trong các cách tiếp cận phiến diện, ngõ hầu tìm ra những nẻo đường hội nhập văn hóa rộng lớn hơn và táo bạo hơn.

Sống chung đại kết và liên tôn

106. Ở một vùng Amazon có đặc điểm đa tôn giáo, các tín hữu chúng ta cần tìm nhiều dịp để nói chuyện với nhau và cùng nhau hành động vì thiện ích chung và cổ vũ người nghèo. Điều này không liên quan gì đến việc làm giảm hoặc che giấu các xác tín sâu sắc nhất của chúng ta khi chúng ta gặp gỡ những người khác có suy nghĩ khác với chúng ta. Nếu chúng ta tin rằng Chúa Thánh Thần có thể hoạt động giữa những khác biệt, thì chúng ta sẽ cố gắng để bản thân được làm giàu bởi cái hiểu sáng suốt đó, trong khi nắm lấy nó do cốt lõi các xác tín riêng và bản sắc của riêng chúng ta. Vì bản sắc càng sâu sắc, mạnh và phong phú, chúng ta càng có khả năng làm phong phú các người khác bằng sự đóng góp riêng của chính chúng ta.

107. Trong Kinh thánh, người Công Giáo chúng ta sở hữu một kho báu không được các tôn giáo khác chấp nhận, mặc dù đôi khi họ có thể đọc nó một cách thích thú và thậm chí quý trọng một số giáo huấn của nó. Chúng ta cố gắng làm một điều tương tự với các bản văn thánh thiêng của các tôn giáo và cộng đồng tôn giáo khác, những bản văn chứa đựng “các

giới luật và giáo lý... thường phản ánh một tia sáng sự thật vốn soi sáng mọi người nam nữ” [144]. Chúng ta cũng sở hữu kho tàng vĩ đại trong bảy bí tích, mà một số cộng đồng Kitô giáo không chấp nhận toàn bộ hoặc theo cùng một ý nghĩa. Đồng thời với việc chúng ta tin chắc vào Chúa Giêsu như Đấng Cứu chuộc duy nhất của thế giới, chúng ta cũng nuôi dưỡng lòng sùng kính sâu sắc đối với Mẹ của Người. Mặc dù chúng ta biết rằng không phải hệ phái Kitô giáo nào cũng tin như thế, chúng ta vẫn cảm thấy có nghĩa vụ chia sẻ với khu vực Amazon kho báu của tình yêu mẫu tử ấm áp ấy, một kho báu mà chúng ta đã tiếp nhận được. Thực thể, tôi sẽ kết thúc Tông Huấn này với một vài lời ngỏ cùng Đức Maria.

108. Không điều nào trong số này cần tạo sự thù hằn giữa chúng ta. Trong một tinh thần đối thoại đích thực, chúng ta lớn lên trong khả năng nắm bắt được ý nghĩa của những gì người khác nói và làm, ngay cả khi chúng ta không thể chấp nhận nó làm xác tín của chính mình. Nhờ cách này, ta có thể thẳng thắn và cởi mở đối với các niềm tin của chúng ta, trong khi vẫn tiếp tục thảo luận, tìm các điểm tiếp xúc, và trên hết, làm việc và đấu tranh với nhau vì thiện ích của khu vực Amazon. Sức mạnh của những gì hợp nhất tất cả Kitô hữu chúng ta là điều vô cùng quan trọng. Chúng ta có thể rất lưu ý đến những gì chia rẽ chúng ta đến mức đôi khi chúng ta không còn đánh giá cao hoặc coi trọng những gì hợp nhất chúng ta. Và những gì hợp nhất chúng ta là những gì cho phép chúng ta ở lại thế giới này mà không bị nuốt chửng bởi nội tại tính (immanence), sự trống rỗng thiêng liêng, tính ích kỷ tự mãn, chủ nghĩa cá nhân duy tiêu dùng và tự hủy hoại của nó.

109. Tất cả chúng ta, trong tư cách Kitô hữu, được hợp nhất bởi đức tin vào Thiên Chúa, Người Cha vốn ban cho chúng ta sự sống và yêu thương chúng ta rất nhiều. Chúng ta được hợp nhất bởi đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Rỗi duy nhất, Đấng đã giải thoát chúng ta bằng dòng máu quý giá và sự phục sinh vinh hiển của Người. Chúng ta được hợp nhất bởi mong ước được nghe lời Người, lời hằng hướng dẫn các bước chân chúng ta đi. Chúng ta được hợp nhất bởi ngọn lửa của Chúa Thánh Thần, Đấng sai chúng ta đi truyền giáo. Chúng ta được hợp nhất bởi điều răn mới mà Chúa Giêsu đã để lại cho chúng ta, bởi việc theo đuổi nền văn minh của tình yêu và bởi niềm đam mê đối với vương quốc mà Chúa vốn kêu gọi chúng ta xây dựng với Người. Chúng ta được hợp nhất bởi cuộc đấu tranh cho hòa bình và công lý. Chúng ta được hợp nhất bởi niềm xác tín rằng không phải mọi điều đều kết thúc với đời sống này, nhưng chúng ta được mời dự bữa tiệc trên trời, nơi Thiên Chúa sẽ lau khô nước mắt và mang lấy hết những gì chúng ta đã làm cho những người đang chịu đau khổ.

110. Tất cả những điều này hợp nhất chúng ta. Làm thế nào chúng ta lại không thể cùng nhau tranh đấu? Làm thế nào chúng ta lại không thể cùng nhau cầu nguyện và làm việc, bên cạnh nhau, để bảo vệ người nghèo của khu vực Amazon, để biểu lộ vẻ mặt thánh thiêng của Chúa và quan tâm đến công trình sáng tạo của Người?

KẾT LUẬN: MẸ CỦA KHU VỰC AMAZON

111. Sau khi chia sẻ một vài giấc mơ của mình, tôi khuyến khích mọi người tiến bước dọc những nẻo đường cụ thể có thể cho phép thực tại của khu vực Amazon được biến đổi và thoát

khỏi những tệ nạn bao vây nó. Giờ đây, chúng ta hãy nhìn lên Đức Maria. Người Mẹ mà Chúa Kitô đã ban cho chúng ta cũng là bà Mẹ duy nhất của mọi người, đáng đã tỏ mình ra ở vùng Amazon theo những cách riêng biệt. Chúng ta biết rằng, “các dân tộc bản địa có một cuộc gặp gỡ quan yếu với Chúa Giêsu Kitô theo nhiều cách; nhưng nẻo đường của Đức Maria đã góp phần rất lớn vào cuộc gặp gỡ này [145]. Đối diện với sự kỳ diệu của khu vực Amazon, nơi chúng ta đã khám phá ngày càng đầy đủ hơn trong diễn trình chuẩn bị và cử hành Thượng hội đồng, tôi cho rằng điều tốt nhất nên kết thúc Tông huấn này là hướng về ngài:

Lạy Mẹ sự sống,

trong dạ mẫu thân của Mẹ, Chúa Giêsu đã tiếp nhận xác thân,

Chúa tể của mọi loài hiện hữu.

Phục sinh, Người đã biến đổi Mẹ bằng ánh sáng của Người

và làm cho Mẹ trở thành Nữ vương toàn bộ sáng thế.

Vì lý do đó, hỡi Mẹ Maria, chúng con xin Mẹ trị vì

trong trái tim thổn thức của Amazon.

Xin Mẹ tỏ mình là Mẹ của mọi tạo vật,

trong vẻ đẹp của những bông hoa, những dòng sông,

dòng sông vĩ đại chảy

qua nó

và tất cả sự sống sinh động trong rừng của nó.

Xin Mẹ âu yếm chăm sóc sự bùng nổ đẹp tươi này.

Xin Mẹ cầu cùng Chúa Giêsu tuôn đổ tất cả tình yêu của Người

trên mọi người nam nữ sống ở đó,

để họ có thể biết đánh giá cao và quan tâm đến nó.

Xin Mẹ hạ sinh Con Mẹ trong trái tim họ,

để Người tỏa sáng khắp Amazon,
các dân tộc và các nền văn hóa của nó,
bằng ánh sáng của lời Người,
bằng tình yêu an ủi của Người,
bằng sự điệp huỳnh đệ và công lý của Người.
Và tại mỗi cử hành Thánh Thể,
xin cho mọi kinh ngạc và kỳ diệu này được nâng lên
tới vinh quang Chúa Cha.
Lạy Mẹ, xin Mẹ đoái nhìn người nghèo của Amazon,
vì nhà cửa họ đang bị phá hủy bởi những quyền lợi nhỏ nhen.
Có biết bao đau đớn và khốn khổ,
có biết bao bỏ bê và lạm dụng
ở vùng đất được chúc phúc
dư đầy sự sống này!
Xin Mẹ đánh động trái tim những người quyền thế,
vì, mặc dù chúng con cảm thấy giờ đã muộn,
Mẹ vẫn kêu gọi chúng con cứu
những gì còn sống động.
Mẹ, đáng có trái tim bị đâm thấu,
đáng chịu đau khổ trong những đứa con trai và con gái bị ngược đãi của Mẹ,
và trong những vết thương gây cho thiên nhiên,
Xin Mẹ trị vì Amazon,

cùng với Con của Mẹ.

Xin Mẹ cai trị để không ai khác có thể đòi quyền thống lãnh

trên công trình của bàn tay Thiên Chúa.

Chúng con tín thác nơi Mẹ, lạy Mẹ sự sống.

Xin Mẹ đừng bỏ rơi chúng con

trong giờ phút đen tối này.

Amen.

Ban hành tại Rôma, tại Nhà thờ Chính tòa Thánh Gioan Lateranô, ngày 2 tháng 2, Lễ dâng Chúa vào Đền thờ, năm 2020, năm thứ bảy triều Giáo hoàng của tôi.

FRANCISCUS

CHÚ THÍCH (Bản dịch của Nguyễn Trọng Đa)

[1] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 49: AAS 107 (2015), 866.

[2] *Tài Liệu Làm Việc*, 45.

[3] ANA VARELA TAFUR, “Timareo”, trong *Lo que no veo en visiones*, Lima, 1992.

[4] JORGE VEGA MÁRQUEZ, “Amazonia solitaria”, trong *Poesía obrera*, Cobija-Pando-Bolivia, 2009, 39.

[5] RED ECLESIAL PANAMAZÓNICA (REPAM), *Brazil, Síntesis del aporte al Sínodo*, 120; Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 45.

[6] *Diễn từ với giới trẻ*, São Paulo, Brazil (10 May 2007), 2.

[7] Xem ALBERTO C. ARAÚJO, “Imaginario amazónico”, trong *Amazonia real*: amazoniareal.com.br (29-1-2014).

[8] THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26-3-1967), 57: AAS 59 (1967), 285.

[9] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Diễn từ với Hàn lâm viện Tòa Thánh về Khoa học xã hội* (27-4-2001), 4: AAS 93 (2001), 600.

[10] Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 41.

[11] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 5 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Aparecida Document* (29-6-2007), 473.

[12] RAMÓN IRIBERTEGUI, *Amazonas: El hombre y el caucho*, ed. Vicariato Apostólico de Puerto Ayacucho-Venezuela, Monografía số 4, Caracas, 1987, 307ff.

[13] Xem “AMARÍLIS TUPIASSÚ, “Amazônia, das travessias lusitanas à literatura de até agora”, trong *Estudos Avançados* tập 19, số 53, São Paulo (tháng 1 đến tháng 4.2005): “Trên

thực tế, sau khi kết thúc thời kỳ thuộc địa đầu tiên, khu vực Amazon tiếp tục trở thành một khu vực chịu sự tham lam lâu đời, ẩn núp dưới các luận điệu mới..., một phần của các tác nhân 'văn minh hóa', họ thậm chí không cần phải được nhân cách hóa để tạo ra và nhân lên các mặt mới của sự suy tàn cũ, bây giờ thông qua một cái chết chậm.”

[14] CÁC GIÁM MỤC VÙNG AMAZON BRAXIN, *Carta al Pueblo de Dios*, Santarem-Brazil (6-7-2012).

[15] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Sứ điệp cho ngày Hòa bình Thế giới năm 1998*, 3: AAS 90 (1998), 150.

[16] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 3 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Puebla Document* (23-3-1979), 6.

[17] *Tài Liệu Làm Việc*, 6. Đức Giáo Hoàng PHAOLÔ III Đoàn sắc *Veritas Ipsa* (2-6-1537), lên án luận đề phân biệt chủng tộc và công nhận rằng các dân tộc bản địa, dù theo đạo Công Giáo hay không, sở hữu phẩm giá của con người, được hưởng quyền sở hữu của họ và không được giảm xuống làm nô lệ. Giáo hoàng tuyên bố: “ vì các người thực sự không phải là người bị tước đoạt quyền tự do hay quyền sở hữu tài sản của họ, mặc dù họ không tin Chúa Giêsu Kitô. Giáo lý huấn quyền này đã được tái khẳng định bởi các. Đức Giáo Hoàng GRÊGÔRIÔ XIV, Sắc chỉ *Cum Sicuti* (28-4-1591); Đức Giáo Hoàng URBANÔ VIII, Sắc chỉ *Commisum Nobis* (22-4-1639); Đức Giáo Hoàng BIÊN ĐỨC XIV, Sắc chỉ *Immensa Pastorum Principis* gửi các Giám mục Braxin (20-12-1741); Đức Giáo Hoàng GRÊGÔRIÔ XVI, Đoàn sắc *In Supremo* (3-12-1839); Đức Giáo Hoàng LÊÔ XIII, Thư gửi các Giám mục Brasil về sự nô lệ (15-5-1888); và THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Sứ điệp gửi các dân tộc bản địa ở châu Mỹ*, Santo Domingo (12-10-1992), 2: *Insegnamenti* 15/2 (1982), 346.

[18] FREDERICO BENÍCIO DE SOUSA COSTA, *Thư mục vụ* (1909). Ed. Imprenta del gobierno del estado de Amazonas, Manaus, 1994, 83.

[19] *Tài Liệu Làm Việc*, 7.

[20] *Diễn từ với Hội nghị Thế giới lần 2 của các phong trào dân chúng*, Santa Cruz de la Sierra-Bolivia (9-7-2015).

[21] *Diễn từ với Hội nghị các dân tộc bản địa ở Amazonia*, Puerto Maldonado-Peru (19-1-2018): AAS 110 (2018), 300.

[22] *Tài Liệu Làm Việc*, 24.

[23] YANA LUCILA LEMA, *Tamyahuan Shamakupani* (Con la lluvia estoy viviendo), 1, at <http://siwarmayu.com/es/yana-lucila-lema-6-poemas-de-tamyawan-shamukupani-con-la-lluvia-estoy-viviendo>.

[24] HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC ECUADOR, *Cuidemos nuestro planeta* (20-4-2012), 3.

[25] Số 142: AAS 107 (2015), 904-905.

[26] Số 82.

[27] Như trên, 83.

[28] Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 239: AAS 105 (2013), 1116.

[29] Như trên., 218: AAS 105 (2013), 1110.

[30] Như trên.

[31] Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 57.

[32] Xem EVARISTO EDUARDO DE MIRANDA, *Quando o Amazonas corria para o Pacífico*, Petrópolis, 2007, 83-93.

- [33] JUAN CARLOS GALEANO, “Paisajes”, trong *Amazonia y otros poemas*, ed. Universidad Externado de Colombia, Bogotá, 2011, 31.
- [34] JAVIER YGLESIAS, “Llamado”, trong *Revista peruana de literatura*, số 6 (tháng 6-2007), 31.
- [35] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 144: AAS 107 (2015) 905.
- [36] Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25-03-2019), 186.
- [37] Như trên., 200.
- [38] *Sứ điệp video cho hội nghị Thanh niên bản địa thế giới*, Soloy-Panama (18-1-2019).
- [39] MARIO VARGAS LLOSA, *Giới thiệu cho El Hablador*, Madrid (8-10-2007).
- [40] Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25-3-2019), 195.
- [41] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1-5-1991), 50: AAS 83 (1991), 856.
- [42] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 5 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Aparecida Document* (29-6-2007), 97.
- [43] *Diễn từ với Hội nghị các dân tộc bản địa ở Amazonia*, Puerto Maldonado-Peru (19-1-2018): AAS 110 (2018), 301.
- [44] *Tài Liệu Làm Việc*, 123, e.
- [45] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 144: AAS 107 (2015), 906.
- [46] Xem Đức Giáo Hoàng BIÊN ĐỨC XVI, Thông điệp *Caritas in veritate* (29-6-2009), 51: AAS 101 (2009), 687: “Đặc biệt trong thời đại chúng ta, thiên nhiên đã hội nhập vào sự năng động xã hội và văn hóa sâu xa đến độ không còn là dữ kiện độc lập nữa. Việc sa mạc hóa nhanh chóng và lâm vào cảnh khổ của nhiều vùng nông nghiệp là hậu quả của nghèo đói và chậm tiến của dân chúng sống nơi đó”.
- [47] *Sứ điệp cho ngày Hòa bình Thế giới năm 2007*, 8: Insegnamenti, II/2 (2006), 776.
- [48] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 16, 91, 117, 138, 240: AAS 107 (2015), 854, 884, 894, 903, 941.
- [49] *Tài liệu Bolivia: informe país*. Consulta pre sinodal, 2019, trg. 36; Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 23.
- [50] *Tài Liệu Làm Việc*, 26.
- [51] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 146: AAS 107 (2015), 906.
- [52] *Documento con aportes al Sínodo de la Diócesis de San José del Guaviare y de la Arquidiócesis de Villavicencio y Granada* (Colombia); Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 17.
- [53] EUCLIDES DA CUNHA, *Los Sertones* (Os Sertões), Buenos Aires (1946), 65-66.
- [54] PABLO NERUDA, “Amazonas” trong *Canto General* (1938), I, IV.
- [55] REPAM, *Tài liệu Eje de Fronteras. Preparación para el Sínodo de la Amazonia*, Tabatinga-Brasil (3-2-2019), p. 3; Xem *Tài Liệu Làm Việc*, 8.
- [56] AMADEU THIAGO DE LELLO, *Amazonas, patria da agua*. Bản dịch tiếng Tây Ban Nha của Jorge Timossi, in http://letras-uruguay.espaciolatino.com/aaa/mello_thiago/amazonas_patria_da_agua.htm.
- [57] VINICIUS DE MORAES, *Para vivir un gran amor*, Buenos Aires, 2013, 166.
- [58] JUAN CARLOS GALEANO, “Los que creyeron”, trong *Amazonia y otros poemas*, ed. Universidad externado de Colombia, Bogotá, 2011, 44.
- [59] HARALD SIOLI, *A Amazônia*, Petropolis (1985), 60.

- [60] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Diễn từ cho Hội nghị quốc tế về “Môi trường và sức khỏe”* (24-3-1997), 2.
- [61] Thông điệp *Laudato Si’* (24-5-2015), 34: AAS 107 (2015), 860.
- [62] Xem Như trên., 28-31: AAS 107 (2015), 858-859.
- [63] Như trên., 38: AAS 107 (2015), 862.
- [64] Xem KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 5 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Aparecida Document* (29-6-2007), 86.
- [65] Thông điệp *Laudato Si’* (24-5-2015), 38: AAS 107 (2015), 862.
- [66] Xem Như trên., 144, 187: AAS 107 (2015), 905-906, 921.
- [67] Xem Như trên., 183: AAS 107 (2015), 920.
- [68] Như trên HYPERLINK
["http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20150524_enciclica-laudato-si.html#53"](http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20150524_enciclica-laudato-si.html#53)., 53: AAS 107 (2015), 868.
- [69] Xem Như trên., 49: AAS 107 (2015), 866.
- [70] *Tài liệu chuẩn bị cho Thượng Hội đồng về Vùng Amazon*, 8.
- [71] Thông điệp *Laudato Si’* (24-5-2015), 56: AAS 107 (2015), 869.
- [72] Như trên., 59: AAS 107 (2015), 870.
- [73] Như trên., 33: AAS 107 (2015), 860.
- [74] Như trên., 220: AAS 107 (2015), 934.
- [75] Như trên., 215: AAS 107 (2015), 932.
- [76] SUI YUN, *Cantos para el mendigo y el rey*, Wiesbaden, 2000.
- [77] Thông điệp *Laudato Si’* (24-5-2015), 100: AAS 107 (2015), 887.
- [78] Như trên., 204: AAS 107 (2015), 928.
- [79] Xem Văn kiện Santarem (1972) và Manaus (1997) trong HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC BRAXIN, *Desafío missionário. Documentos da Igreja na Amazônia*, Brasília, 2014, trg. 9-28 và 67-84.
- [80] Xem Tông Huân *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 220: AAS 105 (2013), 1110.
- [81] Như trên., 164: AAS 105 (2013), 1088-1089.
- [82] Như trên., 165: AAS 105 (2013), 1089.
- [83] Như trên., 161: AAS 105 (2013), 1087.
- [84] Như Công đồng chung Vatican nói trong số 14 của Hiến chế *Gaudium et Spes*: “Hội Thánh đã học hỏi sớm trong lịch sử của mình để diễn tả sứ điệp Kitô giáo trong các khái niệm và ngôn ngữ của các dân tộc khác nhau, và cố gắng làm sáng tỏ nó dưới ánh sáng của sự khôn ngoan của các triết gia: đó là một nỗ lực để thích ứng Tin Mừng theo sự hiểu biết của mọi người, và yêu cầu của người trí thức, trong chừng mực điều này có thể được thực hiện. Thật vậy, loại thích nghi và rao giảng lời được mặc khải này phải là luật của tất cả việc truyền giáo. Theo cách này, có thể tạo ra ở mọi quốc gia khả năng diễn đạt sứ điệp của Chúa Kitô bằng các thuật ngữ phù hợp, và thúc đẩy sự tiếp xúc và trao đổi quan trọng giữa Giáo hội và các nền văn hóa khác nhau”.
- [85] *Thư gửi dân Chúa ở Đức*, 29-6-2019, 9: L’Osservatore Romano, 1-2 tháng 2-2019, trg. 9.
- [86] Xem THÁNH Vinh Sơn thành Lerins, *Commonitorium primum*, cap. 23: PL 50, 668: “Ut

annis scilicet consolidetur, dilatetur tempore, sublimetur aetate”.

[87] *Thư gửi dân Chúa ở Đức*, 29-6-2019, 9. Xem từ ngữ được gán cho Gustav Mahler: “Tradition ist nicht die Anbetung der Asche, sondern die Weitergabe des Feuers”: “Truyền thống không là thờ tro tàn, nhưng là bước đi trên lửa”.

[88] *Diễn từ với các Giáo sư đại học và lãnh đạo Văn hóa*, Coimbra (15-5-1982): Insegnamenti 5/2 (1982), 1702-1703.

[89] *Sứ điệp gửi dân bản địa của Lục địa châu Mỹ*, Santo Domingo (12 October 1992), 6: Insegnamenti 15/2 (1992), 346; Xem *Diễn từ với các tham dự viên của Hội nghị toàn quốc của Phong trào Hội Thánh về cam kết văn hóa* (16-1-1982), 2: Insegnamenti 5/1 (1982), 131.

[90] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng Vita Consecrata* (15-3-1996), 98: AAS 88 (1996), 474-475.

[91] Số 115: AAS 105 (2013), 1068.

[92] Như trên., 116: AAS 105 (2013), 1068.

[93] Như trên.

[94] Như trên., 129: AAS 105 (2013), 1074.

[95] Như trên., 116: AAS 105 (2013), 1068.

[96] Như trên., 117: AAS 105 (2013), 1069.

[97] Như trên.

[98] THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, *Diễn từ với Phiên họp toàn thể của Hội Đồng Văn hóa Tòa Thánh* (17-1-1987): Insegnamenti 10/1 (1987), 125.

[99] *Tông Huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 129: AAS 105 (2013), 1074.

[100] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 4 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Santo Domingo Document* (12-28 tháng 10-1992), 17.

[101] *Tông Huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 198: AAS 105 (2013), 1103.

[102] Xem VITTORIO MESSORI-JOSEPH RATZINGER, *Rapporto sulla fede*, Cinisello Balsamo, 1985, 211-212.

[103] *Tông Huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 198: AAS 105 (2013), 1103.

[104] PEDRO CASALDÁLIGA, “Carta de navegar (Por el Tocantins amazónico)” trong *El tiempo y la espera*, Santander, 1986.

[105] Thánh Tôma Aquinas giải thích điều này như sau: “Cách thức ba mặt về việc Chúa ở trong mọi sự: một là theo thông thường, bởi yếu tính, sự hiện diện và quyền uy; hai là bởi ân sủng trong các thánh; và ba là trong Chúa Kitô, bởi sự kết hiệp” (*Ad Colossenses*, II, 2).

[106] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 235: AAS 107 (2015), 939.

[107] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 3 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Puebla Document* (23-3-1979), 196.

[108] *Tông Huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 178: AAS 105 (2013), 1094.

[109] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Hiến chế tín lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 11; Xem *Tông Huấn Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 10-11.

[110] CÁC HẠT ĐẠI DIỆN TÔNG TÒA CỦA VÙNG AMAZON PERU, “Segunda asamblea episcopal regional de la selva”, San Ramón-Perú (5-10-1973), trong *Éxodo de la Iglesia en la Amazonia. Documentos pastorales de la Iglesia en la Amazonia peruana*, Iquitos, 1976, 121.

- [111] Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 123: AAS 105 (2013), 1071.
- [112] Xem Tông Huấn *Gaudete et Exsultate* (19-3-2018), 126-127.
- [113] Như trên., 32.
- [114] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 235: AAS 107 (2015), 939.
- [115] Như trên.
- [116] Như trên., 236: AAS 107 (2015), 940.
- [117] Như trên.
- [118] Như trên., 235: AAS 107 (2015), 939.
- [119] Xem hiến chế về Phụng vụ thánh *Sacrosanctum Concilium*, 37-40, 65, 77, 81.
- [120] Trong Thượng Hội Đồng, đã có đề nghị phát triển một “Nghị lễ Amazon”.
- [121] Thông điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 237: AAS 107 (2015), 940.
- [122] Tông Huấn *Amoris Laetitia* (19-3-2016), 49: AAS 108 (2016), 331; Xem Như trên. 305: AAS 108 (2016), 436-437.
- [123] Xem Như trên., 296, 308: AAS 108 (2016), 430-431, 438.
- [124] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 5 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Aparecida Document*, 29-6-2007, 100 e.
- [125] Xem THÁNH BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Thư *Sacerdotium Ministeriale* gửi các GM của Hội Thánh Công Giáo về thừa tác viên Thánh Thể (6-8-1983): AAS 75 (1983), 1001-1009.
- [126] Tông thư *Mulieris Dignitatem* (15-8-1988), 27: AAS 80 (1988), 1718.
- [127] THÁNH TÔMA AQUINAS, *Summa Theologiae* III, q. 8, a.1, resp.
- [128] Xem CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Sắc lệnh về sứ vụ và đời sống của linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 5; THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Ecclesia de Eucharistia* (17-4-2003), 26: AAS 95 (2003), 448.
- [129] Chính thừa tác của linh mục cũng là ban bí tích xúc dầu bệnh nhân, bởi vì nó liên kết chặt chẽ với việc tha tội: “Và nếu người ấy phạm tội, người ấy sẽ được tha tội” (Jas 5:15).
- [130] *Giáo lý của Hội Thánh Công Giáo*, 1396; THÁNH GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Ecclesia de Eucharistia* (17-4-2003), 26: AAS 95 (2003), 451; Xem HENRI DE LUBAC, *Meditation sur l'Église*, Paris (1968), 101.
- [131] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Sắc lệnh về sứ vụ và đời sống của linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 6.
- [132] Xin lưu ý rằng, trong một số quốc gia vùng hạ Amazon, nhiều thừa sai thích đi đến châu Âu hoặc Mỹ, hơn là ở lại giúp cho các hạt Đại Diện Tông Tòa của họ ở vùng Amazon.
- [133] Ở Thượng Hội Đồng, cũng nhiều vị nhắc đến việc thiếu các chủng viên để đào tạo linh mục cho người bản địa.
- [134] Xem CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Hiến chế tín lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 3.
- [135] THÁNH GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI, *Bài giảng lễ Minh Thánh Chúa*, 17-6-1965: *Insegnamenti* 3 (1965), 358.
- [136] Có thể rằng, do việc thiếu linh mục, một Giám mục có thể “ủy thác sự tham gia thi hành công tác mục vụ của một giáo xứ...cho một phó tế hoặc cho một người nào khác không có chức linh mục, hoặc cho một cộng đoàn” (*Bộ Giáo luật*, 517 §2).
- [137] KHÓA HỌP KHOÁNG ĐẠI LẦN 5 CỦA CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC NAM MỸ VÀ VÙNG CARIBÊ, *Aparecida Document*, 29-6-2007, 178.

- [138] Như trên, 475.
- [139] *Tài Liệu Làm Việc*, 65.
- [140] Như trên., 63.
- [141] Như trên., 129, d, 2.
- [142] Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 228: AAS 105 (2013), 1113.
- [143] Như trên., 226: AAS 105 (2013), 1112.
- [144] CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II, Tuyên ngôn về mối liên hệ của Hội Thánh với các tôn giáo ngoài Kitô giáo *Nostra Aetate*, 2.
- [145] CELAM, III *Simposio latinoamericano sobre Teología India*, Ciudad de Guatemala (23-27 tháng 10-2006).

4. Tông Huấn Của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Về Lòng Tin Tưởng Vào Tình Yêu Thương Xót Của Thiên Chúa, Nhân Dịp Kỷ Niệm 150 Năm Ngày Sinh Của Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu

(Ngày 15/10/2023)

Trong bài giáo lý hàng tuần của ngài vào thứ tư 7 tháng 6, năm 2023, về nhiệt thành truyền giáo, Đức Phanxicô đã đề cập tới gương sáng của Thánh Nữ Têrêsa thành Lisieux, quen gọi là Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu. Vào dịp này Đức Phanxicô hứa sẽ viết một tông thư về Thánh Nữ. Ngày 15 tháng 10, tức hôm nay, giờ Rôma, Đức Phanxicô đã thực hiện lời hứa ấy, không những thế, còn nâng trước tác của ngài lên hàng Tông Huấn, chứ không phải chỉ là Tông Thư: Tông huấn "C'est La Confiance" (Chính lòng tin tưởng). Chúng tôi chuyển ngữ Tông Huấn sang tiếng Việt, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:



Nguyên văn Tông Huấn "*C'Est La Confiance*" (Chính lòng tin tưởng)

1. “C’est la confiance et rien que la confiance qui doit nous conduire à l’Amour”. “Chính lòng tin tưởng và không gì khác ngoài lòng tin tưởng sẽ dẫn chúng ta đến Tình yêu”. [1]
2. Những lời đầy ấn tượng này của Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu và Thánh Nhan đã nói lên tất cả. Chúng tóm tắt thiên tài về linh đạo của ngài và đủ để biện minh cho việc ngài được vinh danh là Tiến sĩ Giáo hội. Lòng tin tưởng, “không có gì ngoài lòng tin tưởng”, là con đường duy nhất dẫn chúng ta đến Tình Yêu ban phát mọi sự. Với lòng tin tưởng, nguồn ân sủng tràn vào cuộc sống của chúng ta, Tin Mừng lên xương thịt trong chúng ta và làm cho chúng ta trở thành kênh chuyển lòng thương xót tới anh chị em mình.
3. Niềm tin tưởng nâng đỡ chúng ta hàng ngày và sẽ giúp chúng ta đứng trước mặt Chúa vào ngày Người gọi chúng ta đến với Người: “Vào buổi chiều của cuộc đời này, con sẽ xuất hiện trước mặt Chúa với hai bàn tay trắng, vì, Lạy Chúa, con không xin Chúa đếm các công việc của con. Tất cả công lý của chúng con đã bị vấy bẩn trong mắt Chúa. Vì vậy, con mong muốn được mặc lấy Công lý của chính Chúa và nhận được từ Tình yêu của Chúa sự chiếm hữu vĩnh viễn chính Chúa”. [2]

4. Thánh Têrêsa là một trong những vị thánh được biết đến nhiều nhất và được yêu mến nhất trên thế giới. Giống như Thánh Phanxicô Assisi, ngài cũng được những người không phải Kitô hữu và những người không có đức tin yêu mến. Ngoài ra, ngài còn được UNESCO công nhận là một trong những nhân vật có ý nghĩa nhất đối với nhân loại đương thời. [3] Chúng ta nên đào sâu hơn thông điệp của ngài khi chúng ta kỷ niệm 150 năm ngày sinh của ngài tại Alençon (2 tháng 1 năm 1873) và kỷ niệm 100 năm phong chân phước cho ngài. [4] Tuy nhiên, tôi đã không chọn ban hành Tông huấn này vào một trong hai ngày đó, hoặc vào Lễ nhớ phụng vụ của ngài, để sứ điệp này có thể vượt quá những lễ kỷ niệm đó và được coi là một phần của kho tàng thiêng liêng của Giáo hội. Việc công bố nó vào Lễ nhớ Thánh Têrêsa Avila là một cách trình bày Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu và Thánh Nhan như là hoa trái chín muồi của cuộc cải cách Dòng Carmel và của linh đạo của vị thánh vĩ đại người Tây Ban Nha.

5. Cuộc đời trần thế của Thánh Têrêsa rất ngắn ngủi, chỉ hai mươi bốn năm và hoàn toàn bình thường, đầu tiên là trong gia đình của ngài và sau đó là ở Dòng Carmel ở Lisieux. Sự bùng nổ phi thường của ánh sáng và tình yêu mà ngài tỏa ra đã được biết đến ngay sau khi ngài qua đời, với việc xuất bản các bài viết của ngài và nhờ vô số ân sủng ban cho các tín hữu đã xin ngài chuyển cầu.

6. Giáo hội nhanh chóng nhận ra ý nghĩa to lớn và nét đặc biệt trong linh đạo Tin Mừng của nó. Thánh Têrêsa gặp Đức Giáo Hoàng Lêô XIII trong một chuyến hành hương đến Rôma vào năm 1887 và xin phép ngài vào Dòng Carmel khi mới mười lăm tuổi. Không lâu sau khi Thánh nữ qua đời, Thánh Piô X, cảm nhận được sự cao cả về mặt thiêng liêng của ngài, đã tuyên bố rằng ngài sẽ trở thành vị thánh vĩ đại nhất của thời hiện đại. Thánh Têrêsa được tuyên bố là Đáng Đáng Kính vào năm 1921 bởi Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XV, vị Giáo Hoàng đã ca ngợi các nhân đức của ngài và thấy chúng được hiện thân trong “con đường nhỏ” của tuổi thơ thiêng liêng của ngài. [5] Ngài đã được phong chân phước cách đây một thế kỷ và sau đó được phong hiển thánh vào ngày 17 tháng 5 năm 1925 bởi Đức Giáo Hoàng Piô XI, người đã tạ ơn Chúa vì đã ban ơn để thánh nữ là Chân phước đầu tiên được ngài tôn lên các bàn thờ và là vị Thánh đầu tiên được ngài phong thánh. [6] Vào năm 1927, Đức Giáo Hoàng đã tuyên bố Thánh nữ là Bổn mạng của các cơ sở Truyền giáo. [7] Thánh Têrêsa được tôn vinh là một trong những vị thánh bảo trợ của nước Pháp vào năm 1944 bởi Đáng đáng kính Piô XII, [8] người đã nhiều lần phát triển chủ đề về tuổi thơ thiêng liêng. [9] Thánh Phaolô VI thích nhắc lại rằng ngài đã được rửa tội vào ngày 30 tháng 9 năm 1897, ngày Thánh nữ qua đời, và vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của thánh nữ, ngài đã viết một lá thư về giáo huấn của thánh nữ gửi cho Giám mục Bayeux và Lisieux. [10] Vào ngày 2 tháng 6 năm 1980, trong chuyến tông du đầu tiên đến Pháp, Thánh Gioan Phaolô II đã đến thăm Vương cung thánh đường dâng kính thánh nữ, và vào năm 1997 đã tuyên bố thánh nữ là Tiến sĩ Giáo hội. [11] Ngài cũng gọi Thánh Têrêsa là “một chuyên gia về khoa học tình yêu [*scientia amoris*]”. [12] Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI trở lại chủ đề “khoa học tình yêu” của thánh nữ và đề xuất nó như “một hướng dẫn cho tất cả mọi người, đặc biệt là những người trong dân Chúa thực hành thừa tác vụ của mình như các thần học gia”. [13] Cuối cùng, vào năm 2015, tôi đã hân hạnh phong thánh cho cha mẹ của thánh nữ là Louis và Zélie, trong

Thượng Hội đồng về Gia đình. Gần đây hơn, tôi đã dành một trong những buổi tiếp kiến chung hàng tuần của mình cho Thánh Têrêsa, như một phần của loạt bài giáo lý về lòng nhiệt thành tông đồ. [14]

1. Chúa Giêsu vì người khác

7. Trong danh hiệu mà Thánh Têrêsa chọn như một nữ tu, Chúa Giêsu nổi bật như “Hài đồng” biểu lộ mẫu nhiệm Nhập Thể, và như “Thánh Nhan” của Đấng đã hoàn toàn phó mình trên Thập Giá. Ngài là “Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu và Thánh Nhan”.

8. Danh Chúa Giêsu liên tục ở trên môi ngài như một hành động yêu thương cho đến hơi thở cuối cùng. Ngài cũng đã viết những lời này trong phòng tu của mình: “Chúa Giêsu là tình yêu duy nhất của tôi”. Đó là cách giải thích của ngài về câu quả quyết cao cả của Tân Ước: “Thiên Chúa là tình yêu” (1Ga 4:8.16).

Một linh hồn truyền giáo

9. Như mọi cuộc gặp gỡ chân chính với Chúa Kitô, cảm nghiệm đức tin này đã mời gọi ngài đi truyền giáo. Thánh Têrêsa có thể định nghĩa sứ mệnh của mình bằng những lời này: “Trên thiên đàng, tôi sẽ mong muốn điều tương tự như tôi đang làm ở dưới đất: yêu mến Chúa Giêsu và làm cho Người được yêu mến”. [15] Ngài viết rằng ngài vào dòng Carmel “để cứu các linh hồn”. [16] Tóm lại, ngài không coi việc thánh hiến của mình cho Thiên Chúa là xa cách việc theo đuổi lợi ích của anh chị em mình. Ngài đã chia sẻ tình yêu thương xót của Chúa Cha dành cho đứa con tội lỗi của mình và tình yêu của Mục Tử Nhân Lành dành cho những con chiên lạc lối, bị thương tích. Vì lý do này, Thánh Têrêsa là Bồn mạng của các xứ truyền giáo và là mẫu mực của việc truyền giảng Tin Mừng.

10. Những trang cuối cùng trong Truyện Một Tâm Hồn [17] của ngài là một di chúc truyền giáo. Chúng nói lên việc đánh giá cao của ngài đối với sự kiện truyền giảng Tin Mừng diễn ra bằng sự thu hút [18], chứ không phải bằng áp lực hay cải đạo. Thật đáng để đọc những lời của chính ngài về vấn đề này: “Hãy lôi kéo con, chúng con sẽ chạy theo Chúa khi thấy mùi dầu thơm của Chúa. Ôi lạy Chúa Giêsu! Thậm chí không cần thiết phải nói: Khi lôi kéo con, xin Chúa cũng lôi kéo những linh hồn mà con yêu thương! Câu nói đơn giản này, ‘Hãy lôi kéo con’ là đủ. Lạy Chúa, con hiểu rằng khi một linh hồn để mình bị quyến rũ bởi mùi dầu thơm của Chúa, họ không thể chạy một mình; tất cả những linh hồn mà linh hồn này yêu thương đều theo sau toa tàu của họ; điều này được thực hiện mà không cần sự thúc bách, không cần cố gắng, đó là hệ quả tự nhiên của việc linh hồn ấy được Chúa thu hút. Giống như một dòng thác mạnh lao vào đại dương, kéo theo mọi thứ nó gặp trên đường, cũng vậy, lạy Chúa Giêsu, linh hồn lao vào đại dương Tình Yêu không bờ bến của Chúa, cũng lôi kéo theo mình tất cả những kho báu mà nó sở hữu. Lạy Chúa, Chúa biết điều đó, con không có kho báu nào khác ngoài những linh hồn mà Chúa đã vui lòng kết hợp với con”. [19]

11. Trong đoạn này, Thánh Têrêsa trích dẫn những lời của cô dâu nói với chàng rể trong sách

Diễm Ca (1:3-4), theo cách giải thích sâu sắc được tìm thấy trong các tác phẩm của các tiến sĩ dòng Carmel, Thánh Têrêsa Avila và Thánh Gioan Thánh giá. Chàng rể là Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, Đấng đã hiệp nhất với nhân loại chúng ta trong mầu nhiệm Nhập Thể và cứu chuộc nhân loại trên Thập Giá. Ở đó, từ cạnh sườn rộng mở của mình, Người đã sinh ra Giáo hội, hiền thê yêu dấu của Người, Giáo hội mà Người đã hiến mạng sống mình (x. Eph 5:25). Điều đáng chú ý là Thánh Têrêsa, vì ý thức được cái chết sắp xảy ra của mình, nên đã không tiếp cận mầu nhiệm này chỉ như một nguồn an ủi cá nhân, nhưng với tinh thần tông đồ nhiệt thành.

Ân sủng giải thoát chúng ta khỏi tính vị kỷ

12. Chúng ta thấy điều tương tự khi Thánh Têrêsa nói về hoạt động của Chúa Thánh Thần, ngay lập tức mang màu sắc truyền giáo: “Đó là lời cầu nguyện của tôi. Tôi xin Chúa Giêsu kéo tôi đến với ngọn lửa tình yêu của Người, kết hợp tôi thật chặt chẽ với Người để Người sống và hành động trong tôi. Tôi cảm thấy ngọn lửa tình yêu càng cháy trong tim tôi, tôi càng nói 'Hãy lôi kéo con': càng có nhiều linh hồn đến gần tôi (mảnh sắt nhỏ tội nghiệp, vô dụng nếu tôi rút khỏi lò lửa thiêng liêng), những linh hồn này càng chạy nhanh trong mùi dầu thơm của Người Yêu, vì một linh hồn cháy bỏng tình yêu không thể nào tiếp tục thụ động được”. [20]

13. Trong trái tim Thánh Têrêsa, ân sủng của phép rửa đã trở thành dòng thác mạnh mẽ chảy vào đại dương tình yêu của Chúa Kitô và kéo theo vô số anh chị em. Đây là những gì đã xảy ra, đặc biệt là sau cái chết của ngài. Đó là “con mưa hoa hồng” mà ngài đã hứa. [21]

2. Con đường nhỏ của niềm tin thác và tình yêu

14. Một trong những hiểu biết thông suốt quan trọng nhất của Thánh Têrêsa vì lợi ích của toàn thể dân Chúa là “con đường nhỏ” của ngài, con đường tín thác và yêu thương, còn được gọi là con đường thơ ấu thiêng liêng. Mọi người đều có thể đi theo con đường này, bất kể tuổi tác hay bậc sống của họ. Đó là cách mà Cha trên trời mạc khải cho những kẻ bé mọn (x. Mt 11:25).

15. Trong Truyện Một Tâm Hồn, [22] Thánh Têrêsa kể về việc chị đã khám phá ra con đường nhỏ bé như thế nào: “Vây, dù nhỏ bé, tôi vẫn có thể khao khát nên thánh. Tôi không thể lớn lên được, vì thế tôi phải chịu đựng chính mình, với tất cả những điều không hoàn hảo của mình. Nhưng tôi muốn tìm một phương tiện để lên thiên đàng bằng một con đường nhỏ, một con đường rất thẳng, rất ngắn và hoàn toàn mới mẻ”. [23]

16. Để mô tả con đường đó, ngài dùng hình ảnh một chiếc thang máy: “Cái thang máy phải nâng con lên trời chính là cánh tay của Chúa, Ôi Chúa Giêsu! Và để làm được điều này, tôi không cần phải lớn lên, mà đúng hơn tôi phải nhỏ bé và ngày càng trở nên như thế”. [24] Nhỏ bé, không thể tin tưởng vào chính mình, nhưng vẫn vững vàng trong sức mạnh yêu thương của vòng tay Chúa.

17. Đây là “con đường tình yêu ngọt ngào” [25] mà Chúa Giêsu đặt trước những người bé nhỏ và người nghèo, trước tất cả mọi người. Đó là con đường dẫn đến hạnh phúc đích thực. Thay vì quan niệm của Pelagiô về sự thánh thiện, [26] chủ nghĩa cá nhân và vụ tinh hoa, khổ hạnh hơn là huyền nhiệm, chủ yếu nhấn mạnh đến nỗ lực của con người, Thánh Têrêsa luôn nhấn mạnh đến tính ưu việt của công việc Thiên Chúa, hồng ân ân sủng của Người. Kết quả là, ngài có thể nói: “Tuy nhiên, tôi luôn cảm thấy niềm tin tưởng táo bạo về việc trở thành một vị thánh vĩ đại, bởi vì tôi không đếm xỉa đến công đức của mình, vì tôi không có, nhưng tôi tin tưởng vào Đấng Nhân đức và Thánh thiện”. Chỉ có Thiên Chúa, hài lòng với những nỗ lực yếu đuối của tôi, mới nâng tôi lên và biến tôi thành thánh, mặc cho tôi công nghiệp vô biên của Người”. [27]

Ngoài mọi công đức

18. Cách nói này không hề trái ngược với giáo huấn truyền thống của Công Giáo về việc gia tăng ân sủng, nghĩa là, một khi được biện minh một cách nhưng không nhờ ân sủng thánh hóa, chúng ta được thay đổi và có khả năng hợp tác bằng các việc lành của mình trong một tiến trình tăng trưởng trong sự thánh thiện. Nhờ sự “nâng cao” này, chúng ta có thể sở hữu những công đức thực sự nhờ phát triển ân sủng đã nhận được.

19. Về phần mình, Thánh Têrêsa muốn nêu bật tính ưu việt trong hành động của Thiên Chúa; ngài khuyến khích chúng ta hoàn toàn tin tưởng khi chiêm ngắm tình yêu Chúa Kitô tuôn đổ cho đến cùng. Trọng tâm lời dạy của ngài là nhận thức rằng, vì chúng ta không có khả năng chắc chắn về bản thân, [28] nên chúng ta không thể chắc chắn về công đức của mình. Do đó, không thể tin tưởng vào nỗ lực hoặc thành tích của chính mình. Sách Giáo Lý đã chọn trích dẫn những lời Thánh Têrêsa thưa với Chúa: “Con sẽ xuất hiện trước mặt Chúa với hai bàn tay trắng”, [29] để diễn tả rằng “các vị thánh luôn có một ý thức sống động rằng công nghiệp của các ngài là ân sủng thuần khiết”. [30] Niềm xác tín này làm nảy sinh lòng biết ơn vui tươi và dịu dàng.

20. Vì vậy, điều phù hợp nhất là chúng ta nên đặt niềm tin thác thân thành không phải vào bản thân mà vào lòng thương xót vô hạn của Thiên Chúa, Đấng yêu thương chúng ta vô điều kiện và đã ban cho chúng ta mọi sự nơi Thập Giá Chúa Giêsu Kitô. [31] Vì lý do này, Thánh Têrêsa không bao giờ sử dụng cách diễn đạt khá phổ biến vào thời của ngài: “Tôi sẽ trở thành một vị thánh”.

21. Dù vậy, niềm tin tưởng vô bờ bến của ngài khuyến khích tất cả những ai cảm thấy yếu đuối, giới hạn và tội lỗi hãy để mình được nâng cao và biến đổi để đạt đến những tầm cao hơn. “Nếu tất cả những linh hồn yếu đuối và bất toàn đều cảm nhận được điều mà những linh hồn hèn mọn nhất cảm nhận được, tức là linh hồn Têrêsa bé nhỏ của Chúa, thì không một ai sẽ tuyệt vọng trong việc đạt đến đỉnh cao của tình yêu. Chúa Giêsu không đòi hỏi chúng ta phải làm những việc lớn lao, nhưng chỉ đơn giản là phó thác và biết ơn”. [32]

22. Sự nhân mạnh của Thánh Têrêsa về sáng kiến của Thiên Chúa khiến ngài, khi nói về Bí tích Thánh Thể, không đặt lên hàng đầu ước muốn được rước Chúa Giêsu khi Rước lễ, nhưng đúng hơn là ước muốn của Chúa Giêsu hiệp nhất Người với chúng ta và ngự trong tâm hồn chúng ta. [33] Trong Kinh Hiến dâng cho Tình yêu Thương xót, buồn bã vì không thể rước lễ mỗi ngày, ngài nói với Chúa Giêsu: “Xin Chúa ở trong con như ở trong nhà tạm”. [34] Cái nhìn của ngài không dừng lại ở bản thân và những nhu cầu của riêng mình, mà vào Chúa Kitô, Đấng yêu thương, tìm kiếm, ước muốn và ngự trong lòng.

Sự phó thác hàng ngày

23. Niềm tin tưởng mà Thánh Têrêsa đề xuất có liên quan đến hơn việc thánh hóa và cứu rỗi cá nhân chúng ta. Nó có một ý nghĩa toàn diện, bao trùm toàn bộ sự hiện hữu cụ thể và được áp dụng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, nơi chúng ta thường bị tấn công bởi những nỗi sợ hãi, ước muốn về an ninh con người, nhu cầu kiểm soát mọi thứ. Ở đây chúng ta thấy tầm quan trọng của lời mời gọi “phó thác” thánh thiện của ngài.

24. Niềm tin tưởng hoàn toàn trở thành niềm phó thác trong Tình Yêu giúp chúng ta thoát khỏi những tính toán âm ảnh, thường xuyên lo lắng về tương lai và những nỗi sợ hãi bị lấy mất sự bình an của chúng ta. Trong những ngày cuối đời, Thánh Têrêsa đã nhấn mạnh điều này: “Chúng ta, những người chạy trên con đường tình yêu, không nên nghĩ đến những đau khổ có thể xảy ra trong tương lai; đó là sự thiếu tự tin”. [35] Nếu chúng ta ở trong tay của một người Cha yêu thương chúng ta một cách không giới hạn, điều này vẫn đúng bất kể chuyện gì xảy ra; chúng ta sẽ có thể vượt qua bất cứ điều gì có thể xảy ra với chúng ta và, bằng cách này hay cách khác, kế hoạch yêu thương và viên mãn của Người sẽ hoàn thành trong cuộc sống của chúng ta.

Lửa cháy trong đêm

25. Thánh Têrêsa cảm nghiệm đức tin một cách mạnh mẽ và chắc chắn nhất giữa đêm tối và đặc biệt giữa bóng tối đời Canvê. Chứng tá của ngài lên đến tuyệt đỉnh trong những tháng cuối đời, trong “cuộc thử thách chống lại đức tin” vĩ đại [36] bắt đầu vào lễ Phục sinh năm 1896. Trong lời tường thuật của mình, [37] ngài trực tiếp thuật lại giai đoạn thử thách này với thực tại đau đớn của chủ nghĩa vô thần thời đại ngài. Những năm cuối thế kỷ 19 là “thời hoàng kim” của chủ nghĩa vô thần hiện đại với tư cách là một hệ thống triết học và tư tưởng. Khi ngài viết rằng Chúa Giêsu đã để tâm hồn ngài “bị bóng tối dày đặc nhất xâm chiếm”, [38] ngài cố ý gọi lên bóng tối của chủ nghĩa vô thần và sự khước từ đức tin Kitô giáo. Trong sự hiệp nhất với Chúa Giêsu, Đấng đã gánh lấy mọi bóng tối tội lỗi của thế gian khi Người sẵn lòng uống chén Thương Khó, Thánh Têrêsa đã dần hiểu được cảm giác tuyệt vọng và trống rỗng tột cùng ẩn sâu trong đó. [39]

26. Tuy nhiên, bóng tối không thể lấn át ánh sáng: Thánh Têrêsa đã được chinh phục bởi Đấng đến như ánh sáng trong thế gian (x. Ga 12,46). [40] Trình thuật của ngài cho thấy bản chất anh hùng của đức tin, sự chiến thắng của ngài trong cuộc chiến tâm linh với những cảm

đỗ mạnh mẽ nhất. Ngài cảm thấy mình là chị em của những người vô thần, ngồi cùng bàn với họ, giống như Chúa Giêsu ngồi với những người tội lỗi (x. Mt 9:10-13). Ngài cầu thay cho họ, luôn đổi mới hành vi đức tin của mình, trong sự hiệp thông yêu thương liên tục với Chúa: “Tôi chạy về phía Chúa Giêsu của tôi. Tôi nói với Người rằng tôi sẵn sàng đổ máu đến giọt cuối cùng để tuyên xưng niềm tin vào sự hiện hữu của thiên đàng. Tôi cũng nói với Người rằng tôi rất vui khi không được tận hưởng thiên đàng tươi đẹp trên trái đất này để Người sẽ mở nó ra vĩnh viễn cho những người không có đức tin tội nghiệp”. [41]

27. Cùng với đức tin, Thánh Têrêsa trải nghiệm một niềm tin tường sâu sắc và vô bờ bến vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa: “niềm tin tường sẽ dẫn chúng ta đến Tình yêu”. [42] Ngay trong bóng tối của mình, ngài vẫn cảm nghiệm được sự tín thác hoàn toàn của một đứa trẻ tìm được nơi nương tựa, không sợ hãi, trong vòng tay của cha mẹ nó. Đối với Thánh Têrêsa, Thiên Chúa duy nhất được mạc khải trên hết trong lòng thương xót của Người, đó là chìa khóa để hiểu mọi điều khác có thể nói về Người: “Chúa đã ban cho tôi lòng thương xót vô biên và qua đó tôi chiêm ngưỡng và tôn thờ những sự hoàn hảo khác của Thiên Chúa”! Tất cả những sự hoàn hảo này dường như rực rỡ với tình yêu, ngay Công lý của Người (và có lẽ điều này còn hơn cả những điều khác) đối với tôi dường như được mặc trong tình yêu”. [43] Đây là một trong những hiểu biết sâu sắc nhất của Thánh Têrêsa, một trong những đóng góp chính yếu của ngài cho toàn thể dân Chúa. Một cách phi thường, ngài đã thăm dò chiều sâu của lòng thương xót Chúa và rút ra từ đó ánh sáng niềm hy vọng vô hạn của ngài.

Niềm hy vọng vững chắc nhất

28. Trước khi vào Dòng Cát Minh, Thánh Têrêsa đã cảm thấy một sự gần gũi tinh thần đặc biệt với một trong những người bất hạnh nhất, tên tội phạm Henri Pranzini, bị kết án tử hình vì tội giết ba người mà hắn không hề ăn năn. [44] Bằng cách cử hành Thánh lễ cho anh ta và cầu nguyện với lòng tin tường hoàn toàn cho sự cứu rỗi của anh ta, ngài tin chắc rằng ngài kéo được anh ta đến gần hơn với máu của Chúa Giêsu, và ngài nói với Chúa rằng ngài chắc chắn vào giây phút cuối cùng Chúa sẽ tha thứ cho anh ta “ngay cả khi anh ta đi đến cái chết mà không hề có dấu hiệu ăn năn”. Về lý do cho sự chắc chắn của mình, ngài nói: “Tôi hoàn toàn tin tường vào lòng thương xót của Chúa Giêsu”. [45] Cảm xúc của ngài thật lớn lao xiết bao khi biết rằng Pranzini, sau khi leo lên đoạn đầu đài, “đột nhiên, có cảm hứng, quay lại, nắm lấy tượng chịu nạn mà vị linh mục đang đưa ra cho anh ta và hôn những vết thương thánh thiêng ba lần!” [46] Cảm nghiệm mãnh liệt hy vọng chống lại mọi hy vọng này là nền tảng đối với ngài: “Sau ân sủng đặc biệt này, ước muốn cứu các linh hồn của tôi lớn lên mỗi ngày”. [47]

29. Thánh Têrêsa ý thức được thực tại bi thảm của tội lỗi, nhưng ngài vẫn không ngừng đắm mình trong mầu nhiệm của Chúa Kitô, tin chắc rằng “ở đâu tội lỗi gia tăng, ở đó ân sủng càng tràn đầy” (Rm 5:20). Tội lỗi của thế gian thì lớn lao nhưng không phải là vô hạn, trong khi tình yêu thương xót của Đấng Cứu Chuộc thực sự là vô hạn. Thánh Têrêsa làm chứng cho chiến thắng chung cuộc của Chúa Giêsu, qua cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Người, trên mọi quyền lực của sự dữ. Tràn đầy tin tường, ngài dám giải thích: “Lạy Chúa

Giêsu, xin cho con cứu được rất nhiều linh hồn; xin đừng để linh hồn nào bị hư mất hôm nay... Lạy Chúa Giêsu, xin tha thứ cho con nếu con nói điều gì không nên nói. Con chỉ muốn mang đến cho Chúa niềm vui và an ủi Chúa”. [48] Bây giờ điều này khiến chúng ta phải xem xét một khía cạnh khác của làn hơi không khí trong lành, đó là thông điệp của Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu và Thánh Nhan.

3. Con sẽ là tình yêu

30. Vì “cao cả” hơn đức tin và đức cậy, đức ái sẽ không bao giờ qua đi (x. *1 Cr* 13:8-13). Đó là hồng ân tối thượng của Chúa Thánh Thần và là “mẹ và cội nguồn của mọi nhân đức”. [49]

Đức ái như một thái độ bản thân của tình yêu

31. Câu chuyện Một Linh hồn là một chứng từ về đức ái, trong đó Thánh Têrêsa đưa ra cho chúng ta lời bình luận về điều răn mới của Chúa Giêsu: “Các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con” (*Ga* 15:12). [50] Chúa Giêsu khao khát sự đáp trả này đối với tình yêu của Người. Thật vậy, Người “không ngại xin người đàn bà Samaria một ít nước. Người thấy khát. Nhưng khi Người nói 'Cho tôi uống', thì chính tình yêu của tạo vật khốn khổ của Người mà Đấng Tạo Hóa của vũ trụ đang tìm kiếm. Người khát khao tình yêu”. [51] Thánh Têrêsa muốn đáp lại tình yêu của Chúa Giêsu, dâng hiến cho Người tình yêu để đáp lại tình yêu. [52]

32. Tính biểu tượng của tình yêu phụ thê nhấn mạnh đến sự tự hiến cho nhau của chàng rể và cô dâu. Do đó, lấy cảm hứng từ Diễm ca (2:16), Thánh Têrêsa viết, “Tôi nghĩ rằng Trái tim Người Phối Ngẫu của tôi là của riêng tôi, cũng như trái tim của tôi là của riêng Người, và tôi nói chuyện với Người trong sự cô tịch của trái tim vui vẻ này nói với trái tim kia, trong khi chờ đợi một ngày nào đó được chiêm ngưỡng Người mặt đối mặt”. [53] Mặc dù Chúa yêu thương chúng ta như một dân tộc, nhưng đồng thời đức ái cũng hoạt động một cách bản thân nhất: “trái tim với trái tim”.

33. Thánh Têrêsa hoàn toàn chắc chắn rằng Chúa Giêsu đã yêu thương ngài và biết đích danh ngài vào lúc chịu khổ nạn: “Người yêu tôi và hiến mạng vì tôi” (*Gl* 2:20). Khi chiêm ngưỡng Chúa Giêsu trong con hấp hối, ngài nói với Người: “Chúa đã thấy con”. [54] Cũng vậy, ngài nói với Hải Nhi Giêsu trong vòng tay của Mẹ Người: “Với bàn tay nhỏ bé Chúa vuốt ve Đức Maria, Chúa đã nâng đỡ thế giới và ban cho nó sự sống, và Chúa đã nghĩ đến con”. [55] Cũng vậy, khi bắt đầu Câu chuyện một Linh hồn, ngài đã chiêm ngưỡng tình yêu của Chúa Giêsu đối với toàn thể nhân loại và đối với mỗi cá nhân, như thể họ là người duy nhất trên thế giới. [56]

34. Hành vi yêu thương – lặp đi lặp lại những lời “Lạy Chúa Giêsu, con yêu Chúa” – đối với Thánh Têrêsa trở nên tự nhiên như hơi thở, là chìa khóa giúp ngài hiểu Tin Mừng. Với tình yêu đó, ngài đắm mình trong tất cả các mầu nhiệm của cuộc đời Chúa Kitô, trở nên đương thời với Người và đặt mình vào trong Tin Mừng cùng với Đức Maria và Thánh Giuse, thánh Maria Mađalêna và các tông đồ. Cùng với họ, ngài đã đi sâu vào tình yêu của Trái Tim Chúa Giêsu. Chúng ta hãy lấy một thí dụ: “Khi tôi nhìn thấy Mađalêna bước tới trước nhiều quan khách, lấy nước mắt rửa chân cho Thầy kính yêu của mình, Đấng mà bà chạm vào lần đầu tiên, tôi cảm thấy rằng trái tim bà đã hiểu được các vực thẳm của tình yêu và lòng thương xót của Trái Tim Chúa Giêsu, và dù bà là người tội lỗi, Trái Tim tình yêu này không chỉ sẵn sàng

tha thứ cho bà, mà còn ban cho bà những phúc lành của sự thân mật thần linh, nâng bà lên đỉnh cao nhất của sự chiêm niệm”. [57]

Tình yêu lớn nhất trong sự đơn giản tối cao

35. Ở cuối Câu chuyện một Linh hồn, Thánh Têrêsa trình bày cho chúng ta Hành vi Hiến dâng Tình yêu Thương xót. [58] Một khi hoàn toàn phó thác cho hoạt động của Chúa Thánh Thần, ngài đã nhận được, một cách lặng lẽ và kín đáo, một dòng nước hằng sống dồi dào: “những dòng sông, hay đúng hơn là những đại dương ân sủng tràn ngập linh hồn tôi”. [59] Đây là đời sống huyền nhiệm, ngoài những hiện tượng ngoại thường, nó cung ứng cho mọi tín hữu như một kinh nghiệm yêu thương hằng ngày.

36. Thánh Têrêsa thực hành đức ái trong sự bé nhỏ, trong những điều đơn giản nhất của cuộc sống hằng ngày, và ngài đã làm như vậy khi đồng hành với Đức Trinh Nữ Maria, đáng mà từ đó ngài đã học được rằng “yêu thương là cho đi tất cả. Đó là hiến dâng chính mình”. [60] Trong khi các nhà giảng thuyết thời đó thường tôn vinh sự cao cả của Đức Maria theo những cách khiến cho Mẹ dường như xa rời chúng ta, Thánh Têrêsa đã cho thấy, bắt đầu từ Tin Mừng, rằng Đức Maria là người cao trọng nhất trong Nước Trời vì Mẹ là người bé nhỏ nhất (x. Mt 18:4), người gần gũi nhất với Chúa Giêsu trong sự hạ mình của Người. Ngài thấy rằng, nếu nguy thư đây rầy những chiến công nổi bật và đáng kinh ngạc, thì Tin Mừng cho chúng ta thấy một cuộc sống thấp hèn và nghèo khó sống trong đức tin đơn sơ. Chính Chúa Giêsu muốn Đức Maria trở thành mẫu gương của một tâm hồn tìm kiếm Người với một đức tin đơn sơ. [61] Đức Maria là người đầu tiên trải nghiệm “con đường nhỏ” trong đức tin thuần khiết và lòng khiêm nhường. Vì vậy, Thánh Têrêsa đã không ngần ngại viết:

“Lạy Mẹ đầy ân sủng, con biết rằng ở Nazareth
Mẹ sống trong cảnh nghèo khó, không muốn gì hơn nữa.
Không có sung sướng, phép lạ hay sự xuất thần
Lạy Nữ hoàng của những người được chọn, xin Mẹ làm đẹp cuộc sống của Mẹ!...
Số lượng những người bé nhỏ trên trái đất thực sự rất lớn.
Họ có thể ngược mắt nhìn Mẹ mà không run rẩy.
Lạy Mẹ khôn sánh, chính một cách thông thường,
Mẹ đã thích tiến bước để dẫn họ lên thiên đàng”. [62]

37. Thánh Têrêsa kể cho chúng ta nghe về những giây phút ân sủng được trải nghiệm giữa sự đơn sơ của cuộc sống hằng ngày, giống như sự hiểu biết thông sáng bất ngờ mà ngài có được khi đồng hành cùng một nữ tu bệnh hoạn và có phần nóng nảy. Mặc dù vậy, những trải nghiệm về lòng đức ái mãnh liệt hơn đó vẫn diễn ra theo những cách bình thường nhất. “Một đêm mùa đông, tôi đang thực hiện nhiệm vụ nhỏ bé của mình như thường lệ; trời lạnh, trời đã về đêm. Đột nhiên tôi nghe thấy từ xa tiếng âm thanh hòa điệu của một nhạc cụ. Lúc đó, tôi hình dung ra một phòng khách được chiếu sáng tốt, mạ vàng rực rỡ, đầy những thiếu nữ trẻ ăn mặc sang trọng đang trò chuyện và dành cho nhau đủ loại lời khen ngợi cũng như những nhận xét trần tục khác. Rồi tôi liếc nhìn người bệnh tật tội nghiệp mà tôi đang giúp đỡ. Thay vì những dòng nhạc hay, tôi chỉ nghe thấy những lời phàn nàn thỉnh thoảng của bà, và thay vì những món đồ mạ vàng sang trọng, tôi chỉ nhìn thấy những viên gạch của tu viện khắc khổ của chúng tôi, khó nhìn thấy được dưới ánh sáng mờ mờ. Tôi không thể diễn tả bằng lời điều gì đã xảy ra trong linh hồn tôi; điều tôi biết là Chúa đã soi sáng nó bằng những tia sáng của sự thật, những tia sáng ấy vượt xa ánh sáng rực rỡ tầm tối của những bữa tiệc trần thế đến nỗi tôi không thể tin được vào niềm hạnh phúc của mình. Ah! Tôi sẽ không đánh đổi mười phút được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ bác ái khiêm tốn của mình để tận hưởng những bữa tiệc

ngàn năm thế gian”. [63]

Trong lòng Giáo Hội

38. Từ Thánh Têrêsa thành Avila, Thánh Têrêsa thừa hưởng một tình yêu lớn lao đối với Giáo hội và có thể thăm dò các chiều sâu của mầu nhiệm này. Chúng ta thấy điều này khi ngài khám phá ra “trái tim của Giáo hội”. Trong một lời cầu nguyện dài với Chúa Giêsu, [64], được viết vào ngày 8 tháng 9 năm 1896, nhân kỷ niệm sáu năm khăn dòng, vị thánh đã tâm sự với Chúa rằng ngài cảm thấy được thúc đẩy bởi một ước muốn vô biên, một niềm đam mê Tin Mừng mà không một ơn gọi nào, tự nó có thể thỏa mãn. Và vì vậy, khi tìm kiếm “vị trí” của mình trong Giáo hội, ngài đã mở các chương 12 và 13 của Thư Thứ Nhất Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô.

39. Ở đó, trong Chương 12, vị tông đồ sử dụng phép ẩn dụ thân xác và các chi thể của nó để giải thích rằng Giáo hội bao trùm rất nhiều đặc sủng được sắp xếp theo trật tự phẩm trật. Tuy nhiên, mô tả này vẫn chưa đủ đối với Thánh Têrêsa. Ngài tiếp tục tìm kiếm và đọc “bài thánh ca về đức ái” ở Chương 13. Ở đó, ngài đã tìm ra câu trả lời xuất sắc cho câu hỏi của mình và viết ra trang đáng nhớ này: “Xét về thân thể huyền nhiệm của Giáo hội, tôi đã không nhận ra chính mình trong bất cứ những chi thể nào được Thánh Phaolô mô tả, hay đúng hơn là tôi mong muốn nhìn thấy chính mình trong tất cả họ. Đức ái đã cho tôi chìa khóa ơn gọi của tôi. Tôi hiểu rằng nếu Giáo hội có một thân thể gồm nhiều chi thể khác nhau thì không thể thiếu những chi thể cần thiết nhất và cao quý nhất, và vì vậy tôi hiểu rằng Giáo hội có một Trái tim, và Trái tim này đang cháy bỏng tình yêu. Tôi hiểu rằng chỉ có tình yêu mới khiến các chi thể của Giáo hội hành động, nếu có bao giờ Tình yêu bị tuyệt chủng thì các tông đồ sẽ không còn rao giảng Tin Mừng và các vị tử đạo sẽ không còn đổ máu. Tôi hiểu rằng Tình Yêu bao gồm mọi ơn gọi, tình yêu đó là tất cả, nó bao trùm mọi thời và mọi nơi... tóm lại: nó là vĩnh cửu! Sau đó, trong niềm vui sướng tột độ, tôi đã kêu lên: Ôi Chúa Giêsu, Tình Yêu của con... ơn gọi của con, cuối cùng con đã tìm thấy nó... ơn gọi của con là Tình Yêu! Vâng, tôi đã tìm được vị trí của mình trong Giáo hội, và chính Chúa, lạy Thiên Chúa của con, đã ban cho con vị trí này; trong trái tim của Giáo hội, Mẹ của con, con sẽ là Tình yêu. Như vậy con sẽ là tất cả, và như vậy giấc mơ của con sẽ thành hiện thực”. [65]

40. Trái tim này không phải là trái tim của một Giáo hội hãnh chiến, mà là một Giáo hội yêu thương, khiêm tốn và xót thương. Thánh Têrêsa không bao giờ đặt mình lên trên người khác, nhưng cùng đứng ở vị trí thấp nhất với Con Thiên Chúa, Đấng đã trở thành nô lệ và hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết trên thập giá (x. Pl 2:7-8).

41. Việc khám phá trái tim của Giáo hội này cũng là nguồn ánh sáng lớn lao cho chúng ta ngày nay. Nó bảo vệ chúng ta khỏi bị xúc phạm bởi những hạn chế và yếu đuối của định chế giáo hội với những bóng tối và tội lỗi của nó, đồng thời giúp chúng ta bước vào “trái tim cháy bỏng tình yêu” của Giáo hội, trái tim bùng cháy vào Lễ Hiện Xuống nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần. Chính trái tim đó có ngọn lửa được nhen nhóm lại qua mỗi hành động bác ái của chúng ta. “Con sẽ là tình yêu”. Đây là lựa chọn triệt để của Thánh Têrêsa, sự tổng hợp dứt khoát và bản sắc thiêng liêng sâu sắc nhất của ngài.

Một cơn mưa hoa hồng

42. Sau nhiều thế kỷ, trong đó vô số các vị thánh đã hết sức nhiệt thành và hùng hồn bày tỏ ước muốn “lên thiên đàng”, Thánh Têrêsa có thể thừa nhận một cách hết sức chân thành:

“Vào thời điểm đó, tôi đang phải chịu đựng đủ loại thử thách nội tâm, thậm chí đến mức tự hỏi liệu thiên đàng có thực sự tồn tại hay không”. [66] Vào một lúc khác, ngài nói: “Khi tôi hát về hạnh phúc thiên đàng và về sự sở hữu vĩnh cửu Thiên Chúa, tôi không cảm thấy vui mừng gì cả, vì tôi chỉ hát những gì tôi muốn tin”. [67] Chuyện gì đã xảy ra vậy? Thánh Têrêsa đã nghe thấy tiếng Chúa mời gọi thổi lửa vào trái tim Giáo hội hơn là nghĩ đến hạnh phúc bản thân của ngài.

43. Sự biến đổi đang diễn ra đã giúp ngài chuyển từ lòng khao khát thiên đàng nhiệt thành sang lòng khao khát thường xuyên, cháy bỏng vì lợi ích của mọi người, lên đến tuyệt đỉnh là giấc mơ tiếp tục trên thiên đàng sứ mệnh yêu mến Chúa Giêsu và làm cho Người được yêu mến. Như ngài đã viết trong một trong những lá thư cuối cùng của mình: “Tôi thực sự tin tưởng vào việc không tiếp tục thụ động trên thiên đàng. Mong muốn của tôi là vẫn tiếp tục làm việc cho Giáo hội và cho các linh hồn”. [68] Và trong chính những ngày đó, ngài nói, thậm chí còn trực tiếp hơn: “Thiên đàng của tôi sẽ dành để sống trên trái đất cho đến ngày tận thế. Vâng, tôi muốn dành cả thiên đàng của mình để làm những điều tốt đẹp trên trái đất”. [69]

44. Bằng những lời đó, Thánh Têrêsa bày tỏ sự đáp trả chắc chắn nhất của mình trước hồng ân độc đáo mà Chúa đã ban cho ngài, ánh sáng đặc biệt mà Thiên Chúa đang chiếu soi trên ngài. Bằng cách này, ngài đã đạt được sự tổng hợp Tin Mừng cuối cùng của bản thân mình, một sự tổng hợp bắt đầu bằng sự tin tưởng hoàn toàn và kết thúc bằng sự phó thác hoàn toàn vì lợi ích của người khác. Ngài không nghi ngờ gì về kết quả của việc phó thác đó: “Tôi nghĩ đến tất cả những điều tốt đẹp mà tôi muốn làm sau khi chết”. [70] “Chúa sẽ không ban cho tôi ước muốn làm điều tốt trên trái đất sau khi tôi chết, nếu Người đã không muốn thể hiện điều đó”. [71] “Nó sẽ giống như một cơn mưa hoa hồng”. [72]

45. Ngài đã đi hết vòng. “*C’est la confiance*”. Chính sự tín thác đưa chúng ta đến tình yêu và do đó giải phóng chúng ta khỏi sợ hãi. Chính niềm tín thác giúp chúng ta ngừng nhìn vào chính mình và giúp chúng ta phó thác vào tay Thiên Chúa những gì chỉ có Người mới có thể hoàn thành được. Làm như vậy sẽ mang lại cho chúng ta nguồn tình yêu và năng lực bao la để tìm kiếm lợi ích cho anh chị em chúng ta. Và vì thế, giữa nỗi đau khổ của những ngày cuối đời, Thánh Têrêsa đã có thể nói: “Tôi chỉ trông cậy vào tình yêu”. [73] Cuối cùng, chỉ có tình yêu mới có giá trị. Niềm tin tưởng làm cho những bông hồng nở hoa và tuôn đổ chúng như sự tràn ngập tình yêu vô bờ bến của Thiên Chúa. Vậy chúng ta hãy cầu xin niềm tin tưởng như một món quà ân sủng miễn phí và quý giá, để những con đường Tin Mừng có thể mở ra trong cuộc sống của chúng ta.

4. Trọng tâm của Tin Mừng

46. Trong Niềm Vui Tin Mừng, tôi đã kêu gọi quay trở lại với nguồn mạch tươi mới, để nhấn mạnh điều thiết yếu và không thể thiếu được. Bây giờ tôi thấy thật phù hợp để tiếp nhận lời mời đó và đề xuất nó một lần nữa.

Tiến sĩ của tổng hợp

47. Tông huấn về Thánh Têrêsa này cho phép tôi nhận xét rằng, trong một Giáo hội truyền giáo, “sứ điệp phải tập trung vào những điều thiết yếu, vào những gì đẹp nhất, vĩ đại nhất, lôi cuốn nhất và đồng thời cần thiết nhất. Thông điệp được đơn giản hóa nhưng không mất đi chiều sâu và tính chân thực của nó, và do đó trở nên mạnh mẽ và thuyết phục hơn”. [74] Điểm cốt lõi sáng chói của thông điệp đó là “về đẹp của tình yêu cứu độ của Thiên Chúa

được biểu lộ nơi Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chết và sống lại từ cõi chết”. [75]

48. Không phải mọi thứ đều có vai trò trung tâm như nhau, bởi vì có một trật tự hoặc phẩm trật giữa các chân lý của Giáo hội, và “điều này đúng đối với các tín điều đức tin cũng như đối với toàn bộ giáo huấn của Giáo hội, bao gồm cả giáo huấn luân lý của Giáo hội”. [76] Trọng tâm của luân lý Kitô giáo là đức ái, như sự đáp trả của chúng ta trước tình yêu vô điều kiện của Chúa Ba Ngôi. Do đó, “những việc yêu thương hướng tới người lân cận là biểu hiện hoàn hảo nhất của ân sủng bên trong của Chúa Thánh Thần”. [77] Cuối cùng, chỉ có tình yêu mới có giá trị.

49. Sự đóng góp chuyên biệt mà Thánh Têrêsa cống hiến cho chúng ta trong tư cách một vị thánh và một Tiến sĩ Giáo hội không mang tính phân tích, chẳng hạn như của Thánh Tôma Aquinô. Sự đóng góp của ngài mang tính tổng hợp hơn, vì thiên tài của ngài hệ tại ở việc dẫn chúng ta đến điều trung tâm, thiết yếu và không thể thiếu được. Bằng lời nói và kinh nghiệm bản thân của mình, ngài cho thấy rằng, mặc dù đúng là tất cả các giáo huấn và quy tắc của Giáo hội đều có tầm quan trọng, giá trị, sự rõ ràng của chúng, nhưng một số lại cấp bách hơn và nền tảng hơn đối với đời sống Kitô hữu. Đó là nơi Thánh Têrêsa hướng đôi mắt và trái tim của ngài tới.

50. Như những nhà thần học, nhà luân lý và tác giả tâm linh, như các mục tử và như các tín hữu, ở bất cứ nơi nào chúng ta ở, chúng ta cần phải liên tục áp dụng cái nhìn sâu sắc này của Thánh Têrêsa và rút ra từ đó những hệ quả cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn, giáo lý và mục vụ, bản thân và cộng đồng. Chúng ta cần sự mạnh dạn và tự do nội tâm để làm điều đó.

51. Đôi khi, những trích dẫn duy nhất mà chúng ta thấy được trích dẫn từ vị thánh này chỉ là thứ yếu đối với sứ điệp của ngài, hoặc bàn đến những điều ngài có chung với bất cứ vị thánh nào khác, chẳng hạn như cầu nguyện, hy sinh, lòng sùng kính Thánh Thể, và bất cứ chứng từ nào đẹp đẽ khác. Tuy nhiên, theo cách này, chúng ta có thể đang tước đi điều đặc biệt nhất về món quà của ngài dành cho Giáo hội. Chúng ta quên rằng “mỗi vị thánh là một sứ mệnh, được Chúa Cha hoạch định để phản ánh và hiện thân, vào một thời điểm chuyên biệt trong lịch sử, một khía cạnh nào đó của Tin Mừng”. [78] Thật vậy, “để nhận ra lời Chúa muốn nói với chúng ta qua một trong các vị thánh của Người, chúng ta không cần phải đi sâu vào các chi tiết... Điều chúng ta cần chiêm ngưỡng là toàn bộ đời sống của các ngài, toàn bộ hành trình lớn lên trong sự thánh thiện, sự phản ánh Chúa Giêsu Kitô hiện lên khi chúng ta nắm bắt được ý nghĩa tổng thể của các ngài trong tư cách một ngôi vị”. [79] Điều này càng đúng hơn trong trường hợp của Thánh Têrêsa, vì chúng ta đang nói đến một “Tiến sĩ của tổng hợp”.

52. Từ trời xuống đất, chứng tá kịp thời của Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu và Thánh Nhan vẫn tồn tại trong tất cả sự cao cả của con đường bé nhỏ của ngài.

Trong thời đại thúc giục chúng ta tập trung vào bản thân và sở thích của mình, Thánh Têrêsa cho chúng ta thấy vẻ đẹp của việc biến cuộc sống của chúng ta thành một món quà.

Vào thời điểm mà những nhu cầu và ước muốn hời hợt nhất được tôn vinh, ngài làm chứng cho tính triệt để của Tin Mừng.

Trong thời đại cá nhân chủ nghĩa, ngài làm cho chúng ta khám phá ra giá trị của một tình yêu trở thành lời chuyển cầu cho người khác.

Vào thời điểm con người bị ám ảnh bởi sự vĩ đại và những dạng quyền lực mới, ngài đã chỉ

ra cho chúng ta con đường bé nhỏ.

Trong một thời đại đã gạt bỏ rất nhiều anh chị em của chúng ta, ngài dạy chúng ta về đẹp của sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau.

Vào thời điểm vô cùng phức tạp, ngài có thể giúp chúng ta khám phá lại tầm quan trọng của sự đơn giản, tính ưu việt tuyệt đối của tình yêu, sự tín thác và sự phó mình, và do đó vượt ra ngoài một quan niệm mang tính luật pháp hoặc luân lý vốn sẽ lấp đầy đời sống Kitô hữu bằng những quy tắc và quy định, và làm cho niềm vui Tin Mừng trở nên nguội lạnh.

Trong thời đại thờ ơ và thu mình, Thánh Têrêsa truyền cảm hứng cho chúng ta trở thành những môn đệ truyền giáo, được thu hút bởi sức hấp dẫn của Chúa Giêsu và Tin Mừng.

53. Một thế kỷ rưỡi sau khi sinh ra, Thánh Têrêsa vẫn sống động hơn bao giờ hết trong Giáo hội lữ hành, trong lòng dân Chúa. Ngài đồng hành cùng chúng ta trên con đường hành hương, làm những điều tốt đẹp trên trái đất, như ngài rất mong muốn. Dấu hiệu đáng yêu nhất về sức sống thiêng liêng của ngài là vô số “bông hồng” mà Thánh Têrêsa tiếp tục gieo: những ân sủng Thiên Chúa ban cho chúng ta qua lời chuyển cầu yêu thương của ngài để nâng đỡ chúng ta trên hành trình suốt cuộc đời.

Lạy Thánh Têrêsa thân yêu,
Giáo Hội cần tỏa vẻ sáng lạn
hương thơm và niềm vui của Tin Mừng.
Xin Thánh nữ gửi cho chúng con hoa hồng của ngài!
Xin giúp chúng con được như chính ngài,
luôn tin tưởng vào tình yêu bao la của Thiên Chúa dành cho chúng con,
để chúng con có thể bắt chước mỗi ngày
“con đường nhỏ” thánh thiện của ngài.

Amen.

Ban hành tại Rôma, tại Vương cung thánh đường Thánh Gioan Latêranô, vào ngày 15 tháng 10, Lễ nhớ Thánh Têrêsa thành Avila, vào năm 2023, năm thứ 11 trong Triều Giáo hoàng của tôi.

Phanxicô

1] Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu Và Thánh Nhan, Thư 197 Gửi Nữ Tu Marie Thánh Tâm (17/09/1896): *Letters II*, tr. 1000. Các trích dẫn tiếng Anh của các bài viết của Thánh nữ được lấy từ bản dịch các tác phẩm của ngài do Viện Nghiên cứu Cát Minh (ICS), Washing-ton, D.C. xuất bản: *Story of a Soul* [truyện một linh hồn] (1996); *Letters I* [Các thư I]: 1877-1890 (1996); *Letters II* [Các thư II]: 1890-1897 (1988); *Prayers* [Các Lời Cầu nguyện] (1997); *Poetry* [Thi ca] (1996); *Her Last Conversations* [Các Đàm luận sau cùng] (1977).

[2] Prayer 6, *Act of Oblation to Merciful Love* (9 June 1895): *Prayers*, p. 54; *Story of a Soul*, pp. 276-277.

[3] Trong giai đoạn hai năm 2022-2023, UNESCO đã công nhận Thánh Têrêsa là nhân vật được tôn vinh nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh của ngài.

- [4] 29 tháng 4 năm 1923.
- [5] Xem *Decretum super Virtutibus* (14 tháng 8 năm 1921): AAS 13 (1921), 449-452.
- [6] *Bài giảng lễ phong thánh* (17/05/1925): AAS 17 (1925), 211.
- [7] Xem AAS 20 (1928), 147-148.
- [8] Xem AAS 36 (1944), 329-330.
- [9] Xem PIUS XII, *Thư gửi Đức ông François-Marie Picaud, Giám mục Bayeux và Lisieux* (7 tháng 8 năm 1947); *Thông điệp Truyền Thanh Thánh Hiến Vương Cung Thánh Đường Lisieux* (11/07/1954): AAS 46 (1954), 404-407.
- [10] Xem *Thư gửi Đức Cha Jean-Marie-Clément Badré, Giám mục Bayeux và Lisieux nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu* (02/01/1973): AAS 65 (1973), 12-15.
- [11] Xem AAS 90 (1998), 409-413, 930-944.
- [12] *Tông Thư Novo Millennio Ineunte* (6-01-2001), 42: AAS 93 (2001), 296.
- [13] *Giáo lý* (06/04/2011), L'Osservatore Romano (07/04/2011), 8.
- [14] *Giáo lý* (7 tháng 6 năm 2023): L'Osservatore Romano (7 tháng 6 năm 2023), 2-3.
- [15] *Thư 220 gửi l'Abbé Bellière* (24 tháng 2 năm 1897), Thư II, tr. 1060.
- [16] *Bản chép tay A*, 69v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 149.
- [17] Xem *Bản chép tay C*, 33v-37r: *Truyện một Linh hồn*, trang 253-259.
- [18] Xem Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 14, 264: AAS 105 (2013), 1025-1026.
- [19] *Bản chép tay C*, 34r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 254.
- [20] *Đã dẫn*, 36r, *Truyện một Linh hồn*, tr. 257.
- [21] *Những cuộc đàm luận sau cùng, Sổ vàng* (9/6/1897, 3), tr. 62.
- [22] Xem *Bản chép tay C*, 2v-3r: *Truyện một Linh hồn*, trang 207-208.
- [23] *Đã dẫn*, 2v: tr. 207.
- [24] *Đã dẫn*, 3r: p. 208.
- [25] Xem *Bản chép tay A*, 84v: p. 181.
- [26] Xem Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 47-62: AAS 110 (2018),

1124-1129.

[27] *Bản chép tay A*, 32r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 72.

[28] Điều này đã được Công đồng Trent giải thích: “Bất cứ ai xem xét mình, các điểm yếu của mình, và việc thiếu quyết tâm của mình thì có thể sợ hãi và run rẩy về ân sủng của chính mình” (*Sắc lệnh về Công chính hóa*, IX: DS 1534). Nó được tiếp thu bởi Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo, dạy rằng không thể có được sự chắc chắn bằng cách nhìn vào bản thân hoặc hành động của chính mình (x. Số 2005). Sự chắc chắn phát sinh từ sự tín thác không đến từ chính chúng ta, ý thức của chúng ta cũng không thể đặt nền tảng cho sự an toàn đó, vốn không dựa trên sự quan sát nội tâm. Như lời Thánh Phaolô: “Tôi cũng chẳng tự xét xử lấy mình. Quả thật, tôi không thấy lương tâm áy náy điều gì, nhưng đâu phải vì thế mà tôi đã được kể là người công chính. Đáng xét xử tôi chính là Chúa” (1 Cr 4:3-4). Thánh Tôma Aquinô giải thích điều đó như sau: vì ân sủng “không chữa lành con người một cách hoàn hảo” (*ST I-II*, q. 109, art. 9, ad 1), “trong trí tuệ vẫn còn bóng tối của sự thiếu hiểu biết” (A dẫn, tương ứng.)

[29] Lời cầu nguyện 6 (9 tháng 6 năm 1895): *Lời cầu nguyện*, tr. 54.

[30] *Sách Giáo lý Giáo Hội Công Giáo*, số 2011.

[31] Điều này cũng được Công đồng Trent tuyên bố rõ ràng: “Không người sùng đạo nào được nghi ngờ lòng thương xót của Thiên Chúa” (*Sắc lệnh về Công chính hóa*, IX: DS 1534); “Mọi người nên đặt niềm hy vọng vững chắc nhất vào sự trợ giúp của Thiên Chúa” (*đã dẫn.*, XIII: DS 1541).

[32] *Bản chép tay B*, 1v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 188.

[33] Xem *Bản chép tay A*, 48v: *Truyện một Linh hồn*, trang 104-105; Thư 92 gửi Marie Guérin (30 tháng 5 năm 1889): *Thư I*, trang 567-569.

[34] Lời cầu nguyện 6 (09/06/1895): *Truyện một Linh hồn*, tr. 276.

[35] *Những Cuộc Đàm luận Sau Cùng*, *Sổ Vàng* (23/07/1897, 3): p. 106.

[36] *Bản chép tay C*, 31r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 250.

[37] Xem *Bản chép tay C*, 5r-7v: *Truyện một Linh hồn*, trang 211-214.

[38] Xem *Đã dẫn*, 5v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 211.

[39] Xem *Đã dẫn*, 6v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 213.

[40] Xem Thông điệp *Ánh sáng đức tin* (29/06/2013), 17: AAS 105 (2013), 564-565.

[41] *Bản chép tay C*, 7r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 213-214.

[42] Xem Thư 197 gửi Nữ tu Marie Thánh Tâm (17 tháng 9 năm 1896): *Thư II*, tr. 1000.

[43] *Bản chép tay A*, 83v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 180.

- [44] Xem Bản chép tay A, 45v-46v: *Truyện một Linh hồn*, trang 98-101.
- [45] *Đã dẫn*, 46r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 100.
- [46] *Đã dẫn*,.
- [47] *Đã dẫn*, 46v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 100.
- [48] Cầu nguyện 2 (8 tháng 9 năm 1890): *Cầu nguyện*, tr. 38.
- [49] *Tổng luận Thần học*, I-II, q. 62, art. 4.
- [50] Xem Bản chép tay C, 11v-31r: *Truyện một Linh hồn*, trang 219-250.
- [51] Bản chép tay B, 1v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 189.
- [52] Xem Bản chép tay B, 4r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 195.
- [53] Thư 122 gửi Céline (14 tháng 10 năm 1890): *Thư II*, tr. 709.
- [54] PN 24, 21: *Thi ca*, tr. 128.
- [55] PN 24, 6: *ibid.*, p. 124.
- [56] Xem Bản chép tay A, 3r: *Truyện một Linh hồn*, trang 14-15.
- [57] Thư 247 gửi l'Abbé Bellière (21/6/1897): *Thư II*, tr. 1133.
- [58] Xem Lời cầu nguyện 6 (9 tháng 6 năm 1895): *Lời cầu nguyện*, trang 53-55; *Truyện một Linh hồn*, trang 276-277.
- [59] Bản chép tay A, 84r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 181. [60] PN 54, 22: *Thi ca*, tr. 219.
- [61] PN 54, 15: *Đã dẫn*, p. 218.
- [62] PN 54, 17: *Đã dẫn*, tr. 218.
- [63] Bản chép tay C, 29v-30r: *Truyện một Linh hồn*, tr. 248-249.
- [64] Xem Bản chép tay B, 2r-5v: *Truyện một Linh hồn*, trang 190-200.
- [65] Bản chép tay B, 3v: *Đã dẫn*, p. 194.
- [66] Bản chép tay A, 80v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 173. Đây không phải là thiếu đức tin. Thánh Tôma Aquinô dạy rằng trong đức tin, cả lý trí lẫn ý chí đều hoạt động. Sự tuân thủ ý chí có thể rất vững chắc và bám rễ tốt, trong khi trí tuệ có thể bị u tối. Xem *De Veritate* 14,1.
- [67] Bản chép tay C, 7v: *Truyện một Linh hồn*, tr. 214.

- [68] Thư 254 gửi Père Adolphe Roulland (14/7/1897): *Thư II*, tr. 1142.
- [69] *Những Cuộc Đàm luận Sau Cùng, Sổ Vàng* (17/7/1897), tr. 102.
- [70] *Đã dẫn*,. (13 tháng 7 năm 1897, 17), tr. 102.
- [71] *Đã dẫn*, (18 tháng 7 năm 1897, 1), tr. 102.
- [72] *Những Cuộc Đàm luận Sau Cùng, Sổ Vàng* (9 tháng 6 năm 1897, 3), tr. 62.
- [73] Thư 242 gửi Nữ tu Marie Chúa Ba Ngôi (6/6/1897): *Thư II*, tr. 1121.
- [74] Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 35: AAS 105 (2013), 1034.
- [75] *Đã dẫn*,, 36: AAS 105 (2013), 1035.
- [76] *Đã dẫn*,.
- [77] *Đã dẫn*,, 37: AAS 105 (2013), 1035.
- [78] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 19: AAS 110 (2018), 1117.
- [79] *Đã dẫn*, 22: AAS 110 (2018), 1117.

5. TÀI LIỆU SAU CÙNG CỦA PHIÊN HỌP THƯỜNG LỆ LẦN THỨ 16 CỦA THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC

Cho một Giáo hội đồng nghị: hiệp thông, tham gia, sứ mệnh

(Ngày 15/11/2024)

Thượng hội đồng về tính đồng nghị sau 4 năm đã kết thúc hồi tháng 10 năm nay với việc thông qua Tài liệu Sau cùng, được Đức Giáo Hoàng Phanxicô thừa nhận thuộc huấn quyền thông thường của ngài, không cần kinh qua một tông huấn hậu thượng hội đồng như tập tục vẫn có xưa nay. Chúng tôi xin chuyển ngữ tài liệu quan trọng này sang tiếng Việt, dựa vào bản tiếng Anh do Văn Phòng Tổng Thư Ký Thượng hội đồng vừa công bố, có tham khảo bản tiếng Ý từng công bố ngay trong ngày bế mạc Phiên thường lệ lần thứ 16 của Thượng hội đồng Giám mục. Và cho vào cuốn Các Tông huấn của Đức Cố Giáo Hoàng Phanxicô, như một trong các Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng của ngài



Các chữ viết tắt

AA	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Tháng 12. Apostolicam Actuositatem (18 tháng 11 năm 1965)
AG	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Tháng 12 Ad Gentes (7 tháng 12 năm 1965)
CCEO	Codex canonum Ecclesiarum Orientalium (18 tháng 10 năm 1990)
CD	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Tháng 12. Christus Dominus (28 tháng 10 năm 1965)
CIC	Codex iuris canonici (25 tháng 1 năm 1983)
CV	BENEDICT XVI, Thông điệp. Caritas in veritate (29 tháng 6 năm 2009)
DCS	Văn phòng Tổng thư ký Thượng hội đồng, Tài liệu cho Giai đoạn Lục địa (27 tháng 10, 2022)
DD	FRANCIS, Thư. Desiderio desideravit (29/06/2022)
DN	FRANCESCO, Thông điệp. Dilexit nos (24 tháng 10 năm 2024)
DV	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Hiến chế tín lý Dei Verbum (18 tháng 11 năm 1965)
EC	FRANCIS, Tông huấn Episcopalis Communio (15 Tháng Chín, 2018)
EG	FRANCIS, Tông huấn Evangelii Gaudium (Niềm vui Tin Mừng) (24 tháng 11 năm 2013)
FT	FRANCESCO, Thông điệp Fratelli tutti (3 tháng 10 năm 2020)
GS	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Hiến chế Gaudium et spes (7 tháng 12 năm 1965)
ITC	ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ, Tính đồng nghị trong cuộc sống và trong sứ mệnh của Giáo hội (2 tháng 3 năm 2018)
LG	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Hiến chế Tín lý Lumen gentium (21 tháng 11 năm 1964)
LS	FRANCIS, Thông điệp Laudato si' (24 tháng 5 năm 2015)

MC	ST PAUL VI, Tông huấn Cultus Marialis (2 tháng 2 năm 1974)
NMI 2001)	Thánh GIOAN PHAOLÔ II, Tông thư Novo millennio ineunte (6 tháng 1 năm 2001)
PE	FRANCIS, Tông hiến Praedicate Evangelium (19 tháng 3 năm 2022)
SC năm 1963)	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Hiến chế Sacrosanctum Concilium (4 tháng 12 năm 1963)
SRS 1987)	Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis (30 tháng 12 năm 1987)
UR 1964)	CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Sắc lệnh Unitatis redintegratio (21 tháng 11 năm 1964)
UUS 1995)	THÁNH GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp Ut unum sint (25 tháng 5 năm 1995)

Dẫn nhập

Chúa Giêsu đến, đứng giữa họ và nói: “Bình an cho các con!”. Nói xong, Người cho họ xem bàn tay và cạnh sườn. Và các môn đệ vui mừng khi được nhìn thấy Chúa (Ga 20:19-20).

1. Mỗi bước đi mới trong đời sống Giáo Hội là một việc trở về cội nguồn. Đó là một kinh nghiệm làm mới lại cuộc gặp gỡ với Đấng Phục Sinh mà các môn đệ đã trải qua trong Nhà Tiệc Ly vào tối ngày Phục sinh. Chúng tôi cũng vậy, khi tham gia Thượng Hội đồng này, cũng cảm thấy như các vị, được bao bọc bởi lòng thương xót của Người và được lôi cuốn vào vẻ đẹp của Người. Sống cuộc đàm luận trong Chúa Thánh Thần, khi lắng nghe nhau, chúng tôi nhận ra sự hiện diện của Người giữa chúng tôi: sự hiện diện của Đấng, qua việc ban Chúa Thánh Thần, tiếp tục linh hứng sự hiệp nhất nơi Dân Người, vốn thiết lập ra sự hài hòa giữa các khác biệt.

2. Khi chiêm ngưỡng Đấng Phục Sinh, chúng tôi nhớ rằng “chúng tôi đã được rửa tội trong cái chết của Người” (Rm 6,3). Chúng tôi đã thấy những dấu vết vết thương của Người, được hiển dung bởi sự sống mới, nhưng được khắc sâu mãi mãi trong nhân tính của Người. Những vết thương này tiếp tục rỉ máu trên cơ thể của nhiều anh chị em cũng vì lỗi lầm của chúng tôi. Cái nhìn lên Chúa không làm chúng tôi xa cách những bi kịch của lịch sử, nhưng mở mắt chúng tôi nhận ra những đau khổ vây quanh và đâm sâu vào chúng tôi: những khuôn mặt của trẻ em kinh hoàng vì chiến tranh, tiếng khóc của các bà mẹ, giấc mơ tan vỡ của biết bao bạn trẻ, những người tị nạn phải đối diện với những hành trình khủng khiếp, những nạn nhân của biến đổi khí hậu và những bất công xã hội.

Các đau khổ của họ đã và đang vang vọng nơi chúng tôi không những qua các phương tiện truyền thông mà còn qua tiếng nói của nhiều người trong chúng tôi tại Phiên Hợp này mà các gia đình và dân tộc họ đích thân liên lụy vào các biến cố bị thảm này. Trong những ngày trong đó, chúng tôi đang tụ họp, nhiều, quá nhiều cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục gây chết chóc và hủy diệt, ước muốn trả thù và đánh mất lương tâm. Chúng tôi tham gia các lời kêu gọi hòa bình liên tiếp được nhắc lại của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, lên án luận lý học bạo lực, hận thù, trả thù và cam kết cổ vũ luận lý học đối thoại, tình huynh đệ và sự hòa giải. Một nền hòa bình chân chính và lâu bền là điều có thể và cùng nhau chúng ta có thể xây dựng nó. «Niềm vui và hy vọng, nỗi buồn và lo lắng của con người ngày nay, của người nghèo trên hết và của tất cả những người đau khổ” (GS 1) một lần nữa là niềm vui và nỗi buồn của tất cả chúng tôi, những môn đệ của Chúa Kitô.

3. Kể từ khi Đức Thánh Cha lái con thuyền Giáo Hội vào hành trình Thượng hội đồng này năm 2021, chúng tôi ngày càng khám phá ra sự phong phú và sinh hoa trái của nó. Chúng tôi đã lắng nghe, chú ý nắm bắt trong nhiều tiếng nói những gì “Chúa Thánh Thần nói với các Giáo Hội” (Kh 2,7. Hành trình này đã bắt đầu với sự tham khảo ý kiến rộng rãi của dân Chúa trong các Giáo phận và Giáo phận Đông phương của chúng ta. Và tiếp tục với các giai đoạn quốc gia và lục địa. Vòng đối thoại liên tục này được Văn phòng Tổng Thư ký Thượng Hội đồng tái tăng sinh lực thông qua các Tài liệu Tng hợp và Tài liệu Làm việc. Việc cử hành Phiên họp thường lệ lần thứ XVI của Thượng Hội đồng Giám mục trong hai năm, từ đây, cho phép chúng tôi trình lên Đức Thánh Cha và tất cả các Giáo hội chứng từ của những điều chúng tôi đã trải nghiệm và hoa trái của việc chúng tôi phân định, cho một động lực truyền giáo mới. Cuộc hành trình được đánh dấu trong từng giai đoạn bởi sự khôn ngoan của “cảm thức đức tin” (*sensus fidei*) nơi dân Chúa. Từng bước một, chúng tôi đã hiểu được điều đó ở

tâm điểm của *Thượng hội đồng 2021-2024*. Đối với một *Giáo hội đồng nghị, hiệp thông, tham gia, truyền giáo*, có lời mời gọi vui mừng và đổi mới Giáo Hội trong việc đi theo Chúa, dẫn thân phục vụ sứ mệnh của Người, trong nghiên cứu các cách để chung thủy với Người.

4. Lời kêu gọi này dựa trên căn tính chung của bí tích rửa tội, nó bắt nguồn từ sự đa dạng các bối cảnh trong đó Giáo hội hiện diện và tìm thấy sự hiệp nhất trong Chúa Cha duy nhất, trong Chúa duy nhất và trong một Chúa Thánh Thần duy nhất. Nó thách thức tất cả những người đã được rửa tội, không có ngoại lệ: «Tất cả Dân Thiên Chúa đều là chủ thể của việc loan báo Tin Mừng. Trong tài liệu này, mọi người đã được rửa tội đều được mời gọi trở thành nhân vật chủ đạo của sứ mệnh vì tất cả chúng ta đều là môn đệ truyền giáo» (ITC, số 53). Với con đường đồng nghị này, Thượng hội đồng cũng hướng chúng ta tới sự hiệp nhất trọn vẹn và hữu hình giữa các Kitô hữu, như đã được làm chứng bởi các đại biểu của các truyền thống Kitô giáo khác, bằng sự hiện diện của họ. Sự hiệp nhất âm thầm lên men bên trong Giáo Hội Thánh của Thiên Chúa: đó là một lời tiên tri hiệp nhất cho toàn thể giới.

5. Toàn bộ hành trình thượng hội đồng, bắt nguồn từ Truyền thống của Giáo hội, đã diễn ra trong ánh sáng của huấn quyền công đồng. Công đồng Vatican II thực sự như hạt giống gieo vào cánh đồng thế giới và Giáo Hội. Đời sống hàng ngày của các tín hữu, kinh nghiệm của các Giáo Hội nơi mọi dân tộc và nền văn hóa, nhiều chứng từ nên thánh, các suy tư của các thần học gia vốn là mảnh đất trên đó nó nảy mầm và mọc lên. *Thượng hội đồng các năm 2021-2024* tiếp tục rút tủa năng lực của hạt giống đó và phát triển tiềm năng của nó, đem vào thực hành những gì Công đồng đã dạy về Giáo hội như là Mầu nhiệm và Dân Thiên Chúa, được kêu gọi thực hiện sự thánh thiện nhờ sự hoán cải liên tục do việc lắng nghe Tin Mừng. Trong chiều hướng này, nó tạo nên hành vi thực sự tiếp nhận Công đồng hơn nữa, kéo dài linh hứng của nó và tái khởi động sức mạnh tiên tri của nó cho thế giới ngày nay.

6. Chúng tôi không che giấu việc chúng tôi đã trải qua nhiều mệt mỏi, đối kháng sự thay đổi và bị cám dỗ muốn để ý tưởng của chúng tôi chiếm ưu thế hơn là lắng nghe Lời Chúa và thực hành phân định. Tuy nhiên, lòng thương xót của Thiên Chúa, người Cha dịu dàng nhất, mỗi lần đều cho phép chúng tôi thanh lọc tâm hồn và tiếp tục cuộc hành trình. Chúng tôi đã nhận ra điều này khi bắt đầu Phiên họp Năm thứ hai với đêm canh thức sám hối, trong đó chúng tôi cầu xin sự tha thứ tội lỗi của mình, cảm thấy xấu hổ về điều đó và đã dâng lời cầu thay cho các nạn nhân của sự dữ trên thế giới. Chúng tôi đã gọi đích danh tội lỗi của mình: chống lại hòa bình, chống lại tạo thế, chống lại các dân tộc người bản địa, người di cư, trẻ vị thành niên, phụ nữ, người nghèo, không chịu lắng nghe và tìm kiếm hiệp thông. Điều này đã làm chúng tôi hiểu rằng tính đồng nghị đòi hỏi sự sám hối và hoán cải. Trong việc cử hành bí tích lòng thương xót của Thiên Chúa, chúng tôi cảm nghiệm được việc mình được thương yêu một cách vô điều kiện: sự cứng lòng đã được vượt qua và chúng tôi mở lòng đón nhận sự hiệp thông. Đây là lý do vì sao chúng tôi muốn trở thành một Giáo Hội biết xót thương, có khả năng chia sẻ sự tha thứ và hòa giải với mọi người vốn phát xuất từ Thiên Chúa: ân sủng thuần túy mà chúng ta không phải là các chủ nhân nhưng chỉ là các nhân chứng.

7. Chúng tôi đã có thể nhìn thấy những thành quả đầu tiên của con đường đồng nghị bắt đầu vào năm 2021. Những điều đơn giản nhất nhưng quý giá nhất đều lên men trong đời sống gia đình, giáo xứ và các hiệp hội và phong trào, các cộng đồng Kitô giáo nhỏ, trường học và cộng đồng tu trì trong đó đang phát triển việc thực hành đàm luận trong Chúa Thánh Thần và phân định cộng đồng, chia sẻ các hồng ân ơn gọi và đồng trách nhiệm trong sứ mệnh. Cuộc họp của các *Linh mục Giáo xứ tại Thượng Hội đồng* (Sacrofano [Rome], 28 tháng 4 – 2 tháng 5 năm 2024) làm cho việc lắng nghe những trải nghiệm phong phú của các linh mục trở thành khả hữu và giúp các ngài khởi động lại hành trình của mình. Chúng tôi rất biết ơn và hạnh

phúc vì tiếng nói của nhiều cộng đồng và tín hữu, những người sống Giáo hội như nơi chào đón, hy vọng và niềm vui.

8. Kỳ họp đầu tiên của Phiên họp đã mang lại những kết quả khác. Trong Báo cáo tổng hợp, người ta đã chú ý đến những chủ đề then chốt có tầm quan trọng lớn lao đến đời sống của Giáo hội. Đức Thánh Cha, khi kết thúc cuộc tham vấn quốc tế, đã giao phó các chủ đề này cho các nhóm nghiên cứu, gồm các Mục tử và chuyên gia từ khắp các châu lục, được mời gọi làm việc theo phương pháp đồng nghị. Các nhóm này đã bắt đầu nghiên cứu sâu xa các vấn đề thuộc lãnh vực đời sống và sứ mệnh của Giáo Hội, chúng là:

1. Một số khía cạnh trong mối liên hệ giữa Giáo Hội Công Giáo Đông phương và Giáo hội Latinh.
2. Lắng nghe tiếng kêu của người nghèo và trái đất.
3. Sứ mệnh trong môi trường kỹ thuật số.
4. Việc sửa đổi văn kiện *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis* theo quan điểm đồng nghị truyền giáo.
5. Một số vấn đề thần học và giáo luật xung quanh các hình thức thừa tác vụ chuyên biệt.
6. Việc sửa đổi, từ góc độ đồng nghị và truyền giáo, các văn kiện quản trị mối liên hệ giữa các Giám mục, Tu sĩ, các phiên họp giáo hội.
7. Một số khía cạnh về con người và thừa tác vụ của Giám mục (đặc biệt: các tiêu chuẩn về việc lựa chọn các ứng viên vào chức vụ giám mục, chức năng tư pháp của Giám mục, tính chất và thực hiện các chuyến viếng thăm *ad limina Apostolorum*) theo quan điểm đồng nghị truyền giáo.
8. Vai trò của các Đại diện Giáo hoàng trong quan điểm đồng nghị truyền giáo.
9. Các tiêu chuẩn thần học và các phương pháp luận đồng nghị để chia sẻ sự phân định về các vấn đề gây tranh cãi về tín lý, mục vụ và đạo đức.
10. Việc đón nhận hoa trái của hành trình đại kết giữa dân Chúa.

Đàng khác, với sự đồng ý của Bộ Các Bản Văn Lập pháp, một Ủy ban Giáo luật đã được thiết lập, nhằm phục vụ những đổi mới cần thiết trong luật giáo hội. Ngoài ra, việc phân định quanh việc đồng hành mục vụ với những người trong hoàn cảnh hôn nhân đa thê đã được ủy thác cho Hội nghị chuyên đề các Hội đồng Giám mục Châu Phi và Madagascar. Công việc của các Nhóm và Ủy ban này đã bắt đầu giai đoạn thực hiện, làm phong phú thêm công việc của Phiên họp thứ hai, và sẽ giúp Đức Thánh Cha trong các lựa chọn mục vụ và quản trị.

9. Tiến trình đồng nghị không kết thúc khi Phiên họp Thượng hội đồng Giám mục hiện tại kết thúc, mà còn bao gồm giai đoạn thực hiện. Với tư cách là thành viên của Phiên họp, chúng tôi hiểu nhiệm vụ của chúng tôi là dẫn thân ra sao vào việc sinh động hóa nó với tư cách là những nhà truyền giáo của tính đồng nghị trong nội bộ các cộng đồng mà từ đó chúng tôi phát xuất. Chúng tôi yêu cầu tất cả các Giáo hội địa phương tiếp tục tiến trình này, hàng ngày bước đi với phương pháp tham vấn và phân định đồng nghị, xác định các phương pháp cụ thể

và lộ trình đào tạo để đạt được sự hoán cải đồng nghị trông thấy trong các thực tại khác nhau của Giáo hội (Giáo xứ, các viện đời sống thánh hiến và các Tu hội đời sống tông đồ, các Hiệp hội Tín hữu, các Giáo phận, các Hội đồng Giám mục, các nhóm Giáo hội, vân vân.). Đặt kế hoạch cho việc đánh giá về tiến bộ đạt được về mặt tính đồng nghị và sự tham gia của tất cả những người đã được rửa tội vào đời sống của Giáo hội. Với các Hội đồng Giám mục và Thượng hội đồng các Giáo hội *tự trị*, chúng tôi đề nghị công hiến nhân sự và nguồn lực để đồng hành trên con đường phát triển như một Giáo hội đồng nghị trong sứ mệnh và duy trì liên lạc với Văn phòng Tổng Thư ký của Thượng Hội đồng (xem EC 19 §§ 1 và 2). Chúng tôi yêu cầu Văn phòng tiếp tục giám sát chất lượng đồng nghị về phương pháp làm việc của các Nhóm Nghiên cứu.

10. Dâng lên Đức Thánh Cha và các Giáo hội như là kết quả của Phiên họp Toàn thể lần thứ XVI của Thượng Hội đồng Giám mục, *Tài liệu Sau cùng* này tận dụng tất cả các bước đã được thực hiện cho đến nay. Nó tập hợp một số điểm hội tụ quan trọng đã xuất hiện trong Phiên họp thứ nhất, những đóng góp phát xuất từ các Giáo hội trong những tháng giữa Kỳ họp thứ nhất và thứ hai và những gì đã chín mùi trong Phiên họp thứ hai, đặc biệt, nhờ vào cuộc đàm luận trong Chúa Thánh Thần.

11. *Tài liệu Sau cùng* bày tỏ việc ý thức được lời kêu gọi truyền giáo đồng thời là lời kêu gọi hoán cải nơi mỗi Giáo hội địa phương và nơi Giáo hội hoàn vũ, theo quan điểm được nêu ra trong Tông huấn *Niềm vui Tin Mừng* (xem số 30). Bản văn được chia thành năm phần. Phần đầu tiên, có tựa đề *Tâm điểm của tính đồng nghị*, vạch ra những nền tảng thần học và tâm linh soi sáng và nuôi dưỡng những gì xảy ra tiếp theo. Nó nhắc lại sự hiểu biết từng được chia sẻ về tính đồng nghị xuất hiện trong Phiên họp đầu tiên và phát triển các quan điểm tâm linh và tiên tri của nó. Sự hoán cải các cảm xúc, hình ảnh và suy nghĩ vốn sống trong trái tim chúng ta tiến hành cùng với việc hoán cải hoạt động mục vụ và truyền giáo. Phần thứ hai, mang tên *Cùng nhau lên thuyền*, dành cho việc hoán cải các mối liên hệ xây dựng cộng đồng Kitô giáo và hình thành sứ mệnh trong sự đan xen của các ơn gọi, đặc sủng và thừa tác vụ. Phần thứ ba, “*Hãy thả lưới*”, nhận diện ba cách thực hành được kết nối mật thiết với nhau: sự phân định của giáo hội, các quá trình đưa ra quyết định, văn hóa minh bạch, giải trình và đánh giá. Ngay cả đối với chúng, chúng ta cũng được yêu cầu khởi xướng những con đường “biến đổi truyền giáo”, mà đối với nó, việc đổi mới các tổ chức có sự tham gia là điều cấp thiết. Phần thứ tư, dưới tựa đề *Một mẻ cá dồi dào*, phác họa cách, trong đó có thể vun xới, dưới các hình thức mới mẻ, việc trao đổi hồng ân và đan kết những mối dây vốn hiệp nhất chúng ta trong Giáo Hội vào một thời điểm mà kinh nghiệm bám rễ vào một nơi chốn đang thay đổi sâu xa. Phần thứ năm tiếp theo, «*Thầy cũng sai các con đi*», cho phép chúng ta xem xét bước đầu tiên cần thực hiện: chăm sóc việc đào tạo mọi người trong dân Chúa, tất cả như những nhà truyền giáo đồng nghị.

12. Việc phát triển *Tài Liệu Sau Cùng* được hướng dẫn bởi các tường thuật Tin Mừng về Sự phục sinh. Việc hăm hở chạy tới mộ vào lúc bình minh Phục sinh, sự xuất hiện của Chúa Phục sinh trong phòng tiệc ly và trên bờ hồ đã truyền cảm hứng cho sự nhận thức của chúng tôi và nuôi dưỡng cuộc đối thoại của chúng tôi. Chúng tôi khẩn cầu hồng ân Phục sinh của Chúa Thánh Thần, xin Người dạy chúng tôi những gì chúng tôi phải làm và chỉ cho chúng tôi con đường để cùng nhau đi theo. Với văn bản này, Phiên họp công nhận và chứng thực rằng tính đồng nghị, chiều kích cấu thành của Giáo hội, đã là một phần trong kinh nghiệm của nhiều cộng đồng của chúng ta. Đồng thời, nó gợi ý những hướng đi tiếp theo, những thực hành để thực hiện, những chân trời để khám phá. Đức Thánh Cha đã triệu tập Giáo hội trong Thượng Hội đồng, ngài sẽ nói với các Giáo hội, được giao phó cho các Giám mục chăm sóc mục vụ, cách tiếp tục cuộc hành trình của chúng ta, được nâng đỡ bởi niềm hy vọng “không làm thất vọng” (Rm 5:5).

Phần I – Tâm điểm của tính đồng nghị Được Chúa Thánh Thần kêu gọi hoán cải

Vào ngày đầu tuần, Ma-ri-a Ma-đa-lê-na đi ra mộ vào buổi sáng, khi trời vẫn còn tối và bà thấy tảng đá đã được dời khỏi mộ. Bà chạy và đi gặp Simon Phêrô và người môn đệ kia, người được Chúa Giêsu yêu thương (Ga 20,1-2).

13. Vào buổi sáng Phục Sinh, chúng ta gặp ba môn đệ: Maria Mađalêna, Simon Phêrô, Người môn đệ được Chúa Giêsu yêu thương. Mỗi người tìm kiếm Chúa theo cách riêng của mình; mỗi người đều có vai trò riêng của họ trong buổi bình minh của hy vọng. Maria Mađalêna được tình yêu đầu tiên của bà dẫn dắt đến ngôi mộ. Được bà loan báo, Phêrô và Người Môn Đệ Chúa Yêu đi ra mộ; Môn đệ yêu dấu chạy bằng sức tuổi trẻ, tìm kiếm bằng ánh mắt của những người cảm thức trước, nhưng biết nhường đường cho người lớn tuổi đã được giao nhiệm vụ điều khiển; Phêrô, lòng nặng trĩu vì đã chối bỏ Chúa, đang chờ đợi cuộc hẹn gặp lòng thương xót, lòng thương xót mà ông sẽ phục vụ trong Giáo Hội. Maria ở lại trong vườn, nghe gọi tên mình, nhận ra Chúa sai bà đi loan báo sự phục sinh của Người cho cộng đoàn môn đệ. Vì lý do này Giáo Hội công nhận bà như Tông đồ của các Tông đồ. Sự phụ thuộc lẫn nhau của họ hiện thân tâm điểm của tính đồng nghị.

14. Giáo hội hiện hữu để làm chứng cho thế giới về biên cố quyết định của lịch sử: biên cố phục sinh của Chúa Giêsu. Đấng Phục Sinh mang lại hòa bình cho thế giới và ban cho chúng ta hồng ân Thánh Thần của Người. Chúa Kitô hằng sống là nguồn tự do đích thực, là nền tảng của niềm hy vọng không làm thất vọng, là sự mặc khải về khuôn mặt thật của Thiên Chúa và số phận cuối cùng của con người. Tin Mừng cho chúng ta biết rằng để bước vào đức tin Phục Sinh và trở thành chứng nhân của đức tin này, cần phải thừa nhận sự trống rỗng nội tâm của chính mình, bóng tối của sợ hãi, nghi ngờ, tội lỗi. Nhưng những người trong bóng tối có can đảm ra ngoài và tìm kiếm, phát hiện thực sự rằng họ đang được tìm kiếm, được gọi bằng tên, được tha thứ và được sai đi cùng với các anh chị em mình.

Giáo Hội như dân Chúa, bí tích hiệp nhất

15. Từ Bí tích Rửa tội nhân danh Cha và Con và Thánh Thần phát sinh căn tính Dân Thiên Chúa. Nó được thực thi như một lời kêu gọi nên thánh và sai đi làm sứ mệnh mời gọi mọi dân nước đón nhận hồng ân cứu độ (xem Mt 28:18-19). Do đó, chính từ Phép rửa, trong đó Chúa Kitô mặc chính Người cho chúng ta (xem Gl 3:27) và làm cho chúng ta được tái sinh trong Chúa Thánh Thần (xem Ga 3: 5-6) với tư cách là con cái Thiên Chúa, mà Giáo hội đồng nghị truyền giáo đã ra đời. Tất cả đời sống Kitô hữu đều có nguồn mạch và chân trời của nó trong mầu nhiệm Ba Ngôi, mầu nhiệm khơi dậy trong chúng ta tính năng động của đức tin, đức cậy và đức ái.

16. «Thiên Chúa vui lòng thánh hóa và cứu độ con người không như những cá nhân riêng rẽ không chút liên đới với nhau, nhưng Người muốn làm cho họ thành một dân tộc để họ nhận biết Người trong chân lý và phụng sự Người trong thánh thiện» (LG 9). Dân Thiên Chúa trên hành trình của họ tiến tới Nước Trời liên tục được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể, nguồn mạch của sự hiệp thông và hiệp nhất: «Vì chỉ có một bánh duy nhất, chúng ta tuy nhiều nhưng chúng ta là một thân thể: thực ra tất cả chúng ta đều cùng chia sẻ một tấm bánh duy nhất» (1Cr 10:17). Giáo hội, được nuôi dưỡng bằng bí tích Mình Thánh Chúa, được thiết lập như Thân Mình của Người (xem LG 7): “Anh em là Thân Thể Chúa Kitô và mỗi người là chi

thể của nó” (1Cr 12:27). Được ân sủng làm sống động, Giáo hội là Đền Thờ Chúa Thánh Thần (xem LG 17): thực thể, chính Người là Đấng sinh động Giáo hội và Người xây dựng Giáo Hội, biến tất cả chúng ta thành những viên đá sống động của một tòa nhà thiêng liêng (xem 1Pr 2:5; LG 6).

17. Diễn trình đồng nghị cho chúng ta trải nghiệm “hương vị thiêng liêng” (EG 268) của việc trở thành một Dân tộc của Thiên Chúa, được quy tụ từ mọi bộ tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia, sống trong những bối cảnh và nền văn hóa khác nhau. Dân Thiên Chúa không bao giờ là tổng số đơn giản của những người được rửa tội, mà là chủ thể cộng đồng và lịch sử của tính đồng nghị và truyền giáo, trong khi vẫn còn lữ hành theo thời gian và đã hiệp thông với Giáo hội trên trời. Bên trong những bối cảnh khác nhau nơi các Giáo hội địa phương bám rễ, dân Chúa loan báo và làm chứng cho Tin Mừng cứu độ; sống trong thế giới và cho thế giới, họ cùng bước đi với tất cả các dân tộc trên trái đất, đối thoại với các tôn giáo và nền văn hóa của họ, nhận ra nơi họ những hạt giống Lời Chúa, tiến về Nước Trời. Được kết hợp vào Dân tộc này nhờ đức tin và Phép Rửa, chúng ta được sự nâng đỡ và đồng hành của Đức Trinh Nữ Maria, «dấu chỉ của niềm hy vọng và niềm an ủi chắc chắn” (LG 68), của các Tông Đồ, của những người đã làm chứng đức tin của họ đến mức hiến mạng sống, của các vị thánh ở mọi thời và mọi nơi.

18. Trong Dân thánh của Thiên Chúa, vốn là Giáo hội, sự hiệp thông của các tín hữu (*communio Fidelium*) đồng thời là sự hiệp thông của các Giáo hội (*communio Ecclesiarum*), vốn được biểu lộ trong sự hiệp thông của các Giám mục (*communio Episcoporum*), vì nguyên tắc rất cổ xưa vốn cho rằng “Giáo hội ở trong Giám mục và Giám mục ở trong Giáo hội” (Thánh Cypriano, *Epistle* 66, 8). Để phục vụ sự hiệp thông nhiều mặt này, Chúa đã đặt Tông đồ Phêrô (x. Mt 16:18) và những người kế vị ngài. Nhờ thừa tác vụ Phêrô, Giám mục Rôma là “người nguồn và nền tảng vĩnh viễn và hữu hình” (LG 23) của sự hiệp nhất trong Giáo hội.

19. “Trong trái tim Thiên Chúa luôn dành chỗ ưu tiên cho người nghèo” (EG 197), những người bị gạt ra ngoài lề xã hội và những người bị loại trừ, và do đó cũng có trong trái tim Giáo hội. Nơi họ, cộng đồng Kitô hữu gặp được bộ mặt và thân xác của Chúa Kitô, Đấng tuy vốn giàu có, đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để chúng ta trở nên giàu có nhờ sự nghèo khó của Người (xem 2 Cr 8:9). Ưu tiên chọn người nghèo vốn ngụ hàm trong đức tin Kitô giáo. Người nghèo có sự hiểu biết trực tiếp về Chúa Kitô đau khổ (xem EG 198) khiến họ trở thành những người loan báo ơn cứu độ được đón nhận như một hồng ân và là những chứng nhân của Niềm vui Tin Mừng. Giáo hội được mời gọi nghèo với người nghèo, thường là thành phần đa số các Tín hữu và lắng nghe họ, cùng nhau học cách nhận ra những đặc sủng mà họ nhận được từ Chúa Thánh Thần, và coi họ là chủ thể của việc truyền giáo.

20. “Ánh sáng của các dân tộc là Chúa Kitô” (LG 1) và ánh sáng này chiếu trên khuôn mặt Giáo hội, mặc dù được đánh dấu bởi sự mong manh của thân phận con người và sự mù mờ của tội lỗi. Giáo hội nhận từ Chúa Kitô hồng ân và trách nhiệm trở thành men hữu hiệu của các mối dây, các mối liên hệ và tình huynh đệ của gia đình nhân loại (xem AG 2-4), làm chứng trên thế giới về ý nghĩa và mục tiêu của cuộc hành trình của mình (xem GS 3 và 42). Ngày nay, Giáo hội đảm nhận trách nhiệm này trong một thời đại bị chi phối bởi cuộc khủng hoảng tham gia - nghĩa là cảm thấy mình là một phần và là người tham gia vào một vận mệnh chung - và bởi một quan niệm duy cá nhân về hạnh phúc và sự cứu rỗi. Ôn kêu gọi và việc phục vụ có tính tiên tri của nó (xem LG 12) cốt ở việc làm chứng cho kế hoạch của Thiên Chúa nhằm hiệp nhất toàn thể nhân loại với chính Người trong tự do và hiệp thông. Giáo Hội, vốn là Vương quốc của Chúa Kitô đã đang hiện diện một cách huyền nhiệm” (LG 3) và “là hạt giống và khởi đầu của Vương quốc này trên trái đất” (LG 5), do đó, cùng bước đi với toàn

thể nhân loại, cam kết hết sức mình vì nhân phẩm, ích chung, công lý và hòa bình, và “mong mỗi Vương quốc hoàn hảo” (LG 5), khi Thiên Chúa sẽ là “tất cả trong tất cả” (1Cr 15:28).

Những cội rễ bí tích của Dân Thiên Chúa

21. Con đường đồng nghị của Giáo hội đã khiến chúng tôi tái khám phá ra rằng sự đa dạng của các ơn gọi, đặc sủng và thừa tác vụ đều có nguồn gốc: «tất cả chúng ta đều đã được rửa tội trong cùng một Thánh Thần để trở thành một thân thể» (1 Cr 12:13). Bí tích Rửa tội là nền tảng của đời sống Kitô hữu bởi vì nó dẫn nhập mọi người vào hồng phúc lớn nhất: trở thành con cái Thiên Chúa, nghĩa là tham gia vào mối liên hệ của Chúa Giêsu với Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần. Không có gì cao hơn phẩm giá này, được trao cho mọi người một cách bình đẳng, làm chúng ta mặc lấy Chúa Kitô và được tháp nhập vào Người như cành vào cây nho. Trong tên “Kitô hữu” mà chúng ta vinh dự được mang chứa đựng ân sủng vốn là nền tảng của cuộc sống chúng ta và điều đó làm chúng ta bước đi cùng nhau như anh chị em.

22. Nhờ Bí tích Rửa tội «Dân thánh của Thiên Chúa cũng tham gia vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô, làm chứng sống động cho Người trước hết bằng đời sống đức tin và bác ái» (LG 12). Nhờ việc xúc dầu của Chúa Thánh Thần nhận được lúc lãnh nhận Bí tích Rửa tội (x. 1Ga 2,20.27), mọi tín hữu đều có một bản năng hướng về sự thật của Tin Mừng, được gọi là *cảm thức đức tin* (*sensus fidei*). Nó bao gồm một tính đồng bản nhiên [connaturality] nào đó với các thực tại thần linh, dựa trên sự kiện là những người được rửa tội “ở trong Chúa Thánh Thần đã thông phần vào bản tính thần linh” (DV 2). Từ sự tham gia này xuất hiện khả năng nắm bắt bằng trực giác những gì phù hợp với chân lý của Mạc Khải trong hiệp thông Giáo hội. Vì lý do này, Giáo Hội tin chắc rằng Dân thánh của Thiên Chúa không thể nhầm lẫn khi tin, khi toàn bộ những người được rửa tội bày tỏ sự đồng thuận phổ quát của họ về các vấn đề đức tin và luân lý (xem LG 12). Việc thực thi *cảm thức đức tin* không được nhầm lẫn với dư luận quần chúng. Nó luôn gắn liền với sự phân định của các mục tử ở các bình diện khác nhau của đời sống Giáo hội, như việc ăn khớp trong các giai đoạn của tiến trình đồng nghị đã chứng tỏ. Cảm thức đức tin nhằm đạt được sự đồng thuận đó của các Tín Hữu (*consensus fidelium*) vốn tạo thành “một tiêu chuẩn chắc chắn để xác định liệu một học thuyết hoặc một thực hành đặc thù nào đó có thuộc về đức tin tông truyền hay không” (ITC, *Cảm thức đức tin trong đời sống Giáo hội*, 2014, số 3).

23. Qua Bí tích Rửa tội, mọi Kitô hữu đều tham gia vào cảm thức đức tin. Vì thế, ngoài việc là một nguyên tắc của tính đồng nghị, nó cũng tạo nền tảng cho phong trào đại kết. «Con đường của tính đồng nghị, mà Giáo Hội Công Giáo đang theo đuổi, là và phải là đại kết, hết như con đường đại kết mang tính đồng nghị vậy” (Đức Thánh Cha Phanxicô, *Diễn văn với Giáo hoàng Mar Awa III*, 19 tháng 11 năm 2022). Phong trào đại kết trước hết và trên hết là vấn đề canh tân thiêng liêng. Nó đòi hỏi các diễn trình ăn năn và chữa lành ký ức khỏi những vết thương trong quá khứ, cho tới mức có can đảm sửa lỗi anh em trong tinh thần bác ái của Tin Mừng. Phiên Hợp đầy các chứng từ sâu sắc của các Kitô hữu thuộc các truyền thống giáo hội khác nhau, những người chia sẻ tình bạn, lời cầu nguyện, chia sẻ cuộc sống và cam kết phục vụ người nghèo và chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Ở nhiều vùng trên thế giới, trên hết có sự đại kết bằng máu: các Kitô hữu của nhiều thống thuộc khác nhau cùng nhau cống hiến đời mình cho đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Chứng từ từ đạo của họ hùng hồn hơn bất cứ lời nói nào: sự hiệp nhất đến từ Thập Giá của Chúa.

24. Không thể hiểu đầy đủ Bí tích Rửa tội ngoại trừ bên trong bối cảnh khai tâm Kitô giáo, tức là hành trình qua đó Chúa, qua thừa tác vụ của Giáo Hội và hồng ân Chúa Thánh Thần, dẫn nhập chúng ta vào đức tin Vượt Qua và đưa chúng ta vào Sự hiệp thông Ba Ngôi và Giáo

Hội. Hành trình này có nhiều hình thức có ý nghĩa khác nhau, tùy thuộc vào độ tuổi lúc nó được thực hiện, vào sự nhấn mạnh khác nhau của truyền thống Đông phương và Tây phương, và những nét đặc trưng của mỗi Giáo hội địa phương. Việc khai tâm đặt chúng ta tiếp xúc với nhiều ơn gọi và thừa tác vụ khác nhau trong giáo hội. Trong chúng, khuôn mặt thương xót của Giáo hội được phát biểu nhằm dạy dỗ con cái mình bước đi bằng cách bước đi với chúng. Giáo hội lắng nghe chúng và khi trả lời những nghi ngờ và câu hỏi của chúng, Giáo hội được phong phú thêm bởi sự mới lạ mà mỗi người mang trong mình, với lịch sử và văn hóa của mình. Trong việc thực hành hoạt động mục vụ này, cộng đồng Kitô hữu cảm nghiệm được hình thức đầu tiên của tính đồng nghị, thường không ý thức được đầy đủ.

25. Trong hành trình khai tâm Kitô giáo, Bí tích Thêm sức làm phong phú đời sống của các tín hữu bằng việc đổ tràn Chúa Thánh Thần một cách đặc biệt nhằm để làm chứng. Chúa Thánh Thần mà Chúa Giêsu đã được tràn đầy (xem Lc 4:1), đã thánh hiến Người với việc xức dầu và sai đi loan báo Tin Mừng (xem Lc 4:18), chính cùng một Chúa Thánh Thần đó đã được đổ trên các tín hữu như một ân tín thuộc về Thiên Chúa và như một việc xức dầu thánh hóa. Vì lý do này, Bí tích Thêm sức, vốn làm cho ân sủng của Lễ Ngũ Tuần hiện diện trong đời sống của người đã được rửa tội và của cộng đồng, là một hồng ân có giá trị lớn lao để đổi mới phép lạ của một Giáo hội được thúc đẩy bởi ngọn lửa truyền giáo, vốn có can đảm đi vào phổ phồn của thế giới và có khả năng làm mình được mọi dân tộc và mọi nền văn hóa hiểu thấu. Mọi tín hữu đều được kêu gọi đóng góp vào động lực này, chào đón các đặc sủng được Chúa Thánh Thần phân phát dồi dào cho mỗi người và cam kết đưa chúng vào việc phục vụ Nước Trời với lòng khiêm tốn và khả năng tháo vát sáng tạo.

26. Việc cử hành Bí tích Thánh Thể, đặc biệt vào các Chúa nhật, là hình thức đầu tiên và cơ bản mà với nó, Dân Thánh của Thiên Chúa tụ tập và gặp gỡ nhau. Trong việc cử hành Thánh Thể, “sự hiệp nhất của Giáo hội vừa được biểu thị vừa được tạo ra” (UR 2). Trong việc “tham gia đầy đủ, có ý thức và tích cực” (SC 14) của tất cả các Tín hữu, trước sự chứng kiến của các thừa tác vụ khác nhau và dưới sự chủ trì của Giám mục hoặc Linh mục, cộng đồng Kitô hữu trở nên hữu hình, trong đó, việc đồng trách nhiệm dị biệt hóa của tất cả mọi người đối với sứ mệnh được hiện thực hóa. Vì lý do này, Giáo Hội, Thân thể Chúa Kitô, học hỏi từ Bí tích Thánh Thể cách khớp nối sự hiệp nhất và tính đa dạng: sự hiệp nhất của Giáo hội và sự đa dạng của các cộng đoàn Thánh Thể; sự thống nhất của mầu nhiệm bí tích và sự đa dạng của truyền thống phụng vụ; sự hiệp nhất trong việc cử hành và sự đa dạng của ơn gọi, đặc sủng và các thừa tác vụ. Không có gì cho thấy rõ ràng hơn Bí tích Thánh Thể rằng sự hòa hợp do Chúa Thánh Thần tạo ra không phải là sự độc dạng và mọi hồng ân của Giáo hội đều nhằm mục đích xây dựng chung. Mỗi cuộc cử hành Bí tích Thánh Thể cũng là một cách phát biểu ước muốn và lời kêu gọi sự hiệp nhất của tất cả những người đã được Rửa tội, chưa hoàn toàn hiện thị. Nơi nào không thể cử hành Bí tích Thánh Thể Chúa Nhật, cộng đồng, trong khi mong muốn việc này, quy tụ lại quanh việc cử hành Lời Chúa, trong đó Chúa Kitô thực sự hiện diện.

27. Có một mối liên kết chặt chẽ giữa *synaxis* [cộng đồng phụng tự] và *synodos* [công nghị], giữa cộng đoàn Thánh Thể và cộng đoàn thượng hội đồng. Mặc dù dưới những hình thức khác nhau, nhưng trong cả hai, lời hứa Chúa Giêsu hiện diện nơi có hai hoặc ba người tụ họp nhân danh Người (xem Mt 18:20) đã ứng nghiệm. Các Phiên họp thượng hội đồng là những biến cố cử hành sự kết hợp của Chúa Kitô với Giáo hội của Người qua tác động của Chúa Thánh Thần. Chính Người là Đấng bảo đảm sự hiệp nhất của Thân Mình Chúa Kitô trong cộng đoàn Thánh Thể cũng như trong cộng đoàn thượng hội đồng. Phụng vụ là việc lắng nghe Lời Chúa và đáp lại sáng kiến giao ước của Người.

Phiên họp thượng hội đồng cũng là việc lắng nghe cùng một Lời, vốn vang dội cả trong các dấu chỉ thời đại lẫn trong trái tim các tín hữu, và sự đáp ứng của phiên họp nhằm biện phân ý muốn của Thiên Chúa để đưa nó vào thực hành. Việc đào sâu mối liên kết giữa phụng vụ và tính đồng nghị sẽ giúp mọi cộng đồng Kitô giáo, trong tính đa dạng của các nền văn hóa và truyền thống của họ, tiếp nhận các phong cách cử hành biểu lộ bộ mặt của một Giáo hội đồng nghị. Để đạt được mục đích này, chúng tôi kêu gọi thành lập một Nhóm Nghiên cứu chuyên biệt, mà chúng ta sẽ giao cho nhiệm vụ suy nghĩ cách làm cho các cuộc cử hành phụng vụ diễn tả được tính đồng nghị nhiều hơn; nó cũng có thể bàn tới việc thuyết giảng bên trong các cử hành phụng vụ và khai triển một nền giáo lý về tính đồng nghị trong những điều then chốt có tính dẫn nhập vào mầu nhiệm [mystagogical].

Ý nghĩa và chiều kích của tính đồng nghị

28. Các thuật ngữ “*tính đồng nghị*” và “*đồng nghị*” bắt nguồn từ thực hành lâu đời và liên tục của giáo hội về việc tụ tập trong Thượng Hội đồng. Trong truyền thống của các Giáo hội Đông phương và Tây phương, từ “*thượng hội đồng*” đề cập đến các tổ chức và biến cố đã diễn ra dưới các hình thức khác nhau theo thời gian, liên quan đến nhiều chủ đề. Trong sự đa dạng của chúng, tất cả các hình thức này đều có chung việc tập hợp với nhau để đối thoại, phân định và quyết định. Nhờ kinh nghiệm những năm gần đây, ý nghĩa của các thuật ngữ này đã được hiểu rõ hơn và được trải nghiệm nhiều hơn. Ngày nay, chúng càng gắn liền với mong muốn có một Giáo hội gắn gũi hơn với mọi người và có tính liên hệ hơn, một Giáo hội trở thành nhà và gia đình của Thiên Chúa. Trong tiến trình Thượng Hội đồng, một sự hội tụ đã phát triển về ý nghĩa của tính đồng nghị làm cơ sở cho Tài liệu này: tính đồng nghị là việc cùng nhau bước đi của các Kitô hữu với Chúa Kitô và hướng về Nước Thiên Chúa, trong sự kết hợp với toàn thể nhân loại; hướng về việc truyền giáo, nó bao gồm việc tụ họp trong phiên họp ở các bình diện khác nhau của đời sống giáo hội, lắng nghe lẫn nhau, đối thoại, phân định cộng đồng, hình thành sự đồng thuận như một biểu thức nói lên sự hiện diện của Chúa Kitô sống động trong Chúa Thánh Thần và việc đảm đương quyết định trong tinh thần đồng trách nhiệm dị biệt hóa. Dọc theo những dòng này, chúng tôi hiểu rõ hơn việc tính đồng nghị là một chiều kích cấu thành của Giáo hội có nghĩa là gì (xem CTI, số 1). Nói một cách đơn giản và tổng hợp, có thể nói rằng tính đồng nghị là một con đường đối mới tinh thần và cải cách cơ cấu để làm cho Giáo hội có tính tham gia và truyền giáo nhiều hơn, nghĩa là làm cho Giáo hội có nhiều khả năng hơn bước đi với mọi người nam nữ đang chiếu tỏa ánh sáng của Chúa Kitô.

29. Nơi Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Chúa Kitô, Mẹ Giáo hội và nhân loại, chúng ta thấy những nét đặc trưng của một Giáo hội đồng nghị, truyền giáo và có lòng thương xót được tỏa sáng trọn vẹn. Ngài thực sự là hình ảnh Giáo hội lắng nghe, cầu nguyện, suy niệm, đối thoại, đồng hành, phân định, quyết định và hành động. Nơi Mẹ chúng ta học được nghệ thuật lắng nghe, chú ý đến thánh ý Thiên Chúa, vâng phục Lời Người, khả năng hiểu được nhu cầu của người nghèo, lòng can đảm lên đường, tình yêu giúp đỡ, bài ca ngợi khen và niềm hân hoan trong Chúa Thánh Thần. Vì lý do này, như đã được Thánh Phaolô VI khẳng định, “hành động của Giáo hội trên thế giới giống như một sự mở rộng mối quan tâm của Đức Maria” (*Marialis Cultus* 28).

30. Chi tiết hơn, tính đồng nghị chỉ rõ ba khía cạnh riêng biệt của đời sống Giáo hội:

a). trước hết, nó đề cập đến “phong cách đặc thù vốn lên đặc điểm cho đời sống và sứ mệnh của Giáo hội, nói lên bản chất của Giáo hội là cùng nhau bước đi và tụ họp nhau trong phiên họp của Dân Thiên Chúa được Chúa Giêsu triệu tập trong quyền năng Chúa Thánh Thần để

loan báo Tin Mừng. Nó phải được phát biểu trong cách sống và hoạt động thông thường của Giáo hội. *Phương thức sống và hành động* này đạt được thông qua việc cộng đồng lắng nghe Lời Chúa và việc cử hành Thánh Thể, tình huynh đệ hiệp thông, đồng trách nhiệm và tham gia của toàn thể Dân Thiên Chúa, ở các bình diện khác nhau và sự phân biệt giữa các thừa tác vụ và vai trò trong cuộc sống và sứ mệnh của nó” (ITC, số 70a);

b). thứ hai, “lúc đó, theo nghĩa cụ thể và xác định hơn của thần học và giáo luật, tính đồng nghị chỉ những cơ cấu và tiến trình giáo hội trong đó bản chất đồng nghị của Giáo hội được phát biểu ở bình diện định chế, theo cách tương tự, trên nhiều phương diện khác nhau trong việc hiện thực hóa nó: địa phương, khu vực, phổ quát. Những cơ cấu và tiến trình này nhằm phục vụ sự phân định có thẩm quyền của Giáo hội, được mời gọi nhận diện phương hướng phải tuân theo trong khi lắng nghe Chúa Thánh Thần” (ITC, số 70b);

c). thứ ba, tính đồng nghị chỉ “việc xuất hiện đúng lúc của các biến cố đồng nghị trong đó Giáo Hội được triệu tập bởi cơ quan có thẩm quyền và theo những thủ tục chuyên biệt được xác định bởi kỷ luật giáo hội, liên quan, cách khác nhau ở bình diện địa phương, khu vực và hoàn cầu, đến tất cả dân Chúa dưới sự chủ trì của các Giám mục hiệp thông hợp đoàn và có phẩm trật với Giám Mục Rôma, để nhận định con đường và các vấn đề đặc thù và đưa ra các quyết định cũng như hướng dẫn nhằm chu toàn sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội” (ITC, số 70c).

31. Trong bối cảnh giáo hội học của Công đồng về Dân Thiên Chúa, khái niệm hiệp thông diễn tả bản thể sâu xa của mầu nhiệm và sứ mệnh của Giáo Hội, vốn có nguồn gốc và tột đỉnh của nó trong việc cử hành Bí tích Thánh Thể, vốn là sự kết hợp với Thiên Chúa Ba Ngôi và sự hiệp nhất giữa con người với nhau, vốn được hiện thực hóa nơi Chúa Kitô nhờ Chúa Thánh Thần. Trong bối cảnh này, tính đồng nghị «cho thấy *cách sống và hoạt động* chuyên biệt của Giáo hội, Dân Thiên Chúa, biểu lộ và hiện thực hóa một cách cụ thể tính hiệp thông của nó trong việc “cùng nhau bước đi”, trong việc tụ họp thành phiên họp và trong sự tham gia tích cực của tất cả các thành viên vào sứ mệnh truyền giáo của nó” (ITC, số 6).

32. Tính đồng nghị tự nó không phải là mục đích, nhưng nhằm vào sứ mệnh mà Chúa Kitô đã giao phó cho Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Truyền giáo là “sứ mệnh thiết yếu của Giáo hội [...] đó là ân sủng và ơn gọi riêng của Giáo hội, căn tính sâu xa của Giáo hội” (EN 14). Bằng cách gần gũi với mọi người, không có sự khác biệt về con người, bằng cách rao giảng và giảng dạy, rửa tội, cử hành Bí tích Thánh Thể và bí tích Hoà Giải, tất cả các Giáo Hội địa phương và toàn thể Giáo Hội đáp ứng cụ thể mệnh lệnh của Chúa là loan báo Tin Mừng cho mọi dân tộc (xem Mt 28:19-20; Mc 16:15-16). Bằng cách đề cao tất cả các đặc sủng và thừa tác vụ, tính đồng nghị cho phép dân Chúa loan báo và làm chứng cho Tin Mừng cho mọi người nam nữ ở khắp mọi nơi và mọi thời đại, trở thành “bí tích hữu hình” (LG 9) của tình huynh đệ và sự hiệp nhất trong Chúa Kitô được Thiên Chúa mong muốn. Tính đồng nghị và sứ mệnh được liên kết mật thiết với nhau: sứ mệnh chiếu sáng tính đồng nghị và tính đồng nghị thúc đẩy hướng về sứ mệnh.

33. Thẩm quyền của các Mục tử “là một hồng ân chuyên biệt của Thánh Thần Chúa Kitô là Đầu để xây dựng toàn bộ Thân Thể” (ITC, số 67). Hồng ân này được liên kết với bí tích Truyền chức thánh vốn lên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô là Đầu, Mục Tử và Tội Tớ và đặt những ai tiếp nhận nó vào việc phục vụ Dân Thánh Chúa để bảo vệ tính tông truyền của việc loan báo và phát huy hiệp thông giáo hội ở mọi bình diện. Tính đồng nghị cung cấp “khuôn khổ giải thích thỏa đáng nhất cho việc hiểu chính thừa tác vụ phẩm trật” (Đức Phanxicô, *Diễn văn kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng Hội đồng Giám mục*, 17 tháng 10 năm

2015) và cung cấp bối cảnh chính xác cho việc hiểu mệnh lệnh mà Chúa Kitô ủy thác, trong Chúa Thánh Thần, cho các Mục Tử. Vì thế nó mời toàn thể Giáo Hội, kể cả những người thực thi quyền bính, hoán cải và cải cách.

Hiệp nhất như hòa hợp

34. «Tạo vật nhân bản, có bản chất thiêng liêng, được thành toàn trong các mối liên hệ liên bản vị. Họ càng trải nghiệm chúng một cách chân thực thì bản sắc bản vị của họ càng trưởng thành hơn.

Con người đánh giá cao bản thân mình không phải bằng cách cô lập bản thân mà bằng cách đặt mình vào mối liên hệ với người khác và với Thiên Chúa. Vì thế tầm quan trọng của những mối liên hệ như vậy trở thành nền tảng» (CV 53). Một Giáo hội đồng nghị được đặc trưng như một không gian trong đó các mối liên hệ có thể phát triển nhờ vào tình yêu thương lẫn nhau vốn là điều rắn chắc mà Chúa Giêsu đã để lại cho các môn đệ của Người (xem Gioan 13: 34-35). Trong các nền văn hóa và xã hội ngày càng mang tính cá nhân chủ nghĩa, Giáo hội là “một dân tộc tập hợp trong sự hiệp nhất của Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần” (LG 4), có thể làm chứng cho sức mạnh của những mối liên hệ được thiết lập trong Chúa Ba Ngôi. Sự khác biệt về nghề nghiệp, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, điều kiện và thống thuộc xã hội, hiện diện trong mọi cộng đồng Kitô giáo, công hiến cuộc gặp gỡ đó với sự khác biệt không thể thiếu đối với sự phát triển và trưởng thành bản thân.

35. Trước hết ở trong gia đình, có thể gọi như Công đồng là “Giáo hội tại gia” (LG 11), nơi trải nghiệm sự phong phú của các mối liên hệ giữa những người hiệp nhất trong sự đa dạng về tính cách, tuổi tác và vai trò. Vì lý do này, gia đình đại diện cho một nơi ưu tuyển để học hỏi và trải nghiệm những thực hành thiết yếu của một Giáo hội đồng nghị. Dù có những gây gổ và nỗi đau mà các gia đình trải qua chúng vẫn là nơi chúng ta học cách trao đổi Hồng phúc tình yêu, sự tin tưởng, sự tha thứ, sự hòa giải và sự hiểu biết. Chính ở trong gia đình mà chúng ta biết rằng chúng ta có cùng phẩm giá, rằng chúng ta được tạo dựng để có đi có lại, rằng chúng ta cần được lắng nghe và chúng ta có khả năng lắng nghe, biện phân và quyết định với nhau, chấp nhận và thực thi quyền bính được bác ái linh hứng, đồng trách nhiệm và giải trình hành động của chúng ta. «Gia đình nhân bản hóa con người thông qua các mối liên hệ của “chúng ta” và đồng thời thúc đẩy những khác biệt chính đáng của mỗi người» (Đức Phanxicô, *Bài phát biểu với những người tham gia Phiên họp toàn thể của Học viện Giáo hoàng về Khoa học Xã hội*, 29 tháng 4 năm 2022).

36. Diễn trình đồng nghị nhấn mạnh rằng Chúa Thánh Thần không ngừng khơi dậy trong dân Chúa rất nhiều đặc sủng và thừa tác vụ khác nhau. «Ngay cả trong việc xây dựng Cơ thể của Đấng Kitô có nhiều chi thể và chức năng khác nhau. Chỉ có một Đấng duy nhất là Thánh Thần phân phát nhiều hồng ân khác nhau vì lợi ích của Giáo hội, tùy theo mức độ giàu có của Giáo hội và nhu cầu của các thừa tác vụ (xem 1Cr 12:11)” (LG 7). Tương tự, khát vọng mở rộng các khả thể tham gia và thực thi tính đồng trách nhiệm dị biệt hóa của tất cả mọi người đã được rửa tội, nam và nữ, cũng đã xuất hiện. Tuy nhiên, về phương diện này, nỗi buồn gây ra bởi thiếu sự tham gia của nhiều thành phần dân Chúa vào hành trình đổi mới giáo hội này và bởi sự khó khăn lan rộng trong việc sống trọn vẹn mối liên hệ lành mạnh giữa nam và nữ, giữa các thế hệ và giữa những người và các nhóm có bản sắc văn hóa và điều kiện xã hội khác nhau, đặc biệt là người nghèo và người bị loại trừ, đã được phát biểu.

37. Hơn nữa, tiến trình đồng nghị nêu bật di sản tinh thần của các Giáo hội địa phương, trong đó và từ đó Giáo Hội Công Giáo hiện hữu, và sự cần thiết phải khớp nối những trải nghiệm của họ. Do tính Công Giáo, “các bộ phận riêng rẽ dâng tặng các hồng phúc của mình cho

người khác và cho toàn thể Giáo hội”, sao cho toàn bộ và các bộ phận riêng rẽ được hưởng lợi từ sự giao tiếp lẫn nhau của mọi người và nỗ lực hiệp nhất hướng tới sự viên mãn” (LG 13). Sứ vụ của người kế vị Thánh Phêrô «bảo đảm sự đa dạng hợp pháp và đồng thời bảo đảm để điều đặc thù không những không gây hại cho hiệp nhất, nhưng đúng hơn, phục vụ nó” (ibid.; cf. AG 22).

38. Toàn thể Giáo hội luôn là một tập hợp đa dạng các dân tộc và ngôn ngữ, các Giáo hội với các nghi lễ, kỷ luật và di sản thần học và linh đạo đặc biệt, ơn gọi, đặc sủng và thừa tác vụ của họ để phục vụ ích chung. Sự thống nhất của tính đa dạng này đạt được nhờ Chúa Kitô, viên đá góc, và nhờ Chúa Thánh Thần, bậc thầy của sự hòa hợp. Sự thống nhất trong đa dạng này được chỉ danh chính bởi tính Công Giáo của Giáo hội. Tính đa nguyên của các Giáo hội tự trị (*sui iuris*), mà sự phong phú của họ đã được tiến trình đồng nghị làm nổi bật, là một dấu hiệu của điều này. Phiên Hợp yêu cầu chúng ta tiếp tục con đường gặp gỡ, hiểu biết lẫn nhau và trao đổi những hồng ân vốn nuôi dưỡng sự hiệp thông của một Giáo hội trong các Giáo Hội.

39. Việc canh tân đồng nghị cổ vũ việc tôn giá các bối cảnh như những nơi trong đó lời kêu gọi phổ quát của Thiên Chúa để trở thành một phần của Dân Người, của Vương quốc đó của Thiên Chúa, vốn là “công lý, bình an và vui mừng trong Chúa Thánh Thần” (Rm 14,17) đã được làm cho hiện diện và hiện thực hóa. Bằng cách này, các nền văn hóa khác nhau có thể nắm bắt được sự thống nhất làm nền tảng cho tính đa dạng của họ và mở ra cho họ cơ hội trao đổi các hồng ân. «Sự hiệp nhất của Giáo Hội không phải là sự độc dạng, mà là sự tích nhập hữu cơ các đa dạng hợp pháp” (NMI 46). Tính đa dạng của các biểu thức trong thông điệp cứu độ tránh giản lược nó thành một sự hiểu biết đơn nhất về đời sống Giáo Hội và các hình thức thần học, phụng vụ, mục vụ và kỷ luật trong đó nó được phát biểu.

40. Việc tôn giá các bối cảnh, các nền văn hóa và các tính đa dạng cũng như mối liên hệ giữa chúng, là chìa khóa để phát triển như một Giáo hội đồng nghị truyền giáo và tiến bước, dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, hướng tới sự hiệp nhất hữu hình của các Kitô hữu. Chúng tôi nhắc lại cam kết của Giáo Hội Công Giáo tiếp tục và tăng cường hành trình đại kết với các Kitô hữu khác, do Bí tích Rửa tội chung và để đáp lại lời kêu gọi chung sống sự hiệp thông và hiệp nhất giữa các môn đệ mà Chúa Kitô đã cầu nguyện cho trong Bữa Tiệc Ly (xem Ga 17:20-26). Phiên Hợp chào mừng một cách hân hoan và biết ơn sự tiến bộ trong liên hệ đại kết trong sáu mươi năm qua, các văn kiện đối thoại và các tuyên bố nói lên đức tin chung. Sự tham gia của Các đại biểu huynh đệ đã làm phong phú thêm diễn biến của Phiên Hợp và chúng tôi mong chờ những bước tiếp theo trên con đường hướng tới sự hiệp thông trọn vẹn nhờ việc đón nhận hoa trái của con đường đại kết trong các thực hành của Giáo Hội.

41. Ở mọi nơi trên trái đất, người Kitô hữu sống cạnh những người không rửa tội và phục vụ Thiên Chúa bằng cách thực hành một tôn giáo khác. Chúng ta long trọng cầu nguyện cho họ trong phụng vụ Thứ Sáu Tuần Thánh, chúng ta cộng tác với họ và đấu tranh để xây dựng một thế giới tốt hơn, và cùng với họ, chúng ta cầu xin Thiên Chúa duy nhất giải thoát thế giới khỏi những sự dữ đang giáng xuống nó. Đối thoại, gặp gỡ và trao đổi hồng ân là điển hình của một Giáo hội đồng nghị được mời gọi mở rộng mối liên hệ với các truyền thống tôn giáo khác, nhằm mục đích “thiết lập hữu nghị, hòa bình, hòa hợp và chia sẻ những giá trị, kinh nghiệm đạo đức, thiêng liêng trong tinh thần sự thật và tình yêu” (Hội nghị Giám mục Công Giáo Ấn Độ, *Phản hồi của Giáo hội tại Ấn Độ trước những thách thức ngày nay*, ngày 9 tháng 3 năm 2016, được trích dẫn trong FT 271). Ở một số vùng, các Ki-tô hữu, những người cam kết xây dựng mối liên hệ huynh đệ với những người thuộc các tôn giáo khác, đang bị bách hại. Phiên Hợp khuyến khích họ kiên trì trong cam kết của họ với niềm hy vọng.

42. Tính đa nguyên của các tôn giáo và nền văn hóa, tính đa dạng của các truyền thống tâm linh và thần học, sự đa dạng của các hồng ân Chúa Thánh Thần và các nhiệm vụ trong cộng đồng, cũng như sự đa dạng về tuổi tác, giới tính và mối liên hệ xã hội trong Giáo hội là một lời mời gọi mọi người hãy thừa nhận và đảm đương tính hoàn cảnh đặc thù của mình, chống đối con cảm dỗ muốn đặt mình vào trung tâm và cởi mở đón nhận những quan điểm khác. Mỗi người đều có sự đóng góp riêng và cần thiết để hoàn thành công việc chung. Có thể nói Giáo Hội Đồng nghị giống như hình ảnh dàn nhạc đại hòa tấu: sự đa dạng của các loại nhạc cụ là cần thiết để mang lại sức sống cho vẻ đẹp và sự hài hòa của âm nhạc, trong đó âm thanh của mỗi nhạc cụ vẫn giữ được nét riêng khác biệt của nó trong việc phục vụ sứ mệnh chung. Đây là cách thể hiện sự hài hòa được Chúa Thánh Thần tạo ra trong Giáo Hội, Người là Đấng đích thân vốn là sự hòa hợp (xem Thánh Basil, *Về Thánh Vịnh* 29.1; *Về Chúa Thánh Thần* XVI, 38).

Linh đạo đồng nghị

43. Tính đồng nghị trước hết là một khuynh hướng thiêng liêng thấm nhập vào cuộc sống hàng ngày của những người đã được rửa tội và mọi khía cạnh của sứ mệnh Giáo hội. Một linh đạo đồng nghị xuất hiện bởi tác động của Chúa Thánh Thần và đòi hỏi phải lắng nghe Lời Chúa, chiêm niệm, tĩnh lặng và hoán cải tâm hồn. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã phát biểu trong diễn từ của ngài khi khai mạc Phiên họp thứ hai này, «Chúa Thánh Thần là người hướng dẫn chắc chắn và nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là học cách phân biệt giọng nói của Người, bởi vì Người nói trong mọi người và trong mọi sự» (Diễn văn tại phiên họp toàn thể của Kỳ họp thứ hai của Thượng hội đồng về tính Đồng nghị, 2 Tháng Mười 2024). Một linh đạo đồng nghị cũng đòi hỏi sự khổ hạnh, khiêm tốn, kiên nhẫn và sẵn sàng tha thứ và được tha thứ. Nó đón nhận với lòng biết ơn và khiêm tốn những hồng ân và nhiệm vụ khác nhau được Chúa Thánh Thần phân phát để phục vụ một Chúa duy nhất (xem 1Cr 12:4-5). Nó làm điều đó mà không có tham vọng hay ghen tị, khao khát thống trị hoặc kiểm soát, vun trồng những cảm xúc giống như Chúa Giêsu Kitô, Đấng «tự làm trống rỗng bản thân mang lấy thân phận tôi tớ» (Pl 2:7). Chúng ta nhận ra hoa trái của nó khi Đời sống hằng ngày của Giáo Hội được đánh dấu bằng sự hiệp nhất và hài hòa trong tính đa dạng. Không ai có thể một mình tiến bước trên con đường tâm linh đích thực. Chúng ta cần phải đồng hành và hỗ trợ, kể cả đào tạo và linh hướng, với tư cách cá nhân và như một nhóm và cộng đồng.

44. Việc đổi mới cộng đồng Kitô giáo chỉ có thể thực hiện được khi nhìn nhận tính ưu việt của ơn sung. Nếu thiếu chiều sâu tinh thần bản thân và cộng đồng, tính đồng nghị sẽ bị giảm xuống chỉ còn hữu ích về mặt tổ chức. Chúng ta được kêu gọi không những để diễn dịch thành quả của một trải nghiệm tâm linh bản thân thành các diễn trình cộng đồng, nhưng sâu sắc hơn, để trải nghiệm việc thực hành Điều răn mới về tình yêu thương nhau là nơi chôn và hình thức gặp gỡ Thiên Chúa ra sao. Theo nghĩa này, trong khi dựa trên di sản tinh thần phong phú của Truyền thống, quan điểm đồng nghị góp phần đổi mới các hình thức của nó: một lời cầu nguyện mở ra cho sự tham gia, một sự phân định sống với nhau, một năng lực truyền giáo nảy sinh từ việc chia sẻ và tỏa sáng như một việc phục vụ.

45. Cuộc đàm luận trong Chúa Thánh Thần là một công cụ, mặc dù có những hạn chế, nhưng vẫn hữu hiệu mang lại hiệu quả cho phép việc lắng nghe và phân định “những gì Chúa Thánh Thần nói với các Giáo hội” (Kh 2:7). Việc thực hành nó đã khơi dậy niềm vui, sự ngạc nhiên và lòng biết ơn và được trải nghiệm như một cuộc hành trình của sự đổi mới nhằm biến đổi các cá nhân, các nhóm và Giáo hội. Chữ “đàm luận” diễn đạt một điều gì đó hơn cả cuộc đối thoại đơn giản: nó đan xen một cách hài hòa giữa suy nghĩ và cảm xúc và tạo ra một thế giới

sống chung. Vì lý do này, người ta có thể nói rằng việc hoán cải gặp thuận lợi trong cuộc đàm luận. Đây là một sự kiện nhân học được tìm thấy ở các dân tộc và nền văn hóa khác nhau, thống nhất bằng thói quen tập hợp lại trong tình liên đới để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng cho cộng đồng. Ân sủng đem trải nghiệm nhân bản này đến chỗ hoàn thành: đàm luận “trong Chúa Thánh Thần” có nghĩa là sống kinh nghiệm chia sẻ dưới ánh sáng đức tin và tìm kiếm ý chí của Thiên Chúa, trong một bầu không khí Tin Mừng trong đó Chúa Thánh Thần có thể làm cho tiếng nói của Người được lắng nghe không thể nhầm lẫn được.

46. Trong mọi giai đoạn của tiến trình đồng nghị, nhu cầu hàn gắn và hòa giải đều vang dội và xây dựng lại niềm tin trong Giáo hội, đặc biệt sau quá nhiều vụ tai tiếng liên quan đến các loại lạm dụng khác nhau và vang vọng trong xã hội. Giáo Hội được kêu gọi đặt vào trung tâm của đời sống và hành động của chính chúng ta sự kiện chúng ta được giao phó cho nhau trong Chúa Kitô, qua Bí tích Rửa tội. Việc thừa nhận thực tại sâu sắc này trở thành một nghĩa vụ thiêng liêng, cho phép chúng ta nhận ra sai lầm và xây dựng lại niềm tin. Tiếp nhận con đường này là một hành động công lý và sự dấn thân truyền giáo của dân Chúa trong thế giới chúng ta và một hồng ân chúng ta phải kêu cầu từ trên cao. Mong muốn tiếp tục bước đi trên con đường này là một thành quả của việc canh tân đồng nghị.

Tính đồng nghị như lời tiên tri xã hội

47. Được thực hành với lòng khiêm tốn, phong cách đồng nghị có thể làm cho Giáo hội trở thành tiếng nói tiên tri trong thế giới ngày nay. «Giáo Hội Đồng Nghị giống như một lá cờ được giương cao giữa các quốc gia (so sánh Is 11:12)” (Đức Phanxicô, *Diễn văn nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Thượng Hội đồng Giám mục*, ngày 17 tháng 10 năm 2015). Chúng ta đang sống trong một thời đại được đánh dấu bằng các bất bình đẳng liên tục gia tăng, bằng sự vỡ mộng ngày càng tăng đối với các mô hình chính phủ truyền thống, bằng sự vỡ mộng với hoạt động của nền dân chủ, bằng xu hướng chuyên quyền và độc tài ngày càng tăng, bằng sự thống trị của mô hình thị trường mà không quan tâm đến tính dễ bị tổn thương của con người và tạo thế, và bằng sự căm dỗ giải quyết xung đột bằng vũ lực thay vì bằng cuộc đối thoại. Những thực hành đích thực của tính đồng nghị cho phép các Kitô hữu phát triển một nền văn hóa có khả năng tiên tri quan trọng đối với tư tưởng thống trị và do đó mang lại sự đóng góp đặc biệt cho việc tìm kiếm câu trả lời cho nhiều thách thức mà xã hội đương thời phải đối diện và việc xây dựng lợi ích chung.

48. Cách thức sống các mối liên hệ đồng nghị là một chứng tá xã hội đáp lại nhu cầu của con người cần được chào đón và cảm thấy được công nhận trong một cộng đồng cụ thể. Nó là một thách thức đối với sự cô lập ngày càng tăng của con người và chủ nghĩa cá nhân văn hóa, những điều mà Giáo hội thường xuyên tiếp thu, và nó kêu gọi chúng ta quan tâm lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau và đồng trách nhiệm vì lợi ích chung. Tương tự như vậy, nó thách thức chủ nghĩa cộng đồng xã hội cường điệu hóa đến mức bóp nghẹt con người và không cho phép họ trở thành đối tượng cho sự phát triển của chính họ. Sự sẵn lòng lắng nghe mọi người, đặc biệt người nghèo, hoàn toàn trái ngược với một thế giới trong đó việc tập trung quyền lực cắt bỏ người nghèo, người bị gạt ra ngoài lề xã hội và người thiểu số và trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta. Tính đồng nghị và sinh thái toàn diện đều mang quan điểm của các mối liên hệ và nhấn mạnh vào sự cần thiết phải quan tâm đến các mối ràng buộc: vì lý do này, chúng tương ứng và tích hợp vào lối sống sứ mệnh của Giáo hội trong thế giới đương thời.

Phần II - Cùng nhau lên thuyền Sự hoán cải các mối liên hệ

Simon Phê-rô, Tô-ma gọi là Đi-đy-mô và Na-tha-na-en người Ca-na ở Galilê, các con trai ông Giêbêđê và hai môn đệ khác cùng ở với nhau. Simon Phê-rô nói với họ: “Tôi sắp đi đánh cá”. Họ nói với ông: “Chúng tôi cũng đi với anh” (Ga 21:2-3).

49. Hồ Tiberias là nơi mọi chuyện bắt đầu. Phê-rô, An-rê, Gia-cô-bê, Gio-an đã bỏ thuyền và lưới để đi theo Chúa Giêsu. Sau Lễ Phục Sinh, chúng ta lại bắt đầu từ hồ ấy. Trong đêm, có tiếng đối thoại vang vọng trên bờ: “Tôi sắp đi đánh cá”. «Chúng tôi cũng đi với anh.” Hành trình đồng nghị cũng bắt đầu như thế này: chúng tôi đã nghe lời mời từ Người kế vị Phê-rô và chúng tôi chấp nhận nó; chúng tôi lên đường với ngài và phía sau ngài. Cùng nhau chúng tôi cầu nguyện, suy gẫm, làm việc chăm chỉ và đối thoại. Nhưng trên hết chúng tôi đã trải nghiệm điều này: chính các mối liên hệ nâng đỡ sức sống của Giáo hội, làm sinh động các cơ cấu của Giáo hội. Một Giáo hội đồng nghị truyền giáo cần đổi mới cả hai.

Những mối liên hệ mới

50. Trong suốt hành trình đồng nghị và ở mọi vùng, yêu cầu một Giáo Hội có nhiều khả năng hơn trong việc nuôi dưỡng các mối liên hệ: với Chúa, giữa nam và nữ, trong gia đình, trong cộng đồng, giữa mọi Kitô hữu, giữa các nhóm xã hội, giữa các tôn giáo, với tạo thế, đã xuất hiện. Nhiều người bày tỏ sự ngạc nhiên khi được hỏi và niềm vui khi có thể nói lên tiếng nói của mình trong cộng đồng; cũng không thiếu những người chia sẻ nỗi đau cảm thấy bị loại trừ hoặc bị phán xét cũng vì hoàn cảnh hôn nhân, bản sắc và giới tính của họ. Mong muốn những mối liên hệ chân thực và có ý nghĩa hơn không chỉ nói lên khát vọng thuộc về một nhóm gắn kết, nhưng tương ứng với nhận thức sâu sắc về đức tin: phẩm chất truyền giáo của các mối liên hệ cộng đồng có tính quyết định để làm chứng rằng dân Chúa được mời gọi cho đi trong lịch sử. “Mọi người sẽ nhận biết các con là môn đệ của Thầy bằng dấu này: đó là các con yêu thương nhau” (Ga 13:35). Các mối liên hệ được canh tân nhờ ân sủng và lòng hiếu khách cung ứng cho những người nhỏ bé nhất theo giáo huấn của Chúa Giêsu là dấu hiệu hùng hồn nhất về hoạt động của Chúa Thánh Thần trong cộng đồng môn đệ. Do đó, để trở thành một Giáo hội đồng nghị, một hoán cải tương quan đích thực là điều cần thiết. Chúng ta phải học lại từ Tin Mừng để biết rằng việc chăm sóc các mối liên hệ không phải là một chiến lược hay công cụ mang lại hiệu quả cao hơn về phương diện tổ chức mà nó là cách thức trong đó, Thiên Chúa Cha mạc khải chính Người nơi Chúa Giêsu và trong Chúa Thánh Thần. Khi các mối liên hệ của chúng ta, dù mong manh, mạc khải ân sủng của Chúa Kitô, tình yêu của Chúa Cha, sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần, là chúng ta tuyên xưng Thiên Chúa Ba Ngôi bằng đời sống đức tin của mình.

51. Chúng ta phải nhìn vào Tin Mừng để vẽ bản đồ hoán cải vốn đòi hỏi nơi chúng ta, học cách biến thái độ của Chúa Giêsu thành thái độ của chúng ta. Tin Mừng “trình bày Người với chúng ta như không ngừng lắng nghe những người gặp Người trên các nẻo đường Đất Thánh” (DCS 11). Dù họ là đàn ông hay đàn bà, người Do Thái hay người ngoại giáo, luật sĩ hay người thu thuế, người công chính hay người tội lỗi, người ăn xin, người mù, người cùi hay người bệnh, Chúa Giêsu không xua đuổi ai đi mà không dừng lại lắng nghe và không đối thoại. Người mạc khải khuôn mặt của Chúa Cha bằng cách đến gặp gỡ mỗi người nơi lịch sử và sự tự do của họ được tìm thấy. Từ việc lắng nghe nhu cầu và đức tin của những người Người gặp, lời nói và cử chỉ tuôn chảy đổi mới cuộc sống họ, mở đường cho những mối liên hệ được hàn gắn. Chúa Giêsu là Đấng Mê-xi-a “làm cho người điếc được nghe và người câm nói được” (Mc 7:37). Người yêu cầu các môn đệ của Người cư xử giống như vậy và ban cho chúng ta, với ân sủng của Chúa Thánh Thần, khả năng thực hiện điều đó, bằng cách khuôn đức trái tim chúng ta theo trái tim Người: chỉ có «trái tim mới có thể tạo ra bất cứ mối liên kết đích thực nào, bởi vì một mối liên hệ không được xây dựng bằng trái tim thì không thể vượt qua sự phân mảnh của chủ nghĩa cá nhân” (DN 17). Khi chúng ta lắng nghe anh chị em mình, chúng ta tham gia vào thái độ mà với nó, Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô đến gặp gỡ mọi người.

52. Nhu cầu hoán cải trong các mối liên hệ chắc chắn liên quan đến những mối liên hệ giữa đàn ông và đàn bà. Tính năng động của mỗi liên hệ đã được khắc ghi trong thân phận thụ tạo của chúng ta. Ở đó, sự khác biệt về giới tính là nền tảng của mỗi liên hệ giữa con người với nhau. “Thiên Chúa tạo dựng con người giống hình ảnh của chính Người; theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa đã sáng tạo con người: có nam có nữ” (St 1:27). Trong dự án của Thiên Chúa, sự khác biệt nguyên thủy này không dẫn đến sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. Trong sáng tạo mới, nó được tái giải thích dưới ánh sáng phẩm giá của Bí tích Rửa tội: « Bất cứ ai trong anh em được thanh tẩy để thuộc về Đức Ki-tô, đều mặc lấy Đức Ki-tô. Không còn chuyện phân biệt Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Giêsu Ki-tô” (Gl 3:27-28). Là Kitô hữu chúng ta được mời gọi chào đón và tôn trọng, theo những cách khác nhau và trong những bối cảnh khác nhau trong đó nó được phát biểu, sự khác biệt này là một hồng phúc của Thiên Chúa và là nguồn sống. Chúng ta làm chứng cho Tin Mừng khi chúng ta cố gắng sống những mối liên hệ tôn trọng phẩm giá bình đẳng và có đi có lại giữa nam giới và nữ giới. Những biểu thức đau đớn, thống khổ thường xuyên của phụ nữ ở mọi vùng miền và lục địa, cả giáo dân lẫn người thánh hiến, trong tiến trình đồng nghị, đều cho thấy chúng ta thường không làm như thế ra sao.

Trong tính đa nguyên các bối cảnh

53. Lời kêu gọi đòi mới các mối liên hệ trong Chúa Giêsu vang vọng trong tính đa nguyên các bối cảnh trong đó các môn đệ của Người sống và thực hiện sứ mệnh của Giáo hội. Mỗi trong số những bối cảnh này có những phong phú đặc biệt cần được tính đến, gắn liền với tính đa nguyên của các nền văn hóa. Tuy nhiên, hết thảy chúng, dù theo những cách khác nhau, đều mang dấu hiệu của một luận lý học liên hệ bị bóp méo mà đôi khi trái ngược với luận lý học của Tin Mừng. Trong suốt lịch sử, những sự đóng cửa liên hệ được củng cố thành các cấu trúc tội lỗi thực sự (xem SRS 36), ảnh hưởng đến cách thức trong đó, người ta suy nghĩ và hành động. Đặc biệt, chúng tạo ra những trở ngại và nỗi sợ hãi mà chúng ta cần nhìn thẳng vào mặt và vượt qua để bắt đầu con đường hoán cải liên hệ dưới ánh sáng Tin Mừng.

54. Những tệ nạn đang hành hạ thế giới chúng ta đều bắt nguồn từ động lực này, bắt đầu với các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang, và ảo tưởng cho rằng có thể đạt được hòa bình chính đáng bằng sức mạnh của vũ khí. Nguy hiểm không kém là niềm tin rằng mọi tạo vật, kể cả con người, đều có thể tùy ý khai thác để kiếm lời. Hậu quả là những rào cản gây chia rẽ con người, ngay cả trong các cộng đồng Kitô giáo, kết cục ở những bất bình đẳng qua đó một số người có các khả thể mà những người khác bị từ khước: các bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, các thành kiến chủng tộc, phân chia thành đẳng cấp, phân biệt đối xử với người khuyết tật, vi phạm quyền của các nhóm thiểu số đủ loại, thiếu thiện chí chào đón người di cư. Ngay cả mối liên hệ với trái đất, người chị và người mẹ của chúng ta (xem LS 1), mang dấu hiệu của một vết nứt gây nguy hiểm cho cuộc sống của vô số cộng đồng, đặc biệt là ở những vùng nghèo khó nhất, nếu không muốn nói là của toàn thể các dân tộc và có lẽ của toàn thể nhân loại. Sự kết thúc triệt để và bi thảm nhất là sự kết thúc trong chính sự sống con người, dẫn đến việc loại bỏ trẻ em ngay từ trong bụng mẹ, và người già.

55. Nhiều sự dữ đang hành hạ thế giới chúng ta cũng hiển hiện trong Giáo hội. Cuộc khủng hoảng lạm dụng, với những biểu hiện bi thảm và đa dạng, đã mang đến những đau khổ không thể tả xiết và thường lâu dài cho nạn nhân, người sống sót và cộng đồng của họ. Giáo Hội phải lắng nghe một cách đặc biệt chú ý và nhạy cảm tới tiếng nói của nạn nhân và những người sống sót của các lạm dụng tình dục, tinh thần, kinh tế, định chế, quyền lực và lương tâm của các thành viên giáo sĩ hoặc những người có chức vụ trong giáo hội. Lắng nghe là một yếu tố cơ bản của hành trình hướng tới chữa lành, ăn năn, công lý và hòa giải. Trong thời đại đang trải qua cuộc khủng hoảng niềm tin hoàn cầu và khuyến khích mọi người sống trong sự ngờ vực và nghi ngờ, Giáo hội phải nhận ra những thiếu sót của mình, khiêm tốn xin sự tha thứ, chăm sóc những nạn nhân, trao cho nhau những công cụ phòng ngừa và cố gắng xây dựng lại niềm tin tưởng lẫn nhau vào Chúa.

56. Việc lắng nghe những người bị loại trừ và bị gạt ra ngoài lề xã hội củng cố nhận thức sau đây của Giáo hội: một phần sứ mệnh của Giáo Hội là gánh vác gánh nặng của những mối liên hệ bị tổn thương

này để Chúa, Đấng Hằng Sống, chữa lành chúng. Chỉ bằng cách này Giáo hội mới có thể “giống như một bí tích, nghĩa là một dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại” (LG 1). Đồng thời, sự cởi mở với thế giới cho phép chúng ta khám phá điều này: ở mọi nơi trên hành tinh, trong mọi nền văn hóa và trong mỗi nhóm người, Chúa Thánh Thần đều đã gieo những hạt giống Tin Mừng. Chúng sinh hoa quả trong khả năng sống các mối liên hệ lành mạnh, nuôi dưỡng sự tin tưởng và tha thứ lẫn nhau, vượt qua nỗi sợ những gì khác biệt và tạo ra những cộng đồng thân thiện, thúc đẩy một nền kinh tế quan tâm đến con người và hành tinh, để hòa giải sau xung đột. Lịch sử để lại cho chúng ta một di sản xung đột cũng được thúc đẩy nhân danh thống thuộc tôn giáo, làm suy yếu tính khả tín của chính các tôn giáo. Nguồn gốc của đau khổ là tai tiếng chia rẽ giữa các hiệp thông Kitô giáo, sự thù nghịch giữa anh chị em cùng lãnh nhận một Bí tích Rửa tội. Trải nghiệm mới mẻ về động lực đại kết đồng hành với hành trình đồng nghị, một trong những dấu hiệu của sự hoán cải liên hệ, mở ra hy vọng.

Các đặc sủng, ơn gọi và thừa tác vụ để truyền giáo

57. Các Kitô hữu, một cách cá nhân hay trong hiệp hội, được mời gọi làm cho các hồng phúc mà Chúa Thánh Thần ban cho sinh hoa trái để làm chứng và loan báo Tin Mừng. «Có các đặc sủng khác nhau, nhưng cùng một Thánh Thần; có nhiều thừa tác vụ khác nhau, nhưng chỉ cùng một Chúa; có những loại hoạt động khác nhau, nhưng cùng một Thiên Chúa thực hiện mọi điều đó nơi mọi người. Mỗi người đều được ban cho một biểu lộ Thân Khí vì lợi ích chung» (1Cr 12:4-7). Trong cộng đồng Kitô hữu, tất cả những người đã được Rửa tội đều được phong phú với những hồng phúc để chia sẻ, mỗi người tùy theo ơn gọi và điều kiện sống của họ. Thực thể, các ơn gọi khác nhau trong Giáo hội là những biểu thức đa dạng và khớp nối với lời kêu gọi nên thánh và truyền giáo duy nhất của phép rửa tội. Sự đa dạng của các đặc sủng bắt nguồn từ sự tự do của Chúa Thánh Thần, nhằm sự hiệp nhất của Thân Thể Chúa Kitô là Giáo Hội (xem LG 32) và sứ mệnh truyền giáo ở những nơi và nền văn hóa khác nhau (xem LG 12). Những hồng phúc này không phải là tài sản độc quyền của người nhận và sử dụng chúng, cũng không phải là lý do để đòi hỏi cho chính mình hoặc cho một nhóm. Họ được mời gọi đóng góp cả cho đời sống của Cộng đồng Kitô hữu cùng với việc chăm sóc mục vụ thỏa đáng cho ơn gọi lẫn sự phát triển của xã hội như một toàn thể.

58. Mỗi người đã được rửa tội đáp ứng các nhu cầu của sứ mệnh trong bối cảnh họ sống và làm việc bắt đầu từ những khuynh hướng và khả năng của chính họ, do đó biểu lộ sự tự do của Chúa Thánh Thần trong việc tặng hồng phúc cho họ. Chính nhờ tính năng động này trong Chúa Thánh Thần mà Dân Thiên Chúa, bằng cách lắng nghe thực tại mình đang sống, có thể khám phá những lĩnh vực mới của cam kết và các hình thức mới để hoàn thành sứ mệnh của mình. Các Kitô hữu với những vai trò khác nhau - trong gia đình và các bậc sống khác, tại nơi làm việc và trong nghề nghiệp, trong các hoạt động dân sự hoặc chính trị, xã hội hoặc sinh thái, trong việc phát triển một nền văn hóa lấy cảm hứng từ Tin Mừng cũng như trong việc truyền giảng tin mừng cho nền văn hóa của môi trường kỹ thuật số – đi khắp các đường phố của thế giới và trong môi trường sống của họ, loan báo Tin Mừng, đều được hỗ trợ bởi các ơn Chúa Thánh Thần.

59. Họ yêu cầu Giáo hội đừng bỏ họ một mình, nhưng cảm thấy được sai đi và hỗ trợ. Họ yêu cầu được nuôi dưỡng bằng bánh Lời Chúa và Thánh Thể, cũng như bằng các mối dây huynh đệ của cộng đồng. Họ yêu cầu cam kết của họ được công nhận vì chính bản chất của nó: Hành động của Giáo hội nhờ Tin Mừng, chứ không phải là một lựa chọn riêng tư. Cuối cùng, họ yêu cầu cộng đồng đồng hành cùng những người, qua chứng từ của họ, đã được Tin Mừng lôi cuốn. Trong một Giáo hội đồng nghị truyền giáo, dưới sự hướng dẫn của các Mục tử, các cộng đồng sẽ có thể sai đi và hỗ trợ những người đã được sai đi. Do đó, họ sẽ tự quan niệm họ chủ yếu như đang phục vụ sứ mệnh mà các tín hữu thực thi trong xã hội, trong gia đình và đời sống lao động mà không chỉ tập trung hoàn toàn vào các hoạt động diễn ra nơi họ và theo nhu cầu tổ chức của họ.

60. Nhờ Bí tích Rửa tội, người nam cũng như người nữ được hưởng phẩm giá bình đẳng trong Dân Thiên Chúa. Tuy nhiên, phụ nữ tiếp tục phải đối diện với những trở ngại trong việc đạt được sự công nhận đầy đủ hơn các đặc sủng, ơn gọi và vị trí của họ trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống Giáo hội, gây phương hại đến việc phục vụ sứ mệnh chung. Kinh Thánh chứng thực vai trò nổi bật của

nhiều phụ nữ trong lịch sử cứu độ. Một người phụ nữ, Maria Mađalêna, được giao nhiệm vụ đầu tiên thông báo về sự Phục sinh; vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, hiện diện tại Phòng Trên Lầu, cùng với nhiều phụ nữ khác từng theo Chúa. Điều quan trọng là những đoạn Kinh Thánh có liên quan đã tìm được chỗ thích hợp trong các bài đọc phụng vụ. Một số những thời điểm quan trọng trong lịch sử Giáo hội xác nhận sự đóng góp thiết yếu của phụ nữ được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần. Phụ nữ chiếm đa số trong số những người đến nhà thờ và thường là những chứng nhân đầu tiên của đức tin trong gia đình. Họ tích cực trong cuộc sống của các cộng đồng Kitô hữu nhỏ và trong các giáo xứ; họ quản lý trường học, bệnh viện và trung tâm tiếp tân; họ đứng đầu các sáng kiến hòa giải và thăng tiến phẩm giá con người và công bằng xã hội. Các phụ nữ đóng góp vào việc nghiên cứu thần học và hiện diện ở các vị trí trách nhiệm trong các định chế liên kết với Giáo hội, trong Giáo triều giáo phận và Giáo triều Rôma. Có những người phụ nữ thực hiện vai trò có thẩm quyền hoặc là người lãnh đạo cộng đồng. Phiên Hợp này kêu gọi sự thực thi đầy đủ mọi cơ hội đã được cung cấp bởi pháp luật hiện hành liên quan đến vai trò của phụ nữ, đặc biệt ở những nơi mà chúng vẫn chưa được thực thi. Không có lý do nào ngăn cản phụ nữ đảm nhận vai trò lãnh đạo trong Giáo hội: chúng ta không thể ngăn cản những điều phát xuất từ Chúa Thánh Thần. Vấn đề phụ nữ tiếp cận thừa tác vụ phó tế vẫn bỏ ngỏ. Điều cần thiết là tiếp tục phân định về vấn đề này. Phiên họp cũng mời gọi chúng ta chú ý nhiều hơn đến ngôn ngữ và hình ảnh dùng trong việc thuyết giảng, giảng dạy, dạy giáo lý và soạn thảo các văn kiện chính thức của Giáo Hội, dành không gian rộng lớn hơn cho việc đóng góp của các phụ nữ, các nhà thần học và các nhà huyền nhiệm thánh thiện.

61. Trong cộng đồng Kitô giáo, phải đặc biệt chú ý đến trẻ em: các em không chỉ cần được đồng hành trong cuộc phiêu lưu phát triển mà còn có rất nhiều đóng góp cho cộng đồng tín hữu. Khi các tông đồ tranh luận với nhau xem ai là người lớn nhất, Chúa Giêsu đặt một em bé vào trung tâm, coi em là tiêu chuẩn để vào Nước Trời (xem Mc 9,33-37). Giáo hội không thể có tính đồng nghị nếu không có sự đóng góp của trẻ em, những người mang tiềm năng truyền giáo cần được trân quý. Tiếng nói của các em cần thiết cho cộng đồng: chúng ta phải lắng nghe nó và cam kết để mọi người trong xã hội đều lắng nghe nó, đặc biệt là những người có trách nhiệm chính trị và giáo dục. Một xã hội không biết cách chào đón và chăm sóc trẻ em là một xã hội bệnh hoạn; nỗi đau khổ mà nhiều người trong số các em phải chịu đựng do chiến tranh, nghèo đói và bỏ rơi, lạm dụng và buôn bán là một vụ tai tiếng đòi hỏi sự can đảm để tố cáo và cam kết liên đới.

62. Những người trẻ cũng có sự đóng góp vào việc canh tân Giáo hội theo tính đồng nghị. Họ đặc biệt nhạy cảm với các giá trị huynh đệ và chia sẻ, trong khi bác bỏ thái độ cha chú hoặc độc đoán. Đôi khi thái độ của họ đối với Giáo Hội bề ngoài như một chỉ trích nhưng thường mang hình thức tích cực của một cam kết bản thân đối với một cộng đồng biết chào đón, cam kết đấu tranh chống lại bất công xã hội và chăm sóc ngôi nhà chung. Lời yêu cầu “cùng nhau bước đi trong cuộc sống hàng ngày” của những người trẻ trong Thượng Hội đồng dành riêng cho họ vào năm 2018, hoàn toàn phù hợp với chân trời của một Giáo hội đồng nghị. Vì lý do này, điều cần thiết là phải bảo đảm để họ được đồng hành một cách đầy quan tâm và kiên nhẫn; đặc biệt, điều đáng làm là tiếp thu đề nghị, xuất hiện nhờ sự đóng góp của họ, về “một kinh nghiệm đồng hành để phân định”, bao gồm đời sống huynh đệ được chia sẻ với các nhà giáo dục người lớn, một cam kết tông đồ để cùng sống phục vụ những người thiếu thốn nhất; một cung ứng linh đạo bắt nguồn từ việc cầu nguyện và đời sống bí tích (x. *Tài liệu cuối cùng của Thượng Hội đồng Giám mục thường kỳ lần thứ XV, “Người trẻ, Đức tin và việc phân định ơn gọi”*, 161).

63. Trong việc thúc đẩy tinh thần đồng trách nhiệm đối với sứ mệnh của tất cả những người đã được Rửa tội, chúng tôi công nhận năng lực tông đồ của người khuyết tật, những người cảm thấy được kêu gọi và được sai đi làm chủ thể tích cực của việc truyền giảng Tin mừng. Chúng tôi muốn tăng cường sự đóng góp phát xuất từ sự giàu có to lớn của nhân tính được họ mang theo. Chúng tôi nhìn nhận sự trải nghiệm đau khổ của họ, bị gạt ra ngoài lề xã hội, bị phân biệt đối xử, đôi khi phải chịu đựng ngay cả bên trong Cộng đoàn Kitô giáo, do thái độ thương hại cha chú. Để khuyến khích họ tham gia vào đời sống và sứ mệnh của Giáo hội, việc thành lập một Đài quan sát Khuyết tật của Giáo hội đã được đề nghị.

64. Trong số các ơn gọi làm giàu Giáo hội, ơn gọi của các cặp vợ chồng nổi bật lên. Công đồng

Vatican II đã dạy rằng “trong bậc sống và trật tự của họ, họ sở hữu hồng phúc ơn thánh giữa dân Thiên Chúa” (LG 11). Bí tích hôn nhân chỉ định một sứ mệnh đặc biệt liên quan đồng thời tới đời sống gia đình, việc xây dựng Giáo Hội và sự dần thân trong xã hội. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhận thức đã tăng lên về việc gia đình là chủ thể chứ không chỉ là đối tượng nhận sự chăm sóc mục vụ gia đình. Vì lý do này, họ cần gặp gỡ và kết nối, cũng nhờ sự giúp đỡ của các định chế giáo hội dành riêng cho việc giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên. Một lần nữa, Phiên Hợp bày tỏ sự gần gũi và hỗ trợ những người đang sống trong tình trạng đơn chiếc như một sự lựa chọn để trung thành với Truyền thống và huấn quyền của Giáo Hội về các vấn đề hôn nhân và đạo đức tính dục, trong đó họ nhận ra nguồn sống.

65. Qua nhiều thế kỷ, các ân sủng thiêng liêng cũng đã tạo ra nhiều cách diễn đạt khác nhau về đời sống thánh hiến. Ngay từ đầu, Giáo Hội đã nhìn nhận hoạt động của Chúa Thánh Thần trong đời sống của những người nam nữ đã chọn bước theo Chúa Kitô trên con đường của những lời khuyên Tin Mừng, tận hiến bản thân để phục vụ Thiên Chúa trong việc chiêm niệm cũng như trong nhiều hình thức phục vụ. Đời sống thánh hiến được mời gọi tra vấn Giáo hội và xã hội bằng chính tiếng nói tiên tri của họ. Theo kinh nghiệm hàng thế kỷ của họ, các gia đình tu trì đã trưởng thành và trải nghiệm thực hành đời sống đồng nghị và biện phân cộng đồng, học cách hài hòa các ân sủng cá nhân và sứ mệnh chung. Các Dòng và Tu hội, Tu đoàn tông đồ, Tu hội thế tục, cũng như các Hiệp hội, Phong trào và Cộng đồng mới có sự đóng góp đặc biệt để làm cho việc phát triển của tính đồng nghị trong Giáo hội. Ngày nay nhiều cộng đoàn đời sống thánh hiến là một phòng thí nghiệm liên văn hóa tạo nên lời tiên tri cho Giáo hội và thế giới. Đồng thời, tính đồng nghị mời gọi – và đôi khi thách thức – các Mục tử của các Giáo hội địa phương, cũng như các vị chịu trách nhiệm về đời sống thánh hiến và các tổ chức giáo hội nhằm củng cố các mối liên hệ trong dòng để mang lại sự sống cho việc trao đổi hồng phúc nhằm phục vụ sứ mệnh chung.

66. Việc truyền giáo liên quan đến tất cả những người đã được Rửa tội. Nhiệm vụ đầu tiên của các giáo dân nam và nữ là thẩm nhiệm và biến đổi những thực tại trần thế bằng tinh thần Tin Mừng (xem LG 31.33; AA 5-7). Diễn trình đồng nghị, được hỗ trợ bởi sự kích thích từ Đức Thánh Cha Phanxicô (xem *Tông thư dưới hình thức Tự sắc Spiritus Domini*, ngày 10 tháng 1 năm 2021), kêu gọi các Giáo hội địa phương đáp lại bằng tính sáng tạo và lòng can đảm trước những nhu cầu của sứ mệnh, biện phân giữa các đặc sủng một số đặc sủng phù hợp với hình thức thừa tác vụ, tự trang bị cho mình các tiêu chuẩn, phương tiện và thủ tục thỏa đáng. Không phải tất cả các đặc sủng phải được coi là thừa tác vụ, và tất cả những người đã lãnh Bí tích Rửa tội cũng không được coi là thừa tác viên, cũng không cần phải thiết lập tất cả các thừa tác vụ. Để một đặc sủng được cấu hình như một thừa tác vụ, cộng đồng cần phải nhận diện nhu cầu mục vụ thực sự, kèm theo một sự phân định được thực hiện bởi Mục tử cùng với cộng đồng về cơ hội tạo ra một thừa tác vụ mới. Như kết quả của diễn trình này, thẩm quyền có năng quyền sẽ ra quyết định. Trong một giáo hội đồng nghị truyền giáo, việc cổ vũ nhiều hình thức thừa tác vụ giáo dân hơn được khuyến khích; các thừa tác vụ này không đòi hỏi bí tích Truyền chức, không chỉ trong bối cảnh phụng vụ. Chúng có thể được thiết lập hoặc không được thiết lập. Cũng phải bắt đầu suy gẫm hơn nữa về cách ủy thác các thừa tác vụ giáo dân trong một cộng đoàn vào lúc việc người ta di chuyển từ nơi này sang nơi khác ngày càng dễ dàng hơn, bằng cách xác định rõ thời gian và phạm vi thực hiện chúng.

67. Trong số nhiều hoạt động phục vụ của Giáo hội, Phiên Hợp đã ghi nhận sự đóng góp cho sự hiểu biết đức tin và sự phân định mà thần học cố gắng hiển qua nhiều cách diễn đạt khác nhau. Các nhà thần học và các nữ thần học gia giúp dân Chúa phát triển sự hiểu biết về thực tại được soi sáng bởi Mặc khải và phát triển những phản ứng phù hợp và ngôn ngữ thích hợp cho sứ mệnh. Trong Giáo Hội đồng nghị và truyền giáo «Đặc sủng thần học được mời gọi thực hiện một việc phục vụ chuyên biệt [...]». Cùng với kinh nghiệm đức tin và việc chiêm ngưỡng chân lý của các tín hữu và với việc rao giảng của các Mục Tử, nó góp phần vào việc đào sâu Tin Mừng nhiều hơn. Hơn nữa, “như với bất cứ ơn gọi Kitô giáo nào khác, thừa tác vụ thần học, ngoài việc mang tính chất bản thân, nó cũng mang tính cộng đồng và tập thể” (ITC, số 75), nhất là khi nó được thực hiện dưới hình thức giảng dạy được giao phó với sứ mệnh giáo luật trong các định chế học thuật của giáo hội. «Do đó, tính đồng nghị Giáo hội đòi hỏi các nhà thần học phải thực hiện thần học dưới hình thức đồng nghị, thúc đẩy giữa họ khả năng lắng nghe, đối thoại, phân định và tích nhập tính đa phức và đa dạng của các diễn hình và đóng góp”

(*ibid.*). Về đường hướng này, điều cấp thiết là phải khuyến khích, thông qua các hình thức định chế thích hợp, cuộc đối thoại giữa các Mục tử và những người dân thân vào việc nghiên cứu thần học. Phiên Hợp mời gọi các định chế thần học tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ và đào sâu ý nghĩa của tính đồng nghị và đồng hành với việc đào tạo trong các giáo hội địa phương.

Thừa tác vụ thụ phong để phục vụ sự hòa hợp

68. Giống như tất cả các thừa tác vụ của Giáo hội, chức vụ giám mục, linh mục và phó tế đều có vai trò phục vụ việc loan báo Tin Mừng và xây dựng cộng đồng Giáo Hội. Công đồng Vatican II nhắc lại rằng thừa tác vụ thụ phong được Thiên Chúa thiết lập “được thi hành theo những cấp bậc khác nhau mà từ xưa được gọi là Giám mục, Linh mục và Phó tế” (LG 28). Trong bối cảnh này, Công đồng Vatican II đã khẳng định tính bí tích của hàng giám mục (xem LG 21), phục hồi thực tại hiệp thông của linh mục đoàn (xem LG 28) và mở đường để khôi phục việc thực thi chức phó tế vĩnh viễn trong Giáo hội Latinh (xem LG 29).

Thừa tác vụ của Giám mục: tổng hợp các ơn Chúa Thánh Thần trong sự hiệp nhất

69. Nhiệm vụ của Giám mục là chủ trì một Giáo hội địa phương, như một nguyên tắc hữu hình của sự hiệp nhất trong đó và là mối dây hiệp thông với tất cả các Giáo hội. Lời khẳng định của Công đồng rằng «với sự thánh hiến Giám mục, sự viên mãn của bí tích Truyền chức được thông ban» (LG 21) cho phép chúng ta hiểu căn tính của Giám mục trong bối cảnh các mối liên hệ bí tích với Chúa Kitô và với “phần Dân Thiên Chúa” (CD 11) được ủy thác cho ngài và được mời gọi phục vụ nhân danh Chúa Kitô Mục Tử Nhân Lành. Bất cứ ai được tấn phong làm Giám mục đều không bị trao cho những đặc quyền và nhiệm vụ mà ngài phải thực hiện một mình. Đúng hơn ngài nhận được ân sủng và nhiệm vụ nhận ra, phân định và thống nhất các ơn Chúa Thánh Thần tuôn đổ trên các cá nhân và cộng đồng, hoạt động trong mối liên kết bí tích với các Linh mục và Phó tế, những người cùng chịu chung trách nhiệm với ngài về công tác mục vụ trong Giáo hội địa phương. Khi làm điều này, ngài hoàn thành những điều thích hợp và chuyên biệt nhất đối với sứ mệnh của mình trong bối cảnh quan tâm đến sự hiệp thông của các Giáo Hội.

70. Công việc của Giám mục là việc phục vụ trong, với và vì cộng đoàn (xem LG 20), được thực hiện qua việc công bố Lời Chúa, chủ tọa việc cử hành Thánh Thể và các hoạt động bí tích khác. Vì lý do này, Thượng Hội đồng hy vọng rằng dân Chúa có giọng nói lớn hơn trong việc lựa chọn các Giám mục. Nó cũng khuyến nghị rằng việc tấn phong Giám mục nên diễn ra tại Giáo phận mà ngài được bổ nhiệm làm Mục tử chứ không phải ở Giáo phận gốc như thường lệ, và các vị chủ phong chính được chọn trong số các Giám mục của Giáo tỉnh, bao gồm, bao nhiêu có thể, Tổng Giám mục Giáo Tỉnh [Metropolitan]. Theo cách này, sẽ rõ ràng hơn việc người trở thành Giám mục ký kết một mối ràng buộc với Giáo hội mà ngài được chỉ định, công khai đảm nhận các cam kết của thừa tác vụ của mình trước Giáo hội này. Đặc biệt trong những chuyên viếng thăm mục vụ, điều quan trọng không kém là ngài có thể dành thời gian với các Tín hữu, lắng nghe họ dựa trên sự phân định của mình. Điều này sẽ giúp trải nghiệm Giáo hội như gia đình của Thiên Chúa. Mối liên hệ căn bản của giám mục với Giáo hội địa phương ngày nay không xuất hiện rõ ràng đầy đủ trong trường hợp các Giám mục hiệu tòa, chẳng hạn như các Đại diện của Đức Giáo Hoàng và những vị phục vụ trong Giáo triều Rôma. Điều thích hợp là tiếp tục suy gẫm về chủ đề này.

71. Các giám mục cũng cần được đồng hành và hỗ trợ trong thừa tác vụ của mình. Tổng Giám mục giáo tỉnh có thể đóng một vai trò trong việc thúc đẩy tình huynh đệ giữa các Giám mục của Giáo phận láng giềng. Trên con đường đồng nghị, xuất hiện nhu cầu cung cấp cho các giám mục các khóa đào tạo liên tục cũng trong bối cảnh địa phương. Cần xác định cụ thể vai trò của các Giám Mục Phụ Tá và mở rộng các nhiệm vụ mà giám mục có thể ủy quyền. Kinh nghiệm của các Giám mục Hưu trí trong cách phục vụ mới của họ cho dân Chúa cũng nên được trân trọng. Điều quan trọng là giúp các Tín hữu không nuôi dưỡng những kỳ vọng quá đáng và không thực tế đối với vị Giám mục, vì nhớ rằng ngài cũng là một người anh em mong manh, dễ bị cám dỗ, đang cần sự giúp đỡ như mọi người. Một tầm nhìn lý tưởng hóa về Giám mục không tạo điều kiện thuận lợi cho thừa tác vụ tế nhị của ngài, thay vào đó được hỗ trợ bởi sự tham gia của toàn thể dân Chúa vào sứ mệnh truyền giáo trong một

Giáo hội thực sự có tính đồng nghị.

Với Giám Mục: Các linh mục và phó tế

72. Trong một Giáo hội đồng nghị, các Linh mục được mời gọi sống việc phục vụ của mình trong một thái độ gần gũi với mọi người, chào đón và lắng nghe mọi người, cởi mở với phong cách đồng nghị. Các Linh mục “cùng với Giám mục của mình thành lập một Linh mục đoàn duy nhất” (LG 28) và cộng tác với ngài trong việc phân định các đặc sủng cũng như trong việc đồng hành và hướng dẫn Giáo Hội địa phương, đặc biệt quan tâm đến việc phục vụ sự hợp nhất. Họ được kêu gọi sống tình huynh đệ linh mục và cùng nhau đồng hành trong công việc mục vụ. Linh mục đoàn cũng bao gồm các linh mục là thành viên của các Tu hội Đời sống Thánh hiến và các Hiệp hội Đời sống Tông đồ, những người làm phong phú nó với đặc tính đặc điểm thuộc đặc sủng của họ. Họ, cũng như các Linh mục đến từ các Giáo hội tự trị phương Đông, độc thân hoặc kết hôn, các linh mục cho mượn để truyền bá đức tin (*fidei donum*) và những người đến từ các quốc gia khác, đều giúp hàng giáo sĩ địa phương cởi mở trước các chân trời của toàn thể Giáo hội, trong khi các Linh mục giáo phận giúp các anh em khác hòa mình vào lịch sử của một Giáo phận cụ thể, với các truyền thống và sự giàu có về mặt tinh thần của họ. Bằng cách này, ngay trong linh mục đoàn, một sự trao đổi hồng phúc đích thực được hiện thực hóa nhằm việc truyền giáo. Các linh mục cũng cần được đồng hành và hỗ trợ, nhất là trong những giai đoạn đầu của thừa tác vụ và trong những lúc yếu đuối và mong manh.

73. Tôi tớ các mầu nhiệm của Thiên Chúa và của Giáo hội (xem LG 41), các phó tế được truyền chức “không phải cho chức linh mục, nhưng cho thừa tác vụ” (LG 29). Họ thực hiện điều này trong việc phục vụ bác ái, trong việc công bố (Lời Chúa) và trong phụng vụ, bày tỏ, trong mọi bối cảnh xã hội và giáo hội trong đó họ hiện diện, mối tương quan giữa Tin Mừng được công bố và đời sống được sống trong yêu thương, và cổ vũ trong toàn thể Giáo Hội một ý thức và phong cách phục vụ đối với mọi người, đặc biệt là những người nghèo nhất. Các chức năng của các Phó tế rất đa dạng, như được chứng tỏ qua Truyền thống, lời cầu nguyện phụng vụ và thực hành mục vụ. Chúng sẽ được quy định rõ ràng để đáp ứng nhu cầu của mỗi Giáo hội địa phương, đặc biệt để đánh thức và hỗ trợ sự chú ý của mọi người đối với những người nghèo nhất, trong khuôn khổ một Giáo hội đồng nghị truyền giáo và đầy lòng thương xót. Thừa tác vụ phó tế vẫn còn xa lạ đối với nhiều Kitô hữu, cũng bởi vì, mặc dù đã được Vatican II phục hồi trong Giáo hội Latinh như chức thánh riêng và vĩnh viễn (xem LG 29), vẫn chưa được chấp nhận ở mọi phần thế giới. Giáo huấn của Công đồng sẽ cần được khám phá thêm, cũng trên cơ sở xác minh nhiều kinh nghiệm đang diễn ra, nhưng đã đưa ra những động cơ vững chắc để các Giáo hội địa phương không trì hoãn việc cổ vũ chức phó tế vĩnh viễn một cách quảng đại hơn, nhận ra trong thừa tác vụ này một yếu tố quý giá trong sự trưởng thành của một Giáo hội phục vụ việc đi theo Chúa Giêsu, Đấng đã trở thành tôi tớ của mọi người. Việc nghiên cứu này cũng sẽ giúp hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc truyền chức phó tế cho những người sẽ trở thành linh mục.

Sự hợp tác giữa các thừa tác viên thụ phong trong Giáo hội Đồng nghị

74. Nhiều lần, trong diễn trình Thượng Hội đồng, lòng biết ơn đã được bày tỏ với các Giám mục, Linh mục và Phó tế vì niềm vui, sự dấn thân và sự cống hiến mà với chúng, các vị đã thực hiện việc phục vụ của mình. Những khó khăn mà các Mục tử gặp phải trong thừa tác vụ của các vị cũng đã được lắng nghe, liên kết trước hết với cảm giác bị cô lập, cô đơn, cũng như bị choáng ngợp bởi yêu cầu thỏa mãn mọi nhu cầu. Kinh nghiệm của Thượng Hội đồng có thể giúp các Giám mục, Linh mục và phó tế tái khám phá khả năng đồng trách nhiệm trong việc thi hành thừa tác vụ, điều này cũng đòi hỏi sự cộng tác với các thành viên khác của dân Chúa. Một việc phân bổ các nhiệm vụ và trách nhiệm rộng rãi hơn, một sự phân định can đảm hơn những gì chuyên biệt thuộc thừa tác vụ thụ phong và điều có thể và phải được ủy thác cho người khác sẽ tạo thuận lợi cho việc thực thi chức vụ đó một cách lành mạnh hơn về mặt thiêng liêng và mục vụ trong mỗi thứ bậc của nó. Quan điểm này sẽ không tác động đến diễn trình ra quyết định được đặc trưng bởi một phong cách đồng nghị rõ ràng hơn. Nó cũng sẽ giúp vượt qua chủ nghĩa giáo sĩ trị được hiểu là việc sử dụng quyền lực vì lợi ích riêng của mình và bóp méo thẩm quyền của Giáo hội vốn phục vụ Dân Thiên Chúa. Nó được phát biểu, trước hết, ở việc lạm dụng tình dục, kinh tế, lương tâm và quyền lực từ phía các mục tử của Giáo hội. «Chủ nghĩa giáo sĩ trị, được cả các linh mục và giáo dân ưa chuộng, tạo ra sự chia rẽ trong cơ thể giáo hội kích động và

giúp duy trì nhiều sự ác đang tồn tại được chúng ta đang tố cáo ngày nay” (Đức Phanxicô, *Thư gửi dân Chúa*, ngày 20 tháng 8 năm 2018).

Cùng nhau thực hiện sứ mệnh

75. Để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và sứ mệnh, trong suốt lịch sử của mình, Giáo hội đã khai sinh ra một số thừa tác vụ, khác biệt với những thừa tác vụ thụ phong. Những thừa tác vụ như vậy là hình thức được các đặc sủng tiếp nhận khi chúng được cộng đồng và những người có trách nhiệm hướng dẫn nó thừa nhận một cách công khai và được đặt vào việc phục vụ sứ mệnh một cách ổn định. Một số nhằm phục vụ cộng đồng Kitô giáo một cách chuyên biệt hơn. Đặc biệt có liên quan là các thừa tác vụ đã được thiết lập [instituted], được Giám mục trao ban một lần trong đời, với một nghi thức cụ thể, sau khi có sự phân định thích hợp và đào tạo đầy đủ các ứng viên. Đây không phải là một ủy nhiệm thư hay sự phân công nhiệm vụ đơn giản; sự trao ban thừa tác vụ là một á bí tích định hình con người và xác định cách họ tham gia vào đời sống và sứ mệnh của Giáo Hội. Trong Giáo hội Latinh, đó là thừa tác vụ của người đọc sách và giúp lễ (xem *Tông thư dưới hình thức tự sắc Spiritus Domini*, ngày 10 tháng 1 năm 2021), và của giáo lý viên (xem *Tông thư dưới hình thức Tự sắc Antiquum ministerium* [thừa tác vụ cổ xưa], ngày 10 tháng 5 năm 2021). Các điều khoản và phương pháp thực hiện chúng phải được xác định theo mệnh lệnh của cơ quan có thẩm quyền hợp pháp. Các Hội đồng Giám mục có quyền quyết định việc thành lập điều kiện cá nhân mà ứng viên phải đáp ứng và xây dựng lộ trình đào tạo để tiếp cận các thừa tác vụ này.

76. Bên cạnh đó là những thừa tác vụ không được thiết lập theo nghi thức nhưng được thực thi một cách ổn định nhờ ủy nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, chẳng hạn như thừa tác vụ điều hợp một cộng đồng giáo hội nhỏ, hướng dẫn việc cầu nguyện của cộng đồng, tổ chức các hoạt động bác ái, v.v., vốn được phép có sự đa dạng lớn lao tùy thuộc vào đặc điểm của cộng đồng địa phương. Một ví dụ về điều này là các giáo lý viên luôn chịu trách nhiệm ở nhiều vùng ở Châu Phi của các cộng đồng không có linh mục. Ngay cả khi không có nghi thức quy định, điều vẫn phù hợp là công khai trao nhiệm vụ thông qua một ủy nhiệm trước cộng đồng để khuyến khích sự công nhận hữu hiệu của nó. Ngoài ra còn có các thừa tác vụ đặc biệt, bao gồm thừa tác vụ Thánh Thể đặc biệt, hướng dẫn các phụng vụ Chúa nhật khi vắng mặt Linh mục, việc điều hành một số á bí tích hoặc những điều khác. Các điều khoản giáo luật Latinh và Đông phương đã quy định rằng, trong một số trường hợp, giáo dân, nam hay nữ, cũng có thể làm thừa tác viên đặc biệt của Bí Tích Rửa Tội. Trong hệ thống giáo luật Latinh, Giám mục (được ủy quyền của Tòa Thánh) có thể ủy quyền hỗ trợ lễ cưới cho giáo dân, nam hay nữ. Dựa trên nhu cầu bối cảnh địa phương, khả năng mở rộng và làm cho những cơ hội thi hành thừa tác vụ của giáo dân này ổn định, nên được lượng giá. Cuối cùng, có những việc phục vụ tự phát, không cần thêm điều kiện hoặc sự công nhận minh nhiên. Chúng chứng minh rằng mọi tín hữu, nhiều cách khác nhau, đều tham gia vào sứ mệnh thông qua các hồng phúc và đặc sủng của mình.

77. Phải dành nhiều cơ hội hơn cho các tín hữu giáo dân, nam cũng như nữ tham gia, đồng thời khám phá các hình thức phục vụ và thừa tác vụ bổ sung để đáp ứng nhu cầu chăm sóc mục vụ của thời đại chúng ta, trên tinh thần cộng tác và đồng trách nhiệm dị biệt hóa. Một cách đặc biệt, một số nhu cầu cụ thể đã xuất hiện từ tiến trình đồng nghị cần được đáp ứng cách thích hợp với các bối cảnh khác nhau:

a) việc tham gia rộng rãi hơn của giáo dân nam nữ vào các diễn trình phân định của Giáo hội và trong tất cả các giai đoạn của diễn trình ra quyết định (soạn thảo và đưa ra và xác nhận quyết định);

b) việc tiếp cận rộng rãi hơn của giáo dân nam nữ với các vị trí trách nhiệm trong các Giáo phận và trong các định chế giáo hội, bao gồm các chủng viện, học viện và các khoa thần học, phù hợp với quy định hiện hành;

c) việc thừa nhận nhiều hơn và sự ủng hộ quyết liệt hơn đối với đời sống và các đặc sủng của người thánh hiến nam nữ và việc sử dụng họ trong các vị trí có trách nhiệm trong giáo hội;

d) việc gia tăng số lượng giáo dân nam nữ có trình độ đảm nhận vai trò thẩm phán trong tiến trình

giáo luật;

e) việc thừa nhận một cách hữu hiệu phẩm giá và tôn trọng các quyền của những người làm việc với tư cách là nhân viên của Giáo hội và các định chế của Giáo hội.

78. Diễn trình đồng nghị đã đổi mới nhận thức này: lắng nghe là một thành phần thiết yếu của mọi khía cạnh của đời sống Giáo hội: việc cử hành các bí tích, đặc biệt là Hòa giải, dạy giáo lý, đào tạo và đồng hành mục vụ. Trong bối cảnh này, Phiên Hợp đã quan tâm đến đề nghị thành lập thừa tác vụ lắng nghe và đồng hành, cho thấy nhiều định hướng khác nhau. Một số người phát biểu một cách thuận lợi, bởi vì một thừa tác vụ như vậy sẽ tạo thành một cách tiên tri trong việc nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lắng nghe và đồng hành trong cộng đồng. Những người khác đã tuyên bố rằng lắng nghe và đồng hành là nhiệm vụ của tất cả những người đã được Rửa tội, mà không cần phải có một thừa tác vụ chuyên biệt. Lại có những người nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu thêm, ví dụ về mối liên hệ giữa thừa tác vụ tiềm năng này và việc đồng hành thiêng liêng, huấn đạo mục vụ và việc cử hành bí tích Hòa giải. Cũng có đề nghị cho rằng thừa tác vụ lắng nghe và đồng hành được nhắm đặc biệt vào việc chào đón những người ở bên lề cộng đồng giáo hội và những người trở về sau khi đã bỏ đi, những người đang tìm kiếm sự thật và mong muốn được giúp đỡ để gặp được Chúa. Do đó, cần phải tiếp tục phân định về vấn đề này. Các bối cảnh địa phương nơi nhu cầu này được cảm nhận rõ nhất, sẽ có thể cổ vũ việc thử nghiệm và soạn thảo các mô hình khả hữu để biện phân.

Phần III – «Hãy Thả lưới» Hóan cải diễn trình

Chúa Giêsu nói với các ông: “Này các chú, không có gì ăn ư?” Các ông trả lời: “Thưa không.” Người bảo các ông: “Cứ thả lưới xuống bên phải mạn thuyền đi, thì sẽ bắt được cá.” Các ông thả lưới xuống, nhưng không sao kéo lên nổi, vì lưới đầy những cá”. (Ga 21, 5-6)

79. Việc đánh cá chưa có kết quả và bây giờ đã đến lúc phải quay vào bờ. Nhưng một giọng nói vang lên, có thẩm quyền, mời gọi họ làm điều gì đó mà nếu một mình, các môn đệ sẽ không làm, điều này cho thấy một khả thể mà con mắt và tâm trí của họ không thể hiểu được: «Cứ thả lưới xuống bên phải mạn thuyền đi, thì sẽ bắt được cá.» Trong tiến trình đồng nghị, chúng tôi đã cố gắng lắng nghe Tiếng Nói này và chấp nhận những gì nó bảo chúng tôi. Trong cầu nguyện và đối thoại huynh đệ, chúng tôi thừa nhận rằng sự phân định của Giáo hội, sự quan tâm đến các diễn trình đưa ra quyết định và cam kết thực hiện việc giải trình hành động của mình và đánh giá kết quả của các quyết định được đưa ra là những thực hành mà với chúng, chúng tôi đáp lại Lời đã chỉ cho chúng tôi những con đường truyền giáo.

80. Ba thực hành này gắn bó chặt chẽ với nhau. Diễn trình ra quyết định cần sự phân định của Giáo hội, một điều vốn đòi hỏi sự lắng nghe trong bầu không khí tin cậy được sự minh bạch và giải trình hỗ trợ. Sự tin tưởng phải hỗ trợ: những người đưa ra quyết định cần có khả năng tin tưởng và lắng nghe dân Chúa, những người cần có khả năng tin tưởng những người thực thi quyền lực. Viễn kiến toàn diện này nhấn mạnh rằng mỗi thực hành này phụ thuộc vào thực hành khác và hỗ trợ chúng, phục vụ khả năng của Giáo hội trong việc thực hiện sứ mệnh của mình. Tham gia vào các diễn trình đưa ra quyết định dựa vào sự phân định của Giáo hội và việc tiếp nhận nền văn hóa minh bạch, giải trình trách nhiệm và đánh giá đòi hỏi phải có việc đào tạo thỏa đáng không những mang tính kỹ thuật mà còn có khả năng khám phá nền tảng thần học, kinh thánh và tâm linh của nó. Tất cả những người đã được rửa tội đều cần được đào tạo về chứng tá, sứ vụ, sự thánh thiện và phục vụ, vốn đề cao tinh thần đồng trách nhiệm. Nó mang các hình thức đặc thù đối với những người đảm nhận các vị trí trách nhiệm hoặc phục vụ sự phân định của Giáo hội.

Sự biện phân của Giáo Hội đối với sứ mệnh

81. Để cổ vũ những mối liên hệ có khả năng hỗ trợ và hướng dẫn sứ mệnh của Giáo hội, điều ưu tiên là thực thi sự khôn ngoan Tin Mừng vốn giúp cộng đồng các tông đồ của Giêrusalem đóng ấn thành quả của biến cố đồng nghị đầu tiên bằng những lời: «Vì nó xem ra tốt đối với Chúa Thánh Thần và với chúng tôi» (Cv 15: 28). Chính sự phân định, như được thực hiện bởi dân Chúa nhằm vào sứ mệnh, mà chúng ta có thể được coi là “giáo hội”. Chúa Thánh Thần, Đấng mà Chúa Cha đã sai đến nhân danh Chúa Giêsu và là Đấng dạy dỗ mọi sự (x. Ga 14: 26), hướng dẫn các tín hữu mọi thời, “đến với tất cả sự thật” (Ga 16:13). Qua sự hiện diện và hành động liên tục của Người, “Truyền thống bắt nguồn từ các Tông đồ, được phát triển trong Giáo hội” (DV 8). Kêu cầu ánh sáng Người, dân Chúa, chia sẻ chức năng ngôn sứ của Chúa Kitô (xem LG 12), “tìm cách biện phân trong các biến cố, yêu cầu và nguyện vọng trong đón họ cùng tham gia với những người khác của thời đại chúng ta, đâu là các dấu hiệu đích thực cho thấy sự hiện diện hay kế hoạch của Thiên Chúa” (GS 11). Sự phân định này sử dụng tất cả các ơn khôn ngoan mà Chúa phân phát trong Giáo hội và bắt nguồn từ cảm thức đức tin được Chúa Thánh Thần truyền đạt cho tất cả những người đã được Rửa tội. Với tinh thần này đòi sống của Giáo hội đồng nghị truyền giáo phải được hiểu lại và định hướng lại.

82. Sự phân định của Giáo Hội không phải là một kỹ thuật tổ chức, nhưng là một thực hành thiêng liêng cần được sống trong đức tin. Nó đòi hỏi tự do nội tâm, khiêm tốn, cầu nguyện, tin tưởng lẫn nhau, cởi mở đối với sự mới mẻ và phó thác cho ý muốn của Thiên Chúa. Đó không bao giờ là sự khẳng định một quan điểm bản thân hoặc nhóm, nó cũng không dẫn đến việc tổng hợp đơn giản các ý kiến cá nhân; mỗi người, nói theo lương tâm, mở lòng lắng nghe những gì người khác có lương tâm

chia sẻ, như thế cùng nhau cố gắng nhận ra “điều Chúa Thánh Thần nói với các Giáo hội” (Kh 2: 7). Dự ứng sự đóng góp của tất cả những người có liên quan, việc biện phân của Giáo hội đồng thời là một điều kiện và một biểu thức ưu tuyển của tính đồng nghị, trong đó sự hiệp thông, sứ mệnh và sự tham gia được đem ra sống với nhau. Sự biện phân càng phong phú hơn khi mọi người được lắng nghe nhiều hơn. Vì lý do này, điều cần thiết là cổ vũ sự tham gia rộng rãi vào các tiến trình phân định, đặc biệt quan tâm đến sự tham gia của những người bị gạt ra ngoài lề cộng đồng Kitô giáo và xã hội.

83. Lắng nghe Lời Chúa là điểm khởi đầu và tiêu chuẩn của mọi sự phân định của Giáo hội. Thật vậy, Kinh Thánh chứng thực rằng Thiên Chúa đã nói với Dân Người, đến mức ban cho chúng ta Chúa Giêsu là sự viên mãn của mọi Mặc khải (xem DV 2), và Kinh thánh chỉ ra những nơi chúng ta có thể lắng nghe giọng nói của Người. Thiên Chúa giao tiếp với chúng ta trước hết trong phụng vụ, vì chính Chúa Kitô nói “khi Sách Thánh được đọc trong Giáo Hội” (SC 7). Thiên Chúa phán qua Truyền Thống sống động của Giáo Hội, huấn quyền của Giáo Hội, việc suy niệm Kinh Thánh của cá nhân và cộng đồng và việc thực hành lòng đạo đức bình dân. Thiên Chúa tiếp tục tỏ mình qua tiếng kêu của người nghèo và những biến cố trong lịch sử nhân loại. Một lần nữa, Thiên Chúa giao tiếp với Dân Người qua các yếu tố của sáng thế, mà chính hiện hữu của nó nhắc tới hành động của Đấng Tạo Hóa và được lấp đầy bởi sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, Đấng ban sự sống. Cuối cùng, Thiên Chúa cũng lên tiếng trong lương tâm cá nhân của mỗi người vốn là “cốt lõi bí mật nhất và là cung thánh của con người, nơi con người thấy mình ở một mình với Thiên Chúa, giọng nói của nó vang vọng trong những tầng sâu thẳm của họ” (GS 16). Sự phân định của Giáo Hội đòi hỏi sự phân định liên tục việc chăm sóc và đào tạo lương tâm cũng như sự trưởng thành của cảm thức đức tin, để không bị xao lãng tại bất cứ nơi nào Thiên Chúa nói và gặp gỡ Dân Người.

84. Các bước phân định của Giáo Hội có thể được trình bày theo nhiều cách khác nhau, tùy theo địa điểm và truyền thống. Cũng trên cơ sở kinh nghiệm đồng nghị, có thể xác định một số yếu tố chính không thể thiếu:

- a) sự trình bày rõ ràng về đối tượng của sự phân định và việc cung cấp thông tin và công cụ đầy đủ để hiểu nó;
- b) thời gian thuận tiện để chuẩn bị bằng việc cầu nguyện, lắng nghe Lời Chúa và suy gẫm về chủ đề này;
- c) Một thiên hướng tự do trong nội bộ đối với lợi ích của chính mình, cả cá nhân lẫn nhóm, cam kết tìm kiếm lợi ích chung;
- d) chăm chú và tôn trọng lắng nghe lời nói của mọi người;
- e) việc tìm kiếm sự đồng thuận rộng rãi nhất có thể, điều này sẽ xuất hiện thông qua những gì “làm tâm hồn bừng bừng” nhiều nhất (xem Lc 24:32), không che giấu những xung đột và không tìm kiếm sự thỏa hiệp ở bình diện thấp nhất;
- f) việc xây dựng bởi những người dẫn đầu diễn trình đạt được sự đồng thuận và trình bày cho tất cả những người tham gia, để họ có thể bày tỏ liệu họ có nhận ra mình trong đó hay không.

Trên nền tảng của sự phân định, quyết định thích hợp sẽ chín mùi đòi hỏi sự tuân theo của mọi người, ngay cả khi ý kiến của một người chưa được chấp nhận và một thời gian tiếp nhận trong cộng đồng, một điều có thể dẫn đến việc kiểm tra và đánh giá tiếp theo.

85. Việc biện phân luôn diễn ra trong một bối cảnh cụ thể, mà các tính phức tạp và đặc thù của nó cần được nắm vững một cách trọn vẹn bao nhiêu có thể. Để sự phân định có tính “Giáo hội” một cách hữu hiệu, cần phải sử dụng những phương tiện cần thiết, trong đó, việc chú giải thỏa đáng các bản văn Kinh thánh, chẳng hạn như giúp giải thích và hiểu chúng bằng cách tránh các cách tiếp cận phiến diện hoặc cực đoan; một sự hiểu biết về các Giáo phụ, về Truyền thống và về các giáo huấn của thẩm quyền, tùy theo mức độ thẩm quyền khác nhau của chúng; sự đóng góp của những các khoa thần học

khác nhau; những đóng góp của khoa học nhân văn, lịch sử, xã hội và hành chính, mà nếu không có chúng, ta không thể biết một cách nghiêm túc bối cảnh trong đó và theo đó việc biện phân diễn ra.

86. Trong Giáo hội có rất nhiều cách tiếp cận và phương pháp phân định được thiết lập rất tốt. Sự đa dạng này là một sự phong phú: với sự thích ứng phù hợp với các bối cảnh khác nhau, nhiều cách tiếp cận có thể mang lại hiệu quả. Xuất phát từ sứ mệnh chung, điều quan trọng là bước vào một cuộc đối thoại thân tình, không đánh mất những điểm chuyên biệt của mỗi người và không cứng nhắc cố định trong cách tiến hành của nó. Trong các Giáo hội địa phương, bắt đầu từ các cộng đồng giáo hội và giáo xứ nhỏ, điều thiết yếu là cung cấp các cơ hội đào tạo nhằm truyền bá và nuôi dưỡng nền văn hóa biện phân của Giáo Hội để truyền giáo, đặc biệt đối với những người giữ vai trò có trách nhiệm. Điều quan trọng không kém là quan tâm đến việc huấn luyện những bạn đồng hành hoặc người hỗ trợ, những người mà sự đóng góp của họ thường rất quan trọng trong việc thực hiện các tiến trình biện phân.

Cấu trúc của diễn trình ra quyết định

87. Trong Giáo hội đồng nghị, “toàn thể cộng đồng, trong sự đa dạng tự do và phong phú của các thành viên, được triệu tập để cầu nguyện, lắng nghe, phân tích, đối thoại, phân định và tư vấn trong việc thực hiện các quyết định” (ITC, n. 68) cho việc truyền giáo. Cố vũ việc tham gia rộng rãi nhất có thể vào mọi việc dân Chúa trong diễn trình đưa ra quyết định là cách hiệu quả nhất để cố vũ một Giáo hội đồng nghị.

Thực thể, nếu đúng là tính đồng nghị xác định *modus vivendi et operandi* [phương cách sống và hoạt động] vốn là đặc tính của Giáo hội, đồng thời chỉ ra một thực hành thiết yếu trong việc hoàn thành sứ mệnh của nó: biện phân, đạt được sự đồng thuận, quyết định thông qua việc thực hiện các cơ cấu và các tổ chức của tính đồng nghị.

88. Cộng đoàn môn đệ được Chúa triệu tập và sai đi không phải là một chủ thể độc dạng và vô định hình. Đó là Thân Thể của Người với nhiều chi thể khác nhau, một chủ thể cộng đồng lịch sử trong đó Nước Thiên Chúa xuất hiện như một “hạt giống và khởi đầu” để phục vụ cho sự xuất hiện của Nước Thiên Chúa trong toàn thể gia đình nhân loại (xem LG 5). Các Giáo phụ đã suy tư về bản chất hiệp thông của sứ mệnh dân Chúa thông qua ba điều nihil sine [không gì nếu không]: “không có gì nếu không có Giám mục” (Thánh Inhaxiô thành An-ti-ô-ki-a, Thư gửi Tralles, 2.2), “không có gì nếu không có lời khuyên của các Trưởng lão, không có gì nếu không có sự đồng ý của người dân” (Thánh Cyprianô thành Carthage, Thư 14.4). Nơi nào luận lý nihil sine này bị phá vỡ, căn tính của Giáo Hội bị lu mờ và sứ mệnh của Giáo hội bị ức chế.

89. Cam kết cố vũ sự tham gia trên cơ sở đồng trách nhiệm dị biệt hóa thuộc khuôn khổ giáo hội học này. Mỗi thành viên của cộng đồng phải được tôn trọng, đánh giá cao khả năng và năng khiếu của mình trong viễn ảnh đưa ra quyết định chung. Các hình thức trung gian định chế cần thiết ít nhiều được lên cấu trúc ít hay nhiều trong mối tương quan với quy mô của cộng đồng. Luật lệ hiện hành đã quy định về các cơ quan tham gia ở các bình diện khác nhau, điều này sẽ được tài liệu đề cập sau.

90. Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của nó, điều có vẻ thích hợp là suy gẫm về sự khớp nối của các diễn trình ra quyết định. Việc vừa nói thường bao gồm giai đoạn xử lý hoặc hướng dẫn “nhờ công việc phân định, tham vấn và hợp tác chung” (ITC, số 69), vốn thông tri và hỗ trợ cho việc ra quyết định tiếp theo, một trách nhiệm của cơ quan có năng quyền. Không có sự cạnh tranh hay tương phản giữa hai giai đoạn, nhưng với sự khớp nối chúng, chúng góp phần bảo đảm điều này: các quyết định được đưa ra là kết quả của sự vâng phục của mọi người đối với những gì Chúa muốn cho Giáo hội của Người. Vì lý do này, cần phải cố vũ các thủ tục nhằm làm cho hữu hiệu tính hỗ tương qua lại giữa cộng đồng và những người chủ trì, trong bầu không khí cởi mở với Chúa Thánh Thần và tin tưởng lẫn nhau, để tìm kiếm sự đồng thuận có thể nhất trí. Diễn trình này cũng phải bao gồm giai đoạn thực hiện quyết định và đánh giá quyết định đó, trong đó chức năng của các chủ thể tham gia, một lần nữa, được khớp nối với các phương thức mới.

91. Có những trường hợp luật lệ hiện hành quy định rằng, trước khi đưa ra quyết định, thẩm quyền có nghĩa vụ thực hiện việc tham vấn. Thẩm quyền mục vụ có nhiệm vụ lắng nghe những người tham gia vào cuộc tham vấn và do đó, không còn có thể hành động như thể không lắng nghe họ. Do đó, những người có thẩm quyền sẽ không đi trệch khỏi các hoa trái của một tham vấn tuy tạo ra sự nhứt trí nhưng không có lý lẽ thuyết phục (xem Bộ Giáo luật, điều 127, § 2, 2°; Bộ Giáo luật các Giáo hội Đông phương điều 934, § 2, 3°). Như trong bất cứ cộng đồng nào sống theo công lý, trong Giáo Hội, việc thực thi thẩm quyền không hề ở việc áp đặt một ý chí độc đoán. Bằng nhiều cách thức khác nhau trong đó nó được thực thi, nó luôn phục vụ sự hiệp thông và chấp nhận sự thật của Chúa Kitô, trong đó và hướng tới đó, Chúa Thánh Thần hướng dẫn chúng ta trong những thời điểm và bối cảnh khác nhau (xem Ga 14:16).

92. Trong một Giáo hội đồng nghị, thẩm quyền ra quyết định của Giám mục, của Hiệp đoàn Giám mục và của Giám mục Rôma là không thể chuyển nhượng, vì nó bắt nguồn từ cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập để phục vụ sự hiệp nhất và tôn trọng sự đa dạng hợp pháp (xem LG13). Tuy nhiên, nó không phải là vô điều kiện: một định hướng xuất hiện trong diễn trình tham vấn như kết quả của sự phân định đúng đắn, đặc biệt nếu được thực hiện bởi các cơ quan tham gia, là không thể bỏ qua. Do đó, điều không thích đáng là đặt các yếu tố tham khảo và nghị bàn (deliberation) liên hệ tới việc đạt tới một quyết định ở thể đối lập nhau: trong Giáo hội việc nghị bàn diễn ra với sự giúp đỡ của mọi người và không bao giờ lại không có những người mà việc cai quản mục vụ của họ cho phép họ tiếp nhận một quyết định theo chức vụ của họ. Vì lý do này, công thức tái diễn trong Bộ Giáo luật nói đến việc bỏ phiếu "chỉ mang tính tư vấn" (*tantum Consultivum*), cần được xem xét lại để loại bỏ những điểm mơ hồ có thể xảy ra. Do đó, việc xem ra thích đáng là duyệt lại các chuẩn mực giáo luật theo phương thức đồng nghị, nhằm làm rõ cả sự khác biệt cũng như sự khớp nối giữa tham vấn và nghị bàn và làm sáng tỏ trách nhiệm của những người tham gia vào diễn trình ra quyết định ở các chức năng khác nhau.

93. Quan tâm đến sự phát triển có trật tự và có trách nhiệm rõ ràng đối với những người tham gia là những yếu tố quan trọng mang lại hiệu quả cho diễn trình ra quyết định theo cách dự tính ở đây :

a) Một cách riêng, tùy thuộc thẩm quyền là việc xác định rõ ràng đối tượng của việc tham vấn và nghị bàn cũng như người chịu trách nhiệm đưa ra quyết định; xác định những người cần được tư vấn, cũng dựa trên các năng quyền chuyên biệt hoặc việc can dự vào vấn đề này; đảm bảo rằng tất cả những người tham gia có quyền truy cập một cách hữu hiệu vào các thông tin liên quan để họ có thể hình thành các ý kiến được cân nhắc kỹ lưỡng của riêng họ;

b) những người bày tỏ ý kiến của mình trong một cuộc tư vấn, với tư cách cá nhân hoặc theo tư cách thành viên của một tập thể, có trách nhiệm: đưa ra ý kiến chân thành và trung thực, khoa học và hợp lương tâm; tôn trọng tính bảo mật của thông tin nhận được; đưa ra một cách trình bày rõ ràng quan điểm của mình, xác định những điểm chính, để thẩm quyền, nếu quyết định khác với ý kiến nhận được, có thể giải thích họ đã xét đến điều này trong khi nghị bàn;

c) một khi thẩm quyền có năng quyền đã ra quyết định, sau khi đã tôn trọng diễn trình tham vấn và bày tỏ rõ ràng lý do của nó, mọi người, vì mỗi dây hiệp thông hiệp nhất những người đã được Rửa tội, phải tôn trọng quyết định đó và thực thi nó, ngay cả khi nó không phù hợp với quan điểm của mình mà không ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia một cách trung thực vào giai đoạn đánh giá.

Luôn luôn vẫn có khả năng khiếu nại lên thẩm quyền cao hơn theo những cách thức được luật lệ quy định.

94. Việc thực thi đúng đắn và kiên quyết các tiến trình ra quyết định theo lối đồng nghị sẽ góp phần vào sự tiến bộ của dân Chúa theo viễn ảnh tham gia, đặc biệt thông qua các hòa giải định chế được quy định bởi giáo luật, đặc biệt là các cơ quan tham gia. Không có những thay đổi cụ thể trong ngắn hạn, viễn kiến về một Giáo hội đồng nghị sẽ không đáng tin cậy và điều này sẽ khiến các thành viên dân Chúa xa rời con đường đồng nghị mà họ từng rút tỉa được sức mạnh và hy vọng. Tùy thuộc các giáo hội địa phương tìm ra những cách thích hợp để thực thi những thay đổi này.

Minh bạch, trách nhiệm giải trình, đánh giá

95. Việc ra quyết định không kết thúc diễn trình phân định. Nó phải đi kèm và tiếp theo là thực hành giải trình và đánh giá, trên tinh thần minh bạch được linh hứng từ các tiêu chuẩn Tin Mừng. Giải trình thừa tác vụ của mình với cộng đồng là truyền thống cổ xưa nhất, có từ thời Giáo hội Tông đồ. Chương 11 của Công vụ Các Tông Đồ cho ta một điển hình về điều này: Khi Phêrô trở về Giêrusalem sau khi rửa tội cho Cóc-nê-li-ô, một người ngoại giáo, «Các tín hữu được cất bị khiển trách ngài rằng: “Ông đã vào nhà những người không được cất bị và ông ăn chung với họ!” (Cv 11:2-3). Phêrô đáp lại bằng một câu chuyện giải trình lý do cho hành động của mình.

96. Đặc biệt, liên quan đến tính minh bạch, nhu cầu xuất hiện cần làm sáng tỏ về ý nghĩa của nó bằng cách nối kết nó với một loạt các thuật ngữ như sự thật, lòng trung thành, sự rõ ràng, trung thực, liêm chính, mạch lạc, bác bỏ sự mờ ám, đạo đức giả và mơ hồ, không có động cơ thầm kín. Mỗi phúc Tin Mừng của người có tâm hồn trong sạch (xem Mt 5:8), mệnh lệnh phải “đơn sơ như chim bồ câu” (Mt 10:16), và lời của Tông Đồ Phaolô đã được nhắc lại: “chúng tôi khước từ những cách hành động âm mưu, đáng xấu hổ, và không dùng mưu mô mà xử trí, cũng chẳng xuyên tạc lời Thiên Chúa; nhưng chúng tôi giải bày sự thật, và bằng cách đó, chúng tôi để cho lương tâm mọi người phê phán trước mặt Thiên Chúa chúng tôi đã từ chối giả vờ đáng xấu hổ, không hành xử xảo quyệt hoặc xuyên tạc lời Chúa, nhưng công khai loan báo sự thật và trình diện trước lương tâm mỗi người, trước sự chứng kiến của Thiên Chúa” (2 Cr 4:2). Do đó, họ đã nhắc đến một thái độ cơ bản, bắt nguồn từ Sách Thánh, chứ không phải là một loạt các thủ tục hay đòi hỏi hành chính hoặc quản lý.

Tính minh bạch, theo nghĩa đúng đắn của Tin Mừng, không làm tổn hại đến sự tôn trọng tính tư riêng và bí mật, bảo vệ con người, nhân phẩm và các quyền của họ thậm chí cả trong các khiếu nại không chính đáng của chính quyền dân sự. Tuy nhiên, tính tư riêng không bao giờ có thể biện minh những thực hành trái ngược với Tin Mừng hoặc trở thành cái cớ để qua mặt hoặc che giấu những hành động để chống lại cái ác. Dù sao, liên quan đến bí mật tòa giải tội, “án tín bí tích là tối cần và không có quyền lực con người nào có quyền tước đoạt hoặc đưa ra bất cứ yêu sách nào chống lại nó” (Đức Phanxicô, *Bài phát biểu với những người tham gia Khóa XXX về Tòa Trong do Tòa Ân Giải tổ chức*, ngày 29 tháng 3 năm 2019).

97. Thái độ minh bạch, theo nghĩa vừa nêu, cấu thành một cách bảo vệ sự tín thác và tính khả tín mà một Giáo hội đồng nghị, lưu ý tới các mối liên hệ, không thể có nếu không có nó. Khi lòng tin bị xâm phạm, những người yếu đuối nhất và dễ bị tổn thương nhất phải gánh chịu hậu quả. Nơi nào Giáo hội được tin tưởng, thực hành minh bạch, giải trình và đánh giá góp phần củng cố nó và thậm chí còn là một yếu tố quan trọng hơn trong đó độ khả tín của Giáo Hội phải được xây dựng lại. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ trẻ vị thành niên và những người dễ bị tổn thương (bảo vệ an toàn).

98. Dù sao đi nữa, những thực hành này góp phần bảo đảm sự trung thành của Giáo hội đối với sứ mệnh của chính mình. Việc thiếu vắng chúng là một trong những hậu quả của chủ nghĩa giáo sĩ trị và đồng thời thúc đẩy nó. Nó dựa trên giả định ngầm cho rằng những người có thẩm quyền trong Giáo Hội không phải giải trình về những hành động và quyết định của mình, như thể họ biệt lập hoặc đứng trên phần còn lại của Dân Thiên Chúa. Sự minh bạch và giải trình không nên chỉ được kêu gọi khi liên quan đến lạm dụng tình dục, tài chính và các hành vi lạm dụng khác. Nó cũng liên quan tới lối sống của các Mục tử, các kế hoạch mục vụ, các phương pháp truyền giảng tin mừng và những cách trong đó, Giáo hội tôn trọng phẩm giá của con người, chẳng hạn liên quan đến điều kiện làm việc trong các định chế của mình.

99. Nếu Giáo hội đồng nghị muốn được chào đón, việc giải trình phải trở thành thực hành bình thường ở mọi bình diện. Tuy nhiên, những người có vai trò quyền lực có trách nhiệm lớn hơn trong phương diện này và được kêu gọi giải trình với Thiên Chúa và Dân Người. Nếu trong nhiều thế kỷ thực hành giải trình với bề trên đã được duy trì thì chiều kích giải trình mà thẩm quyền được kêu gọi cung ứng cho cộng đồng phải được khôi phục. Các định chế và thủ tục được củng cố trong kinh nghiệm đời sống thánh hiến (như tu nghị, các cuộc viếng thăm theo giáo luật, v.v.), có thể là một

nguồn gây cảm hứng về khía cạnh này.

100. Các cơ cấu và hình thức đánh giá thường xuyên cung cách trong đó các trách nhiệm thừa tác thuộc mọi loại được thực hiện cũng tỏ ra cần thiết. Việc đánh giá không cấu thành một phán xét về con người: đúng hơn, nó cho phép chúng ta làm nổi bật những khía cạnh và lĩnh vực tích cực có thể cải thiện trong các hành động của những người có trách nhiệm thừa tác và giúp Giáo hội học hỏi kinh nghiệm, điều chỉnh lại các kế hoạch hành động và luôn chú ý đến tiếng nói của Chúa Thánh Thần, tập trung sự chú ý vào kết quả của các quyết định liên quan đến sứ mệnh.

101. Ngoài việc tuân theo những gì đã được các quy tắc giáo luật dự kiến về các tiêu chuẩn và các cơ chế kiểm soát, các Giáo hội địa phương, và đặc biệt là các nhóm của họ, có trách nhiệm xây dựng một cách đồng nghị các hình thức và thủ tục giải trình và đánh giá hữu hiệu và phù hợp với tính đa dạng của bối cảnh, bắt đầu từ khuôn khổ pháp lý dân sự, những kỳ vọng chính đáng của xã hội và sự sẵn có thực tế của chuyên môn liên quan. Trong công việc này phải dành ưu tiên cho các phương pháp đánh giá có sự tham gia, nâng cao kỹ năng của những người, đặc biệt các giáo dân, những người thường quen thuộc hơn với các diễn trình giải trình và đánh giá và thực hành một việc phân định các thực hành tốt vốn có sẵn trong xã hội dân sự địa phương, điều chỉnh chúng cho phù hợp bối cảnh giáo hội. Cách trong đó việc giải trình và đánh giá được thực hiện ở bình diện địa phương nằm trong phạm vi báo cáo được trình bày trong các chuyên thăm ad limina.

102. Đặc biệt, dưới những hình thức phù hợp với những bối cảnh khác nhau, dường như cần phải đảm bảo ít nhất:

a) việc vận hành hữu hiệu của các Hội đồng Kinh tế;

b) sự tham gia hữu hiệu của dân Chúa, đặc biệt là những thành viên có năng lực nhất, trong việc lập kế hoạch mục vụ và kinh tế;

c) việc chuẩn bị và xuất bản (phù hợp với bối cảnh địa phương và khả năng tiếp cận hữu hiệu) báo cáo tài chính hàng năm, nếu có thể, được chứng nhận bởi kiểm toán viên bên ngoài, những người làm cho việc quản lý tài sản và nguồn tài chính của Giáo hội và các định chế của nó được minh bạch;

d) việc chuẩn bị và công bố báo cáo hàng năm về việc thực hiện sứ mệnh, trong đó cũng bao gồm một minh họa về các sáng kiến được thực hiện trong lĩnh vực bảo vệ an toàn (bảo vệ trẻ vị thành niên và những người dễ bị tổn thương) và thúc đẩy khả năng tiếp cận của giáo dân ở các vị trí quyền lực và sự tham gia của họ vào diễn trình ra quyết định, xác định tỷ lệ liên quan đến giới tính;

e) Các thủ tục đánh giá định kỳ việc thực hiện của mọi thừa tác vụ, vai trò trong Giáo Hội.

Chúng ta cần nhận ra rằng đây không phải là một cam kết bàn giấy như một mục đích ở trong nó, mà là một nỗ lực thông đạt được chứng minh là một phương tiện giáo dục mạnh mẽ về phương diện thay đổi văn hóa, cũng như cho phép nhiều sáng kiến có giá trị vốn là trách nhiệm của Giáo hội và các định chế của nó, thường bị che giấu được hiển thị rõ ràng hơn.

Các cơ quan đồng nghị và tham gia

103. Sự tham gia của những người đã được Rửa tội vào diễn trình đưa ra quyết định, cũng như các thực hành giải trình và đánh giá được thực hiện thông qua trung gian định chế, trước hết thông qua mọi cơ quan tham gia mà giáo luật đã quy định ở bình diện Giáo hội địa phương. Trong Giáo hội Latinh đó là: Thượng hội đồng giáo phận (xem CIC, điều 466), Hội đồng linh mục (xem CIC, điều 500, § 2), Hội đồng Mục vụ Giáo phận (xem CIC, điều 514, § 1), Hội đồng Mục vụ hội đồng giáo xứ ((xem CIC, điều 536), hội đồng giáo phận và giáo xứ về các vấn đề kinh tế (xem CIC, điều 493 và 537). Trong các Giáo Hội Công Giáo Đông phương, đó là: Hội đồng giáo phận (xem CCEO, điều 235 tt.), Hội đồng Giáo phận về các vấn đề kinh tế (xem CCEO, điều 262tt.), Hội đồng linh mục (CCEO điều 264), Hội đồng mục vụ giáo phận (CCEO điều 272 tt.), các hội đồng giáo xứ (xem CCEO điều

295). Các thành viên là một phần của nó dựa trên vai trò giáo hội của họ theo các trách nhiệm dị biệt hóa nhiều cách khác nhau (các đặc sủng, thừa tác vụ, kinh nghiệm hoặc chuyên môn, v.v.). Mỗi cơ phận này tham gia vào việc phân định cần thiết cho việc rao giảng Tin Mừng theo lối hội nhập văn hóa, sứ mệnh của cộng đồng trong môi trường riêng của nó và chứng từ của những người đã được rửa tội tạo nên nó. Nó cũng góp phần vào diễn trình ra quyết định theo các hình thức đã được thiết lập và tạo thành một khuôn khổ cho việc giải trình và đánh giá, ngược lại, phải đánh giá và giải trình các hành động của chính mình. Các cơ quan tham gia tạo thành một trong những lĩnh vực hứa hẹn nhất để hành động cho việc thực thi nhanh chóng các xu hướng đồng nghị, dẫn đến những thay đổi có thể tri nhận một cách nhanh chóng.

104. Một Giáo hội đồng nghị dựa trên sự hiện hữu, tính hiệu năng và sức sống hữu hiệu, chứ không những trên danh nghĩa của các cơ quan tham gia mà còn trên cả chức năng của chúng phù hợp với các quy định giáo luật hoặc phong tục hợp pháp và tôn trọng các quy chế và các quy định chi phối chúng. Vì lý do này, chúng phải có tính bắt buộc, theo yêu cầu, trong tất cả các giai đoạn của tiến trình đồng nghị, và nên có khả năng thi hành đầy đủ vai trò của mình, không theo cách hoàn toàn mang tính hình thức, nhưng theo cách phù hợp với các bối cảnh địa phương khác nhau.

105. Hơn nữa, can thiệp vào việc vận hành của các cơ quan này là điều thích đáng, bắt đầu với việc áp dụng phương pháp làm việc đồng nghị. Đàm đạo trong Chúa Thánh Thần với những điều chỉnh thích hợp, có thể tạo thành một điểm tham chiếu. Phải đặc biệt chú ý tới cách thức bổ nhiệm thành viên. Khi không dự ứng được một cuộc bầu cử, nên tổ chức cuộc tham vấn đồng nghị cho thấy càng nhiều càng tốt thực tại của cộng đồng hoặc Giáo hội địa phương và thẩm quyền nên tiến hành việc bổ nhiệm trên cơ sở kết quả của nó, tôn trọng sự khập nói giữa tham vấn và nghị bàn như đã mô tả ở trên. Cũng cần phải dự liệu điều này: các thành phần của Hội đồng mục vụ giáo phận và giáo xứ có quyền đề nghị các chủ đề để đưa vào chương trình nghị sự, tương tự như những gì xảy ra với các thành viên của Hội đồng Linh mục.

106. Thành phần các cơ quan tham gia đòi có sự lưu ý bình đẳng, để khuyến khích sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ, giới trẻ và những người sống trong tình trạng nghèo đói hoặc bị gạt ra ngoài lề xã hội. Hơn nữa, điều cần thiết là những cơ quan này phải bao gồm những người đã được rửa tội dân thân làm chứng đức tin trong những thực tại bình thường của cuộc sống và trong các năng động tính xã hội, với khuynh hướng tông đồ và truyền giáo được công nhận, chứ không phải chỉ những người tham gia vào việc tổ chức cuộc sống và dịch vụ trong cộng đồng. Bằng cách này, việc phân định của Giáo hội sẽ được hưởng lợi từ sự cởi mở hơn, khả năng phân tích thực tại và có nhiều các quan điểm khác nhau hơn. Dựa trên nhu cầu của các bối cảnh khác nhau, điều rất có thể phù hợp là dự liệu việc tham gia của các đại diện của các Giáo hội và Cộng đồng Kitô giáo khác, tương tự như những gì xảy ra tại Thượng Hội đồng, hoặc của các đại diện các tôn giáo khác có mặt tại lãnh thổ. Các Giáo hội địa phương và các nhóm của họ có thể dễ dàng ấn định một số tiêu chuẩn về thành phần của các cơ quan tham gia phù hợp với từng bối cảnh.

107. Phiên Hợp này đặc biệt chú ý đến các trải nghiệm cải cách và các thực hành tốt đẹp đã có sẵn, chẳng hạn như việc thành lập mạng lưới các hội đồng mục vụ ở bình diện các cộng đồng cơ sở, các giáo xứ và khu vực, cho đến hội đồng mục vụ giáo phận. Như một mô hình tư vấn và lắng nghe, cũng có đề nghị cho rằng các phiên họp giáo hội nên được tổ chức đều đặn ở mọi bình diện, cố gắng không hạn chế việc tham vấn trong nội bộ Giáo Hội Công Giáo mà thôi, nhưng mở rộng để lắng nghe sự đóng góp của các Giáo hội và các Hiệp hội Kitô giáo khác và luôn lưu ý tới các tôn giáo trong lãnh thổ.

108. Phiên Hợp đề nghị Công đồng giáo phận và Công đồng giáo phận Đông phương được trân quý nhiều hơn như cơ quan đề Giám mục địa phương thường xuyên tham khảo ý kiến phân dân Chúa được ủy thác cho ngài, như nơi lắng nghe, cầu nguyện, biện phân, đặc biệt khi nói đến những lựa chọn liên quan đến đời sống và sứ vụ của Giáo hội địa phương. Công đồng giáo phận cũng có thể tạo nên một diễn đàn để thực hiện việc giải trình và đánh giá: trước nó, Giám mục trình bày hoạt động mục vụ trong các lĩnh vực khác nhau, việc thực hiện kế hoạch mục vụ, việc tiếp nhận các tiến trình đồng nghị của toàn thể Giáo hội, các sáng kiến bảo vệ an toàn, cũng như quản lý tài chính và hàng hóa trần thế.

Do đó, chúng tôi yêu cầu tăng cường các quy định giáo luật về phạm vi này, để phản ánh tốt hơn đặc tính đồng nghị truyền giáo của mỗi Giáo hội địa phương, dự liệu để các Công đồng giáo phận và các Công đồng giáo phận Đông phương họp thường xuyên, tuy hiện nay không quá hiếm hoi.

Phần IV - Một mẻ cá dồi dào

Sự hoán cải các mối liên kết

Các môn đệ khác đi thuyền đến, kéo theo lưới đầy cá.... Simon Phêrô lên thuyền và kéo lưới vào bờ, đầy những con cá lớn, một trăm năm mươi ba con; và mặc dù có rất nhiều, lưới không bị rách.
(Ga 21:8,11)

109. Những chiếc lưới thả theo Lời của Đấng Phục sinh đã mang lại một mẻ cá dồi dào. Tất cả các môn đệ cùng nhau làm việc, kéo lưới vào; Phêrô đóng một vai trò đặc biệt. Trong Tin Mừng, đánh cá là một hành động được thực hiện cùng nhau: mỗi người có nhiệm vụ riêng của mình, khác nhau nhưng được phối hợp với những người khác. Đây là Giáo hội đồng nghị đang hoạt động – được thành lập trên các mối liên kết hiệp thông đoàn kết chúng ta và có không gian cho tất cả mọi người và mọi nền văn hóa. Trong thời đại có sự thay đổi lớn đang diễn ra trong cách chúng ta quan niệm về những nơi mà Giáo hội bắt nguồn và hành hương, chúng ta cần vun đắp những hình thức trao đổi hồng phúc mới và mạng lưới các mối liên kết hợp nhất chúng ta. Trong điều này, chúng ta được nâng đỡ bởi thừa tác vụ của các Giám mục trong sự hiệp thông giữa các ngài và với Giám mục Rôma.

Bám rễ vững chắc nhưng vẫn là những người hành hương

110. Việc công bố Tin Mừng đánh thức đức tin trong trái tim của những người nam và người nữ và dẫn đến nền tảng của Giáo hội tại một địa điểm đặc thù. Giáo hội không thể được hiểu tách biệt khỏi nguồn gốc của nó trong một lãnh thổ chuyên biệt, trong không gian và thời gian đó, nơi diễn ra trải nghiệm chung về cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa cứu độ. Chiều kích địa phương này đối với Giáo hội của chúng ta bảo tồn sự đa dạng phong phú của các biểu thức đức tin có nền tảng trong một môi trường văn hóa và lịch sử chuyên biệt. Sự hiệp thông của các Giáo hội địa phương là biểu thức của sự hiệp nhất của các tín hữu trong một Giáo hội. Do đó, sự hoán cải theo tinh thần đồng nghị kêu gọi mỗi người mở rộng không gian của trái tim mình, trái tim là nơi đầu tiên mà tất cả các mối quan hệ của chúng ta cộng hưởng, dựa trên mối quan hệ bản thân của mỗi tín hữu với Chúa Giêsu Kitô và Giáo hội của Người. Đây là điểm khởi đầu và là điều kiện của bất cứ cải cách đồng nghị nào về mối liên kết của sự hiệp thông của chúng ta và các không gian mà chúng ta là Giáo hội. Hoạt động mục vụ không thể chỉ giới hạn trong việc chăm sóc các mối quan hệ giữa những người đã cảm thấy hòa hợp với nhau mà còn khuyến khích sự gặp gỡ giữa mọi người nam và nữ.

111. Trải nghiệm bám rễ có nghĩa là vật lộn với những thay đổi xã hội-văn hóa sâu xa đang biến đổi sự hiểu biết về địa điểm. "Địa điểm" không còn có thể được hình dung theo các thuật ngữ địa lý và không gian thuần túy nữa mà gọi lên, trong thời đại của chúng ta, sự thuộc về một mạng lưới các mối quan hệ và một nền văn hóa có nguồn gốc lãnh thổ năng động và linh hoạt hơn bao giờ hết. Đô thị hóa là một trong những yếu tố chính thúc đẩy sự thay đổi này. Ngày nay, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, phần lớn dân số hoàn cầu sống ở các thành phố. Các thành phố lớn thường là những khối đô thị không có lịch sử và bản sắc, nơi mọi người sống một cuộc sống biệt lập. Các mối liên kết lãnh thổ truyền thống đang được xác định lại, làm mờ ranh giới của các giáo phận và giáo xứ. Sống trong bối cảnh như vậy, Giáo hội được kêu gọi xây dựng lại đời sống cộng đồng, để đối diện với các thực thể vô danh và củng cố các mối quan hệ trong môi trường này. Để đạt được mục đích này, chúng ta không chỉ phải tiếp tục coi trọng các cấu trúc vẫn còn hữu ích; chúng ta cũng cần "sáng tạo truyền giáo" để

khám phá những hình thức mới của hành động mục vụ và xác định các tiến trình chăm sóc cụ thể. Vẫn còn trường hợp là bối cảnh nông thôn, một số trong đó là vùng ngoại vi hiện sinh thực sự, không được bỏ qua và cần sự quan tâm mục vụ chuyên biệt, cũng như những nơi bị gạt ra ngoài lề và bị loại trừ.

112. Vì nhiều lý do, thời đại của chúng ta được đánh dấu bằng sự gia tăng về tính di động của dân số. Người tị nạn và người di cư thường hình thành các cộng đồng năng động, bao gồm cả thực hành tôn giáo, khiến nơi họ định cư trở nên đa văn hóa. Một số người duy trì mối liên kết chặt chẽ với đất nước gốc của họ, đặc biệt là với sự trợ giúp của phương tiện truyền thông kỹ thuật số, và do đó có thể thấy khó khăn trong việc hình thành các mối quan hệ ở đất nước mới của họ; những người khác thấy mình đang sống mà không có gốc rễ. Người dân của các quốc gia đến cũng thấy việc chào đón những người mới đến là một thách thức. Tất cả đều trải qua tác động do gặp phải nguồn gốc địa lý, văn hóa và ngôn ngữ đa dạng và được kêu gọi xây dựng các cộng đồng liên văn hóa. Không nên bỏ qua tác động của hiện tượng di cư đối với đời sống của Giáo hội. Theo nghĩa này, tình hình của một số Giáo Hội Công Giáo Đông phương là biểu tượng của thực tại này, với số lượng tín hữu ngày càng tăng sống ở nơi xa xứ. Duy trì mối liên kết giữa những người bị phân tán và Giáo hội gốc của họ trong khi tạo ra những giáo hội mới tôn trọng các nguồn gốc tâm linh và văn hóa đa dạng đòi hỏi phải có những cách tiếp cận mới.

113. Sự lan truyền của văn hóa kỹ thuật số, đặc biệt rõ ràng ở những người trẻ tuổi, đang thay đổi sâu xa trải nghiệm của họ về không gian và thời gian; nó ảnh hưởng đến các hoạt động hàng ngày, thông đạt và các mối quan hệ liên bản vị, bao gồm cả đức tin. Các cơ hội mà internet cung cấp đang định hình lại các mối quan hệ, mối liên kết và ranh giới. Ngày nay, chúng ta thường cảm thấy cô đơn và bị gạt ra ngoài lề, mặc dù chúng ta kết nối nhiều hơn bao giờ hết. Hơn nữa, những người có lợi ích kinh tế và chính trị riêng có thể khai thác phương tiện truyền thông xã hội để truyền bá các ý thức hệ và tạo ra các hình thức phân cực hung hăng và thao túng. Chúng ta chưa chuẩn bị tốt cho điều này và cần dành nguồn lực để bảo đảm rằng môi trường kỹ thuật số trở thành không gian tiên tri cho sứ mệnh và lời công bố. Các Giáo hội địa phương nên khuyến khích, hỗ trợ và đồng hành với những người tham gia sứ mệnh trong môi trường kỹ thuật số. Các cộng đồng và nhóm kỹ thuật số Kitô giáo, đặc biệt là những người trẻ, cũng được kêu gọi suy gẫm về cách họ tạo ra mối liên kết gắn bó, cổ vũ gặp gỡ và đối thoại. Họ cần cung cấp sự đào tạo giữa những người đồng cấp của mình, phát triển cách thức đồng nghị để trở thành Giáo hội. Internet, được cấu thành như một mạng lưới kết nối, mang đến những cơ hội mới để sống tốt hơn chiều kích đồng nghị của Giáo hội.

114. Những phát triển xã hội và văn hóa này thách thức Giáo hội xem xét lại ý nghĩa của 'địa phương' trong cuộc sống của mình và xem xét lại các cấu trúc tổ chức của mình để chúng có thể phục vụ tốt hơn cho sứ mệnh của mình. Điều cốt yếu là phải hiểu "nơi chốn" như bối cảnh thực sự và thực tế trong đó chúng ta đến để trải nghiệm nhân tính của mình, mà không phủ nhận rằng cũng có chiều kích địa lý và văn hóa đối với điều này. Tại đây, nơi mạng lưới các mối quan hệ được thiết lập, Giáo hội được kêu gọi phát biểu tính bí tích của mình (x. LG 1) và thực hiện sứ mệnh của mình.

115. Mối quan hệ giữa nơi chốn và không gian cũng dẫn chúng ta đến việc suy gẫm về Giáo hội như "ngôi nhà". Khi không coi đó là một không gian khép kín, không thể tiếp cận, phải được bảo vệ bằng mọi giá, hình ảnh ngôi nhà gợi lên khả năng chào đón, hiếu khách và bao gồm. Chính sáng thế cũng là ngôi nhà chung của chúng ta, nơi các thành viên của một gia đình nhân loại chung sống với tất cả các loài thụ tạo khác. Cam kết của chúng ta, được Chúa Thánh Thần hỗ trợ, là bảo đảm rằng Giáo hội được coi là một ngôi nhà chào đón, một bí tích của sự gặp gỡ và cứu rỗi, một trường học hiệp thông

cho tất cả các con trai và con gái của Thiên Chúa. Giáo hội cũng là Dân Thiên Chúa bước đi với Chúa Kitô, trong đó mọi người được kêu gọi trở thành người hành hương của hy vọng. Thực hành hành hương truyền thống là một dấu hiệu của điều này. Lòng đạo đức bình dân là một trong những nơi của một Giáo hội truyền giáo đồng nghị.

116. Giáo hội địa phương, được hiểu là một giáo phận hoặc giáo phận Đông phương, là phạm vi cơ bản trong đó sự hiệp thông trong Chúa Kitô của những người đã chịu phép rửa được tỏ hiện đầy đủ nhất. Là Giáo hội địa phương, cộng đồng được tập hợp lại để cử hành Bí tích Thánh Thể do Giám mục của mình chủ trì. Mỗi Giáo hội địa phương có tổ chức nội bộ riêng, đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ với các Giáo hội địa phương khác.

117. Giáo xứ là một trong những đơn vị tổ chức chính trong Giáo hội địa phương hiện diện trong suốt lịch sử của chúng ta. Cộng đồng giáo xứ tập hợp lại để cử hành Bí tích Thánh Thể là nơi ưu tuyển của các mối quan hệ, sự chào đón, sự phân định và sứ mệnh. Những thay đổi trong cách chúng ta trải nghiệm và sống mối quan hệ của mình với địa phương đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại cách các giáo xứ được cấu hình. Điểm đặc trưng của giáo xứ là: đây là một cộng đồng không tự lựa chọn. Mọi người tập hợp ở đó từ các thế hệ, nghề nghiệp, nguồn gốc địa lý, giai cấp xã hội và địa vị khác nhau. Đáp ứng những nhu cầu mới của sứ mệnh đòi hỏi phải mở ra những hình thức hành động mục vụ mới, tính đến tính di động của con người và không gian trong đó cuộc sống của họ diễn ra. Bằng cách đặc biệt nhấn mạnh đến việc khai tâm Kitô giáo và cung cấp sự đồng hành và đào tạo, cộng đồng giáo xứ sẽ có thể hỗ trợ mọi người ở các giai đoạn khác nhau của cuộc sống trong việc hoàn thành sứ mệnh của họ trên thế giới. Theo cách này, người ta sẽ thấy rõ hơn rằng giáo xứ không tập trung vào chính mình mà hướng đến sứ mệnh. Lúc đó, giáo xứ được kêu gọi duy trì sự cam kết của rất nhiều người theo nhiều cách sống và làm chứng cho đức tin của họ thông qua nghề nghiệp của họ, trong các hoạt động xã hội, văn hóa và chính trị. Ở nhiều khu vực trên thế giới, các cộng đồng Kitô giáo nhỏ hoặc các cộng đồng giáo hội cơ bản là địa hình nơi các mối quan hệ có ý nghĩa về sự gần gũi và có đi có lại có thể phát triển mạnh mẽ, mang đến cơ hội trải nghiệm tính đồng nghị một cách cụ thể.

118. Chúng tôi nhìn nhận rằng các viện đời sống thánh hiến, các hội đời sống tông đồ, cũng như các hiệp hội, phong trào và cộng đồng mới, có khả năng bám rễ tại địa phương và đồng thời kết nối các địa điểm và môi trường khác nhau, thường ở bình diện quốc gia hoặc quốc tế. Hoạt động của họ, cùng với hoạt động của nhiều cá nhân và nhóm không chính thức, thường mang Tin Mừng đến các bối cảnh rất đa dạng: đến các bệnh viện, nhà tù, nhà dưỡng lão, trung tâm tiếp nhận người di cư, trẻ vị thành niên, những người bị thiệt thòi và nạn nhân của bạo lực; đến các trung tâm giáo dục và đào tạo, trường học và đại học nơi những người trẻ và gia đình gặp gỡ; đến các đấu trường văn hóa và chính trị và phát triển toàn diện của con người, nơi các hình thức chung sống mới được hình dung và xây dựng. Chúng tôi nhìn với lòng biết ơn cũng như đối với các tu viện, nơi tụ họp và phân định, nói về một “quá bên kia” liên quan đến toàn thể Giáo hội và chỉ đường cho Giáo hội. Giám mục hoặc giáo phận có trách nhiệm đặc biệt là làm sống động các cơ quan đa dạng này và nuôi dưỡng các mối dây hiệp nhất. Các viện và hiệp hội được kêu gọi hành động hiệp lực với Giáo hội địa phương, tham gia vào động lực của tính đồng nghị.

119. Đặt giá trị lớn hơn vào các không gian ‘trung gian’ giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ – chẳng hạn như các tỉnh giáo hội và các nhóm Giáo hội quốc gia và lục địa – có thể thúc đẩy sự hiện diện có ý nghĩa hơn của Giáo hội trong thế giới ngày nay. Tính di động và sự kết nối gia tăng làm cho ranh giới giữa các Giáo hội trở nên linh hoạt, đòi hỏi phải có sứ vụ trên một “lãnh thổ xã hội-văn hóa rộng lớn”. Sứ vụ như vậy cần đảm bảo rằng đời sống Kitô hữu “phải phù hợp với đặc điểm và

khuynh hướng của mỗi nền văn hóa” trong khi tránh mọi “chủ nghĩa đặc thù sai lầm” (AG 22).

Trao đổi hồng phúc

120. Việc chúng ta cùng nhau bước đi như những môn đệ của Chúa Giêsu tại những nơi khác nhau này, với các đặc sủng và thừa tác vụ đa dạng của chúng ta, trong khi đồng thời tham gia vào việc trao đổi hồng phúc giữa các Giáo hội, là một dấu chỉ hữu hiệu về tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa trong Chúa Kitô được đổ tràn trong Chúa Thánh Thần, Đấng đồng hành, nâng đỡ và chỉ đạo hành trình của nhân loại hướng tới Vương quốc của Thiên Chúa. Việc trao đổi hồng phúc này liên quan đến mọi khía cạnh của đời sống Giáo hội. Giáo hội hoàn thành sứ mệnh của mình bằng cách tiếp nhận và khuyến khích “sự giàu có, nguồn lực và phong tục của các dân tộc trong chừng mực chúng tốt lành; và khi tiếp nhận chúng, Giáo hội thanh tẩy, củng cố và nâng cao chúng” (LG 13). Giáo hội làm như vậy vì Giáo hội vừa được thiết lập trong Chúa Kitô như Dân Thiên Chúa từ mọi dân tộc trên trái đất và được cấu trúc một cách năng động trong sự hiệp thông của các Giáo hội địa phương, của các nhóm của họ và của các Giáo hội tự trị (*sui iuris*) trong một Giáo Hội Công Giáo. Lời khuyên của tông đồ Phêrô: “Như những người quản lý trung tín các thứ ân sủng của Thiên Chúa, anh em hãy phục vụ lẫn nhau với bất cứ ân huệ nào mà mỗi người đã nhận được” (1Pr 4:10) chắc chắn có thể áp dụng cho mỗi Giáo hội địa phương. Mỗi quan hệ giữa các Giáo Hội Công Giáo Latinh và Đông phương là một ví dụ điển hình và đầy cảm hứng về sự trao đổi ân huệ như vậy. Mỗi quan hệ này cần được hồi sinh và xem xét lại một cách đặc biệt cẩn thận do những hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi và cấp bách. Việc trao đổi hồng phúc và tìm kiếm lợi ích chung trong các khu vực địa lý xuyên quốc gia và liên văn hóa rộng lớn như Amazon, lưu vực sông Congo và Biển Địa Trung Hải đang nổi lên như một ví dụ về sự mới mẻ và hy vọng. Sự trao đổi này bao gồm cam kết đối với các vấn đề xã hội có tầm quan trọng hoàn cầu to lớn.

121. Giáo hội, cả ở bình diện địa phương lẫn nhờ sự hiệp nhất Công Giáo của mình, mong muốn trở thành một mạng lưới các mối quan hệ truyền bá và thúc đẩy một cách tiên tri một nền văn hóa gặp gỡ, công lý xã hội, hòa nhập những người bị thiệt thòi, hiệp thông giữa các dân tộc và chăm sóc trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta. Việc thực hiện cụ thể điều này đòi hỏi mỗi Giáo hội phải chia sẻ nguồn lực của mình trong tinh thần liên đới, không có chủ nghĩa cha chú hay sự phụ thuộc, tôn trọng sự đa dạng và cổ vũ sự hỗ tương lành mạnh. Điều này bao gồm, khi cần thiết, cam kết chữa lành vết thương ký ức và bước đi trên con đường hòa giải. Việc trao đổi hồng phúc và chia sẻ nguồn lực giữa các Giáo hội địa phương thuộc các khu vực khác nhau phát huy sự hiệp nhất của Giáo hội, tạo ra mối liên kết giữa các cộng đồng Kitô giáo có liên quan. Cần tập chú vào các điều kiện cần thiết để bảo đảm rằng các linh mục đến giúp đỡ các giáo hội cần giáo sĩ không chỉ cung cấp một giải pháp chức năng mà còn đại diện nguồn lực cho sự phát triển của cả Giáo hội cử họ đến và Giáo hội tiếp nhận họ. Tương tự như vậy, cần bảo đảm rằng viện trợ kinh tế không thoái hóa thành việc cung cấp phúc lợi đơn thuần, mà còn thúc đẩy tình liên đới truyền giáo đích thực và được quản lý một cách minh bạch và đáng tin cậy.

122. Việc trao đổi hồng phúc có ý nghĩa quan trọng trong hành trình hướng tới sự hiệp nhất trọn vẹn và hữu hình giữa tất cả các Giáo hội và cộng đồng Kitô giáo. Hơn nữa, nó đại diện cho một dấu hiệu hữu hiệu của sự hiệp nhất trong đức tin và tình yêu của Chúa Kitô, cổ vũ cả tính khả tín và tác động của sứ mệnh Kitô giáo (x. Ga 17:21). Thánh Gioan Phaolô II đã áp dụng biểu thức sau đây cho đối thoại đại kết: “Đối thoại không chỉ đơn thuần là trao đổi ý tưởng. Một cách nào đó, nó luôn là ‘trao đổi hồng phúc’”. (UUS 28). Những nỗ lực trước đây và đang diễn ra để nhập thể một Tin Mừng duy nhất của nhiều truyền thống Kitô giáo trong sự đa dạng của bối cảnh văn hóa, hoàn cảnh lịch sử và

thách thức xã hội - chú ý đến Lời Chúa và tiếng nói của Chúa Thánh Thần - đã tạo ra nhiều hoa trái dồi dào trong sự thánh thiện, bác ái, linh đạo, thần học, liên đới xã hội và văn hóa. Đã đến lúc phải trân trọng những sự giàu có quý giá này: với lòng quảng đại, chân thành, không có định kiến, với lòng biết ơn Chúa và với sự cởi mở lẫn nhau, trao tặng cho nhau mà không cho rằng chúng là tài sản độc quyền của chúng ta. Gương mẫu của các vị thánh và chứng nhân đức tin từ các Giáo hội và Cộng đồng Kitô giáo khác cũng là một hồng phúc mà chúng ta có thể nhận được, bao gồm cả việc lòng lễ kính nhớ các ngài- đặc biệt là lễ kính nhớ các vị tử đạo - vào lịch phụng vụ của chúng ta.

123. Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đại Imam của Al-Azhar, Ahmed Al-Tayyeb, đã tuyên bố cam kết áp dụng “một nền văn hóa đối thoại như con đường; hợp tác lẫn nhau như quy tắc ứng xử; hiểu biết lẫn nhau như phương pháp và tiêu chuẩn” trong Văn kiện về *Tình huynh đệ nhân loại vì Hòa bình thế giới và Chung sống*, được ký tại Abu Dhabi vào ngày 4 tháng 2 năm 2019. Đây không phải là một khát vọng không đâu hay điều gì đó tùy chọn trên hành trình của dân Chúa trong thế giới ngày nay. Một Giáo hội đồng nghị cam kết bước đi trên con đường này cùng với những tín đồ của các tôn giáo khác và những người có niềm tin khác ở bất cứ nơi nào Giáo hội đó hiện diện. Giáo hội tự do chia sẻ niềm vui của Tin Mừng và biết ơn đón nhận những hồng phúc tương ứng của họ. Thông qua sự hợp tác này, chúng ta hướng đến mục tiêu xây dựng cùng nhau, như tất cả chị em và anh em, trong tinh thần “hoạt động và hỗ trợ lẫn nhau” (x. GS 40), công lý, liên đới, hòa bình và đối thoại liên tôn. Ở một số vùng, mọi người gặp nhau trong các cộng đồng láng giềng nhỏ bất kể họ thuộc tôn giáo nào. Những cộng đồng này tạo ra môi trường thuận lợi cho cuộc đối thoại ba chiều: cuộc sống, hành động và cầu nguyện.

Mối liên kết hiệp nhất: Các Hội đồng Giám mục và các Phiên họp Giáo hội

124. Nguyên tắc chỉ đạo của mối quan hệ giữa các Giáo hội là quan điểm hiệp thông thông qua việc chia sẻ các ân huệ. Điều này kết hợp sự chú ý đến các mối liên kết tạo nên sự hiệp nhất của toàn thể Giáo hội với sự công nhận và đánh giá cao tính đặc thù về bối cảnh của mỗi Giáo hội địa phương, cùng với lịch sử và truyền thống của họ. Phong cách đồng nghị cho phép các Giáo hội địa phương di chuyển với tốc độ khác nhau. Sự khác biệt về tốc độ có thể được coi là biểu hiện của tính đa dạng hợp pháp và là cơ hội để chia sẻ các ân huệ và làm giàu lẫn nhau. Đường chân trời chung này đòi hỏi phải phân định, xác định và cổ vũ các hoạt động cụ thể cho phép chúng ta trở thành một Giáo hội đồng nghị đang thực hiện sứ mệnh.

125. Các Hội đồng Giám mục phát biểu và thực hiện tính hợp đoàn của các Giám mục nhằm phát huy sự hiệp thông giữa các Giáo hội và đáp ứng hiệu quả hơn các nhu cầu của đời sống mục vụ. Họ là một công cụ cơ bản để tạo ra các mối liên kết, chia sẻ kinh nghiệm và các thông lệ tốt nhất giữa các Giáo hội, và để điều chỉnh đời sống Kitô giáo và việc phát biểu đức tin cho các nền văn hóa khác nhau. Với sự tham gia của toàn thể dân Chúa, họ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển tính đồng nghị. Dựa trên các kết quả của quá trình đồng nghị, chúng tôi đề xuất như sau:

a) thu thập các thành quả của các cuộc luận bàn về quy chế thần học và pháp lý của các Hội đồng Giám mục.

b) xác định chính xác phạm vi thẩm quyền về tín lý và kỷ luật của các Hội đồng Giám mục. Không làm tổn hại đến thẩm quyền của Giám mục trong Giáo hội được giao phó cho mình hoặc gây nguy hiểm cho sự hiệp nhất hoặc tính Công Giáo của Giáo hội, việc thực hiện thẩm quyền như vậy một cách hợp đoàn có thể thúc đẩy việc giảng dạy đích thực của một đức tin theo cách thích hợp và được

văn hóa hóa trong các bối cảnh khác nhau bằng cách xác định thần học phụng vụ, tín lý, kỷ luật, mục vụ và biểu thức linh đạo phù hợp (xem AG 22).

c) một quá trình đánh giá kinh nghiệm về hoạt động cụ thể của các Hội đồng Giám mục, về mối quan hệ giữa các Giám mục và với Tòa thánh để xác định các cải cách cụ thể cần thiết. Các chuyến viếng thăm *ad limina Apostolorum* có thể cung cấp những dịp thích hợp cho việc này;

d) bảo đảm rằng tất cả các giáo phận đều là một phần của một tỉnh giáo hội và của một Hội đồng Giám mục;

e) chỉ rõ rằng các quyết định do Hội đồng Giám mục đưa ra áp đặt một nghĩa vụ giáo hội cho mỗi Giám mục đã tham gia vào quyết định liên quan đến giáo phận của mình;

126. Trong tiến trình đồng nghị, bảy hội đồng giáo hội lục địa diễn ra vào đầu năm 2023 vừa là một sự đổi mới có liên quan vừa là một di sản mà chúng ta phải trân trọng. Chúng là một cách hữu hiệu để thực hiện giáo huấn của công đồng về giá trị của “mỗi khu vực xã hội-văn hóa lớn” trong việc theo đuổi “một sự thích nghi sâu sắc hơn trong toàn bộ lĩnh vực đời sống Kitô giáo” (AG 22). Để giúp họ có thể đóng góp đầy đủ hơn vào sự phát triển của một Giáo hội đồng nghị, cần phải làm rõ tình trạng thần học và giáo luật của các phiên họp giáo hội, cũng như tình trạng của các nhóm lục địa của các Hội đồng Giám mục. Đặc biệt, các Chủ tịch của các nhóm này có trách nhiệm khuyến khích và duy trì sự phát triển liên tục của tiến trình này.

127. Trong các Phiên họp Giáo hội (khu vực, quốc gia, lục địa), các thành viên thể hiện và đại diện cho sự đa dạng của dân Chúa (bao gồm các Giám mục) tham gia vào quá trình biện phân sẽ cho phép các Giám mục, một cách hợp đoàn, đưa ra các quyết định mà họ có thể đưa ra vì lý do thừa tác vụ của họ. Kinh nghiệm này chứng minh cách thức tính đồng nghị cho phép cụ thể sự tham gia của *mọi người* (Dân thánh của Chúa) và thừa tác vụ của *một số người* (Giám mục đoàn) trong quá trình ra quyết định liên quan đến sứ mệnh của Giáo hội. Chúng tôi đề xuất rằng sự phân định có thể bao gồm, theo cách phù hợp với sự đa dạng của các bối cảnh, các không gian để lắng nghe và đối thoại với các Kitô hữu khác và đại diện của các tôn giáo khác, các tổ chức công, các tổ chức xã hội dân sự và xã hội nói chung.

128. Trong các hoàn cảnh xã hội và chính trị chuyên biệt, một số Hội đồng Giám mục gặp khó khăn khi tham gia vào các phiên họp lục địa hoặc các cơ quan giáo hội siêu quốc gia. Tòa thánh có trách nhiệm hỗ trợ họ bằng cách cổ vũ đối thoại và tin tưởng lẫn nhau với các quốc gia, để họ có cơ hội tham gia với các Hội đồng Giám mục khác để có thể chia sẻ các ân huệ.

129. Để thực hiện một “sự tân quyền’ lành mạnh” (EG 16) và một sự hội nhập văn hóa đức tin hữu hiệu, không những cần phải công nhận vai trò của các Hội đồng Giám mục, mà còn phải tái khám phá ra định chế của các công đồng đặc biệt, cả cấp tỉnh lẫn toàn thể. Việc cử hành định kỳ các công đồng này là một nghĩa vụ trong phần lớn lịch sử của Giáo hội và hiện được quy định trong giáo luật của Giáo hội Latinh (xem CIC các điều 439-446). Chúng nên được triệu tập định kỳ. Thủ tục công nhận kết luận của các công đồng đặc biệt của Tòa thánh (*recognitio*) nên được cải cách để khuyến khích công bố kịp thời bằng cách chỉ định thời hạn chính xác hoặc, trong trường hợp các vấn đề hoàn toàn mang tính mục vụ hoặc kỷ luật (không liên quan trực tiếp đến các vấn đề đức tin, luân lý hoặc kỷ luật bí tích), bằng cách đưa ra một giả định pháp lý tương đương với sự đồng ý ngầm.

Việc phục vụ của Giám mục Rôma

130. Tiến trình đồng nghị cũng đã xem xét lại vấn đề về cách thức Giám mục Rôma thực hiện thừa tác vụ của mình. Tính đồng kết hợp các khía cạnh cộng đồng (*mọi người*), hợp đoàn (*một số người*) và cá nhân (*một người*) của các Giáo hội địa phương và của toàn thể Giáo hội. Dưới góc độ này, thừa tác vụ Phêrô đóng vai trò cơ bản trong động lực đồng nghị, cũng như khía cạnh cộng đồng bao gồm toàn thể dân Chúa và chiều kích hợp đoàn của thừa tác vụ giám mục (xem ITC 64).

131. Do đó, chúng ta có thể hiểu được mức độ khẳng định của Công đồng rằng “trong sự hiệp thông giáo hội, có những giáo hội địa phương hợp pháp được hưởng truyền thống riêng của họ, trong khi quyền tối thượng của tòa Phêrô vẫn còn nguyên vẹn, là tòa chủ trì sự hiệp thông bác ái phổ quát và bảo vệ những khác biệt hợp pháp trong khi vẫn quan tâm để những gì đặc thù không những không gây hại cho sự hiệp nhất mà còn dẫn đến sự hiệp nhất” (LG 13). Giám mục Rôma, nền tảng của sự hiệp nhất của Giáo hội (x. LG 23), là người bảo đảm cho tính đồng nghị: ngài là người triệu tập Giáo hội trong Thượng hội đồng và chủ trì nó, xác nhận kết quả của nó. Là người kế vị Thánh Phêrô, ngài có vai trò độc nhất trong việc bảo vệ kho tàng đức tin và luân lý, bảo đảm để các tiến trình đồng nghị hướng đến sự hiệp nhất và chứng tá. Cùng với Giám mục Rôma, Hội đồng Giám mục có vai trò không thể thay thế trong việc chấn dất toàn thể Giáo hội (x. LG 22-23) và trong việc cổ vũ tính đồng nghị trong tất cả các Giáo hội địa phương.

132. Là người bảo đảm sự hiệp nhất trong đa dạng, Giám mục Rôma bảo đảm để bản sắc của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương được bảo vệ và các truyền thống thần học, giáo luật, phụng vụ, linh đạo và mục vụ lâu đời của họ được tôn trọng. Các Giáo hội này được trang bị các cấu trúc đồng nghị luận bàn riêng của mình: Thượng hội đồng Giám mục của Giáo hội Thượng phụ, Thượng hội đồng của Giáo hội Tổng giám mục Chính (CCEO c. 102. ss., 152), Hội đồng Tỉnh (CCEO can. 137), Hội đồng các Giáo phẩm (CCEO cc. 155, § 1, 164 ss.), và cuối cùng là các Hội đồng Giáo phẩm của các Giáo hội tự trị (*sui iuris*) khác nhau (CCEO can. 322) Như các Giáo hội tự trị (*sui iuris*) hiệp thông trọn vẹn với Giám mục Rôma, họ giữ vững bản sắc Đông phương và quyền tự chủ của mình. Trong khuôn khổ của tính đồng nghị, việc cùng nhau xem xét lại lịch sử là điều thích hợp để chữa lành vết thương trong quá khứ và đào sâu cách chúng ta sống hiệp thông. Điều này có nghĩa là xem xét việc điều chỉnh các mối quan hệ giữa các Giáo Hội Công Giáo Đông phương và Giáo triều Rôma. Các mối quan hệ giữa Giáo hội Latinh và các Giáo Hội Công Giáo Đông phương phải được đặc trưng bởi sự trao đổi các ân sủng, sự hợp tác và sự làm giàu lẫn nhau.

133. Để thúc đẩy các mối quan hệ này, Phiên họp Thượng hội đồng đề nghị thành lập một Hội đồng các Thượng phụ, Tổng giám mục chính và Tổng giám mục giáo đô của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương do Đức Giáo Hoàng chủ trì, đây sẽ là biểu thức của tính đồng nghị và là công cụ thúc đẩy sự hiệp thông. Hội đồng cũng sẽ đóng vai trò là phương tiện chia sẻ di sản phụng vụ, thần học, giáo luật và linh đạo. Việc nhiều tín hữu Đông phương di cư vào các vùng của Nghi lễ Latinh có nguy cơ gây tổn hại tới bản sắc của họ. Các dụng cụ và chuẩn mực cần được phát triển để tăng cường sự hợp tác càng nhiều càng tốt giữa Giáo hội La tinh và các Giáo Hội Công Giáo Đông phương để giải quyết tình trạng này. Phiên họp Thượng hội đồng khuyến nghị đối thoại chân thành và hợp tác huynh đệ giữa các Giám mục La tinh và Đông phương, để bảo đảm việc chăm sóc mục vụ tốt hơn cho các tín hữu Đông phương không có linh mục theo nghi lễ của riêng họ và để bảo đảm, với quyền tự chủ thích hợp, sự tham gia của các Giám mục Đông phương vào các Hội đồng Giám mục.

Cuối cùng, Phiên họp đề nghị rằng Đức Thánh Cha triệu tập một Thượng hội đồng đặc biệt để thúc

đẩy việc củng cố và tái phát triển các Giáo Hội Công Giáo Đông phương.

134. Một suy tư của Thượng hội đồng về việc thực hiện thừa tác vụ Phêrô phải được thực hiện theo quan điểm của “‘tân quyền’ lãnh mạng” (EG 16) mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô và nhiều Hội đồng Giám mục mong muốn. Theo Tông hiến *Praedicate Evangelium*, sự tân quyền này có nghĩa là “giao cho các Giám mục thẩm quyền giải quyết, trong khi thực hiện ‘nhiệm vụ riêng của họ là những người dạy dỗ’ và những mục tử, những vấn đề mà họ quen thuộc và không ảnh hưởng đến sự hiệp nhất về tín lý, kỷ luật và sự hiệp thông của Giáo hội, luôn hành động với tinh thần đồng trách nhiệm là hoa trái và biểu thức của *mysterium Communions* tức Giáo hội” (PE II, 2). Để tiếp tục tiến triển theo hướng này, người ta có thể khởi xướng một nghiên cứu thần học và giáo luật có nhiệm vụ là xác định những vấn đề cần trình lên Đức Giáo Hoàng (*reservatio papalis*) và những vấn đề có thể trình lên các Giám mục trong Giáo hội hoặc nhóm Giáo hội của họ. Điều này nên được thực hiện phù hợp với Tự Sắc *Competentias quasdam decernere* gần đây (ngày 15 tháng 2 năm 2022). Văn kiện này chỉ định “một số lĩnh vực thẩm quyền liên quan đến các điều khoản của Bộ luật nhằm bảo vệ sự thống nhất kỷ luật trong Giáo hội hoàn vũ và quyền hành pháp trong các Giáo hội địa phương và các tổ chức giáo hội” trên cơ sở “động lực của sự hiệp thông giáo hội” (Lời nói đầu). Ngay cả các chuẩn mực giáo luật cũng nên được phát triển theo phong cách đồng nghị bởi những người có trách nhiệm và thẩm quyền liên quan và nên được phép chín muồi như hoa trái của sự phân định của giáo hội.

135. Tông hiến *Praedicate Evangelium* đã định hình dịch vụ của Giáo triều Rôma theo nghĩa đồng nghị và truyền giáo. Văn kiện này nhấn mạnh rằng “không được thiết lập giữa Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, nhưng phục vụ cả hai, theo các phương thức phù hợp với bản chất của mỗi bên” (PE I, 8). Việc thực hiện văn kiện này phải cổ vũ sự hợp tác lớn hơn giữa các giáo phận và khuyến khích họ lắng nghe các Giáo hội địa phương. Trước khi công bố các văn kiện chuẩn mực quan trọng, các giáo phận được khuyến khích khởi xướng một cuộc tham vấn với các Hội đồng Giám mục và với các cấu trúc tương ứng của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương. Phù hợp với lý lẽ minh bạch và trách nhiệm giải trình nêu trên, có thể hình dung ra các hình thức đánh giá công việc của Giáo triều. Đánh giá như vậy, theo quan điểm đồng nghị và truyền giáo, cũng có thể được mở rộng cho các Đại diện Giáo hoàng. Các chuyến viếng thăm *ad limina Apostolorum* là đỉnh cao của mối quan hệ giữa các Giám mục của các Giáo hội địa phương với Giám mục Rôma và những cộng sự thân cận nhất của ngài tại Giáo triều Rôma. Nhiều Giám mục mong muốn rằng cách thức tiến hành các chuyến viếng thăm này sẽ được xem xét lại để biến chúng thành cơ hội trao đổi cởi mở và lắng nghe lẫn nhau nhiều hơn. Xem xét các nền văn hóa và hậu cảnh đa dạng của họ, điều quan trọng là, vì lợi ích của Giáo hội, các thành viên của Hồng Y đoàn phải hiểu rõ hơn về nhau và thúc đẩy mối quan hệ hiệp thông giữa họ. Tính đồng nghị nên truyền cảm hứng cho sự hợp tác của họ với Thừa tác vụ Phêrô và sự phân định hợp đoàn của họ trong các mật nghị thường kỳ và bất thường.

136. Thượng hội đồng Giám mục xuất hiện như một trong những nơi rõ ràng nhất trong đó tính đồng nghị và tính hợp đoàn được thực hành. Tông Hiến *Episcopalis communio* đã biến đổi điều này từ một biến cố thành một tiến trình của Giáo hội. Thượng Hội đồng được Thánh Phaolô VI thành lập như một phiên họp các Giám mục được triệu tập để hỗ trợ Giám mục Rôma trong mối quan tâm của ngài đối với toàn thể Giáo hội. Ngày nay, được chuyển thành một tiến trình theo từng giai đoạn, nó thúc đẩy mối quan hệ thiết yếu giữa dân Chúa, Hội đồng Giám mục và Giáo hoàng. Toàn thể Dân thánh của Chúa, các Giám mục được giao phó một phần dân Chúa và Giám mục Rôma tham gia đầy đủ vào tiến trình đồng nghị, mỗi người theo chức năng riêng của mình. Sự tham gia này được tỏ hiện rõ trong thành phần đa dạng của Phiên họp Thượng Hội đồng tập hợp xung quanh Đức Giáo Hoàng, phản ánh tính Công Giáo của Giáo hội. Đặc biệt, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã giải thích, thành phần của

Phiên họp thường lệ XVI này “không chỉ là một sự kiện ngẫu nhiên. Nó thể hiện một cách thực hiện chức vụ giám mục phù hợp với Truyền thống sống động của các Giáo hội và với giáo huấn của Công đồng Vatican II” (*Diễn văn tại cuộc họp đầu tiên của Kỳ họp thứ hai của Phiên họp thường lệ thứ XVI của Thượng hội đồng giám mục*, ngày 2 tháng 10 năm 2024). Thượng hội đồng giám mục, vẫn duy trì bản chất giám mục của mình, đã thấy và sẽ có thể thấy trong tương lai qua sự tham gia của các thành viên khác của dân Chúa “hình dạng mà thẩm quyền giám mục được kêu gọi thực hiện trong một Giáo hội nhận thức rằng về bản chất là có mối quan hệ và, vì thế, có tính thượng hội đồng” (*ibid.*) vì sứ mệnh. Trong việc đào sâu bản sắc của Thượng hội đồng giám mục, điều cốt yếu là sự kết hợp giữa sự tham gia của *mọi người* (Dân thánh của Chúa), thừa tác vụ của *một số người* (Giám mục đoàn) và chủ trì của *một người* (người kế vị Thánh Phêrô) xuất hiện và được thực hiện cụ thể trong suốt quá trình thượng hội đồng và trong các Phiên họp.

137. Một trong những thành quả quan trọng nhất của Thượng hội đồng 2021-2024 là cường độ của lòng nhiệt thành đại kết. Nhu cầu tìm ra “một hình thức thực thi Quyền tối thượng [...] mở ra một tình huống mới” (UUS 95) là một thách đố cơ bản đối với cả một Giáo hội đồng nghị truyền giáo và đối với sự hiệp nhất Kitô giáo. Thượng hội đồng hoan nghênh việc công bố gần đây của Bộ Thúc đẩy sự hiệp nhất Kitô giáo *Giám mục Rôma: Quyền tối thượng và tính đồng nghị trong các cuộc đối thoại đại kết và trong các phản hồi cho Thông điệp Ut Unum Sint*, mở ra những hướng nghiên cứu sâu hơn. Tài liệu cho thấy rằng việc thúc đẩy sự hiệp nhất Kitô giáo là một khía cạnh thiết yếu trong sứ vụ của Giám mục Rôma và hành trình đại kết đã thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về điều này. Các đề nghị cụ thể mà tài liệu chứa đựng liên quan đến việc đọc lại hoặc bình luận chính thức về các định nghĩa tín điều của Công đồng Vatican I về quyền tối thượng, sự phân biệt rõ ràng hơn giữa các trách nhiệm khác nhau của Giáo hoàng, việc thúc đẩy tính đồng nghị trong Giáo hội và trong mối quan hệ của Giáo hội với thế giới và việc tìm kiếm một mô hình hiệp nhất dựa trên một giáo hội học hiệp thông mang lại triển vọng đầy hứa hẹn cho hành trình đại kết. Phiên họp Thượng hội đồng hy vọng rằng tài liệu này sẽ là cơ sở để tiếp tục suy tư với các Kitô hữu khác, “tất nhiên là cùng nhau”, về việc thực hiện Thừa tác vụ Hiệp nhất của Giám mục Rôma như một “dịch vụ yêu thương được tất cả những người liên quan công nhận” (UUS 95).

138. Sự phong phú trong việc tham gia của các Đại biểu Huynh đệ từ các Giáo hội và Cộng đồng Kitô giáo khác tại Phiên họp Thượng hội đồng mời gọi chúng tôi chú ý nhiều hơn đến các hoạt động đồng nghị của các đối tác đại kết của chúng ta, cả ở phương Đông lẫn phương Tây. Đối thoại đại kết là nền tảng để phát triển sự hiểu biết về tính đồng nghị và sự hiệp nhất của Giáo hội. Nó thúc giục chúng ta phát triển các hoạt động đồng nghị đại kết, bao gồm các hình thức tham vấn và biện phân về các vấn đề cùng quan tâm và cấp bách, như việc cử hành một Thượng hội đồng đại kết về việc truyền giảng Tin Mừng có thể là. Nó cũng mời gọi chúng ta cùng nhau chịu trách nhiệm về con người chúng ta, những gì chúng ta làm và những gì chúng ta dạy. Điều làm cho điều này trở nên khả hữu là sự hiệp nhất của chúng ta dưới một Phép Rửa duy nhất mang đến cho chúng ta động lực của sự hiệp thông, sự tham gia và sứ mệnh và mang lại sự sống cho căn tính của chúng ta là Dân Thiên Chúa.

139. Vào năm 2025, Năm Thánh, chúng ta cũng sẽ kỷ niệm Công đồng Ni-xê-a, Công đồng Chung đầu tiên, tại đó bản tuyên xưng đức tin nhằm hợp nhất mọi Kitô hữu đã được hình thành. Việc chuẩn bị và kỷ niệm chung 1700 năm biến cố này sẽ là cơ hội để đào sâu và cùng nhau tuyên xưng đức tin của chúng ta vào Chúa Kitô và đưa vào thực hành các hình thức đồng nghị giữa các Kitô hữu thuộc mọi truyền thống. Đây cũng sẽ là cơ hội để phát động các sáng kiến táo bạo cho một ngày Lễ Phục sinh chung để chúng ta có thể cử hành Lễ Phục sinh của Chúa vào cùng một ngày, như sẽ xảy ra, một

cách quan phòng, vào năm 2025. Điều này sẽ mang lại sức mạnh truyền giáo lớn hơn cho việc công bố về Người, Đấng là sự sống và ơn cứu độ của toàn thế giới.

Phần V - “Thầy cũng sai các con”

Đào tạo một Dân Môn đệ Truyền giáo

Chúa Giêsu lại nói với các ông: “Bình an cho các con. Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai các con.” Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: “Các con hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần.” (Ga 20: 21-22).

140. Vào buổi tối Phục sinh, Chúa Giêsu đã ban cho các môn đệ hồng phúc cứu rỗi là bình an của Người và biến họ thành những người chia sẻ sứ mệnh của Người. Bình an của Người tượng trưng cho sự sống viên mãn, sự hòa hợp với Thiên Chúa, với các anh chị em và với sáng thế. Sứ mệnh của Người là công bố Triều đại Thiên Chúa, trao ban cho mọi người, không có ngoại lệ, lòng thương xót và tình yêu của Chúa Cha. Cử chỉ tình tế đi kèm với lời của Đấng Phục sinh gợi nhớ đến những gì Thiên Chúa đã làm lúc ban đầu. Bây giờ, trong Phòng Tiệc Ly, với hơi thở của Chúa Thánh Thần, công trình sáng tạo mới bắt đầu: một dân tộc gồm những môn đệ truyền giáo được sinh ra.

141. Dân thánh của Thiên Chúa cần được đào tạo thích hợp để họ có thể làm chứng cho niềm vui của Tin Mừng và phát triển trong việc thực hành tính đồng nghị: trước hết, trong sự tự do của con cái Thiên Chúa theo chân Chúa Giêsu Kitô, được chiêm ngắm trong lời cầu nguyện và được nhận ra nơi những người nghèo khó. Tính đồng nghị hàm ý một nhận thức sâu sắc về ơn gọi và truyền giáo, nguồn gốc của một cách sống mới trong các mối quan hệ với giáo hội và động lực mới liên quan đến việc tham gia. Nó cũng có nghĩa là áp dụng thực hành biện phân của giáo hội và một nền văn hóa đánh giá liên tục. Những điều này không thể xảy ra nếu không đi kèm với các quá trình đào tạo tập trung. Sự đào tạo trong tính đồng nghị và phong cách đồng nghị của Giáo hội sẽ giúp mọi người nhận thức rằng những ân sủng nhận được trong Bí tích Rửa tội phải được sử dụng vì lợi ích của tất cả mọi người: chúng không thể bị che giấu hoặc không được sử dụng.

142. Việc đào tạo các môn đệ truyền giáo bắt đầu bằng và bắt nguồn từ việc Khai tâm Kitô giáo. Trong hành trình đức tin của mỗi người, có một cuộc gặp gỡ với nhiều người, nhóm và cộng đồng nhỏ đã giúp nuôi dưỡng mối quan hệ của họ với Chúa và dẫn nhập họ vào sự hiệp thông của Giáo hội: cha mẹ và các thành viên gia đình, cha mẹ đỡ đầu, giáo lý viên và nhà giáo dục, các nhà lãnh đạo phụng vụ và những người cung cấp các dịch vụ bác ái, phó tế, linh mục và chính Giám mục. Đôi khi, sau khi hành trình Khai tâm kết thúc, mối liên kết với cộng đồng yếu đi và việc đào tạo bị bỏ bê. Tuy nhiên, trở thành môn đệ truyền giáo của Chúa không phải là điều đạt được một lần và mãi mãi. Nó đòi hỏi sự hoán cải liên tục, lớn lên trong tình yêu “cho đến mức viên mãn của Chúa Kitô” (Ep 4:13) và mở lòng đón nhận các ân sủng của Chúa Thánh Thần để làm chứng sống động và vui tươi cho đức tin. Đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải khám phá lại cách Thánh Thể Chúa Nhật có tính đào tạo cho các Kitô hữu: “Sự viên mãn trong việc đào tạo của chúng ta là sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô [...]: đó không phải là một quá trình trừu tượng, trí thức, mà đúng hơn là quá trình giúp chúng ta trở thành Người” (DD 41). Đối với nhiều tín hữu, Thánh Thể Chúa Nhật là sự tiếp xúc duy nhất của họ với Giáo hội: bảo đảm để nó được cử hành theo cách tốt nhất có thể, đặc biệt chú ý đến bài giảng và “sự tham gia tích cực” (SC 14) của mọi người, là yếu tố quyết định đối với tính đồng nghị. Trong Thánh lễ, chúng ta trải nghiệm tính đồng nghị trở nên sống động trong Giáo hội như một ân sủng được nhận từ trên cao. Điều này đi trước tính đồng nghị xuất hiện như là kết quả của những nỗ lực của chính chúng ta. Dưới sự chủ tọa của một người và nhờ vào chức vụ của một số ít người, tất cả mọi

người đều có thể tham gia vào bàn tiệc kép của Lời và Bánh. Ân sủng hiệp thông, sứ mệnh và sự tham gia - ba nền tảng của tính đồng nghị - được hiện thực hóa và đổi mới trong mọi Bí tích Thánh Thể.

143. Một trong những yêu cầu xuất hiện mạnh mẽ nhất và từ mọi bối cảnh trong quá trình thượng hội đồng là việc đào tạo do cộng đồng Kitô giáo cung cấp phải toàn diện, liên tục và được chia sẻ. Việc đào tạo như vậy không chỉ nhằm mục đích đạt được kiến thức lý thuyết mà còn thúc đẩy khả năng cởi mở và gặp gỡ, chia sẻ và hợp tác, suy tư và phân định chung. Do đó, việc đào tạo phải thu hút mọi chiều kích của con người (trí tuệ, tình cảm, quan hệ và tâm linh) và bao gồm những kinh nghiệm cụ thể được đi kèm một cách thích hợp. Trong suốt quá trình thượng hội đồng, cũng có một sự nhấn mạnh rõ ràng về nhu cầu đào tạo chung và được chia sẻ, trong đó nam và nữ, giáo dân, người thánh hiến, thừa tác viên thụ phong và ứng viên cho thừa tác vụ thụ phong cùng tham gia, do đó giúp họ cùng nhau phát triển về kiến thức và lòng tôn trọng lẫn nhau và khả năng hợp tác. Điều này đòi hỏi sự hiện diện của những người đào tạo phù hợp và có năng lực, có khả năng chứng minh bằng cuộc sống của họ những gì họ truyền đạt bằng lời nói của mình. Chỉ theo cách này, việc đào tạo mới thực sự có tính sinh sôi và biến đổi. Chúng ta cũng không nên bỏ qua sự đóng góp mà các ngành sư phạm có thể thực hiện để cung cấp sự đào tạo có trọng tâm tốt, phương pháp học tập và giảng dạy của người lớn và sự đồng hành của các cá nhân và cộng đồng. Do đó, chúng ta cần đầu tư vào việc đào tạo những người đào tạo.

144. Giáo hội đã có nhiều nơi và nguồn lực để đào tạo các môn đệ truyền giáo: các gia đình, cộng đồng nhỏ, giáo xứ, hiệp hội giáo hội, chủng viện và cộng đồng tu trì, các tổ chức học thuật, cũng như các nơi phục vụ và làm việc với những người bị thiệt thòi, cũng như các sáng kiến truyền giáo và thiện nguyện. Trong mỗi lĩnh vực này, cộng đồng thể hiện khả năng giáo dục trong lãnh vực làm môn đệ và đồng hành thông qua chứng tá. Cuộc gặp gỡ này thường quy tụ những người thuộc nhiều thế hệ khác nhau, từ người trẻ nhất đến người lớn tuổi nhất. Trong Giáo hội, không ai chỉ đơn thuần nhận được sự đào tạo: mọi người đều là chủ thể tích cực và có điều gì đó để trao tặng cho người khác. Lòng đạo đức bình dân cũng là một kho tàng quý giá của Giáo hội, nơi dạy toàn thể dân Chúa trên hành trình.

145. Trong số các hoạt động đào tạo có thể hưởng lợi từ động lực mới của tính đồng nghị, cần đặc biệt chú ý đến việc dạy giáo lý để ngoài việc là một phần của hành trình khai tâm, việc dạy giáo lý còn liên tục thu hút mọi người hướng ra bên ngoài trong sứ mệnh. Các cộng đồng môn đệ truyền giáo sẽ biết cách thực hiện việc dạy giáo lý dưới dấu chỉ của lòng thương xót và đưa nó đến gần hơn với kinh nghiệm sống của mỗi người, đưa nó đến vùng ngoại vi hiện sinh mà không làm mất sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo như một điểm tham chiếu. Do đó, nó có thể trở thành một 'phòng thí nghiệm đối thoại' với những người nam và nữ trong thời đại chúng ta (xem Hội đồng Giáo hoàng về việc Cổ vũ Tân Phúc Âm hóa, *Chỉ dẫn về Giáo lý*, 54) và soi sáng cho cuộc tìm kiếm ý nghĩa của họ. Trong nhiều Giáo hội, các giáo lý viên là nguồn lực cơ bản để đồng hành và đào tạo; ở những Giáo hội khác, dịch vụ của họ phải được cộng đồng đánh giá cao và hỗ trợ tốt hơn, thoát khỏi luận lý học ủy quyền, vốn mâu thuẫn với tính đồng nghị. Lưu ý đến quy mô của hiện tượng di cư của con người, điều quan trọng là giáo lý thúc đẩy mối quan hệ sâu sắc hơn về sự quen biết lẫn nhau giữa Giáo hội gốc và Giáo hội đến.

146. Ngoài các bối cảnh và nguồn lực chuyên biệt mục vụ, cộng đồng Kitô giáo hiện diện ở nhiều nơi đào tạo khác, chẳng hạn như trong trường học, cao đẳng đào tạo nghề và đại học, cũng như nơi mọi người được đào tạo về cam kết xã hội và chính trị và trong thế giới thể thao, âm nhạc và nghệ thuật.

Bất chấp sự đa dạng của các bối cảnh văn hóa, quyết định các thực hành và truyền thống rất khác nhau, các trung tâm đào tạo lấy cảm hứng từ Công Giáo ngày càng thấy mình ở tuyến đầu của một Giáo hội luôn hướng ra bên ngoài trong sứ mệnh. Được truyền cảm hứng từ các thực hành của tính đồng nghị, chúng có thể trở thành bối cảnh màu mỡ cho các mối quan hệ thân thiện và có sự tham gia. Chúng trở thành bối cảnh làm chứng cho sự sống; trong đó, các kỹ năng và tổ chức, trên hết, do giáo dân lãnh đạo, và sự đóng góp của các gia đình được ưu tiên. Đặc biệt, các trường học và đại học Công Giáo đóng vai trò quan trọng trong cuộc đối thoại giữa đức tin và văn hóa và trong việc cung cấp giáo dục đạo đức về các giá trị, cung cấp một sự đào tạo hướng đến Chúa Kitô, biểu tượng của sự sống trọn vẹn. Do đó, chúng có khả năng cổ vũ một sự thay thế cho các mô hình thống trị thường bị thúc đẩy bởi chủ nghĩa cá nhân và cạnh tranh, do đó cũng đóng vai trò tiên tri. Trong một số bối cảnh, đây là bối cảnh duy nhất mà trẻ em và thanh thiếu niên tiếp xúc với Giáo hội. Khi được truyền cảm hứng từ đối thoại liên văn hóa và liên tôn, sự tham gia giáo dục của họ cũng được những người theo các truyền thống tôn giáo khác coi trọng như một hình thức phát triển con người.

147. Việc đào tạo chung theo tính đồng nghị cho tất cả những người đã chịu phép Rửa tạo chân trời để hiểu và thực hành việc đào tạo chuyên biệt cần thiết cho các thừa tác vụ và ơn gọi cá thể. Để điều này xảy ra, nó phải được thực hiện như một sự trao đổi các ân sủng giữa các ơn gọi khác nhau (*hiệp thông*), theo quan điểm của một dịch vụ cần thực hiện (*sứ mệnh*) và theo phong cách tham gia và giáo dục trong sự đồng trách nhiệm dị biệt hóa (*tham gia*). Yêu cầu này, xuất hiện mạnh mẽ từ quá trình đồng nghị, thường đòi hỏi một sự thay đổi mạnh mẽ về mặt não trạng và một cách tiếp cận mới đối với cả bối cảnh lẫn tiến trình đào tạo. Trên hết, nó ngụ ý một sự sẵn sàng bên trong để được làm giàu thông qua cuộc gặp gỡ với những người anh chị em trong đức tin, vượt qua những định kiến và quan điểm phe phái. Chiều kích đại kết của việc đào tạo không thể không tạo điều kiện cho sự thay đổi não trạng này.

148. Trong suốt quá trình thượng hội đồng, một yêu cầu được bày tỏ rộng rãi là việc phân định và đào tạo các ứng viên cho thừa tác vụ thụ phong được thực hiện theo cách thức đồng nghị. Cần có sự hiện diện đáng kể của phụ nữ, việc đắm chìm vào cuộc sống hàng ngày của các cộng đồng, và việc đào tạo để có thể hợp tác với mọi người trong Giáo hội và trong cách thực hành sự phân định của Giáo hội. Điều này ngụ ý một việc can đảm đầu tư năng lực vào việc đào tạo những người đào tạo. Phiên họp kêu gọi việc duyệt lại văn kiện *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis* để kết hợp các yêu cầu của Thượng Hội Đồng. Chúng nên được phiên dịch thành các hướng dẫn chính xác để đào tạo theo tính đồng nghị. Các con đường đào tạo nên đánh thức nơi các ứng viên niềm đam mê của họ đối với sứ mệnh truyền giáo cho mọi dân tộc (*ad gentes*). Việc đào tạo các Giám mục cũng cần thiết để họ có thể đảm nhận tốt hơn sứ mệnh của họ là tập hợp trong sự hiệp nhất các ân huệ của Chúa Thánh Thần và thực hiện theo cách thức đồng nghị thẩm quyền được trao cho họ. Cách thức đào tạo theo cách đồng nghị ngụ ý rằng chiều kích đại kết hiện diện trong mọi khía cạnh của con đường hướng tới các thừa tác vụ thụ phong.

149. Tiến trình thượng hội đồng đã kiên trì kéo chú ý đến một số lĩnh vực chuyên biệt trong quá trình đào tạo dân Chúa cho tính đồng nghị. Đầu tiên trong số này liên quan đến tác động của môi trường kỹ thuật số đối với các quá trình học tập, sự tập trung, nhận thức về bản thân và thể giới, và việc xây dựng các mối quan hệ liên bản vị. Văn hóa kỹ thuật số cấu thành một chiều kích quan trọng của chứng tá của Giáo hội trong nền văn hóa đương thời và là một lĩnh vực truyền giáo mới xuất hiện. Điều này đòi hỏi phải bảo đảm rằng thông điệp Kitô giáo hiện diện trực tuyến theo những cách đáng tin cậy mà không làm méo mó nội dung của nó về mặt ý thức hệ. Mặc dù phương tiện truyền thông kỹ thuật số có tiềm năng to lớn để cải thiện cuộc sống của chúng ta, nó cũng có thể gây hại và gây thương tích

thông qua bắt nạt, thông tin sai lệch, bóc lột tình dục và nghiện ngập. Các tổ chức giáo dục của Giáo hội phải giúp trẻ em và người lớn phát triển các kỹ năng phê phán để lèo lái qua mạng một cách an toàn.

150. Một lĩnh vực khác có tầm quan trọng lớn là cổ vũ trong mọi bối cảnh giáo hội một nền văn hóa bảo vệ an toàn, biến cộng đồng thành nơi an toàn hơn bao giờ hết cho trẻ vị thành niên và những người dễ bị tổn thương. Công việc trang bị cho các cơ cấu Giáo hội các quy định và thủ tục pháp lý cho phép ngăn ngừa lạm dụng và phản ứng kịp thời với hành vi không phù hợp đã bắt đầu. Cần phải tiếp tục cam kết này, cung cấp sự đào tạo chuyên biệt và thỏa đáng một cách liên tục cho những người làm việc với trẻ vị thành niên và người lớn dễ bị tổn thương để họ có thể hành động một cách có năng lực và nhận ra các tín hiệu, thường là im lặng, của những người đang gặp khó khăn và cần được giúp đỡ. Điều cần thiết là các nạn nhân được chào đón và hỗ trợ, và điều này cần được thực hiện một cách miễn cưỡng. Điều này đòi hỏi lòng nhân đạo to lớn và phải được thực hiện với sự giúp đỡ của những người có trình độ. Tất cả chúng ta phải để mình được xúc động bởi nỗi đau khổ của họ và thực hành sự gần gũi đó, thông qua những lựa chọn cụ thể, sẽ nâng đỡ họ, giúp đỡ họ và chuẩn bị một tương lai khác cho tất cả mọi người. Các tiến trình bảo vệ an toàn phải được giám sát và đánh giá liên tục. Nạn nhân và người sống sót phải được chào đón và hỗ trợ một cách rất miễn cưỡng.

151. Những mối quan tâm của học thuyết xã hội của Giáo hội, cam kết về hòa bình và công lý, chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và đối thoại liên văn hóa và liên tôn, cũng phải được chia sẻ rộng rãi hơn trong dân Chúa để hành động của các môn đệ truyền giáo có thể ảnh hưởng đến việc xây dựng một thế giới công bằng và cảm thương hơn. Cam kết bảo vệ sự sống và nhân quyền, vì trật tự đúng đắn của xã hội, vì phẩm giá của việc làm, vì một nền kinh tế công bằng và hỗ trợ, và một hệ sinh thái toàn diện là một phần của sứ mệnh truyền giáo mà Giáo hội được kêu gọi sống và hiện thân trong lịch sử.

Kết luận

Một bữa tiệc cho mọi người

Khi họ đã lên bờ, họ thấy một đồng lửa than ở đó, trên đó có cá và bánh. [...] Chúa Giêsu nói với họ, "Hãy đến và ăn sáng". Bây giờ không ai trong số các môn đệ dám hỏi Người, "Ông là ai?" vì họ biết rằng đó là Chúa. Chúa Giêsu đến, cầm lấy bánh trao cho họ, rồi cũng làm như vậy với cá. (Ga 21: 9.12.13)

152. Phép lạ mẻ cá kết thúc bằng một bữa tiệc. Đấng Phục Sinh yêu cầu các môn đệ vâng theo Lời Người, thả lưới và kéo chúng vào bờ. Tuy nhiên, chính Người là người chuẩn bị bữa tiệc và mời họ dùng bữa. Có bánh và cá cho tất cả mọi người, giống như khi Người hóa bánh ra nhiều cho đám đông đói khát. Trên hết, có sự kỳ diệu và gây say sưa trong sự hiện diện của Người, rõ ràng và sáng ngời đến nỗi không ai cần phải đặt câu hỏi. Một lần nữa ăn cùng họ, sau khi họ bỏ rơi và chối bỏ Người, Người lại mời họ hiệp thông với Người, in nơi họ dấu chỉ lòng thương xót vĩnh cửu của Người, một lòng thương xót mở ra tương lai. Những người tham gia vào Lễ Phục Sinh này sẽ tự nhận mình là: “những người đã ăn và uống với Người sau khi Người sống lại từ cõi chết.” (Công vụ 10:41).

153. Khi chia sẻ bữa ăn với các môn đệ, Chúa Phục sinh đã hoàn thành hình ảnh của tiên tri Isaia, người mà lời của ông đã truyền cảm hứng cho công việc của Thượng hội đồng: một bữa tiệc thịnh soạn và lòng lấy do Chúa chuẩn bị trên đỉnh núi, một biểu tượng của sự vui vẻ và hiệp thông dành cho tất cả mọi người (Is 25:6-8). Bữa sáng mà Chúa chuẩn bị cho các môn đệ của Người sau lễ Phục sinh là dấu chỉ cho thấy bữa tiệc cánh chung đã bắt đầu. Ngay cả khi nó chỉ tìm thấy sự trọn vẹn của nó trên Thiên đàng, bữa tiệc ân sủng và lòng thương xót đã được chuẩn bị cho tất cả mọi người. Giáo hội có sứ mệnh mang lời loan báo tuyệt vời này đến một thế giới đang thay đổi. Trong khi được nuôi dưỡng trong Bí tích Thánh Thể bởi Mình và Máu Chúa, Giáo hội nhận thức rằng mình không thể quên những người nghèo nhất, những người cuối cùng, những người bị loại trừ, những người không biết đến tình yêu và không có hy vọng, cũng như những người không tin vào Chúa hoặc không nhận ra mình trong bất cứ tôn giáo đã được thiết lập nào. Trong lời cầu nguyện của mình, Giáo hội đưa họ đến với Chúa và sau đó ra ngoài để gặp họ với sự sáng tạo và sự táo bạo được Chúa Thánh Thần linh hứng. Do đó, tính đồng nghị của Giáo hội trở thành lời tiên tri xã hội cho thế giới ngày nay, linh hứng những con đường mới trong các lĩnh vực chính trị và kinh tế, cũng như hợp tác với tất cả những ai tin vào tình hiệp thông và hòa bình trong việc trao đổi hồng phúc với thế giới.

154. Sống qua tiến trình đồng nghị, chúng ta đã đổi mới nhận thức của mình rằng ơn cứu độ được đón nhận và công bố vốn có tính quan hệ. Chúng ta cùng nhau sống và làm chứng cho ơn cứu độ đó. Lịch sử tự bộc lộ với chúng ta một cách bí ẩn với chiến tranh, sự ganh đua giành quyền lực và hàng ngàn bất công và lạm dụng. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng Chúa Thánh Thần đã đặt vào trái tim của mỗi con người lòng mong muốn các mối quan hệ đích thực và những mối liên kết thực sự. Chính sáng thế cũng nói lên sự hiệp nhất và chia sẻ, sự đa dạng và các hình thức sống đan xen qua lại nhiều cách. Mọi sự đều bắt nguồn và hướng đến sự hòa hợp, ngay cả khi bị sự dữ tàn phá. Ý nghĩa cuối cùng của tính đồng nghị là chứng tá này: Giáo hội được kêu gọi dành cho Thiên Chúa, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần sự hòa hợp của tình yêu khiến Người đổ tràn chính Người xuống, trao ban chính Người cho thế giới. Chúng ta có thể sống sự hiệp thông cứu rỗi bằng cách bước đi theo cách thức đồng nghị, trong sự đan xen giữa các ơn gọi, đặc sủng và thừa tác vụ của chúng ta, bằng cách ra đi

gặp gỡ mọi người để mang lại niềm vui Tin Mừng: sự hiệp thông với Thiên Chúa, với toàn thể nhân loại và toàn thể tạo vật. Theo cách này, nhờ sự chia sẻ này, chúng ta đã bắt đầu trải nghiệm bữa tiệc sự sống mà Thiên Chúa ban tặng cho mọi dân tộc.

155. Chúng ta trao phó kết quả của Thượng hội đồng này cho Đức Trinh Nữ Maria, người mang danh hiệu tuyệt vời là Odigitria, người chỉ đường và dẫn đường. Xin Mẹ, là Mẹ của Giáo hội, là Đấng đã giúp cộng đồng các môn đệ mới thành lập trong Phòng Tiệc Ly mở lòng mình ra với sự mới mẻ của Lễ Hiện Xuống, dạy chúng con trở thành một dân tộc gồm các môn đệ và các nhà truyền giáo cùng bước đi với nhau, trở thành một Giáo hội đồng nghị.